

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1	LPH.A 00001	Đinh Hoàng	Anh	01/09/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 01254	D380101	7.00	5.50	5.75	18.25	18.50	
2	LPH.A 00004	Hoàng Anh	Dũng	20/02/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 01257	D380101	6.75	5.50	6.75	19.00	19.00	
3	LPH.A 00005	Nguyễn Ngọc	Dũng	05/02/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 01258	D380101	6.25	5.50	4.75	16.50	16.50	
4	LPH.A 00006	Nguyễn Hải	Dương	14/01/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 01262	D380107	6.00	5.75	6.00	17.75	18.00	
5	LPH.A 00008	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	12/08/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.00. 01253	D380101	7.75	6.50	7.75	22.00	22.00	
6	LPH.A 00010	Nguyễn Mạnh	Hiệp	24/12/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 02303	D380101	3.75	5.00	3.25	12.00	12.00	
7	LPH.A 00014	Nguyễn Minh	Thắng	05/09/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 01255	D380101	7.75	6.50	7.75	22.00	22.00	
8	LPH.A 00016	Nguyễn Thùy	Trang	16/12/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01261	D380107	8.25	6.50	9.25	24.00	24.00	
9	LPH.A 00019	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/02/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.01. 00908	D380107	5.50	6.50	5.50	17.50	17.50	
10	LPH.A 00020	Đào Đức	Thịnh	21/10/96		Quận Ba Đình		3	1A.01. 00909	D380107	7.25	7.00	7.50	21.75	22.00	
11	LPH.A 00021	Nguyễn	An	15/12/96		Quận Tây Hồ		3	1A.02. 00115	D380101	6.75	6.75	6.75	20.25	20.50	
12	LPH.A 00022	Nguyễn Huy Minh	Đức	09/05/96		Quận Ba Đình		3	1A.02. 00112	D380101	5.00	5.00	4.50	14.50	14.50	
13	LPH.A 00023	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	13/10/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.02. 00109	D380101	6.75	3.50	3.50	13.75	14.00	
14	LPH.A 00025	Trương Tuấn	Ngọc	21/01/96		Quận Ba Đình		3	1A.02. 00116	D380101	7.50	7.50	7.00	22.00	22.00	
15	LPH.A 00026	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	11/08/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.02. 00114	D380101	7.25	6.00	5.75	19.00	19.00	
16	LPH.A 00027	Vũ Minh	Phương	02/05/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.02. 00113	D380101	6.50	6.75	6.75	20.00	20.00	
17	LPH.A 00029	Đặng Thành	Trung	16/11/96		Quận Ba Đình		3	1A.03. 00202		6.50	3.50	2.50	12.50	12.50	
18	LPH.A 00033	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	15/11/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.07. 00885	D380101	8.00	6.50	7.25	21.75	22.00	
19	LPH.A 00042	Dương Hồng	Dương	09/01/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.08. 02144	D380101	5.75	6.50	7.75	20.00	20.00	
20	LPH.A 00043	Vũ Quốc	Đạt	27/07/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.08. 01091	D380101	7.75	7.50	8.00	23.25	23.50	
21	LPH.A 00047	Nguyễn Thanh	Loan	05/08/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01094	D380101	3.50	2.50	2.75	8.75	9.00	
22	LPH.A 00048	Nguyễn Thành	Thái	17/10/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.08. 01087	D380101	7.25	7.25	7.75	22.25	22.50	
23	LPH.A 00050	Hoàng Thu	Thảo	20/09/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01088	D380101	7.00	3.50	3.50	14.00	14.00	
24	LPH.A 00051	Vũ Minh	Trang	02/09/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01089	D380101	8.00	6.50	7.75	22.25	22.50	
25	LPH.A 00052	Nguyễn Đức	Trung	21/06/96		Quận Đống Đa		3	1A.08. 01082	D380107	8.75	5.50	6.50	20.75	21.00	
26	LPH.A 00053	Nguyễn Tuấn	Anh	11/08/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.09. 01177	D380101	3.25	3.75	3.00	10.00	10.00	
27	LPH.A 00054	Phan Khánh	Duy	30/09/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.09. 00946	D380101	6.00	7.25	5.50	18.75	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
28	LPH.A 00057	Nguyễn Văn	Huy	29/01/96				3	1A.09. 00949	D380107	7.00	6.75	6.50	20.25	20.50	
29	LPH.A 00058	Nguyễn Hồng	Loan	06/09/95	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.10. 00179	D380107	8.00	6.25	6.25	20.50	20.50	
30	LPH.A 00060	Nguyễn Tiến	Đạt	29/06/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.11. 00860	D380101	8.00	6.75	7.00	21.75	22.00	
31	LPH.A 00062	Hoàng Huyền	Trang	14/10/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.11. 00859	D380101	7.00	6.50	4.25	17.75	18.00	
32	LPH.A 00063	Lê Cao	Viên	04/05/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.11. 00858	D380101	4.00	7.00	2.50	13.50	13.50	
33	LPH.A 00064	Nguyễn Thị Hương	Ly	21/09/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.12. 00216	D380101	6.25	5.50	5.25	17.00	17.00	
34	LPH.A 00069	Trần Hải	Ninh	12/08/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01164	D380101	6.75	6.25	8.75	21.75	22.00	
35	LPH.A 00070	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	03/10/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.13. 01166	D380101	7.00	5.50	7.25	19.75	20.00	
36	LPH.A 00071	Hoàng Thủy	Tiên	31/07/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01161	D380101	7.00	6.50	7.25	20.75	21.00	
37	LPH.A 00073	Nguyễn Duy Đức	Bản	25/09/95		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.16. 00403	D380101	6.75	4.50	6.50	17.75	18.00	
38	LPH.A 00075	Trương Thăng	Long	09/11/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.16. 00405	D380107	3.00	4.00	5.25	12.25	12.50	
39	LPH.A 00076	Trần Hồng	Phong	19/11/96		Huyện Cẩm Khê		3	1A.16. 00406	D380107	4.00	4.50	4.75	13.25	13.50	
40	LPH.A 00077	Đoàn Việt	Bảo	15/11/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.17. 00902	D380101	4.00	6.50	6.00	16.50	16.50	
41	LPH.A 00079	Nguyễn Hoài	Linh	09/01/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.17. 00901	D380101	7.00	4.00	6.50	17.50	17.50	
42	LPH.A 00081	Nguyễn Hải	Nam	09/08/96		Quận Đống Đa		3	1A.17. 00904	D380101	8.00	6.50	5.50	20.00	20.00	
43	LPH.A 00082	Trần Thanh	Quỳnh	01/02/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.17. 00903	D380101	4.00	6.75	3.75	14.50	14.50	
44	LPH.A 00083	Nguyễn Hoàng	Anh	31/12/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01250	D380101	5.00	4.50	4.25	13.75	14.00	
45	LPH.A 00084	Đặng Minh	Châu	16/04/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.18. 01262	D380107	8.00	5.50	8.50	22.00	22.00	
46	LPH.A 00086	Đỗ Việt	Dũng	10/12/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01253	D380101	7.75	7.00	4.75	19.50	19.50	
47	LPH.A 00087	Đinh Gia	Khánh	05/08/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01256	D380101	7.75	7.00	7.25	22.00	22.00	
48	LPH.A 00088	Ngô Xuân	Kỳ	05/12/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.18. 01254	D380101	8.50	8.25	6.50	23.25	23.50	
49	LPH.A 00090	Dương Trần	Minh	27/07/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.18. 01258	D380101	7.75	7.00	6.00	20.75	21.00	
50	LPH.A 00093	Nguyễn Thị	Phương	08/07/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.18. 01259	D380101	8.00	6.50	9.25	23.75	24.00	
51	LPH.A 00095	Nguyễn Gia	Quân	05/03/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01251	D380101	6.00	7.50	5.50	19.00	19.00	
52	LPH.A 00096	Đỗ Trung	Thành	27/09/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01248	D380101	5.75	6.00	7.00	18.75	19.00	
53	LPH.A 00097	Phạm Đức	Thịnh	15/08/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01255	D380101	5.00	5.50	4.25	14.75	15.00	
54	LPH.A 00102	Chu Diệu	Linh	27/03/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01202	D380101	7.50	6.00	5.25	18.75	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
55	LPH.A 00105	Bùi Trọng	Thanh	12/09/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.19. 01198	D380101	6.75	6.75	6.75	20.25	20.50	
56	LPH.A 00108	Nguyễn Đại	Dương	19/11/96		Quận Đống Đa		3	1A.20. 01016	D380101	6.50	6.50	5.75	18.75	19.00	
57	LPH.A 00110	Trịnh Quỳnh	Nga	16/09/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.20. 01020	D380101	7.00	6.00	5.50	18.50	18.50	
58	LPH.A 00112	Nguyễn Thanh	Tùng	28/02/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.20. 01015	D380101	7.50	6.50	7.75	21.75	22.00	
59	LPH.A 00113	Trần Thị	Uyên	02/01/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.20. 01019	D380101	5.50	6.50	5.75	17.75	18.00	
60	LPH.A 00121	Dương Minh	Hiệp	02/02/96		Huyện Từ Liêm		3	1A.24. 00884	D380107	5.75	5.25	6.25	17.25	17.50	
61	LPH.A 00122	Nguyễn Đức	Huy	27/12/96		Quận Ba Đình		3	1A.24. 00881	D380101	6.50	7.25	8.25	22.00	22.00	
62	LPH.A 00124	Lê Diệu	Linh	21/01/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.24. 00879	D380101	6.25	5.25	8.25	19.75	20.00	
63	LPH.A 00125	Vũ Ngọc	Quang	24/09/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.24. 00885	D380107	7.75	6.50	7.50	21.75	22.00	
64	LPH.A 00132	Vũ Hà	Phan	20/07/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.28. 00624	D380107	8.00	6.00	7.00	21.00	21.00	
65	LPH.A 00137	Nguyễn Minh	Chiến	05/03/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00936	D380101	6.50	7.75	4.75	19.00	19.00	
66	LPH.A 00139	Đỗ Quang	Huy	14/02/96		Huyện Từ Liêm		3	1A.29. 00934	D380101	8.00	6.00	7.50	21.50	21.50	
67	LPH.A 00142	Nguyễn Diệu	Linh	06/01/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00941	D380107	7.50	6.75	5.50	19.75	20.00	
68	LPH.A 00143	Trần Tú	Linh	03/06/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.29. 00938	D380101	7.00	6.00	6.25	19.25	19.50	
69	LPH.A 00144	Trịnh Tuyết	Ly	10/11/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.29. 00940	D380107	6.00	7.00	7.50	20.50	20.50	
70	LPH.A 00146	Phạm Huyền	Trang	19/12/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.29. 00937	D380101	5.50	4.75	5.25	15.50	15.50	
71	LPH.A 00151	Nguyễn Diệu	Hà	17/01/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.30. 01239	D380107	7.50	6.50	7.50	21.50	21.50	
72	LPH.A 00153	Trương Thu	Hà	04/04/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.30. 01222	D380101	5.75	7.00	3.75	16.50	16.50	
73	LPH.A 00159	Trịnh Thị	Hương	01/10/96	Nữ	Huyện Văn Lâm		3	1A.30. 01242	D380107	7.50	6.50	9.50	23.50	23.50	
74	LPH.A 00163	Lê Doãn Trí	Nghĩa	20/03/96		Thành phố Yên Bái		3	1A.30. 01238	D380101	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
75	LPH.A 00166	Nguyễn Trường	Sinh	02/06/96		Quận Tây Hồ		3	1A.30. 01224	D380101	6.75	6.00	7.75	20.50	20.50	
76	LPH.A 00169	Nguyễn Hải	Xuân	20/09/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.30. 01225	D380101	5.50	4.75	5.25	15.50	15.50	
77	LPH.A 00172	Phạm Thị Thương	Thảo	14/09/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.31. 00798	D380101	2.00	3.50	2.50	8.00	8.00	
78	LPH.A 00173	Đỗ Thị Hoài	Thu	13/10/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		3	1A.31. 00800	D380107	5.75	6.25	4.50	16.50	16.50	
79	LPH.A 00176	Hoàng Thị Hương	Giang	12/05/96	Nữ			3	1A.32. 00633	D380101	8.00	6.25	7.25	21.50	21.50	
80	LPH.A 00177	Nguyễn Thanh	Hằng	15/02/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.32. 00629	D380101	9.00	8.25	8.75	26.00	26.00	
81	LPH.A 00181	Trần Thị Thu	Ngân	24/09/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		3	1A.32. 00631	D380101	7.50	4.50	6.50	18.50	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
82	LPH.A 00182	Nguyễn Ngọc Sơn	09/09/96		Thị xã Từ Sơn		3	1A.32. 00630	D380101	8.00	6.50	7.25	21.75	22.00	
83	LPH.A 00184	Trần Khánh Thắng	12/11/96		Thị xã Từ Sơn		3	1A.32. 00632	D380101	6.75	5.50	8.75	21.00	21.00	
84	LPH.A 00185	Phạm Thu Thủy	23/07/96	Nữ			3	1A.32. 01502	D380107	7.75	5.50	8.50	21.75	22.00	
85	LPH.A 00189	Ngô Thị Thu Hà	12/05/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.34. 00813	D380101	0.75	3.75	4.50	9.00	9.00	
86	LPH.A 00192	Nguyễn Mạnh Quang	31/05/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.34. 00816	D380101	4.00	5.25	5.25	14.50	14.50	
87	LPH.A 00193	Trần Minh Khuê	24/11/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.35. 00698	D380101	2.25	3.50	4.25	10.00	10.00	
88	LPH.A 00195	Vũ Tây Nguyên	25/08/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.35. 00700	D380101	6.25	5.50	7.25	19.00	19.00	
89	LPH.A 00197	Nguyễn Bá Toàn	22/06/94		Huyện Lương Tài		3	1A.35. 00702	D380107	3.75	5.00	4.75	13.50	13.50	
90	LPH.A 00200	Nguyễn Ngọc Hiếu	25/10/96		Quận Ba Đình		3	1A.36. 00718	D380101	4.00	4.50	4.50	13.00	13.00	
91	LPH.A 00201	Võ Tuấn Linh	04/02/96		Quận Đống Đa		3	1A.36. 00721	D380107	8.00	6.50	7.00	21.50	21.50	
92	LPH.A 00203	Trần Việt Tiệp	20/12/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.37. 00764	D380101	7.75	8.75	7.75	24.25	24.50	
93	LPH.A 00204	Dương Quang Dũng	16/06/96		Huyện Đông Anh		3	1A.37. 00767	D380107	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	
94	LPH.A 00206	Nguyễn Việt Hùng	18/12/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.37. 00762	D380101	9.00	8.25	8.50	25.75	26.00	
95	LPH.A 00207	Lưu Ngọc Liên	25/07/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.37. 00774	D380101	8.00	6.50	9.50	24.00	24.00	
96	LPH.A 00209	Bùi Linh Xuân	02/10/96	Nữ	Quận Đống Đa	06	3	1A.37. 00763	D380101	7.00	5.75	6.00	18.75	19.00	
97	LPH.A 00210	Lê Quyết Chiến	16/04/96		Quận Ba Đình		3	1A.39. 01132	D380101	7.00	6.75	7.50	21.25	21.50	
98	LPH.A 00212	Nguyễn Quốc Khánh	02/08/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.39. 01133	D380107	8.50	7.75	9.00	25.25	25.50	
99	LPH.A 00213	Đoàn Đức Kiên	10/10/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.39. 01131	D380101	7.00	6.50	8.25	21.75	22.00	
100	LPH.A 00216	Hồ Thanh Thủy	06/11/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1A.39. 01134	D380107	8.00	6.50	9.00	23.50	23.50	
101	LPH.A 00226	Cao Mỹ Huyền	12/02/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên		3	1A.41. 00865	D380107	9.00	8.75	9.25	27.00	27.00	
102	LPH.A 00227	Chu Khánh Linh	18/02/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		3	1A.41. 00867	D380107	9.00	8.50	9.25	26.75	27.00	
103	LPH.A 00229	Vũ Thị Thảo Mi	12/11/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		3	1A.41. 00861	D380101	4.50	3.50	5.75	13.75	14.00	
104	LPH.A 00231	Nguyễn Ngọc Phượng	08/11/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		3	1A.41. 00862	D380101	6.50	7.00	7.75	21.25	21.50	
105	LPH.A 00237	Đình Quang Huy	25/05/95		Quận Thanh Xuân		3	1A.42. 00122	D380107	6.00	5.50	5.25	16.75	17.00	
106	LPH.A 00239	Đào Hải Minh	17/12/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.44. 00781	D380101	6.50	3.75	5.50	15.75	16.00	
107	LPH.A 00241	Nguyễn Thị Thanh Hiền	31/10/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.45. 00879	D380101	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	
108	LPH.A 00242	Ngô Diệu Linh	17/11/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.45. 00878	D380101	5.75	6.50	5.25	17.50	17.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
109	LPH.A 00244	Lương Thu	Phuong	18/06/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.45. 00882	D380107	7.50	7.00	8.00	22.50	22.50	
110	LPH.A 00246	Vũ Thị Hồng	Anh	18/09/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01128	D380107	6.50	6.50	3.75	16.75	17.00	
111	LPH.A 00247	Lê Mạnh	Cường	07/10/96		Quận Long Biên		3	1A.48. 01116	D380101	6.75	6.25	7.25	20.25	20.50	
112	LPH.A 00248	Phạm Trung	Hiếu	20/02/96		Quận Long Biên		3	1A.48. 01117	D380101	6.50	5.75	6.00	18.25	18.50	
113	LPH.A 00255	Lâm Tiến	Tân	25/09/96		Quận Long Biên		3	1A.48. 01119	D380101	7.25	7.50	7.75	22.50	22.50	
114	LPH.A 00256	Bùi Huy	Thành	06/04/95		Quận Long Biên		3	1A.48. 01123	D380101	8.00	4.50	8.25	20.75	21.00	
115	LPH.A 00258	Đình Quang	Toàn	30/10/96		Quận Long Biên		3	1A.48. 01126	D380107	8.00	7.75	8.50	24.25	24.50	
116	LPH.A 00262	Dương Thu	Hà	07/05/95	Nữ	Quận Long Biên		2	1A.51. 00249	D380101	7.00	6.00	4.50	17.50	17.50	
117	LPH.A 00265	Đỗ Duy	Thịnh	12/02/96		Huyện Từ Liêm		2	1A.52. 00852	D380101	4.50	5.00	4.50	14.00	14.00	
118	LPH.A 00269	Trần Quang	Huy	12/12/96		Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01354	D380101	7.25	7.50	7.00	21.75	22.00	
119	LPH.A 00271	Lê Thị Thanh	Phuong	22/07/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01358	D380107	6.50	7.00	6.25	19.75	20.00	
120	LPH.A 00272	Đặng Hoài	Phuong	27/11/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.56. 00564	D380101	2.00	3.75	3.75	9.50	9.50	
121	LPH.A 00273	Phạm Tấn	Sang	07/12/96		Quận Hai Bà Trưng		2	1A.56. 00206	D380101	0.25	5.75	4.50	10.50	10.50	
122	LPH.A 00274	Nguyễn Bảo	Châu	11/12/96		Thành phố Uông Bí		2	1A.62. 00412	D380101	7.25	5.00	7.50	19.75	20.00	
123	LPH.A 00278	Vũ Văn	Mỹ	01/09/96		Huyện Thường Tín		2	1A.62. 00414	D380101	6.50	6.75	7.50	20.75	21.00	
124	LPH.A 00279	Nguyễn Thị Minh	Phượng	14/05/96	Nữ	Quận Hà Đông		2	1A.62. 00409	D380101	6.75	5.50	6.25	18.50	18.50	
125	LPH.A 00281	Nguyễn Văn Trường	Sơn	21/02/96		Quận Hải An		2	1A.62. 00415	D380101	8.00	7.75	9.75	25.50	25.50	
126	LPH.A 00283	Bùi Quỳnh	Trang	06/09/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	1A.62. 00411	D380101	7.25	6.75	5.50	19.50	19.50	
127	LPH.A 00284	Lê Đại	Thành	30/09/96		Quận Hai Bà Trưng		2	1A.64. 00703	D380101	6.50	5.50	4.50	16.50	16.50	
128	LPH.A 00286	Đình Tuấn	Anh	05/05/96		Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00261	D380101	5.50	6.00	5.75	17.25	17.50	
129	LPH.A 00287	Nguyễn Hoàng	Anh	20/06/96		Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00258	D380107	7.00	6.75	7.50	21.25	21.50	
130	LPH.A 00288	Nguyễn Hồng	Diệp	21/12/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00256	D380101	6.50	6.00	7.75	20.25	20.50	
131	LPH.A 00289	Bùi Đình	Duy	05/05/96		Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00265	D380107	5.25	3.50	6.50	15.25	15.50	
132	LPH.A 00290	Nguyễn Mỹ	Duyên	14/12/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00263	D380107	6.25	5.75	5.50	17.50	17.50	
133	LPH.A 00292	Chu Thị	Hòa	10/08/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00255	D380101	7.50	6.75	7.00	21.25	21.50	
134	LPH.A 00294	Phạm Duy	Khánh	23/11/96		Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00260	D380101	2.00	3.25	4.00	9.25	9.50	
135	LPH.A 00295	Trần Quốc	Khánh	13/12/96		Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00264	D380107	6.25	6.00	6.00	18.25	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
136	LPH.A 00296	Nguyễn Minh	Ngọc	11/07/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00270	D380101	7.25	6.50	6.50	20.25	20.50	
137	LPH.A 00297	Nguyễn Đăng	Phong	01/12/96		Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00266	D380101	3.75	4.25	3.50	11.50	11.50	
138	LPH.A 00298	Phạm Lan	Phượng	13/03/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00262	D380101	6.50	5.75	5.50	17.75	18.00	
139	LPH.A 00300	Trương Minh	Phượng	02/11/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00257	D380101	7.00	5.75	5.50	18.25	18.50	
140	LPH.A 00303	Nguyễn Hoài Nam	Anh	01/01/96		Quận Hoàng Mai		2	1A.66. 00624	D380107	7.00	6.75	6.25	20.00	20.00	
141	LPH.A 00305	Nguyễn Thị Thu	Hà	27/10/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.66. 00623	D380101	8.75	6.00	6.50	21.25	21.50	
142	LPH.A 00307	Nguyễn Thị Hồng	Hải	13/12/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.66. 00625	D380101	2.00	4.50	3.50	10.00	10.00	
143	LPH.A 00308	Vũ Thị Hồng	Nhung	01/08/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1A.66. 00628	D380101	8.00	7.50	8.50	24.00	24.00	
144	LPH.A 00309	Trần Thị Gia	Thiều	07/10/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.66. 00622	D380101	6.50	6.25	5.75	18.50	18.50	
145	LPH.A 00311	Nguyễn Tiến	Thành	15/01/95		Huyện Thanh Trì		2	1A.67. 00268	D380101	7.50	6.50	7.75	21.75	22.00	
146	LPH.A 00313	Lê Hồng	Hạnh	19/09/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.68. 00940	D380107	7.50	6.75	7.50	21.75	22.00	
147	LPH.A 00319	Nguyễn Thị	Bích	15/08/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00308	D380101	6.50	6.75	6.50	19.75	20.00	
148	LPH.A 00320	Trần Thị Khánh	Linh	29/07/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00306	D380101	5.75	4.75	4.25	14.75	15.00	
149	LPH.A 00321	Nguyễn Thị Thanh	Mai	27/08/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00307	D380101	6.00	4.25	4.25	14.50	14.50	
150	LPH.A 00322	Bùi Văn	Nhật	15/08/96		Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00304	D380107	5.75	5.50	5.00	16.25	16.50	
151	LPH.A 00323	Nguyễn Đức	Trung	12/06/95		Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00305	D380107	6.25	4.50	5.25	16.00	16.00	
152	LPH.A 00324	Nguyễn Thành	Trung	30/08/96		Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00309	D380101	5.75	4.25	4.50	14.50	14.50	
153	LPH.A 00325	Nguyễn Thị Hồng	Huyền	26/05/95	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.70. 00539	D380101	2.50	4.50	4.25	11.25	11.50	
154	LPH.A 00326	Nguyễn Tiến	Sơn	21/08/96		Huyện Gia Lâm		2	1A.70. 00538	D380101	0.00	3.75	3.00	6.75	7.00	
155	LPH.A 00328	Đỗ Như	Cường	06/01/96		Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00062	D380101	6.00	4.75	3.50	14.25	14.50	
156	LPH.A 00329	Nguyễn Thị	Dung	18/11/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00056	D380101	7.25	5.50	6.00	18.75	19.00	
157	LPH.A 00330	Ngô Quang	Hiếu	23/07/96		Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00058	D380101	5.75	6.00	6.25	18.00	18.00	
158	LPH.A 00331	Nguyễn Thị Thu	Huyền	03/03/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00060	D380101	6.75	6.00	6.75	19.50	19.50	
159	LPH.A 00332	Nguyễn Thùy	Linh	15/11/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00057	D380107	5.75	5.75	5.50	17.00	17.00	
160	LPH.A 00334	Lê Thị Hà	Thúy	17/02/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00059	D380101	6.25	5.75	6.25	18.25	18.50	
161	LPH.A 00338	Đỗ Thị Mai	Anh	19/09/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01088	D380101	6.50	5.25	5.75	17.50	17.50	
162	LPH.A 00339	Phạm Thị Phương	Dung	05/01/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01085	D380101	7.25	7.00	6.50	20.75	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
163	LPH.A 00346	Trần Hoài	Linh	21/11/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01086	D380101	8.00	7.00	7.50	22.50	22.50	
164	LPH.A 00349	Ngô Thị	Tuyết	08/12/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01082	D380101	8.25	5.50	6.25	20.00	20.00	
165	LPH.A 00350	Đỗ Công	Uy	17/08/96		Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01089	D380101	7.50	7.50	7.00	22.00	22.00	
166	LPH.A 00351	Hoàng Thị Ngọc	ánh	14/08/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.78. 00775	D380101	7.00	6.25	6.00	19.25	19.50	
167	LPH.A 00352	Đỗ Văn	Huy	13/02/96		Huyện Đông Anh		2	1A.78. 00776	D380101	6.50	4.50	3.50	14.50	14.50	
168	LPH.A 00353	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	25/12/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.78. 00778	D380107	6.00	6.25	5.00	17.25	17.50	
169	LPH.A 00355	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/02/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.80. 00448	D380101	7.00	6.50	7.75	21.25	21.50	
170	LPH.A 00356	Hoàng Tuyết	Mai	03/08/95	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.84. 00331	D380107	5.25	5.75	5.00	16.00	16.00	
171	LPH.A 00357	Trần Đức	Thái	28/10/91		Huyện Đông Anh		2	1A.84. 00330	D380101	3.75	4.50	4.75	13.00	13.00	
172	LPH.A 00359	Dương Quang	Hải	05/11/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00714	D380101	6.75	4.75	4.50	16.00	16.00	
173	LPH.A 00361	Nguyễn Hương	Lan	02/05/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn	06	2	1A.85. 00716	D380101	7.75	7.50	7.00	22.25	22.50	
174	LPH.A 00362	Cao Hoàng Thùy	Linh	02/12/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00717	D380101	7.50	7.50	7.00	22.00	22.00	
175	LPH.A 00363	Lương Thị	Nụ	28/09/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00718	D380101	7.00	7.50	8.00	22.50	22.50	
176	LPH.A 00364	Đỗ Thanh	Phan	03/09/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00720	D380101	6.75	6.00	7.75	20.50	20.50	
177	LPH.A 00365	Phú Thị Hoa	Phượng	20/01/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00719	D380101	8.00	6.75	6.75	21.50	21.50	
178	LPH.A 00366	Trần Như	Quỳnh	18/08/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00721	D380101	7.75	6.75	6.50	21.00	21.00	
179	LPH.A 00369	Nguyễn Công	Minh	19/10/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.88. 00615	D380101	6.25	6.50	6.50	19.25	19.50	
180	LPH.A 00370	Trần Duy	Anh	12/11/95		Huyện Sóc Sơn		2	1A.93. 00190	D380101	5.75	6.00	5.25	17.00	17.00	
181	LPH.A 00371	Nguyễn Thế	Hân	14/09/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.93. 00191	D380107	3.25	3.75	3.25	10.25	10.50	
182	LPH.A 00372	Nguyễn Hồng	Minh	14/11/95	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.93. 00189	D380101	6.50	6.50	4.50	17.50	17.50	
183	LPH.A 00373	Đỗ Thị	Ngọc	31/07/95	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.93. 00192	D380107	6.00	7.00	5.75	18.75	19.00	
184	LPH.A 00374	Ngô Nguyễn Duy	Cương	16/04/96		Quận Hà Đông		3	1B.01. 00484	D380101	0.25	3.50	3.50	7.25	7.50	
185	LPH.A 00376	Nguyễn Xuân	Sang	20/10/96		Quận Hà Đông		3	1B.01. 00485	D380101	3.50	5.25	4.00	12.75	13.00	
186	LPH.A 00377	Nguyễn Thu	Trang	06/07/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.01. 00486	D380101	0.50	3.00	2.25	5.75	6.00	
187	LPH.A 00378	Tạ Thị	Yến	24/08/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		3	1B.01. 00487	D380101	1.50	3.00	2.50	7.00	7.00	
188	LPH.A 00379	Nghiêm Mai	Chi	04/01/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1B.02. 01008	D380107	6.75	6.50	5.75	19.00	19.00	
189	LPH.A 00381	Vũ Hoàng	Dương	13/10/96		Quận Hà Đông		3	1B.02. 01452	D380101	6.50	6.25	7.75	20.50	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
190	LPH.A 00383	Nguyễn Huy	Hoàng	31/08/96		Huyện Thanh Oai		3	1B.02. 01001	D380101	6.75	7.25	6.00	20.00	20.00	
191	LPH.A 00385	Lý Ngọc	Mai	31/08/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01007	D380107	8.75	7.75	8.50	25.00	25.00	
192	LPH.A 00386	Vũ Thúy	Mai	13/09/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01000	D380101	7.50	6.50	8.50	22.50	22.50	
193	LPH.A 00387	Lê Đức	Mạnh	24/12/96		Quận Hà Đông	06	3	1B.02. 01009	D380107	7.25	6.50	7.75	21.50	21.50	
194	LPH.A 00388	Nguyễn Hà	My	15/03/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1B.02. 01010	D380107	6.75	7.00	8.50	22.25	22.50	
195	LPH.A 00389	Nguyễn Mạnh	Phát	12/06/96		Quận Hà Đông		3	1B.02. 00999	D380101	5.00	5.50	8.00	18.50	18.50	
196	LPH.A 00390	Phan Kiều	Phương	23/09/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 00997	D380101	8.00	6.50	8.50	23.00	23.00	
197	LPH.A 00391	Nguyễn Phương	Thảo	31/03/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01004	D380101	6.00	6.75	7.50	20.25	20.50	
198	LPH.A 00395	Nguyễn Thị Vân	Anh	14/05/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01320	D380107	7.00	6.50	4.50	18.00	18.00	
199	LPH.A 00398	Lê Mạnh	Cường	23/10/96		Quận Hà Đông		3	1B.03. 01311	D380101	7.25	6.50	5.50	19.25	19.50	
200	LPH.A 00399	Lê Quang	Đông	27/12/96		Quận Hà Đông		3	1B.03. 01313	D380101	4.25	4.50	3.50	12.25	12.50	
201	LPH.A 00400	Bùi Thị	Hà	27/02/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01310	D380101	4.75	6.75	5.50	17.00	17.00	
202	LPH.A 00401	Phùng Thị	Hà	07/07/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		3	1B.03. 01319	D380107	7.50	6.25	6.75	20.50	20.50	
203	LPH.A 00402	Nguyễn Ngọc	Hiếu	11/03/96		Quận Hà Đông		3	1B.03. 01307	D380101	5.25	5.25	6.25	16.75	17.00	
204	LPH.A 00405	Nguyễn Hồng	Minh	07/09/96	Nữ	Quận Hà Đông	06	3	1B.03. 01312	D380101	6.00	7.25	7.25	20.50	20.50	
205	LPH.A 00412	Chu Ngọc	Dương	25/07/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.04. 00927	D380101	7.50	5.25	6.00	18.75	19.00	
206	LPH.A 00413	Trịnh Bá	Đạt	24/10/96		Quận Hà Đông		3	1B.04. 00928	D380101	7.00	6.50	6.50	20.00	20.00	
207	LPH.A 00414	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/10/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.04. 00926		3.25	3.50	4.00	10.75	11.00	
208	LPH.A 00417	Phạm Hoàng	Dự	06/07/95		Huyện Cát Hải		3	1B.07. 00234	D380101	6.50	6.50	6.50	19.50	19.50	
209	LPH.A 00419	Lê Thị Anh	Thu	17/01/92	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.07. 00233	D380101	1.00	3.50	4.50	9.00	9.00	
210	LPH.A 00420	Khuất Thị Minh	Hiếu	03/02/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.08. 00658	D380101	8.00	3.00	7.75	18.75	19.00	
211	LPH.A 00421	Nguyễn Trung	Long	26/11/96		Huyện Ba Vì		2	1B.08. 01431	D380101	5.50	6.50	6.50	18.50	18.50	
212	LPH.A 00424	Nguyễn Tuấn	Mạnh	06/09/96		Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 00438	D380101	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00	
213	LPH.A 00425	Đoàn Thị	Ngân	21/12/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.08. 01620	D380107	6.25	7.00	8.25	21.50	21.50	
214	LPH.A 00426	Nguyễn Thị Hải	Ngọc	09/09/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây	06	2	1B.08. 00299	D380101	6.50	5.25	5.25	17.00	17.00	
215	LPH.A 00427	Nguyễn Thu	Thảo	16/05/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.08. 00142	D380107	7.75	6.50	7.50	21.75	22.00	
216	LPH.A 00428	Trần Đại	Thắng	06/08/96		Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 00565	D380101	6.50	4.50	5.00	16.00	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
217	LPH.A 00429	Hoàng Thị	Thơm	01/11/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.08. 00669	D380101	6.75	7.50	8.00	22.25	22.50	
218	LPH.A 00431	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	29/10/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 00518	D380101	7.00	5.25	4.50	16.75	17.00	
219	LPH.A 00432	Đỗ Mạnh	Trường	27/08/96		Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 00160	D380107	7.00	7.50	8.00	22.50	22.50	
220	LPH.A 00434	Nguyễn Quang	Vinh	23/11/95		Thị xã Sơn Tây		2	1B.09. 00143	D380107	0.00	.	.	0.00	0.00	
221	LPH.A 00437	Nguyễn Cơ Thạch	Anh	24/06/96		Huyện Kỳ Sơn	01	1	1B.11. 00414	D380107	1.00	3.50	3.50	8.00	8.00	
222	LPH.A 00438	Lò Thị	Bun	15/12/96	Nữ	Huyện Tân Uyên	01	1	1B.11. 00417	D380101	4.75	5.75	6.00	16.50	16.50	
223	LPH.A 00439	Luân Thị Mỹ	Hạnh	05/01/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	1B.11. 00415	D380101	1.50	3.75	4.00	9.25	9.50	
224	LPH.A 00443	Vũ Thị Thu	Hà	24/11/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00222	D380101	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
225	LPH.A 00444	Ngô Thị	Mai	23/02/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00220	D380101	6.50	7.50	6.75	20.75	21.00	
226	LPH.A 00445	Đặng Thùy	Trang	15/04/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00221	D380101	5.25	7.25	6.00	18.50	18.50	
227	LPH.A 00446	Chu Thị Hồng	Điệp	07/11/95	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00689	D380101	2.50	4.25	1.75	8.50	8.50	
228	LPH.A 00447	Nguyễn Trung	Kiên	04/08/96		Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00691	D380107	5.50	6.25	6.25	18.00	18.00	
229	LPH.A 00448	Nguyễn Thùy	Linh	28/09/95	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00692	D380107	5.50	6.50	7.50	19.50	19.50	
230	LPH.A 00451	Đào Thị Hải	Trang	26/06/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00690	D380101	8.25	5.50	6.50	20.25	20.50	
231	LPH.A 00452	Phùng Thùy	Trang	29/08/95	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00696	D380107	3.75	4.00	3.00	10.75	11.00	
232	LPH.A 00454	Trần Doãn	Hưng	16/12/96		Huyện Ba Vì	04	2	1B.14. 00215	D380101	6.75	6.50	5.50	18.75	19.00	
233	LPH.A 00455	Phạm Anh	Hùng	15/02/96		Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01048	D380101	6.75	6.00	7.50	20.25	20.50	
234	LPH.A 00456	Dương Thị Thúy	Nga	18/11/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01049	D380101	5.75	5.50	5.50	16.75	17.00	
235	LPH.A 00459	Phùng Thế	Trung	20/10/96		Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01052	D380101	4.25	3.50	4.50	12.25	12.50	
236	LPH.A 00460	Đào Thị	Tuyết	11/02/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01051	D380101	7.75	5.75	7.25	20.75	21.00	
237	LPH.A 00461	Trần Thị Thanh	Xuân	06/12/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01053	D380101	1.75	5.50	3.50	10.75	11.00	
238	LPH.A 00462	Nguyễn Thành	Long	03/05/96		Huyện Ba Vì	01	1	1B.17. 00280	D380101	3.25	2.75	4.50	10.50	10.50	
239	LPH.A 00464	Khuất Thị Quỳnh	Anh	16/12/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00634	D380107	3.00	5.50	2.25	10.75	11.00	
240	LPH.A 00465	Nguyễn Văn	Bính	09/10/96		Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00631	D380101	6.00	7.00	9.00	22.00	22.00	
241	LPH.A 00466	Khuất Thị	Liều	14/02/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00628	D380101	7.00	6.00	7.25	20.25	20.50	
242	LPH.A 00469	Nguyễn Thị	Phương	04/12/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00633	D380107	7.75	6.50	8.25	22.50	22.50	
243	LPH.A 00473	Nguyễn Thị	Nhung	20/09/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.20. 01028	D380107	7.00	6.50	7.50	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
244	LPH.A 00475	Đào Duy	Bằng	19/06/96		Huyện Chợ Đồn		1	1B.21. 00444	D380101	6.25	5.75	4.75	16.75	17.00	
245	LPH.A 00476	Nông Đức	Nguyễn	01/05/96		Huyện Hàm Yên	01	1	1B.21. 00447	D380107	0.25	2.25	2.50	5.00	5.00	
246	LPH.A 00477	Lưu Thị Phong	Nhã	02/09/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	1B.21. 00445	D380101	6.50	6.50	6.50	19.50	19.50	
247	LPH.A 00478	Vương Thị Minh	Nhất	09/11/96	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì	01	1	1B.21. 00446	D380101	4.00	3.75	6.25	14.00	14.00	
248	LPH.A 00479	Lê Quý	Đoàn	03/11/96		Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00777	D380101	0.00	4.25	2.25	6.50	6.50	
249	LPH.A 00481	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	07/02/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00778	D380101	6.25	6.00	7.50	19.75	20.00	
250	LPH.A 00482	Nguyễn Thành	Trung	21/04/96		Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00776	D380101	3.75	5.00	4.75	13.50	13.50	
251	LPH.A 00483	Nguyễn Tuấn	Anh	28/01/96		Huyện Thạch Thất		2	1B.23. 01109	D380101	0.00	3.00	2.00	5.00	5.00	
252	LPH.A 00487	Đinh Thị	Nhật	08/06/96	Nữ	Huyện Thạch Thất	01	1	1B.26. 00149	D380101	4.75	4.50	3.50	12.75	13.00	
253	LPH.A 00489	Nguyễn Quốc	Cường	14/08/96		Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01047	D380101	1.50	5.25	6.25	13.00	13.00	
254	LPH.A 00493	Nguyễn Thị Thu	Nga	10/11/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01049	D380101	7.25	5.50	8.25	21.00	21.00	
255	LPH.A 00494	Trương Thị	Nga	05/11/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.28. 01055	D380107	6.50	6.00	7.00	19.50	19.50	
256	LPH.A 00495	Đỗ Thị Kim	Oanh	10/09/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01051	D380101	6.50	6.50	8.50	21.50	21.50	
257	LPH.A 00497	Nguyễn Xuân	Trung	16/01/96		Huyện Phúc Thọ		2	1B.28. 01048	D380101	5.25	6.25	4.50	16.00	16.00	
258	LPH.A 00498	Nguyễn Viết	Tường	12/03/96		Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01052	D380101	5.00	5.75	2.25	13.00	13.00	
259	LPH.A 00499	Nguyễn Nam	Anh	26/04/96		Huyện Quốc Oai		2	1B.29. 00643	D380101	3.00	4.25	4.00	11.25	11.50	
260	LPH.A 00500	Nguyễn Hà Hoa	Hào	04/11/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.30. 00213	D380101	2.25	4.75	3.25	10.25	10.50	
261	LPH.A 00501	Vương Thị	Huyền	29/07/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.30. 00214	D380101	1.50	5.50	4.00	11.00	11.00	
262	LPH.A 00502	Nguyễn Thị	Thu	18/10/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.30. 00598	D380107	9.00	7.25	8.25	24.50	24.50	
263	LPH.A 00503	Hoàng Quốc	Anh	17/02/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 00780	D380101	6.25	7.25	4.50	18.00	18.00	
264	LPH.A 00504	Nguyễn Thị Hạnh	Anh	28/05/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 00777	D380101	4.25	4.50	2.00	10.75	11.00	
265	LPH.A 00505	Ngô Thị	Hạnh	19/11/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 00781	D380107	9.00	7.75	8.75	25.50	25.50	
266	LPH.A 00506	Ngô Thị Khánh	Ly	02/05/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 00778	D380101	8.00	6.50	8.50	23.00	23.00	
267	LPH.A 00507	Tô Trọng	Thương	10/11/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 00776	D380101	5.75	6.00	4.50	16.25	16.50	
268	LPH.A 00511	Nguyễn Thị	Lượng	14/08/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.34. 00437	D380101	4.75	4.50	5.75	15.00	15.00	
269	LPH.A 00512	Nguyễn Trọng	Huỳnh	22/10/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.35. 00584	D380101	4.25	3.25	2.50	10.00	10.00	
270	LPH.A 00513	Nguyễn Hữu	Quang	15/09/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.35. 00585	D380101	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
271	LPH.A 00515	Nguyễn Thị Chung	07/03/96	Nữ	Quận Hà Đông		2	1B.37. 00190	D380101	1.25	3.50	3.50	8.25	8.50	
272	LPH.A 00516	Sùng Thị Lìa	13/11/96	Nữ	Huyện Than Uyên	01	1	1B.37. 00194	D380101	3.00	3.75	3.75	10.50	10.50	
273	LPH.A 00517	Trần Tuấn Vũ	28/07/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.37. 00189	D380101	1.00	2.75	3.25	7.00	7.00	
274	LPH.A 00519	Đỗ Thị Hạnh	05/06/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.38. 00772	D380107	8.00	6.50	8.75	23.25	23.50	
275	LPH.A 00520	Nguyễn Chí Thắng	14/04/96		Huyện Đan Phượng		2	1B.38. 00773	D380101	7.50	6.50	8.00	22.00	22.00	
276	LPH.A 00521	Trần Thị An	08/02/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.39. 00604	D380101	6.00	6.50	7.50	20.00	20.00	
277	LPH.A 00525	Phan Thị Mai	01/10/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.42. 00992	D380107	7.25	5.50	7.75	20.50	20.50	
278	LPH.A 00528	Triệu Thị Hà Ly	24/03/96	Nữ	Quận Hà Đông		2	1B.43. 00977	D380101	5.25	3.75	4.00	13.00	13.00	
279	LPH.A 00533	Trần Đình Cường	12/11/95		Huyện Hoài Đức		2	1B.46. 00486	D380101	6.75	6.50	5.00	18.25	18.50	
280	LPH.A 00534	Lê Thị út	16/06/95	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.46. 00485	D380101	5.25	5.50	3.75	14.50	14.50	
281	LPH.A 00535	Chu Văn Đạt	11/04/95		Huyện Chương Mỹ		2	1B.47. 00613	D380101	6.50	5.75	4.50	16.75	17.00	
282	LPH.A 00536	Đào Mai Hương	29/01/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.48. 00731	D380101	7.25	6.25	7.75	21.25	21.50	
283	LPH.A 00538	Đinh Thị Minh	24/12/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.48. 00734	D380101	6.75	5.50	5.50	17.75	18.00	
284	LPH.A 00539	Đào Thị Bích Ngọc	04/06/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.48. 00736	D380107	8.00	7.00	8.75	23.75	24.00	
285	LPH.A 00540	Nguyễn Thị Ninh	26/08/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.48. 00730	D380101	6.25	6.50	6.00	18.75	19.00	
286	LPH.A 00541	Nguyễn Phương Thảo	26/12/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.48. 00733	D380101	4.50	5.75	6.50	16.75	17.00	
287	LPH.A 00543	Vũ Hà My	16/04/95	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.49. 00780	D380101	4.00	5.00	3.00	12.00	12.00	
288	LPH.A 00545	Lê Xuân Quang	06/12/96		Huyện Thanh Oai		2	1B.49. 00781	D380107	9.00	7.75	8.75	25.50	25.50	
289	LPH.A 00547	Mai Thị Quỳnh Anh	19/03/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.51. 00808	D380101	9.00	7.25	8.75	25.00	25.00	
290	LPH.A 00549	Lê Thị Đàm Dung	15/05/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.51. 00816	D380107	8.50	7.00	8.25	23.75	24.00	
291	LPH.A 00552	Nguyễn Hiền Lương	23/04/96		Huyện Mỹ Đức		2	1B.51. 00812	D380101	8.00	6.25	8.25	22.50	22.50	
292	LPH.A 00556	Lê Thị Lan Anh	10/10/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 00661	D380101	2.25	3.50	4.50	10.25	10.50	
293	LPH.A 00557	Trần Tuấn Thành	07/11/96		Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 00658	D380101	7.00	6.25	7.50	20.75	21.00	
294	LPH.A 00558	Lê Thị Hồng Thiết	01/06/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 00660	D380101	5.25	5.75	7.00	18.00	18.00	
295	LPH.A 00559	Nguyễn Thị Thùy	13/05/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 00659	D380101	7.00	6.50	7.50	21.00	21.00	
296	LPH.A 00561	Nguyễn Ba Lịch	02/09/96		Huyện Mỹ Đức		2	1B.53. 00370	D380107	1.25	2.25	2.50	6.00	6.00	
297	LPH.A 00562	Đinh Thị Nụ	07/06/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.53. 00371	D380107	6.50	6.50	3.50	16.50	16.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
298	LPH.A 00563	Trịnh Thị	Oanh	28/11/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.53. 00368	D380101	2.50	5.50	4.00	12.00	12.00	
299	LPH.A 00564	Phạm Văn	Hùng	10/08/96		Huyện Mỹ Đức		2	1B.54. 00337	D380101	3.25	3.75	3.25	10.25	10.50	
300	LPH.A 00565	Bùi Thị	Họa	16/12/95	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.55. 00173	D380101	7.00	6.50	7.25	20.75	21.00	
301	LPH.A 00568	Hoàng Thị Thu	Huyền	20/02/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.56. 00688	D380107	6.75	2.50	8.00	17.25	17.50	
302	LPH.A 00569	Lê Thị Thu	Hường	04/11/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.56. 00684	D380101	7.75	6.50	8.00	22.25	22.50	
303	LPH.A 00570	Đặng Thị Tuyết	Linh	03/01/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.56. 00685	D380101	7.50	5.50	4.00	17.00	17.00	
304	LPH.A 00571	Đặng Thị Minh	Ngọc	25/03/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.56. 00690	D380107	8.00	8.50	8.50	25.00	25.00	
305	LPH.A 00573	Nguyễn Thị	Quế	12/05/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.56. 00687	D380101	7.50	7.50	8.75	23.75	24.00	
306	LPH.A 00574	Lê Thị Mỹ	Huyền	04/08/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.57. 00332	D380107	7.25	6.00	7.50	20.75	21.00	
307	LPH.A 00575	Nguyễn Thị Thùy	Linh	09/03/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.58. 00665	D380101	6.25	6.50	7.50	20.25	20.50	
308	LPH.A 00576	Nguyễn Phương	Thảo	02/11/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.58. 00662	D380101	8.00	8.00	9.50	25.50	25.50	
309	LPH.A 00578	Nguyễn Thị	Thủy	08/08/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.58. 00663	D380101	6.75	6.50	8.00	21.25	21.50	
310	LPH.A 00580	Đặng Thị Lan	Anh	15/02/95	Nữ	Huyện ứng Hoà		3	1B.61. 00217	D380107	7.25	7.50	7.25	22.00	22.00	
311	LPH.A 00581	Trương Ngọc	Hoa	10/11/95	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.61. 00218	D380107	7.75	7.50	8.25	23.50	23.50	
312	LPH.A 00583	Lê Phúc	Lộc	18/09/95		Huyện ứng Hoà		2	1B.61. 00214	D380101	1.75	1.75	2.75	6.25	6.50	
313	LPH.A 00584	Dương Văn	Thông	02/01/95		Huyện ứng Hoà		2	1B.61. 00215	D380101	4.25	5.50	6.50	16.25	16.50	
314	LPH.A 00585	Từ Văn	Bắc	23/10/96		Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01025	D380101	5.25	6.50	5.75	17.50	17.50	
315	LPH.A 00587	Hoàng Quang	Dũng	04/01/96		Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01021	D380101	5.75	5.50	4.50	15.75	16.00	
316	LPH.A 00589	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	29/06/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01023	D380101	4.25	4.50	2.50	11.25	11.50	
317	LPH.A 00593	Nguyễn Cẩm	Ly	25/01/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01024	D380101	3.50	4.25	4.00	11.75	12.00	
318	LPH.A 00594	Nguyễn Tuấn	Mạnh	15/04/96		Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01020	D380101	5.25	5.50	6.25	17.00	17.00	
319	LPH.A 00595	Đào Thị Thủy	Tiên	28/09/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01022	D380101	3.50	3.00	3.00	9.50	9.50	
320	LPH.A 00596	Nguyễn Thị Thu	Trang	03/07/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01018	D380101	6.75	6.75	7.75	21.25	21.50	
321	LPH.A 00597	Đào Xuân	Tú	07/11/96		Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01040	D380107	7.00	6.75	7.50	21.25	21.50	
322	LPH.A 00598	Bùi Huy	Tùng	27/03/96		Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01016	D380101	8.25	6.50	7.50	22.25	22.50	
323	LPH.A 00599	Đỗ Minh	Tú	23/03/96		Huyện Thường Tín		2	1B.63. 00442	D380101	2.50	4.50	5.25	12.25	12.50	
324	LPH.A 00600	Hoàng Thị	Anh	31/08/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.64. 00547	D380101	1.50	2.00	3.50	7.00	7.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
325	LPH.A 00601	Lê Hoàng	Sơn	23/11/96		Quận Hai Bà Trưng		2	1B.64. 00545	D380101	8.00	6.50	7.50	22.00	22.00	
326	LPH.A 00602	Nguyễn Văn	Trãi	25/11/96		Huyện Thường Tín		2	1B.64. 00548	D380101	3.75	3.50	3.25	10.50	10.50	
327	LPH.A 00604	Trương Đức	Hiếu	31/07/96		Huyện Thường Tín		2	1B.65. 00515	D380107	5.50	4.50	2.75	12.75	13.00	
328	LPH.A 00605	Trịnh Thị Hồng	Mơ	07/03/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.65. 00516	D380107	7.00	6.25	5.50	18.75	19.00	
329	LPH.A 00607	Trần Ngọc	Hải	26/02/96		Huyện Thường Tín		2	1B.66. 00191	D380101	2.25	5.25	3.50	11.00	11.00	
330	LPH.A 00608	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/03/95	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.67. 00303	D380101	7.25	5.50	4.50	17.25	17.50	
331	LPH.A 00609	Lê Văn	Dũng	07/09/95		Huyện Thường Tín		2	1B.67. 00140	D380101	6.75	6.25	6.50	19.50	19.50	
332	LPH.A 00610	Nguyễn Huy	Hoàng	17/10/95		Huyện Thường Tín		2	1B.67. 00138	D380101	7.00	5.50	4.00	16.50	16.50	
333	LPH.A 00612	Trần Quang	Khải	04/04/95		Huyện Thường Tín		3	1B.67. 00305	D380107	7.50	7.50	8.75	23.75	24.00	
334	LPH.A 00614	Vũ Thị Thanh	Thủy	12/07/94	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.67. 00304	D380101	3.75	3.25	3.00	10.00	10.00	
335	LPH.A 00619	Trần Vũ Ngọc	Hà	03/12/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.68. 00872	D380101	6.75	6.25	5.50	18.50	18.50	
336	LPH.A 00621	Trần Hoàng	Phước	27/11/96		Huyện Phú Xuyên		2	1B.68. 00874	D380101	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	
337	LPH.A 00622	Vũ Công	Thành	22/05/96		Huyện Phú Xuyên	06	2	1B.68. 00877	D380107	6.00	5.25	6.50	17.75	18.00	
338	LPH.A 00623	Nguyễn Hồng	Thơm	02/09/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.68. 00875	D380101	8.00	6.50	9.00	23.50	23.50	
339	LPH.A 00624	Mai Thu	Quỳnh	31/12/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.69. 00593	D380101	6.50	7.50	7.25	21.25	21.50	
340	LPH.A 00625	Nguyễn Hữu	Tuân	07/08/96		Huyện Phú Xuyên		2	1B.69. 00594	D380101	2.00	7.50	3.25	12.75	13.00	
341	LPH.A 00626	Hoàng Ngọc	ánh	29/10/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.71. 00621	D380107	7.25	7.50	7.50	22.25	22.50	
342	LPH.A 00627	Vũ Xuân	Đặng	02/10/96		Huyện Phú Xuyên		2	1B.71. 00617	D380101	6.75	2.75	4.50	14.00	14.00	
343	LPH.A 00631	Nguyễn Thị Thúy	Anh	27/11/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.75. 00154	D380101	8.00	6.75	5.50	20.25	20.50	
344	LPH.A 00633	Lê Thị	Mai	12/08/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.76. 00598	D380101	6.50	5.50	6.00	18.00	18.00	
345	LPH.A 00634	Ngô Thị Quỳnh	Nga	20/07/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.76. 00599	D380101	7.00	6.50	7.25	20.75	21.00	
346	LPH.A 00635	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	08/09/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.76. 00597	D380101	8.00	6.50	6.25	20.75	21.00	
347	LPH.A 00636	Nguyễn Tuấn	Anh	05/12/96		Huyện Mê Linh		2	1B.78. 00676	D380107	7.50	7.50	8.00	23.00	23.00	
348	LPH.A 00639	Lê Sơn	Tùng	02/06/94		Huyện Mê Linh		2	1B.80. 00129	D380101	5.25	6.50	3.75	15.50	15.50	
349	LPH.A 00640	Bùi Anh	Đức	05/12/96		Quận Ngõ Quyền		3	03.01. 00360	D380101	5.75	5.25	6.50	17.50	17.50	
350	LPH.A 00642	Hoàng Lan	Hương	29/09/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.02. 00442	D380107	7.50	7.50	8.00	23.00	23.00	
351	LPH.A 00644	Lương Thị Thuỳ	Trang	15/11/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.02. 00443	D380107	7.75	8.00	9.00	24.75	25.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
352	LPH.A 00645	Phạm Thị Mai	Hương	11/10/95	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.06. 00059	D380101	7.75	7.00	7.75	22.50	22.50	
353	LPH.A 00646	Cao Ngọc	Thành	19/04/95	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.06. 00060	D380107	5.25	3.50	6.75	15.50	15.50	
354	LPH.A 00647	Lưu Hoàng Hải	Bình	11/09/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00806	D380101	8.00	7.00	8.75	23.75	24.00	
355	LPH.A 00648	Phan Thái	Bình	19/04/96		Quận Ngô Quyền		3	03.07. 00820	D380107	6.25	6.00	7.50	19.75	20.00	
356	LPH.A 00651	Vũ Mạnh	Dũng	25/01/96		Quận Lê Chân		3	03.07. 00818	D380107	8.00	7.50	8.50	24.00	24.00	
357	LPH.A 00652	Phạm An	Đông	13/09/96		Quận Lê Chân		3	03.07. 00816	D380101	7.25	6.25	7.00	20.50	20.50	
358	LPH.A 00653	Trịnh Trí	Đức	21/03/96		Quận Lê Chân		3	03.07. 00807	D380101	8.75	7.25	8.50	24.50	24.50	
359	LPH.A 00654	Nguyễn Thị Thanh	Hà	17/12/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.07. 00808	D380101	9.00	8.00	8.50	25.50	25.50	
360	LPH.A 00656	Phí Thanh	Hằng	09/02/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.07. 00813	D380101	7.00	7.50	7.50	22.00	22.00	
361	LPH.A 00657	Đào Thảo	Hiền	28/11/96	Nữ	Quận Hải An	04	3	03.07. 00819	D380107	8.00	7.50	9.00	24.50	24.50	
362	LPH.A 00658	Bùi Mai	Hương	08/01/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00804	D380101	8.00	7.25	9.25	24.50	24.50	
363	LPH.A 00660	Nguyễn Hà	Phương	26/05/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00822	D380107	7.00	7.00	7.25	21.25	21.50	
364	LPH.A 00663	Nguyễn Thu	Thảo	09/02/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00815	D380101	8.00	8.00	7.50	23.50	23.50	
365	LPH.A 00664	Lê Ngọc	Toàn	16/12/96		Quận Lê Chân		3	03.07. 00811	D380101	6.25	6.50	4.50	17.25	17.50	
366	LPH.A 00666	Hà Diệu	Linh	24/10/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.08. 00641	D380101	6.50	5.00	6.50	18.00	18.00	
367	LPH.A 00667	Bùi Thị Kim	Oanh	18/09/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.08. 00642	D380101	7.00	5.50	6.25	18.75	19.00	
368	LPH.A 00670	Mai Mỹ	Hồng	21/01/95	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.12. 00098	D380107	7.50	6.50	7.50	21.50	21.50	
369	LPH.A 00671	Trần Trang	Anh	20/03/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.13. 00670	D380101	7.25	8.50	8.00	23.75	24.00	
370	LPH.A 00673	Phạm Ngọc	Duy	10/11/96		Quận Lê Chân		3	03.13. 00666	D380101	8.00	8.50	9.50	26.00	26.00	
371	LPH.A 00676	Nguyễn Ngọc	Hà	10/02/96		Quận Ngô Quyền		3	03.13. 00673	D380101	7.00	6.25	6.50	19.75	20.00	
372	LPH.A 00677	Ngô Mỹ	Huyền	18/02/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.13. 00664	D380101	7.75	7.00	7.00	21.75	22.00	
373	LPH.A 00688	Nguyễn Ngọc	Diệp	04/10/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.14. 00950	D380101	7.25	7.50	6.25	21.00	21.00	
374	LPH.A 00689	Đào Trí	Dũng	07/07/96		Quận Hải An		3	03.14. 00955	D380107	8.00	6.75	8.25	23.00	23.00	
375	LPH.A 00690	Trần Phúc	Đại	29/07/96		Quận Ngô Quyền		3	03.14. 00947	D380101	7.75	8.75	9.00	25.50	25.50	
376	LPH.A 00691	Đỗ Thu	Hà	17/04/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.14. 00944	D380101	7.00	7.50	6.50	21.00	21.00	
377	LPH.A 00692	Đặng Huy	Hoàng	18/10/96		Quận Hồng Bàng		3	03.14. 00951	D380101	7.25	6.50	7.00	20.75	21.00	
378	LPH.A 00693	Lê Vũ Khánh	Linh	24/11/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.14. 00946	D380101	7.00	5.50	7.25	19.75	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
379	LPH.A 00696	Bùi Văn	Thi	26/08/96		Huyện An Lão		3	03.14. 00952	D380101	6.50	5.50	7.00	19.00	19.00	
380	LPH.A 00698	Nguyễn Hà	Trình	07/08/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.14. 00948	D380101	7.75	6.75	6.50	21.00	21.00	
381	LPH.A 00700	Trần Thế	Trung	06/08/96		Quận Ngô Quyền		3	03.14. 00943	D380101	7.25	6.25	7.25	20.75	21.00	
382	LPH.A 00702	Phạm Tố	Uyên	21/01/96	Nữ	Quận Hải An		3	03.14. 00949	D380101	6.50	6.75	6.50	19.75	20.00	
383	LPH.A 00705	Nguyễn Quang	Thịnh	04/12/95		Quận Ngô Quyền		3	03.22. 00070	D380101	6.50	4.75	4.50	15.75	16.00	
384	LPH.A 00706	Trần Thị Ngọc	Tú	19/01/95	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.22. 00071	D380107	7.00	5.50	5.00	17.50	17.50	
385	LPH.A 00708	Đặng Văn	Quý	12/01/96		Quận Kiến An		3	03.23. 00439	D380101	7.75	6.50	6.25	20.50	20.50	
386	LPH.A 00711	Trần Thị	Vân	26/08/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.25. 00330	D380101	6.25	5.50	4.00	15.75	16.00	
387	LPH.A 00714	Lương Minh	Chi	16/12/96	Nữ	Quận Hải An		3	03.28. 00772	D380101	6.25	5.00	3.25	14.50	14.50	
388	LPH.A 00715	Nguyễn Chí	Hiếu	26/04/96		Quận Hải An		3	03.28. 00777	D380101	7.00	7.50	9.50	24.00	24.00	
389	LPH.A 00716	Ngô Thị Ngọc	Hoa	02/11/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.28. 00771	D380101	6.50	6.25	6.00	18.75	19.00	
390	LPH.A 00718	Bùi Phương	Thảo	17/07/96	Nữ	Quận Hải An		3	03.28. 00774	D380101	7.50	5.50	6.00	19.00	19.00	
391	LPH.A 00721	Lê Thị Huyền	Vi	08/03/96	Nữ	Huyện Cát Hải		3	03.28. 00776	D380101	5.75	5.75	5.50	17.00	17.00	
392	LPH.A 00722	Trần Xuân	Thông	25/03/95		Quận Hải An		3	03.31. 00059	D380107	5.75	4.50	6.50	16.75	17.00	
393	LPH.A 00723	Bùi Thị Quỳnh	Trân	25/02/95	Nữ	Quận Hải An		3	03.31. 00058	D380101	6.50	6.25	5.50	18.25	18.50	
394	LPH.A 00726	Hoàng Thị Diệu	Linh	05/04/94	Nữ	Quận Đồ Sơn		3	03.35. 00026	D380107	6.00	5.00	8.00	19.00	19.00	
395	LPH.A 00732	Trịnh Việt	Anh	22/10/95		Huyện An Lão		2	03.41. 00046	D380101	7.00	6.25	7.50	20.75	21.00	
396	LPH.A 00733	Trịnh Thị Ngọc	Lan	09/03/95	Nữ	Huyện An Lão		2	03.41. 00048	D380101	5.25	6.25	6.50	18.00	18.00	
397	LPH.A 00734	Phạm Thị Hải	Yến	17/03/95	Nữ	Huyện An Lão	06	2	03.41. 00047	D380107	5.50	5.25	5.25	16.00	16.00	
398	LPH.A 00737	Vũ Thị	Thảo	14/09/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.48. 00267	D380101	8.00	6.25	7.50	21.75	22.00	
399	LPH.A 00740	Đoàn Đức	Anh	20/12/96		Huyện Thủy Nguyên		1	03.49. 00259	D380101	4.75	4.50	3.50	12.75	13.00	
400	LPH.A 00741	Đào Văn	Lương	27/09/96		Huyện Thủy Nguyên		1	03.49. 00261	D380107	7.50	6.50	8.50	22.50	22.50	
401	LPH.A 00742	Nguyễn Thị Thu	Hương	21/11/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.50. 00275	D380101	7.50	7.25	7.50	22.25	22.50	
402	LPH.A 00744	Vũ Thị	Liêu	28/06/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.50. 00274	D380101	7.00	6.00	7.25	20.25	20.50	
403	LPH.A 00745	Nguyễn Thị	Quỳnh	16/03/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.50. 00278	D380107	7.50	6.50	5.00	19.00	19.00	
404	LPH.A 00747	Nguyễn Thị Phương	Anh	25/05/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.51. 00182	D380107	4.75	6.50	6.00	17.25	17.50	
405	LPH.A 00748	Đông Thị Thu	Huyền	23/12/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.51. 00181	D380101	8.00	7.50	8.50	24.00	24.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
406	LPH.A 00749	Tô Thị Bích	Thảo	10/10/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.51. 00183	D380107	0.00	4.50	3.00	7.50	7.50	
407	LPH.A 00750	Hoàng Anh	Dũng	28/10/96		Huyện Thủy Nguyên		1	03.52. 00131	D380107	4.75	5.50	4.50	14.75	15.00	
408	LPH.A 00752	Đặng Thu	Hiên	05/01/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		1	03.52. 00130	D380101	7.50	6.00	5.50	19.00	19.00	
409	LPH.A 00753	Chu Thị	Nhã	20/12/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		1	03.52. 00132	D380107	3.25	4.25	3.50	11.00	11.00	
410	LPH.A 00754	Nguyễn Việt	Hùng	02/08/95		Huyện Thủy Nguyên		2	03.57. 00121	D380101	4.75	6.50	6.00	17.25	17.50	
411	LPH.A 00756	Bùi Xuân	Trường	23/10/94		Huyện Thủy Nguyên	05	2	03.57. 00123	D380101	2.50	5.50	3.00	11.00	11.00	
412	LPH.A 00759	Phạm Thị	Lan	11/07/96	Nữ	Huyện An Dương		2	03.59. 00393	D380101	6.00	6.50	5.25	17.75	18.00	
413	LPH.A 00760	Nguyễn Thị Thuỷ	Lệ	09/03/96	Nữ	Huyện An Dương		2	03.61. 00055	D380107	6.00	3.50	2.50	12.00	12.00	
414	LPH.A 00761	Lê Văn	Đạt	07/06/95		Huyện An Dương		2	03.63. 00072	D380101	2.50	4.75	5.25	12.50	12.50	
415	LPH.A 00762	Đỗ Minh	Đức	05/12/95		Huyện An Dương		3	03.63. 00073	D380101	4.00	5.25	3.75	13.00	13.00	
416	LPH.A 00763	Lưu Thị Việt	Phương	01/08/95	Nữ	Huyện An Dương	06	2	03.63. 00071	D380101	4.75	3.00	4.75	12.50	12.50	
417	LPH.A 00766	Nguyễn Thu	Trang	19/01/95	Nữ	Huyện An Dương		2	03.63. 00074	D380107	7.00	6.50	6.75	20.25	20.50	
418	LPH.A 00768	Lương Thị Mai	Anh	15/06/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00293	D380101	8.00	5.50	7.50	21.00	21.00	
419	LPH.A 00771	Nguyễn Thị	Hoàn	07/12/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00295	D380101	8.00	5.50	6.50	20.00	20.00	
420	LPH.A 00772	Nguyễn Thị	Lan	04/05/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00296	D380101	6.00	4.75	6.00	16.75	17.00	
421	LPH.A 00773	Lương Thị Ngọc	Mai	03/02/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00297	D380101	6.75	6.50	6.50	19.75	20.00	
422	LPH.A 00774	Nguyễn Thị Hương	Nguyên	17/11/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00303	D380107	7.25	7.50	8.50	23.25	23.50	
423	LPH.A 00776	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21/10/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00299	D380101	7.50	6.75	7.25	21.50	21.50	
424	LPH.A 00778	Phạm Thị Thuỷ	Tiên	26/10/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00301	D380101	5.00	4.75	5.00	14.75	15.00	
425	LPH.A 00779	Lê Thị	Trang	11/03/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00300	D380101	6.25	7.00	6.00	19.25	19.50	
426	LPH.A 00780	Phạm Văn	Quân	24/04/96		Huyện Tiên Lãng		2	03.65. 00140	D380101	5.00	6.50	4.50	16.00	16.00	
427	LPH.A 00781	Vũ Thị Minh	Thương	26/07/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.65. 00139	D380101	7.00	7.00	6.75	20.75	21.00	
428	LPH.A 00782	Vũ Quang	Sơn	28/11/96		Huyện Tiên Lãng		2	03.66. 00105	D380101	7.00	7.00	5.50	19.50	19.50	
429	LPH.A 00783	Cao Lê Quỳnh	Anh	22/03/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00087	D380107	7.75	6.75	7.25	21.75	22.00	
430	LPH.A 00784	Phan Thị	Bình	06/07/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00085	D380101	3.25	4.50	3.25	11.00	11.00	
431	LPH.A 00786	Nguyễn Thị	Lý	19/06/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00084	D380101	6.00	6.50	5.00	17.50	17.50	
432	LPH.A 00787	Phạm Thị	Vân	18/10/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00086	D380107	7.00	6.00	7.50	20.50	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
433	LPH.A 00788	Vương Văn	Cường	06/01/96		Huyện Vĩnh Bảo		2	03.71. 00143	D380107	3.50	5.25	4.00	12.75	13.00	
434	LPH.A 00789	Vũ Thị	Nhàn	10/02/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.71. 00140	D380101	7.50	4.50	7.50	19.50	19.50	
435	LPH.A 00791	Phạm Ngọc	Vương	13/04/96		Huyện Vĩnh Bảo		2	03.71. 00142	D380101	6.00	6.25	6.75	19.00	19.00	
436	LPH.A 00795	Trần Lê Thu	Trang	10/02/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00397	D380101	7.00	7.25	7.75	22.00	22.00	
437	LPH.A 00797	Mai Hải	Yến	20/02/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00396	D380101	7.50	6.50	7.25	21.25	21.50	
438	LPH.A 00798	Nguyễn Thị	Yến	14/07/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00402	D380107	6.50	5.50	4.50	16.50	16.50	
439	LPH.A 00800	Đỗ Huyền	Trang	03/10/96	Nữ	Huyện Cát Hải		1	03.77. 00043	D380101	5.25	4.50	3.00	12.75	13.00	
440	LPH.A 00801	Nguyễn Văn	Nam	07/07/96		Huyện Xuân Trường		3	03.A2. 00003	D380101	8.25	6.50	8.00	22.75	23.00	
441	LPH.A 00803	Nguyễn Thị Thu	Hà	15/07/95	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.00. 00714	D380101	0.50	2.50	3.75	6.75	7.00	
442	LPH.A 00806	Phạm Minh	Hằng	11/08/94	Nữ	Huyện Mèo Vạc		1	05.01. 00884	D380107	0.25	3.00	6.25	9.50	9.50	
443	LPH.A 00808	Lệnh Thị	Xuyến	18/07/95	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	05.01. 00885	D380101	0.00	3.75	2.00	5.75	6.00	
444	LPH.A 00809	Hầu Mí	Cầu	12/12/94		Huyện Đông Văn	01	1	05.02. 00921	D380101	1.00	2.50	2.00	5.50	5.50	
445	LPH.A 00811	Cư Tờ	Chung	12/04/95		Huyện Quản Bạ	01	1	05.05. 00890	D380101	0.00	2.00	1.25	3.25	3.50	
446	LPH.A 00812	Lù Mí	Páo	20/03/96		Huyện Quản Bạ	01	1	05.05. 00891	D380101	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
447	LPH.A 00814	Phạm Việt	Hoàng	24/02/95		Huyện Bắc Quang		1	05.10. 00857	D380101	6.25	6.50	5.00	17.75	18.00	
448	LPH.A 00817	Nguyễn Duy	Thái	10/05/95		Huyện Bắc Quang	01	1	05.10. 00854	D380101	0.00	.	.	0.00	0.00	
449	LPH.A 00818	Nguyễn Vĩ	Tuyến	15/01/95		Huyện Bắc Quang		1	05.10. 00852	D380101	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
450	LPH.A 00819	Hoàng Thị	Yến	30/09/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.10. 00855	D380101	0.75	1.00	3.00	4.75	5.00	
451	LPH.A 00821	Long Văn	Quang	02/12/94		Huyện Quang Bình	01	1	05.11. 00810	D380101	4.00	2.50	3.50	10.00	10.00	
452	LPH.A 00823	Nguyễn Vi Tiến	Đạt	21/08/96		Huyện Quản Bạ	01	1	05.12. 00750	D380101	1.00	2.75	3.50	7.25	7.50	
453	LPH.A 00829	Bế Thùy	Linh	08/10/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	05.12. 00744	D380101	6.50	6.25	5.50	18.25	18.50	
454	LPH.A 00830	Khổng Hạnh	Nguyên	09/10/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00730	D380107	7.75	7.75	8.75	24.25	24.50	
455	LPH.A 00831	Đỗ Thị Thu	Nguyệt	30/01/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00752	D380101	5.75	5.50	5.00	16.25	16.50	
456	LPH.A 00832	Phạm Thị	Nhung	15/06/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00753	D380101	6.25	6.50	6.75	19.50	19.50	
457	LPH.A 00834	Nguyễn Đỗ Hà	Trang	04/08/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00754	D380101	6.00	6.25	6.00	18.25	18.50	
458	LPH.A 00835	Trần Phan Thu	Trang	30/10/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00751	D380101	5.25	6.25	5.00	16.50	16.50	
459	LPH.A 00836	Hoàng Thị	Giang	16/02/96	Nữ	Thành phố Hà Giang	01	1	05.13. 00815	D380101	0.00	2.75	1.75	4.50	4.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
460	LPH.A 00837	Đào Thị Linh	10/02/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.13. 00816	D380101	0.00	3.00	3.50	6.50	6.50	
461	LPH.A 00840	Vũ Thị Thu Thủy	19/08/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	05.13. 00817	D380101	0.00	2.50	2.75	5.25	5.50	
462	LPH.A 00841	Nguyễn Minh Tuấn	06/01/96		Thành phố Hà Giang		1	05.13. 00820	D380107	1.00	6.75	2.00	9.75	10.00	
463	LPH.A 00843	Hà Đức Sơn	02/08/96		Thành phố Hà Giang		1	05.14. 00906	D380101	0.50	4.50	3.50	8.50	8.50	
464	LPH.A 00844	Chu Việt Anh	09/07/96		Huyện Quản Bạ	01	1	05.15. 00833	D380101	1.00	2.00	2.50	5.50	5.50	
465	LPH.A 00845	Thần Thị Kiều Trinh	24/06/96	Nữ	Huyện Xín Mần	01	1	05.15. 00834	D380107	1.75	3.75	3.50	9.00	9.00	
466	LPH.A 00846	Mạc Văn Dường	18/09/94		Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 00925	D380101	0.00	1.50	2.25	3.75	4.00	
467	LPH.A 00848	Sùng Thị Thủy Tiên	04/05/96	Nữ	Huyện Mèo Vạc	01	1	05.17. 00722	D380101	0.00	2.50	1.75	4.25	4.50	
468	LPH.A 00849	Hoàng Văn Hữu	09/12/96		Huyện Yên Minh	01	1	05.18. 00784	D380101	0.00	2.75	3.00	5.75	6.00	
469	LPH.A 00850	Nguyễn Xuân Hiệu	26/03/96		Huyện Quản Bạ	01	1	05.19. 00805	D380101	1.00	3.00	2.75	6.75	7.00	
470	LPH.A 00851	Phạm Lan Hương	13/08/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	05.20. 00796	D380101	6.00	6.00	4.25	16.25	16.50	
471	LPH.A 00853	Phạm Tiến Mạnh	08/11/96		Huyện Vị Xuyên		1	05.20. 00798	D380101	6.50	5.50	5.75	17.75	18.00	
472	LPH.A 00854	Sầm Minh Bắc	19/10/96		Huyện Vị Xuyên	01	1	05.21. 00756	D380107	2.00	4.25	4.00	10.25	10.50	
473	LPH.A 00855	Lưu Thị Đào	15/11/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	05.21. 00758	D380101	1.00	3.50	3.00	7.50	7.50	
474	LPH.A 00856	Thần Thu Huế	14/09/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	05.21. 00760	D380101	0.00	3.50	3.75	7.25	7.50	
475	LPH.A 00858	Nguyễn Văn Thiệu	01/06/96		Huyện Vị Xuyên		1	05.21. 00755	D380107	6.50	7.00	8.00	21.50	21.50	
476	LPH.A 00860	Nguyễn Văn Huấn	15/01/96		Huyện Bắc Mê	01	1	05.22. 00774	D380101	0.00	3.00	4.00	7.00	7.00	
477	LPH.A 00861	Lê Thanh Hùng	28/03/96		Huyện Hoàng Su Phì		1	05.23. 00719	D380101	0.75	2.25	2.50	5.50	5.50	
478	LPH.A 00862	Nguyễn Xuân Tú	12/06/96		Huyện Xín Mần		1	05.24. 00865	D380101	0.00	4.00	2.75	6.75	7.00	
479	LPH.A 00863	Khổng Thúy Liễu	03/05/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.25. 00787	D380101	3.75	5.00	5.75	14.50	14.50	
480	LPH.A 00864	Đỗ Thị Hà Trang	02/09/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.25. 00788	D380101	3.75	5.00	3.75	12.50	12.50	
481	LPH.A 00865	Vương Thị Hiền	22/10/96	Nữ	Huyện Đông Văn	01	1	05.26. 00768	D380101	0.00	3.50	3.75	7.25	7.50	
482	LPH.A 00866	Dinh Mí Sính	10/07/96		Huyện Đông Văn	01	1	05.26. 00767	D380101	0.00	4.00	2.50	6.50	6.50	
483	LPH.A 00868	Nông Văn Thành	12/03/95		Huyện Đông Văn	01	1	05.26. 00763	D380101	0.00	5.00	3.75	8.75	9.00	
484	LPH.A 00869	Khổng Hương Thùy	13/12/96	Nữ	Huyện Đông Văn	01	1	05.26. 00766	D380101	0.00	1.25	3.25	4.50	4.50	
485	LPH.A 00870	Dinh Mí Và	08/02/96		Huyện Đông Văn	01	1	05.26. 00764	D380101	0.00	2.00	2.00	4.00	4.00	
486	LPH.A 00871	Vàng Mí Xá	08/07/94		Huyện Đông Văn	01	1	05.26. 00769	D380101	0.00	2.75	3.25	6.00	6.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
487	LPH.A 00873	Nguyễn Mạnh	Dũng	05/02/96		Huyện Bắc Quang	01	1	05.28. 00875	D380101	2.25	5.00	2.50	9.75	10.00	
488	LPH.A 00876	Nông Diệp	Anh	26/09/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.30. 00847	D380107	1.25	3.50	4.50	9.25	9.50	
489	LPH.A 00877	Bế Hương	Giang	09/05/96	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì	01	1	05.30. 00849	D380107	0.00	2.50	3.50	6.00	6.00	
490	LPH.A 00878	Lê Thị	Hường	01/10/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.30. 00848	D380107	1.00	3.25	4.00	8.25	8.50	
491	LPH.A 00879	Lềng A	Thư	14/07/96		Huyện Yên Minh	01	1	05.45. 00773	D380101	0.50	2.25	2.50	5.25	5.50	
492	LPH.A 00880	Hoàng Kim	Ngãi	08/05/96	Nữ	Huyện Bắc Mê	01	1	05.47. 02061	D380101	0.00	3.25	2.75	6.00	6.00	
493	LPH.A 00881	Tạ Thảo	Nhi	23/06/96	Nữ	Huyện Bắc Mê		1	05.47. 02060	D380107	6.50	5.50	7.75	19.75	20.00	
494	LPH.A 00882	Nguyễn Văn	Tuấn	27/12/96		Huyện Vị Xuyên	01	1	05.48. 02057	D380101	0.00	3.25	3.75	7.00	7.00	
495	LPH.A 00883	Nguyễn Văn	Tâm	16/06/96		Huyện Yên Minh	01	1	05.51. 00872	D380101	1.75	3.75	3.25	8.75	9.00	
496	LPH.A 00884	Ma Thị	Hồng	03/10/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.52. 00900	D380101	3.25	3.50	4.00	10.75	11.00	
497	LPH.A 00885	Nguyễn Thị	Thú	01/05/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.52. 00899	D380101	3.75	4.25	4.50	12.50	12.50	
498	LPH.A 00887	Phản Thị	Hiên	10/08/96	Nữ	Huyện Quản Bạ	01	1	05.53. 00795	D380101	0.00	2.00	3.75	5.75	6.00	
499	LPH.A 00888	Sân Quốc	Kỳ	17/07/96		Huyện Quản Bạ	01	1	05.53. 00794	D380101	2.75	3.25	3.50	9.50	9.50	
500	LPH.A 00889	Nông Thị	Diệu	15/04/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.00. 04453	D380107	6.50	5.50	5.00	17.00	17.00	
501	LPH.A 00890	Hoàng Thị Thuỳ	Trang	14/06/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.00. 04452	D380101	0.25	.	.	0.25	0.50	
502	LPH.A 00891	Nguyễn Khánh	Duy	19/11/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04467	D380107	0.25	3.50	4.50	8.25	8.50	
503	LPH.A 00894	Phan Minh	Giang	19/12/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04459	D380101	4.75	3.25	4.25	12.25	12.50	
504	LPH.A 00895	Hoàng Ngọc	Huân	23/11/96		Huyện Hạ Lang	01	1	06.03. 04454	D380101	1.00	4.50	3.00	8.50	8.50	
505	LPH.A 00896	Hoàng Cẩm	Hường	09/12/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.03. 04465	D380107	2.25	4.50	4.75	11.50	11.50	
506	LPH.A 00898	Đặng Phương	Mai	26/09/96	Nữ	Huyện Hoà An		1	06.03. 04455	D380101	6.00	5.75	6.00	17.75	18.00	
507	LPH.A 00899	Bế Ngọc	Sơn	25/02/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04462	D380101	0.25	3.25	3.25	6.75	7.00	
508	LPH.A 00900	Vũ Thanh	Tâm	03/01/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.03. 04466	D380107	2.75	5.00	4.00	11.75	12.00	
509	LPH.A 00901	Lý Thị	Thương	05/08/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04463	D380101	3.75	4.50	3.25	11.50	11.50	
510	LPH.A 00902	Phùng Thu	Trang	07/10/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng		1	06.03. 04458	D380101	6.75	4.00	5.25	16.00	16.00	
511	LPH.A 00903	Trần Thị	Trang	02/02/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.03. 04460	D380101	5.25	4.75	3.75	13.75	14.00	
512	LPH.A 00904	Trần Quốc	Tuấn	10/05/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04464	D380107	4.75	5.75	3.75	14.25	14.50	
513	LPH.A 00905	Hoàng Thị Thu	An	08/04/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04477	D380107	6.75	6.00	7.00	19.75	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
514	LPH.A 00906	Nguyễn Thị Hương	Giang	25/11/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.04. 04474	D380101	3.50	3.75	3.00	10.25	10.50	
515	LPH.A 00907	Nông Thị Khánh	Hà	21/11/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04476	D380107	6.50	6.50	6.00	19.00	19.00	
516	LPH.A 00909	Đỗ Thị	Hiên	22/07/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng		1	06.04. 04473	D380101	7.00	6.50	8.75	22.25	22.50	
517	LPH.A 00910	Nguyễn Thị Tố	Minh	19/11/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.04. 04471	D380101	6.50	6.50	5.75	18.75	19.00	
518	LPH.A 00911	Trương Thị Kim	Oanh	24/09/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.04. 04475	D380101	6.75	4.50	6.75	18.00	18.00	
519	LPH.A 00915	Ma Thị	Yến	15/08/95	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.07. 04478	D380101	3.50	3.25	3.25	10.00	10.00	
520	LPH.A 00916	Phạm Quang	Diệp	17/03/96		Huyện Thường Tín		1	06.08. 04483	D380101	2.75	3.50	2.75	9.00	9.00	
521	LPH.A 00917	Hoàng Thị Châu	Giang	16/06/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04479	D380101	3.75	2.75	3.25	9.75	10.00	
522	LPH.A 00918	Lãnh Thu	Hiên	29/07/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04484	D380101	0.00	2.00	1.50	3.50	3.50	
523	LPH.A 00920	Hoàng Thị	Lam	29/01/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04486	D380101	0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
524	LPH.A 00921	Nông Thị Hằng	Nga	29/10/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04481	D380101	0.25	2.75	3.50	6.50	6.50	
525	LPH.A 00922	Quan Thị	Tâm	23/12/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04480	D380101	5.25	4.50	2.75	12.50	12.50	
526	LPH.A 00923	Nông Văn	Trường	18/08/96		Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04482	D380101	4.75	2.75	3.50	11.00	11.00	
527	LPH.A 00925	Hoàng Thị Kim	Cúc	26/11/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04490	D380101	0.75	2.00	3.50	6.25	6.50	
528	LPH.A 00926	Triệu Văn	Cương	23/06/96		Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04489	D380101	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
529	LPH.A 00928	Nông Anh	Minh	09/03/96		Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04488	D380101	0.25	3.25	3.00	6.50	6.50	
530	LPH.A 00929	Hoàng Thị	Nhung	05/10/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04491	D380101	0.50	3.50	3.50	7.50	7.50	
531	LPH.A 00930	Hoàng Văn	Thông	04/01/96		Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04487	D380101	2.75	3.75	2.00	8.50	8.50	
532	LPH.A 00931	Vương Văn	Đức	18/09/93		Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04495	D380101	0.00	2.50	3.50	6.00	6.00	
533	LPH.A 00932	Đàm Văn	Tân	12/06/92		Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04494	D380101	0.50	4.75	3.00	8.25	8.50	
534	LPH.A 00933	Bế Thị	Đào	25/10/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04496	D380101	0.75	3.50	3.25	7.50	7.50	
535	LPH.A 00937	Phan Thị	Hội	04/09/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.13. 04501	D380107	5.25	6.00	5.50	16.75	17.00	
536	LPH.A 00938	Bế Lệ	Quyên	30/04/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.13. 04502	D380107	1.75	4.50	1.50	7.75	8.00	
537	LPH.A 00939	Nông Thị	Tươi	14/02/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.13. 04500	D380101	0.00	3.00	3.00	6.00	6.00	
538	LPH.A 00941	Hoàng Văn	Hữu	30/06/95		Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.14. 04505	D380107	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
539	LPH.A 00942	Lê Quang	Thắng	25/03/95		Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.14. 04503	D380101	3.25	5.00	5.50	13.75	14.00	
540	LPH.A 00945	Triệu Thị	Biếc	03/09/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04514	D380101	4.00	5.25	3.50	12.75	13.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
541	LPH.A 00946	Chu Thị	Hà	20/06/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04511	D380101	5.50	4.25	3.25	13.00	13.00	
542	LPH.A 00947	Nông Thị	Hạnh	13/07/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04510	D380101	2.50	4.50	3.50	10.50	10.50	
543	LPH.A 00949	Nông Thị	Nội	20/05/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04509	D380101	5.50	3.50	4.50	13.50	13.50	
544	LPH.A 00950	Nông Văn	Thuận	11/11/95		Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04512	D380101	0.75	3.00	3.00	6.75	7.00	
545	LPH.A 00951	Nông Thị	Tốt	01/06/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04516	D380101	1.00	2.50	3.50	7.00	7.00	
546	LPH.A 00952	Nông Thị	Vân	22/10/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04515	D380101	2.50	5.25	2.75	10.50	10.50	
547	LPH.A 00953	Nông Thị	Liêm	04/11/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.19. 04517	D380107	1.00	3.25	4.50	8.75	9.00	
548	LPH.A 00954	Hoàng Văn	Hải	03/04/94		Huyện Nguyên Bình	01	1	06.22. 04518	D380101	0.00	3.00	3.00	6.00	6.00	
549	LPH.A 00955	Nông Hoàng	Hảo	10/10/95	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.22. 04519	D380101	6.00	4.50	4.50	15.00	15.00	
550	LPH.A 00956	Nông Thị Bích	Hạnh	01/07/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.23. 04523	D380101	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	
551	LPH.A 00957	Nông Thị	Huyền	12/06/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04520	D380101	4.50	3.75	5.50	13.75	14.00	
552	LPH.A 00959	Nguyễn Huy	Quân	02/04/96		Huyện Bình Xuyên		1	06.23. 04521	D380101	2.25	5.50	3.50	11.25	11.50	
553	LPH.A 00960	Hà Thị	Thúy	24/10/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04522	D380101	4.75	3.50	3.50	11.75	12.00	
554	LPH.A 00962	Đặng Quốc	Anh	04/03/96		Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04526	D380101	7.00	7.00	5.50	19.50	19.50	
555	LPH.A 00963	Hoàng Quốc	Chung	14/04/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04531	D380101	7.00	6.75	3.25	17.00	17.00	
556	LPH.A 00966	Lô Thị	Hồi	02/02/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04533	D380107	0.00	3.25	3.00	6.25	6.50	
557	LPH.A 00967	Nguyễn Thị Mai	Sương	26/03/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04527	D380101	4.00	5.75	3.25	13.00	13.00	
558	LPH.A 00969	Triệu Thị Thu	Trang	19/08/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04529	D380101	2.50	3.50	3.25	9.25	9.50	
559	LPH.A 00970	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	15/01/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04538	D380101	4.00	2.75	3.25	10.00	10.00	
560	LPH.A 00971	Nông Thị Ngọc	Diễm	26/10/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04534	D380101	5.00	5.25	5.00	15.25	15.50	
561	LPH.A 00972	Lương Thị Nhật	Lệ	12/03/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04535	D380101	0.75	3.50	4.50	8.75	9.00	
562	LPH.A 00973	Nguyễn Công	Lý	17/05/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04537	D380101	0.00	2.75	3.25	6.00	6.00	
563	LPH.A 00974	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	27/06/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.28. 04536	D380101	2.50	3.50	3.25	9.25	9.50	
564	LPH.A 00976	Triệu Thị	Thúy	21/04/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.29. 04540	D380101	0.25	2.75	2.50	5.50	5.50	
565	LPH.A 00977	Nông Thị	Lê	10/12/95	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 04541	D380101	6.75	6.00	5.75	18.50	18.50	
566	LPH.A 00978	Phan Thị	Mơ	01/12/94	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 04542	D380107	0.50	1.75	2.50	4.75	5.00	
567	LPH.A 00979	Vương Thị	Bến	02/06/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04544	D380101	2.75	3.25	2.25	8.25	8.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
568	LPH.A 00980	Hoàng Thị Kim	Cúc	11/07/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.31. 04546	D380101	0.75	3.00	2.50	6.25	6.50	
569	LPH.A 00983	Nông Khánh	Linh	26/05/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04543	D380101	4.25	4.50	3.50	12.25	12.50	
570	LPH.A 00986	Lương Thị	Thanh	30/05/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04551	D380107	0.25	4.00	3.00	7.25	7.50	
571	LPH.A 00987	Lục Văn	Việt	04/06/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04549	D380101	4.00	5.00	3.75	12.75	13.00	
572	LPH.A 00988	La Tiến	Lượng	09/03/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04552	D380101	3.25	2.75	3.50	9.50	9.50	
573	LPH.A 00989	Phan Thị	Tĩnh	07/03/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04553	D380101	2.75	4.50	3.75	11.00	11.00	
574	LPH.A 00990	Hoàng Văn	Tư	23/11/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.33. 04554	D380101	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
575	LPH.A 00991	Trần Văn	Vượng	26/01/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.33. 04555	D380101	0.00	3.50	3.75	7.25	7.50	
576	LPH.A 00992	Nông Thị Hồng	Ngự	03/06/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04556	D380101	1.75	2.25	3.75	7.75	8.00	
577	LPH.A 00994	Chu Thị	Mi	28/06/96	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.39. 04559	D380101	5.50	5.50	4.50	15.50	15.50	
578	LPH.A 00995	Mã Thị Hồng	Nở	16/03/96	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.39. 04558	D380101	1.00	3.50	3.00	7.50	7.50	
579	LPH.A 00996	Ma Thị	Đào	10/12/96	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.41. 04561	D380101	6.50	5.75	4.75	17.00	17.00	
580	LPH.A 00998	Chu Văn	Tuấn	09/03/95		Huyện Bảo Lâm	01	1	06.41. 04560	D380101	1.25	2.50	3.75	7.50	7.50	
581	LPH.A 00999	Đinh Thị Mai	Anh	03/04/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 04565	D380101	0.00	4.50	2.00	6.50	6.50	
582	LPH.A 01000	Vương Thị	Hằng	12/06/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 04563	D380101	2.50	4.00	3.75	10.25	10.50	
583	LPH.A 01001	Nông Thị	Huệ	16/09/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 04567	D380101	5.00	2.75	4.50	12.25	12.50	
584	LPH.A 01003	Nghiêm Xuân	Kiên	25/05/96		Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 04566	D380101	4.25	6.00	3.50	13.75	14.00	
585	LPH.A 01004	Hoàng Thị	Lanh	10/02/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 04564	D380101	2.00	3.50	2.75	8.25	8.50	
586	LPH.A 01005	Nông Ngọc	Quyến	18/10/96		Huyện Phục Hoà	01	1	06.45. 04569	D380101	2.75	3.50	3.50	9.75	10.00	
587	LPH.A 01006	Nông Thị	Huệ	01/09/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.48. 04570	D380101	1.00	2.50	4.00	7.50	7.50	
588	LPH.A 01007	Lương Thị	Tuyến	29/08/94	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.48. 04571	D380101	0.75	2.75	3.50	7.00	7.00	
589	LPH.A 01010	Trần Thị	Trang	17/12/96	Nữ			1	06.A5. 04574	D380101	4.25	4.50	4.75	13.50	13.50	
590	LPH.A 01011	Lê Sỹ	Duy	02/09/95		Thành Phố Lai Châu		1	07.00. 01845	D380101	4.25	3.50	4.50	12.25	12.50	
591	LPH.A 01012	Lê Thị Lan	Anh	04/01/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.01. 01846	D380101	5.75	4.00	6.25	16.00	16.00	
592	LPH.A 01013	Đặng Khánh	Huyền	17/10/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.01. 01847	D380101	4.50	6.00	3.75	14.25	14.50	
593	LPH.A 01014	Vũ Thị Như	Huyền	10/07/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu	01	1	07.01. 01851	D380107	5.75	4.75	5.00	15.50	15.50	
594	LPH.A 01015	Nguyễn Thị	Ngọc	23/09/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.01. 01848	D380101	6.75	6.25	6.00	19.00	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
595	LPH.A 01016	Tao Ngọc	Quỳnh	22/12/96		Thành Phố Lai Châu	01	1	07.01. 01849	D380101	2.75	5.25	5.75	13.75	14.00	
596	LPH.A 01017	Vũ Ngọc	Trang	13/09/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.01. 01850	D380101	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00	
597	LPH.A 01018	Lù Văn	Cán	01/12/96		Huyện Tam Đường	01	1	07.02. 01853	D380101	1.50	4.50	3.00	9.00	9.00	
598	LPH.A 01019	Giăng A	Công	06/03/96		Huyện Tam Đường	01	1	07.02. 01859	D380107	1.25	2.50	3.25	7.00	7.00	
599	LPH.A 01020	Đỗ Thị	Lành	06/09/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.02. 01856	D380101	3.00	3.25	4.50	10.75	11.00	
600	LPH.A 01022	Hoàng Thị	Ngon	12/08/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu	01	1	07.02. 01858	D380101	3.50	5.50	4.75	13.75	14.00	
601	LPH.A 01023	Lù Tuyết	Nhung	23/09/96	Nữ	Huyện Nậm Nhùn	01	1	07.02. 01855	D380101	5.00	5.00	4.00	14.00	14.00	
602	LPH.A 01025	Đỗ Thị Hoài	Thương	13/09/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.02. 01857	D380101	1.00	2.75	2.75	6.50	6.50	
603	LPH.A 01026	Phu Lò	Cà	09/08/96		Huyện Phong Thổ	01	1	07.04. 01860	D380101	2.25	3.50	3.50	9.25	9.50	
604	LPH.A 01027	Vương Văn	Minh	27/07/95		Thành Phố Lai Châu	01	1	07.04. 01861	D380101	0.50	3.00	2.50	6.00	6.00	
605	LPH.A 01028	Lường Liên	Thanh	15/01/96		Huyện Than Uyên	01	1	07.04. 01862	D380101	0.25	2.50	3.00	5.75	6.00	
606	LPH.A 01029	Nguyễn Thị Thùy	Anh	27/09/96	Nữ	Huyện Tam Đường		1	07.07. 01863	D380101	5.00	5.25	4.75	15.00	15.00	
607	LPH.A 01030	Lò Thị Nguyệt	Nga	05/06/96	Nữ	Huyện Sin Hồ	01	1	07.10. 01864	D380101	2.50	5.50	5.50	13.50	13.50	
608	LPH.A 01031	Tăng Bá	Vương	31/08/96		Huyện Phong Thổ		1	07.10. 01865	D380101	1.75	3.00	2.50	7.25	7.50	
609	LPH.A 01033	Chèo Lan	Hương	01/06/96	Nữ	Huyện Sin Hồ	01	1	07.13. 01867	D380101	1.00	3.25	3.75	8.00	8.00	
610	LPH.A 01034	Phạm Kim	Oanh	18/08/95	Nữ	Huyện Mường Tè		1	07.16. 01868	D380101	1.00	2.75	3.50	7.25	7.50	
611	LPH.A 01036	Lò Thu	Hằng	04/12/96	Nữ	Huyện Than Uyên	01	1	07.19. 01871	D380101	5.00	5.00	5.25	15.25	15.50	
612	LPH.A 01038	Lưu Kim Tiểu	Linh	03/11/96	Nữ	Huyện Than Uyên		1	07.19. 01874	D380107	5.25	3.50	3.50	12.25	12.50	
613	LPH.A 01042	Đỗ Thị	Huệ	06/06/96	Nữ	Huyện Tân Uyên		1	07.23. 01876	D380101	4.00	3.50	3.00	10.50	10.50	
614	LPH.A 01043	Vũ Ngọc	Hưng	28/06/96		Huyện Tân Uyên		1	07.23. 01877	D380101	0.00	2.25	3.25	5.50	5.50	
615	LPH.A 01045	Đỗ Thùy	Liên	13/10/95	Nữ	Huyện Sa Pa		1	08.05. 05577	D380101	5.75	4.50	5.75	16.00	16.00	
616	LPH.A 01048	Ly Quốc	Quyên	09/01/95		Huyện Bắc Hà	01	1	08.08. 05580	D380101	2.50	4.50	2.75	9.75	10.00	
617	LPH.A 01050	Lê Anh	Chuyên	22/08/96	Nữ	Huyện Mường Khương		1	08.10. 05585	D380101	8.50	6.50	9.00	24.00	24.00	
618	LPH.A 01052	Lê Thị Thuỳ	Dung	22/05/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05601	D380107	9.00	6.75	9.25	25.00	25.00	
619	LPH.A 01053	Đình Thu	Hà	31/10/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05582	D380101	7.75	4.75	7.50	20.00	20.00	
620	LPH.A 01054	Nguyễn Thị Thu	Huyền	14/05/96	Nữ	Huyện Sa Pa		1	08.10. 05587	D380101	7.00	3.50	5.25	15.75	16.00	
621	LPH.A 01056	Đỗ Bùi Phương	Linh	30/04/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05590	D380101	8.75	7.50	8.25	24.50	24.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
622	LPH.A 01059	Nguyễn ánh	Ngọc	09/09/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05593	D380101	7.50	6.50	7.00	21.00	21.00	
623	LPH.A 01065	Phạm Thị	Thảo	16/06/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05588	D380101	7.25	3.00	6.50	16.75	17.00	
624	LPH.A 01069	Đỗ Thị ánh	Tuyết	17/12/96	Nữ			1	08.10. 05594	D380107	8.50	6.50	6.75	21.75	22.00	
625	LPH.A 01070	Hoàng Mạnh	Hà	22/06/96		Thành phố Lào Cai		1	08.11. 05604	D380101	6.75	7.00	8.50	22.25	22.50	
626	LPH.A 01071	Vũ Thị Ngọc	Hà	27/03/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.11. 05602	D380101	5.25	5.50	5.00	15.75	16.00	
627	LPH.A 01073	Triệu Hải	Yến	29/05/96	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	08.11. 05603	D380101	6.75	6.00	6.50	19.25	19.50	
628	LPH.A 01074	Chang A	Chu	21/10/96		Huyện Sa Pa	01	1	08.15. 05606	D380101	6.00	6.50	4.50	17.00	17.00	
629	LPH.A 01075	Lục Thị	Dim	27/06/96	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.15. 05608	D380101	7.00	6.00	5.50	18.50	18.50	
630	LPH.A 01076	Vàng Ngọc	Dung	16/10/96	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.15. 05607	D380101	4.75	5.75	3.75	14.25	14.50	
631	LPH.A 01077	Nguyễn Thị Bích	Thủy	10/05/96	Nữ	Huyện Si Ma Cai		1	08.17. 05609	D380107	3.25	3.00	4.50	10.75	11.00	
632	LPH.A 01078	Tần Tả	Mấy	21/08/96	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.18. 05610	D380101	2.50	5.50	4.50	12.50	12.50	
633	LPH.A 01079	Phạm Thị	Thúy	06/07/96	Nữ	Huyện Bát Xát		1	08.18. 05611	D380101	7.00	6.75	5.75	19.50	19.50	
634	LPH.A 01080	Nguyễn Việt	Anh	02/07/96		Huyện Bảo Thắng		1	08.19. 05613	D380101	6.25	4.75	5.25	16.25	16.50	
635	LPH.A 01081	Hoàng Thị Tống	Linh	24/08/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.19. 05614	D380101	7.00	6.25	6.75	20.00	20.00	
636	LPH.A 01082	Nguyễn Thế	Mạnh	13/08/96		Huyện Bảo Thắng	01	1	08.19. 05612	D380101	6.75	4.00	4.75	15.50	15.50	
637	LPH.A 01083	Vũ Thị	Thương	22/05/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.21. 05615	D380101	5.00	4.75	4.25	14.00	14.00	
638	LPH.A 01084	Vi Quốc	Toàn	05/09/96		Huyện Văn Bàn	01	1	08.23. 05616	D380101	1.50	2.50	3.75	7.75	8.00	
639	LPH.A 01085	Phạm Văn	Chín	17/09/96		Huyện Văn Bàn	01	1	08.24. 05618	D380101	2.25	2.75	.	5.00	5.00	
640	LPH.A 01086	Nguyễn Việt	Khương	21/09/96		Huyện Văn Bàn	01	1	08.24. 05617	D380101	5.50	6.00	3.50	15.00	15.00	
641	LPH.A 01087	Nông Kiều	Nga	04/03/96	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.25. 05621	D380101	5.50	5.00	7.25	17.75	18.00	
642	LPH.A 01088	Mai Tuyết	Nhung	20/10/96	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	08.25. 05620	D380101	8.25	5.50	7.25	21.00	21.00	
643	LPH.A 01089	Đặng Văn	Sĩ	15/03/96		Huyện Bảo Yên	01	1	08.25. 05619	D380101	4.00	5.50	3.75	13.25	13.50	
644	LPH.A 01090	Giàng Seo	Chính	09/05/96		Huyện Bắc Hà	01	1	08.27. 05622	D380101	2.25	4.00	3.50	9.75	10.00	
645	LPH.A 01091	Vàng Văn	Mạnh	21/10/96		Huyện Bắc Hà	01	1	08.27. 05623	D380101	5.50	4.00	4.50	14.00	14.00	
646	LPH.A 01092	Nguyễn Xuân	Ngữ	24/07/96		Huyện Bắc Hà		1	08.27. 05625	D380107	6.75	6.00	5.25	18.00	18.00	
647	LPH.A 01093	Tần Seo	Thanh	19/08/96		Huyện Bắc Hà	01	1	08.27. 05624	D380101	3.25	6.00	3.25	12.50	12.50	
648	LPH.A 01094	Vàng Ngọc Tú	Anh	13/07/96	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.28. 05627	D380101	4.00	2.25	2.50	8.75	9.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
649	LPH.A 01097	Tống Thị Hồng	Hạnh	03/07/96	Nữ	Huyện Bắc Hà		1	08.47. 05629	D380101	6.75	5.50	6.50	18.75	19.00	
650	LPH.A 01098	Vũ Trung	Đức	15/05/94		Th. phố Tuyên Quang		1	09.01. 00080	D380101	3.00	5.00	3.00	11.00	11.00	
651	LPH.A 01099	Nguyễn Mạnh	Hoàng	21/07/94		Huyện Lâm Bình	01	1	09.02. 00036	D380101	0.25	2.75	2.75	5.75	6.00	
652	LPH.A 01100	Triệu ánh	Dương	17/12/94		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.04. 00108	D380101	0.00	2.00	3.50	5.50	5.50	
653	LPH.A 01102	Lý Thị	Nga	10/06/95	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.06. 00018	D380101	3.50	4.00	5.50	13.00	13.00	
654	LPH.A 01104	Lương Thị	Hường	14/09/95	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.07. 00116	D380101	5.25	6.75	5.25	17.25	17.50	
655	LPH.A 01105	Nông Thị	Sen	02/12/95	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.07. 00115	D380101	5.75	5.00	6.25	17.00	17.00	
656	LPH.A 01107	Lương Anh	Tuấn	28/07/95		Huyện Sơn Dương	01	1	09.07. 00112	D380101	4.25	3.25	3.50	11.00	11.00	
657	LPH.A 01108	Bàn Trung	Kiên	17/04/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.08. 00040	D380101	7.00	6.00	7.25	20.25	20.50	
658	LPH.A 01109	Sùng Văn	Mười	19/09/96		Huyện Na Hang	01	1	09.08. 00038	D380101	2.25	2.50	3.50	8.25	8.50	
659	LPH.A 01110	Hoàng Kim	Ngân	18/09/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.08. 00039	D380101	5.75	6.50	6.50	18.75	19.00	
660	LPH.A 01112	Đặng Ngọc	ánh	09/05/96	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.09. 00077	D380107	2.50	5.75	4.25	12.50	12.50	
661	LPH.A 01113	Trịnh Tiến	Dũng	21/08/96		Huyện Yên Sơn		1	09.09. 00070	D380101	7.00	6.25	6.00	19.25	19.50	
662	LPH.A 01117	Đỗ Thị	Lan	12/06/96	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.09. 00079	D380101	5.75	6.00	6.50	18.25	18.50	
663	LPH.A 01119	Phạm Bích	Ngọc	06/11/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00240	D380101	6.50	1.25	6.50	14.25	14.50	
664	LPH.A 01120	Nguyễn Như	Nguyệt	12/10/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.09. 00081	D380101	5.75	6.50	5.50	17.75	18.00	
665	LPH.A 01121	Vì Thị	Phượng	15/03/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.09. 00074	D380107	6.75	7.25	8.50	22.50	22.50	
666	LPH.A 01122	Vũ Xuân	Thảo	21/12/96		Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00076	D380107	5.75	5.50	7.75	19.00	19.00	
667	LPH.A 01123	Bùi Huyền	Thương	15/09/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00239	D380101	7.00	5.00	6.00	18.00	18.00	
668	LPH.A 01124	Bùi Huyền	Trang	31/12/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00241	D380101	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	
669	LPH.A 01125	Nguyễn Phạm Minh	Trang	04/10/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00073	D380101	7.75	4.75	7.50	20.00	20.00	
670	LPH.A 01126	Nguyễn Thị Hiền	Trang	06/05/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	06	1	09.09. 00097	D380101	7.00	6.00	7.50	20.50	20.50	
671	LPH.A 01128	Lê Thị Thanh	Tùng	24/01/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00078	D380107	7.00	6.50	8.25	21.75	22.00	
672	LPH.A 01131	Bùi Đức	Hiếu	22/08/96		Th. phố Tuyên Quang	01	1	09.10. 00322	D380101	2.00	5.25	5.75	13.00	13.00	
673	LPH.A 01132	Trần Duy	Hùng	11/12/96		Th. phố Tuyên Quang		1	09.10. 00325	D380107	1.75	3.50	2.75	8.00	8.00	
674	LPH.A 01134	Trương Quang	Vĩnh	20/03/96		Th. phố Tuyên Quang	01	1	09.10. 00326	D380107	0.00	3.50	2.50	6.00	6.00	
675	LPH.A 01135	Nguyễn Minh	Nguyệt	30/03/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.11. 00098	D380101	1.00	5.25	3.00	9.25	9.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
676	LPH.A 01136	Nông Thị Hồng	Thắm	28/08/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.11. 00099	D380101	4.25	5.00	5.50	14.75	15.00	
677	LPH.A 01137	Nguyễn Bảo Nghĩa	Trung	09/05/96		Th. phố Tuyên Quang		1	09.11. 00100	D380101	4.00	3.50	4.75	12.25	12.50	
678	LPH.A 01138	Phan Mỹ	Chinh	12/05/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.12. 00353	D380101	5.00	4.50	3.25	12.75	13.00	
679	LPH.A 01141	Đỗ Thị	Nga	19/08/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	01	1	09.12. 00355	D380101	1.25	6.50	5.75	13.50	13.50	
680	LPH.A 01142	La Cô	Nhi	03/07/96	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.12. 00354	D380101	4.50	4.25	3.00	11.75	12.00	
681	LPH.A 01143	Cao Quỳnh	Phương	17/07/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.12. 00352	D380101	5.00	5.50	3.75	14.25	14.50	
682	LPH.A 01144	Lương Văn	Lăng	30/07/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.22. 00032	D380101	4.25	3.50	3.00	10.75	11.00	
683	LPH.A 01145	Nguyễn Bá	Linh	21/03/96		Huyện Hàm Yên		1	09.25. 00077	D380101	7.00	5.50	6.50	19.00	19.00	
684	LPH.A 01146	Nguyễn Văn	Huy	10/03/96		Huyện Hàm Yên		1	09.26. 00071	D380101	5.25	4.50	6.00	15.75	16.00	
685	LPH.A 01147	Hà Thảo	Anh	06/10/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.27. 00096	D380101	0.75	1.75	1.50	4.00	4.00	
686	LPH.A 01148	Nông Thị	Thương	22/05/96	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.27. 00097	D380101	5.25	6.25	4.75	16.25	16.50	
687	LPH.A 01149	Triệu Quốc	Toản	20/05/96		Huyện Yên Sơn	01	1	09.28. 00019	D380101	1.00	3.00	3.50	7.50	7.50	
688	LPH.A 01150	Hoàng Linh	Trang	19/11/96	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.28. 00020	D380107	5.00	4.50	3.50	13.00	13.00	
689	LPH.A 01151	Ngô Thị	Thùy	27/07/96	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	09.30. 00062	D380101	3.75	3.50	3.75	11.00	11.00	
690	LPH.A 01152	Bùi Minh	Đức	15/06/96		Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00196	D380101	5.00	5.00	3.50	13.50	13.50	
691	LPH.A 01154	Ngô Thị Thu	Hoài	21/06/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.31. 00197	D380101	1.00	1.50	2.00	4.50	4.50	
692	LPH.A 01155	Phạm Thị Bích	Hợp	01/10/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00201	D380107	7.00	6.50	7.50	21.00	21.00	
693	LPH.A 01157	Nguyễn Thị Khánh	Ly	07/11/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00200	D380107	6.75	4.50	6.50	17.75	18.00	
694	LPH.A 01158	Lê Thị Thuỷ	Tiên	04/05/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00195	D380101	6.25	5.50	5.75	17.50	17.50	
695	LPH.A 01163	Vy Thị	Liên	02/04/95	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.00. 06161	D380101	7.00	5.50	4.50	17.00	17.00	
696	LPH.A 01165	Hoàng Văn	Nông	20/08/95		Huyện Cao Lộc	01	1	10.00. 06159	D380101	2.50	2.75	3.00	8.25	8.50	
697	LPH.A 01166	Hoàng Thị Thanh	Tâm	24/03/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.00. 06158		3.50	4.75	3.50	11.75	12.00	
698	LPH.A 01170	Phan Quân	Trường	13/06/92		Huyện Tràng Định	01	1	10.00. 06164	D380101	0.75	3.25	2.50	6.50	6.50	
699	LPH.A 01171	Vũ Thị Ngọc	Anh	06/11/96	Nữ	Huyện Cao Lộc		1	10.01. 06178	D380101	1.00	4.25	4.75	10.00	10.00	
700	LPH.A 01173	Bùi Thị Quỳnh	Dung	15/07/97	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06182	D380101	0.25	2.50	3.75	6.50	6.50	
701	LPH.A 01174	Lê Thị Thùy	Dung	11/08/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.01. 06184	D380101	4.50	3.50	2.50	10.50	10.50	
702	LPH.A 01175	Giáp Hồng	Dương	23/01/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06176	D380101	2.25	5.50	6.50	14.25	14.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
703	LPH.A 01177	Nông Diệu	Hằng	27/06/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06173	D380101	5.25	6.00	5.25	16.50	16.50	
704	LPH.A 01178	Phan Trung	Hiếu	05/10/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06180	D380101	4.00	5.00	5.00	14.00	14.00	
705	LPH.A 01180	Vi Thùy	Linh	26/10/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06190	D380107	5.75	5.25	5.00	16.00	16.00	
706	LPH.A 01181	Hoàng Thị Minh	Lý	22/08/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06183	D380101	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
707	LPH.A 01182	Tạ Đức	Mạnh	17/12/96		Huyện Văn Lãng	01	1	10.01. 06191	D380107	3.25	4.50	3.50	11.25	11.50	
708	LPH.A 01183	Ngô Trọng	Nghĩa	30/11/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06170	D380101	0.50	3.75	4.25	8.50	8.50	
709	LPH.A 01184	Hoàng Thị Ban	Ny	07/03/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06181	D380101	5.25	5.50	7.00	17.75	18.00	
710	LPH.A 01185	Hà Thị Thùy	Oanh	05/03/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06179	D380101	0.50	5.25	5.50	11.25	11.50	
711	LPH.A 01186	Nguyễn Văn	Quang	21/10/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06175	D380101	1.50	5.25	3.50	10.25	10.50	
712	LPH.A 01187	Nguyễn Lương	Sơn	13/03/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06189	D380107	0.75	2.50	4.00	7.25	7.50	
713	LPH.A 01188	Triệu Văn	Tài	07/05/96		Huyện Văn Lãng	01	1	10.01. 06171	D380101	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
714	LPH.A 01189	Hoàng Tuấn	Thành	18/09/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06186	D380107	0.25	4.00	3.75	8.00	8.00	
715	LPH.A 01191	Vi Thị Lan	Uyên	15/12/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06172	D380101	3.00	5.50	3.75	12.25	12.50	
716	LPH.A 01192	Lộc Khánh	Vân	09/11/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06188	D380107	5.50	6.00	4.00	15.50	15.50	
717	LPH.A 01193	Phạm Thị Thảo	Vân	20/11/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06169	D380101	5.75	5.50	4.50	15.75	16.00	
718	LPH.A 01196	Hoàng Thu	Huyền	21/05/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06198	D380101	4.50	5.75	5.50	15.75	16.00	
719	LPH.A 01199	Hoàng Ngọc	Ly	15/09/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06192	D380101	7.00	5.00	7.75	19.75	20.00	
720	LPH.A 01201	Nguyễn Thế	Nam	15/03/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06201	D380101	5.50	4.00	6.50	16.00	16.00	
721	LPH.A 01202	Bùi Linh	Sơn	02/11/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06196	D380101	6.50	6.50	5.25	18.25	18.50	
722	LPH.A 01203	Hoàng Đức	Tài	05/04/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06195	D380101	2.75	4.00	4.25	11.00	11.00	
723	LPH.A 01204	Bế Trường	Thành	18/07/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06204	D380107	5.75	5.50	4.50	15.75	16.00	
724	LPH.A 01206	Hoàng Thủy	Tiên	16/02/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.02. 06206	D380107	5.25	5.75	5.50	16.50	16.50	
725	LPH.A 01207	Âu Hoàng	Tùng	08/11/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06205	D380107	3.50	6.25	7.25	17.00	17.00	
726	LPH.A 01209	Hoàng Minh	Thúy	19/03/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.03. 06208	D380107	6.00	5.25	6.50	17.75	18.00	
727	LPH.A 01210	Hứa Thu	Trang	11/06/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.03. 06207	D380101	7.00	6.00	5.00	18.00	18.00	
728	LPH.A 01212	Hoàng Văn	Quyết	24/11/95		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.06. 06209	D380101	5.50	6.25	5.25	17.00	17.00	
729	LPH.A 01213	Nông Bích	Hoài	20/11/95	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.08. 06213	D380101	2.25	5.50	5.00	12.75	13.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
730	LPH.A 01214	Chu Yến	Nhi	02/02/95	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.08. 06211	D380101	7.00	5.50	6.25	18.75	19.00	
731	LPH.A 01215	Nông Thị	Tấm	29/10/95	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.08. 06212	D380101	6.00	5.50	5.50	17.00	17.00	
732	LPH.A 01216	Hoàng Thu	Trang	15/08/95	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.08. 06214	D380107	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
733	LPH.A 01217	Hoàng Mạnh	Cường	30/12/96		Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06231	D380107	3.25	6.50	3.50	13.25	13.50	
734	LPH.A 01218	Bế Thị út	Hà	01/02/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06227	D380101	5.75	4.75	3.50	14.00	14.00	
735	LPH.A 01221	Vi Thị	Hoài	06/04/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06215	D380101	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
736	LPH.A 01222	Chu Thị	Hương	28/12/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06229	D380101	1.00	4.25	1.75	7.00	7.00	
737	LPH.A 01224	Chu Thúy	Hường	28/10/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06225	D380101	5.25	5.25	3.75	14.25	14.50	
738	LPH.A 01225	Hứa Minh	Hường	29/07/96		Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06232	D380107	6.00	4.50	8.25	18.75	19.00	
739	LPH.A 01226	Trần Quý	Liêm	20/02/95		Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06217	D380101	0.75	2.75	3.25	6.75	7.00	
740	LPH.A 01228	Ma Thị	Ngọc	02/11/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06216	D380101	4.00	5.00	4.25	13.25	13.50	
741	LPH.A 01229	Hoàng Thị	Thương	27/11/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06221	D380101	0.50	2.25	2.25	5.00	5.00	
742	LPH.A 01230	Nông Thị	Thương	06/06/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06220	D380101	5.50	6.25	4.75	16.50	16.50	
743	LPH.A 01231	Nông Lan	Thương	13/07/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06218	D380101	6.25	6.00	2.50	14.75	15.00	
744	LPH.A 01232	Hoàng Kiều	Trang	10/02/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06223	D380101	4.50	4.50	3.25	12.25	12.50	
745	LPH.A 01233	Nông Thùy	Trang	08/11/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06228	D380101	6.00	3.25	2.75	12.00	12.00	
746	LPH.A 01234	Nguyễn Thị	Uyên	06/07/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.09. 06224	D380101	1.50	3.75	2.00	7.25	7.50	
747	LPH.A 01235	Nông Thị	Huệ	20/12/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.11. 06234	D380101	4.25	3.50	3.50	11.25	11.50	
748	LPH.A 01236	Hà Thị Thanh	Tâm	01/10/96	Nữ	Huyện Trảng Định	01	1	10.11. 06233	D380101	5.00	5.75	5.50	16.25	16.50	
749	LPH.A 01238	Nguyễn Thị Linh	Chi	12/09/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06237	D380101	5.25	5.50	5.75	16.50	16.50	
750	LPH.A 01240	Hoàng Đức	Được	14/09/96		Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06238	D380101	2.00	4.00	3.50	9.50	9.50	
751	LPH.A 01242	Lương Thị Thu	Hương	18/12/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06240	D380101	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
752	LPH.A 01243	Phan Thị Như	Quỳnh	03/01/97	Nữ	Huyện Bình Gia		1	10.13. 06236	D380101	5.75	5.50	7.50	18.75	19.00	
753	LPH.A 01245	Hoàng Thị	Ngôn	11/10/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.15. 06242	D380101	3.00	5.25	4.00	12.25	12.50	
754	LPH.A 01246	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	28/01/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06248	D380101	2.00	3.50	3.25	8.75	9.00	
755	LPH.A 01249	Nông Thúy	Kiều	13/03/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06250	D380101	0.00	3.25	3.50	6.75	7.00	
756	LPH.A 01250	Phùng Mỹ	Lệ	18/04/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06245	D380101	2.75	5.75	2.75	11.25	11.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
757	LPH.A 01251	Nông Ngọc	Linh	18/10/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06244	D380101	4.00	5.25	5.25	14.50	14.50	
758	LPH.A 01252	Đinh Thị	Loan	13/11/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06247	D380101	0.25	3.00	2.25	5.50	5.50	
759	LPH.A 01255	Dương Thị Phương	Quỳnh	27/05/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.19. 06253	D380101	4.50	3.00	4.00	11.50	11.50	
760	LPH.A 01256	Dương Doãn	Kiên	10/09/96		Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06254	D380101	0.25	2.75	3.75	6.75	7.00	
761	LPH.A 01257	Vy Văn	Kính	19/08/96		Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06256	D380101	1.50	4.50	3.50	9.50	9.50	
762	LPH.A 01258	Hoàng Văn	Tân	27/09/95		Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06255	D380101	0.00	3.75	2.50	6.25	6.50	
763	LPH.A 01259	Hoàng Minh	Hậu	01/02/95		Huyện Văn Quan	01	1	10.23. 06258	D380101	3.00	4.50	4.50	12.00	12.00	
764	LPH.A 01260	Lục Thị	Huệ	28/10/95	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.23. 06257	D380101	4.50	4.25	4.50	13.25	13.50	
765	LPH.A 01261	Nông Thị Diệu	Linh	19/10/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06259	D380101	5.25	4.50	3.50	13.25	13.50	
766	LPH.A 01263	Nguyễn Quốc	An	29/11/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.28. 06269	D380107	2.50	4.50	3.25	10.25	10.50	
767	LPH.A 01264	Hương Thị	Chuyên	17/04/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.28. 06266	D380101	4.25	5.50	3.50	13.25	13.50	
768	LPH.A 01265	Vi Thị	Hà	28/02/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.28. 06268	D380107	6.00	4.75	4.50	15.25	15.50	
769	LPH.A 01266	Lương Huy	Hoàng	17/05/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.28. 06261	D380101	3.25	4.25	4.50	12.00	12.00	
770	LPH.A 01267	Âu Thu	Kiều	29/04/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.28. 06263	D380101	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
771	LPH.A 01268	Hoàng Khánh	Ly	02/05/95	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.28. 06264	D380101	0.75	1.25	3.00	5.00	5.00	
772	LPH.A 01269	Liễu Ngọc	Quân	22/06/96		Huyện Văn Lãng	01	1	10.28. 06262	D380101	6.25	6.50	6.00	18.75	19.00	
773	LPH.A 01270	Nguyễn Đình	Sự	06/10/96		Huyện Văn Lãng	01	1	10.28. 06265	D380101	0.25	3.00	2.50	5.75	6.00	
774	LPH.A 01271	Hà Thị	Thi	20/01/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.28. 06267	D380107	4.75	4.25	4.00	13.00	13.00	
775	LPH.A 01272	Hoàng Văn	Đạt	22/09/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06275	D380101	2.00	4.00	2.75	8.75	9.00	
776	LPH.A 01273	Lộc Thị	Đỏ	14/08/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06270	D380101	1.00	5.50	2.25	8.75	9.00	
777	LPH.A 01275	Trình Hoàng	Khiêm	27/09/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06276	D380101	5.75	6.50	5.75	18.00	18.00	
778	LPH.A 01278	Lương Văn	Thành	04/09/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06277	D380101	0.00	2.50	4.50	7.00	7.00	
779	LPH.A 01279	Hoàng Thị	Xuân	12/09/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.29. 06272	D380101	2.25	3.50	2.75	8.50	8.50	
780	LPH.A 01282	Nông Khang	Thái	23/08/95		Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06280	D380107	1.50	1.50	2.50	5.50	5.50	
781	LPH.A 01283	Trần Đức	An	25/10/96		Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06286	D380101	2.00	4.00	3.50	9.50	9.50	
782	LPH.A 01284	Hoàng Thu	Hằng	30/10/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06284	D380101	1.50	4.50	3.25	9.25	9.50	
783	LPH.A 01285	Bế Thị Kim	Huệ	22/06/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06282	D380101	2.00	3.50	5.50	11.00	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
784	LPH.A 01286	Đinh Thị	Lan	26/01/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06285	D380101	2.00	3.00	5.50	10.50	10.50	
785	LPH.A 01287	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	24/10/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06281	D380101	1.75	1.75	1.75	5.25	5.50	
786	LPH.A 01288	Trần Thị Biên	Thùy	16/11/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06287	D380101	5.50	2.00	2.00	9.50	9.50	
787	LPH.A 01289	Vi Thu	Trang	13/08/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06283	D380101	1.50	2.25	2.25	6.00	6.00	
788	LPH.A 01290	Triệu Tiến	Bảo	29/03/96		Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06289	D380101	0.25	3.00	2.75	6.00	6.00	
789	LPH.A 01291	Hoàng Thị	Chuyên	11/06/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06292	D380107	5.25	5.75	6.50	17.50	17.50	
790	LPH.A 01292	Vi Thu	Hà	29/01/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06293	D380107	4.00	4.00	4.25	12.25	12.50	
791	LPH.A 01293	Nông Thị	Huyền	15/10/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06294	D380101	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
792	LPH.A 01294	Vi Thị	Mai	20/01/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06291	D380101	5.00	4.00	4.50	13.50	13.50	
793	LPH.A 01295	Nguyễn Thị Thu	Sương	13/11/96	Nữ	Huyện Lộc Bình		1	10.33. 06290	D380101	4.75	5.00	2.75	12.50	12.50	
794	LPH.A 01296	Hoàng Văn	Thành	20/07/96		Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06288	D380101	0.25	3.50	3.75	7.50	7.50	
795	LPH.A 01298	Vy Thanh	Hương	28/08/95	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.35. 06296	D380101	4.50	4.75	3.75	13.00	13.00	
796	LPH.A 01301	Hoàng Thị Ngọc	Linh	03/02/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.39. 06299	D380101	6.50	6.50	6.00	19.00	19.00	
797	LPH.A 01302	Hoàng Thế	Tâm	20/08/95		Huyện Đình Lập	01	1	10.39. 06300	D380101	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
798	LPH.A 01303	Đặng Ngọc	Bước	02/10/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06304	D380101	2.00	3.50	3.50	9.00	9.00	
799	LPH.A 01304	Lộc Thị	Hay	15/08/95	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06305	D380107	1.75	3.50	3.50	8.75	9.00	
800	LPH.A 01305	Chu Thị Ngọc	Mai	24/08/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06302	D380101	7.00	6.50	7.00	20.50	20.50	
801	LPH.A 01306	Ngô Thúy	Nga	06/11/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06303	D380101	0.25	6.75	5.50	12.50	12.50	
802	LPH.A 01307	Vi Thúy	Ninh	05/08/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06301	D380101	1.00	2.00	2.25	5.25	5.50	
803	LPH.A 01308	Lý Huyền	Linh	19/08/95	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.42. 06307	D380107	6.50	5.75	5.00	17.25	17.50	
804	LPH.A 01309	Nguyễn Minh	Thuận	12/05/95		Huyện Hữu Lũng		1	10.42. 06306	D380101	3.50	5.00	4.50	13.00	13.00	
805	LPH.A 01310	Triệu Tuấn	Anh	04/06/96		Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06308	D380101	1.00	3.50	3.00	7.50	7.50	
806	LPH.A 01311	Nguyễn Ngọc	Hải	17/05/96		Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06309	D380101	1.25	3.75	3.25	8.25	8.50	
807	LPH.A 01312	Trần Hồng	Hạnh	13/06/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06314	D380101	1.75	4.75	3.25	9.75	10.00	
808	LPH.A 01313	Nguyễn Thương	Huyền	13/08/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06312	D380101	4.00	5.50	5.50	15.00	15.00	
809	LPH.A 01314	Lâm Thị Thu	Trang	20/09/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06311	D380101	5.75	6.00	6.00	17.75	18.00	
810	LPH.A 01315	Lương Thị Hà	Trang	23/10/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06315	D380107	6.00	5.50	5.50	17.00	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
811	LPH.A 01316	Lý Thùy	Trang	21/11/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06310	D380101	5.50	5.50	3.50	14.50	14.50	
812	LPH.A 01317	Đỗ Thị	Tươi	29/01/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	04	1	10.43. 06313	D380101	7.00	7.00	6.75	20.75	21.00	
813	LPH.A 01318	Đỗ Thị	Huyền	20/06/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.44. 06316	D380101	3.50	3.50	5.50	12.50	12.50	
814	LPH.A 01319	Quản Trọng	Trụ	01/08/96		Huyện Hữu Lũng		1	10.44. 06317	D380107	3.50	3.00	2.75	9.25	9.50	
815	LPH.A 01320	Hoàng Thị Kim	Anh	09/08/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.46. 06318	D380101	2.50	2.25	3.75	8.50	8.50	
816	LPH.A 01322	Đồng Thanh	Huệ	14/01/95	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02928	D380101	7.00	5.00	5.25	17.25	17.50	
817	LPH.A 01323	Lục ánh	Nguyệt	07/01/95	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02930	D380101	5.25	6.50	7.00	18.75	19.00	
818	LPH.A 01324	Lý Thị Minh	Thư	08/08/95	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02929	D380101	1.75	4.25	2.00	8.00	8.00	
819	LPH.A 01326	Sái Minh	Quý	13/05/95		Huyện Na Rì	01	1	11.04. 02932	D380101	5.50	3.50	4.25	13.25	13.50	
820	LPH.A 01327	Hoàng Trung	Tiến	19/07/95		Huyện Na Rì	01	1	11.04. 02933	D380107	6.50	5.50	5.25	17.25	17.50	
821	LPH.A 01328	Dương Hoàng	Đôn	28/02/94		Huyện Ba Bể	01	1	11.06. 02934	D380101	2.25	3.00	2.50	7.75	8.00	
822	LPH.A 01331	Trần Thị	Hiền	29/02/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.09. 02940	D380101	1.00	5.25	5.50	11.75	12.00	
823	LPH.A 01332	Nguyễn Thị	Huệ	21/02/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 02939	D380101	0.25	2.00	4.50	6.75	7.00	
824	LPH.A 01333	Vy Thị	Quỳnh	10/09/96	Nữ	Huyện Chợ Mới	01	1	11.09. 02941	D380107	2.25	2.50	1.75	6.50	6.50	
825	LPH.A 01334	Nguyễn Phương	Thanh	09/05/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.09. 02938	D380101	0.75	3.25	2.25	6.25	6.50	
826	LPH.A 01335	Nông Thị Thu	Trà	22/01/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 02937	D380101	1.50	3.00	4.75	9.25	9.50	
827	LPH.A 01336	Hiến Việt	Cường	10/06/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 02942	D380101	2.50	5.00	3.75	11.25	11.50	
828	LPH.A 01337	Sầm Văn	Dũng	29/06/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 02943	D380101	2.25	4.00	4.50	10.75	11.00	
829	LPH.A 01338	Nguyễn Thanh	Tâm	09/03/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 02947	D380107	3.00	5.25	2.25	10.50	10.50	
830	LPH.A 01339	Hoàng Văn	Tông	03/02/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 02946	D380101	4.75	4.50	3.50	12.75	13.00	
831	LPH.A 01340	Lềng Thị Hà	Trình	02/03/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 02944	D380101	3.50	4.75	3.50	11.75	12.00	
832	LPH.A 01341	Ma Thị Thanh	Xuân	11/11/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 02945	D380101	3.75	4.50	2.50	10.75	11.00	
833	LPH.A 01343	Nông Thị	Hiền	04/07/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 02953	D380101	2.00	3.00	3.75	8.75	9.00	
834	LPH.A 01344	Hoàng Trung	Kiên	14/06/96		Huyện Na Rì	01	1	11.12. 02951	D380101	1.50	3.75	3.75	9.00	9.00	
835	LPH.A 01345	Nông Thị Trang	Thơ	21/08/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 02952	D380101	1.25	2.50	3.75	7.50	7.50	
836	LPH.A 01346	Nông Thị	Thủy	30/07/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 02949	D380101	3.75	3.25	4.25	11.25	11.50	
837	LPH.A 01347	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/08/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 02948	D380101	2.25	4.50	4.50	11.25	11.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
838	LPH.A 01348	Triệu Anh	Hào	18/11/96		Huyện Ngân Sơn	01	1	11.13. 02954	D380101	1.00	4.00	5.50	10.50	10.50	
839	LPH.A 01349	Lê Thị Kim	Huyền	02/01/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.14. 02956	D380101	3.50	6.00	4.00	13.50	13.50	
840	LPH.A 01350	Vi Thị	Thu	15/08/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.14. 02957	D380107	1.00	4.00	3.00	8.00	8.00	
841	LPH.A 01351	Phạm Thị Thanh	Xuân	30/07/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.14. 02955	D380101	5.25	4.50	5.50	15.25	15.50	
842	LPH.A 01352	Nghiêm Ngọc	Trang	09/07/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 02958	D380101	4.25	4.00	4.25	12.50	12.50	
843	LPH.A 01353	Triệu Văn	Hoà	05/09/96		Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 02959	D380101	1.00	3.50	2.75	7.25	7.50	
844	LPH.A 01355	Hoàng Thị Mai	Loan	10/09/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 02962	D380101	0.25	3.00	2.75	6.00	6.00	
845	LPH.A 01356	Lý Tiến	Lợi	23/09/96		Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 02961	D380101	2.75	3.00	3.25	9.00	9.00	
846	LPH.A 01357	Triệu Việt	Hoàng	07/06/96		Huyện Bạch Thông	01	1	11.19. 02963	D380101	6.75	3.50	5.25	15.50	15.50	
847	LPH.A 01358	Nguyễn Thủy	Tiên	14/09/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.19. 02964	D380107	7.75	5.75	6.75	20.25	20.50	
848	LPH.A 01359	Triệu Văn	Dẫn	12/07/89		Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.21. 02966	D380101	0.75	.	.	0.75	1.00	
849	LPH.A 01360	Bế Ngọc	Liêu	06/08/91		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.21. 02965	D380101	0.75	2.50	3.00	6.25	6.50	
850	LPH.A 01362	Nguyễn Thị Châm	Anh	16/06/95	Nữ	Thành phố Thái		2	12.00. 00152	D380101	6.75	6.25	4.75	17.75	18.00	
851	LPH.A 01364	Dương Minh	Hiếu	13/03/95		Huyện Phổ Yên		2NT	12.00. 00148	D380107	7.00	5.50	5.25	17.75	18.00	
852	LPH.A 01367	Nguyễn Kim	Huệ	26/08/95	Nữ	Huyện Đông Hỷ		1	12.00. 00147	D380107	8.00	6.50	8.50	23.00	23.00	
853	LPH.A 01368	Nguyễn Hằng	Nga	24/07/94	Nữ	Thành phố Thái		1	12.00. 00151	D380107	7.00	5.75	6.50	19.25	19.50	
854	LPH.A 01370	Nguyễn Đức	Quyên	10/12/95		Thành phố Thái		1	12.00. 00154	D380101	0.00	2.75	3.25	6.00	6.00	
855	LPH.A 01371	Nguyễn Thị Diệu	Quỳnh	03/12/95	Nữ	Huyện Phú Lương	01	1	12.00. 00157	D380101	0.00	.	.	0.00	0.00	
856	LPH.A 01373	Vũ Tú	Uyên	16/03/95	Nữ	Thành phố Thái		2	12.00. 00149	D380107	7.75	6.00	9.50	23.25	23.50	
857	LPH.A 01374	Nguyễn Tuấn	Vĩ	18/07/95		Huyện Phú Bình		2NT	12.00. 00144	D380101	7.00	6.75	8.50	22.25	22.50	
858	LPH.A 01375	Hoàng Lê	Dương	26/09/96		Thành phố Thái	06	2	12.10. 00428	D380101	7.00	6.25	6.25	19.50	19.50	
859	LPH.A 01376	Nguyễn Thùy	Linh	30/09/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00430	D380101	7.50	6.50	6.00	20.00	20.00	
860	LPH.A 01377	Nhữ Lê Thùy	Linh	28/09/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00433	D380107	8.25	7.50	9.00	24.75	25.00	
861	LPH.A 01378	Nguyễn Đức Tùng	Minh	23/10/96		Thành phố Thái		2	12.10. 00429	D380101	6.75	7.50	5.75	20.00	20.00	
862	LPH.A 01381	Ngô Lê	Phương	13/12/96		Thành phố Thái		2	12.10. 00432	D380101	8.25	7.25	8.25	23.75	24.00	
863	LPH.A 01382	Trần Phương	Thảo	13/04/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00425	D380101	3.00	2.75	3.25	9.00	9.00	
864	LPH.A 01383	Đỗ Thị Thanh	Trà	07/03/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00431	D380101	5.75	6.25	5.00	17.00	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
865	LPH.A 01384	Phùng Quang	Vinh	01/07/96		Huyện Đông Hỷ		2	12.10. 00426	D380101	5.75	5.25	4.50	15.50	15.50	
866	LPH.A 01385	Nguyễn Thị Tố	Anh	07/06/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.11. 01148	D380101	7.00	6.25	7.25	20.50	20.50	
867	LPH.A 01387	Hoàng Văn	Chiến	24/04/96		Thành phố Thái		2	12.11. 01147	D380101	6.75	5.50	5.50	17.75	18.00	
868	LPH.A 01389	Hoàng Nguyệt	Hà	04/03/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.11. 01152	D380101	7.50	6.25	7.00	20.75	21.00	
869	LPH.A 01391	Vũ Thị Thu	Huyền	13/12/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.11. 01155	D380107	7.00	7.50	7.75	22.25	22.50	
870	LPH.A 01392	Phạm Thu	Hường	27/09/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.11. 01153	D380107	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
871	LPH.A 01394	Đỗ Hải	Nguyên	10/08/96		Thành phố Thái		2	12.11. 01154	D380107	5.50	6.50	5.25	17.25	17.50	
872	LPH.A 01395	Hoàng Văn	Thắng	24/04/96		Thành phố Thái		2	12.11. 01150	D380101	6.75	4.50	3.50	14.75	15.00	
873	LPH.A 01397	Nguyễn Bích	Ngọc	21/01/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.13. 00702	D380107	4.50	5.50	3.25	13.25	13.50	
874	LPH.A 01399	Trịnh Thị Trà	My	25/11/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.14. 00758	D380101	7.50	6.50	8.00	22.00	22.00	
875	LPH.A 01401	Đặng Thu	Thủy	03/02/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.14. 00761	D380101	7.00	6.25	6.25	19.50	19.50	
876	LPH.A 01402	Dương Ngọc	Sơn	18/01/96		Huyện Phú Lương		1	12.16. 00462	D380101	4.00	4.50	2.00	10.50	10.50	
877	LPH.A 01403	Nguyễn Thị Thu	Thủy	03/10/96	Nữ	Huyện Phú Lương		1	12.16. 00463	D380101	4.75	5.50	4.50	14.75	15.00	
878	LPH.A 01404	Dương Linh	Chi	28/12/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.17. 00206	D380101	3.50	3.75	2.25	9.50	9.50	
879	LPH.A 01405	Nguyễn Thuỳ	Dung	12/08/96	Nữ	Huyện Phú Lương	01	1	12.17. 00135	D380101	4.25	4.75	4.00	13.00	13.00	
880	LPH.A 01406	Trần Thị	Hương	13/08/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.17. 00113	D380107	5.25	5.50	4.75	15.50	15.50	
881	LPH.A 01407	Hoàng Ngọc	Quyết	26/09/96		Huyện Võ Nhai	01	1	12.17. 00218	D380101	3.25	4.50	4.25	12.00	12.00	
882	LPH.A 01409	Ma Doãn	Thế	16/04/96		Huyện Định Hoá	01	1	12.17. 00152	D380107	6.00	6.00	4.75	16.75	17.00	
883	LPH.A 01410	Trần Văn	Quyến	24/02/96		Thị xã Sông Công		2	12.20. 00709	D380101	5.25	6.50	6.25	18.00	18.00	
884	LPH.A 01411	Trịnh Thị	Lâm	21/02/96	Nữ	Huyện Định Hoá		1	12.21. 00516	D380101	5.25	6.25	6.25	17.75	18.00	
885	LPH.A 01412	Hoàng Thị Phạm	Ngọc	16/04/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00515	D380101	2.25	2.75	2.00	7.00	7.00	
886	LPH.A 01414	Hoàng Văn	Liêm	02/04/96		Huyện Định Hoá	01	1	12.22. 00260	D380101	4.25	3.75	5.50	13.50	13.50	
887	LPH.A 01416	Dương Ngọc	ánh	25/08/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00339	D380107	7.00	6.25	5.50	18.75	19.00	
888	LPH.A 01417	Nguyễn Thị	Dịu	26/05/96	Nữ	Huyện Võ Nhai		1	12.24. 00340	D380107	6.00	5.75	4.50	16.25	16.50	
889	LPH.A 01418	Hoàng Bảo	Ninh	14/08/95		Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00338	D380107	0.25	4.25	2.25	6.75	7.00	
890	LPH.A 01419	Bế út	Tư	30/01/96		Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00341	D380107	3.75	4.25	3.50	11.50	11.50	
891	LPH.A 01420	Đặng Thu	Uyên	15/02/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00336	D380101	6.50	6.50	4.75	17.75	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
892	LPH.A 01422	Trần Tuấn	Anh	01/10/96		Huyện Đại Từ		1	12.25. 00753	D380101	8.25	6.50	7.50	22.25	22.50	
893	LPH.A 01424	Lê Thị	Ly	03/04/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.25. 00755	D380101	4.50	5.25	4.25	14.00	14.00	
894	LPH.A 01425	Nguyễn Thị	Mỹ	06/10/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.25. 00754	D380101	5.25	5.75	3.75	14.75	15.00	
895	LPH.A 01426	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30/05/96	Nữ	Huyện Đông Hỷ		1	12.26. 00048	D380101	1.00	3.25	3.50	7.75	8.00	
896	LPH.A 01427	Đỗ Thị	Quỳnh	16/02/96	Nữ	Huyện Đông Hỷ	01	1	12.27. 00272	D380101	3.25	4.25	3.50	11.00	11.00	
897	LPH.A 01428	Phạm Thanh	Tuyến	05/11/96	Nữ	Huyện Đông Hỷ		1	12.27. 00273	D380101	6.25	7.25	8.00	21.50	21.50	
898	LPH.A 01429	Phạm Thị	ánh	25/09/96	Nữ	Huyện Phú Bình		1	12.28. 00539	D380107	6.00	6.50	3.25	15.75	16.00	
899	LPH.A 01430	Thịnh Duy	Cường	15/01/95		Huyện Phổ Yên		2NT	12.29. 00961	D380101	6.00	5.25	4.25	15.50	15.50	
900	LPH.A 01431	Nguyễn Bích	Huyền	30/07/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		2NT	12.29. 00963	D380107	6.25	6.25	5.25	17.75	18.00	
901	LPH.A 01434	Phùng Tiến	Anh	04/08/96		Huyện Quán Bạ	01	1	12.33. 00889	D380107	5.00	6.50	5.75	17.25	17.50	
902	LPH.A 01435	Hà Ngọc	ánh	16/02/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	12.33. 00880	D380101	3.75	3.50	2.50	9.75	10.00	
903	LPH.A 01436	Vì Yến	Chi	05/05/96	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	12.33. 00877	D380101	4.75	6.50	6.50	17.75	18.00	
904	LPH.A 01437	Đàm Ngọc	Dung	12/11/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	12.33. 00892	D380107	5.00	3.75	4.50	13.25	13.50	
905	LPH.A 01438	Tráng Thị	Dung	16/11/95	Nữ	Huyện Si Ma Cai	01	1	12.33. 00886	D380101	6.00	2.75	7.00	15.75	16.00	
906	LPH.A 01440	Hoàng Thị Thu	Hà	06/06/95	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	12.33. 00885	D380101	7.00	4.25	5.75	17.00	17.00	
907	LPH.A 01441	Nghiêm Chu	Hạnh	01/09/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	12.33. 00881	D380101	1.50	2.75	5.00	9.25	9.50	
908	LPH.A 01442	Lục Thảo	Hiếu	26/11/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	12.33. 00874	D380101	5.00	4.00	4.00	13.00	13.00	
909	LPH.A 01445	Sèn Văn	Hùng	25/07/96		Huyện Xín Mần	01	1	12.33. 00893	D380107	1.25	1.50	3.50	6.25	6.50	
910	LPH.A 01447	Đàm Thị	Hương	23/08/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	12.33. 00872	D380101	6.25	6.50	3.00	15.75	16.00	
911	LPH.A 01448	Ma Thị	Hương	03/11/95	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	12.33. 00897	D380107	5.00	5.50	4.75	15.25	15.50	
912	LPH.A 01451	Lý Văn	Mạnh	14/10/95		Huyện Yên Thế	01	1	12.33. 00895	D380107	5.00	4.75	4.75	14.50	14.50	
913	LPH.A 01452	Tô Như	Mây	25/11/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	12.33. 00875	D380101	6.00	6.50	5.25	17.75	18.00	
914	LPH.A 01453	Nhữ Trà	My	03/08/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	12.33. 00890	D380107	1.00	4.50	4.75	10.25	10.50	
915	LPH.A 01454	Moong Thị Thu	Phương	06/11/95	Nữ	Huyện Tương Dương	01	1	12.33. 00894	D380107	6.75	5.50	5.25	17.50	17.50	
916	LPH.A 01455	Quàng Thị	Thuyết	14/08/95	Nữ	Huyện Mường La	01	1	12.33. 00887	D380101	4.50	4.50	3.75	12.75	13.00	
917	LPH.A 01456	Nông Thị	Thủy	20/08/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	12.33. 00883	D380101	3.00	3.00	2.75	8.75	9.00	
918	LPH.A 01457	Trần Kim	Tuyến	17/02/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	12.33. 00873	D380101	1.75	1.50	2.75	6.00	6.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
919	LPH.A 01458	Vi Văn	Tuyền	04/01/96		Huyện Yên Thế	01	1	12.33. 00870	D380101	0.25	6.25	4.00	10.50	10.50	
920	LPH.A 01460	Đàm Thị Hồng	Vân	24/04/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	12.33. 00898	D380107	4.00	4.50	4.00	12.50	12.50	
921	LPH.A 01462	Củng Thanh	Xuân	10/11/96	Nữ	Huyện Đông Văn	01	1	12.33. 00891	D380107	5.00	4.75	4.75	14.50	14.50	
922	LPH.A 01463	Chu Tiểu	Yến	14/10/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	12.33. 00876	D380101	8.25	3.50	7.50	19.25	19.50	
923	LPH.A 01465	Nguyễn An	Dương	15/09/96		Huyện Phú Bình		2NT	12.36. 00447	D380107	1.75	4.75	3.00	9.50	9.50	
924	LPH.A 01466	Nguyễn Thị	Hân	22/01/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.36. 00446	D380107	8.25	6.50	8.50	23.25	23.50	
925	LPH.A 01467	Đỗ Thị Thanh	Thanh	24/11/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.36. 00444	D380101	8.00	6.00	7.00	21.00	21.00	
926	LPH.A 01468	Đào Thanh	Yến	28/01/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.36. 00445	D380101	6.50	5.75	3.50	15.75	16.00	
927	LPH.A 01469	Ngô Thị	Hiền	12/06/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		2NT	12.37. 00469	D380107	7.00	6.75	5.50	19.25	19.50	
928	LPH.A 01471	Nông Thị Thu	Hằng	28/08/95	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	12.B2. 00156	D380101	3.50	4.25	3.50	11.25	11.50	
929	LPH.A 01474	Nguyễn Thảo	Chinh	24/09/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00001	D380101	7.00	6.50	4.50	18.00	18.00	
930	LPH.A 01475	Đỗ Thị Hương	Giang	05/08/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00011	D380101	8.00	7.00	7.50	22.50	22.50	
931	LPH.A 01476	Hà Trường	Giang	26/05/96		Huyện Trấn Yên		1	13.02. 00012	D380101	7.00	6.00	6.00	19.00	19.00	
932	LPH.A 01479	Mã Mai	Hiền	28/02/96	Nữ	Huyện Trạm Tấu	01	1	13.02. 00006	D380101	8.00	6.00	7.75	21.75	22.00	
933	LPH.A 01480	Lê	Hoàng	30/08/96		Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00003	D380101	6.75	5.75	6.50	19.00	19.00	
934	LPH.A 01485	Trần Hải	Ngân	24/10/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00005	D380107	7.75	6.50	7.50	21.75	22.00	
935	LPH.A 01486	Tạ Thị Minh	Phương	12/07/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.02. 00009	D380101	6.75	6.25	8.25	21.25	21.50	
936	LPH.A 01488	Hà Thị Hương	Trang	24/01/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00014	D380101	7.00	6.75	8.25	22.00	22.00	
937	LPH.A 01492	Lương Thị Ngọc	Anh	02/11/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.03. 00027	D380101	6.50	6.50	7.50	20.50	20.50	
938	LPH.A 01494	Nguyễn Thái	Hoà	11/02/96		Thành phố Yên Bái	01	1	13.03. 00018	D380101	7.00	5.75	5.50	18.25	18.50	
939	LPH.A 01495	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	14/12/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00021	D380107	5.50	4.50	4.50	14.50	14.50	
940	LPH.A 01497	Trần Khánh	Linh	21/08/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00025	D380101	7.50	7.25	7.00	21.75	22.00	
941	LPH.A 01498	Trần Anh	Tú	12/09/96		Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00022	D380101	4.75	6.00	5.50	16.25	16.50	
942	LPH.A 01499	Trần Sơn	Tùng	30/08/96		Thành phố Yên Bái	01	1	13.03. 00019	D380101	0.50	4.00	3.50	8.00	8.00	
943	LPH.A 01500	Vi Thị	Liên	28/11/95	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.05. 00028	D380107	5.00	5.00	5.25	15.25	15.50	
944	LPH.A 01501	Vũ Nhật	Hoàng	14/09/96		Thị xã Nghĩa Lộ		1	13.09. 00029	D380107	5.75	4.75	6.50	17.00	17.00	
945	LPH.A 01502	Nguyễn Thị Hà	My	23/07/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.16. 00030	D380101	0.00	2.00	2.25	4.25	4.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
946	LPH.A 01503	Ngô Thu	Hà	27/09/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.22. 00031	D380101	3.00	4.00	3.75	10.75	11.00	
947	LPH.A 01504	Hoàng Quang	Huy	06/07/95		Huyện Trấn Yên	01	1	13.24. 00032	D380107	7.00	5.50	6.00	18.50	18.50	
948	LPH.A 01507	Phạm Thị	Oanh	27/04/94	Nữ	Huyện Lục Yên		1	13.30. 00035	D380107	2.00	3.50	3.50	9.00	9.00	
949	LPH.A 01510	Lý Thị Hồng	Mai	28/01/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00039	D380101	5.25	4.25	5.75	15.25	15.50	
950	LPH.A 01511	Hoàng Thị Kim	Oanh	12/01/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00042	D380101	3.75	4.00	3.50	11.25	11.50	
951	LPH.A 01513	Lương Huyền	Trang	16/10/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00041	D380101	1.25	2.50	3.25	7.00	7.00	
952	LPH.A 01517	Giàng A	Chư	08/01/95		Huyện Mù Cang Chải	01	1	13.38. 00045	D380101	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
953	LPH.A 01521	Lường Văn	Hiện	20/11/95		Huyện Phù Yên	01	1	14.06. 00141	D380101	3.00	4.25	2.25	9.50	9.50	
954	LPH.A 01522	Nguyễn Việt	Đức	11/12/95		Huyện Mai Sơn		1	14.07. 00065	D380101	1.75	4.00	3.50	9.25	9.50	
955	LPH.A 01523	Dương Trung	Kiên	10/09/95		Huyện Mai Sơn		1	14.07. 00066	D380107	4.50	5.50	4.50	14.50	14.50	
956	LPH.A 01524	Nguyễn Văn	Cường	14/08/95		Huyện Sông Mã		1	14.09. 00137	D380101	4.50	5.00	4.50	14.00	14.00	
957	LPH.A 01525	Sông A	Nênh	01/01/95		Huyện Sông Mã	01	1	14.09. 00059	D380101	1.00	2.00	2.25	5.25	5.50	
958	LPH.A 01526	Lường Văn	Oai	12/11/94		Huyện Sông Mã	01	1	14.09. 00064	D380101	0.75	3.25	2.50	6.50	6.50	
959	LPH.A 01527	Dương Thị Thảo	Vy	17/11/95	Nữ	Huyện Sông Mã		2	14.09. 00069	D380101	6.50	5.50	5.00	17.00	17.00	
960	LPH.A 01528	Trần Thị Vân	Anh	18/05/95	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.10. 00089	D380101	4.00	3.50	2.00	9.50	9.50	
961	LPH.A 01529	Lữ Thị Thùy	Dung	30/08/96	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.11. 00365	D380101	6.00	4.75	4.75	15.50	15.50	
962	LPH.A 01530	Nguyễn Huy	Hoàng	22/08/96		Huyện Mộc Châu		1	14.11. 00368	D380107	7.00	6.75	8.50	22.25	22.50	
963	LPH.A 01532	Nguyễn Nam	Phương	07/04/96		Huyện Yên Châu		1	14.11. 00370	D380107	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00	
964	LPH.A 01533	Đặng Hoàng	Sơn	23/05/96		Huyện Mộc Châu		1	14.11. 00371	D380107	5.00	4.00	2.50	11.50	11.50	
965	LPH.A 01534	Vân Thị	Thảo	21/09/96	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.11. 00367	D380101	0.00	3.25	2.75	6.00	6.00	
966	LPH.A 01536	Nguyễn Thị Vân	Anh	19/09/96	Nữ	Huyện Vân Hồ		1	14.12. 00347	D380101	0.00	.	.	0.00	0.00	
967	LPH.A 01537	Nguyễn Hồng	Sơn	29/08/96		Huyện Mộc Châu		1	14.12. 00102	D380101	5.75	6.00	3.50	15.25	15.50	
968	LPH.A 01538	Nguyễn Đà	Giang	20/11/96		Thành phố Sơn La	01	1	14.14. 00048	D380107	7.00	6.50	6.25	19.75	20.00	
969	LPH.A 01540	Đỗ Xuân	Thành	21/01/96		Thành phố Sơn La		1	14.14. 00242	D380101	2.25	3.50	3.50	9.25	9.50	
970	LPH.A 01541	Lò Văn	Diệp	28/12/96		Huyện Thuận Châu	06	1	14.15. 00326	D380101	0.00	2.75	3.50	6.25	6.50	
971	LPH.A 01543	Lò Văn	Hưng	02/08/96		Huyện Thuận Châu	06	1	14.15. 00266	D380107	0.00	2.50	3.50	6.00	6.00	
972	LPH.A 01544	Lò Văn	Khánh	15/11/96		Huyện Thuận Châu	06	1	14.15. 00268	D380101	0.25	2.75	3.00	6.00	6.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
973	LPH.A 01545	Nguyễn Công	Toàn	03/08/96		Huyện Thuận Châu		1	14.15. 00265	D380101	6.50	2.50	3.50	12.50	12.50	
974	LPH.A 01546	Nguyễn ánh	Dương	15/08/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00185	D380101	5.50	6.00	2.75	14.25	14.50	
975	LPH.A 01547	Cầm Minh	Hòa	05/06/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00186	D380101	0.00	3.50	3.25	6.75	7.00	
976	LPH.A 01548	Lê Việt	Trình	20/08/96	Nữ	Huyện Phù Yên		1	14.16. 00187	D380101	1.00	3.25	3.75	8.00	8.00	
977	LPH.A 01550	Đào Thị Thanh	Huyền	14/12/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.17. 00152	D380101	5.75	4.75	4.50	15.00	15.00	
978	LPH.A 01551	Hà Kiều	Mi	16/08/96	Nữ	Huyện Mai Sơn	01	1	14.17. 00262	D380101	5.50	6.00	3.00	14.50	14.50	
979	LPH.A 01553	Nguyễn Lâm	Sơn	01/10/96		Huyện Mai Sơn		1	14.17. 00186	D380101	4.50	4.25	5.00	13.75	14.00	
980	LPH.A 01554	Lò Thị	Trang	18/02/96	Nữ	Huyện Yên Châu	01	1	14.18. 00120	D380101	6.50	4.50	3.50	14.50	14.50	
981	LPH.A 01555	Lò Thị	Xuân	09/06/96	Nữ	Huyện Yên Châu	01	1	14.18. 00119	D380101	2.75	4.50	3.50	10.75	11.00	
982	LPH.A 01556	Phan Hải	Anh	24/05/96	Nữ	Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00423	D380101	6.25	3.75	5.25	15.25	15.50	
983	LPH.A 01557	Quảng Mai	Chi	26/06/96	Nữ	Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00239	D380101	1.00	2.75	1.75	5.50	5.50	
984	LPH.A 01558	Phạm Tân	Long	28/09/96		Huyện Sông Mã		1	14.19. 00221	D380107	0.50	2.00	.	2.50	2.50	
985	LPH.A 01560	Nguyễn Đức	Dũng	22/10/96		Thành phố Sơn La		1	14.21. 00400	D380107	7.00	4.50	3.50	15.00	15.00	
986	LPH.A 01561	Vũ Anh	Dũng	20/01/96		Thành phố Sơn La		1	14.21. 00401	D380107	1.00	3.00	2.75	6.75	7.00	
987	LPH.A 01562	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/10/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00396	D380101	6.50	6.50	8.75	21.75	22.00	
988	LPH.A 01563	Nguyễn Đăng	Hoàng	07/04/96		Thành phố Sơn La		1	14.21. 00399	D380107	0.00	3.25	3.75	7.00	7.00	
989	LPH.A 01564	Phạm Quốc Minh	Hoàng	18/06/96		Thành phố Sơn La		1	14.21. 00393	D380101	6.25	7.00	5.75	19.00	19.00	
990	LPH.A 01565	Phạm Thị Thu	Hương	22/03/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00403	D380107	3.50	5.25	3.50	12.25	12.50	
991	LPH.A 01566	Phan Thảo	Linh	03/05/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00390	D380101	6.75	6.50	5.50	18.75	19.00	
992	LPH.A 01567	Trần Thị Mỹ	Nhật	01/12/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00398	D380101	6.50	6.50	8.75	21.75	22.00	
993	LPH.A 01569	Nguyễn Trần	Phương	05/02/96		Huyện Yên Châu		1	14.21. 00389	D380101	1.50	4.50	4.00	10.00	10.00	
994	LPH.A 01570	Nguyễn Tiến	Thành	07/10/96		Thành phố Sơn La		1	14.21. 00391	D380101	6.25	7.50	4.75	18.50	18.50	
995	LPH.A 01571	Cao Thị Thu	Thảo	26/10/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00402	D380107	8.25	7.50	8.50	24.25	24.50	
996	LPH.A 01572	Bùi Trung	Thị	07/04/96		Thành phố Sơn La		1	14.21. 00394	D380101	7.00	5.25	6.00	18.25	18.50	
997	LPH.A 01573	Cà Thị	Thủy	27/01/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00392	D380101	6.50	6.25	3.75	16.50	16.50	
998	LPH.A 01574	Vừ A	Si	02/12/96		Huyện Mai Sơn	01	1	14.22. 00010	D380101	4.00	3.25	3.25	10.50	10.50	
999	LPH.A 01575	Vàng A	Cầu	20/02/96		Huyện Sông Mã	01	1	14.24. 00060	D380101	2.50	2.50	3.25	8.25	8.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1000	LPH.A 01576	Lò Thị	Khuyên	09/10/96	Nữ	Huyện Quỳnh Nhai	01	1	14.26. 00129	D380101	1.25	4.25	3.25	8.75	9.00	
1001	LPH.A 01577	Lù Văn	Phái	25/08/96		Huyện Quỳnh Nhai	01	1	14.26. 00130	D380101	4.25	4.50	4.00	12.75	13.00	
1002	LPH.A 01579	Mùa Thị	Dua	16/05/96	Nữ	Huyện Bắc Yên	01	1	14.28. 00352	D380101	2.75	4.50	3.00	10.25	10.50	
1003	LPH.A 01580	Mùa A	Phống	05/06/96		Huyện Bắc Yên	01	1	14.28. 00354	D380101	3.50	4.75	3.50	11.75	12.00	
1004	LPH.A 01581	Đinh Thị	Sang	17/05/96	Nữ	Huyện Bắc Yên	01	1	14.28. 00353	D380101	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
1005	LPH.A 01582	Đinh Công	Thành	01/10/96		Huyện Thuận Châu		1	14.29. 00020	D380101	0.00	2.75	3.50	6.25	6.50	
1006	LPH.A 01583	Đinh Tiến	Thành	05/05/96		Huyện Thuận Châu		1	14.29. 00001	D380101	0.00	2.50	3.25	5.75	6.00	
1007	LPH.A 01584	Cầm Đức	Chính	02/08/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.31. 00035	D380101	1.00	3.00	3.00	7.00	7.00	
1008	LPH.A 01586	Dương Ngọc	Anh	26/11/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.34. 00067	D380101	1.00	3.75	3.50	8.25	8.50	
1009	LPH.A 01592	Trương Văn	Đồng	24/08/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.51. 00000	D380101	3.50	4.00	3.75	11.25	11.50	
1010	LPH.A 01593	Hà Thị	Súng	18/10/96	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	14.51. 00000	D380101	0.25	3.25	3.75	7.25	7.50	
1011	LPH.A 01594	Thào A	Sênh	16/06/96		Huyện Thuận Châu	06	1	14.52. 00047	D380101	0.00	2.00	2.75	4.75	5.00	
1012	LPH.A 01596	Lê Thị Thu	Hiền	28/06/95	Nữ	Huyện Cẩm Khê	01	1	15.00. 08022	D380107	5.75	4.75	4.00	14.50	14.50	
1013	LPH.A 01599	Hoàng Tú	Quyên	09/12/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	15.00. 08021	D380101	4.75	5.75	5.25	15.75	16.00	
1014	LPH.A 01601	Lê Ngọc	Toàn	22/10/96		Thị xã Phú Thọ		2	15.00. 08017	D380101	7.75	8.50	5.25	21.50	21.50	
1015	LPH.A 01607	Bùi Mạnh	Hưng	14/10/96		Huyện Phù Ninh		2	15.01. 08030	D380101	5.25	5.50	5.75	16.50	16.50	
1016	LPH.A 01612	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/01/96	Nữ	Huyện Đoan Hùng		2	15.01. 08027	D380101	7.75	6.75	6.75	21.25	21.50	
1017	LPH.A 01613	Nguyễn Phương	Thảo	19/05/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		2	15.01. 08031	D380101	6.75	6.50	4.00	17.25	17.50	
1018	LPH.A 01616	Vũ Thục	Chi	11/11/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08039	D380107	7.75	7.50	7.75	23.00	23.00	
1019	LPH.A 01617	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	10/10/96	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.02. 08038	D380107	8.50	7.75	8.75	25.00	25.00	
1020	LPH.A 01620	Phan Thị Yến	Chi	09/04/96	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.10. 08044	D380101	6.75	3.75	7.25	17.75	18.00	
1021	LPH.A 01621	Cù Thị Thanh	Huyền	12/12/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.10. 08043	D380101	6.25	5.75	4.50	16.50	16.50	
1022	LPH.A 01622	Ngô Thị Thu	Ngân	20/10/96	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.10. 08042	D380101	2.25	2.50	2.50	7.25	7.50	
1023	LPH.A 01625	Nguyễn Đức	Hoàng	20/11/96		Huyện Cẩm Khê		1	15.27. 08047	D380101	5.00	7.25	5.25	17.50	17.50	
1024	LPH.A 01627	Trần Minh	Trí	09/09/95		Huyện Cẩm Khê		1	15.30. 08049	D380101	2.50	4.75	4.50	11.75	12.00	
1025	LPH.A 01628	Hoàng Kiều	Diễm	11/09/96	Nữ	Huyện Yên Lập	06	1	15.31. 08052	D380101	3.25	3.25	4.25	10.75	11.00	
1026	LPH.A 01629	Phùng Thị Mỹ	Hoa	21/08/96	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.31. 08050	D380101	5.25	4.75	2.75	12.75	13.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1027	LPH.A 01630	Phan Đăng	Lưu	01/09/96		Huyện Yên Lập		1	15.31. 08051	D380101	7.00	6.00	6.00	19.00	19.00	
1028	LPH.A 01631	Đoàn Ngọc	Mạnh	21/09/96		Huyện Tân Sơn		1	15.36. 08054	D380101	7.00	6.75	4.50	18.25	18.50	
1029	LPH.A 01632	Hà Trung	Quân	30/05/96		Huyện Thanh Sơn	01	1	15.36. 08053	D380101	2.50	2.75	2.50	7.75	8.00	
1030	LPH.A 01633	Nguyễn Thị	Lan	15/10/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.37. 08055	D380101	2.50	5.50	5.75	13.75	14.00	
1031	LPH.A 01634	Nguyễn Thị Kim	Cúc	04/08/96	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	15.39. 08056	D380101	6.75	5.00	4.50	16.25	16.50	
1032	LPH.A 01635	Trần Đại	Hải	29/09/96		Huyện Phù Ninh		2NT	15.40. 08057	D380101	3.50	2.50	2.50	8.50	8.50	
1033	LPH.A 01636	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/11/96	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.44. 08059	D380101	8.00	7.75	8.50	24.25	24.50	
1034	LPH.A 01637	Bùi Đức	Long	04/05/96		Huyện Lâm Thao		2NT	15.44. 08058	D380101	8.00	6.50	8.25	22.75	23.00	
1035	LPH.A 01638	Đặng Thị	Tú	29/01/96	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.44. 08060	D380107	7.00	6.75	7.25	21.00	21.00	
1036	LPH.A 01640	Trần Thị Thanh	Tâm	09/10/96	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.45. 08062	D380101	6.25	5.50	6.50	18.25	18.50	
1037	LPH.A 01641	Nguyễn Thị	Thanh	02/09/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		1	15.45. 08063	D380101	3.00	4.50	5.00	12.50	12.50	
1038	LPH.A 01642	Nguyễn Đức	Tài	22/10/95		Huyện Lâm Thao		2NT	15.47. 08064	D380101	6.00	6.75	7.50	20.25	20.50	
1039	LPH.A 01644	Phùng Duy	Tiến	03/05/96		Huyện Tam Nông		1	15.50. 08066	D380101	6.25	4.50	4.50	15.25	15.50	
1040	LPH.A 01645	Đieu Trung	Văn	01/10/96		Huyện Tam Nông		1	15.50. 08067	D380101	6.50	4.50	4.50	15.50	15.50	
1041	LPH.A 01646	Phan Vinh	Quang	17/04/96		Huyện Tam Nông		1	15.51. 08068	D380101	7.00	5.50	4.75	17.25	17.50	
1042	LPH.A 01647	Ngô Duy	Khánh	04/11/95		Huyện Tam Nông		1	15.52. 08069	D380101	6.25	3.75	4.50	14.50	14.50	
1043	LPH.A 01648	Nguyễn Ngọc	Duy	13/03/96		Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08070	D380101	4.50	5.50	5.00	15.00	15.00	
1044	LPH.A 01652	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	08/10/95	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.01. 00296	D380101	6.25	4.50	4.50	15.25	15.50	
1045	LPH.A 01653	Trần Thị Việt	Chinh	20/08/95	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.01. 00294	D380107	6.50	6.50	5.00	18.00	18.00	
1046	LPH.A 01654	Nguyễn Hữu	Hậu	08/03/95		Huyện Yên Lạc		2NT	16.01. 00291	D380101	6.75	7.50	4.50	18.75	19.00	
1047	LPH.A 01656	Khổng Hoài	Nam	20/09/95		Huyện Sông Lô		1	16.01. 00292	D380107	5.50	6.75	6.50	18.75	19.00	
1048	LPH.A 01657	Chu Hồng	Phi	10/04/95		Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.01. 00295	D380101	5.00	5.50	3.50	14.00	14.00	
1049	LPH.A 01659	Nguyễn Tiến	Thành	17/11/95		Huyện Yên Lạc		2NT	16.01. 00298	D380101	1.00	.	.	1.00	1.00	
1050	LPH.A 01660	Phạm Thị Liên	Thảo	15/11/94	Nữ	Huyện Tam Dương		1	16.01. 00290	D380101	5.75	5.50	5.75	17.00	17.00	
1051	LPH.A 01669	Nguyễn Ngọc	Bích	11/06/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.12. 00350	D380107	9.00	7.50	9.00	25.50	25.50	
1052	LPH.A 01670	Nguyễn Thị	Duyên	26/09/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2	16.12. 00347	D380101	8.00	6.25	8.50	22.75	23.00	
1053	LPH.A 01671	Vũ Thị	Huyền	20/02/96	Nữ	Huyện Sông Lô		2	16.12. 00348	D380101	8.50	7.25	7.50	23.25	23.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1054	LPH.A 01672	Phùng Thị	Nga	25/02/96	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	16.12. 00351	D380107	8.00	7.50	9.25	24.75	25.00	
1055	LPH.A 01673	Đặng Thị Hương	Nhi	28/09/96	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	16.12. 00346	D380101	7.00	6.50	7.25	20.75	21.00	
1056	LPH.A 01674	Trần Thị Cẩm	Nhung	16/09/96	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	16.12. 00345	D380101	7.50	6.50	8.25	22.25	22.50	
1057	LPH.A 01676	Nguyễn Thanh	Tâm	27/01/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.12. 00352	D380107	7.75	7.50	8.00	23.25	23.50	
1058	LPH.A 01678	Nguyễn Công	Thành	28/02/96		Huyện Yên Lạc		2	16.14. 00041	D380101	7.50	7.00	7.25	21.75	22.00	
1059	LPH.A 01680	Nguyễn Thị	Mai	02/10/96	Nữ	Huyện Tam Dương		1	16.21. 00473	D380101	7.75	6.75	8.75	23.25	23.50	
1060	LPH.A 01681	Nguyễn Thị Diệu	Như	27/03/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00475	D380101	6.50	5.50	7.75	19.75	20.00	
1061	LPH.A 01682	Nguyễn Thị	Thúy	03/12/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00482	D380101	7.00	6.25	5.50	18.75	19.00	
1062	LPH.A 01685	Trần Thị Tôn	Lữ	28/10/96	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	16.31. 00324	D380107	6.75	6.25	7.50	20.50	20.50	
1063	LPH.A 01688	Nguyễn Hồng	Nhung	13/04/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.34. 00153	D380101	6.25	6.00	4.00	16.25	16.50	
1064	LPH.A 01689	Đặng Thị Thu	Hà	12/06/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.41. 00628	D380101	8.00	6.25	5.75	20.00	20.00	
1065	LPH.A 01692	Phùng Vĩnh	Phúc	24/05/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.41. 00559	D380101	6.75	5.50	4.50	16.75	17.00	
1066	LPH.A 01694	Vũ Thị Hồng	Yến	09/11/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00149	D380101	6.50	5.50	4.50	16.50	16.50	
1067	LPH.A 01695	Vũ Đăng	Khoa	04/03/96		Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.45. 00141	D380101	7.00	6.50	7.00	20.50	20.50	
1068	LPH.A 01696	Nguyễn Thị Hồng	Giang	27/11/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.51. 00804	D380107	7.75	7.50	8.50	23.75	24.00	
1069	LPH.A 01697	Đỗ Tuấn	Linh	03/12/96		Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 00803	D380101	7.25	8.25	7.75	23.25	23.50	
1070	LPH.A 01699	Hoàng Văn	Sự	04/08/96		Huyện Yên Lạc		2NT	16.52. 00013	D380101	6.50	5.00	6.50	18.00	18.00	
1071	LPH.A 01701	Phạm Văn	Hòa	20/05/96		Huyện Yên Lạc		2NT	16.55. 00152	D380101	6.50	6.75	6.00	19.25	19.50	
1072	LPH.A 01702	Trần Thị	Ban	09/01/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.61. 00063	D380101	7.50	6.50	8.00	22.00	22.00	
1073	LPH.A 01703	Quách Thu	Hiền	09/01/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.61. 00136	D380101	8.00	5.50	4.50	18.00	18.00	
1074	LPH.A 01704	Lỗ Thị Kiều	Linh	25/10/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	16.82. 00275	D380101	7.25	6.50	8.50	22.25	22.50	
1075	LPH.A 01706	Phạm Hải	Chi	24/05/95	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.00. 00009	D380101	5.00	5.50	3.75	14.25	14.50	
1076	LPH.A 01707	Đỗ Khánh	Dương	28/11/95		Thành phố Hạ Long		2	17.00. 00007	D380101	6.25	5.50	5.00	16.75	17.00	
1077	LPH.A 01709	Vũ Hương	Giang	02/09/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.00. 00008	D380101	6.75	6.75	3.00	16.50	16.50	
1078	LPH.A 01711	Vũ Thị Thu	Hiền	13/05/95	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.00. 00003	D380101	6.00	6.00	7.25	19.25	19.50	
1079	LPH.A 01713	Hà Thị Thu	Trang	10/10/95	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.00. 00006	D380101	7.50	6.50	6.75	20.75	21.00	
1080	LPH.A 01714	Hoàng Thanh	Tú	29/12/96		Thành phố Hạ Long		2	17.00. 00001	D380101	6.00	5.00	4.00	15.00	15.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1081	LPH.A 01718	Vũ Thị Cẩm	Hà	30/11/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00004	D380101	8.00	7.50	5.50	21.00	21.00	
1082	LPH.A 01722	Phạm Thị Thanh	Nga	17/06/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00008	D380101	6.75	5.00	4.50	16.25	16.50	
1083	LPH.A 01724	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/01/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		1	17.01. 00010	D380101	7.75	6.75	7.75	22.25	22.50	
1084	LPH.A 01725	Nguyễn Hải	Thịnh	28/10/96		Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00011	D380101	6.50	7.00	5.25	18.75	19.00	
1085	LPH.A 01726	Vũ Thị	Thủy	03/07/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.01. 00012	D380107	8.50	4.25	7.75	20.50	20.50	
1086	LPH.A 01727	Nguyễn Ngọc	Anh	14/10/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00006	D380107	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	
1087	LPH.A 01730	Nguyễn Phương	Thảo	11/07/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00002	D380101	7.00	6.75	7.75	21.50	21.50	
1088	LPH.A 01734	Bùi Đức	Cường	06/03/96		Thành phố Hạ Long		2	17.05. 00002	D380101	7.75	7.50	5.75	21.00	21.00	
1089	LPH.A 01735	Trương Thị Khánh	Ly	18/04/96	Nữ	Huyện Ba Chẽ	01	1	17.05. 00001	D380101	8.00	6.75	7.25	22.00	22.00	
1090	LPH.A 01736	Lê Nguyễn Hương	Giang	16/05/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.06. 00001	D380107	3.25	3.25	2.50	9.00	9.00	
1091	LPH.A 01738	Nguyễn Thị	Huệ	21/08/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.07. 00001	D380101	4.75	5.50	4.50	14.75	15.00	
1092	LPH.A 01739	Trần Thị Xuân	Thu	19/02/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.07. 00002	D380101	8.25	6.50	5.50	20.25	20.50	
1093	LPH.A 01740	Nguyễn Song	An	01/12/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00001	D380101	8.00	7.25	6.25	21.50	21.50	
1094	LPH.A 01741	Nguyễn Nghĩa	Hiệp	08/11/96		Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00002	D380101	5.75	6.50	5.25	17.50	17.50	
1095	LPH.A 01743	Vũ Minh	Ngọc	08/05/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00004	D380101	6.75	7.75	8.00	22.50	22.50	
1096	LPH.A 01744	Nguyễn Trọng	Thái	02/09/95		Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00005	D380101	7.00	7.50	6.50	21.00	21.00	
1097	LPH.A 01745	Bùi Thị Tô	Thành	05/12/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00006	D380101	6.00	6.50	6.25	18.75	19.00	
1098	LPH.A 01750	Hoàng Đức	Chung	27/04/96		Thành phố Uông Bí		2	17.24. 00007	D380107	6.75	6.25	8.25	21.25	21.50	
1099	LPH.A 01752	Phùng Thị Hạnh	Dung	25/02/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		1	17.24. 00003	D380101	6.75	5.50	5.75	18.00	18.00	
1100	LPH.A 01753	Dương Thu	Giang	11/08/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		2	17.24. 00013	D380101	6.50	7.25	6.00	19.75	20.00	
1101	LPH.A 01755	Hà Thuý	Hằng	03/02/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		2	17.24. 00010	D380101	7.50	5.75	5.25	18.50	18.50	
1102	LPH.A 01756	Mạc Thị	Lệ	31/08/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2	17.24. 00006	D380101	5.25	2.50	4.25	12.00	12.00	
1103	LPH.A 01760	Dương Tùng	Son	10/03/96		Thành phố Uông Bí		2	17.24. 00011	D380107	4.75	7.50	4.50	16.75	17.00	
1104	LPH.A 01762	Vũ Thị Hồng	Uyên	30/09/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		1	17.24. 00004	D380101	5.75	2.50	2.50	10.75	11.00	
1105	LPH.A 01763	Vũ Thị Hồng	Yến	30/09/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		1	17.24. 00005	D380101	6.00	3.25	4.00	13.25	13.50	
1106	LPH.A 01764	Bùi Thị	Hoa	12/10/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		1	17.25. 00002	D380101	3.25	4.50	3.75	11.50	11.50	
1107	LPH.A 01769	Trần Thị	Lệ	10/09/96	Nữ	Thành phố Móng Cái		1	17.32. 00001	D380107	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1108	LPH.A 01770	Vũ Tùng	Dương	17/02/95		Thành phố Móng Cái		2	17.35. 00001	D380101	2.25	4.50	4.00	10.75	11.00	
1109	LPH.A 01771	Vũ Thị Kim	Cúc	27/03/96	Nữ	Huyện Bình Liêu	01	1	17.37. 00001	D380101	1.25	3.50	4.25	9.00	9.00	
1110	LPH.A 01772	Lương Thị	Hường	15/02/96	Nữ	Huyện Bình Liêu	01	1	17.37. 00002	D380101	4.50	6.25	7.25	18.00	18.00	
1111	LPH.A 01774	Hoàng Anh	Biển	21/10/96		Huyện Đầm Hà		2NT	17.40. 00002	D380101	7.00	7.50	8.50	23.00	23.00	
1112	LPH.A 01775	Lê Thị Thu	Hiền	30/12/96	Nữ	Huyện Đầm Hà		2NT	17.40. 00001	D380101	6.75	6.50	6.75	20.00	20.00	
1113	LPH.A 01776	Nguyễn Thu	Thảo	04/07/96	Nữ	Huyện Đầm Hà		1	17.40. 00003	D380107	7.00	7.00	8.75	22.75	23.00	
1114	LPH.A 01777	Phạm Tiến	Dũng	18/05/96		Huyện Hải Hà		2NT	17.44. 00002	D380101	0.00	.	.	0.00	0.00	
1115	LPH.A 01778	Lê Thị	Trình	18/10/96	Nữ	Huyện Hải Hà		2NT	17.44. 00001	D380107	6.25	6.75	4.50	17.50	17.50	
1116	LPH.A 01779	Lương Thị Hà	Uyên	05/09/95	Nữ	Huyện Hải Hà		2NT	17.44. 00003	D380101	7.00	6.00	5.50	18.50	18.50	
1117	LPH.A 01780	Trần Thị	Oanh	07/06/96	Nữ	Huyện Ba Chẽ	01	1	17.53. 00001	D380101	0.00	1.75	1.25	3.00	3.00	
1118	LPH.A 01781	Nguyễn Tuấn	Anh	06/05/96		Huyện Đông Triều		2NT	17.56. 00521	D380101	9.00	7.50	8.50	25.00	25.00	
1119	LPH.A 01784	Vương Thị	Hiền	04/05/96	Nữ	Huyện Đông Triều		2NT	17.56. 00518	D380101	7.00	6.50	4.50	18.00	18.00	
1120	LPH.A 01785	Nguyễn Đăng	Linh	21/06/96		Huyện Đông Triều		2NT	17.56. 00522	D380107	4.00	4.00	5.00	13.00	13.00	
1121	LPH.A 01786	Lưu Thành	Nam	12/12/95		Huyện Đông Triều		2NT	17.56. 00517	D380101	6.50	6.50	5.25	18.25	18.50	
1122	LPH.A 01787	Nguyễn Hồng	Dương	06/03/96		Huyện Đông Triều		1	17.57. 00005	D380101	8.00	6.50	8.50	23.00	23.00	
1123	LPH.A 01788	Tô Minh	Đạt	05/08/96		Huyện Đông Triều		1	17.57. 00002	D380101	8.00	6.50	6.75	21.25	21.50	
1124	LPH.A 01791	Nguyễn Thị Thu	Nga	24/08/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.57. 00003	D380101	7.25	4.75	8.00	20.00	20.00	
1125	LPH.A 01794	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	16/06/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.59. 00001	D380101	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	
1126	LPH.A 01795	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	31/05/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.60. 00001	D380101	5.50	3.25	4.00	12.75	13.00	
1127	LPH.A 01796	Nguyễn Đức	Sự	07/11/96		Huyện Đông Triều		1	17.61. 00001	D380101	0.00	2.25	1.50	3.75	4.00	
1128	LPH.A 01797	Vũ Duy	Dũng	17/08/96		Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00002	D380101	6.25	6.75	5.00	18.00	18.00	
1129	LPH.A 01798	Đinh Thị Thu	Huyền	30/09/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00001	D380107	0.75	2.50	3.25	6.50	6.50	
1130	LPH.A 01799	Đinh Thị	Minh	03/11/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00008	D380101	2.25	4.75	4.00	11.00	11.00	
1131	LPH.A 01801	Vũ Thị Mai	Oanh	01/12/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00010	D380101	8.00	6.75	5.75	20.50	20.50	
1132	LPH.A 01802	Vũ Thị Kim	Thanh	19/12/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00009	D380101	5.00	5.50	5.50	16.00	16.00	
1133	LPH.A 01803	Nguyễn Thị	Thu	31/01/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00007	D380101	5.50	6.00	6.75	18.25	18.50	
1134	LPH.A 01804	Nguyễn Thị Mai	Trang	24/06/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00005	D380101	7.00	6.00	7.50	20.50	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1135	LPH.A 01805	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	29/11/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00004	D380101	7.00	4.75	2.50	14.25	14.50	
1136	LPH.A 01806	Phạm Thị Thu	Uyên	06/11/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00006	D380101	7.25	7.00	7.75	22.00	22.00	
1137	LPH.A 01809	Dương Thị	Hòa	24/07/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00008	D380101	7.75	4.50	7.75	20.00	20.00	
1138	LPH.A 01810	Bùi Thị	Hường	17/05/95	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00006	D380101	5.00	6.25	6.50	17.75	18.00	
1139	LPH.A 01812	Nguyễn Thị	Nguyệt	23/12/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00005	D380101	6.00	5.00	6.00	17.00	17.00	
1140	LPH.A 01813	Đặng Thị	Phương	18/11/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00001	D380101	2.25	2.25	3.75	8.25	8.50	
1141	LPH.A 01814	Vũ Thị	Thảo	10/08/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00002	D380101	4.50	3.50	4.50	12.50	12.50	
1142	LPH.A 01815	Bùi Thị	Thương	20/05/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00007	D380101	6.75	4.75	5.25	16.75	17.00	
1143	LPH.A 01816	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	30/04/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		1	17.68. 00001	D380107	0.25	2.75	2.50	5.50	5.50	
1144	LPH.A 01817	Trần Thị Thanh	Hậu	02/02/95	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.73. 00001	D380101	7.00	5.50	6.25	18.75	19.00	
1145	LPH.A 01818	Trần Thị	Hậu	30/07/96	Nữ	Huyện Hoàn Kiếm		2NT	17.75. 00003	D380101	8.75	6.50	6.50	21.75	22.00	
1146	LPH.A 01819	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	19/07/96	Nữ	Huyện Hoàn Kiếm		2NT	17.75. 00002	D380101	4.00	4.25	2.75	11.00	11.00	
1147	LPH.A 01822	Đinh Mai	Ngọc	05/02/96		Huyện Văn Điển		1	17.80. 00005	D380101	0.00	1.75	2.75	4.50	4.50	
1148	LPH.A 01823	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	01/02/96	Nữ	Huyện Văn Điển	06	1	17.80. 00004	D380107	3.75	4.00	5.00	12.75	13.00	
1149	LPH.A 01824	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/07/96	Nữ	Huyện Văn Điển	01	1	17.80. 00003	D380101	7.50	5.75	5.25	18.50	18.50	
1150	LPH.A 01825	Lê Thị	Xuân	30/06/96	Nữ	Huyện Văn Điển		1	17.80. 00001	D380101	5.50	6.75	5.50	17.75	18.00	
1151	LPH.A 01827	Nguyễn Văn	Biển	18/01/95		Huyện Lạng Giang		1	18.00. 00002	D380101	5.00	2.75	3.75	11.50	11.50	
1152	LPH.A 01829	Nguyễn Thị	Hạ	20/09/95	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.00. 00008	D380101	5.00	3.75	7.50	16.25	16.50	
1153	LPH.A 01830	Trần Đức	Lâm	16/06/95		Huyện Lạng Giang	01	1	18.00. 00001	D380101	4.50	4.75	4.25	13.50	13.50	
1154	LPH.A 01831	Giáp Thị	Nguyên	14/12/95	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.00. 00004	D380101	7.25	5.50	8.50	21.25	21.50	
1155	LPH.A 01833	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	28/02/95	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.00. 00087	D380107	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00	
1156	LPH.A 01835	Đỗ Văn	Thụ	12/11/92		Thành phố Bắc Giang		2	18.00. 00005	D380101	6.50	6.75	6.00	19.25	19.50	
1157	LPH.A 01836	Đỗ Thu	Trang	21/10/95	Nữ	Huyện Tân Yên		2	18.00. 00010	D380101	6.75	5.25	8.00	20.00	20.00	
1158	LPH.A 01838	Bùi Thị	Hoa	19/03/96	Nữ	Huyện Yên Thế	01	1	18.02. 00030	D380101	3.50	2.50	3.00	9.00	9.00	
1159	LPH.A 01839	Vy Công	Sang	28/03/96		Huyện Sơn Động	01	1	18.04. 00042	D380101	7.00	4.75	4.25	16.00	16.00	
1160	LPH.A 01840	Nguyễn Văn	Thuận	05/10/94		Huyện Lục Nam		1	18.05. 00045	D380101	0.25	3.50	2.00	5.75	6.00	
1161	LPH.A 01841	Đỗ Phương	Thảo	12/11/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.06. 00059	D380101	2.50	3.00	3.25	8.75	9.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1162	LPH.A 01842	Giáp Thị	Thảo	05/08/95	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.06. 00060	D380101	2.25	3.75	3.75	9.75	10.00	
1163	LPH.A 01843	Hà Thị	Hậu	25/09/95	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.09. 00078	D380101	4.75	4.50	4.50	13.75	14.00	
1164	LPH.A 01844	Trương Ngọc	Anh	07/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang	01	2	18.11. 00013	D380101	7.25	5.75	5.50	18.50	18.50	
1165	LPH.A 01845	Lê Đình	Duy	22/08/96		Thành phố Bắc Giang		2	18.11. 00016	D380101	7.50	6.75	8.25	22.50	22.50	
1166	LPH.A 01847	Ong Thị Thuỳ	Dương	09/06/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.11. 00011	D380101	6.50	6.25	7.25	20.00	20.00	
1167	LPH.A 01848	Nguyễn Thị	Hạnh	12/09/96	Nữ	Huyện Yên Phong		2	18.11. 00020	D380101	8.00	6.50	7.75	22.25	22.50	
1168	LPH.A 01849	Trần Thị Thu	Hằng	22/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.11. 00015	D380101	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00	
1169	LPH.A 01851	Nguyễn Vũ Thu	Phương	28/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.11. 00018	D380101	7.00	6.50	6.75	20.25	20.50	
1170	LPH.A 01853	Lê Doãn	Tuấn	06/11/96		Thành phố Bắc Giang	06	2	18.11. 00014	D380101	5.75	5.25	6.00	17.00	17.00	
1171	LPH.A 01854	Vũ Ngọc	Tú	26/08/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.11. 00012	D380101	5.25	5.50	4.50	15.25	15.50	
1172	LPH.A 01858	Chu Thị Thu	Hà	08/01/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2	18.12. 00091	D380107	8.50	4.50	8.75	21.75	22.00	
1173	LPH.A 01862	Nguyễn Văn	Kha	09/01/96		Thành phố Bắc Giang		2	18.12. 00090	D380107	6.25	5.75	7.25	19.25	19.50	
1174	LPH.A 01863	Ngô Minh	Khánh	06/01/96		Thành phố Bắc Giang		2	18.12. 00093	D380107	6.00	3.25	5.50	14.75	15.00	
1175	LPH.A 01865	Trần Cảnh	Thăng	18/02/96		Huyện Lạng Giang		2	18.12. 00024	D380101	7.50	3.25	8.75	19.50	19.50	
1176	LPH.A 01869	Đỗ Thuỷ	Trang	02/06/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.14. 00095	D380107	6.75	4.75	4.75	16.25	16.50	
1177	LPH.A 01871	Vũ Công	Chiến	30/07/96		Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00033	D380101	4.25	4.00	3.50	11.75	12.00	
1178	LPH.A 01872	Nguyễn Thị Kim	Dung	16/08/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00041	D380101	6.50	4.50	7.50	18.50	18.50	
1179	LPH.A 01874	Nguyễn Thị	Hà	16/08/95	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00036	D380101	6.25	6.25	6.50	19.00	19.00	
1180	LPH.A 01875	Mạc Thị	Hằng	30/04/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00037	D380101	5.75	4.00	4.00	13.75	14.00	
1181	LPH.A 01876	Trương Văn	Hiếu	27/06/96		Huyện Lục Ngạn	01	1	18.16. 00034	D380101	3.50	5.00	4.75	13.25	13.50	
1182	LPH.A 01879	Mạc Thị	Thanh	23/12/95	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00035	D380101	7.00	3.50	7.75	18.25	18.50	
1183	LPH.A 01880	Phạm Lan	Vy	07/08/95	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00040	D380101	8.50	4.50	8.25	21.25	21.50	
1184	LPH.A 01881	Hồng Thị	Châm	09/07/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.19. 00044	D380101	7.00	7.25	8.75	23.00	23.00	
1185	LPH.A 01882	Phạm Văn	Khuông	04/09/96		Huyện Lục Nam		1	18.19. 00096	D380107	7.50	6.75	7.00	21.25	21.50	
1186	LPH.A 01883	Nguyễn Đỗ Ngọc	Oanh	18/01/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.19. 00043	D380101	6.75	5.75	6.75	19.25	19.50	
1187	LPH.A 01884	Phạm Thuỳ	Linh	16/08/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.20. 00097	D380107	1.25	4.50	2.50	8.25	8.50	
1188	LPH.A 01885	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	09/06/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.21. 00098	D380107	7.50	7.00	6.75	21.25	21.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1189	LPH.A 01886	Đông Thị Thu	Huệ	27/01/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.22. 00099	D380107	3.25	5.25	5.00	13.50	13.50	
1190	LPH.A 01887	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	21/04/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00048	D380101	6.25	5.25	4.50	16.00	16.00	
1191	LPH.A 01888	Hoàng Thị	Bính	04/06/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00054	D380101	8.00	6.50	6.75	21.25	21.50	
1192	LPH.A 01889	Trần Thị Việt	Chinh	02/09/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00052	D380101	7.50	7.25	8.25	23.00	23.00	
1193	LPH.A 01890	Vũ Thị	Diễm	01/07/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00051	D380101	5.50	4.25	2.75	12.50	12.50	
1194	LPH.A 01891	Nguyễn Mạnh	Hiệp	11/02/96		Huyện Tân Yên		1	18.23. 00050	D380101	7.00	6.50	5.50	19.00	19.00	
1195	LPH.A 01892	Nguyễn Thị	Hiên	09/03/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00046	D380101	8.00	6.50	8.75	23.25	23.50	
1196	LPH.A 01893	Mai Thị	Hoa	01/03/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00056	D380101	4.50	4.25	4.25	13.00	13.00	
1197	LPH.A 01894	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	08/09/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00053	D380101	5.75	5.50	6.00	17.25	17.50	
1198	LPH.A 01895	Dương Thị	Lành	27/02/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00047	D380101	7.25	6.75	6.75	20.75	21.00	
1199	LPH.A 01896	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	28/11/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00055	D380101	7.00	6.50	4.50	18.00	18.00	
1200	LPH.A 01897	Nguyễn Thị	Thanh	22/01/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00049	D380101	6.50	7.00	7.25	20.75	21.00	
1201	LPH.A 01898	Lê Thị Hồng	Ân	25/11/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.24. 00057	D380101	7.50	5.50	6.25	19.25	19.50	
1202	LPH.A 01900	Nguyễn Thị	Mận	14/08/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.24. 00058	D380101	4.75	5.25	3.75	13.75	14.00	
1203	LPH.A 01901	Đặng Thị Bích	Hồng	13/01/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.26. 00103	D380107	6.25	6.00	5.25	17.50	17.50	
1204	LPH.A 01903	Nguyễn Thị	Yên	02/06/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	18.26. 00065	D380101	7.00	6.50	7.50	21.00	21.00	
1205	LPH.A 01904	Ngô Văn	Chung	15/09/96		Huyện Hiệp Hoà		1	18.27. 00062	D380101	3.75	3.50	3.50	10.75	11.00	
1206	LPH.A 01905	Nguyễn Thị	Giang	30/09/95	Nữ	Huyện Hiệp Hoà	06	2NT	18.27. 00102	D380107	4.75	5.50	5.25	15.50	15.50	
1207	LPH.A 01907	Ngô Thị Phương	Oanh	02/04/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.27. 00101	D380107	6.25	4.50	4.75	15.50	15.50	
1208	LPH.A 01908	Chu Thị Thu	Uyên	07/09/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	18.27. 00064	D380101	6.25	5.50	5.50	17.25	17.50	
1209	LPH.A 01910	Nguyễn Thu	Hà	25/12/96	Nữ	Huyện Lạng Giang		1	18.29. 00066	D380101	7.50	6.75	9.25	23.50	23.50	
1210	LPH.A 01914	Vũ Thị Minh	Nguyệt	08/10/96	Nữ	Huyện Lạng Giang	06	1	18.31. 00068	D380101	4.75	3.25	2.75	10.75	11.00	
1211	LPH.A 01915	Hoàng Thị Ngọc	Anh	10/05/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00070	D380101	7.00	6.50	7.50	21.00	21.00	
1212	LPH.A 01919	Phùng Thị	Duyên	26/09/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00069	D380101	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
1213	LPH.A 01921	Nguyễn Anh	Hiếu	25/06/96		Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00071	D380101	7.25	6.50	8.50	22.25	22.50	
1214	LPH.A 01922	Nguyễn Thị	Hiên	13/06/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00076	D380101	3.50	2.25	3.25	9.00	9.00	
1215	LPH.A 01923	Nguyễn Thị	Hoa	20/10/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00075	D380101	6.75	5.50	6.50	18.75	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1216	LPH.A 01924	Thân Thị	Hoa	11/10/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00111	D380107	7.00	5.75	7.25	20.00	20.00	
1217	LPH.A 01925	Dương Thị Thanh	Hương	08/11/96	Nữ	Huyện Việt Yên		1	18.32. 00110	D380107	6.50	6.25	8.25	21.00	21.00	
1218	LPH.A 01926	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	08/12/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00074	D380101	6.25	5.50	6.50	18.25	18.50	
1219	LPH.A 01927	Lê Thị Hà	Trang	12/06/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00072	D380101	8.50	6.50	8.00	23.00	23.00	
1220	LPH.A 01928	Lê Thị Vân	Anh	03/04/96	Nữ	Huyện Yên Dũng	06	1	18.35. 00117	D380107	8.00	8.00	9.50	25.50	25.50	
1221	LPH.A 01930	Ngô Thị	Hiên	29/10/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00114	D380107	8.00	7.50	7.75	23.25	23.50	
1222	LPH.A 01931	Thân Ngọc	Huyền	11/06/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00113	D380107	4.75	4.00	5.75	14.50	14.50	
1223	LPH.A 01932	Nguyễn Minh	Hương	11/01/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00116	D380107	7.00	4.50	4.75	16.25	16.50	
1224	LPH.A 01933	Nguyễn Thị	Phương	04/10/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00115	D380107	5.75	6.25	5.50	17.50	17.50	
1225	LPH.A 01934	Hoàng Văn	Quang	20/12/96		Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00085	D380101	2.75	6.50	4.50	13.75	14.00	
1226	LPH.A 01935	Hoàng Thị	Quỳnh	31/03/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00084	D380101	6.00	4.25	5.00	15.25	15.50	
1227	LPH.A 01936	Lê Đình	Chuyên	06/09/96		Huyện Yên Dũng		1	18.36. 00083	D380101	3.25	5.50	4.50	13.25	13.50	
1228	LPH.A 01937	Nguy Thị Linh	Chúc	10/09/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.36. 00080	D380101	6.50	7.50	7.50	21.50	21.50	
1229	LPH.A 01938	Hoàng Văn	Hải	25/12/96		Huyện Lạng Giang		1	18.36. 00079	D380101	1.50	3.50	3.25	8.25	8.50	
1230	LPH.A 01939	Nguyễn Thị	Minh	05/06/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.36. 00082	D380101	6.50	5.75	4.50	16.75	17.00	
1231	LPH.A 01940	Lê Đình	Nam	20/11/95		Huyện Yên Dũng		1	18.36. 00081	D380101	5.75	4.75	4.50	15.00	15.00	
1232	LPH.A 01942	Nguyễn Thị	Thủy	26/06/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.38. 00061	D380101	4.50	6.00	6.75	17.25	17.50	
1233	LPH.A 01946	Nguyễn Quốc	Toàn	05/11/95		Thị xã Từ Sơn		2	19.05. 00096	D380101	6.25	7.00	8.50	21.75	22.00	
1234	LPH.A 01947	Nguyễn Văn	Phượng	21/11/94		Huyện Lương Tài		2NT	19.08. 00080	D380101	6.25	6.25	4.75	17.25	17.50	
1235	LPH.A 01948	Nguyễn Sỹ	Cường	28/06/96		Huyện Tiên Du		2	19.09. 00303	D380101	5.00	6.00	4.50	15.50	15.50	
1236	LPH.A 01950	Nguyễn Nhật	Nam	03/07/96		Thị xã Từ Sơn		2	19.09. 00306	D380101	4.00	4.25	3.50	11.75	12.00	
1237	LPH.A 01951	Nguyễn Thảo	Nguyên	13/12/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.09. 00305	D380101	7.25	6.25	7.00	20.50	20.50	
1238	LPH.A 01952	Nguyễn Thị	Diệp	23/12/96	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	19.11. 00583	D380107	9.00	7.00	7.50	23.50	23.50	
1239	LPH.A 01954	Phan Thị Thanh	Thảo	05/10/96	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	19.11. 00585	D380107	8.75	7.50	8.75	25.00	25.00	
1240	LPH.A 01958	Đình Thị	Trang	29/04/96	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	19.11. 00584	D380101	8.25	7.00	9.50	24.75	25.00	
1241	LPH.A 01959	Nguyễn Thu	Trang	05/07/96	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	19.11. 00586	D380101	8.75	6.50	8.00	23.25	23.50	
1242	LPH.A 01963	Nguyễn Thị Thu	Trang	30/06/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.13. 00616	D380101	7.75	6.75	6.50	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1243	LPH.A 01964	Nguyễn Tô	Dung	28/06/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	19.14. 00766	D380101	7.00	6.25	8.50	21.75	22.00	
1244	LPH.A 01965	Trịnh Thị	Hạnh	11/12/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	19.14. 00764	D380101	7.50	6.50	4.50	18.50	18.50	
1245	LPH.A 01966	Vũ Thị Ngọc	Huyền	20/11/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	19.14. 00765	D380101	9.00	7.50	8.50	25.00	25.00	
1246	LPH.A 01967	Đỗ Thị	Phượng	08/01/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	19.14. 00767	D380107	8.25	7.25	9.50	25.00	25.00	
1247	LPH.A 01971	Nguyễn Thị Ngọc	Hảo	02/10/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.16. 00796	D380101	6.25	3.25	5.50	15.00	15.00	
1248	LPH.A 01972	Nguyễn Thị Thu	Hiên	05/11/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.16. 00794	D380101	6.25	5.50	4.75	16.50	16.50	
1249	LPH.A 01975	Trần Thị Hồng	Hạnh	06/07/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.17. 00325	D380101	2.00	1.75	4.50	8.25	8.50	
1250	LPH.A 01976	Nguyễn Thị	Quyên	18/11/96	Nữ	Huyện Quế Võ		2NT	19.18. 00728	D380101	6.50	6.00	3.75	16.25	16.50	
1251	LPH.A 01977	Nguyễn Văn	Tùng	12/04/96		Huyện Quế Võ		2NT	19.19. 00278	D380101	0.00	2.50	4.50	7.00	7.00	
1252	LPH.A 01978	Nguyễn Văn	ảnh	10/09/96		Huyện Quế Võ		2NT	19.21. 00113	D380101	6.25	4.25	5.25	15.75	16.00	
1253	LPH.A 01980	Vũ Thị	Nguyên	29/07/96	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	19.21. 01211	D380101	7.25	5.25	6.25	18.75	19.00	
1254	LPH.A 01984	Phạm Thị	Mơ	17/05/96	Nữ	Huyện Tiên Du		2NT	19.24. 00430	D380107	7.75	6.25	8.00	22.00	22.00	
1255	LPH.A 01986	Vũ Thị	Chung	04/02/96	Nữ	Huyện Yên Phong		2NT	19.26. 00960	D380101	6.75	5.00	5.25	17.00	17.00	
1256	LPH.A 01987	Nguyễn Thị	Thơm	11/06/96	Nữ	Huyện Yên Phong		2NT	19.26. 00962	D380101	7.00	6.25	5.50	18.75	19.00	
1257	LPH.A 01988	Nguyễn Thị	Thủy	27/06/96	Nữ	Huyện Yên Phong		2NT	19.26. 00963	D380107	6.75	6.50	5.50	18.75	19.00	
1258	LPH.A 01990	Ngô Thị	Xuân	23/01/96	Nữ	Huyện Yên Phong		2NT	19.26. 00964	D380107	8.75	4.50	9.00	22.25	22.50	
1259	LPH.A 01991	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/12/96	Nữ	Huyện Tiên Du		2NT	19.48. 00714	D380107	9.00	6.75	5.25	21.00	21.00	
1260	LPH.A 01992	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	04/06/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.50. 00083	D380101	2.00	3.50	3.50	9.00	9.00	
1261	LPH.A 01993	Nguyễn Hồng	Hạnh	15/10/95	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	19.54. 00026	D380107	0.00	2.50	4.00	6.50	6.50	
1262	LPH.A 01994	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	08/08/95	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2	21.00. 00005	D380107	5.00	6.25	6.75	18.00	18.00	
1263	LPH.A 01996	Ngô Văn	Đại	25/10/95		Huyện Thanh Hà		2NT	21.00. 00003	D380101	2.00	4.50	3.50	10.00	10.00	
1264	LPH.A 01997	Lê Thị	Tĩnh	14/08/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.00. 00002	D380101	6.25	6.50	5.50	18.25	18.50	
1265	LPH.A 01999	Lưu Trần Trọng	Vinh	24/10/95		Thành phố Hải Dương		2	21.00. 00001	D380101	8.00	6.75	6.75	21.50	21.50	
1266	LPH.A 02001	Trần Trọng	Hữu	21/11/95		Huyện Kinh Môn		2NT	21.04. 00001	D380107	4.25	4.25	4.50	13.00	13.00	
1267	LPH.A 02002	Hà Thị	Thuỳ	25/06/95	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.06. 00001	D380101	6.25	6.00	6.50	18.75	19.00	
1268	LPH.A 02004	Lê Xuân Việt	Anh	10/04/96		Huyện Bình Giang		2	21.13. 00006	D380107	8.25	5.75	7.50	21.50	21.50	
1269	LPH.A 02008	Phạm Hoàng	Thanh	25/11/96		Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00001	D380101	7.00	6.50	7.75	21.25	21.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1270	LPH.A 02009	Mai Thị	Thu	22/03/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2	21.13. 00004	D380101	8.75	6.75	8.25	23.75	24.00	
1271	LPH.A 02010	Vương Thu	Trang	20/06/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00002	D380101	6.25	5.75	6.50	18.50	18.50	
1272	LPH.A 02013	Đoàn Thị Phương	Hoa	20/12/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.14. 00007	D380101	7.25	7.25	6.75	21.25	21.50	
1273	LPH.A 02016	Nguyễn Khánh	Ly	25/08/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2	21.14. 00004	D380101	5.25	5.00	4.25	14.50	14.50	
1274	LPH.A 02017	Phạm Minh	Quang	23/11/96		Thành phố Hải Dương		2	21.14. 00003	D380101	6.75	6.50	6.75	20.00	20.00	
1275	LPH.A 02022	Trần Thị Ngọc	Anh	13/06/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00015	D380107	8.50	7.50	9.50	25.50	25.50	
1276	LPH.A 02024	Hoàng Yến	Chi	24/01/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00014	D380107	7.75	5.50	4.50	17.75	18.00	
1277	LPH.A 02025	Nguyễn Thị	Gấm	25/06/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00016	D380107	7.00	5.50	7.75	20.25	20.50	
1278	LPH.A 02027	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	05/10/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00001	D380101	5.75	4.50	5.00	15.25	15.50	
1279	LPH.A 02028	Nguyễn Hoàng	Hiệp	18/12/96		Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00009	D380101	6.50	5.50	5.00	17.00	17.00	
1280	LPH.A 02030	Nguyễn Việt	Hoàng	23/09/96		Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00008	D380101	6.00	5.50	6.50	18.00	18.00	
1281	LPH.A 02031	Nguyễn Việt	Hùng	26/08/96		Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00004	D380101	5.75	5.50	4.50	15.75	16.00	
1282	LPH.A 02032	Nguyễn Thị	Liên	20/07/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00006	D380101	5.50	4.75	5.50	15.75	16.00	
1283	LPH.A 02033	Vũ Hà	Linh	28/10/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00003	D380101	4.50	3.50	3.75	11.75	12.00	
1284	LPH.A 02034	Đỗ Thị	Miền	17/08/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00007	D380101	7.50	5.50	5.75	18.75	19.00	
1285	LPH.A 02035	Mai Hồng	Sơn	02/10/96		Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00005	D380101	5.75	5.50	5.00	16.25	16.50	
1286	LPH.A 02036	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/05/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00011	D380101	3.25	3.25	3.75	10.25	10.50	
1287	LPH.A 02041	Bùi Ngọc	Mai	17/08/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00003	D380101	6.00	5.50	3.75	15.25	15.50	
1288	LPH.A 02043	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	26/04/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 00005	D380107	7.25	7.00	7.50	21.75	22.00	
1289	LPH.A 02044	Nguyễn Khắc	Chiến	29/07/96		Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 00003	D380101	5.75	5.50	6.00	17.25	17.50	
1290	LPH.A 02047	Lê Thị Thu	Thủy	10/10/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 00001	D380101	6.00	6.50	4.75	17.25	17.50	
1291	LPH.A 02050	Bùi Thị Minh	Phương	27/08/96	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.25. 00002	D380107	7.75	7.50	8.50	23.75	24.00	
1292	LPH.A 02052	Nguyễn Thị	Hiền	14/08/96	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.26. 00002	D380101	5.50	6.00	5.00	16.50	16.50	
1293	LPH.A 02054	Phạm Thị	Thoa	17/05/96	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.26. 00001	D380101	7.25	7.25	7.25	21.75	22.00	
1294	LPH.A 02055	Trần Thăng	Long	21/02/97		Huyện Kinh Môn		2NT	21.27. 00001	D380101	5.75	5.75	4.75	16.25	16.50	
1295	LPH.A 02057	Lê Thị Thảo	Trang	12/12/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.27. 00002	D380101	7.25	7.25	6.50	21.00	21.00	
1296	LPH.A 02059	Nguyễn Trung	Nghĩa	12/01/96		Huyện Kinh Môn		2NT	21.28. 00002	D380107	6.00	4.00	4.00	14.00	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1297	LPH.A 02061	Nguyễn Thị	Hằng	22/11/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.29. 00004	D380107	5.25	4.50	3.00	12.75	13.00	
1298	LPH.A 02063	Phạm Thị	Mai	19/08/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.29. 00002	D380101	6.00	6.25	5.75	18.00	18.00	
1299	LPH.A 02064	Hoàng Thị	Nhung	01/06/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.29. 00001	D380101	7.75	7.00	7.25	22.00	22.00	
1300	LPH.A 02065	Nguyễn Thị	Nhung	12/12/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.29. 00003	D380101	7.75	7.25	5.50	20.50	20.50	
1301	LPH.A 02067	Trần Thị Thanh	Hằng	03/06/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.30. 00005	D380101	6.50	6.00	4.50	17.00	17.00	
1302	LPH.A 02068	Nguyễn Thị Mai	Hương	14/02/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.30. 00007	D380101	6.50	6.75	5.50	18.75	19.00	
1303	LPH.A 02070	Trần Thị	Lý	05/05/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.30. 00006	D380101	6.50	6.00	3.50	16.00	16.00	
1304	LPH.A 02071	Trần Thị	Thu	09/08/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.30. 00002	D380101	7.75	5.50	8.50	21.75	22.00	
1305	LPH.A 02073	Đỗ Thị Thanh	Xuân	27/11/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.30. 00008	D380107	6.50	6.50	4.00	17.00	17.00	
1306	LPH.A 02076	Phạm Phương	Quỳnh	21/01/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.32. 00004	D380107	7.25	4.25	5.75	17.25	17.50	
1307	LPH.A 02077	Hà Thu Thuỷ	Tiên	16/11/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.32. 00001	D380101	6.00	5.75	4.50	16.25	16.50	
1308	LPH.A 02078	Lê Thị	Huyền	20/08/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.34. 00002	D380107	5.50	5.25	3.75	14.50	14.50	
1309	LPH.A 02079	Nguyễn Quỳnh	Mỹ	20/11/96	Nữ	Huyện Ninh Giang		2NT	21.34. 00001	D380101	7.00	6.75	7.25	21.00	21.00	
1310	LPH.A 02080	Nguyễn Thị	Đào	08/07/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.35. 00001	D380107	1.50	4.50	3.00	9.00	9.00	
1311	LPH.A 02084	Nguyễn Thị	Thoa	10/09/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.36. 00001	D380101	6.25	6.25	7.00	19.50	19.50	
1312	LPH.A 02085	Vũ Thị	Tuyết	04/12/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.36. 00003	D380101	6.50	4.50	6.25	17.25	17.50	
1313	LPH.A 02086	Nguyễn Thị	Diễn	24/12/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.37. 00003	D380107	8.00	6.50	6.75	21.25	21.50	
1314	LPH.A 02088	Nguyễn Hồng	Nhung	15/03/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.37. 00001	D380101	8.00	6.00	6.50	20.50	20.50	
1315	LPH.A 02090	Lê Thị	Nga	27/07/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.38. 00002	D380101	2.00	4.50	3.50	10.00	10.00	
1316	LPH.A 02093	Phạm Thị Kỳ	Duyên	12/09/96	Nữ	Huyện Bình Giang		2NT	21.39. 00006	D380107	6.75	3.50	5.50	15.75	16.00	
1317	LPH.A 02095	Dương Thị Ngọc	Hà	18/01/96	Nữ	Huyện Bình Giang		2NT	21.39. 00003	D380101	6.50	4.00	4.00	14.50	14.50	
1318	LPH.A 02097	Phạm Thị	Thuỷ	18/11/96	Nữ	Huyện Bình Giang		2NT	21.39. 00005	D380107	6.25	4.50	6.00	16.75	17.00	
1319	LPH.A 02099	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	21/06/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.42. 00003	D380107	7.75	7.50	8.25	23.50	23.50	
1320	LPH.A 02100	Đặng Thị Kim	Oanh	17/07/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.42. 00002	D380107	5.50	5.75	5.00	16.25	16.50	
1321	LPH.A 02101	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/12/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.42. 00001	D380107	6.50	5.75	6.75	19.00	19.00	
1322	LPH.A 02104	Ngô Thị	Gấm	09/03/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.48. 00001	D380101	6.25	5.75	6.00	18.00	18.00	
1323	LPH.A 02109	Nguyễn Thị	Trang	30/03/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.74. 00002	D380101	5.00	3.50	5.25	13.75	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1324	LPH.A 02110	Đào Đình	Hùng	18/12/96		Thành phố Hải Dương		2	21.81. 00001	D380107	7.25	6.75	5.25	19.25	19.50	
1325	LPH.A 02111	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	18/12/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		2	21.C1. 00001	D380101	7.00	4.75	6.50	18.25	18.50	
1326	LPH.A 02113	Trương Hồng	Đức	08/11/96		Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00049	D380101	6.50	5.25	7.75	19.50	19.50	
1327	LPH.A 02114	Trần Nam	Giang	17/06/96		Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00046	D380101	6.00	7.50	7.75	21.25	21.50	
1328	LPH.A 02115	Trần Thị Ngọc	Hà	27/11/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2	22.11. 00045	D380107	8.50	7.50	8.50	24.50	24.50	
1329	LPH.A 02116	Trần Hữu	Hiếu	12/09/96		Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00048	D380107	7.00	6.00	8.50	21.50	21.50	
1330	LPH.A 02120	Phan Thị Huyền	Ninh	21/11/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00041	D380107	8.50	7.50	9.75	25.75	26.00	
1331	LPH.A 02122	Lã Thị	Tâm	18/12/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00040	D380107	7.00	6.50	8.50	22.00	22.00	
1332	LPH.A 02124	Nguyễn Hữu Tiến	Anh	09/04/96		Thành phố Hưng Yên		2	22.12. 00054	D380101	8.00	7.50	8.25	23.75	24.00	
1333	LPH.A 02126	Đỗ Khắc	Tiến	14/10/96		Thành phố Hưng Yên		2	22.12. 00055	D380107	6.50	6.00	4.00	16.50	16.50	
1334	LPH.A 02130	Nguyễn Thị	Hồng	04/07/95	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.14. 00063	D380101	6.50	6.00	7.50	20.00	20.00	
1335	LPH.A 02134	Nguyễn Thị	Huế	25/08/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.16. 00070	D380101	8.00	6.00	8.50	22.50	22.50	
1336	LPH.A 02135	Đào Thị Thanh	Nga	05/04/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.16. 00073	D380101	5.75	6.50	5.75	18.00	18.00	
1337	LPH.A 02137	Lê Linh	Hạnh	26/12/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.17. 00079	D380101	8.00	5.50	4.50	18.00	18.00	
1338	LPH.A 02141	Nguyễn Thị Nhật	Linh	20/11/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.20. 00086	D380101	9.00	5.50	9.00	23.50	23.50	
1339	LPH.A 02142	Nguyễn Thị	Hường	24/04/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.21. 00092	D380101	8.75	7.25	8.25	24.25	24.50	
1340	LPH.A 02146	Nguyễn Thị	Huệ	20/04/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.27. 00108	D380101	7.50	5.50	6.50	19.50	19.50	
1341	LPH.A 02147	Vũ Thị	Khương	30/12/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.27. 00110	D380107	8.00	6.75	8.75	23.50	23.50	
1342	LPH.A 02148	Hoàng Huệ	Minh	02/09/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.27. 00109	D380101	6.00	5.50	5.00	16.50	16.50	
1343	LPH.A 02152	Lê Văn	Minh	28/04/96		Huyện Khoái Châu		2NT	22.28. 00126	D380107	6.75	6.50	8.00	21.25	21.50	
1344	LPH.A 02153	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	04/09/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.28. 00125	D380107	7.25	6.75	5.50	19.50	19.50	
1345	LPH.A 02156	Nguyễn Thị	ánh	28/09/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.32. 00136	D380101	6.75	6.75	7.50	21.00	21.00	
1346	LPH.A 02157	Nguyễn Thanh	Hương	12/07/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.32. 00133	D380101	7.00	5.75	5.75	18.50	18.50	
1347	LPH.A 02161	Trương Đình	Huy	23/08/96		Huyện Yên Mỹ		2NT	22.34. 00142	D380101	0.25	7.25	2.50	10.00	10.00	
1348	LPH.A 02162	Đặng Bích	Ngọc	17/01/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.34. 00144	D380101	7.50	5.75	5.50	18.75	19.00	
1349	LPH.A 02163	Dương Thị	Nhài	20/12/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.34. 00141	D380101	6.50	6.00	7.00	19.50	19.50	
1350	LPH.A 02164	Vũ Thị	Phương	11/11/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.34. 00143	D380101	8.75	7.00	8.75	24.50	24.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1351	LPH.A 02166	Hoàng Thị	Hiền	25/11/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.35. 00152	D380101	8.00	6.75	7.50	22.25	22.50	
1352	LPH.A 02170	Phạm Thị	Nhấn	08/03/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2NT	22.39. 00159	D380101	3.25	3.25	4.50	11.00	11.00	
1353	LPH.A 02171	Trần Thị	Quyên	07/10/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.39. 00164	D380107	8.25	7.00	9.00	24.25	24.50	
1354	LPH.A 02172	Trần Thị Thủy	Tiên	13/10/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.39. 00163	D380101	7.25	7.00	6.25	20.50	20.50	
1355	LPH.A 02177	Cao Thị	Hoài	03/05/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.40. 00180	D380101	8.00	6.25	6.50	20.75	21.00	
1356	LPH.A 02179	Trần Thị Minh	Trang	13/08/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.40. 00178	D380101	5.75	5.25	6.75	17.75	18.00	
1357	LPH.A 02181	Trần Xuân	Tùng	26/08/96		Huyện Tiên Lữ		2NT	22.40. 00176	D380101	7.00	7.00	8.50	22.50	22.50	
1358	LPH.A 02182	Phạm Thị	Quỳnh	17/12/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.41. 00182	D380101	7.00	6.50	8.25	21.75	22.00	
1359	LPH.A 02184	Trịnh Tuấn	Linh	16/05/95		Huyện Tiên Lữ		2NT	22.44. 00187	D380101	6.50	5.25	6.00	17.75	18.00	
1360	LPH.A 02185	Nguyễn Thị Thuý	Nhường	29/05/95	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.44. 00186	D380101	3.25	3.50	3.50	10.25	10.50	
1361	LPH.A 02186	Nguyễn Thị	Oanh	15/12/96	Nữ	Huyện Phù Cừ		2NT	22.45. 00191	D380101	8.50	6.50	9.00	24.00	24.00	
1362	LPH.A 02188	Nguyễn Ngọc	Thái	12/04/95		Huyện Phù Cừ		2NT	22.48. 00198	D380107	3.75	3.00	2.50	9.25	9.50	
1363	LPH.A 02189	Phạm Thị	Huế	13/08/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00205	D380107	5.25	5.50	5.25	16.00	16.00	
1364	LPH.A 02191	Vũ Minh	Nghĩa	01/12/96		Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00204	D380101	1.75	4.50	3.75	10.00	10.00	
1365	LPH.A 02192	Đặng Thị Bích	Ngọc	23/01/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.49. 00209	D380101	8.00	7.50	9.00	24.50	24.50	
1366	LPH.A 02195	Nguyễn Thị	Phượng	24/05/96	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	22.49. 00221	D380101	8.00	7.25	5.50	20.75	21.00	
1367	LPH.A 02196	Nguyễn Thuý	Quỳnh	01/10/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00208	D380107	9.00	7.00	8.75	24.75	25.00	
1368	LPH.A 02199	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/11/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00201	D380101	7.00	6.75	7.50	21.25	21.50	
1369	LPH.A 02200	Phạm Văn	Tuân	15/10/96		Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00203	D380107	6.75	6.50	6.25	19.50	19.50	
1370	LPH.A 02203	Phạm Thị Thu	Trang	02/10/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.50. 00222	D380101	6.50	5.75	6.50	18.75	19.00	
1371	LPH.A 02205	Vũ Thị	Hương	19/04/95	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.52. 00226	D380101	5.50	2.50	2.75	10.75	11.00	
1372	LPH.A 02206	Nguyễn Minh	Khang	04/11/88		Huyện Mỹ Hào		2NT	22.52. 00228	D380107	5.25	5.75	5.50	16.50	16.50	
1373	LPH.A 02207	Nguyễn Ngọc	Tân	08/02/96		Huyện Văn Lâm		2NT	22.53. 00229	D380107	9.00	7.25	8.75	25.00	25.00	
1374	LPH.A 02208	Dương Thị Ngọc	ánh	21/07/96	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	22.54. 00235	D380101	6.25	5.50	7.50	19.25	19.50	
1375	LPH.A 02209	Lê Đức	Hạnh	08/11/96		Huyện Văn Lâm	06	2NT	22.54. 00233	D380101	6.00	5.00	5.50	16.50	16.50	
1376	LPH.A 02210	Nguyễn Quang	Huy	13/09/96		Huyện Văn Giang		2NT	22.54. 00232	D380101	6.00	5.75	4.00	15.75	16.00	
1377	LPH.A 02213	Đỗ Nam	Quyên	03/05/96		Huyện Văn Lâm		2NT	22.54. 00237	D380101	7.25	6.50	8.25	22.00	22.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1378	LPH.A 02214	Cao Anh	Tuấn	19/05/96		Huyện Văn Giang		2NT	22.57. 00243	D380101	5.75	7.50	7.25	20.50	20.50	
1379	LPH.A 02215	Nguyễn Thị Thu	Hường	21/12/95	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.59. 00250	D380107	6.50	6.50	5.50	18.50	18.50	
1380	LPH.A 02216	Nguyễn Thành	Nghiệp	06/12/95		Huyện Văn Giang		2NT	22.59. 00249	D380101	7.75	7.50	8.25	23.50	23.50	
1381	LPH.A 02217	Đào Thị	Chinh	12/09/95	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.60. 00259	D380101	7.00	5.25	6.50	18.75	19.00	
1382	LPH.A 02220	Đoàn Khánh	Ly	26/06/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.60. 00256	D380107	7.50	7.75	6.75	22.00	22.00	
1383	LPH.A 02221	Hoàng Hà	Phan	20/07/96		Huyện Văn Giang		2NT	22.60. 00261	D380101	6.25	6.00	8.00	20.25	20.50	
1384	LPH.A 02224	Nguyễn Thị Thanh	Vân	29/07/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.60. 00254	D380101	7.75	6.00	7.50	21.25	21.50	
1385	LPH.A 02225	Nguyễn Thanh	Sơn	06/10/96		Huyện Kim Động		2NT	22.73. 00265	D380101	3.00	4.75	3.75	11.50	11.50	
1386	LPH.A 02227	Phạm Duy	Trung	28/11/96		Huyện Khoái Châu		2NT	22.79. 00273	D380101	4.50	3.75	5.50	13.75	14.00	
1387	LPH.A 02228	Nguyễn Thị	Hoà	26/02/95	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	22.81. 00274	D380101	1.25	2.75	3.50	7.50	7.50	
1388	LPH.A 02229	Lê Thị Thúy	Hằng	19/08/95	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.01. 00001	D380101	3.75	3.75	3.50	11.00	11.00	
1389	LPH.A 02231	Phạm Tùng	Sơn	10/04/95		Huyện Lạc Sơn		1	23.05. 00009	D380101	6.25	6.75	4.75	17.75	18.00	
1390	LPH.A 02232	Đào Khánh	Ngọc	05/08/95	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	23.09. 00216	D380101	0.00	2.50	3.25	5.75	6.00	
1391	LPH.A 02233	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/11/96	Nữ	Huyện Cao Phong		1	23.11. 00019	D380101	1.00	2.50	3.50	7.00	7.00	
1392	LPH.A 02234	Phạm Mỹ Nhật	Anh	25/06/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình	01	1	23.12. 00021	D380101	7.25	6.75	8.00	22.00	22.00	
1393	LPH.A 02235	Phạm Thảo	Dương	25/09/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00026	D380107	6.75	3.00	2.25	12.00	12.00	
1394	LPH.A 02236	Bùi Thanh	Hà	25/07/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn	01	1	23.12. 00028	D380107	7.00	6.00	6.75	19.75	20.00	
1395	LPH.A 02237	Lương Khánh	Huyền	19/05/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00025	D380107	7.00	5.75	5.50	18.25	18.50	
1396	LPH.A 02239	Mai Thanh	Loan	10/12/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23.12. 00022	D380101	6.00	6.50	5.00	17.50	17.50	
1397	LPH.A 02241	Phạm Hoàng	Nhật	25/06/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00020	D380101	5.00	5.00	5.25	15.25	15.50	
1398	LPH.A 02243	Nguyễn Thị Hải	Anh	13/09/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn		1	23.15. 00074	D380101	7.00	6.00	4.75	17.75	18.00	
1399	LPH.A 02244	Vương Thị	Yến	01/07/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23.15. 00075	D380101	7.00	6.50	6.50	20.00	20.00	
1400	LPH.A 02245	Nguyễn Thị	Huyền	01/11/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn	01	1	23.16. 00081	D380101	7.00	5.75	6.75	19.50	19.50	
1401	LPH.A 02247	Xa Thị	Liều	09/12/96	Nữ	Huyện Đà Bắc	01	1	23.16. 00084	D380107	7.25	5.50	8.50	21.25	21.50	
1402	LPH.A 02249	Khà Việt	Hùng	25/12/96		Huyện Mai Châu	01	1	23.20. 00111	D380101	1.25	5.25	3.50	10.00	10.00	
1403	LPH.A 02250	Bùi Mỹ	Linh	02/01/96	Nữ	Huyện Tân Lạc	01	1	23.22. 00119	D380101	6.75	3.50	5.50	15.75	16.00	
1404	LPH.A 02253	Bùi Thị Mai	Loan	25/07/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.25. 00124	D380101	0.75	1.50	2.50	4.75	5.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1405	LPH.A 02254	Vũ Thị Chà	Ly	30/03/96	Nữ	Huyện Lương Sơn		1	23.30. 00140	D380107	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	
1406	LPH.A 02255	Lê Thị Thu	Mai	05/09/96	Nữ	Huyện Lương Sơn		1	23.30. 00139	D380101	7.50	7.25	7.00	21.75	22.00	
1407	LPH.A 02258	Lê Phương	Anh	31/10/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23.34. 00153	D380101	6.50	6.50	5.00	18.00	18.00	
1408	LPH.A 02260	Nguyễn Thị Thu	Huyền	12/05/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23.34. 00156	D380101	7.50	7.00	7.75	22.25	22.50	
1409	LPH.A 02261	Trần Lệ Thanh	Thanh	04/09/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23.34. 00158	D380101	3.75	3.50	2.75	10.00	10.00	
1410	LPH.A 02263	Bùi Thanh	Tiếp	22/05/96		Huyện Kim Bôi	01	1	23.34. 00159	D380107	7.00	6.50	7.00	20.50	20.50	
1411	LPH.A 02264	Hoàng Thanh	Tùng	24/02/96		Huyện Kim Bôi		1	23.34. 00154	D380101	0.00	4.50	4.00	8.50	8.50	
1412	LPH.A 02265	Nguyễn Phương	Thảo	09/08/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy		1	23.37. 00177	D380107	8.75	5.25	7.25	21.25	21.50	
1413	LPH.A 02266	Đỗ Thị Tường	Vy	27/11/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy		1	23.37. 00176	D380107	7.75	7.50	7.50	22.75	23.00	
1414	LPH.A 02268	Đào Hồng	Quân	11/10/96		Huyện Lạc Thủy		1	23.38. 00180	D380107	8.00	7.75	6.00	21.75	22.00	
1415	LPH.A 02270	Quách Thảo	Nhung	06/08/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	23.39. 00185	D380101	3.75	5.00	4.75	13.50	13.50	
1416	LPH.A 02272	Hoàng Thị Ngọc	Hương	10/04/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy		1	23.40. 00192	D380101	1.75	2.50	3.00	7.25	7.50	
1417	LPH.A 02273	Bùi Minh	Hằng	13/01/96	Nữ			2	24.00. 15051	D380101	6.75	6.50	7.25	20.50	20.50	
1418	LPH.A 02276	Hoàng Thị	Oanh	16/09/95	Nữ			2NT	24.01. 14862	D380101	8.50	6.75	6.75	22.00	22.00	
1419	LPH.A 02277	Đỗ Thị	Thơm	09/12/95	Nữ			2	24.01. 14863	D380107	4.25	4.75	3.50	12.50	12.50	
1420	LPH.A 02278	Hoàng Thị	Anh	09/12/95	Nữ			1	24.03. 09786	D380101	4.25	3.75	4.00	12.00	12.00	
1421	LPH.A 02279	Lê Thị	Hoài	04/01/95	Nữ			2NT	24.03. 09788	D380107	5.75	3.50	4.50	13.75	14.00	
1422	LPH.A 02280	Vũ Thị	Lý	02/08/95	Nữ			2NT	24.03. 09787	D380101	6.00	5.00	3.50	14.50	14.50	
1423	LPH.A 02281	Dương Đức	Hiếu	23/11/95				2NT	24.04. 07434	D380101	3.25	5.75	4.00	13.00	13.00	
1424	LPH.A 02283	Trần Văn	Toàn	02/04/95				2NT	24.04. 07433	D380101	4.25	4.75	5.25	14.25	14.50	
1425	LPH.A 02284	Nguyễn Thị	Yến	02/05/95	Nữ			2NT	24.04. 07432	D380101	7.00	6.50	5.75	19.25	19.50	
1426	LPH.A 02285	Phạm Thị Thanh	Huyền	16/11/94	Nữ			2NT	24.06. 02442	D380101	6.75	4.50	6.00	17.25	17.50	
1427	LPH.A 02287	Bùi Ngọc	Hải	17/04/96				2	24.11. 14069	D380101	8.00	6.75	9.25	24.00	24.00	
1428	LPH.A 02288	Nguyễn Thị Thu	Hiên	22/10/96	Nữ			2	24.11. 14079	D380101	7.00	7.25	7.50	21.75	22.00	
1429	LPH.A 02291	Nguyễn Thị Trà	My	30/07/96	Nữ			2	24.11. 14080	D380101	6.25	6.50	7.00	19.75	20.00	
1430	LPH.A 02294	Đỗ Hồng	Trang	01/04/96	Nữ			2	24.11. 14075	D380101	9.00	5.75	7.50	22.25	22.50	
1431	LPH.A 02298	Nguyễn Thị Trung	Anh	14/09/96	Nữ			2	24.12. 13384	D380107	4.00	3.50	3.50	11.00	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1432	LPH.A 02300	Nguyễn Hải	Đường	22/02/96	Nữ			2	24.12. 13381	D380101	6.50	6.00	4.75	17.25	17.50	
1433	LPH.A 02301	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/08/96	Nữ			2	24.12. 13379	D380101	4.25	4.25	5.75	14.25	14.50	
1434	LPH.A 02302	Dương Hà Quỳnh	Trang	31/05/96	Nữ			2	24.12. 13377	D380101	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
1435	LPH.A 02304	Vũ Anh	Tuấn	25/12/96				2	24.12. 13378	D380101	8.25	7.25	7.50	23.00	23.00	
1436	LPH.A 02307	Trần Thị	Dung	30/09/96	Nữ			2	24.13. 12550	D380101	6.75	6.50	8.00	21.25	21.50	
1437	LPH.A 02309	Phạm Thị Hải	Yến	02/12/96	Nữ			2	24.13. 12549	D380101	5.00	3.25	3.25	11.50	11.50	
1438	LPH.A 02310	Nguyễn Thị	Hằng	22/12/96	Nữ			2NT	24.17. 11965	D380101	5.25	4.75	5.50	15.50	15.50	
1439	LPH.A 02311	Nguyễn Văn	Thắng	16/01/95				2NT	24.17. 11964	D380101	4.25	4.25	4.50	13.00	13.00	
1440	LPH.A 02312	Nguyễn Thu	Anh	10/09/96	Nữ			2NT	24.22. 10559	D380101	5.50	4.50	4.25	14.25	14.50	
1441	LPH.A 02315	Nguyễn Thị	Huyền	03/05/96	Nữ			2NT	24.22. 10561	D380107	7.50	4.50	6.25	18.25	18.50	
1442	LPH.A 02317	Cao Thị	Nhàn	04/06/96	Nữ			2NT	24.22. 10560	D380101	6.25	5.25	4.75	16.25	16.50	
1443	LPH.A 02318	Vũ Thị Hồng	Nghĩa	08/09/96	Nữ			2NT	24.31. 09364	D380101	4.75	4.25	3.25	12.25	12.50	
1444	LPH.A 02320	Trần Tiến	Anh	03/10/96			06	1	24.32. 08869	D380101	7.00	6.50	5.25	18.75	19.00	
1445	LPH.A 02321	Nguyễn Thị	Ngọc	20/03/96	Nữ			1	24.32. 08870	D380107	6.50	6.00	7.50	20.00	20.00	
1446	LPH.A 02322	Ngô Phương	Thảo	11/01/96	Nữ			1	24.32. 08871	D380107	4.75	5.50	2.75	13.00	13.00	
1447	LPH.A 02323	Vũ Hồng	Dân	06/05/96				2NT	24.33. 08365	D380101	4.25	4.25	4.50	13.00	13.00	
1448	LPH.A 02324	Dương Văn	Đức	28/01/96				2NT	24.33. 08367	D380101	6.75	5.25	5.50	17.50	17.50	
1449	LPH.A 02325	Nguyễn Thu	Hằng	08/12/96	Nữ			2NT	24.33. 08366	D380101	6.25	5.75	6.25	18.25	18.50	
1450	LPH.A 02326	Lê Thị	Hương	05/11/96	Nữ			2NT	24.41. 06754	D380107	6.75	6.75	7.00	20.50	20.50	
1451	LPH.A 02328	Nguyễn Thị	Thảo	29/01/96	Nữ			2NT	24.41. 06755	D380107	4.50	4.50	5.75	14.75	15.00	
1452	LPH.A 02329	Phạm Đức	Tuấn	16/11/96				2NT	24.41. 06752	D380101	6.50	6.50	5.00	18.00	18.00	
1453	LPH.A 02330	Trần Văn	Văn	16/08/95				2NT	24.41. 06751	D380101	4.75	3.50	3.50	11.75	12.00	
1454	LPH.A 02331	Nguyễn Tuấn	Vũ	25/09/96				2NT	24.41. 06753	D380101	4.50	5.50	6.00	16.00	16.00	
1455	LPH.A 02333	Vũ Thị Thanh	Liệu	27/05/96	Nữ			2NT	24.42. 06038	D380101	5.25	4.25	4.50	14.00	14.00	
1456	LPH.A 02336	Nguyễn Thị	Thắm	09/04/96	Nữ			2NT	24.45. 04950	D380101	6.25	6.25	5.00	17.50	17.50	
1457	LPH.A 02338	Hà Đức	Doanh	24/03/96				2NT	24.51. 04238	D380101	9.00	8.50	7.75	25.25	25.50	
1458	LPH.A 02339	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/96	Nữ			2NT	24.51. 04239	D380101	8.50	6.75	8.50	23.75	24.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1459	LPH.A 02342	Nguyễn Thị	Nhâm	26/11/96	Nữ			2NT	24.51. 04240	D380101	6.25	3.75	8.00	18.00	18.00	
1460	LPH.A 02343	Nguyễn Thuỳ	Dương	02/10/96	Nữ			2NT	24.52. 03573	D380101	5.00	4.50	4.75	14.25	14.50	
1461	LPH.A 02345	Lê Thị Ngọc	Huyền	17/03/96	Nữ			2NT	24.52. 03575	D380101	6.00	6.00	4.50	16.50	16.50	
1462	LPH.A 02346	Trần Thảo	Huyền	16/12/96	Nữ		06	2NT	24.52. 03572	D380101	1.25	2.50	5.00	8.75	9.00	
1463	LPH.A 02348	Tăng Thị Thúy	Hằng	18/08/96	Nữ			1	24.55. 03029	D380101	7.00	6.00	6.25	19.25	19.50	
1464	LPH.A 02350	Nguyễn Anh	Đức	12/02/96				2NT	24.56. 02732	D380101	7.00	5.75	5.50	18.25	18.50	
1465	LPH.A 02351	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/03/96	Nữ			2NT	24.61. 01932	D380101	5.50	5.00	4.00	14.50	14.50	
1466	LPH.A 02352	Nguyễn Thị Kim	Cúc	09/11/96	Nữ			2NT	24.61. 01933	D380101	6.00	5.50	4.75	16.25	16.50	
1467	LPH.A 02353	Nguyễn Thị Mai	Dung	29/10/96	Nữ			2NT	24.61. 01931	D380101	7.00	7.50	8.50	23.00	23.00	
1468	LPH.A 02354	Vũ Khải	Hưng	23/10/96				2NT	24.61. 01937	D380107	8.00	7.00	8.25	23.25	23.50	
1469	LPH.A 02358	Vũ Quốc	Tuyên	16/12/96				2NT	24.61. 01934	D380101	6.50	5.25	4.50	16.25	16.50	
1470	LPH.A 02359	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/01/96	Nữ			2NT	24.62. 01192	D380107	6.50	6.00	6.25	18.75	19.00	
1471	LPH.A 02360	Nguyễn Phương	Thảo	31/01/96	Nữ			2NT	24.62. 01191	D380101	5.00	4.25	4.50	13.75	14.00	
1472	LPH.A 02361	Đoàn Thị Phương	Thảo	06/07/96	Nữ			2NT	24.63. 00555	D380107	6.75	7.25	9.00	23.00	23.00	
1473	LPH.A 02363	Vũ Thị Minh	Phương	07/03/95	Nữ	Huyện Mỹ Lộc		2	25.00. 00135	D380101	6.75	5.25	7.00	19.00	19.00	
1474	LPH.A 02364	Trương Đình	Đức	19/12/91		Thành phố Nam Định		2	25.01. 00462	D380107	4.75	5.50	7.50	17.75	18.00	
1475	LPH.A 02366	Cao Thị Tô	Nường	04/08/95	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.01. 00321	D380107	7.25	6.50	8.00	21.75	22.00	
1476	LPH.A 02368	Đỗ Quang	Thắng	23/07/95		Thành phố Nam Định		2	25.01. 00189	D380101	8.00	7.25	7.75	23.00	23.00	
1477	LPH.A 02370	Nguyễn Xuân	Việt	20/04/95		Thành phố Nam Định		2	25.01. 00192	D380101	3.50	6.25	4.00	13.75	14.00	
1478	LPH.A 02372	Hoàng Lan	Anh	10/02/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02309	D380101	6.50	7.00	8.50	22.00	22.00	
1479	LPH.A 02375	Ngô Cảnh	Duy	07/04/96		Thành phố Nam Định		2	25.02. 02317	D380101	7.25	6.75	7.00	21.00	21.00	
1480	LPH.A 02376	Nguyễn Thị Minh	Hà	02/01/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02311	D380101	6.75	6.25	7.50	20.50	20.50	
1481	LPH.A 02377	Nguyễn Thị	Huệ	20/06/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	25.02. 02324	D380107	7.25	7.50	7.00	21.75	22.00	
1482	LPH.A 02379	Phạm Thị Thảo	Linh	21/09/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02321	D380107	6.75	7.00	8.00	21.75	22.00	
1483	LPH.A 02380	Lê Thị Phương	Ngân	20/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02316	D380101	8.50	7.75	5.75	22.00	22.00	
1484	LPH.A 02385	Đinh Thị Phương	Thảo	14/06/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02318	D380101	7.00	5.25	7.75	20.00	20.00	
1485	LPH.A 02388	Phạm Hương	Trang	18/02/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02312	D380101	7.00	5.50	3.00	15.50	15.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1486	LPH.A 02390	Vũ Trung	Dũng	01/11/96		Thành phố Nam Định		2	25.03. 03750	D380101	8.00	7.50	7.50	23.00	23.00	
1487	LPH.A 02393	Nguyễn Hoài	Sơn	10/08/96		Thành phố Nam Định		2	25.03. 03754	D380101	5.25	5.50	5.25	16.00	16.00	
1488	LPH.A 02394	Đinh Thị Thanh	Tâm	16/07/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03753	D380101	7.25	7.25	7.00	21.50	21.50	
1489	LPH.A 02397	Ngô Thị Thu	Thảo	23/11/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03747	D380107	6.50	6.25	5.00	17.75	18.00	
1490	LPH.A 02398	Trần Thanh	Thảo	21/02/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03746	D380107	5.25	6.50	5.25	17.00	17.00	
1491	LPH.A 02400	Vũ Tú	Uyên	25/09/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2	25.03. 03757	D380101	5.25	4.75	9.00	19.00	19.00	
1492	LPH.A 02401	Bùi Đức	Anh	12/02/96		Thành phố Nam Định		2	25.04. 01260	D380101	7.00	6.25	4.50	17.75	18.00	
1493	LPH.A 02402	Nguyễn Anh	Dũng	01/03/96		Thành phố Nam Định		2	25.04. 01261	D380107	6.25	5.50	4.75	16.50	16.50	
1494	LPH.A 02404	Bùi Thị Thanh	Huyền	10/01/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01251	D380101	6.50	7.50	8.75	22.75	23.00	
1495	LPH.A 02407	Trần Minh	Nguyệt	05/01/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01252	D380101	8.00	6.75	7.25	22.00	22.00	
1496	LPH.A 02408	Đặng Thị Trúc	Quỳnh	07/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01256	D380101	6.75	6.75	5.50	19.00	19.00	
1497	LPH.A 02414	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	03/04/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	25.06. 04992	D380107	7.00	5.75	6.50	19.25	19.50	
1498	LPH.A 02415	Vũ Thị Thùy	Dương	05/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.06. 04990	D380101	7.00	5.25	5.25	17.50	17.50	
1499	LPH.A 02418	Trần Đức	Nam	08/08/96		Huyện Mỹ Lộc		2NT	25.16. 00486	D380107	0.00	3.50	2.25	5.75	6.00	
1500	LPH.A 02419	Phạm Hải	Anh	10/04/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.20. 01460	D380107	7.00	6.50	7.00	20.50	20.50	
1501	LPH.A 02423	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16/08/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.20. 01457	D380101	7.00	7.25	6.25	20.50	20.50	
1502	LPH.A 02425	Nguyễn Thị	Thùy	13/09/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.20. 01456	D380101	5.50	6.00	5.25	16.75	17.00	
1503	LPH.A 02427	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.21. 01465	D380107	6.50	6.50	7.75	20.75	21.00	
1504	LPH.A 02430	Phạm Thị	Thùy	27/10/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.21. 01462	D380101	7.00	6.75	6.25	20.00	20.00	
1505	LPH.A 02431	Đỗ Thị Hà	Trang	20/02/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.21. 01463	D380101	7.00	6.75	6.25	20.00	20.00	
1506	LPH.A 02432	Nguyễn Thị Hồng	Hải	08/08/95	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.26. 01920	D380101	5.50	4.75	3.50	13.75	14.00	
1507	LPH.A 02434	Cao Thị Phương	Hoa	12/08/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01925	D380101	7.00	7.00	6.50	20.50	20.50	
1508	LPH.A 02436	Vũ Thị Thùy	Ngân	31/10/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01921	D380101	6.25	5.75	6.25	18.25	18.50	
1509	LPH.A 02438	Phạm Hanh	Thông	01/06/96		Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01926	D380101	7.00	7.50	8.00	22.50	22.50	
1510	LPH.A 02439	Nguyễn Thị	Thu	22/04/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01928	D380107	7.00	6.75	5.50	19.25	19.50	
1511	LPH.A 02440	Lại Thị Thu	Trang	26/09/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01924	D380101	8.00	6.00	5.75	19.75	20.00	
1512	LPH.A 02441	Nguyễn Kiều	Trình	29/04/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01923	D380101	7.00	7.25	6.00	20.25	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1513	LPH.A 02444	Đào Thị	Huyền	01/07/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.28. 01932	D380101	6.25	6.25	5.75	18.25	18.50	
1514	LPH.A 02446	Đoàn Nguyễn Thị	Thương	30/10/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.28. 01936	D380107	6.00	5.50	5.25	16.75	17.00	
1515	LPH.A 02448	Phạm Thu	Trang	15/12/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.28. 01933	D380101	7.00	7.50	8.50	23.00	23.00	
1516	LPH.A 02450	Phạm Thị Hồng	Gấm	11/02/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.29. 01941	D380107	8.00	5.50	7.00	20.50	20.50	
1517	LPH.A 02451	Phạm Thị	Quyên	10/02/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.29. 01939	D380101	3.25	.	.	3.25	3.50	
1518	LPH.A 02453	Trần Quốc	Việt	14/04/96		Huyện Giao Thủy		2NT	25.29. 01940	D380101	5.50	6.50	5.25	17.25	17.50	
1519	LPH.A 02454	Trần Minh	Nhật	28/06/96		Huyện Giao Thủy		2NT	25.30. 01942	D380101	4.00	4.25	3.75	12.00	12.00	
1520	LPH.A 02455	Cao Thị	Huyền	16/07/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.31. 01943	D380101	3.75	3.25	4.25	11.25	11.50	
1521	LPH.A 02456	Trịnh Thị	Hoài	14/08/95	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.33. 02239	D380107	6.25	4.75	4.75	15.75	16.00	
1522	LPH.A 02457	Hoàng Văn	Tá	06/03/94		Huyện ý Yên		2NT	25.33. 02238	D380101	7.25	1.25	7.75	16.25	16.50	
1523	LPH.A 02458	Mai Thị Thuý	Hà	12/02/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.34. 02244	D380101	4.50	6.50	6.25	17.25	17.50	
1524	LPH.A 02459	Nguyễn Thị	Hà	04/02/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.34. 02245	D380101	7.50	5.50	9.50	22.50	22.50	
1525	LPH.A 02460	Nguyễn Thị Thuý	Hàng	18/10/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.34. 02242	D380101	6.25	4.75	6.50	17.50	17.50	
1526	LPH.A 02463	Đỗ Thị Thuý	Linh	25/03/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.34. 02240	D380101	6.50	5.50	5.25	17.25	17.50	
1527	LPH.A 02464	Vũ Thị	Mơ	22/09/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.34. 02241	D380101	7.25	6.25	8.75	22.25	22.50	
1528	LPH.A 02467	Đinh Thị	Hạnh	11/06/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.35. 02252	D380101	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	
1529	LPH.A 02468	Nguyễn Thị	Hàng	13/10/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.35. 02251	D380101	5.75	4.50	3.25	13.50	13.50	
1530	LPH.A 02469	Đỗ Khánh	Huyền	16/05/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.35. 02249	D380101	8.25	6.50	9.50	24.25	24.50	
1531	LPH.A 02471	Lê Minh	Đức	06/02/96		Huyện ý Yên		2NT	25.36. 02254	D380101	6.50	6.50	6.25	19.25	19.50	
1532	LPH.A 02472	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	12/05/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.36. 02255	D380107	7.50	7.25	8.00	22.75	23.00	
1533	LPH.A 02473	Nguyễn Anh	Tín	25/12/96		Huyện ý Yên		2NT	25.36. 02253	D380101	5.75	6.00	4.50	16.25	16.50	
1534	LPH.A 02475	Bùi Thị	Bình	25/01/96	Nữ	Huyện Vụ Bản	06	2NT	25.43. 01024	D380101	6.50	4.00	6.50	17.00	17.00	
1535	LPH.A 02476	Phạm Thị	Trang	22/08/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.43. 01025	D380101	6.75	6.50	6.75	20.00	20.00	
1536	LPH.A 02477	Trần Thị	Hoa	10/09/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.44. 01027	D380101	6.75	6.75	5.00	18.50	18.50	
1537	LPH.A 02478	Nguyễn Thị Thu	Hoài	03/05/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.44. 01028	D380101	4.25	6.25	5.00	15.50	15.50	
1538	LPH.A 02479	Nguyễn Thị Bích	Loan	23/10/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.44. 01026	D380101	7.00	6.50	6.75	20.25	20.50	
1539	LPH.A 02480	Phạm Thị	Dung	15/05/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.45. 01029	D380107	7.00	6.50	3.75	17.25	17.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1540	LPH.A 02481	Vũ Trung	Hiếu	10/10/96		Huyện Vụ Bản		2NT	25.46. 01031	D380101	6.25	5.50	6.25	18.00	18.00	
1541	LPH.A 02482	Đào Thị Bích	Phượng	23/11/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.46. 01030	D380101	7.25	6.50	6.50	20.25	20.50	
1542	LPH.A 02484	Trần Thị	Dung	12/04/95	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.49. 03360	D380101	8.25	6.50	6.50	21.25	21.50	
1543	LPH.A 02485	Vũ Thị	Huệ	19/08/95	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.49. 03358	D380101	6.50	6.25	4.50	17.25	17.50	
1544	LPH.A 02486	Đoàn Thị	Thảo	11/02/95	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.49. 03356	D380101	4.00	3.50	5.50	13.00	13.00	
1545	LPH.A 02487	Nguyễn Quang	Vinh	15/07/95		Huyện Nam Trực		2NT	25.49. 03359	D380101	7.00	7.50	6.50	21.00	21.00	
1546	LPH.A 02488	Vũ Văn	Đô	20/10/96		Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 01839	D380101	6.50	3.50	9.00	19.00	19.00	
1547	LPH.A 02490	Ngô Thị Lan	Anh	19/09/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 00448	D380101	5.50	4.25	3.25	13.00	13.00	
1548	LPH.A 02492	Lưu Thị Hồng	Hạnh	02/11/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 00443	D380107	7.00	5.75	7.75	20.50	20.50	
1549	LPH.A 02495	Trần Thị	Ngát	26/08/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 00447	D380101	7.00	6.25	7.50	20.75	21.00	
1550	LPH.A 02496	Phạm Trần	Phan	08/05/96		Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 00439	D380107	7.75	7.00	9.00	23.75	24.00	
1551	LPH.A 02497	Đặng Thị Thanh	Phượng	08/08/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 00444	D380101	6.25	6.25	5.50	18.00	18.00	
1552	LPH.A 02498	Đinh Thị Hồng	Phượng	31/10/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 00446	D380107	7.50	5.50	4.50	17.50	17.50	
1553	LPH.A 02499	Tạ Thị	Thảo	27/08/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 00441	D380101	8.25	7.50	9.00	24.75	25.00	
1554	LPH.A 02502	Nguyễn Thị	Mai	17/12/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.55. 02825	D380101	6.00	3.25	2.50	11.75	12.00	
1555	LPH.A 02503	Đỗ Thị	Nga	24/08/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.55. 02822	D380107	8.00	6.50	8.50	23.00	23.00	
1556	LPH.A 02504	Nguyễn Thị	Phượng	25/09/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.55. 02824	D380101	8.00	6.50	8.50	23.00	23.00	
1557	LPH.A 02505	Đỗ Thu	Trang	30/08/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.55. 02823	D380101	8.00	6.50	5.50	20.00	20.00	
1558	LPH.A 02507	Mai Thị Ngọc	ánh	17/07/95	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.58. 03457	D380101	7.00	5.50	5.75	18.25	18.50	
1559	LPH.A 02509	Nguyễn Thị	Quyên	09/08/95	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.58. 03458	D380107	7.00	5.75	5.75	18.50	18.50	
1560	LPH.A 02513	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	24/04/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.59. 00571	D380107	5.00	6.50	5.00	16.50	16.50	
1561	LPH.A 02514	Triệu Văn	Hình	01/06/96		Huyện Trực Ninh		2NT	25.60. 02938	D380101	6.00	5.75	5.50	17.25	17.50	
1562	LPH.A 02516	Ninh Ngọc	Trúc	17/09/96		Huyện Trực Ninh		2NT	25.60. 02941	D380107	1.00	2.25	.	3.25	3.50	
1563	LPH.A 02517	Phạm Thị Cẩm	Vân	06/06/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.60. 02940	D380107	7.00	4.50	5.00	16.50	16.50	
1564	LPH.A 02519	Phạm Thị Hồng	Ngân	24/03/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.61. 01389	D380101	2.00	3.25	3.00	8.25	8.50	
1565	LPH.A 02520	Nguyễn Thị Lan	Anh	07/06/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.62. 02089	D380101	7.00	6.50	6.00	19.50	19.50	
1566	LPH.A 02523	Nguyễn Hồng	Ngọc	21/10/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.62. 02090	D380101	7.00	6.25	5.25	18.50	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1567	LPH.A 02524	Vũ Thị	Hằng	11/11/95	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.66. 00046	D380101	4.25	4.00	2.00	10.25	10.50	
1568	LPH.A 02525	Trần Thị	Len	26/06/95	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng	06	2NT	25.66. 00039	D380107	6.25	6.25	7.00	19.50	19.50	
1569	LPH.A 02526	Trần Xuân	Quảng	08/08/91		Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.66. 00141	D380101	6.75	7.00	6.50	20.25	20.50	
1570	LPH.A 02527	Phạm Thu	Thảo	05/04/95	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.66. 00218	D380101	7.00	6.75	6.25	20.00	20.00	
1571	LPH.A 02529	Vũ Thu	Dung	09/06/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.67. 00683	D380107	7.00	7.00	8.50	22.50	22.50	
1572	LPH.A 02530	Trần Thị Thanh	Huyền	20/04/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.67. 01085	D380101	5.50	5.75	6.50	17.75	18.00	
1573	LPH.A 02532	Vũ Thị	Ngọc	12/11/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.67. 00186	D380107	7.00	6.50	7.00	20.50	20.50	
1574	LPH.A 02533	Đới Thị	Thơm	11/10/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.67. 00188	D380107	7.25	5.75	7.25	20.25	20.50	
1575	LPH.A 02534	Nguyễn Thị	Duyên	08/03/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00443	D380101	5.25	5.25	5.25	15.75	16.00	
1576	LPH.A 02535	Ngô Thị Thanh	Nam	03/02/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00444	D380107	6.75	6.25	5.75	18.75	19.00	
1577	LPH.A 02538	Hà Anh	Tuấn	07/05/96		Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00441	D380101	3.00	4.75	3.50	11.25	11.50	
1578	LPH.A 02540	Kim Thị	Tuyết	20/02/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.69. 00290	D380101	7.00	6.00	5.50	18.50	18.50	
1579	LPH.A 02541	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	27/06/95	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.74. 00151	D380101	6.75	3.75	4.50	15.00	15.00	
1580	LPH.A 02544	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	15/05/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02337	D380101	6.50	6.00	6.50	19.00	19.00	
1581	LPH.A 02546	Phạm Thị Hồng	Hạnh	05/11/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02340	D380107	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
1582	LPH.A 02547	Trần Thị Thuý	Hiên	06/01/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02342	D380101	7.75	6.25	8.25	22.25	22.50	
1583	LPH.A 02548	Phạm Phương	Hoa	11/12/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02346	D380101	5.25	5.25	5.75	16.25	16.50	
1584	LPH.A 02549	Phạm Thị Tố	Linh	14/04/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02338	D380101	7.00	6.50	7.25	20.75	21.00	
1585	LPH.A 02551	Trịnh Thị ánh	Ngọc	09/04/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02344	D380101	8.25	6.50	8.75	23.50	23.50	
1586	LPH.A 02552	Nguyễn Thu	Phương	01/06/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02341	D380101	6.75	7.50	6.75	21.00	21.00	
1587	LPH.A 02553	Đỗ Xuân	Tú	28/01/96		Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02336	D380101	7.75	6.50	7.50	21.75	22.00	
1588	LPH.A 02554	Phạm Hải	Yến	06/12/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02347	D380101	8.25	7.25	7.50	23.00	23.00	
1589	LPH.A 02555	Đỗ Thị	Hoài	05/10/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.76. 04877	D380101	6.00	4.25	7.75	18.00	18.00	
1590	LPH.A 02556	Nguyễn Đại	Long	28/01/96		Huyện Hải Hậu		2NT	25.76. 04879	D380101	7.75	8.25	8.25	24.25	24.50	
1591	LPH.A 02557	Trần Thị	Mai	15/10/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.76. 04880	D380107	7.00	7.00	7.25	21.25	21.50	
1592	LPH.A 02558	Trần Thị Bích	Phượng	30/10/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.76. 04878	D380101	8.00	7.00	6.25	21.25	21.50	
1593	LPH.A 02559	Trần Thị	Nhung	21/10/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.77. 04270	D380101	7.00	4.75	6.50	18.25	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1594	LPH.A 02560	Phạm Quốc Vượng	03/10/96		Huyện Hải Hậu		2NT	25.79. 03793	D380101	7.00	4.50	6.75	18.25	18.50	
1595	LPH.A 02561	Vũ Thị Hường	27/03/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.85. 00172	D380101	5.75	7.25	5.50	18.50	18.50	
1596	LPH.A 02562	Vũ Thị Thảo	26/09/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.85. 00173	D380101	6.25	6.75	6.50	19.50	19.50	
1597	LPH.A 02565	Đinh Thị Thủy	24/08/96	Nữ			2NT	25.C5. 00083	D380101	7.00	5.25	6.50	18.75	19.00	
1598	LPH.A 02566	Quách Tiến Bình	02/02/95		Huyện Đông Hưng		2NT	26.00. 00021	D380107	4.00	3.50	2.50	10.00	10.00	
1599	LPH.A 02567	Nguyễn Thị Gấm	09/02/95	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00002	D380101	6.00	7.00	5.75	18.75	19.00	
1600	LPH.A 02569	Nguyễn Thành Hiếu	22/08/95		Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00004	D380107	6.50	6.25	6.25	19.00	19.00	
1601	LPH.A 02570	Nguyễn Xuân Phong	07/08/95		Huyện Kiến Xương		2NT	26.00. 00019	D380101	0.25	.	.	0.25	0.50	
1602	LPH.A 02571	Trần Đức Quyền	01/01/96		Thành phố Thái Bình		2	26.00. 00005	D380107	7.00	6.00	3.50	16.50	16.50	
1603	LPH.A 02572	Nguyễn Kim Thắng	03/12/95		Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00020	D380107	6.50	5.75	7.50	19.75	20.00	
1604	LPH.A 02573	Hoàng Thị Thu	07/10/95	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.00. 00001	D380101	7.00	6.50	6.25	19.75	20.00	
1605	LPH.A 02579	Phạm Linh Chi	29/03/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2	26.02. 00045	D380101	8.25	6.50	8.25	23.00	23.00	
1606	LPH.A 02580	Nguyễn Mạnh Cường	15/10/96		Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00049	D380101	9.00	8.00	8.75	25.75	26.00	
1607	LPH.A 02582	Lê Thị Ngọc Hà	29/11/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2	26.02. 00056	D380107	8.25	8.00	8.50	24.75	25.00	
1608	LPH.A 02583	Nguyễn Hoàng Hải	26/04/96		Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00058	D380107	7.75	7.75	8.50	24.00	24.00	
1609	LPH.A 02584	Vũ Thị Mai Hoa	19/12/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2	26.02. 00039	D380101	8.50	4.50	8.00	21.00	21.00	
1610	LPH.A 02588	Nguyễn Thị Khánh Linh	04/06/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2	26.02. 00052	D380107	9.00	6.50	8.50	24.00	24.00	
1611	LPH.A 02589	Phạm Nhật Linh	26/11/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2	26.02. 00041	D380101	5.75	4.50	5.50	15.75	16.00	
1612	LPH.A 02590	Nguyễn Hoàng Minh	23/02/96		Huyện Vũ Thư		2	26.02. 00062	D380107	7.75	7.50	8.25	23.50	23.50	
1613	LPH.A 02592	Phạm Thị Hồng Ngoan	20/08/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2	26.02. 00060	D380107	8.00	8.00	7.75	23.75	24.00	
1614	LPH.A 02594	Bùi Thị Nhã Phương	25/05/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00048	D380101	6.75	7.25	7.50	21.50	21.50	
1615	LPH.A 02597	Phạm Thị Thu Trang	27/08/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2	26.02. 00061	D380107	7.25	6.25	5.00	18.50	18.50	
1616	LPH.A 02599	Trần Anh Tuấn	26/09/96		Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00044	D380101	6.50	5.75	4.50	16.75	17.00	
1617	LPH.A 02602	Vũ Thu Hằng	02/03/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.03. 00108	D380101	6.00	6.00	3.75	15.75	16.00	
1618	LPH.A 02603	Nguyễn Thị Quỳnh	26/05/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.03. 00109	D380101	4.75	6.25	5.50	16.50	16.50	
1619	LPH.A 02607	Lương Ngọc Hà	13/06/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00120	D380101	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	
1620	LPH.A 02608	Vũ Thị Hằng	19/08/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00121	D380101	8.00	6.75	8.25	23.00	23.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1621	LPH.A 02610	Nguyễn Thị Phương	Liên	16/04/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00123	D380101	5.50	5.50	5.50	16.50	16.50	
1622	LPH.A 02613	Phạm Bích	Ngọc	26/10/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00126	D380101	5.25	5.50	6.75	17.50	17.50	
1623	LPH.A 02616	Trần Thị Ngọc	Thúy	01/05/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00128	D380101	7.00	5.75	7.25	20.00	20.00	
1624	LPH.A 02617	Nguyễn Thị Diệu	My	17/01/95	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.08. 00142	D380101	7.00	5.75	6.25	19.00	19.00	
1625	LPH.A 02618	Đỗ Hoà	An	09/04/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00150	D380101	7.25	7.25	7.50	22.00	22.00	
1626	LPH.A 02619	Phạm Thị	Hiên	23/09/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00151	D380101	7.50	6.25	7.50	21.25	21.50	
1627	LPH.A 02621	Đinh Thị	Loan	15/03/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00148	D380101	5.50	5.25	3.75	14.50	14.50	
1628	LPH.A 02622	Bùi Thị	Lụa	10/02/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00149	D380101	6.25	7.00	5.75	19.00	19.00	
1629	LPH.A 02623	Đỗ Thị	Lương	31/12/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00146	D380101	7.00	6.75	7.00	20.75	21.00	
1630	LPH.A 02624	Đào Thị Phương	Thảo	02/11/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00147	D380101	6.00	5.75	6.25	18.00	18.00	
1631	LPH.A 02626	Phạm Huy	Trường	27/09/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00152	D380101	7.00	5.50	5.75	18.25	18.50	
1632	LPH.A 02627	Trương Thị	Yến	19/02/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00144	D380101	6.00	6.25	3.25	15.50	15.50	
1633	LPH.A 02628	Phạm Thị	Hằng	25/01/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.10. 00164	D380107	6.75	7.75	7.00	21.50	21.50	
1634	LPH.A 02631	Nguyễn Thị	Thu	28/04/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00176	D380107	4.50	3.75	6.25	14.50	14.50	
1635	LPH.A 02632	Vũ Xuân	Đô	04/12/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00175	D380101	8.00	6.50	8.50	23.00	23.00	
1636	LPH.A 02633	Lương Thị Thu	Hà	21/11/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00171	D380101	0.00	3.25	4.50	7.75	8.00	
1637	LPH.A 02634	Phạm Thị Hồng	Nhung	20/08/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00174	D380101	7.50	5.75	8.00	21.25	21.50	
1638	LPH.A 02635	Bùi Thị	Thắm	04/12/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00177	D380107	8.00	6.50	9.00	23.50	23.50	
1639	LPH.A 02637	Phạm Văn	Vương	27/03/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00172	D380101	3.75	5.00	5.50	14.25	14.50	
1640	LPH.A 02641	Trần Văn	Quảng	13/04/96		Huyện Hưng Hà		2NT	26.17. 00193	D380101	6.25	6.50	7.75	20.50	20.50	
1641	LPH.A 02642	Phạm Ngọc	Quỳnh	15/07/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.17. 00195	D380101	7.00	6.25	7.00	20.25	20.50	
1642	LPH.A 02643	Khúc Thị	Thu	21/10/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.17. 00194	D380101	7.25	6.50	6.50	20.25	20.50	
1643	LPH.A 02647	Nguyễn Hoàng	Lâm	18/07/96		Huyện Hưng Hà		2NT	26.18. 00206	D380107	6.50	6.00	4.50	17.00	17.00	
1644	LPH.A 02651	Bùi Thị	Dương	16/04/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.19. 00218	D380101	7.00	6.25	7.00	20.25	20.50	
1645	LPH.A 02652	Nguyễn Thị	Nhung	04/08/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.19. 00217	D380101	5.25	6.75	6.25	18.25	18.50	
1646	LPH.A 02654	Ngô Thị Kiều	Oanh	18/06/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.19. 00222	D380107	7.50	7.50	8.75	23.75	24.00	
1647	LPH.A 02656	Bùi Thanh	Trung	02/05/96		Huyện Hưng Hà		2NT	26.19. 00223	D380107	7.50	7.00	7.75	22.25	22.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1648	LPH.A 02659	Vũ Hải	Anh	12/07/95	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.23. 00237	D380107	6.75	5.25	8.50	20.50	20.50	
1649	LPH.A 02660	Đào Thị	Thủy	01/02/95	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.23. 00236	D380101	7.00	6.75	2.50	16.25	16.50	
1650	LPH.A 02663	Nguyễn Thị Linh	Mai	09/10/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.24. 00242	D380107	6.50	6.75	8.25	21.50	21.50	
1651	LPH.A 02664	Phạm Thị Phương	Thảo	09/05/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.24. 00241	D380107	6.25	5.00	3.50	14.75	15.00	
1652	LPH.A 02665	Nguyễn Lê Phương	Anh	10/10/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00251	D380101	6.50	6.50	6.50	19.50	19.50	
1653	LPH.A 02666	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/11/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00252	D380101	6.75	5.50	5.50	17.75	18.00	
1654	LPH.A 02668	Lại Thị Mỹ	Dung	23/03/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00253	D380107	5.75	6.00	6.25	18.00	18.00	
1655	LPH.A 02670	Phạm Thị	Thu	30/09/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00249	D380101	7.50	7.00	9.25	23.75	24.00	
1656	LPH.A 02671	Phạm Thanh	Dung	14/12/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00268	D380101	7.75	6.25	5.50	19.50	19.50	
1657	LPH.A 02673	Đặng Thị	Hà	06/12/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00266	D380101	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	
1658	LPH.A 02674	Đặng Thị Thanh	Huyền	29/12/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00270	D380107	5.50	6.00	6.50	18.00	18.00	
1659	LPH.A 02676	Phạm Thị	Mai	16/03/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00263	D380101	5.75	5.00	5.00	15.75	16.00	
1660	LPH.A 02677	Quách Thị Quỳnh	Mai	28/10/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00264	D380101	7.00	6.75	6.50	20.25	20.50	
1661	LPH.A 02679	Bùi Thị	Thảo	28/08/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00265	D380101	2.00	3.25	2.50	7.75	8.00	
1662	LPH.A 02680	Nguyễn Thanh	Huyền	27/09/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.27. 00276	D380101	6.00	2.50	4.50	13.00	13.00	
1663	LPH.A 02682	Phạm Thị Vân	Anh	13/02/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.28. 00280	D380101	3.75	4.50	5.75	14.00	14.00	
1664	LPH.A 02683	Phạm Thị	Mai	06/02/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.28. 00281	D380101	2.00	2.75	2.50	7.25	7.50	
1665	LPH.A 02685	Nguyễn Thị	Hoa	22/05/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00293	D380101	8.00	6.50	7.50	22.00	22.00	
1666	LPH.A 02686	Nguyễn Thị	Hoài	06/09/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00291	D380101	6.75	6.50	5.50	18.75	19.00	
1667	LPH.A 02687	Trần Thị	Huế	22/04/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00284	D380101	6.50	6.00	6.50	19.00	19.00	
1668	LPH.A 02688	Nguyễn Thị Thương	Huyền	20/06/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.32. 00290	D380101	7.00	5.75	3.75	16.50	16.50	
1669	LPH.A 02691	Trần Thị Hằng	Nga	07/12/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00295	D380107	8.00	7.50	8.25	23.75	24.00	
1670	LPH.A 02693	Hoàng Thị	Thuý	09/04/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00296	D380107	8.50	6.25	7.00	21.75	22.00	
1671	LPH.A 02697	Nguyễn Xuân	Trường	25/08/96		Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00297	D380107	7.50	7.50	8.75	23.75	24.00	
1672	LPH.A 02701	Bùi Thị Hồng	Nhung	15/06/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.33. 00315	D380101	6.00	6.00	6.25	18.25	18.50	
1673	LPH.A 02703	Ngô Thị	Nhật	31/10/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.34. 00328	D380101	7.00	5.50	4.50	17.00	17.00	
1674	LPH.A 02704	Phan Thị Phương	Thảo	22/12/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.34. 00329	D380107	4.00	5.50	3.25	12.75	13.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1675	LPH.A 02708	Phan Thị Thuỳ	Linh	06/11/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2NT	26.39. 00335	D380101	6.50	5.00	5.00	16.50	16.50	
1676	LPH.A 02710	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/11/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2NT	26.40. 00350	D380107	6.50	6.50	5.25	18.25	18.50	
1677	LPH.A 02711	Vũ Thị Thanh	Bình	10/01/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2NT	26.40. 00348	D380101	6.50	6.50	5.75	18.75	19.00	
1678	LPH.A 02714	Hà Thị Diệu	Nhung	03/08/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2NT	26.40. 00347	D380101	8.25	7.50	6.75	22.50	22.50	
1679	LPH.A 02716	Phạm Thị Anh	Đào	20/07/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.46. 00366	D380107	9.00	7.75	9.00	25.75	26.00	
1680	LPH.A 02717	Trần Thị	Hằng	22/09/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.46. 00362	D380101	8.00	5.50	8.25	21.75	22.00	
1681	LPH.A 02719	Nguyễn Lan	Phương	27/09/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.46. 00365	D380107	7.25	7.00	8.50	22.75	23.00	
1682	LPH.A 02720	Lưu Như	Quỳnh	14/11/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.46. 00364	D380101	5.50	6.25	5.25	17.00	17.00	
1683	LPH.A 02721	Đỗ Thị	Thái	20/01/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.46. 00360	D380101	7.50	6.25	4.50	18.25	18.50	
1684	LPH.A 02722	Lê Quỳnh	Trang	18/10/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.46. 00363	D380101	7.25	6.00	8.50	21.75	22.00	
1685	LPH.A 02723	Đỗ Thị Kim	Thuỳ	23/10/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.47. 00368	D380101	7.50	7.25	8.25	23.00	23.00	
1686	LPH.A 02724	Phạm Bạch	Tuyết	13/12/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.47. 00369	D380101	7.75	7.25	7.00	22.00	22.00	
1687	LPH.A 02725	Nguyễn Thị	Uyên	17/08/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.48. 00373	D380101	5.50	5.50	4.25	15.25	15.50	
1688	LPH.A 02727	Phạm Hoàng	Hải	18/09/91		Huyện Thái Thụy		2NT	26.51. 00376	D380101	6.00	6.75	7.50	20.25	20.50	
1689	LPH.A 02729	Đồng Thị Hồng	Nhung	30/03/95	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.51. 00375	D380101	6.75	3.25	3.50	13.50	13.50	
1690	LPH.A 02730	Vũ Thị Quỳnh	Anh	21/01/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.52. 00380	D380101	7.00	5.50	3.00	15.50	15.50	
1691	LPH.A 02731	Đào Thuỳ	Hương	02/10/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.52. 00379	D380101	7.00	6.50	4.00	17.50	17.50	
1692	LPH.A 02733	Lê Thị Thuỳ	Linh	21/01/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.52. 00382	D380101	8.00	7.75	6.75	22.50	22.50	
1693	LPH.A 02734	Nguyễn Thị	Quỳnh	18/02/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.52. 00383	D380101	6.25	7.25	5.25	18.75	19.00	
1694	LPH.A 02735	Đỗ Thị	Bích	13/03/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00390		2.50	2.00	1.50	6.00	6.00	
1695	LPH.A 02736	Đàm Ngọc	Huyền	27/10/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00393	D380101	7.75	8.50	8.50	24.75	25.00	
1696	LPH.A 02737	Phạm Thị Thanh	Huyền	17/07/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00391	D380101	7.00	7.50	6.50	21.00	21.00	
1697	LPH.A 02738	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	25/03/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00394	D380101	5.00	3.50	6.00	14.50	14.50	
1698	LPH.A 02739	Bùi Thị	Lý	12/10/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00395	D380101	6.00	6.00	4.50	16.50	16.50	
1699	LPH.A 02741	Nguyễn Thị	Thủy	23/10/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00392	D380101	7.50	6.00	7.00	20.50	20.50	
1700	LPH.A 02742	Vũ Thị	Duyên	24/05/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.54. 00401	D380101	5.50	5.25	5.75	16.50	16.50	
1701	LPH.A 02744	Nguyễn Thị	Ninh	24/08/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.54. 00403	D380101	5.25	5.50	3.50	14.25	14.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1702	LPH.A 02746	Mai Thị	Dinh	22/04/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.56. 00414	D380107	5.25	4.50	3.50	13.25	13.50	
1703	LPH.A 02748	Tổng Thanh	Bình	24/11/95	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.01. 00002	D380101	7.75	6.25	7.50	21.50	21.50	
1704	LPH.A 02750	Hứa Ngọc	Anh	09/04/94	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.03. 00010	D380101	5.50	6.25	6.25	18.00	18.00	
1705	LPH.A 02751	Phạm Việt	Linh	07/02/92		Huyện Hoa Lư		2NT	27.05. 00020	D380101	5.75	4.50	.	10.25	10.50	
1706	LPH.A 02753	Nguyễn Văn	Hùng	04/01/95		Huyện Yên Mô		1	27.06. 00027	D380107	5.00	5.00	5.25	15.25	15.50	
1707	LPH.A 02755	Vũ Thị Hương	Quỳnh	02/07/95	Nữ	Huyện Yên Mô		2	27.06. 00026	D380101	6.25	5.75	7.50	19.50	19.50	
1708	LPH.A 02758	Phạm Văn	Đô	24/04/95		Huyện Yên Khánh		2NT	27.08. 00037	D380107	6.50	5.50	4.50	16.50	16.50	
1709	LPH.A 02760	Tạ Thị	Ngọc	05/09/95	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.08. 00035	D380101	5.75	5.50	6.50	17.75	18.00	
1710	LPH.A 02768	Hà Thu	Hiền	01/01/96	Nữ	Huyện Hoa Lư		2	27.11. 00041	D380101	8.25	7.25	8.00	23.50	23.50	
1711	LPH.A 02769	Tô Thị Phương	Liên	20/10/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00054	D380107	8.00	7.50	8.50	24.00	24.00	
1712	LPH.A 02774	Phạm Ngọc	Quang	29/09/96		Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00050	D380101	7.00	6.25	5.00	18.25	18.50	
1713	LPH.A 02779	Nguyễn Thị	Duyên	09/11/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình	06	2	27.12. 00106	D380107	6.50	6.75	5.75	19.00	19.00	
1714	LPH.A 02780	Nguyễn Thu	Hiền	16/09/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình	06	2	27.12. 00108	D380107	7.25	7.25	7.50	22.00	22.00	
1715	LPH.A 02782	Phạm Thùy	Linh	22/12/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00107	D380107	1.25	4.25	4.50	10.00	10.00	
1716	LPH.A 02785	Lê Thị Tố	Uyên	25/11/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00104	D380101	5.50	4.50	6.25	16.25	16.50	
1717	LPH.A 02786	Bùi Xuân	Vượng	20/12/96		Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00109	D380107	4.00	4.00	4.25	12.25	12.50	
1718	LPH.A 02788	Trịnh Văn	Hùng	29/03/96		Thành phố Ninh Bình		2	27.13. 00120	D380101	3.25	4.00	4.25	11.50	11.50	
1719	LPH.A 02794	Nguyễn Tuấn	Thành	17/01/96		Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00138	D380101	6.50	6.75	6.50	19.75	20.00	
1720	LPH.A 02797	Nguyễn Đăng	Khoa	29/02/96		Huyện Nho Quan	01	1	27.32. 00157	D380101	2.25	5.00	5.50	12.75	13.00	
1721	LPH.A 02798	Chu Thị	Tám	06/06/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.32. 00159	D380101	6.00	5.50	5.75	17.25	17.50	
1722	LPH.A 02799	Bùi Thị	Thực	27/06/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.32. 00158	D380101	6.50	6.50	4.50	17.50	17.50	
1723	LPH.A 02801	Mai Thị Hoa	Xuân	09/07/96	Nữ	Huyện Gia Viễn		1	27.41. 00174	D380101	6.50	5.50	4.25	16.25	16.50	
1724	LPH.A 02805	Ngô Hương	Giang	13/12/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2NT	27.51. 00185	D380101	7.25	8.00	6.50	21.75	22.00	
1725	LPH.A 02809	Trần Thanh	Loan	04/06/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00198	D380107	7.00	5.25	5.25	17.50	17.50	
1726	LPH.A 02810	Lê Hữu	Lộc	05/04/96		Huyện Yên Mô		1	27.61. 00197	D380101	7.00	5.75	4.50	17.25	17.50	
1727	LPH.A 02812	Hoàng Thị Kim	Nhung	01/03/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.62. 00210	D380107	8.50	6.50	7.00	22.00	22.00	
1728	LPH.A 02813	Ngô Phương	Anh	30/03/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.71. 00216	D380107	8.00	6.50	7.50	22.00	22.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1729	LPH.A 02814	Nguyễn Thị	Huyền	10/01/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.71. 00220	D380107	6.25	7.25	7.00	20.50	20.50	
1730	LPH.A 02817	Phan Thị	Thắm	02/11/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.71. 00218	D380107	8.75	6.75	6.50	22.00	22.00	
1731	LPH.A 02818	Nguyễn Thị Thu	Hiên	25/12/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.72. 00224	D380101	4.50	5.50	3.75	13.75	14.00	
1732	LPH.A 02820	Phạm Hải Hà	Anh	10/02/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		1	27.73. 00233	D380101	8.00	7.00	6.50	21.50	21.50	
1733	LPH.A 02822	Đào Thị Thu	Hà	07/06/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.81. 00246	D380101	6.00	4.50	6.25	16.75	17.00	
1734	LPH.A 02824	Phạm Thị	Hoài	18/08/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.81. 00240	D380101	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	
1735	LPH.A 02826	Dương Thị	Mừng	26/09/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.81. 00243	D380101	6.75	6.75	7.75	21.25	21.50	
1736	LPH.A 02830	Bùi Phạm Chí	Trung	23/05/96		Huyện Yên Khánh		2NT	27.81. 00247	D380101	8.00	7.00	6.75	21.75	22.00	
1737	LPH.A 02831	Phan Thị	Huệ	02/08/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.82. 00253	D380107	3.00	3.75	3.00	9.75	10.00	
1738	LPH.A 02832	Đình Tuấn	Anh	10/09/95		Quận Hai Bà Trưng		3	27.83. 00257	D380101	1.00	2.50	1.75	5.25	5.50	
1739	LPH.A 02834	Cao Đức	Hoàng	03/12/95		Thành phố Thanh Hoá		2	28.01. 00017	D380101	0.25	2.25	2.25	4.75	5.00	
1740	LPH.A 02835	Lê Viết	Hội	20/02/95		Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.01. 00003	D380107	7.00	5.50	7.50	20.00	20.00	
1741	LPH.A 02836	Nguyễn Trong	Huy	20/08/95		Thành phố Thanh Hoá		2	28.01. 00004	D380107	3.75	6.00	5.50	15.25	15.50	
1742	LPH.A 02837	Nguyễn Quang	Huy	23/04/95		Thành phố Thanh Hoá		2	28.01. 00015	D380101	6.25	6.00	5.75	18.00	18.00	
1743	LPH.A 02838	Phạm Văn	Tài	03/11/94		Thành phố Thanh Hoá		2	28.01. 00005	D380107	6.50	5.75	6.25	18.50	18.50	
1744	LPH.A 02841	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/12/96	Nữ	Thị xã Sầm Sơn		2	28.03. 00023	D380107	2.50	3.00	3.50	9.00	9.00	
1745	LPH.A 02843	Trương Thị	Hảo	22/02/96	Nữ	Thị xã Sầm Sơn		1	28.03. 00021	D380107	2.00	3.50	1.75	7.25	7.50	
1746	LPH.A 02844	Lê Thị	Thúy	02/09/96	Nữ	Thị xã Sầm Sơn		2	28.03. 00019	D380101	4.25	2.50	4.75	11.50	11.50	
1747	LPH.A 02845	Văn Thị	Tuyết	17/12/96	Nữ	Thị xã Sầm Sơn		2	28.03. 00020	D380101	8.75	7.25	6.75	22.75	23.00	
1748	LPH.A 02846	Vũ Hà	Phương	09/02/95	Nữ	Huyện Quan Hoá		1	28.04. 00034	D380101	4.75	3.50	5.50	13.75	14.00	
1749	LPH.A 02847	Hoàng Thị Thanh	Tâm	02/10/96	Nữ	Huyện Quan Hoá	01	1	28.04. 00029	D380101	3.75	3.75	3.50	11.00	11.00	
1750	LPH.A 02850	Đỗ Chí	Minh	19/10/95		Huyện Thường Xuân		1	28.08. 00045	D380101	8.00	7.00	6.50	21.50	21.50	
1751	LPH.A 02851	Nguyễn Hà	Thu	08/04/96	Nữ	Huyện Như Xuân		1	28.09. 00075	D380101	7.25	6.00	6.75	20.00	20.00	
1752	LPH.A 02853	Nguyễn Thị	Hương	09/07/94	Nữ	Huyện Như Thanh		1	28.10. 00077	D380101	6.00	4.50	5.25	15.75	16.00	
1753	LPH.A 02856	Lê Nguyên Tuấn	Anh	19/07/95		Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.14. 00110	D380107	6.00	5.75	5.25	17.00	17.00	
1754	LPH.A 02857	Phan Văn	Anh	24/09/89		Huyện Cẩm Thủy		1	28.14. 00109	D380107	6.25	6.75	7.25	20.25	20.50	
1755	LPH.A 02858	Bùi Quang	Đông	28/04/94		Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.14. 00111	D380101	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1756	LPH.A 02859	Nguyễn Thị	Hải	01/07/95	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.15. 00115	D380101	9.00	5.00	9.50	23.50	23.50	
1757	LPH.A 02860	Trịnh Thị	Nga	10/01/95	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.15. 00116	D380101	7.75	3.50	4.00	15.25	15.50	
1758	LPH.A 02862	Nguyễn Bích	Phuong	26/05/95	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.17. 00127	D380107	6.50	5.75	5.50	17.75	18.00	
1759	LPH.A 02863	Nguyễn Thị	Hương	14/03/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00139	D380107	7.00	6.00	8.50	21.50	21.50	
1760	LPH.A 02864	Lê Thị	Nga	02/10/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00135	D380101	7.25	6.50	7.75	21.50	21.50	
1761	LPH.A 02865	Lê Thị Ngọc	Anh	20/11/95	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.19. 00153	D380107	5.25	5.50	6.50	17.25	17.50	
1762	LPH.A 02866	Lê Văn	Hòa	06/08/95		Huyện Nông Cống		2NT	28.19. 00155	D380107	6.75	5.50	5.25	17.50	17.50	
1763	LPH.A 02868	Chu Thị	Thảo	05/06/95	Nữ	Huyện Hà Trung		2NT	28.21. 00164	D380107	6.25	5.50	4.50	16.25	16.50	
1764	LPH.A 02871	Lê Thị	Hường	13/04/93	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.22. 00173	D380107	5.25	5.50	5.75	16.50	16.50	
1765	LPH.A 02872	Nguyễn Thị	Thảo	02/03/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.22. 00169	D380101	1.75	3.50	3.50	8.75	9.00	
1766	LPH.A 02873	Nguyễn Nhật	Thủy	19/11/95	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.23. 00177	D380101	6.50	4.00	4.75	15.25	15.50	
1767	LPH.A 02876	Tăng Thị	Hằng	20/05/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		1	28.24. 00188	D380107	5.75	4.75	3.75	14.25	14.50	
1768	LPH.A 02877	Lê Thị	Hoa	10/06/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc	06	2NT	28.24. 00187	D380101	6.75	3.75	4.25	14.75	15.00	
1769	LPH.A 02878	Nguyễn Thị	Hòa	15/10/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		1	28.24. 00182	D380101	7.00	6.75	7.00	20.75	21.00	
1770	LPH.A 02882	Bùi ái	Việt	05/02/96		Huyện Hậu Lộc		1	28.24. 00183	D380101	5.25	5.75	4.25	15.25	15.50	
1771	LPH.A 02884	Lê Thị	Hà	05/09/95	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.25. 00208	D380107	5.50	7.00	6.50	19.00	19.00	
1772	LPH.A 02885	Trịnh Thị Hồng	Phú	16/06/95	Nữ	Huyện Quảng Xương	06	2NT	28.25. 00212	D380101	5.25	4.00	4.00	13.25	13.50	
1773	LPH.A 02886	Lê Thị	Trang	29/11/95	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.25. 00205	D380101	6.75	4.75	5.75	17.25	17.50	
1774	LPH.A 02887	Lê Nhật	Giang	02/06/94		Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00216	D380101	1.50	3.25	4.50	9.25	9.50	
1775	LPH.A 02888	Nguyễn Thị ánh	Hồng	25/07/95	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00219	D380107	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
1776	LPH.A 02889	Nguyễn Thị	Nga	24/04/95	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		1	28.26. 00217	D380101	7.00	4.75	4.75	16.50	16.50	
1777	LPH.A 02890	Nguyễn Thị Hải	Nguyên	25/06/95	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00215	D380101	7.75	5.25	6.50	19.50	19.50	
1778	LPH.A 02892	Nguyễn Thế Nhật	Quang	25/05/95		Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00220	D380107	5.00	5.00	7.50	17.50	17.50	
1779	LPH.A 02893	Dương Thị	Thắm	03/01/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00214	D380101	5.25	3.50	3.25	12.00	12.00	
1780	LPH.A 02894	Lê Thị	Hồng	23/08/95	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.27. 00228	D380107	6.75	6.50	4.75	18.00	18.00	
1781	LPH.A 02895	Lê Thị	Huyền	10/10/95	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.27. 00227	D380101	6.00	4.75	4.00	14.75	15.00	
1782	LPH.A 02896	Lục Thị Anh	Đào	13/12/96	Nữ	Huyện Bá Thước	01	1	28.28. 00241	D380101	0.75	4.25	1.50	6.50	6.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1783	LPH.A 02897	Trương Thị Thu	Hiền	03/09/96	Nữ	Huyện Yên Định	01	1	28.28. 00239	D380101	5.50	6.00	4.25	15.75	16.00	
1784	LPH.A 02898	Lang Thị	Lan	19/07/96	Nữ	Huyện Thường Xuân	01	1	28.28. 00240	D380101	4.25	4.50	4.50	13.25	13.50	
1785	LPH.A 02904	Nguyễn Anh	Liêm	18/08/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00252	D380101	7.50	5.75	5.50	18.75	19.00	
1786	LPH.A 02905	Phạm Hà	Linh	08/05/96	Nữ	Thị xã Bỉm Sơn		2	28.29. 00260	D380107	6.50	7.00	7.50	21.00	21.00	
1787	LPH.A 02906	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	25/06/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00255	D380107	5.75	5.50	8.25	19.50	19.50	
1788	LPH.A 02907	Hồ Khắc	Minh	19/06/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00258	D380107	6.50	6.50	8.50	21.50	21.50	
1789	LPH.A 02909	Doãn Thị Tú	Oanh	25/01/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00259	D380107	8.00	6.50	9.25	23.75	24.00	
1790	LPH.A 02910	Trịnh Thị	Phương	23/04/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00250	D380101	6.00	4.00	3.50	13.50	13.50	
1791	LPH.A 02913	Đặng Sơn	Hải	19/03/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00307	D380101	6.75	6.50	7.25	20.50	20.50	
1792	LPH.A 02915	Lê Thị	Hiền	14/03/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00312	D380101	7.00	6.75	6.50	20.25	20.50	
1793	LPH.A 02919	Nguyễn Thị Khánh	Linh	15/02/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00314	D380101	8.00	6.50	6.75	21.25	21.50	
1794	LPH.A 02920	Mai Quỳnh	Mai	20/05/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00303	D380101	8.00	6.50	6.75	21.25	21.50	
1795	LPH.A 02922	Lê Thị Thu	Ngân	09/09/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00311	D380101	8.00	6.25	6.00	20.25	20.50	
1796	LPH.A 02927	Đỗ Thị	Thịnh	25/04/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00313	D380101	7.00	7.25	5.25	19.50	19.50	
1797	LPH.A 02929	Đinh Thị	Thùy	29/06/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2	28.30. 00316	D380101	7.25	6.00	4.75	18.00	18.00	
1798	LPH.A 02930	Nguyễn Thị Mai	Trang	03/04/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00309	D380101	2.00	3.25	3.50	8.75	9.00	
1799	LPH.A 02931	Mai Thị Hải	Vân	18/06/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00310	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
1800	LPH.A 02934	Nguyễn Văn	An	05/09/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00332	D380101	5.75	6.25	6.25	18.25	18.50	
1801	LPH.A 02938	Nguyễn Thị Thu	Hồng	08/05/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00369	D380101	8.00	6.75	7.50	22.25	22.50	
1802	LPH.A 02939	Mai Ngọc	Huyền	22/04/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00346	D380101	6.25	6.75	7.75	20.75	21.00	
1803	LPH.A 02941	Nguyễn Văn	Khánh	18/10/96		Thị xã Sầm Sơn		2	28.31. 00334	D380101	7.25	7.00	5.75	20.00	20.00	
1804	LPH.A 02942	Lê Thị Mai	Lê	21/11/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00347	D380101	7.25	6.25	8.00	21.50	21.50	
1805	LPH.A 02944	Đỗ Anh	Minh	31/01/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00337	D380101	7.00	7.00	6.50	20.50	20.50	
1806	LPH.A 02946	Trần Đăng	Quang	18/12/96		Huyện Thọ Xuân		2	28.31. 00342	D380107	4.75	5.50	4.50	14.75	15.00	
1807	LPH.A 02947	Lê Hồng	Thái	10/05/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00338	D380101	8.00	7.25	8.50	23.75	24.00	
1808	LPH.A 02952	Trịnh Quỳnh	Trang	14/11/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00335	D380101	8.50	6.75	7.50	22.75	23.00	
1809	LPH.A 02959	Nguyễn Ngọc	Thảo	21/10/96	Nữ	Thị xã Bỉm Sơn		2	28.34. 00376	D380101	7.75	6.25	7.25	21.25	21.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1810	LPH.A 02960	Hoàng Thị Thanh	Huyền	03/08/96	Nữ	Thị xã Bím Sơn		2	28.35. 00387	D380107	4.75	3.75	3.75	12.25	12.50	
1811	LPH.A 02963	Bùi Thị	Hà	20/07/96	Nữ	Huyện Như Thanh		1	28.40. 00409	D380107	6.50	6.25	4.75	17.50	17.50	
1812	LPH.A 02964	Nguyễn Thị	Xuân	17/10/96	Nữ	Huyện Như Thanh	01	1	28.40. 00411	D380107	5.50	4.25	4.00	13.75	14.00	
1813	LPH.A 02965	Lê Thị Huệ	Minh	17/10/96	Nữ	Huyện Lang Chánh	01	1	28.41. 00417	D380107	4.50	3.75	6.75	15.00	15.00	
1814	LPH.A 02966	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	08/02/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00420	D380107	8.00	7.50	9.00	24.50	24.50	
1815	LPH.A 02967	Nguyễn Thị	Quỳnh	19/05/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00424	D380101	4.75	3.75	4.00	12.50	12.50	
1816	LPH.A 02968	Bùi Đức	Minh	10/09/96		Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.43. 00442	D380101	6.00	5.25	3.50	14.75	15.00	
1817	LPH.A 02969	Bùi Thị Thu	Hà	29/10/96	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28.44. 00449	D380101	7.00	5.50	5.50	18.00	18.00	
1818	LPH.A 02971	Trương Thị	Hường	20/07/96	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28.44. 00447	D380101	6.25	6.00	6.25	18.50	18.50	
1819	LPH.A 02972	Lê Hà	Mai	24/09/96	Nữ	Huyện Thạch Thành		1	28.44. 00448	D380101	4.75	5.75	3.50	14.00	14.00	
1820	LPH.A 02973	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/02/96	Nữ	Huyện Thạch Thành		1	28.45. 00462		6.25	4.50	6.25	17.00	17.00	
1821	LPH.A 02974	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	16/04/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy		1	28.46. 00470	D380107	4.00	4.00	4.50	12.50	12.50	
1822	LPH.A 02976	Phạm Thị	Sinh	21/04/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.46. 00469	D380101	5.25	4.75	5.50	15.50	15.50	
1823	LPH.A 02977	Nguyễn Văn	Tùng	11/10/96		Huyện Cẩm Thủy		1	28.46. 00467	D380101	6.25	5.50	4.50	16.25	16.50	
1824	LPH.A 02978	Trịnh Thị Vân	Anh	21/09/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy		1	28.47. 00482	D380101	5.75	3.75	4.75	14.25	14.50	
1825	LPH.A 02979	Phạm Thị	Lan	10/02/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy		1	28.47. 00484	D380101	8.50	3.50	6.25	18.25	18.50	
1826	LPH.A 02980	Đặng Văn	Sơn	06/07/96		Huyện Cẩm Thủy		1	28.47. 00478	D380101	1.75	3.00	2.50	7.25	7.50	
1827	LPH.A 02981	Trần Thị	Trang	18/07/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy		1	28.47. 00483	D380101	6.50	6.00	4.50	17.00	17.00	
1828	LPH.A 02984	Đỗ Thị Hồng	Nhị	28/05/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.48. 00486	D380101	7.75	4.75	6.50	19.00	19.00	
1829	LPH.A 02985	Lê Đức	Tú	10/10/96		Huyện Thọ Xuân		2NT	28.48. 00491	D380101	6.00	4.50	4.00	14.50	14.50	
1830	LPH.A 02986	Nguyễn Thị	Hoa	05/01/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.49. 00492	D380101	3.50	3.50	3.50	10.50	10.50	
1831	LPH.A 02988	Phạm Văn	Đại	12/10/96		Huyện Vĩnh Lộc		2NT	28.53. 00510	D380101	6.75	5.50	4.50	16.75	17.00	
1832	LPH.A 02992	Nguyễn Văn	Hiệp	30/03/96		Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.57. 00523	D380107	6.00	5.00	4.50	15.50	15.50	
1833	LPH.A 02994	Lê Thị	Hương	09/10/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.58. 00532	D380107	1.00	2.50	2.75	6.25	6.50	
1834	LPH.A 02995	Đỗ Thị Thu	Trang	18/12/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.58. 00533	D380107	1.25	3.50	3.50	8.25	8.50	
1835	LPH.A 02997	Trần Ngọc	Đức	17/11/96		Huyện Triệu Sơn		2NT	28.59. 00539	D380101	4.75	4.50	6.50	15.75	16.00	
1836	LPH.A 02998	Nguyễn Thị Huyền	Trang	20/10/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.59. 00541	D380101	6.25	5.50	5.00	16.75	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1837	LPH.A 02999	Lê Thị Quỳnh	Anh	17/05/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.62. 00551	D380107	7.75	6.50	7.25	21.50	21.50	
1838	LPH.A 03003	Trịnh Thị	Bông	18/12/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.63. 00560	D380107	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00	
1839	LPH.A 03006	Nguyễn Thị	Trang	29/07/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.63. 00559	D380107	7.00	6.00	6.00	19.00	19.00	
1840	LPH.A 03009	Lường Nhật	Lê	21/05/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.64. 00570	D380101	8.00	6.25	6.00	20.25	20.50	
1841	LPH.A 03010	Đặng Thị	Phượng	08/08/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.64. 00566	D380107	5.75	7.25	8.50	21.50	21.50	
1842	LPH.A 03014	Lê Thị	Oanh	29/11/95	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.68. 00578	D380107	5.00	6.25	4.50	15.75	16.00	
1843	LPH.A 03015	Phạm Tuấn	Thành	18/04/96		Huyện Đông Sơn		2NT	28.68. 00574	D380101	6.00	5.50	5.75	17.25	17.50	
1844	LPH.A 03016	Lê Thị Thu	Diễm	26/05/96	Nữ	Huyện Hà Trung		2NT	28.70. 00597	D380101	4.75	4.50	2.50	11.75	12.00	
1845	LPH.A 03017	Lê Trọng	Hiền	17/06/96		Huyện Hà Trung		2NT	28.70. 00598	D380101	8.25	7.00	7.00	22.25	22.50	
1846	LPH.A 03018	Nguyễn Văn	Lương	06/07/96		Huyện Hà Trung		2NT	28.70. 00599	D380107	7.25	7.50	8.25	23.00	23.00	
1847	LPH.A 03020	Đồng Thị Thu	Trang	08/07/96	Nữ	Huyện Hà Trung	07	2NT	28.71. 00606	D380101	6.50	6.75	5.75	19.00	19.00	
1848	LPH.A 03021	Lê Trần Tuấn	Anh	26/12/96		Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.73. 00613	D380101	7.00	6.50	7.00	20.50	20.50	
1849	LPH.A 03024	Nguyễn Thị	Hằng	02/01/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.73. 00608	D380101	8.00	5.50	9.00	22.50	22.50	
1850	LPH.A 03027	Nguyễn Sỹ	Sơn	08/07/96		Thành phố Sơn La		2NT	28.73. 00618	D380101	8.25	6.00	7.00	21.25	21.50	
1851	LPH.A 03029	Nguyễn Mạnh	Hùng	03/09/96		Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.74. 00622	D380101	6.50	7.50	6.25	20.25	20.50	
1852	LPH.A 03031	Nguyễn Thị	Loan	06/12/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.74. 00624	D380101	5.25	5.75	5.75	16.75	17.00	
1853	LPH.A 03032	Lê Thị Hương	Ly	06/09/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.74. 00619	D380101	8.25	5.75	7.25	21.25	21.50	
1854	LPH.A 03033	Hoàng Đức	Mạnh	10/05/96		Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.74. 00620	D380101	7.50	7.50	8.00	23.00	23.00	
1855	LPH.A 03034	Lê Thị	Nhi	22/10/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.74. 00621	D380101	7.75	6.25	6.75	20.75	21.00	
1856	LPH.A 03035	Phạm Thị	Quỳnh	20/03/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.74. 00626	D380107	6.50	5.25	3.50	15.25	15.50	
1857	LPH.A 03036	Phạm Như	Quỳnh	22/12/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.74. 00623	D380101	7.50	5.75	7.50	20.75	21.00	
1858	LPH.A 03037	Trần Thị	ánh	12/09/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá	01	2NT	28.75. 00636	D380101	4.50	4.25	3.50	12.25	12.50	
1859	LPH.A 03038	Lê Thị Thùy	Dung	06/09/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.75. 00628	D380107	1.75	4.00	5.25	11.00	11.00	
1860	LPH.A 03039	Trương Thị	Hồng	10/09/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.75. 00631	D380107	5.75	6.00	5.00	16.75	17.00	
1861	LPH.A 03040	Nguyễn Hoài	Nam	25/02/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá	01	2NT	28.75. 00632	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
1862	LPH.A 03041	Phạm Thị	Phượng	10/03/95	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.75. 00634	D380101	5.00	5.50	4.50	15.00	15.00	
1863	LPH.A 03042	Hắc Nguyễn	Tuấn	01/07/96		Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.75. 00635	D380101	6.50	3.00	6.25	15.75	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1864	LPH.A 03043	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/03/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.76. 00639	D380101	5.25	5.50	6.00	16.75	17.00	
1865	LPH.A 03047	Nguyễn Thị	Thúy	23/04/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.76. 00644	D380101	5.25	4.00	2.75	12.00	12.00	
1866	LPH.A 03049	Lê Thị	Trang	28/02/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.76. 00649	D380101	7.00	6.25	6.75	20.00	20.00	
1867	LPH.A 03052	Hoàng Ngọc	Anh	30/09/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.78. 00651	D380101	8.00	6.50	4.50	19.00	19.00	
1868	LPH.A 03053	Nguyễn Thanh	Hằng	23/12/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.78. 00652	D380101	7.75	6.25	6.75	20.75	21.00	
1869	LPH.A 03054	Nguyễn Thanh	Hằng	27/11/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.78. 00655	D380107	8.50	9.25	9.50	27.25	27.50	
1870	LPH.A 03056	Mai Thị	Thủy	09/03/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.78. 00654	D380107	7.50	4.75	5.50	17.75	18.00	
1871	LPH.A 03058	Phạm Thị	Nương	08/08/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.79. 00662	D380101	8.00	6.00	7.50	21.50	21.50	
1872	LPH.A 03060	Lê Thị Thu	Hiên	26/09/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.81. 00667	D380101	6.25	6.50	5.50	18.25	18.50	
1873	LPH.A 03061	Nguyễn Văn	Tài	20/08/96		Huyện Hậu Lộc		2NT	28.81. 00668	D380107	7.50	6.00	6.50	20.00	20.00	
1874	LPH.A 03062	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/12/96	Nữ	Huyện Quan Sơn		2NT	28.82. 00681	D380101	7.00	5.00	7.50	19.50	19.50	
1875	LPH.A 03063	Trần Văn	Anh	30/09/96		Huyện Hậu Lộc		2NT	28.82. 00679	D380107	7.25	5.75	4.75	17.75	18.00	
1876	LPH.A 03070	Đỗ Thị	Mi	10/11/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.83. 00695	D380101	0.75	3.50	4.25	8.50	8.50	
1877	LPH.A 03071	Bùi Thị	Thúy	11/03/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.83. 00696	D380101	0.25	3.75	3.25	7.25	7.50	
1878	LPH.A 03074	Lê Thị	Hiên	22/08/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.84. 00700	D380107	7.00	6.25	6.50	19.75	20.00	
1879	LPH.A 03075	Phạm Thị Thanh	Huyền	10/09/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.84. 00701	D380107	8.00	6.00	6.50	20.50	20.50	
1880	LPH.A 03077	Hoàng Thị Thùy	Linh	18/02/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.84. 00702	D380107	9.00	6.50	8.50	24.00	24.00	
1881	LPH.A 03081	Nguyễn Văn	Tú	17/10/96		Huyện Quảng Xương		2NT	28.85. 00709	D380107	1.75	3.50	3.50	8.75	9.00	
1882	LPH.A 03082	Nguyễn Thị Lan	Anh	21/04/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.86. 00714	D380101	7.25	7.25	7.75	22.25	22.50	
1883	LPH.A 03083	Nguyễn Huy	Đức	08/11/96		Huyện Quảng Xương		2NT	28.86. 00713	D380101	0.00	5.75	3.75	9.50	9.50	
1884	LPH.A 03084	Trịnh Thăng	Khánh	29/06/96		Huyện Quảng Xương		2NT	28.86. 00716	D380107	7.50	6.00	4.50	18.00	18.00	
1885	LPH.A 03087	Nguyễn Thị Thu	Thủy	26/04/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.86. 00718	D380107	7.50	5.50	6.75	19.75	20.00	
1886	LPH.A 03088	Lê Thị	Trình	12/06/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.86. 00715	D380101	4.75	4.25	3.75	12.75	13.00	
1887	LPH.A 03090	Lê Thị	Lệ	03/10/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.88. 00726	D380107	5.75	4.75	3.00	13.50	13.50	
1888	LPH.A 03095	Trần Thị	Hương	06/09/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.91. 00750	D380101	5.75	6.25	4.75	16.75	17.00	
1889	LPH.A 03097	Lê Quỳnh	Nga	26/03/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00757	D380107	8.00	6.00	9.00	23.00	23.00	
1890	LPH.A 03098	Lưu Bảo	Ngọc	16/09/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00771	D380107	4.50	2.75	4.75	12.00	12.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1891	LPH.A 03100	Ngô Thị	Trang	17/03/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00759	D380107	8.75	4.50	5.25	18.50	18.50	
1892	LPH.A 03101	Phạm Thị Như	Trang	11/01/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.95. 00774	D380107	7.25	7.50	8.25	23.00	23.00	
1893	LPH.A 03102	Đỗ Thị	Trang	19/05/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.96. 00776	D380101	7.25	7.25	9.25	23.75	24.00	
1894	LPH.A 03104	Nguyễn Thị Thu	Hiên	12/04/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.00. 00596	D380101	5.50	4.00	5.50	15.00	15.00	
1895	LPH.A 03107	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	04/11/95	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.01. 00236	D380101	7.75	7.50	3.50	18.75	19.00	
1896	LPH.A 03108	Nguyễn Thị Thùy	Dung	02/09/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00834	D380101	7.75	6.75	8.25	22.75	23.00	
1897	LPH.A 03109	Nguyễn Thị Ngân	Giang	12/09/96	Nữ	Thành phố Vinh	06	2	29.02. 00840	D380101	8.00	6.50	7.50	22.00	22.00	
1898	LPH.A 03111	Trần Phùng	Hiếu	15/12/96		Thành phố Vinh		2	29.02. 00829	D380101	6.00	6.00	5.50	17.50	17.50	
1899	LPH.A 03113	Nguyễn Thị Khánh	Ly	14/09/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00828	D380101	7.75	6.00	7.00	20.75	21.00	
1900	LPH.A 03114	Nguyễn Thúy	Nga	17/10/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00839	D380107	6.75	5.75	8.50	21.00	21.00	
1901	LPH.A 03116	Nguyễn Thị Hà	Phuong	23/10/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00832	D380101	6.00	7.50	6.50	20.00	20.00	
1902	LPH.A 03117	Hà Nguyên	Sự	05/08/96		Huyện Thanh Chương	06	2	29.02. 00830	D380101	8.00	5.50	7.75	21.25	21.50	
1903	LPH.A 03120	Đinh Thị Huyền	Trang	22/02/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00837	D380107	8.00	7.75	7.00	22.75	23.00	
1904	LPH.A 03121	Nguyễn Thị Thùy	Trang	30/05/96	Nữ	Thành phố Vinh	06	2	29.02. 00838	D380101	7.00	4.50	7.00	18.50	18.50	
1905	LPH.A 03125	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/03/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.03. 00003	D380107	6.75	6.75	7.75	21.25	21.50	
1906	LPH.A 03126	Nguyễn Đức	Anh	05/04/96		Thành phố Vinh		2	29.04. 00819	D380101	6.00	5.50	4.75	16.25	16.50	
1907	LPH.A 03128	Trần Phan Khánh	Vân	16/04/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.04. 00820	D380107	6.75	5.50	4.25	16.50	16.50	
1908	LPH.A 03130	Hoàng Thuỳ	Dung	12/11/96	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		2	29.06. 00504	D380107	8.00	5.75	8.00	21.75	22.00	
1909	LPH.A 03133	Cao Thị Kim	Anh	22/11/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		2	29.07. 00960	D380107	9.00	7.50	8.75	25.25	25.50	
1910	LPH.A 03139	Nguyễn Việt	Hưng	06/11/96		Huyện Nghi Xuân		2	29.07. 00917	D380101	7.25	7.25	8.50	23.00	23.00	
1911	LPH.A 03140	Trương Thị Khánh	Ly	11/09/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2	29.07. 00266	D380107	8.00	6.75	8.50	23.25	23.50	
1912	LPH.A 03145	Lê Thị	Chi	09/06/96	Nữ	Huyện Quỳnh Châu	01	1	29.08. 00185	D380101	6.00	6.25	6.50	18.75	19.00	
1913	LPH.A 03148	Hũn Vi Ngọc	Lệ	25/03/96	Nữ	Huyện Quỳnh Châu	01	1	29.08. 00180	D380101	2.75	4.25	3.75	10.75	11.00	
1914	LPH.A 03151	Hoàng Thị	Hương	20/10/96	Nữ	Thị xã Cửa Lò		2	29.14. 00231	D380107	7.00	7.25	8.00	22.25	22.50	
1915	LPH.A 03152	Nguyễn Minh	Phuong	21/02/96	Nữ	Thị xã Cửa Lò		2	29.14. 00233	D380107	8.25	7.00	7.50	22.75	23.00	
1916	LPH.A 03153	Đậu Thị Hoài	Thương	06/04/96	Nữ	Thị xã Cửa Lò		2	29.14. 00234	D380107	7.75	7.00	6.50	21.25	21.50	
1917	LPH.A 03157	Trương Thị	Hiếu	07/06/96	Nữ	Huyện Quỳnh Hợp	01	1	29.18. 00017	D380101	3.00	2.75	5.00	10.75	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1918	LPH.A 03161	Nguyễn Thị	Lan	10/09/96	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		1	29.21. 00103	D380107	6.00	7.25	6.50	19.75	20.00	
1919	LPH.A 03163	Phạm Minh	Quý	12/11/96		Thị Xã Thái Hòa		1	29.21. 00235	D380101	6.50	7.50	7.00	21.00	21.00	
1920	LPH.A 03165	Lê Tuấn	Anh	14/01/97		Thị Xã Thái Hòa		2NT	29.23. 00623	D380107	8.00	5.75	8.00	21.75	22.00	
1921	LPH.A 03166	Nguyễn Thị Thảo	Anh	20/10/96	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		2NT	29.23. 00615	D380101	6.75	4.75	7.50	19.00	19.00	
1922	LPH.A 03167	Nguyễn Minh	Diệp	04/07/96		Thị Xã Thái Hòa		2NT	29.23. 00616	D380101	8.00	2.50	7.00	17.50	17.50	
1923	LPH.A 03169	Nguyễn Bích	Ngọc	09/03/96	Nữ	Huyện Nghĩa Đàn		2NT	29.23. 00622	D380101	1.25	5.75	8.00	15.00	15.00	
1924	LPH.A 03170	Phạm Bảo	Ngọc	15/03/96		Huyện Nghĩa Đàn		2NT	29.23. 00619	D380107	6.50	6.75	7.50	20.75	21.00	
1925	LPH.A 03173	Trần Huyền	Trang	09/11/96	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		2NT	29.23. 00614	D380107	4.75	5.00	5.25	15.00	15.00	
1926	LPH.A 03176	Chu Thị Khánh	Huyền	18/09/95	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.28. 00584	D380101	6.75	6.75	8.25	21.75	22.00	
1927	LPH.A 03178	Nguyễn Thị	Ngọc	03/12/95	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.28. 00600	D380101	7.50	6.25	7.75	21.50	21.50	
1928	LPH.A 03179	Trần Thị	Quỳnh	04/10/95	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.28. 00400	D380101	5.75	4.75	5.25	15.75	16.00	
1929	LPH.A 03180	Hồ Hồng	Đức	26/08/96		Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00304	D380107	5.50	5.25	4.25	15.00	15.00	
1930	LPH.A 03182	Hồ Thành	Lộc	14/08/96		Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00303	D380107	8.25	8.50	9.25	26.00	26.00	
1931	LPH.A 03184	Nguyễn Thị Thu	Uyen	22/11/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00307	D380101	7.50	4.50	5.00	17.00	17.00	
1932	LPH.A 03185	Lý Thị	Xuân	28/04/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00305	D380101	0.75	3.50	1.50	5.75	6.00	
1933	LPH.A 03186	Nguyễn Thị	Thảo	02/06/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu	06	1	29.32. 00073	D380101	7.25	6.50	5.25	19.00	19.00	
1934	LPH.A 03187	Thái Doãn	Thiệu	24/03/96		Huyện Quỳnh Lưu		1	29.32. 00475	D380101	5.75	6.50	6.50	18.75	19.00	
1935	LPH.A 03195	Cao Văn	Hùng	06/08/95		Huyện Tân Kỳ		1	29.46. 00147	D380101	0.50	5.00	.	5.50	5.50	
1936	LPH.A 03196	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	06/03/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.48. 00307	D380107	8.00	7.25	6.75	22.00	22.00	
1937	LPH.A 03198	Nguyễn Thị	Thi	21/01/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.49. 00591	D380107	3.50	3.50	2.25	9.25	9.50	
1938	LPH.A 03200	Nguyễn Thị	Liên	10/02/96	Nữ	Huyện Yên Thành		1	29.50. 00349	D380101	8.50	3.00	8.00	19.50	19.50	
1939	LPH.A 03202	Phạm Thị	Trình	02/07/95	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.53. 00468	D380107	7.50	6.50	8.25	22.25	22.50	
1940	LPH.A 03204	Võ Văn	Đại	06/08/95		Huyện Yên Thành		2NT	29.54. 00484	D380101	3.50	3.25	5.50	12.25	12.50	
1941	LPH.A 03205	Hoàng Thị	Nhung	22/11/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn		2NT	29.54. 00490	D380107	9.00	5.75	9.00	23.75	24.00	
1942	LPH.A 03206	Nguyễn Thị	Quý	28/07/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.54. 00489	D380107	7.50	5.25	5.75	18.50	18.50	
1943	LPH.A 03207	Đường Hải	Thiện	01/09/96		Huyện Yên Thành		2NT	29.54. 00487	D380101	7.50	4.25	7.50	19.25	19.50	
1944	LPH.A 03208	Hoàng Thị	Thuỷ	10/10/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.54. 00486	D380101	6.75	4.50	6.50	17.75	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1945	LPH.A 03209	Hồ Thị	Trang	21/04/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.54. 00488	D380101	6.00	5.25	9.00	20.25	20.50	
1946	LPH.A 03215	Ngô Hồng	Đức	26/02/96		Huyện Diễn Châu		2NT	29.56. 00265	D380101	7.00	8.00	7.75	22.75	23.00	
1947	LPH.A 03216	Ngô Thị	Hằng	16/03/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.56. 00267	D380101	5.00	4.50	4.75	14.25	14.50	
1948	LPH.A 03217	Cao Tư	Pháp	02/02/96		Huyện Diễn Châu		2NT	29.56. 00268	D380101	7.50	7.50	8.00	23.00	23.00	
1949	LPH.A 03218	Nguyễn Thị	Quỳnh	05/12/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.56. 00264	D380101	8.00	6.00	5.25	19.25	19.50	
1950	LPH.A 03221	Phạm Đức	Tĩnh	17/09/96		Huyện Diễn Châu		2NT	29.57. 00252	D380101	1.25	2.75	5.00	9.00	9.00	
1951	LPH.A 03223	Hoàng Thị Bích	Diệp	17/06/95	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.60. 00602	D380101	8.25	6.50	5.50	20.25	20.50	
1952	LPH.A 03224	Thái Thị	Hội	25/08/95	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.60. 00795	D380107	4.75	4.00	3.00	11.75	12.00	
1953	LPH.A 03225	Nguyễn Thị Huyền	Trang	25/09/95	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.60. 00696	D380107	6.00	7.00	8.00	21.00	21.00	
1954	LPH.A 03226	Nguyễn Thị	Trình	11/08/95	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.60. 00064	D380101	4.50	5.00	5.50	15.00	15.00	
1955	LPH.A 03228	Hoàng Thị	Phương	15/01/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.61. 00425	D380101	7.00	6.50	4.50	18.00	18.00	
1956	LPH.A 03229	Cao Thị	Hương	20/10/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.62. 00530	D380101	6.25	6.50	3.50	16.25	16.50	
1957	LPH.A 03231	Trần Thị	Hảo	26/11/96	Nữ	Huyện Anh Sơn		1	29.64. 00376	D380101	2.75	4.50	5.00	12.25	12.50	
1958	LPH.A 03234	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	20/10/96	Nữ	Huyện Anh Sơn		1	29.65. 00009	D380101	7.50	5.50	6.00	19.00	19.00	
1959	LPH.A 03235	Giản Thị Phương	Anh	25/08/95	Nữ	Huyện Anh Sơn		1	29.66. 00288	D380107	7.00	8.25	7.50	22.75	23.00	
1960	LPH.A 03237	Đinh Thị	Thuý	07/09/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.67. 00266	D380101	7.75	5.75	5.00	18.50	18.50	
1961	LPH.A 03240	Bùi Thị	Trang	11/09/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.68. 00553	D380101	5.75	5.25	5.25	16.25	16.50	
1962	LPH.A 03241	Trần ánh	Tuyết	02/09/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.68. 00552	D380101	8.00	6.50	7.50	22.00	22.00	
1963	LPH.A 03244	Lê Thị	Nga	28/10/96	Nữ	Huyện Đô Lương		1	29.69. 00044	D380101	6.00	4.25	5.50	15.75	16.00	
1964	LPH.A 03245	Nguyễn Bá	Thìn	23/03/96		Huyện Đô Lương		1	29.69. 00302	D380107	7.50	6.50	7.50	21.50	21.50	
1965	LPH.A 03246	Lê Thị Quỳnh	Anh	27/06/95	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.70. 00274	D380101	6.50	6.00	5.25	17.75	18.00	
1966	LPH.A 03248	Nguyễn Thị	Hoài	15/11/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		1	29.75. 00116	D380107	7.75	5.00	6.50	19.25	19.50	
1967	LPH.A 03253	Phạm Đức	Quang	20/11/96		Huyện Thanh Chương	06	2NT	29.79. 00567	D380107	6.75	7.25	7.50	21.50	21.50	
1968	LPH.A 03254	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20/12/96	Nữ	Huyện Nghi Lộc		2NT	29.81. 00634	D380101	7.50	7.75	7.75	23.00	23.00	
1969	LPH.A 03255	Đinh Thị Thúy	Hằng	06/01/96	Nữ	Huyện Nghi Lộc	06	2NT	29.81. 00637	D380101	5.50	5.25	5.00	15.75	16.00	
1970	LPH.A 03256	Đinh Xuân	Nhật	24/09/96		Huyện Nghi Lộc		2NT	29.81. 00633	D380101	7.75	8.50	9.25	25.50	25.50	
1971	LPH.A 03257	Nguyễn Thị	Cảnh	24/02/96	Nữ	Huyện Nghi Lộc		2NT	29.85. 00067	D380101	7.75	6.50	8.50	22.75	23.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1972	LPH.A 03258	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/12/96	Nữ	Huyện Nam Đàn		2NT	29.87. 00251	D380101	8.00	6.75	7.50	22.25	22.50	
1973	LPH.A 03259	Nguyễn Phương	Thủy	02/04/96	Nữ	Huyện Nam Đàn		2NT	29.87. 00250	D380101	8.25	7.50	6.50	22.25	22.50	
1974	LPH.A 03260	Trần Thị	Hà	12/09/96	Nữ	Huyện Nam Đàn		2NT	29.88. 00072	D380101	7.00	6.75	5.50	19.25	19.50	
1975	LPH.A 03263	Hoàng Thị Hoàng	Anh	11/12/96	Nữ	Huyện Nam Đàn		2NT	29.89. 00325	D380107	5.25	5.50	5.00	15.75	16.00	
1976	LPH.A 03264	Trần Khánh	Linh	25/09/96	Nữ	Huyện Nam Đàn		2NT	29.89. 00324	D380107	7.50	7.50	7.75	22.75	23.00	
1977	LPH.A 03266	Nguyễn Thị	Lịch	04/08/96	Nữ	Huyện Hưng Nguyên		2NT	29.92. 00057	D380101	3.75	7.00	6.00	16.75	17.00	
1978	LPH.A 03267	Bùi Mạnh	Tuấn	21/08/95		Huyện Kỳ Anh		1	30.01. 00060	D380107	6.50	5.75	6.75	19.00	19.00	
1979	LPH.A 03268	Nguyễn Thị Cẩm	Chi	01/02/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.02. 00183	D380101	7.00	4.75	6.00	17.75	18.00	
1980	LPH.A 03269	Đào Thị Thúy	Hằng	04/08/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.02. 00182	D380101	6.00	7.00	8.50	21.50	21.50	
1981	LPH.A 03270	Hoàng Anh	Thơ	17/07/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.02. 00184	D380107	7.00	7.50	8.50	23.00	23.00	
1982	LPH.A 03271	Nguyễn Thị	Hà	01/05/95	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên		2NT	30.05. 00085	D380107	6.00	6.50	6.25	18.75	19.00	
1983	LPH.A 03273	Trần Thị	Thủy	20/10/95	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên		2NT	30.05. 00084	D380107	6.00	5.50	6.50	18.00	18.00	
1984	LPH.A 03274	Nguyễn Thị	An	01/10/96	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên	06	1	30.08. 00109	D380107	7.75	6.50	6.50	20.75	21.00	
1985	LPH.A 03278	Nguyễn Thị Thu	Dung	01/05/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2	30.10. 00468	D380107	7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	
1986	LPH.A 03279	Đặng Thị	Mỹ	13/06/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2	30.10. 00460	D380101	8.75	6.50	7.25	22.50	22.50	
1987	LPH.A 03280	Hồ Thị Bảo	Ngọc	09/04/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.10. 00459	D380101	8.25	7.00	8.25	23.50	23.50	
1988	LPH.A 03283	Hoàng Huyền	Trang	26/11/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.10. 00464	D380101	6.50	7.50	7.00	21.00	21.00	
1989	LPH.A 03287	Nguyễn Thị	Thảo	01/05/96	Nữ	Huyện Thạch Hà	06	2NT	30.13. 00193	D380101	6.00	5.50	3.50	15.00	15.00	
1990	LPH.A 03288	Nguyễn Thị	Vân	20/07/95	Nữ	Huyện Can Lộc		2NT	30.15. 00112	D380101	3.00	3.00	3.50	9.50	9.50	
1991	LPH.A 03289	Võ Thị	Thắm	04/10/96	Nữ	Huyện Can Lộc		1	30.17. 00107	D380101	5.50	5.75	4.50	15.75	16.00	
1992	LPH.A 03290	Nguyễn Thị	Trang	10/09/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		2NT	30.19. 00130	D380107	7.75	7.75	7.75	23.25	23.50	
1993	LPH.A 03292	Lê Thị Hồng	Nhung	10/03/96	Nữ	Huyện Hương Khê		1	30.21. 00118	D380107	8.00	7.50	8.50	24.00	24.00	
1994	LPH.A 03293	Phạm Khánh	Ly	16/01/95	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.24. 00083	D380101	4.50	4.50	4.75	13.75	14.00	
1995	LPH.A 03295	Đoàn Thị Nhật	Linh	25/08/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00158	D380107	8.25	7.00	8.50	23.75	24.00	
1996	LPH.A 03296	Nguyễn Thị	Yến	18/05/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00159	D380107	8.75	8.50	6.25	23.50	23.50	
1997	LPH.A 03297	Nguyễn Thị	Nga	12/04/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.27. 00122	D380107	6.00	6.00	5.00	17.00	17.00	
1998	LPH.A 03298	Nguyễn Thị	Quyên	17/05/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.27. 00123	D380107	8.50	6.75	8.50	23.75	24.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1999	LPH.A 03299	Văn Đình	Thông	01/05/96		Huyện Hương Sơn		1	30.27. 00124	D380107	8.00	7.00	8.25	23.25	23.50	
2000	LPH.A 03300	Nguyễn Thị Thanh	Bình	28/11/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.29. 00085	D380101	4.25	4.25	3.50	12.00	12.00	
2001	LPH.A 03309	Kiều Thúy	Quỳnh	11/11/95	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		2	30.35. 00034	D380101	0.00	5.50	3.00	8.50	8.50	
2002	LPH.A 03310	Tôn Quang	Anh	26/09/96		Thị xã Hồng Lĩnh	06	2	30.36. 00316	D380107	8.25	7.50	8.50	24.25	24.50	
2003	LPH.A 03317	Võ Thanh	Hoàng	28/02/95		Huyện Nghi Xuân		2	30.37. 00074	D380101	7.00	5.50	5.00	17.50	17.50	
2004	LPH.A 03318	Đậu Thị Mai	Hiên	20/08/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		1	30.38. 00144	D380107	7.75	4.50	4.50	16.75	17.00	
2005	LPH.A 03319	Trần Thị	Oanh	21/06/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		2NT	30.38. 00143	D380101	5.50	6.00	4.50	16.00	16.00	
2006	LPH.A 03320	Nguyễn Thị Thu	Ba	20/12/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		2NT	30.39. 00056	D380101	3.00	2.50	4.50	10.00	10.00	
2007	LPH.A 03321	Lê Trần Linh	Chi	01/04/96	Nữ	Huyện Can Lộc		2	30.40. 00278	D380107	6.00	7.00	6.25	19.25	19.50	
2008	LPH.A 03323	Phan Thị Thùy	Dung	26/04/96	Nữ	Huyện Hương Khê		2	30.40. 00274	D380101	7.50	6.50	8.50	22.50	22.50	
2009	LPH.A 03324	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/04/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00282	D380107	8.50	7.75	8.50	24.75	25.00	
2010	LPH.A 03328	Ngô Diễm	Quỳnh	22/11/96	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên		2	30.40. 00283	D380107	6.00	5.75	6.00	17.75	18.00	
2011	LPH.A 03331	Dương Thị	Sang	01/01/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.41. 00088	D380101	8.00	7.00	7.75	22.75	23.00	
2012	LPH.A 03332	Bùi Thị	Thắm	08/08/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.41. 00089	D380101	5.50	5.50	6.00	17.00	17.00	
2013	LPH.A 03333	Phạm Bá Ngọc	Hoàng	29/02/96		Huyện Lộc Hà		1	30.45. 00080	D380107	7.50	7.50	8.50	23.50	23.50	
2014	LPH.A 03334	Trương Thị	Trình	08/10/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		2NT	30.45. 00079	D380101	6.50	6.00	8.50	21.00	21.00	
2015	LPH.A 03335	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	17/01/96	Nữ	Huyện Vũ Quang		1	30.46. 00024	D380101	7.50	6.00	7.00	20.50	20.50	
2016	LPH.A 03337	Phan Đình	Hoàn	12/10/96		Huyện Nghi Xuân		1	30.50. 00029	D380107	7.50	8.50	8.25	24.25	24.50	
2017	LPH.A 03339	Võ Tuấn	Anh	11/07/94		Huyện Lộc Hà		1	30.62. 00057	D380101	5.00	5.25	4.50	14.75	15.00	
2018	LPH.A 03340	Nguyễn Trang	Linh	28/08/95	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	31.01. 00317	D380101	7.00	5.50	5.50	18.00	18.00	
2019	LPH.A 03342	Hoàng Ngọc	Thùy	11/07/96	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2	31.04. 00428	D380101	7.00	5.25	7.75	20.00	20.00	
2020	LPH.A 03343	Nguyễn Tú	Uyên	23/04/96	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	31.04. 00429	D380107	5.50	5.75	7.50	18.75	19.00	
2021	LPH.A 03346	Trần Huy	Hoàng	28/02/96		Huyện Quảng Trạch		2NT	31.19. 00742	D380107	8.00	7.25	8.50	23.75	24.00	
2022	LPH.A 03347	Hoàng Tiểu	Thiên	15/12/95		Huyện Bố Trạch		2	31.24. 00280	D380101	7.00	4.50	9.50	21.00	21.00	
2023	LPH.A 03349	Nguyễn Thị Thanh	Bình	02/12/96	Nữ	Huyện Lệ Thủy		1	31.39. 00356	D380101	6.00	4.50	4.50	15.00	15.00	
2024	LPH.A 03350	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	01/04/96	Nữ	Huyện Lệ Thủy		1	31.39. 00357	D380101	7.50	7.00	6.25	20.75	21.00	
2025	LPH.A 03351	Cao Thị Thu	Hiên	06/01/96	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	31.46. 00099	D380107	1.00	3.25	2.00	6.25	6.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2026	LPH.A 03354	Đỗ Thị	Thủy	07/02/96	Nữ	Huyện Kon Rẫy		1	36.35. 00001	D380107	2.50	3.00	3.50	9.00	9.00	
2027	LPH.A 03356	Nguyễn Thị Diễm	ái	19/06/96	Nữ	Huyện Mang Yang		1	38.16. 00290	D380107	0.50	2.25	3.00	5.75	6.00	
2028	LPH.A 03357	Trần Thị Mỹ	Duyên	16/02/96	Nữ	Huyện Krông Pắc		1	40.08. 00023	D380107	6.75	6.50	6.00	19.25	19.50	
2029	LPH.A 03358	Nguyễn Thị	Hương	27/11/96	Nữ	Huyện Lâm Hà		1	42.43. 00001	D380101	4.50	4.75	3.00	12.25	12.50	
2030	LPH.A 03360	Phạm Anh	Tuấn	09/05/95		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.00. 03881	D380101	4.50	4.75	6.75	16.00	16.00	
2031	LPH.A 03361	Đặng Hải	Biên	04/09/96		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03884	D380101	4.00	1.75	3.25	9.00	9.00	
2032	LPH.A 03362	Trần Công	Định	28/10/96		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03883	D380101	7.00	6.50	7.00	20.50	20.50	
2033	LPH.A 03363	Đặng Duy	Hiếu	31/12/96		Th. phố Điện Biên Phủ	01	1	62.01. 03885	D380101	2.75	3.75	3.75	10.25	10.50	
2034	LPH.A 03364	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.01. 03887	D380101	6.50	6.25	7.00	19.75	20.00	
2035	LPH.A 03365	Vũ Thị Thu	Hương	11/08/96	Nữ	Huyện Tuần Giáo		1	62.01. 03886	D380101	6.00	5.50	4.00	15.50	15.50	
2036	LPH.A 03366	Nguyễn Khánh	Linh	16/10/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03888	D380101	6.25	5.25	5.50	17.00	17.00	
2037	LPH.A 03367	Phạm Bảo	Linh	01/12/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03893	D380107	6.50	6.50	4.50	17.50	17.50	
2038	LPH.A 03368	Trịnh Tuấn	Linh	25/12/96		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03889	D380101	2.75	3.75	3.25	9.75	10.00	
2039	LPH.A 03369	Đoàn Quỳnh Mai	Ngọc	18/12/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03891	D380101	7.50	6.50	5.00	19.00	19.00	
2040	LPH.A 03371	Quảng Phương	Thùy	08/03/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ	01	1	62.01. 03890	D380101	3.50	3.50	2.50	9.50	9.50	
2041	LPH.A 03373	Đặng Thị Ngọc	Anh	05/02/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.02. 03895	D380101	4.50	4.75	5.00	14.25	14.50	
2042	LPH.A 03379	Bùi Thị Thùy	Dương	30/05/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03902	D380101	6.25	5.00	6.50	17.75	18.00	
2043	LPH.A 03380	Trần Thị Thùy	Dương	05/10/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03896	D380101	7.50	5.75	6.50	19.75	20.00	
2044	LPH.A 03381	Phạm Thị	Hà	14/11/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03914	D380101	7.00	6.75	7.50	21.25	21.50	
2045	LPH.A 03382	Nguyễn Tuấn	Hải	10/05/96		Huyện Điện Biên		1	62.02. 03899	D380101	7.25	6.25	5.25	18.75	19.00	
2046	LPH.A 03386	Lê Thùy	Linh	10/06/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.02. 03915	D380107	7.00	6.00	6.00	19.00	19.00	
2047	LPH.A 03388	Vũ Thị Thùy	Linh	07/06/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03898	D380101	6.25	5.75	5.50	17.50	17.50	
2048	LPH.A 03390	Khúc Ngọc	Mạnh	10/03/96		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03908	D380101	5.50	4.25	6.75	16.50	16.50	
2049	LPH.A 03392	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	18/03/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.02. 03909	D380101	6.75	6.50	6.75	20.00	20.00	
2050	LPH.A 03393	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	20/11/96	Nữ	Huyện Mường ăng		1	62.02. 03905	D380101	5.25	5.50	4.75	15.50	15.50	
2051	LPH.A 03394	Bùi Thị Bích	Phương	26/11/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03926	D380107	7.75	6.50	8.25	22.50	22.50	
2052	LPH.A 03395	Lò Hoàng	Quyên	29/01/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ	01	1	62.02. 03911	D380101	4.75	5.50	6.50	16.75	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2053	LPH.A 03398	Nguyễn Thị Thu	Thảo	14/05/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03903	D380101	7.50	6.50	5.00	19.00	19.00	
2054	LPH.A 03400	Dương Quang	Thắng	15/06/96		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03897	D380101	5.00	5.50	6.25	16.75	17.00	
2055	LPH.A 03401	Phạm Thị	Thủy	19/01/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.02. 03919	D380107	8.75	6.00	9.00	23.75	24.00	
2056	LPH.A 03405	Giàng Thị	Chùa	01/03/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.03. 03928	D380101	2.75	3.25	2.50	8.50	8.50	
2057	LPH.A 03406	Trần Lê Ngọc	Hải	25/07/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.03. 03931	D380101	4.50	3.25	3.50	11.25	11.50	
2058	LPH.A 03408	Trần Thị Diệu	Linh	19/08/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.03. 03927	D380101	6.00	4.50	4.50	15.00	15.00	
2059	LPH.A 03409	Hù Thị	Mé	03/10/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.03. 03930	D380101	2.00	4.00	3.25	9.25	9.50	
2060	LPH.A 03410	Giàng A	Lâu	23/03/96		Huyện Mường Nhé	01	1	62.04. 03933	D380101	5.75	5.25	4.50	15.50	15.50	
2061	LPH.A 03412	Quàng Văn	Công	05/05/96		Huyện Điện Biên	01	1	62.09. 03940	D380101	1.25	3.25	3.25	7.75	8.00	
2062	LPH.A 03413	Đoàn Văn	Hùng	06/04/96		Huyện Điện Biên		1	62.09. 03934	D380101	7.00	7.00	3.00	17.00	17.00	
2063	LPH.A 03414	Lò Xuân	Quý	16/02/96		Huyện Điện Biên	01	1	62.09. 03939	D380101	1.00	3.50	2.75	7.25	7.50	
2064	LPH.A 03416	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/07/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.09. 03936	D380101	6.50	6.50	3.00	16.00	16.00	
2065	LPH.A 03417	Hoàng Thị	Thúy	01/09/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.09. 03937	D380101	4.75	5.50	6.25	16.50	16.50	
2066	LPH.A 03418	Trần Ngọc	Trung	28/09/96		Huyện Điện Biên		1	62.09. 03938	D380101	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
2067	LPH.A 03420	Phạm Văn	Hoàng	25/09/96		Huyện Điện Biên		1	62.10. 03941	D380101	1.00	3.25	2.75	7.00	7.00	
2068	LPH.A 03421	Trần Thị	Quỳnh	19/07/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.10. 03942	D380101	5.50	5.75	5.50	16.75	17.00	
2069	LPH.A 03423	Sùng A	Đại	15/02/96		Huyện Mường Chà	01	1	62.15. 03945	D380101	4.25	4.25	3.50	12.00	12.00	
2070	LPH.A 03426	Vũ Hoàng	Long	17/08/95		Huyện Mường Chà		1	62.16. 03948	D380107	6.50	5.50	6.25	18.25	18.50	
2071	LPH.A 03427	Vàng A	Tính	08/04/96		Huyện Tủa Chùa	01	1	62.17. 03949	D380101	2.00	4.25	3.50	9.75	10.00	
2072	LPH.A 03428	Lầu A	Thếnh	13/01/94		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.19. 03951	D380101	5.75	6.00	3.00	14.75	15.00	
2073	LPH.A 03429	Vàng Bả	Tú	06/10/96		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.19. 03950	D380101	2.25	2.00	3.25	7.50	7.50	
2074	LPH.A 03435	Lò Thị Kim	Hằng	12/10/96	Nữ	Huyện Mường ằng	01	1	62.42. 03958	D380101	1.75	2.50	3.50	7.75	8.00	
2075	LPH.A 03436	Lò Thị	Chương	17/11/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.46. 03959	D380101	1.25	3.50	3.50	8.25	8.50	
2076	LPH.A 03437	Hà Thanh	Thiện	10/11/95		Quận Hoàn Kiếm		3	96.96. 00001	D380101	6.00	6.50	5.00	17.50	17.50	
2077	LPH.A 03438	Đình Văn	Diệu	06/07/95		Huyện Lương Tài		2	98.98. 00001	D380101	4.75	6.25	6.25	17.25	17.50	
2078	LPH.A 03439	Bỳ Thị Vân	Anh	26/08/95	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	99.99. 00024	D380107	7.75	6.50	7.00	21.25	21.50	
2079	LPH.A 03441	Hà Thị Kim	Anh	21/03/95	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	99.99. 00177	D380101	5.50	5.50	6.00	17.00	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2080	LPH.A 03442	Hoàng Thị Ngọc	Anh	21/06/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	99.99. 00273	D380101	7.00	5.50	7.50	20.00	20.00	
2081	LPH.A 03447	Nguyễn Mỹ Tuấn	Anh	08/05/93		Huyện Kỳ Sơn	06	1	99.99. 00158	D380101	6.00	4.50	3.50	14.00	14.00	
2082	LPH.A 03448	Nguyễn Thị Phương	Anh	12/11/95	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	99.99. 00109	D380107	7.00	6.25	5.00	18.25	18.50	
2083	LPH.A 03449	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/12/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	99.99. 00175	D380101	5.50	2.50	2.50	10.50	10.50	
2084	LPH.A 03451	Nguyễn Tuấn	Anh	27/01/96				2NT	99.99. 00272	D380101	7.25	4.50	3.25	15.00	15.00	
2085	LPH.A 03452	Nguyễn Mai	Anh	31/01/95	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	99.99. 00286	D380107	3.75	5.00	4.25	13.00	13.00	
2086	LPH.A 03453	Hoàng Văn	An	12/11/95		Thành phố Lào Cai		1	99.99. 00083	D380101	5.00	4.50	3.50	13.00	13.00	
2087	LPH.A 03454	Phạm Lê Hoài	Anh	30/11/95	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	99.99. 00141	D380107	5.75	5.75	6.00	17.50	17.50	
2088	LPH.A 03455	Phạm Ngọc	Anh	31/03/95	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	99.99. 00099	D380107	5.25	6.50	6.50	18.25	18.50	
2089	LPH.A 03456	Tạ Thị Kim	Anh	29/12/95	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	99.99. 00243	D380101	3.50	3.50	2.75	9.75	10.00	
2090	LPH.A 03458	Vũ Thị Ngọc	Anh	24/04/95	Nữ	Quận Tây Hồ		3	99.99. 00008	D380107	8.25	6.50	7.00	21.75	22.00	
2091	LPH.A 03460	Lê Thị	An	04/04/95	Nữ	Huyện An Dương		2	99.99. 00199	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
2092	LPH.A 03463	Đặng Thị Ngọc	ánh	05/10/95	Nữ			2	99.99. 00110	D380101	7.00	5.00	5.00	17.00	17.00	
2093	LPH.A 03464	Hoàng Ngọc	ánh	28/08/95	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	99.99. 00043	D380107	6.25	6.50	9.25	22.00	22.00	
2094	LPH.A 03465	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	05/02/95	Nữ			2	99.99. 00146	D380101	6.50	3.75	6.50	16.75	17.00	
2095	LPH.A 03466	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	08/09/95	Nữ	Huyện Quang Bình		1	99.99. 00229	D380107	5.25	4.75	4.25	14.25	14.50	
2096	LPH.A 03467	Phạm Hải	Bình	30/07/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	99.99. 00032	D380101	7.75	7.25	6.75	21.75	22.00	
2097	LPH.A 03468	Nguyễn Văn	Cảnh	05/05/94		Huyện Thanh Oai		3	99.99. 00094	D380101	6.00	5.00	5.00	16.00	16.00	
2098	LPH.A 03469	Nguyễn Đức	Cảnh	20/02/95		Huyện Nam Trực		3	99.99. 00067	D380101	5.75	6.50	5.75	18.00	18.00	
2099	LPH.A 03470	Trần Quỳnh	Chi	25/11/95	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	99.99. 00014	D380107	6.75	4.50	8.00	19.25	19.50	
2100	LPH.A 03471	Đinh Thị	Chính	29/10/94	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	99.99. 00015	D380101	3.75	3.50	4.00	11.25	11.50	
2101	LPH.A 03472	Cao Minh	Công	02/10/90		Huyện Cẩm Thủy	01	1	99.99. 00239	D380107	6.00	5.75	6.50	18.25	18.50	
2102	LPH.A 03475	Hoàng Mạnh	Cường	23/08/95		Huyện Cao Lộc	01	1	99.99. 00126	D380101	1.00	2.00	3.00	6.00	6.00	
2103	LPH.A 03476	Nguyễn Hùng	Cường	17/06/96		Huyện Tiên Du		2NT	99.99. 00227	D380101	2.25	5.00	3.25	10.50	10.50	
2104	LPH.A 03478	Triệu Viết	Cường	20/04/84		Huyện Lập Thạch		1	99.99. 00216	D380101	6.25	6.75	7.25	20.25	20.50	
2105	LPH.A 03481	Nguyễn Xuân	Duy	06/07/95		Thành phố Yên Bái		1	99.99. 00193	D380107	0.25	2.75	4.00	7.00	7.00	
2106	LPH.A 03483	Vũ Thị	Duy	23/05/95	Nữ	Huyện Tủa Chùa		1	99.99. 00134	D380101	5.00	5.00	5.50	15.50	15.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2107	LPH.A 03484	Luyện Ngọc	Dũng	07/01/95		Huyện Yên Mỹ		2NT	99.99. 00264	D380107	7.25	6.50	5.00	18.75	19.00	
2108	LPH.A 03485	Ngô Minh	Dũng	10/01/92		Huyện Đông Hỷ		2	99.99. 00206	D380107	5.50	5.00	6.00	16.50	16.50	
2109	LPH.A 03486	Nguyễn Ngọc	Dũng	05/12/95		Huyện Nghi Xuân		2NT	99.99. 00022	D380101	6.00	6.25	3.50	15.75	16.00	
2110	LPH.A 03490	Lại Hồng	Dương	31/03/95		Huyện Sơn Dương	01	1	99.99. 00051	D380101	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
2111	LPH.A 03491	Nguyễn Trọng	Dương	09/12/95		Quận Tây Hồ		2	99.99. 00093	D380101	1.00	3.50	3.00	7.50	7.50	
2112	LPH.A 03492	Nguyễn Đại	Dương	13/04/95		Thành phố Nam Định		2	99.99. 00240	D380101	7.00	7.50	7.50	22.00	22.00	
2113	LPH.A 03493	Bùi Bảo	Đại	19/02/95		Huyện Tân Lạc	06	1	99.99. 00082	D380101	7.75	6.50	5.25	19.50	19.50	
2114	LPH.A 03496	Hoàng Hữu	Đạo	15/05/95		Huyện Việt Yên		2NT	99.99. 00194	D380107	4.25	3.50	4.25	12.00	12.00	
2115	LPH.A 03499	Lâm Hải	Đăng	16/12/95		Huyện Hàm Yên		1	99.99. 00005	D380101	3.25	5.50	2.75	11.50	11.50	
2116	LPH.A 03500	Nguyễn Tiến	Điệp	27/06/95				2NT	99.99. 00063	D380107	0.75	2.50	1.50	4.75	5.00	
2117	LPH.A 03501	Nguyễn Văn	Đĩnh	13/10/86		Quận Hoàng Mai		2NT	99.99. 00267	D380107	8.75	7.50	7.50	23.75	24.00	
2118	LPH.A 03503	Mã Trường	Đông	11/02/94		Huyện Chợ Mới		2	99.99. 00100	D380101	0.25	2.75	4.25	7.25	7.50	
2119	LPH.A 03504	Đặng Minh	Đức	07/07/94				2	99.99. 00271	D380107	1.50	4.25	3.25	9.00	9.00	
2120	LPH.A 03505	Nguyễn Mạnh	Đức	05/10/95				1	99.99. 00041	D380101	5.75	5.50	4.75	16.00	16.00	
2121	LPH.A 03506	Nguyễn Bá	Đức	30/06/87		Huyện Quảng Xương		2NT	99.99. 00167	D380101	5.25	4.25	6.50	16.00	16.00	
2122	LPH.A 03507	Phạm Minh	Đức	18/03/94		Thành phố Nam Định		2	99.99. 00198	D380101	8.00	8.00	7.00	23.00	23.00	
2123	LPH.A 03508	Cao Ngân	Giang	14/05/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	99.99. 00140	D380101	7.50	6.50	8.75	22.75	23.00	
2124	LPH.A 03509	Đinh Hương	Giang	24/08/95	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	99.99. 00059	D380101	6.75	5.00	4.75	16.50	16.50	
2125	LPH.A 03511	Trần Thanh	Giang	15/06/95		Huyện Giao Thủy		2NT	99.99. 00115	D380107	5.25	5.75	5.50	16.50	16.50	
2126	LPH.A 03512	Dương Thị Thu	Hà	27/03/95	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	99.99. 00212	D380101	7.00	5.50	6.75	19.25	19.50	
2127	LPH.A 03515	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	21/11/95	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	99.99. 00080	D380101	4.25	3.25	3.50	11.00	11.00	
2128	LPH.A 03516	Nguyễn Thị	Hà	02/02/94	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	99.99. 00118	D380101	6.50	4.50	5.25	16.25	16.50	
2129	LPH.A 03519	Trần Phương	Hà	22/07/95	Nữ			2NT	99.99. 00234	D380107	7.00	6.50	6.75	20.25	20.50	
2130	LPH.A 03520	Dư Hồng	Hạnh	30/06/95	Nữ			2NT	99.99. 00010	D380101	6.75	6.00	6.75	19.50	19.50	
2131	LPH.A 03522	Trần Thị	Hậu	01/10/95	Nữ			2NT	99.99. 00048	D380101	5.50	6.00	6.50	18.00	18.00	
2132	LPH.A 03523	Đinh Thị	Hằng	28/12/95	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	99.99. 00053	D380101	5.75	5.00	5.50	16.25	16.50	
2133	LPH.A 03524	Nguyễn Thị Minh	Hằng	23/06/95	Nữ			2NT	99.99. 00004	D380107	6.75	5.50	6.50	18.75	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2134	LPH.A 03525	Nguyễn Thị Minh	Hằng	03/12/95	Nữ	Huyện Ninh Giang		2	99.99. 00200	D380101	6.50	5.50	7.00	19.00	19.00	
2135	LPH.A 03526	Phạm Thị Thúy	Hằng	11/11/95	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	99.99. 00111	D380101	5.50	4.50	4.50	14.50	14.50	
2136	LPH.A 03527	Phạm Thị	Hằng	25/06/95	Nữ			2NT	99.99. 00223	D380101	6.25	3.75	6.00	16.00	16.00	
2137	LPH.A 03528	Trần Thị	Hằng	02/01/95	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	99.99. 00016	D380107	3.75	4.75	4.50	13.00	13.00	
2138	LPH.A 03529	Bùi Minh	Hiếu	25/12/96		Huyện Chương Mỹ		2	99.99. 00208	D380107	0.00	1.75	3.00	4.75	5.00	
2139	LPH.A 03530	Nguyễn Văn	Hiếu	02/01/94		Huyện Sóc Sơn		2	99.99. 00026	D380101	6.75	6.00	6.75	19.50	19.50	
2140	LPH.A 03531	Nguyễn Văn	Hiếu	08/08/95		Huyện Đông Anh		2	99.99. 00222	D380101	6.75	5.50	7.75	20.00	20.00	
2141	LPH.A 03532	Nguyễn Phương	Hiếu	21/10/96		Quận Hai Bà Trưng		3	99.99. 00006	D380101	8.00	7.00	8.25	23.25	23.50	
2142	LPH.A 03533	Nguyễn Đức	Hiệp	16/10/95		Huyện Từ Liêm		2	99.99. 00076	D380101	8.25	8.00	8.50	24.75	25.00	
2143	LPH.A 03534	Nguyễn Tiến	Hiệu	06/02/89		Huyện Mỹ Đức		2	99.99. 00047	D380101	3.25	3.75	4.00	11.00	11.00	
2144	LPH.A 03535	Nguyễn Thị Thu	Hiền	10/06/95	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	99.99. 00135	D380101	3.50	3.75	.	7.25	7.50	
2145	LPH.A 03536	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/12/95	Nữ	Huyện Gia Lâm		3	99.99. 00185	D380107	5.75	6.50	7.50	19.75	20.00	
2146	LPH.A 03538	Vũ Thị	Hiền	10/11/95	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	99.99. 00147	D380101	2.50	4.50	4.50	11.50	11.50	
2147	LPH.A 03539	Nguyễn Thị Phương	Hoa	05/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	99.99. 00121	D380101	5.75	3.25	2.50	11.50	11.50	
2148	LPH.A 03540	Nguyễn Thị	Hoài	17/08/95	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	99.99. 00217	D380107	5.50	3.75	3.50	12.75	13.00	
2149	LPH.A 03544	Tào Tiểu	Hoàng	19/09/95		Huyện Chương Mỹ		2	99.99. 00211	D380101	1.50	3.25	3.25	8.00	8.00	
2150	LPH.A 03545	Lừu Thị	Hòa	25/08/95	Nữ	Huyện Tủa Chùa	01	1	99.99. 00183	D380101	1.25	3.25	2.75	7.25	7.50	
2151	LPH.A 03546	Đồng Thị	Hồng	08/01/94	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2NT	99.99. 00116	D380101	7.00	6.50	6.50	20.00	20.00	
2152	LPH.A 03547	Ngô Thị	Hồng	30/03/95	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	99.99. 00253		6.50	2.50	4.25	13.25	13.50	
2153	LPH.A 03548	Nguyễn Thị	Hồng	01/10/95	Nữ			2NT	99.99. 00077	D380101	4.75	4.75	7.25	16.75	17.00	
2154	LPH.A 03549	Nguyễn Thị	Huế	04/07/95	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	99.99. 00280	D380101	6.75	5.50	4.50	16.75	17.00	
2155	LPH.A 03550	Bùi Thị	Huệ	01/11/95	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	99.99. 00151	D380101	7.00	6.75	7.25	21.00	21.00	
2156	LPH.A 03552	Ngô Văn	Huy	26/02/95		Huyện Lương Tài		2NT	99.99. 00101	D380107	6.75	5.75	7.00	19.50	19.50	
2157	LPH.A 03554	Hoàng Thu	Huyền	17/01/95	Nữ	Quận Hà Đông		2	99.99. 00237	D380107	0.25	2.25	.	2.50	2.50	
2158	LPH.A 03555	Nguyễn Thị	Huyền	01/07/95	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	99.99. 00269	D380107	7.00	4.75	5.25	17.00	17.00	
2159	LPH.A 03556	Tào Quốc	Huy	09/02/96		Huyện Thạch Thành		1	99.99. 00085	D380101	6.50	6.75	6.50	19.75	20.00	
2160	LPH.A 03557	Phí Tiến	Hùng	18/07/87		Huyện Hà Trung		2NT	99.99. 00088	D380101	4.75	6.00	3.25	14.00	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2161	LPH.A 03559	Phạm Ngọc	Hùng	05/07/91		Huyện Quỳnh Lưu		2NT	99.99. 00149	D380107	1.50	4.25	3.25	9.00	9.00	
2162	LPH.A 03560	Phạm Duy	Hùng	18/02/95		Huyện Thường Tín		2	99.99. 00180	D380101	4.50	3.75	4.50	12.75	13.00	
2163	LPH.A 03561	Cao Thanh	Hương	27/04/93	Nữ	Huyện Đông Anh		2	99.99. 00078	D380101	3.50	4.50	3.50	11.50	11.50	
2164	LPH.A 03563	Nguyễn Thị	Hương	14/10/95	Nữ	Huyện Mê Linh		2	99.99. 00056	D380107	5.00	5.50	3.50	14.00	14.00	
2165	LPH.A 03564	Nguyễn Thị	Hương	28/03/95	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	99.99. 00214	D380101	5.00	5.25	5.50	15.75	16.00	
2166	LPH.A 03565	Lương Hoàng	Khánh	02/11/95		Quận Ngõ Quyền		3	99.99. 00079	D380101	5.25	5.00	4.75	15.00	15.00	
2167	LPH.A 03566	Trịnh Minh	Khánh	13/09/95		Huyện Yên Mỹ		2NT	99.99. 00178	D380101	6.75	6.50	6.25	19.50	19.50	
2168	LPH.A 03567	Nguyễn Đăng	Khoa	13/11/96		Huyện Hải Hậu		2NT	99.99. 00275	D380107	6.00	6.00	7.50	19.50	19.50	
2169	LPH.A 03571	Nguyễn Thị	Lan	11/11/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	99.99. 00179	D380101	3.00	3.25	3.00	9.25	9.50	
2170	LPH.A 03572	Phan Tùng	Lâm	12/04/95		Thành phố Ninh Bình		2	99.99. 00203	D380101	6.25	4.00	3.50	13.75	14.00	
2171	LPH.A 03573	Nguyễn Tiến	Lân	22/08/91		Thị xã Sầm Sơn		2NT	99.99. 00287	D380101	3.00	3.75	4.00	10.75	11.00	
2172	LPH.A 03574	Đình Ngọc	Liên	13/09/95		Quận Đống Đa		3	99.99. 00027	D380101	8.25	5.00	9.00	22.25	22.50	
2173	LPH.A 03575	Nguyễn Thị	Liên	03/11/95	Nữ			2NT	99.99. 00040	D380107	6.00	6.50	4.50	17.00	17.00	
2174	LPH.A 03576	Trần Thị	Liên	15/07/95	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	99.99. 00154	D380101	7.50	7.25	6.75	21.50	21.50	
2175	LPH.A 03577	Phạm Thị	Liễu	03/11/94	Nữ	Huyện Đông Triều		2NT	99.99. 00170	D380107	6.75	5.00	5.75	17.50	17.50	
2176	LPH.A 03578	Lê Thị	Linh	08/04/94	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	99.99. 00148	D380101	6.50	5.25	5.50	17.25	17.50	
2177	LPH.A 03579	Ngô Mỹ	Linh	05/06/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.99. 00138	D380101	7.25	6.50	5.75	19.50	19.50	
2178	LPH.A 03580	Nguyễn Thùy	Linh	06/01/95	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	99.99. 00262	D380101	4.75	5.50	4.75	15.00	15.00	
2179	LPH.A 03581	Nguyễn Khánh	Linh	11/06/95	Nữ			2NT	99.99. 00153	D380101	5.75	4.75	6.50	17.00	17.00	
2180	LPH.A 03582	Nguyễn Khánh	Linh	14/10/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	99.99. 00103	D380101	3.25	3.75	2.25	9.25	9.50	
2181	LPH.A 03584	Trần Thùy	Linh	26/04/95	Nữ			2	99.99. 00130	D380107	6.25	4.50	5.50	16.25	16.50	
2182	LPH.A 03585	Vũ Thị Thúy	Linh	29/12/94	Nữ	Thành phố Nam Định		2	99.99. 00095	D380101	5.75	5.75	6.50	18.00	18.00	
2183	LPH.A 03587	Trịnh Thanh	Loan	19/11/95	Nữ	Huyện Yên Thế		1	99.99. 00165	D380107	6.25	5.50	3.25	15.00	15.00	
2184	LPH.A 03588	Vương Đắc Thị	Loan	20/01/95	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	99.99. 00176	D380107	4.00	6.00	5.75	15.75	16.00	
2185	LPH.A 03590	Phạm Thanh	Long	23/06/95		Quận Hai Bà Trưng		3	99.99. 00021	D380107	6.75	5.75	6.75	19.25	19.50	
2186	LPH.A 03591	Trần Hoàng	Long	18/09/94		Thành phố Vinh		2	99.99. 00171	D380101	4.50	4.25	0.00	8.75	9.00	
2187	LPH.A 03592	Nguyễn Thành	Luân	22/10/88		Huyện Kim Thành		2NT	99.99. 00276	D380107	6.75	5.00	4.25	16.00	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2188	LPH.A 03597	Nguyễn Thị Lý	27/11/94	Nữ	Huyện Trục Ninh		2NT	99.99. 00205	D380101	6.75	6.00	6.25	19.00	19.00	
2189	LPH.A 03598	Trần Ngọc Mai	17/12/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00128	D380101	0.00	1.50	3.50	5.00	5.00	
2190	LPH.A 03599	Vũ Thị Thanh Mai	12/11/95	Nữ	Huyện Gia Viễn		2NT	99.99. 00215	D380101	6.00	6.25	4.75	17.00	17.00	
2191	LPH.A 03600	Lưu Tiến Mạnh	13/01/96		Huyện Từ Liêm		2	99.99. 00086	D380107	8.25	7.50	8.25	24.00	24.00	
2192	LPH.A 03601	Bùi Quang Minh	01/10/92		Huyện Đông Anh		2	99.99. 00210	D380107	5.00	5.50	7.50	18.00	18.00	
2193	LPH.A 03602	Hoàng Ngọc Minh	08/06/90		Huyện Đoài Lương		2NT	99.99. 00163	D380101	4.25	4.50	4.50	13.25	13.50	
2194	LPH.A 03603	Lục Văn Minh	21/09/93		Huyện Thanh Trì		3	99.99. 00025	D380101	6.50	5.50	5.50	17.50	17.50	
2195	LPH.A 03606	Hoàng Thị Mừng	02/02/95	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	99.99. 00136	D380107	7.00	5.50	5.75	18.25	18.50	
2196	LPH.A 03607	Hoàng Thị Hằng My	05/07/95	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	99.99. 00108	D380101	6.50	4.50	3.50	14.50	14.50	
2197	LPH.A 03608	Nguyễn Thị Trà My	03/02/95	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	99.99. 00250	D380101	3.50	5.00	3.25	11.75	12.00	
2198	LPH.A 03609	Nguyễn Trà My	29/07/95	Nữ	Thành phố Sơn La		1	99.99. 00238	D380107	2.00	3.00	2.75	7.75	8.00	
2199	LPH.A 03610	Trần Thị Trà My	31/12/95	Nữ			2NT	99.99. 00097	D380107	7.25	5.75	4.25	17.25	17.50	
2200	LPH.A 03611	Lê Hữu My	08/09/95		Huyện Hương Khê		1	99.99. 00072	D380101	6.00	4.75	4.00	14.75	15.00	
2201	LPH.A 03613	Đào Nguyễn Thành Nam	24/10/94		Thành phố Việt Trì		2	99.99. 00017	D380107	5.75	6.50	6.50	18.75	19.00	
2202	LPH.A 03615	Lã Ngọc Nam	11/12/95		Huyện Cẩm Khê		2NT	99.99. 00069	D380107	7.00	7.50	6.50	21.00	21.00	
2203	LPH.A 03618	Nguyễn Thị Nga	04/01/94	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	99.99. 00133	D380101	2.50	2.25	2.75	7.50	7.50	
2204	LPH.A 03619	Nguyễn Quỳnh Nga	19/05/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	99.99. 00057	D380101	6.25	6.50	5.75	18.50	18.50	
2205	LPH.A 03620	Vũ Thị Nga	27/09/94	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	99.99. 00104	D380107	6.50	3.25	5.75	15.50	15.50	
2206	LPH.A 03621	Đặng Trung Nghĩa	14/09/96		Quận Hai Bà Trưng		3	99.99. 00160	D380101	5.00	6.50	8.75	20.25	20.50	
2207	LPH.A 03622	Đặng Thị Ngọc	20/10/95	Nữ	Huyện Chi Lăng	06	1	99.99. 00181	D380107	6.25	4.00	3.75	14.00	14.00	
2208	LPH.A 03623	Trần Thị Ngọc	13/10/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	99.99. 00106	D380101	6.50	6.50	6.00	19.00	19.00	
2209	LPH.A 03624	Đoàn Thanh Nhân	04/11/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	99.99. 00244	D380101	2.50	3.00	3.00	8.50	8.50	
2210	LPH.A 03625	Nguyễn Quang Nhật	02/08/94		Huyện Yên Mỹ		2NT	99.99. 00120	D380101	6.25	4.75	5.00	16.00	16.00	
2211	LPH.A 03626	Bùi Thị Nhung	22/04/94	Nữ	Huyện Tân Yên		1	99.99. 00074	D380101	5.25	5.25	7.50	18.00	18.00	
2212	LPH.A 03627	Dương Thị Quỳnh Như	07/04/95	Nữ	Huyện Sông Lô		1	99.99. 00054	D380101	7.00	4.50	4.25	15.75	16.00	
2213	LPH.A 03628	Nguyễn Thị Nữ	03/07/94	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	99.99. 00087	D380107	3.50	2.75	2.50	8.75	9.00	
2214	LPH.A 03630	Phạm Vũ Hà Phan	15/04/95		Huyện Thanh Oai		2	99.99. 00172	D380101	4.50	5.25	4.50	14.25	14.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2215	LPH.A 03631	Nguyễn Như	Phong	13/08/95		Huyện Bắc Quang		1	99.99. 00061	D380101	6.00	3.75	3.75	13.50	13.50	
2216	LPH.A 03632	Lê Hồng	Phú	09/02/90		Huyện ý Yên		2NT	99.99. 00071	D380107	3.50	5.00	3.75	12.25	12.50	
2217	LPH.A 03633	Bùi Bích	Phương	20/12/95	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	99.99. 00113	D380101	4.50	5.75	3.25	13.50	13.50	
2218	LPH.A 03634	Đỗ Hà	Phương	23/07/95	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	99.99. 00020	D380101	5.75	5.25	3.75	14.75	15.00	
2219	LPH.A 03635	Hà Thị Ngân	Phương	22/12/95	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	99.99. 00204	D380107	7.00	5.50	4.50	17.00	17.00	
2220	LPH.A 03636	Hoàng Anh	Phương	22/02/92	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	99.99. 00284	D380101	4.75	3.75	5.75	14.25	14.50	
2221	LPH.A 03637	Lê Thị Thanh	Phương	07/09/95	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	99.99. 00249	D380101	7.00	5.25	4.50	16.75	17.00	
2222	LPH.A 03638	Nguyễn Thị	Phương	19/09/95	Nữ	Huyện Tiên Du		2NT	99.99. 00081	D380107	6.00	5.50	6.50	18.00	18.00	
2223	LPH.A 03639	Nguyễn Hà	Phương	15/06/95	Nữ	Huyện Tam Nông		2	99.99. 00152	D380107	6.25	5.50	5.25	17.00	17.00	
2224	LPH.A 03641	Nguyễn Thị	Phương	21/01/95	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	99.99. 00168	D380101	8.75	6.50	8.50	23.75	24.00	
2225	LPH.A 03644	Hoàng Văn	Quyên	24/07/94		Huyện Bảo Lạc	06	1	99.99. 00248	D380101	0.00	1.75	2.50	4.25	4.50	
2226	LPH.A 03645	Nguyễn Thúy	Quỳnh	16/10/95	Nữ	Huyện Nam Sách	06	2NT	99.99. 00117	D380101	6.75	4.00	4.25	15.00	15.00	
2227	LPH.A 03646	Nguyễn Hoàng	Sâm	14/09/94		Huyện Lạng Giang		1	99.99. 00028	D380107	5.25	6.00	5.50	16.75	17.00	
2228	LPH.A 03647	Nguyễn Văn	Sơn	12/12/95		Huyện Trục Ninh		2NT	99.99. 00007	D380101	7.00	6.50	5.50	19.00	19.00	
2229	LPH.A 03648	Trần Ngọc	Sơn	09/02/94				2NT	99.99. 00073	D380107	0.25	1.75	2.25	4.25	4.50	
2230	LPH.A 03649	Hoàng Anh	Tài	10/08/95		Quận Đống Đa		3	99.99. 00282	D380101	6.25	6.25	7.25	19.75	20.00	
2231	LPH.A 03650	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	17/03/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	99.99. 00258	D380107	6.00	8.25	8.25	22.50	22.50	
2232	LPH.A 03651	Lê Đình	Tân	15/03/92		Thành phố Thanh Hoá		2	99.99. 00084	D380101	4.00	5.25	6.00	15.25	15.50	
2233	LPH.A 03652	Nguyễn Minh	Tân	02/09/87		Huyện Tiên Lãng		2	99.99. 00270	D380107	6.25	5.50	5.75	17.50	17.50	
2234	LPH.A 03653	Nguyễn Thị	Thanh	05/04/95	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	99.99. 00182	D380101	5.50	5.50	5.75	16.75	17.00	
2235	LPH.A 03657	Trần Hoàng	Thái	26/08/95		Quận Thanh Xuân		2	99.99. 00034	D380107	5.25	5.50	4.25	15.00	15.00	
2236	LPH.A 03658	Bùi Công	Thành	15/08/95		Quận Ba Đình		3	99.99. 00049	D380101	6.00	7.25	4.50	17.75	18.00	
2237	LPH.A 03660	Lã Ngọc	Thảo	15/03/95		Huyện Mai Sơn		1	99.99. 00102	D380101	2.50	5.25	3.50	11.25	11.50	
2238	LPH.A 03661	Nguyễn Thị Thu	Thảo	30/09/95	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	99.99. 00266	D380101	2.50	3.50	3.25	9.25	9.50	
2239	LPH.A 03662	Phạm Thị	Thảo	15/10/95	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	99.99. 00219	D380101	7.25	5.00	5.75	18.00	18.00	
2240	LPH.A 03663	Trần Thị Phương	Thảo	23/07/95	Nữ			2NT	99.99. 00143	D380101	5.75	5.75	4.50	16.00	16.00	
2241	LPH.A 03664	Vũ Đỗ	Thảo	03/10/95		Quận Đống Đa		3	99.99. 00011	D380101	7.00	5.50	7.00	19.50	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2242	LPH.A 03666	Hà Văn	Thắng	19/11/94		Huyện Hiệp Hoà		2NT	99.99. 00139	D380101	4.25	3.50	4.75	12.50	12.50	
2243	LPH.A 03667	Nguyễn Văn	Thắng	26/06/95		Thị xã Từ Sơn		2	99.99. 00279	D380101	7.25	3.50	7.75	18.50	18.50	
2244	LPH.A 03669	Vũ	Thắng	12/09/94		Quận Tây Hồ		3	99.99. 00236	D380101	1.50	2.00	4.00	7.50	7.50	
2245	LPH.A 03670	Nguyễn Đức	Thiện	16/08/88		Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00142	D380101	3.50	4.75	4.75	13.00	13.00	
2246	LPH.A 03671	Trần Văn	Thiệu	01/10/94				2NT	99.99. 00058	D380101	5.50	5.25	4.50	15.25	15.50	
2247	LPH.A 03672	Trần Đình	Thi	20/04/92				1	99.99. 00070	D380107	6.00	4.75	5.50	16.25	16.50	
2248	LPH.A 03673	Trần Phan Thị	Thuận	29/11/94	Nữ	Huyện Can Lộc	06	2NT	99.99. 00228	D380107	6.00	6.50	7.25	19.75	20.00	
2249	LPH.A 03675	Phùng Hữu	Thu	09/10/91		Huyện Ba Vì		2	99.99. 00190	D380101	5.50	5.50	.	11.00	11.00	
2250	LPH.A 03676	Trịnh Thị	Thu	26/06/94	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	99.99. 00157	D380101	6.00	4.00	3.50	13.50	13.50	
2251	LPH.A 03679	Trần Viết	Thùy	29/04/93		Huyện Chương Mỹ		2	99.99. 00012	D380101	0.25	3.50	2.25	6.00	6.00	
2252	LPH.A 03680	Đặng Thị Kim	Thủy	13/03/95	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	99.99. 00029	D380101	7.00	4.75	6.50	18.25	18.50	
2253	LPH.A 03682	Kiều Văn	Tiến	27/12/86		Huyện Thạch Thất		2	99.99. 00169	D380101	5.00	5.25	4.50	14.75	15.00	
2254	LPH.A 03685	Đỗ Xuân	Toàn	19/10/95		Thành phố Thanh Hoá		2NT	99.99. 00189	D380101	8.25	5.50	7.00	20.75	21.00	
2255	LPH.A 03686	Đoàn Thị	Trang	10/10/95	Nữ	Huyện Trục Ninh		2NT	99.99. 00037	D380101	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	
2256	LPH.A 03687	Đoàn Thị	Trang	12/08/95	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	99.99. 00002	D380101	6.00	5.25	4.25	15.50	15.50	
2257	LPH.A 03688	Hà Trần Thu	Trang	04/12/94	Nữ	Huyện Mai Sơn	01	1	99.99. 00192	D380101	0.25	2.75	2.50	5.50	5.50	
2258	LPH.A 03689	Hoàng Thị	Trang	11/10/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00125	D380101	3.50	4.25	5.50	13.25	13.50	
2259	LPH.A 03690	Lê Thị Thu	Trang	04/05/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	99.99. 00187	D380101	3.75	5.00	5.25	14.00	14.00	
2260	LPH.A 03694	Nguyễn Thị Đoan	Trang	10/05/95	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	99.99. 00166	D380107	7.00	5.25	6.00	18.25	18.50	
2261	LPH.A 03695	Nguyễn Thị	Trang	05/04/95	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	99.99. 00218	D380107	6.50	4.75	5.50	16.75	17.00	
2262	LPH.A 03696	Nguyễn Thu	Trang	29/04/95	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	99.99. 00112	D380101	6.50	3.25	3.75	13.50	13.50	
2263	LPH.A 03697	Phạm Thu	Trang	18/09/95	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	99.99. 00156	D380101	7.50	5.50	5.25	18.25	18.50	
2264	LPH.A 03698	Tạ Kiều	Trang	21/08/95	Nữ			2NT	99.99. 00009	D380101	6.75	6.50	6.00	19.25	19.50	
2265	LPH.A 03704	Nguyễn Đức	Tuấn	09/10/95		Huyện Lục Nam		1	99.99. 00235	D380107	2.50	5.25	3.25	11.00	11.00	
2266	LPH.A 03705	Nguyễn Khắc	Tuấn	15/04/95		Huyện Mai Châu	01	1	99.99. 00226	D380101	3.50	1.75	1.75	7.00	7.00	
2267	LPH.A 03706	Tạ Minh	Tuấn	02/10/92		Huyện Từ Liêm		2	99.99. 00207	D380101	4.50	4.25	4.75	13.50	13.50	
2268	LPH.A 03708	Trần Văn	Tuấn	29/09/96		Huyện Phổ Yên		2NT	99.99. 00285	D380101	3.25	3.00	2.75	9.00	9.00	

Đăng ký dự thi

LPH A Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2269	LPH.A 03710	Nguyễn Tuấn	Tú	03/12/93		Thành phố Thái		2	99.99. 00114	D380107	7.75	7.00	8.50	23.25	23.50	
2270	LPH.A 03711	Nguyễn Anh	Tú	12/01/96		Huyện Gia Lâm		2	99.99. 00278	D380107	8.25	7.25	7.25	22.75	23.00	
2271	LPH.A 03712	Đặng Hoàng	Tùng	22/03/95		Huyện Mỹ Lộc		2NT	99.99. 00013	D380107	6.50	7.25	5.50	19.25	19.50	
2272	LPH.A 03713	Hoàng Mạnh	Tùng	04/10/90		Thành phố Lạng Sơn	06	1	99.99. 00201	D380107	2.00	4.75	.	6.75	7.00	
2273	LPH.A 03714	Lê Anh	Tùng	16/02/95		Quận Đống Đa		3	99.99. 00075	D380107	8.00	5.25	7.75	21.00	21.00	
2274	LPH.A 03715	Nguyễn Tiến	Tùng	04/07/95		Huyện Trục Ninh		2NT	99.99. 00001	D380101	1.75	4.75	3.50	10.00	10.00	
2275	LPH.A 03716	Nguyễn Thanh	Tùng	11/08/95		Huyện Mai Sơn		1	99.99. 00031	D380101	4.00	3.75	2.50	10.25	10.50	
2276	LPH.A 03717	Hoàng Thị	Tươi	01/08/95	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	99.99. 00045	D380107	6.25	4.25	5.25	15.75	16.00	
2277	LPH.A 03718	Nguyễn Tú	Uyên	25/09/95	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	99.99. 00144	D380101	1.75	4.25	3.25	9.25	9.50	
2278	LPH.A 03721	Hồ Duy	Võ	05/08/94		Huyện Nam Sách		2NT	99.99. 00123	D380101	4.50	4.25	5.50	14.25	14.50	
2279	LPH.A 03722	Chu Quỳnh	Vương	27/02/95		Huyện Ân Thi		2NT	99.99. 00064	D380101	6.75	6.50	6.00	19.25	19.50	
2280	LPH.A 03724	Nguyễn Văn	Xuân	13/10/96		Huyện Yên Phong		2NT	99.99. 00155	D380101	6.75	5.50	5.25	17.50	17.50	
2281	LPH.A 03725	Nguyễn Thị Hải	Yến	26/08/95	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	99.99. 00089	D380107	7.00	5.50	4.25	16.75	17.00	
2282	LPH.A 20001	Nguyễn Thành	Trung	01/09/96		Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01054	D380107	7.00	7.75	8.50	23.25	23.50	

CỘNG TRƯỞNG LPHA : 2282 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1	LPH.C03728	Lê Thị Thảo	Linh	22/05/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.01. 00914		2.00	3.50	3.25	8.75	9.00	
2	LPH.C03731	Nguyễn Huy	Tú	03/05/96		Quận Ba Đình		3	1A.01. 00913	D380107	8.50	7.00	7.75	23.25	23.50	
3	LPH.C03735	Bùi Bích	Ngọc	07/01/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.07. 00884	D380101	6.25	4.25	6.50	17.00	17.00	
4	LPH.C03736	Trần Hồng	Ngọc	10/10/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.07. 00883	D380101	7.75	7.50	7.75	23.00	23.00	
5	LPH.C03738	Ngô Ngọc	Diệp	16/06/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.09. 00934		4.00	3.75	6.50	14.25	14.50	
6	LPH.C03742	Đặng Xuân	Trường	22/05/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.09. 00947	D380101	6.50	4.75	6.00	17.25	17.50	
7	LPH.C03744	Đặng Ngọc	Hà	14/09/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.11. 00862	D380101	5.00	2.50	6.50	14.00	14.00	
8	LPH.C03748	Cao Khánh	Linh	24/10/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01169	D380101	7.25	6.75	8.00	22.00	22.00	
9	LPH.C03749	Kiều Thị Khánh	Ly	09/02/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.13. 01168	D380101	3.25	2.00	6.00	11.25	11.50	
10	LPH.C03752	Nguyễn Thành	Công	10/06/96		Huyện Hoài Đức		3	1A.20. 01024	D380107	8.25	6.50	7.50	22.25	22.50	
11	LPH.C03753	Vũ Thu	Hà	05/05/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.20. 01023	D380107	1.25	5.00	6.00	12.25	12.50	
12	LPH.C03754	Nguyễn Thị Phương	Hoa	14/06/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.20. 01022	D380101	4.00	3.25	5.75	13.00	13.00	
13	LPH.C03755	Đặng Ngọc	Huyền	31/10/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1A.20. 01021	D380101	7.50	2.50	6.00	16.00	16.00	
14	LPH.C03756	Trần Châu	Bách	04/08/96		Quận Đống Đa		3	1A.21. 00568	D380101	8.25	6.75	8.25	23.25	23.50	
15	LPH.C03758	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/09/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.24. 00891	D380101	8.00	5.50	7.25	20.75	21.00	
16	LPH.C03759	Phạm	Duy	29/11/96		Quận Tây Hồ		3	1A.24. 00890	D380101	1.75	6.25	5.00	13.00	13.00	
17	LPH.C03760	Nguyễn Tuấn	Đạt	29/01/96		Quận Tây Hồ		3	1A.24. 00889	D380101	7.00	4.50	5.50	17.00	17.00	
18	LPH.C03761	Nguyễn Thảo	Linh	09/07/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.24. 00888	D380101	5.00	4.75	6.00	15.75	16.00	
19	LPH.C03763	Ngô Duy	Ninh	05/10/96		Quận Long Biên		3	1A.24. 00886	D380101	8.50	5.25	6.75	20.50	20.50	
20	LPH.C03764	Phạm Thùy	Trang	05/06/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.24. 00887	D380101	7.00	4.00	7.50	18.50	18.50	
21	LPH.C03767	Phương Tuấn	Tú	14/07/96		Quận Tây Hồ		3	1A.26. 00155	D380101	1.25	1.00	6.00	8.25	8.50	
22	LPH.C03768	Lê Đức	Anh	10/12/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.28. 00628	D380101	8.25	6.25	6.00	20.50	20.50	
23	LPH.C03771	Vũ Đức	Hiếu	20/09/96		Quận Đống Đa		3	1A.28. 00633	D380101	9.25	6.25	7.50	23.00	23.00	
24	LPH.C03772	Nguyễn Nhung Mỹ	Huyền	08/01/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.28. 00635	D380107	8.50	3.75	8.75	21.00	21.00	
25	LPH.C03782	Hoàng Thị Lệ	Quyên	19/09/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.30. 01244	D380101	8.75	6.00	8.00	22.75	23.00	
26	LPH.C03783	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	01/01/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		3	1A.31. 00805	D380107	8.00	4.00	7.00	19.00	19.00	
27	LPH.C03784	Nguyễn Mạnh	Hưng	09/03/96		Thành phố Đà Lạt		3	1A.31. 00802	D380101	1.50	1.25	3.00	5.75	6.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
28	LPH.C03787	Trần Huyền	Trang	06/10/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.31. 00804	D380101	5.75	.	.	5.75	6.00	VPQC
29	LPH.C03791	Bùi Hoàng	Lâm	14/11/95		Quận Cầu Giấy		3	1A.35. 00704	D380101	1.75	3.50	3.25	8.50	8.50	
30	LPH.C03792	Nguyễn Hoài	Linh	26/10/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.35. 00708	D380101	3.75	3.00	5.00	11.75	12.00	
31	LPH.C03793	Nguyễn Hoài	Nam	11/08/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.35. 00706	D380101	5.25	3.25	4.50	13.00	13.00	
32	LPH.C03796	Ngô Quỳnh	Trang	30/11/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		3	1A.35. 00705	D380101	5.00	1.25	5.50	11.75	12.00	
33	LPH.C03798	Ngô Thu	Phương	11/02/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.36. 00723	D380101	5.00	1.25	5.50	11.75	12.00	
34	LPH.C03800	Đào Quỳnh	Mai	18/09/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.37. 00768	D380101	3.50	3.00	7.00	13.50	13.50	
35	LPH.C03801	Nguyễn Hồng	Ngọc	18/05/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1A.42. 00124	D380101	4.50	2.00	3.50	10.00	10.00	
36	LPH.C03802	Nguyễn Hương	Thảo	15/07/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1A.44. 00782	D380101	6.00	5.75	7.00	18.75	19.00	
37	LPH.C03804	Lê Quang	Cường	21/03/95		Quận Hoàng Mai		3	1A.47. 00184	D380101	6.25	2.25	6.00	14.50	14.50	
38	LPH.C03805	Lê Mạnh	Đức	19/09/95		Quận Hoàng Mai		2	1A.47. 00185	D380101	4.50	1.50	5.00	11.00	11.00	
39	LPH.C03809	Phạm Ngọc	Thắng	06/09/96		Huyện Từ Liêm		3	1A.48. 01130	D380101	7.00	4.25	4.00	15.25	15.50	
40	LPH.C03810	Nguyễn Đức	Mạnh	12/06/96		Quận Long Biên		3	1A.49. 00663	D380101	4.25	1.50	3.50	9.25	9.50	
41	LPH.C03811	Nguyễn Minh Hoàng Thuỷ	Tiên	20/11/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.49. 00664	D380101	5.75	3.50	6.50	15.75	16.00	
42	LPH.C03813	Đào Phương	Linh	10/09/95	Nữ	Quận Long Biên		2	1A.51. 00224	D380101	4.75	5.75	6.75	17.25	17.50	
43	LPH.C03814	Đinh Văn	Mai	07/07/96		Huyện ứng Hoà		3	1A.51. 00280	D380101	1.00	0.50	2.75	4.25	4.50	
44	LPH.C03815	Tạ Phương	Thảo	27/10/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.52. 00854	D380101	4.50	2.00	7.00	13.50	13.50	
45	LPH.C03816	Trần Sơn	Tùng	02/11/96		Huyện Đông Anh		2	1A.52. 00855	D380101	7.25	5.25	6.50	19.00	19.00	
46	LPH.C03819	Nguyễn Trần Tiến	Anh	08/09/96		Huyện Từ Liêm		2	1A.56. 00224	D380101	1.00	2.25	4.00	7.25	7.50	
47	LPH.C03820	Đinh Đức	Công	14/12/96		Quận Tây Hồ	06	2	1A.56. 00094	D380101	7.75	7.50	7.50	22.75	23.00	
48	LPH.C03821	Phạm Thị Trung	Anh	14/01/96	Nữ	Huyện Văn Lâm		2	1A.62. 00418	D380107	6.00	5.00	7.00	18.00	18.00	
49	LPH.C03824	Nguyễn Thanh	Hải	06/07/96		Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00271	D380101	2.25	2.00	5.00	9.25	9.50	
50	LPH.C03825	Thái Minh	Hoàng	30/01/96		Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00272	D380101	3.75	3.25	5.00	12.00	12.00	
51	LPH.C03827	Vũ Minh	Anh	29/10/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.66. 00620	D380101	1.25	3.50	5.75	10.50	10.50	
52	LPH.C03828	Vũ Ngọc	Linh	21/08/96		Quận Hoàng Mai		2	1A.67. 00269	D380101	1.25	1.25	2.00	4.50	4.50	
53	LPH.C03829	Tạ Thị Phương	Quỳnh	17/11/95	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.67. 00270	D380101	6.50	4.25	7.00	17.75	18.00	
54	LPH.C03831	Nguyễn Thu	Hoài	02/03/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00311	D380101	2.50	1.75	5.50	9.75	10.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
55	LPH.C03833	Nguyễn Thị Thảo	Phuong	02/07/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00312		6.25	1.75	6.25	14.25	14.50	
56	LPH.C03834	Nguyễn Thị	Trang	01/05/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.70. 00540	D380101	5.50	3.00	7.00	15.50	15.50	
57	LPH.C03835	Nguyễn Thị	Tâm	01/02/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00063	D380107	5.25	3.00	6.00	14.25	14.50	
58	LPH.C03836	Nguyễn Thanh	Trang	29/02/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00064	D380101	5.00	5.50	6.50	17.00	17.00	
59	LPH.C03838	Đào Thu	Hương	28/03/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.74. 00102	D380101	3.50	2.00	5.00	10.50	10.50	
60	LPH.C03839	Nguyễn Thị Mai	Phuong	29/03/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01097	D380101	7.25	4.50	6.50	18.25	18.50	
61	LPH.C03840	Đào Thị	Sinh	02/11/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01096	D380101	3.00	3.00	7.00	13.00	13.00	
62	LPH.C03843	Lê Thị	Lan	29/07/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.78. 00780	D380101	6.25	4.50	7.50	18.25	18.50	
63	LPH.C03844	Bùi Thị Thúy	Hoa	30/01/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.79. 00572	D380101	5.75	3.50	7.50	16.75	17.00	
64	LPH.C03847	Nguyễn Thanh	Bình	06/12/96		Huyện Đông Anh		2	1A.81. 00115	D380101	1.25	1.00	3.50	5.75	6.00	
65	LPH.C03848	Nguyễn Tiến	Thành	10/01/96		Huyện Đông Anh		2	1A.84. 00332	D380107	1.25	1.50	3.50	6.25	6.50	
66	LPH.C03849	Nguyễn Thị Kiều	Anh	05/01/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00723	D380101	5.50	2.75	7.50	15.75	16.00	
67	LPH.C03850	Vương Quốc	Anh	22/01/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00724	D380101	4.50	2.50	4.50	11.50	11.50	
68	LPH.C03851	Nguyễn Đông	Đức	14/10/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00725	D380101	1.50	2.50	3.50	7.50	7.50	
69	LPH.C03852	Trần Văn	Ninh	01/03/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00726	D380101	1.00	1.25	3.50	5.75	6.00	
70	LPH.C03853	Trần Trung	Sơn	12/05/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00727	D380101	2.75	3.75	5.00	11.50	11.50	
71	LPH.C03854	Hoàng Thị Thúy	Hiền	29/03/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.86. 00808	D380101	7.00	5.25	6.50	18.75	19.00	
72	LPH.C03855	Phạm Anh	Tú	23/07/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.87. 00812	D380101	5.25	3.75	5.00	14.00	14.00	
73	LPH.C03857	Lê Ngọc	Hòe	10/03/96		Huyện Sóc Sơn		2	1A.89. 00318	D380101	3.25	3.50	4.00	10.75	11.00	
74	LPH.C03858	Nguyễn Văn	Hạnh	15/04/95		Huyện Sóc Sơn		2	1A.93. 00193	D380101	4.50	4.25	5.50	14.25	14.50	
75	LPH.C03861	Đỗ Thị Mai	Lan	22/01/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.01. 00489	D380107	1.25	1.25	4.00	6.50	6.50	
76	LPH.C03863	Nguyễn Văn	Anh	30/03/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01014	D380101	8.25	6.50	7.75	22.50	22.50	
77	LPH.C03864	Trần Thị Hương	Giang	23/06/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		3	1B.02. 01019	D380107	6.50	8.00	7.00	21.50	21.50	
78	LPH.C03865	Nguyễn Văn	Hiếu	02/05/96		Quận Hà Đông		3	1B.02. 01013	D380101	7.00	5.75	7.00	19.75	20.00	
79	LPH.C03867	Nguyễn Hoàng	Sơn	24/09/96		Quận Hà Đông		3	1B.02. 01016	D380101	7.25	7.50	5.75	20.50	20.50	
80	LPH.C03868	Nguyễn Kim	Thanh	21/09/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01017	D380101	7.75	7.75	7.00	22.50	22.50	
81	LPH.C03870	Trịnh Văn	Trung	27/06/96		Quận Hà Đông		3	1B.02. 01012	D380101	6.25	7.25	7.50	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
82	LPH.C03871	Đỗ Mạnh	Huy	13/10/96		Quận Hà Đông		3	1B.03. 01325	D380101	4.00	1.00	4.00	9.00	9.00	
83	LPH.C03872	Nguyễn Nam	Khánh	22/10/96		Quận Hà Đông		3	1B.03. 01326	D380101	1.75	0.75	4.50	7.00	7.00	
84	LPH.C03874	Từ Mỹ	Linh	01/11/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01324	D380101	5.25	2.75	6.50	14.50	14.50	
85	LPH.C03877	Trịnh Tuấn	Hung	10/06/96		Quận Hà Đông		3	1B.04. 00931	D380101	1.50	1.50	4.00	7.00	7.00	
86	LPH.C03878	Nguyễn Thị Minh	Phuong	04/10/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.04. 00930	D380101	4.50	3.75	6.50	14.75	15.00	
87	LPH.C03879	Trần Ngọc	Đại	17/02/96		Quận Hà Đông		3	1B.05. 00394	D380107	3.75	1.25	3.00	8.00	8.00	
88	LPH.C03880	Trương Khôi	Nguyên	28/08/96		Quận Thanh Xuân		3	1B.05. 00393	D380101	4.50	3.00	7.75	15.25	15.50	
89	LPH.C03882	Nguyễn Thục	Chinh	10/11/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 00873	D380101	7.75	3.00	6.50	17.25	17.50	
90	LPH.C03884	Trương Mỹ	Hoa	23/08/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 01348	D380107	7.50	4.00	6.00	17.50	17.50	
91	LPH.C03888	Phùng Thị	Hậu	30/12/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.09. 00145	D380101	4.00	1.50	5.00	10.50	10.50	
92	LPH.C03889	Lưu Văn	Khanh	04/09/96		Thị xã Sơn Tây		2	1B.10. 00191	D380107	5.25	1.75	0.50	7.50	7.50	
93	LPH.C03890	Nguyễn Hữu	Trung	04/11/96		Thị xã Sơn Tây		2	1B.10. 00190	D380101	3.50	2.75	4.50	10.75	11.00	
94	LPH.C03895	Đinh Thị	Hào	14/09/96	Nữ	Huyện Tân Lạc	01	1	1B.11. 00426	D380101	7.25	5.00	6.50	18.75	19.00	
95	LPH.C03896	Phạm Thị	Huệ	16/12/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	1B.11. 00422	D380101	7.50	6.00	8.00	21.50	21.50	
96	LPH.C03897	Nguyễn Thị Thu	Hương	26/11/96	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	1B.11. 00436	D380101	7.25	6.25	5.50	19.00	19.00	
97	LPH.C03898	Triệu Thị	Hương	14/11/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	1B.11. 00443	D380101	2.50	4.50	6.00	13.00	13.00	
98	LPH.C03901	Cao Phương	Linh	15/09/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	1B.11. 00429	D380101	3.75	5.50	6.00	15.25	15.50	
99	LPH.C03902	Hoàng Thị	Lịch	05/01/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	1B.11. 00421	D380101	5.25	6.50	8.00	19.75	20.00	
100	LPH.C03903	Quách Công	Luận	03/10/96		Huyện Cao Phong	01	1	1B.11. 00442	D380107	7.00	4.75	7.00	18.75	19.00	
101	LPH.C03904	Đinh Duy	Lực	13/09/96		Huyện Na Rì	01	1	1B.11. 00439	D380101	5.00	3.75	4.00	12.75	13.00	
102	LPH.C03905	Triệu Khánh	Ly	15/05/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	1B.11. 00435	D380101	1.25	2.00	5.00	8.25	8.50	
103	LPH.C03907	Trương Minh	Phuong	22/06/96		Huyện Tam Đảo	01	1	1B.11. 00424	D380107	7.25	6.50	7.25	21.00	21.00	
104	LPH.C03908	Nông Sơn	Thái	16/05/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	1B.11. 00445	D380101	3.25	2.25	6.25	11.75	12.00	
105	LPH.C03909	Bùi Thị	Thu	09/12/96	Nữ	Huyện Cao Phong	01	1	1B.11. 00428	D380101	7.75	5.00	6.25	19.00	19.00	
106	LPH.C03911	Vương Thị	Thúy	18/05/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	1B.11. 00425	D380101	8.25	6.75	7.50	22.50	22.50	
107	LPH.C03912	Nguyễn Thị Thu	Trang	20/11/95	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.11. 00420	D380101	8.50	6.75	7.00	22.25	22.50	
108	LPH.C03913	Lô Anh	Tuấn	18/05/96		Huyện Na Rì	01	1	1B.11. 00438	D380101	1.50	5.00	6.00	12.50	12.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
109	LPH.C03915	Hà Thị	Tuyền	10/06/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	1B.11. 00427	D380101	7.00	6.00	7.00	20.00	20.00	
110	LPH.C03916	Vàng A	Tú	22/12/96		Huyện Mộc Châu	01	1	1B.11. 00434	D380107	7.00	5.00	7.50	19.50	19.50	
111	LPH.C03918	Lê Thị Kiều	Anh	29/08/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00223	D380101	4.50	3.00	5.75	13.25	13.50	
112	LPH.C03920	Ngô Thảo	Anh	05/11/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00229	D380101	6.50	5.50	6.75	18.75	19.00	
113	LPH.C03921	Nguyễn Thị Linh	Chi	29/08/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00231	D380107	3.25	2.00	5.50	10.75	11.00	
114	LPH.C03922	Ngô Thị	Huệ	26/03/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00227	D380101	5.50	3.00	7.50	16.00	16.00	
115	LPH.C03924	Đặng Xuân	Mạnh	19/04/96		Quận Hà Đông		1	1B.12. 00225	D380101	3.75	1.75	4.00	9.50	9.50	
116	LPH.C03926	Nguyễn Thị	Nga	03/05/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00230	D380101	7.75	5.50	6.50	19.75	20.00	
117	LPH.C03927	Đặng Thị	Thương	09/02/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00224	D380101	1.50	2.25	5.50	9.25	9.50	
118	LPH.C03929	Nguyễn Thị	Mai	01/09/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00698	D380101	4.75	2.75	4.50	12.00	12.00	
119	LPH.C03930	Phùng Thị	Mỹ	13/05/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00699	D380101	6.50	5.50	6.50	18.50	18.50	
120	LPH.C03932	Trần Đình	Thắng	26/12/96		Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00701	D380101	7.00	5.25	5.75	18.00	18.00	
121	LPH.C03934	Vũ Văn	Đức	03/01/96		Huyện Ba Vì		2	1B.14. 00217	D380107	1.00	1.25	1.00	3.25	3.50	
122	LPH.C03935	Trần Tiểu	Linh	26/12/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.14. 00216	D380101	4.50	2.00	5.50	12.00	12.00	
123	LPH.C03936	Lê Thành	Đạt	25/08/96		Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01056	D380101	6.75	5.00	2.50	14.25	14.50	
124	LPH.C03937	Nguyễn Minh	Nguyệt	03/10/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01057	D380101	6.75	6.00	6.00	18.75	19.00	
125	LPH.C03938	Lê Thị Bích	Thảo	08/08/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01050	D380101	7.50	6.50	4.25	18.25	18.50	
126	LPH.C03939	Nguyễn Thị Phương	Uyên	02/02/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01178	D380101	8.75	5.25	6.50	20.50	20.50	
127	LPH.C03940	Phùng Thị Ngọc	Yến	24/05/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01058	D380101	7.75	5.75	7.50	21.00	21.00	
128	LPH.C03941	Nguyễn Xuân	Hiệp	12/04/96		Huyện Ba Vì	01	1	1B.17. 00281		5.00	2.50	6.50	14.00	14.00	
129	LPH.C03942	Chu Quang	Ngọc	05/11/96		Huyện Ba Vì		2	1B.17. 00282	D380101	3.00	0.50	0.25	3.75	4.00	
130	LPH.C03943	Phan Hải	Trang	18/10/96	Nữ	Huyện Ba Vì	01	1	1B.17. 00283	D380101	5.75	2.75	8.00	16.50	16.50	
131	LPH.C03944	Nguyễn Thị	Hoa	19/12/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00641	D380107	7.25	2.00	7.00	16.25	16.50	
132	LPH.C03945	Cao Văn	Huỳnh	10/06/96		Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00637	D380101	1.75	3.00	4.00	8.75	9.00	
133	LPH.C03946	Khuất Thanh	Liêm	24/02/96		Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00638	D380101	1.00	2.25	1.50	4.75	5.00	
134	LPH.C03947	Phan Đăng	Mạnh	20/12/96		Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00639	D380101	6.00	4.00	7.50	17.50	17.50	
135	LPH.C03948	Nguyễn Kiều	Oanh	20/04/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00640	D380101	4.75	1.00	3.50	9.25	9.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
136	LPH.C03949	Khuất Anh	Quân	19/12/96		Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00635	D380101	0.00	0.50	2.50	3.00	3.00	
137	LPH.C03950	Nguyễn Hồng	Sơn	05/06/96		Th. phố Thủ Dầu Một		2	1B.18. 00642	D380107	5.00	2.25	4.50	11.75	12.00	
138	LPH.C03954	Hà Thị Kim	ánh	05/11/96	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	1B.21. 00454	D380101	5.25	2.50	6.00	13.75	14.00	
139	LPH.C03956	Bàn Thị	Chung	25/05/96	Nữ	Huyện Hoàn Bồ	01	1	1B.21. 00459	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
140	LPH.C03957	Quách Việt	Cường	09/11/96		Huyện Yên Thủy		1	1B.21. 00450	D380101	3.50	2.25	6.50	12.25	12.50	
141	LPH.C03958	Giàng Thị	Dua	02/09/96	Nữ	Huyện Sĩ Ma Cai	01	1	1B.21. 00467	D380107	5.00	3.50	7.50	16.00	16.00	
142	LPH.C03959	Lý Thị	Đoàn	24/09/95	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	1B.21. 00449	D380101	7.25	4.50	6.50	18.25	18.50	
143	LPH.C03960	Lường Văn	Đức	07/09/96		Huyện Ba Bể	01	1	1B.21. 00468	D380107	8.25	4.50	7.00	19.75	20.00	
144	LPH.C03961	Xa Thị Thanh	Hà	28/07/96	Nữ	Huyện Đà Bắc	01	1	1B.21. 00455	D380101	1.00	2.00	3.50	6.50	6.50	
145	LPH.C03963	Hồ Thanh	Hoài	27/08/96	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì		1	1B.21. 00465	D380107	8.50	7.75	8.00	24.25	24.50	
146	LPH.C03966	Đinh Thị	Lúa	09/08/96	Nữ	Huyện Đông Văn	01	1	1B.21. 00453	D380101	7.00	4.75	7.00	18.75	19.00	
147	LPH.C03967	Đặng Thị	Ngọc	05/05/96	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	1B.21. 00448	D380101	3.25	2.00	7.00	12.25	12.50	
148	LPH.C03968	Tần Mỹ	Phấy	07/04/96	Nữ	Huyện Sin Hồ	01	1	1B.21. 00456	D380101	6.50	2.50	5.50	14.50	14.50	
149	LPH.C03969	Dương Thị Thu	Phương	19/10/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	1B.21. 00457	D380101	6.25	3.00	6.00	15.25	15.50	
150	LPH.C03970	Hà Thanh	Thanh	28/12/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	1B.21. 00458	D380101	7.50	3.50	6.00	17.00	17.00	
151	LPH.C03973	Nguyễn Thu	Trà	05/02/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	1B.21. 00462	D380107	6.25	4.75	7.50	18.50	18.50	
152	LPH.C03974	Triệu Thị	Xuân	17/02/95	Nữ	Huyện Đông Hỷ	01	1	1B.21. 00461	D380107	5.00	5.75	7.00	17.75	18.00	
153	LPH.C03976	Nguyễn Thị Thùy	Dung	30/07/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		1	1B.22. 00783	D380101	6.00	3.25	6.00	15.25	15.50	
154	LPH.C03977	Đỗ Hữu	Điền	10/08/96		Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00786	D380101	4.50	2.25	4.00	10.75	11.00	
155	LPH.C03980	Vương Quỳnh	Phương	19/07/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00787		5.00	2.75	5.50	13.25	13.50	
156	LPH.C03982	Cần Thị	Trang	22/11/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00780	D380101	1.00	0.50	3.00	4.50	4.50	
157	LPH.C03983	Nguyễn Thị	Huyền	20/02/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.23. 01112	D380101	3.75	3.25	7.00	14.00	14.00	
158	LPH.C03986	Đặng Quang	Sơn	15/12/96		Huyện Thạch Thất		2	1B.23. 01115	D380107	2.50	1.00	2.75	6.25	6.50	
159	LPH.C03987	Nguyễn Ngọc	ánh	22/12/96	Nữ	Huyện Thạch Thất	01	1	1B.26. 00151	D380101	2.00	5.25	7.50	14.75	15.00	
160	LPH.C03988	Nguyễn Anh	Tuấn	29/08/96		Huyện Thạch Thất		1	1B.26. 00150	D380101	0.75	0.50	1.00	2.25	2.50	
161	LPH.C03989	Đặng Tuấn	Anh	21/03/95		Huyện Thạch Thất		2	1B.27. 00041	D380101	5.25	2.00	4.50	11.75	12.00	
162	LPH.C03991	Kiều Mạnh	Thắng	06/01/95		Huyện Thạch Thất		2	1B.27. 00181	D380101	0.50	1.50	1.00	3.00	3.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
163	LPH.C03992	Nguyễn Thị Trinh	13/07/94	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.27. 00019	D380101	7.00	5.25	5.00	17.25	17.50	
164	LPH.C03993	Nguyễn Lan Anh	26/09/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01060	D380101	6.00	0.50	5.00	11.50	11.50	
165	LPH.C03994	Đoàn Thị Hợi	18/02/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01059	D380101	2.75	1.25	3.00	7.00	7.00	
166	LPH.C03995	Nguyễn Thị Mỹ Linh	24/09/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01058	D380101	5.75	5.00	7.00	17.75	18.00	
167	LPH.C03996	Nguyễn Thạch Thảo	13/11/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.28. 01062	D380101	7.50	3.75	7.00	18.25	18.50	
168	LPH.C04000	Nguyễn Thị Yến	26/12/96	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.29. 00644	D380101	4.25	2.75	3.00	10.00	10.00	
169	LPH.C04001	Nguyễn Khánh Vinh	25/03/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.30. 00216	D380107	1.00	2.75	4.50	8.25	8.50	
170	LPH.C04002	Phạm Thị Linh	22/01/95	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.31. 00429	D380101	7.50	5.50	7.00	20.00	20.00	
171	LPH.C04003	Nguyễn Phi Sơn	04/02/95		Huyện Quốc Oai		3	1B.31. 00430	D380101	8.50	4.00	6.50	19.00	19.00	
172	LPH.C04004	Dương Văn Thản	23/12/95		Huyện Quốc Oai		2	1B.31. 00428	D380101	2.75	3.00	6.00	11.75	12.00	
173	LPH.C04009	Lê Ngọc Ly	04/08/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.33. 00307	D380101	3.00	0.75	4.00	7.75	8.00	
174	LPH.C04010	Lê Văn Nam	02/03/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.33. 00308	D380107	2.75	1.25	3.50	7.50	7.50	
175	LPH.C04013	Phùng Thị Huế	22/12/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.34. 00443		6.00	2.00	6.25	14.25	14.50	
176	LPH.C04014	Nguyễn Văn Sơn	12/05/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.34. 00442	D380101	4.75	1.00	1.50	7.25	7.50	
177	LPH.C04015	Vũ Thị Thắm	26/10/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.34. 00439	D380101	5.75	3.50	7.00	16.25	16.50	
178	LPH.C04016	Nguyễn Kiều Loan	15/05/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình	02	2	1B.35. 00587	D380101	8.00	7.00	7.50	22.50	22.50	
179	LPH.C04017	Nguyễn Thị Ngọc	08/12/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.35. 00586	D380101	4.25	1.00	6.00	11.25	11.50	
180	LPH.C04019	Phạm Văn Phương	22/09/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.36. 00092	D380101	4.25	2.00	2.00	8.25	8.50	
181	LPH.C04021	Lê Thị Đào	09/05/93	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.37. 00187	D380101	5.00	5.50	5.50	16.00	16.00	
182	LPH.C04022	Đặng Xuân Đạt	08/12/95		Huyện Chương Mỹ		2	1B.37. 00196	D380101	2.50	1.50	2.00	6.00	6.00	
183	LPH.C04023	Nông Văn Hợp	22/03/96		Huyện Hạ Lang	01	1	1B.37. 00193	D380101	5.75	3.75	5.00	14.50	14.50	
184	LPH.C04025	Nguyễn Văn Mạnh	18/08/95		Huyện Chương Mỹ		2	1B.37. 00182	D380101	6.25	6.00	6.00	18.25	18.50	
185	LPH.C04026	Nguyễn Ngọc Ninh	02/02/93		Huyện Chương Mỹ		2	1B.37. 00186	D380101	7.00	3.50	6.00	16.50	16.50	
186	LPH.C04030	Nguyễn Thị Hoài Thu	18/08/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.38. 00774	D380101	8.00	7.25	7.00	22.25	22.50	
187	LPH.C04032	Nguyễn Thị Thu Hằng	04/11/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.39. 00609	D380107	5.00	2.50	5.00	12.50	12.50	
188	LPH.C04033	Nguyễn Thị Huyền	17/04/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.39. 00607	D380101	2.00	1.75	4.50	8.25	8.50	
189	LPH.C04035	Nguyễn Thị Thu Trang	05/11/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.39. 00605	D380101	1.25	1.00	3.50	5.75	6.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
190	LPH.C04036	Đỗ Thị Xuân	Hương	20/09/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.42. 00994	D380101	5.50	3.00	7.00	15.50	15.50	
191	LPH.C04040	Lương Thị Thu	Hoài	21/12/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.44. 00065	D380101	7.00	4.50	5.50	17.00	17.00	
192	LPH.C04042	Phùng Kim	Quân	08/12/96		Huyện Hoài Đức		2	1B.44. 00415	D380107	6.50	5.50	5.50	17.50	17.50	
193	LPH.C04043	Trịnh Tuấn	Đạt	14/02/95		Huyện Hoài Đức		2	1B.46. 00487	D380101	0.25	1.00	1.00	2.25	2.50	
194	LPH.C04044	Kiến Thị	Hường	18/08/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.46. 00488	D380101	1.25	1.50	3.00	5.75	6.00	
195	LPH.C04046	Phạm Quang	Trọng	25/10/96		Huyện Hoài Đức		2	1B.46. 00489	D380101	2.00	1.00	2.25	5.25	5.50	
196	LPH.C04047	Nguyễn Kiến	Trường	18/06/92		Huyện Hoài Đức		2	1B.46. 00490	D380101	3.50	2.25	3.00	8.75	9.00	
197	LPH.C04048	Nguyễn Chính	Nhất	04/10/96		Huyện Thanh Oai		2	1B.47. 00616	D380107	2.50	2.25	5.50	10.25	10.50	
198	LPH.C04049	Đào Huy	Quân	14/03/95		Huyện Thanh Oai		2	1B.47. 00614	D380101	6.25	3.75	5.50	15.50	15.50	
199	LPH.C04050	Nguyễn Thị	Thu	04/07/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.47. 00615	D380101	8.25	6.25	7.50	22.00	22.00	
200	LPH.C04052	Nguyễn Chính	Tuấn	14/04/96		Huyện Thanh Oai		2	1B.48. 00737	D380101	1.00	1.25	3.00	5.25	5.50	
201	LPH.C04053	Nguyễn Tiến	Ngọc	28/10/96		Huyện Thanh Oai		2	1B.49. 00782	D380101	6.75	4.50	5.00	16.25	16.50	
202	LPH.C04054	Quách Thị	Oanh	17/06/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.49. 00783	D380101	6.75	5.25	6.00	18.00	18.00	
203	LPH.C04056	Nguyễn Thị	Pha	29/05/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.51. 00820	D380107	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	
204	LPH.C04058	Nguyễn Thị	Thắm	17/11/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.51. 00819	D380107	9.50	8.00	7.50	25.00	25.00	
205	LPH.C04059	Trần Thị Thanh	Thư	10/10/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức	01	1	1B.51. 00817	D380101	6.75	5.50	7.25	19.50	19.50	
206	LPH.C04061	Trương Thị	Xuân	10/07/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 00663	D380101	8.50	6.25	7.25	22.00	22.00	
207	LPH.C04062	Nguyễn Chí	Tùng	22/01/96		Huyện Mỹ Đức		2	1B.54. 00338	D380101	7.50	7.50	7.00	22.00	22.00	
208	LPH.C04067	Nguyễn Thị	Lan	30/10/96	Nữ	Huyện ứng Hoà	06	2	1B.56. 00695	D380101	2.25	4.00	6.00	12.25	12.50	
209	LPH.C04069	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	25/11/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.56. 00693	D380101	6.50	7.25	5.50	19.25	19.50	
210	LPH.C04070	Nguyễn Thị	Hoa	24/11/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.58. 00667	D380101	7.00	6.25	6.75	20.00	20.00	
211	LPH.C04071	Đỗ Thị Liên	Thảo	05/09/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.58. 00669	D380101	4.75	3.50	6.50	14.75	15.00	
212	LPH.C04074	Nguyễn Thu	Hà	29/04/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.60. 00260	D380101	6.25	3.25	5.75	15.25	15.50	
213	LPH.C04076	Nguyễn Thị	Viên	22/08/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.60. 00262	D380101	5.50	4.25	3.50	13.25	13.50	
214	LPH.C04077	Dương Hoàng	Anh	04/08/94		Huyện ứng Hoà		2	1B.61. 00219	D380101	4.00	4.50	5.25	13.75	14.00	
215	LPH.C04078	Lê Thị	Dự	22/01/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01028	D380101	7.00	6.50	6.50	20.00	20.00	
216	LPH.C04079	Từ Khánh	Ly	02/09/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01026	D380101	3.25	2.00	5.00	10.25	10.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
217	LPH.C04082	Nguyễn Văn	Chiến	28/05/96		Huyện Thường Tín		2	1B.63. 00443	D380101	1.25	2.00	2.50	5.75	6.00	
218	LPH.C04083	Vũ Thị thanh	Hoà	23/10/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.63. 00444	D380101	7.75	5.25	5.75	18.75	19.00	
219	LPH.C04086	Trần Viết	Vương	22/12/95		Huyện Thường Tín		2	1B.63. 00447	D380101	1.25	1.00	3.00	5.25	5.50	
220	LPH.C04087	Tô Thị Thanh	Vân	16/10/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.64. 00549		0.00	1.00	3.00	4.00	4.00	
221	LPH.C04088	Lê Đức	Duy	17/03/96		Huyện Thường Tín		2	1B.66. 00189	D380107	0.50	0.50	0.50	1.50	1.50	
222	LPH.C04089	Đỗ Huy	Hưng	03/10/96		Huyện Thường Tín		2	1B.66. 00190	D380101	0.50	2.25	4.75	7.50	7.50	
223	LPH.C04090	Trương Văn	Long	05/07/95		Huyện Thường Tín		2	1B.67. 00143	D380101	7.00	4.25	5.00	16.25	16.50	
224	LPH.C04092	Nguyễn Thị	Hướng	21/01/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.68. 00879	D380101	2.75	5.00	7.00	14.75	15.00	
225	LPH.C04093	Đặng Thị Diễm	Lệ	24/03/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.68. 00880	D380101	1.00	1.25	2.50	4.75	5.00	
226	LPH.C04094	Nguyễn Ngọc	Anh	04/03/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.69. 00596	D380101	5.25	3.00	8.50	16.75	17.00	
227	LPH.C04095	Phạm Thị Kim	Oanh	06/10/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.69. 00598	D380101	6.75	5.50	7.25	19.50	19.50	
228	LPH.C04097	Lê Văn	úy	17/09/96		Huyện Phú Xuyên		2	1B.69. 00595	D380101	0.75	1.50	4.25	6.50	6.50	
229	LPH.C04099	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/12/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.71. 00624	D380107	4.75	2.25	6.00	13.00	13.00	
230	LPH.C04100	Đào Văn	Tấn	15/02/96		Huyện Phú Xuyên		2	1B.71. 00622	D380101	5.50	1.75	5.00	12.25	12.50	
231	LPH.C04102	Hoàng Thị Mai	Loan	19/06/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.75. 00155	D380107	0.50	1.50	4.50	6.50	6.50	
232	LPH.C04103	Trần Thùy	Dương	25/01/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.76. 00604	D380107	5.25	5.00	7.00	17.25	17.50	
233	LPH.C04104	Đặng Thị	Hà	07/03/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.76. 00603	D380107	5.00	4.00	7.00	16.00	16.00	
234	LPH.C04105	Nguyễn Thị	Nhung	14/04/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.76. 00602	D380101	7.75	6.50	7.50	21.75	22.00	
235	LPH.C04107	Nguyễn Đức	Hiệp	01/09/96		Huyện Đông Anh		2	1B.77. 00127	D380101	1.75	2.75	3.50	8.00	8.00	
236	LPH.C04108	Kiều Thị Kim	Oanh	26/10/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.78. 00677	D380107	4.75	3.00	6.00	13.75	14.00	
237	LPH.C04110	Phạm Thị Phương	Thảo	11/06/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.01. 00361	D380101	4.25	3.00	7.50	14.75	15.00	
238	LPH.C04111	Đỗ Thị Thu	Trang	16/09/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.02. 00444	D380107	6.50	5.75	7.50	19.75	20.00	
239	LPH.C04112	Phạm Bích	Vân	07/10/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.08. 00644	D380107	4.00	.	.	4.00	4.00	
240	LPH.C04113	Nguyễn Thị Xuân	Hương	10/08/95	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.12. 00099	D380101	7.25	3.75	7.25	18.25	18.50	
241	LPH.C04117	Đặng Thị Thu	Trang	11/10/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		3	03.13. 00680	D380101	6.25	8.00	8.00	22.25	22.50	
242	LPH.C04118	Nguyễn Anh	Hùng	01/12/96		Quận Ngô Quyền		3	03.14. 00958	D380101	7.25	7.50	8.00	22.75	23.00	
243	LPH.C04119	Bùi Bích	Ngọc	16/02/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.14. 00957	D380101	4.75	7.75	8.00	20.50	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
244	LPH.C04120	Nguyễn Trường	05/02/96		Quận Ngõ Quyền		3	03.15. 00354	D380101	5.25	3.75	5.25	14.25	14.50	
245	LPH.C04121	Nguyễn Thị Lệ Thu	17/05/94	Nữ	Quận Ngõ Quyền		3	03.22. 00072	D380107	5.75	3.75	5.50	15.00	15.00	
246	LPH.C04122	Nguyễn Tiến Đạt	29/10/94		Quận Kiến An	06	3	03.27. 00074	D380101	8.00	5.25	5.50	18.75	19.00	
247	LPH.C04123	Trần Huy Thành	31/10/94		Quận Kiến An		3	03.27. 00076	D380107	6.00	5.00	4.50	15.50	15.50	
248	LPH.C04124	Phạm Thị Thu Thảo	05/12/94	Nữ	Quận Kiến An		3	03.27. 00075	D380101	6.00	3.25	7.00	16.25	16.50	
249	LPH.C04125	Lê Thị Hải Yến	16/07/96	Nữ	Quận Hải An		3	03.28. 00779	D380101	5.25	5.25	7.00	17.50	17.50	
250	LPH.C04126	Đoàn Thu Phương	01/08/96	Nữ	Huyện An Lão		2	03.36. 00316	D380107	5.50	5.50	8.00	19.00	19.00	
251	LPH.C04127	Đào Thị Thảo	08/05/96	Nữ	Huyện An Lão		2	03.36. 00315	D380107	5.25	4.25	6.00	15.50	15.50	
252	LPH.C04128	Đàm Xuân Dũng	04/08/96		Huyện An Lão		2	03.37. 00166	D380101	1.25	3.25	6.00	10.50	10.50	
253	LPH.C04129	Trần Thị Duyên	15/12/95	Nữ	Huyện An Lão		2	03.41. 00050	D380101	6.75	6.25	6.50	19.50	19.50	
254	LPH.C04130	Hoàng Thị Hường	29/08/95	Nữ	Huyện An Lão		2	03.41. 00049	D380101	6.25	5.50	6.75	18.50	18.50	
255	LPH.C04132	Hoàng Thị Vân Anh	25/08/96	Nữ	Quận Dương Kinh		2	03.42. 00322	D380101	6.00	5.00	5.00	16.00	16.00	
256	LPH.C04133	Đỗ Thị Hà	12/02/95	Nữ	Huyện Kiến Thụy		2	03.42. 00321	D380101	1.50	1.50	5.25	8.25	8.50	
257	LPH.C04134	Đào Xuân Linh	04/09/96		Huyện Kiến Thụy		2	03.42. 00323	D380101	3.75	1.00	3.00	7.75	8.00	
258	LPH.C04135	Vũ Nguyễn Thanh Lương	30/11/96	Nữ	Quận Dương Kinh		3	03.44. 00329	D380101	8.00	7.75	8.00	23.75	24.00	
259	LPH.C04137	Đinh Thị Loan	24/06/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.48. 00270	D380107	2.00	2.25	6.50	10.75	11.00	
260	LPH.C04138	Nguyễn Tiến Đức	06/11/96		Huyện Thủy Nguyên		1	03.49. 00262	D380101	1.25	2.00	5.00	8.25	8.50	
261	LPH.C04139	Phạm Thị Hòa	23/10/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.50. 00281	D380101	7.75	4.75	8.00	20.50	20.50	
262	LPH.C04140	Hoàng Thị Lan	17/11/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên	06	2	03.50. 00279	D380101	5.25	3.25	7.00	15.50	15.50	
263	LPH.C04143	Đỗ Thị Thúy	13/07/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.50. 00280	D380101	8.00	5.00	7.25	20.25	20.50	
264	LPH.C04144	Nguyễn Thị Bích Lan	17/03/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.51. 00184	D380107	5.00	2.50	6.50	14.00	14.00	
265	LPH.C04146	Vũ Thị Quỳnh Liên	10/12/95	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		1	03.52. 00136	D380101	0.75	2.00	5.50	8.25	8.50	
266	LPH.C04152	Vũ Ngọc Hưng	30/10/96		Huyện Thủy Nguyên		2	03.54. 00027	D380101	4.00	1.75	6.50	12.25	12.50	
267	LPH.C04153	Lê Thị Lan Anh	14/01/95	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.57. 00124	D380101	4.00	1.75	5.50	11.25	11.50	
268	LPH.C04154	Trần Bình Dương	26/06/95		Huyện Thủy Nguyên		2	03.57. 00129	D380101	5.75	6.50	6.50	18.75	19.00	
269	LPH.C04155	Đỗ Thị Hương	03/05/95	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		1	03.57. 00127	D380101	6.25	4.75	7.50	18.50	18.50	
270	LPH.C04156	Trần Thị Lan	02/08/95	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.57. 00128	D380101	2.50	2.75	5.00	10.25	10.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
271	LPH.C04158	Đỗ Văn Thiện	18/02/94		Huyện Thủy Nguyên		1	03.57. 00125	D380101	7.25	5.00	6.00	18.25	18.50	
272	LPH.C04159	Đinh Hữu Thuận	16/08/95		Huyện Thủy Nguyên		2	03.57. 00130	D380101	4.50	2.75	6.50	13.75	14.00	
273	LPH.C04160	Vũ Văn Tỉnh	08/05/93		Huyện Thủy Nguyên		1	03.57. 00131	D380107	3.50	4.25	4.00	11.75	12.00	
274	LPH.C04163	Lê Thị Ngọc Lan	01/10/96	Nữ	Huyện An Dương		2	03.58. 00284	D380101	8.25	7.75	8.00	24.00	24.00	
275	LPH.C04165	Phạm Thị Minh Thu	16/11/96	Nữ	Quận Lê Chân		2	03.59. 00394	D380107	3.25	1.00	6.50	10.75	11.00	
276	LPH.C04166	Phạm Đức Thuận	05/09/96		Huyện An Dương		2	03.61. 00056	D380101	3.25	0.00	0.00	3.25	3.50	
277	LPH.C04167	Lương Thị Huệ	18/01/95	Nữ	Huyện An Dương		2	03.63. 00075	D380107	6.25	2.25	6.50	15.00	15.00	
278	LPH.C04168	Nguyễn Thuỳ Dung	27/03/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00305	D380101	6.00	.	.	6.00	6.00	VPQC
279	LPH.C04169	Trần Thị Hải	14/04/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00306	D380101	6.25	5.50	6.50	18.25	18.50	
280	LPH.C04170	Phạm Thị Nhung	11/02/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00307	D380101	7.75	5.25	8.00	21.00	21.00	
281	LPH.C04171	Nguyễn Văn Thanh	10/11/96		Huyện Tiên Lãng		2	03.65. 00141	D380101	5.25	2.50	5.50	13.25	13.50	
282	LPH.C04173	Vũ Thị Thúy Nga	16/08/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.66. 00107	D380101	4.25	4.00	6.00	14.25	14.50	
283	LPH.C04174	Nguyễn Thị Tâm	31/12/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.66. 00108	D380101	7.00	3.75	3.75	14.50	14.50	
284	LPH.C04176	Nguyễn Thị Hải Anh	06/07/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00089	D380101	2.25	0.75	5.50	8.50	8.50	
285	LPH.C04178	Nguyễn Thị Liên	10/02/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00091	D380101	5.00	5.75	7.25	18.00	18.00	
286	LPH.C04179	Vũ Hải Phong	09/11/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00090	D380101	8.50	6.75	7.00	22.25	22.50	
287	LPH.C04180	Bùi Thị Hà Trang	07/05/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00093	D380101	1.00	1.75	5.00	7.75	8.00	
288	LPH.C04181	Nguyễn Thanh Tùng	03/06/94		Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00092	D380101	5.75	6.25	7.00	19.00	19.00	
289	LPH.C04182	Đỗ Đức Anh	01/08/96		Huyện Vĩnh Bảo		2	03.70. 00316	D380101	8.25	6.00	5.50	19.75	20.00	
290	LPH.C04183	Nguyễn Hoàng Thành	03/02/96		Huyện Vĩnh Bảo	04	2	03.70. 00318	D380107	5.25	3.00	6.00	14.25	14.50	
291	LPH.C04185	Trần Công Hùng	10/06/96		Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00403	D380101	3.00	1.25	3.50	7.75	8.00	
292	LPH.C04186	Trần Thị Thái Vân	15/03/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00404	D380101	5.75	3.75	7.00	16.50	16.50	
293	LPH.C04187	Lê Thị Hoàng Yến	23/09/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.73. 00131	D380101	7.00	5.00	5.50	17.50	17.50	
294	LPH.C04188	Nguyễn Thị Huệ	25/11/94	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.76. 00105	D380101	6.75	6.00	6.00	18.75	19.00	
295	LPH.C04189	Hoàng Minh Đức	27/06/96		Huyện Cát Hải		1	03.77. 00044	D380101	4.50	2.00	4.25	10.75	11.00	
296	LPH.C04191	Đặng Thị Thu Hằng	29/10/95	Nữ	Huyện Cát Hải		1	03.80. 00008	D380101	4.25	3.00	5.50	12.75	13.00	
297	LPH.C04192	Đinh Thị Thu Hường	21/12/95	Nữ	Quận Dương Kinh		3	03.88. 00025	D380101	6.50	6.00	7.00	19.50	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
298	LPH.C04194	Trần Thị Trị Thái	Bình	02/09/96	Nữ	Huyện Đức Thọ		3	03.A2. 00004	D380107	4.00	5.25	.	9.25	9.50	VPQC
299	LPH.C04200	Vàng Mí	Say	06/10/93		Huyện Đông Văn	01	1	05.02. 00922	D380101	0.25	0.50	2.50	3.25	3.50	
300	LPH.C04202	Thào Mí	Dà	10/05/88		Huyện Quán Bạ	01	1	05.05. 00895	D380101	1.50	1.50	4.00	7.00	7.00	
301	LPH.C04203	Cháng Mí	Lử	15/09/93		Huyện Quán Bạ	01	1	05.05. 00892	D380101	0.50	1.00	2.25	3.75	4.00	
302	LPH.C04205	Thào Mí	Sùng	15/01/91		Huyện Quán Bạ	01	1	05.05. 00893	D380101	2.25	1.00	4.75	8.00	8.00	
303	LPH.C04207	Lý Tạ	Tóng	08/04/89		Huyện Quán Bạ	01	1	05.05. 00894	D380101	1.50	1.50	2.00	5.00	5.00	
304	LPH.C04208	Trần Văn	Nam	14/09/95		Huyện Vị Xuyên		1	05.06. 00786	D380101	0.25	0.75	2.00	3.00	3.00	
305	LPH.C04214	Hoàng Thị	Mai	19/12/95	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.10. 00861	D380107	6.75	4.75	6.50	18.00	18.00	
306	LPH.C04215	Lý Thị	Nái	24/02/95	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.10. 00862	D380101	2.00	1.25	3.50	6.75	7.00	
307	LPH.C04216	Triệu Thị Xuân	Quỳnh	06/01/94	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.10. 00858	D380101	0.25	1.75	4.50	6.50	6.50	
308	LPH.C04217	Đinh Trọng	Suất	26/05/91		Huyện Bắc Quang	01	1	05.10. 00860	D380101	1.75	2.75	6.00	10.50	10.50	
309	LPH.C04219	Hoàng Xuân	Lý	27/09/95		Huyện Quang Bình	01	1	05.11. 00811	D380101	5.25	1.50	5.50	12.25	12.50	
310	LPH.C04220	Hoàng Văn	Vũ	20/10/94		Huyện Quang Bình	01	1	05.11. 00812	D380101	1.50	2.00	3.00	6.50	6.50	
311	LPH.C04221	Đỗ Thị Phương	Anh	02/11/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00731	D380101	7.50	2.50	7.00	17.00	17.00	
312	LPH.C04222	Cần Thị Phương	Dung	08/09/96	Nữ	Thành phố Hà Giang	01	1	05.12. 00733	D380101	6.50	4.00	7.75	18.25	18.50	
313	LPH.C04223	Hoàng Hải	Hằng	05/11/96	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	05.12. 00736	D380101	6.25	6.00	7.50	19.75	20.00	
314	LPH.C04224	Hoàng Lưu	Ly	18/05/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00734	D380101	4.00	7.00	7.50	18.50	18.50	
315	LPH.C04225	Nguyễn Thị Bích	Phương	13/01/96	Nữ	Thành phố Hà Giang	01	1	05.12. 00735	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
316	LPH.C04226	Sùng Thị Minh	Thảo	06/08/96	Nữ	Huyện Mèo Vạc	01	1	05.12. 00732	D380101	4.25	2.00	6.00	12.25	12.50	
317	LPH.C04227	Nguyễn Kiều	Diễm	13/10/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	05.13. 00823	D380101	3.75	1.50	4.50	9.75	10.00	
318	LPH.C04228	Nguyễn Khánh	Duy	04/07/96		Thành phố Hà Giang	01	1	05.13. 00828	D380101	2.00	1.00	3.00	6.00	6.00	
319	LPH.C04229	Hoàng Thùy	Dương	13/08/96	Nữ	Thành phố Hà Giang	01	1	05.13. 00822	D380101	1.75	4.75	8.00	14.50	14.50	
320	LPH.C04230	Ngô Duy	Hiệp	30/10/96		Thành phố Hà Giang		1	05.13. 00829	D380101	1.25	1.50	1.50	4.25	4.50	
321	LPH.C04231	Lê Thị Hồng	Nhung	23/09/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.13. 00824	D380101	1.75	0.50	4.00	6.25	6.50	
322	LPH.C04232	Nguyễn Thị	Thu	15/11/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.13. 00831	D380101	1.25	1.50	6.00	8.75	9.00	
323	LPH.C04233	Nguyễn Minh	Thúy	27/10/96	Nữ	Huyện Đông Văn		1	05.13. 00827	D380101	6.25	4.25	5.75	16.25	16.50	
324	LPH.C04234	Vũ Thị Thu	Thủy	19/08/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	05.13. 00825	D380101	2.00	2.25	6.50	10.75	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
325	LPH.C04236	Dương Thị Vân	01/10/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.13. 00826	D380101	1.75	1.50	5.00	8.25	8.50	
326	LPH.C04237	Sùng Thị Hải Yến	10/11/96	Nữ	Thành phố Hà Giang	01	1	05.13. 00821	D380101	0.25	1.00	5.50	6.75	7.00	
327	LPH.C04238	Nguyễn Phương Anh	07/09/95	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.14. 00910	D380101	3.50	1.25	5.75	10.50	10.50	
328	LPH.C04240	Đỗ Thị Thu Phương	09/02/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	05.14. 00911	D380107	6.50	3.50	5.00	15.00	15.00	
329	LPH.C04241	Nông Bình Tùng	06/08/96		Thành phố Hà Giang	01	1	05.14. 00908	D380101	3.25	1.25	2.00	6.50	6.50	
330	LPH.C04242	Chấn Thị Chinh	05/02/96	Nữ	Huyện Xín Mần	01	1	05.15. 00844	D380101	4.25	3.00	5.00	12.25	12.50	
331	LPH.C04243	Chương Thị Hương	15/12/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	05.15. 00846	D380107	6.00	4.75	7.75	18.50	18.50	
332	LPH.C04244	Dào Thu Hương	05/04/96	Nữ	Huyện Đồng Văn	01	1	05.15. 00843	D380107	5.25	3.00	6.00	14.25	14.50	
333	LPH.C04245	Đỗ Thị Liên	15/05/96	Nữ	Huyện Mèo Vạc	01	1	05.15. 00839	D380107	1.75	3.00	4.50	9.25	9.50	
334	LPH.C04246	Sùng Seo Lữ	01/08/96		Huyện Xín Mần	01	1	05.15. 00841	D380101	0.75	3.50	5.50	9.75	10.00	
335	LPH.C04247	Sin Thị Nguyên	14/09/96	Nữ	Huyện Xín Mần	01	1	05.15. 00840	D380107	7.00	5.50	7.00	19.50	19.50	
336	LPH.C04248	Sùng Mí Pó	25/03/95		Huyện Đồng Văn	01	1	05.15. 00842	D380107	3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	
337	LPH.C04249	Viên Thành Quang	18/02/96		Huyện Quản Bạ	01	1	05.15. 00837	D380107	4.50	2.25	6.25	13.00	13.00	
338	LPH.C04251	Liu Văn Thắng	12/09/96		Huyện Xín Mần	01	1	05.15. 00836	D380101	5.25	4.50	6.00	15.75	16.00	
339	LPH.C04252	Vương Văn Thương	07/07/96	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì	01	1	05.15. 00838	D380101	3.75	1.50	2.00	7.25	7.50	
340	LPH.C04253	Nông Tư Vị	08/08/95		Huyện Yên Minh	01	1	05.15. 00845	D380101	3.00	3.75	5.50	12.25	12.50	
341	LPH.C04254	Lương Văn ánh	10/04/96		Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 00937	D380101	3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	
342	LPH.C04255	Vũ Thị Chang	05/09/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.16. 00931	D380101	3.00	1.00	2.50	6.50	6.50	
343	LPH.C04256	Nguyễn Thùy Dung	04/12/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.16. 00942	D380101	5.50	2.50	6.00	14.00	14.00	
344	LPH.C04257	Nguyễn Hồng Hạnh	29/09/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 00927	D380101	1.00	3.00	7.00	11.00	11.00	
345	LPH.C04258	Nguyễn Thị Hằng	28/11/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.16. 00939	D380101	3.50	1.50	5.00	10.00	10.00	
346	LPH.C04261	Phan Thị Lành	22/10/96	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	05.16. 00933	D380101	4.00	3.00	5.50	12.50	12.50	
347	LPH.C04262	Đỗ Hoàng Linh	25/12/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.16. 00934	D380101	1.00	1.75	5.50	8.25	8.50	
348	LPH.C04264	Đỗ Văn Sóng	10/10/95		Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 00928	D380101	3.00	3.00	3.50	9.50	9.50	
349	LPH.C04265	Hoàng Văn Thuyền	10/06/94		Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 00938	D380101	5.50	4.75	5.50	15.75	16.00	
350	LPH.C04266	Phạm Thu Thương	19/08/96	Nữ	Huyện Quang Bình		1	05.16. 00936	D380101	5.25	3.00	6.50	14.75	15.00	
351	LPH.C04268	Nông Tiến Tuyệt	03/10/96		Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 00935	D380101	1.75	1.00	3.00	5.75	6.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
352	LPH.C04269	Nông Thị	Tươi	21/07/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 00932	D380101	5.75	2.50	7.25	15.50	15.50	
353	LPH.C04270	Lục Văn	Việt	08/10/96		Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 00941	D380101	5.25	2.75	4.50	12.50	12.50	
354	LPH.C04271	Nông Quốc	Hưng	28/09/96		Huyện Mèo Vạc	01	1	05.17. 00724	D380101	2.25	1.50	3.50	7.25	7.50	
355	LPH.C04274	Dương Ngọc	Phúc	27/10/95		Huyện Quản Bạ	01	1	05.19. 00807	D380101	3.75	1.50	2.00	7.25	7.50	
356	LPH.C04275	Vương Phát	Quang	06/12/96		Huyện Quản Bạ	01	1	05.19. 00808	D380101	0.00	1.00	2.00	3.00	3.00	
357	LPH.C04276	Đinh Thu	Trang	04/02/95	Nữ	Huyện Quản Bạ		1	05.19. 00806	D380101	3.00	2.50	5.50	11.00	11.00	
358	LPH.C04278	Hoàng Văn	Khu	24/10/96		Huyện Vị Xuyên	01	1	05.20. 00799	D380101	0.50	1.50	4.50	6.50	6.50	
359	LPH.C04279	Trần Thùy	Linh	08/08/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	05.20. 00801	D380101	5.00	2.00	3.50	10.50	10.50	
360	LPH.C04281	Đào Thị Thu	Thảo	13/05/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	05.20. 00802	D380101	3.25	1.25	5.00	9.50	9.50	
361	LPH.C04283	Hồ Thanh	Thúy	08/12/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	05.21. 00762	D380101	5.00	4.25	4.00	13.25	13.50	
362	LPH.C04284	Nguyễn Văn	Huấn	15/01/96		Huyện Bắc Mê	01	1	05.22. 00775	D380101	3.50	0.50	2.50	6.50	6.50	
363	LPH.C04285	Trương Ngọc	Huyền	24/10/96	Nữ	Huyện Bắc Mê	01	1	05.22. 00777	D380101	7.50	3.50	6.50	17.50	17.50	
364	LPH.C04286	Lã Thanh	Tùng	15/11/96		Huyện Bắc Mê	01	1	05.22. 00776	D380101	1.00	1.25	2.00	4.25	4.50	
365	LPH.C04287	Chấu Thị	Oanh	13/11/96	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì		1	05.23. 00721	D380107	5.00	1.50	4.50	11.00	11.00	
366	LPH.C04288	Long Đình	Trung	17/11/95		Huyện Hoàng Su Phì		1	05.23. 00720	D380101	2.75	1.00	1.75	5.50	5.50	
367	LPH.C04289	Vương Thị	Ngui	16/03/96	Nữ	Huyện Xín Mần	01	1	05.24. 00866	D380101	1.25	1.75	6.50	9.50	9.50	
368	LPH.C04290	Xin Đức	Phúc	22/03/96		Huyện Xín Mần	01	1	05.24. 00867	D380101	1.25	2.00	4.00	7.25	7.50	
369	LPH.C04291	Thên Văn	Sàng	12/07/95		Huyện Xín Mần	01	1	05.24. 00870	D380101	1.00	1.50	3.50	6.00	6.00	
370	LPH.C04292	Lù Duy	Tân	24/06/96		Huyện Xín Mần	01	1	05.24. 00871	D380101	0.75	.	.	0.75	1.00	
371	LPH.C04294	Lù Sco	Thức	05/04/95		Huyện Xín Mần	01	1	05.24. 00868	D380101	1.00	1.25	2.00	4.25	4.50	
372	LPH.C04295	Nguyễn Quỳnh	Anh	06/04/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.25. 00789	D380101	2.75	0.50	3.00	6.25	6.50	
373	LPH.C04297	Hoàng Thị	Lan	23/07/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.25. 00790	D380101	3.25	1.50	4.75	9.50	9.50	
374	LPH.C04298	Mua Mí	Say	25/07/96		Huyện Đông Văn	01	1	05.26. 00771	D380101	1.75	2.25	2.50	6.50	6.50	
375	LPH.C04299	Thào Mí	Súng	05/06/96		Huyện Đông Văn	01	1	05.26. 00770	D380101	1.75	2.75	6.50	11.00	11.00	
376	LPH.C04300	Bùi Thị Lan	Anh	14/12/96	Nữ	Huyện Quang Bình		1	05.27. 00726	D380107	0.50	1.00	4.75	6.25	6.50	
377	LPH.C04301	Hoàng Thị	Nghiệp	08/08/96	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	05.27. 00728	D380101	3.50	3.50	4.50	11.50	11.50	
378	LPH.C04303	Chu Thị	Tiếp	30/09/96	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	05.27. 00725	D380101	2.25	2.00	4.00	8.25	8.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
379	LPH.C04305	Vũ Thị Hà	Anh	20/10/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.28. 00879	D380101	2.75	1.50	6.00	10.25	10.50	
380	LPH.C04306	Vương Thanh	Hằng	28/03/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.28. 00880	D380107	4.75	5.25	7.50	17.50	17.50	
381	LPH.C04307	Phạm Thùy	Linh	26/02/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.28. 00881	D380101	5.75	5.75	7.00	18.50	18.50	
382	LPH.C04308	Chu Văn	Quyến	23/11/95		Huyện Bắc Quang	01	1	05.28. 00882	D380101	2.25	2.00	6.25	10.50	10.50	
383	LPH.C04309	Hoàng Thị Minh	Tân	09/09/95	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.28. 00877	D380101	4.25	4.25	4.50	13.00	13.00	
384	LPH.C04310	Nguyễn Thị	Hoài	28/09/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.29. 00912	D380101	5.75	7.25	6.00	19.00	19.00	
385	LPH.C04311	Nông Văn	Hội	22/02/95		Huyện Bắc Quang	01	1	05.29. 00913	D380101	2.50	1.00	3.50	7.00	7.00	
386	LPH.C04312	Mai Thị	Huệ	26/01/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.29. 00916	D380101	5.00	5.00	6.00	16.00	16.00	
387	LPH.C04313	Đặng Văn	Huy	16/11/94		Huyện Bắc Quang	01	1	05.29. 00914	D380101	1.00	0.50	2.00	3.50	3.50	
388	LPH.C04314	Tĩnh Thu	Huyền	23/02/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.29. 00917	D380101	5.50	2.50	6.00	14.00	14.00	
389	LPH.C04315	Mai Thị	Ngân	26/10/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.29. 00915	D380101	2.75	1.00	3.00	6.75	7.00	
390	LPH.C04317	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21/09/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.30. 00850	D380101	6.75	2.25	4.50	13.50	13.50	
391	LPH.C04319	Bùi Thúy	Hiền	27/11/96	Nữ	Huyện Quang Bình		1	05.44. 00813	D380101	1.25	3.00	5.50	9.75	10.00	
392	LPH.C04320	Hoàng Thị	Hồng	12/12/96	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	05.44. 00814	D380101	5.50	5.25	5.00	15.75	16.00	
393	LPH.C04321	Nông Đức	Hoàng	19/09/95		Huyện Vị Xuyên	01	1	05.48. 02058	D380101	3.50	0.75	1.50	5.75	6.00	
394	LPH.C04322	Nguyễn Thị	Sen	02/01/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	05.48. 02059	D380101	1.75	1.00	6.00	8.75	9.00	
395	LPH.C04323	Nguyễn Văn	Thuận	25/05/96		Huyện Yên Minh	01	1	05.51. 00873	D380107	0.50	1.00	2.00	3.50	3.50	
396	LPH.C04324	Nguyễn Thị	Huyền	25/11/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.52. 00904	D380101	1.25	1.00	4.25	6.50	6.50	
397	LPH.C04325	Nguyễn Tổ	Như	21/05/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.52. 00902	D380101	5.50	3.25	6.50	15.25	15.50	
398	LPH.C04326	Nguyễn Thị	Oanh	02/02/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.52. 00903	D380101	0.25	0.75	2.00	3.00	3.00	
399	LPH.C04327	Lý Thị	Sen	25/04/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.52. 00901	D380101	1.00	1.00	5.50	7.50	7.50	
400	LPH.C04332	Đàm Thị	Hồng	23/05/95	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.00. 04578	D380107	5.75	2.50	6.50	14.75	15.00	
401	LPH.C04333	Nông Phan Trung	Đức	09/10/95		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.01. 04584	D380101	5.25	4.50	5.00	14.75	15.00	
402	LPH.C04335	Lê Thị Thu	Hương	10/08/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.01. 04589	D380107	7.00	5.25	5.50	17.75	18.00	
403	LPH.C04336	Nông Quốc	Khánh	12/10/95		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.01. 04581	D380101	1.50	0.50	2.50	4.50	4.50	
404	LPH.C04339	Nguyễn Văn	Nghiệp	13/04/95		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.01. 04582	D380101	3.50	1.50	2.50	7.50	7.50	
405	LPH.C04341	Phạm Hoài	Thu	08/11/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.01. 04583	D380101	5.25	4.00	5.00	14.25	14.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
406	LPH.C04342	Trần Thị Lệ	Thu	30/08/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng		1	06.01. 04585	D380101	6.25	4.75	6.75	17.75	18.00	
407	LPH.C04343	Chu Thị Thanh	Thùy	07/03/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.01. 04588	D380107	6.50	4.00	6.00	16.50	16.50	
408	LPH.C04344	Hoàng Thị	Châm	26/01/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.02. 04598		2.25	1.50	5.75	9.50	9.50	
409	LPH.C04346	Trần Thị Bảo	Châm	18/04/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.02. 04621	D380101	8.50	5.75	7.00	21.25	21.50	
410	LPH.C04347	Nông Văn	Chuyên	17/11/96		Huyện Bảo Lạc	01	1	06.02. 04608	D380101	5.75	3.50	5.25	14.50	14.50	
411	LPH.C04349	Hoàng Thị	Cúc	15/01/96	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.02. 04622	D380101	7.00	7.25	7.00	21.25	21.50	
412	LPH.C04350	Bàn Thị	Dung	01/11/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.02. 04610	D380101	2.00	5.50	7.50	15.00	15.00	
413	LPH.C04352	Chu Thị	Duyên	13/05/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.02. 04615	D380101	2.75	4.50	4.50	11.75	12.00	
414	LPH.C04353	Hà Thị	Điệp	26/07/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.02. 04601	D380101	7.00	6.00	7.00	20.00	20.00	
415	LPH.C04354	Hoàng Thị Thu	Hiền	29/07/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.02. 04606	D380101	5.75	3.50	6.00	15.25	15.50	
416	LPH.C04356	Nông Thị Vân	Hoa	19/09/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.02. 04613	D380101	5.00	3.00	5.75	13.75	14.00	
417	LPH.C04358	Nông Thị	Hòa	22/06/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.02. 04623	D380101	6.75	5.50	5.25	17.50	17.50	
418	LPH.C04360	Nguyễn Thị	Huệ	03/02/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.02. 04616	D380101	3.25	3.50	6.50	13.25	13.50	
419	LPH.C04362	Nông Thị Ngọc	Lan	08/05/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.02. 04611	D380101	2.00	4.00	6.50	12.50	12.50	
420	LPH.C04364	Nông Thị	Nghiêm	10/07/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.02. 04620	D380101	6.00	5.25	7.00	18.25	18.50	
421	LPH.C04366	Lục Thị	Nhinh	21/05/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.02. 04612	D380101	4.75	5.00	6.00	15.75	16.00	
422	LPH.C04368	Ngọc Thị	Nội	29/01/96	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.02. 04624	D380101	6.75	3.75	5.00	15.50	15.50	
423	LPH.C04369	Giàng A	Sùng	13/09/95		Huyện Bảo Lạc	01	1	06.02. 04597		0.75	2.25	5.50	8.50	8.50	
424	LPH.C04370	Nông Văn	Thần	29/05/96		Huyện Hạ Lang	01	1	06.02. 04614	D380101	2.50	3.75	5.00	11.25	11.50	
425	LPH.C04371	Nguyễn Thị	Thuý	03/02/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.02. 04605	D380101	2.00	1.75	6.50	10.25	10.50	
426	LPH.C04372	Hoàng Thu	Thủy	14/11/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.02. 04619	D380101	8.00	4.75	6.00	18.75	19.00	
427	LPH.C04373	Đàm Thị Huyền	Trần	13/12/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.02. 04607	D380101	6.00	3.50	6.00	15.50	15.50	
428	LPH.C04374	Hà Thị	Trung	18/09/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.02. 04602	D380101	5.00	6.25	6.00	17.25	17.50	
429	LPH.C04375	Lục Thị	Vân	14/03/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.02. 04603	D380101	4.75	5.00	5.00	14.75	15.00	
430	LPH.C04377	Dương Thị	Xuyến	12/08/96	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.02. 04609	D380101	5.75	2.75	7.00	15.50	15.50	
431	LPH.C04378	Đinh Lê Ngọc	Anh	18/10/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04639	D380101	3.00	1.25	7.00	11.25	11.50	
432	LPH.C04379	Nguyễn Thị Thu	An	27/07/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.03. 04629	D380101	4.50	3.50	6.25	14.25	14.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
433	LPH.C04380	Trần Huy	Cường	20/03/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04627	D380101	4.00	0.50	3.75	8.25	8.50	
434	LPH.C04381	Lục Thị Bích	Diệp	07/03/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.03. 04637	D380101	5.00	1.50	3.00	9.50	9.50	
435	LPH.C04382	Đàm Trung	Đức	19/06/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04635	D380101	3.25	3.00	3.25	9.50	9.50	
436	LPH.C04383	Hoàng Thu	Hà	25/08/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.03. 04631	D380101	4.25	1.25	6.00	11.50	11.50	
437	LPH.C04385	Hứa Thúy	Hòa	26/09/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04643	D380101	4.50	0.50	3.00	8.00	8.00	
438	LPH.C04386	Nguyễn Thu	Huyền	21/08/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04636	D380101	3.50	1.50	5.00	10.00	10.00	
439	LPH.C04387	Bùi Thị Phương	Loan	17/02/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng		1	06.03. 04628	D380101	4.50	2.25	6.75	13.50	13.50	
440	LPH.C04389	Đàm Thúy	Nga	15/03/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04625	D380101	3.50	1.75	4.00	9.25	9.50	
441	LPH.C04390	Mông Thị	Nga	08/12/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.03. 04633	D380101	6.50	3.75	4.50	14.75	15.00	
442	LPH.C04391	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	12/08/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04632	D380101	1.25	1.00	2.50	4.75	5.00	
443	LPH.C04392	Chu Thị Bích	Phương	20/10/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04645	D380107	4.00	1.00	2.50	7.50	7.50	
444	LPH.C04395	Mông Cao	Thăng	22/08/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04638	D380101	1.25	0.50	1.50	3.25	3.50	
445	LPH.C04396	Trần Quang	Thắng	18/08/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04646	D380107	0.25	2.00	4.50	6.75	7.00	
446	LPH.C04398	Bế Thị	Thúy	18/02/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.03. 04630	D380101	5.00	3.50	5.50	14.00	14.00	
447	LPH.C04399	La Huyền	Trang	03/10/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04642	D380101	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
448	LPH.C04400	Đàm Thế	Vũ	05/02/95		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04641	D380101	3.50	2.00	2.50	8.00	8.00	
449	LPH.C04401	Trần Tuấn	Anh	01/08/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04655	D380107	6.00	2.00	5.50	13.50	13.50	
450	LPH.C04402	Triệu Hoàng	ánh	28/09/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.04. 04652	D380101	5.00	4.75	7.00	16.75	17.00	
451	LPH.C04403	Lê Thị Thùy	Dương	23/04/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04654	D380107	3.75	5.00	7.00	15.75	16.00	
452	LPH.C04405	Lục Thu	Hồng	03/12/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04651	D380101	4.50	3.25	7.00	14.75	15.00	
453	LPH.C04406	Lê Thị Hương	Ly	20/02/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng		1	06.04. 04649	D380101	3.50	2.50	5.00	11.00	11.00	
454	LPH.C04409	Phan Hùng	Phong	14/07/96		Thành phố Cao Bằng		1	06.04. 04653	D380107	5.00	4.00	6.00	15.00	15.00	
455	LPH.C04411	Hoàng Thị	Kinh	25/08/93	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.07. 04658	D380101	3.00	1.00	4.50	8.50	8.50	
456	LPH.C04412	Long Thị	Tiêm	04/05/95	Nữ		01	1	06.07. 04659	D380101	0.50	0.50	2.50	3.50	3.50	
457	LPH.C04413	Nội Thị	Tuyết	02/09/95	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.07. 04657	D380101	1.75	1.00	5.75	8.50	8.50	
458	LPH.C04414	Lý Hoàng	ám	02/01/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04668	D380101	0.75	1.50	3.00	5.25	5.50	
459	LPH.C04415	Hoàng Thị	Hạnh	12/05/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04664	D380101	1.50	1.00	2.00	4.50	4.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
460	LPH.C04416	Nông Thị	Nhung	22/06/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04667	D380101	2.75	2.75	3.50	9.00	9.00	
461	LPH.C04417	Nông Thị	Phương	08/10/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04663	D380101	2.00	1.75	4.00	7.75	8.00	
462	LPH.C04418	Nông Thị	Thủy	27/01/95	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04665	D380101	1.75	2.25	3.75	7.75	8.00	
463	LPH.C04419	Hoàng Minh	Thư	11/06/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04662	D380101	3.00	1.50	3.00	7.50	7.50	
464	LPH.C04421	Quan Thanh	Tùng	19/05/96		Huyện Bảo Lạc	01	1	06.08. 04666	D380101	2.50	2.50	4.75	9.75	10.00	
465	LPH.C04422	Hoàng Long Như	Mây	02/08/95	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.09. 04671	D380101	1.25	1.50	4.00	6.75	7.00	
466	LPH.C04425	Hoàng Quyền	Anh	22/02/96		Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04677	D380101	4.25	1.50	1.00	6.75	7.00	
467	LPH.C04426	Long Tiến	Dũng	14/10/96		Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04686	D380107	1.00	1.00	2.25	4.25	4.50	
468	LPH.C04427	Lục Thị	Đội	03/09/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04682	D380101	4.00	2.00	5.50	11.50	11.50	
469	LPH.C04428	Lý Thị	Hoa	18/07/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04683	D380101	7.00	3.00	6.00	16.00	16.00	
470	LPH.C04429	Triệu Khánh	Hòa	09/05/96		Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04681	D380101	3.00	2.50	2.50	8.00	8.00	
471	LPH.C04430	Vương Thị	Liêm	29/05/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04674	D380101	6.50	3.50	5.75	15.75	16.00	
472	LPH.C04431	Lý Thị	Nga	23/06/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04680	D380101	4.75	2.50	2.50	9.75	10.00	
473	LPH.C04432	Hoàng Thị	Nhung	05/10/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04685	D380101	4.00	2.00	6.00	12.00	12.00	
474	LPH.C04433	Hoàng Thị	Như	12/05/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04676	D380101	2.00	1.00	4.50	7.50	7.50	
475	LPH.C04434	Nông Thị Ngọc	Quỳnh	23/07/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04678	D380101	6.25	2.75	5.50	14.50	14.50	
476	LPH.C04435	Chung Thị	Thảo	19/05/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04679	D380101	4.25	2.75	5.25	12.25	12.50	
477	LPH.C04436	Nguyễn Chí	Trung	27/12/96		Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04672	D380101	3.75	2.75	5.00	11.50	11.50	
478	LPH.C04437	Triệu Ngọc	Tú	09/08/96		Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04675	D380101	6.00	3.00	3.50	12.50	12.50	
479	LPH.C04438	Lương Thị	Vân	09/09/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04673	D380101	6.50	3.00	4.75	14.25	14.50	
480	LPH.C04439	Nông Thụy	Xuyến	13/08/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	06.10. 04684	D380101	5.00	2.50	4.50	12.00	12.00	
481	LPH.C04440	Hoàng Thị	Duyên	13/03/95	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04691	D380101	3.75	4.50	6.50	14.75	15.00	
482	LPH.C04442	Hoàng Văn	Hợp	19/06/92		Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04696	D380101	7.00	3.00	3.50	13.50	13.50	
483	LPH.C04443	Nông Thị	Huyền	02/08/95	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04698	D380101	1.50	3.75	6.00	11.25	11.50	
484	LPH.C04444	Trương Thị	Huyền	17/09/95	Nữ		01	1	06.11. 04697	D380101	5.50	2.50	6.50	14.50	14.50	
485	LPH.C04445	Hoàng Văn	Khiêm	22/06/95		Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04694	D380101	0.25	0.50	1.00	1.75	2.00	
486	LPH.C04447	Đàm Thị	Lan	20/05/95	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04693	D380101	2.75	3.75	4.50	11.00	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
487	LPH.C04448	Phan Thị	Nhâm	07/03/95	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04692	D380101	3.25	4.00	4.50	11.75	12.00	
488	LPH.C04449	Trần Văn	Thuật	17/07/95		Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04688	D380101	3.50	2.00	4.00	9.50	9.50	
489	LPH.C04450	Hà Thị	Thường	08/08/95	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04687	D380101	5.25	4.75	5.00	15.00	15.00	
490	LPH.C04451	Mã Thị	Tuyến	30/06/95	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.11. 04690	D380101	3.75	4.50	7.50	15.75	16.00	
491	LPH.C04452	Nông Văn	Chung	26/05/96		Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04699	D380101	2.25	2.75	4.50	9.50	9.50	
492	LPH.C04453	Lăng Thị	Chuyên	16/01/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04700	D380101	3.50	3.25	6.00	12.75	13.00	
493	LPH.C04454	Hoàng Thị	Cúc	05/11/95	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04701	D380101	1.25	0.25	1.50	3.00	3.00	
494	LPH.C04455	Nông Văn	Hào	10/06/94		Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04702	D380101	1.50	0.75	0.50	2.75	3.00	
495	LPH.C04456	Hoàng Thị	Hương	18/07/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04703	D380101	4.75	1.50	4.00	10.25	10.50	
496	LPH.C04458	Hoàng Thị	Loan	15/06/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04705	D380101	0.75	1.00	3.00	4.75	5.00	
497	LPH.C04459	Lương Thị	Lưu	03/08/95	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04706	D380101	1.25	1.00	3.00	5.25	5.50	
498	LPH.C04460	Nông Thị	Mai	22/02/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04707	D380101	1.50	0.75	5.00	7.25	7.50	
499	LPH.C04461	Nông Thị	Như	29/11/96	Nữ	Huyện Hà Quảng	01	1	06.12. 04704	D380101	0.75	1.00	3.00	4.75	5.00	
500	LPH.C04463	Ma Thị	Dung	13/09/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.13. 04710	D380101	5.25	2.00	5.00	12.25	12.50	
501	LPH.C04465	Triệu Thị	Hoài	08/10/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.13. 04718	D380107	7.00	2.00	5.00	14.00	14.00	
502	LPH.C04466	Hoàng Thị	Tấm	24/09/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.13. 04712	D380101	5.25	3.00	3.50	11.75	12.00	
503	LPH.C04467	Vi Thị	Thoa	15/10/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.13. 04713	D380101	4.00	2.75	5.00	11.75	12.00	
504	LPH.C04469	Chu Thị	Tư	14/03/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.13. 04715	D380101	6.00	4.50	6.00	16.50	16.50	
505	LPH.C04471	Nguyễn Thịnh	Vượng	05/04/95		Huyện Hoà An	01	1	06.13. 04717	D380101	1.00	1.75	3.00	5.75	6.00	
506	LPH.C04473	Nguyễn Thị	Điểm	16/06/94	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.14. 04723	D380101	1.25	1.00	4.00	6.25	6.50	
507	LPH.C04474	Đặng Thị	Mến	04/09/95	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.14. 04720	D380101	6.50	3.50	6.00	16.00	16.00	
508	LPH.C04475	Nông Thị Tuyết	Nga	28/07/95	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.14. 04721	D380101	3.75	2.00	7.00	12.75	13.00	
509	LPH.C04476	Hoàng Thị Kim	Oanh	16/03/95	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.14. 04719	D380101	1.75	2.00	5.00	8.75	9.00	
510	LPH.C04478	Nguyễn Thị	Bích	05/10/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04726	D380101	3.00	2.25	6.00	11.25	11.50	
511	LPH.C04479	Nại Văn	Diện	06/10/96		Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04734	D380101	2.25	1.50	2.00	5.75	6.00	
512	LPH.C04480	Nông Thị	Duyên	26/10/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04744	D380101	4.50	3.25	4.00	11.75	12.00	
513	LPH.C04481	Vi Thị	Hiếu	16/07/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04748	D380101	3.50	1.75	5.00	10.25	10.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
514	LPH.C04483	Nguyễn Thị	Huế	27/10/95	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04741	D380101	5.00	2.25	3.00	10.25	10.50	
515	LPH.C04485	Mông Thị	Hương	10/09/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04742	D380101	1.50	3.00	4.00	8.50	8.50	
516	LPH.C04486	Lục Thị	Khuyên	30/08/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04507	D380101	1.50	1.75	3.50	6.75	7.00	
517	LPH.C04488	Hoàng Thị	Lâm	08/08/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04728	D380101	1.25	1.00	4.25	6.50	6.50	
518	LPH.C04489	Phan Thị	Linh	30/07/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04730	D380101	0.75	0.75	4.00	5.50	5.50	
519	LPH.C04491	Bế Thị Kiều	Nhi	03/07/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04746	D380101	3.00	3.00	4.00	10.00	10.00	
520	LPH.C04492	Đàm Văn	Ninh	22/11/95		Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04729	D380101	4.50	1.50	2.50	8.50	8.50	
521	LPH.C04493	Lê Kiều	Oanh	28/08/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04737	D380101	0.75	0.75	2.00	3.50	3.50	
522	LPH.C04494	Bế Thị	Quyên	30/11/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04727	D380101	5.00	2.00	2.50	9.50	9.50	
523	LPH.C04495	Hoàng Thị Phương	Thảo	18/09/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04733	D380101	1.25	1.25	3.00	5.50	5.50	
524	LPH.C04496	Lê Thị	Thảo	25/03/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04735	D380101	1.00	1.75	1.50	4.25	4.50	
525	LPH.C04497	Phan Thu	Thảo	23/01/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04747	D380101	1.75	2.75	6.25	10.75	11.00	
526	LPH.C04498	Hoàng Thị	Thời	24/10/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04739	D380101	3.50	3.00	6.50	13.00	13.00	
527	LPH.C04499	Hoàng Ngọc	Trung	23/08/96		Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04745	D380101	6.50	3.75	6.00	16.25	16.50	
528	LPH.C04500	Bế Văn	Tuyền	07/03/96		Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04738	D380101	1.00	1.00	3.25	5.25	5.50	
529	LPH.C04502	Hà Thị Huyền	Vi	29/11/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.15. 04731	D380101	4.50	2.75	5.50	12.75	13.00	
530	LPH.C04503	Phùng Thị	Hoa	10/11/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.16. 04752	D380101	6.50	6.00	7.00	19.50	19.50	
531	LPH.C04504	Nông Đình	Tuyển	27/06/96		Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.16. 04753	D380101	1.25	1.00	5.00	7.25	7.50	
532	LPH.C04505	Nông Thị	Tuyển	29/10/95	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.16. 04750	D380101	2.25	2.25	3.00	7.50	7.50	
533	LPH.C04506	Nông Văn	Tuyền	10/10/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.16. 04751	D380101	3.25	2.50	4.00	9.75	10.00	
534	LPH.C04510	Nông Lê	Quế	15/08/95	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.17. 04756	D380101	6.25	1.50	4.50	12.25	12.50	
535	LPH.C04511	Đàm Thị	Vui	15/02/95	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.17. 04757	D380101	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	
536	LPH.C04512	Vương Thị Kim	Cúc	27/01/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04762	D380101	5.00	3.25	6.50	14.75	15.00	
537	LPH.C04513	Nông Văn	Đạt	11/04/96		Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04769	D380101	4.00	1.00	2.00	7.00	7.00	
538	LPH.C04514	Chu Thị	Lan	17/01/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04766	D380101	3.00	1.00	4.00	8.00	8.00	
539	LPH.C04515	Hoàng Thu	Lệ	09/05/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04758		4.50	1.00	3.50	9.00	9.00	
540	LPH.C04516	Hoàng Thị	Liên	18/02/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04760	D380101	6.00	1.25	6.00	13.25	13.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
541	LPH.C04518	Hoàng Văn	Quỳnh	23/04/96		Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04767	D380101	5.00	2.00	4.50	11.50	11.50	
542	LPH.C04519	Triệu Văn	Thành	19/10/96		Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04768	D380101	1.75	2.00	2.00	5.75	6.00	
543	LPH.C04520	Nông Thị Hoài	Thu	23/08/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04761	D380101	7.50	1.75	6.50	15.75	16.00	
544	LPH.C04521	Hoàng Thị	Trang	12/11/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04759	D380101	3.50	4.00	6.25	13.75	14.00	
545	LPH.C04522	Nông Vi	Tuyền	22/02/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04765	D380101	2.75	3.50	6.00	12.25	12.50	
546	LPH.C04523	Hoàng Thị	Yến	15/06/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04764	D380101	2.75	1.00	2.50	6.25	6.50	
547	LPH.C04524	Lục Thị	Hậu	26/03/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.19. 04776	D380101	4.25	1.00	6.00	11.25	11.50	
548	LPH.C04525	Mạc Ngọc	Hiếu	23/09/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.19. 04772	D380101	3.00	3.50	4.50	11.00	11.00	
549	LPH.C04526	Nông Văn	Hoàng	24/02/96		Huyện Trùng Khánh	01	1	06.19. 04771	D380101	1.00	1.25	1.50	3.75	4.00	
550	LPH.C04527	Mạc Thị	Khương	01/04/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.19. 04773	D380101	4.00	5.25	6.50	15.75	16.00	
551	LPH.C04529	Nông Thị	Lập	04/10/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.19. 04774	D380101	3.50	2.50	6.25	12.25	12.50	
552	LPH.C04530	Nông Thị	Thảo	10/04/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.19. 04775	D380101	3.00	1.00	2.00	6.00	6.00	
553	LPH.C04531	Mông Thị	Hường	25/12/95	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.20. 04777	D380101	0.50	1.25	3.50	5.25	5.50	
554	LPH.C04532	Trương Kim	Thúy	11/06/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.20. 04778	D380101	6.50	1.00	4.50	12.00	12.00	
555	LPH.C04533	Lục Thị Dung	Chi	18/05/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.21. 04779	D380101	1.00	2.00	6.50	9.50	9.50	
556	LPH.C04534	Hoàng Thị	Thủy	30/06/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.21. 04781	D380107	1.00	0.75	4.50	6.25	6.50	
557	LPH.C04535	Triệu Thị	Tươi	05/06/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.21. 04780	D380107	0.25	1.50	6.00	7.75	8.00	
558	LPH.C04536	Lưu Thùy	Dương	21/10/95	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.22. 04783	D380101	5.75	5.00	6.25	17.00	17.00	
559	LPH.C04538	Nông Thị Hương	Quỳnh	02/02/95	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.22. 04784	D380101	7.00	4.25	7.00	18.25	18.50	
560	LPH.C04539	Đặng Văn	Ba	11/08/96		Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04785	D380101	2.00	1.50	2.50	6.00	6.00	
561	LPH.C04540	Ma Thị	Bay	09/12/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04795	D380101	1.25	1.00	2.50	4.75	5.00	
562	LPH.C04541	Triệu Tồn	Đại	05/06/95		Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04790	D380101	3.25	1.00	4.50	8.75	9.00	
563	LPH.C04542	Bàn Thị	Hà	03/05/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04788	D380101	4.50	3.25	6.00	13.75	14.00	
564	LPH.C04543	Vũ Thu	Hà	28/06/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04803	D380107	1.50	1.50	4.00	7.00	7.00	
565	LPH.C04544	Nông Thị	Hoài	10/03/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04787	D380101	5.00	4.50	6.50	16.00	16.00	
566	LPH.C04546	Lục Chàn	Mình	26/12/96		Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04796	D380101	3.00	1.50	3.00	7.50	7.50	
567	LPH.C04547	Hoàng Mùi	Nhạy	05/09/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04786	D380101	5.25	3.75	5.75	14.75	15.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
568	LPH.C04548	Triệu Thị	Phượng	02/05/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	02	1	06.23. 04801	D380101	2.50	2.00	5.50	10.00	10.00	
569	LPH.C04550	Đặng Phúc	Quân	29/08/95		Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04800	D380101	6.75	5.50	6.50	18.75	19.00	
570	LPH.C04551	Nông Thị Thúy	Quỳnh	21/04/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04802	D380101	6.50	1.50	7.00	15.00	15.00	
571	LPH.C04552	Lục Chồi	Sang	28/08/96		Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04797	D380101	4.00	1.25	3.50	8.75	9.00	
572	LPH.C04553	Phạm Thị	Thiêm	13/08/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04791	D380101	3.75	1.25	4.50	9.50	9.50	
573	LPH.C04554	Trần Trọng	Thức	30/08/96		Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04793	D380101	3.50	0.50	1.00	5.00	5.00	
574	LPH.C04555	Hoàng Thị	Thứ	20/04/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04794	D380101	4.75	2.00	4.50	11.25	11.50	
575	LPH.C04557	Hoàng Thị	Uyên	01/04/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04789	D380101	5.25	3.75	5.25	14.25	14.50	
576	LPH.C04559	Hoàng Thị	Diệp	11/09/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.25. 04808	D380101	5.75	2.00	3.50	11.25	11.50	
577	LPH.C04560	Lục Thị	Hậu	17/01/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.25. 04810	D380101	3.50	3.50	6.00	13.00	13.00	
578	LPH.C04561	Lương Thị	Huê	18/08/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.25. 04806	D380101	3.75	3.00	4.50	11.25	11.50	
579	LPH.C04562	Ngô Thị	Nga	03/06/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.25. 04807	D380101	6.50	4.25	6.50	17.25	17.50	
580	LPH.C04567	Hoàng Thị	Liên	10/09/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.26. 04811	D380101	4.75	1.25	5.00	11.00	11.00	
581	LPH.C04568	Lê Thuỳ	Linh	18/12/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.26. 04816	D380101	1.75	3.00	6.50	11.25	11.50	
582	LPH.C04569	Vương Thị	Phường	20/02/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.26. 04813	D380101	2.00	3.75	4.50	10.25	10.50	
583	LPH.C04570	Bế Hồng	Thuý	05/11/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.26. 04812	D380101	5.50	3.50	6.00	15.00	15.00	
584	LPH.C04571	Nguyễn Ngọc	Tiếp	19/03/95		Huyện Hoà An	01	1	06.26. 04815	D380101	5.00	1.50	2.50	9.00	9.00	
585	LPH.C04572	Trương Lý	Chinh	28/12/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04826	D380101	6.00	1.50	5.75	13.25	13.50	
586	LPH.C04573	Lý Quang	Điều	28/11/96		Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04821	D380101	1.00	2.00	2.25	5.25	5.50	
587	LPH.C04574	Hoàng Hải	Hiệp	06/06/96		Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04819	D380101	2.75	2.00	3.50	8.25	8.50	
588	LPH.C04575	Đoàn Việt	Huân	16/04/96		Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04818	D380101	1.75	1.00	0.50	3.25	3.50	
589	LPH.C04576	Nguyễn Thị Minh	Huệ	08/10/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04825	D380101	1.75	1.00	4.75	7.50	7.50	
590	LPH.C04577	Trương Lý	Hương	01/10/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04824	D380101	4.50	1.50	3.50	9.50	9.50	
591	LPH.C04578	Từ Thị	Hương	08/10/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04822	D380101	2.25	2.00	4.00	8.25	8.50	
592	LPH.C04579	Nông Thị Thùy	Linh	30/09/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04823	D380101	5.75	5.00	4.75	15.50	15.50	
593	LPH.C04580	Mã Thị Hà	Phương	22/06/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04831	D380107	3.50	0.75	4.75	9.00	9.00	
594	LPH.C04581	Lô Hồng	Quân	03/10/96		Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04829	D380107	1.75	1.25	2.00	5.00	5.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
595	LPH.C04582	Lục Thị	Tâm	04/07/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04832	D380107	1.00	2.00	3.50	6.50	6.50	
596	LPH.C04583	Lý Thiên	Thanh	23/05/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.27. 04827	D380101	4.25	3.75	4.75	12.75	13.00	
597	LPH.C04584	Nông Nguyễn	Thịnh	19/03/96		Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04828	D380101	3.75	1.50	2.50	7.75	8.00	
598	LPH.C04585	Lương Thanh	Tùng	08/06/96		Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04830	D380107	2.75	1.00	1.50	5.25	5.50	
599	LPH.C04586	Hoàng Thị	Vân	08/12/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04820	D380101	3.00	1.50	4.50	9.00	9.00	
600	LPH.C04587	Lê Quang	Chiến	28/12/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04846	D380107	0.50	1.50	2.50	4.50	4.50	
601	LPH.C04588	Trương Thị	Duyên	25/02/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04847	D380107	5.25	3.75	4.00	13.00	13.00	
602	LPH.C04589	Vì Văn	Dương	28/02/96		Huyện Hoà An	01	1	06.28. 04844	D380101	4.25	1.00	3.50	8.75	9.00	
603	LPH.C04590	Trịnh Văn	Đạt	29/09/96		Huyện Hoà An	01	1	06.28. 04843	D380101	3.50	2.50	2.50	8.50	8.50	
604	LPH.C04591	Chu Thị	Đôi	12/03/94	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.28. 04833	D380101	3.50	2.00	3.50	9.00	9.00	
605	LPH.C04592	Nguyễn Thị	Hảo	31/10/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.28. 04839	D380101	4.00	2.00	3.50	9.50	9.50	
606	LPH.C04593	Đoàn Thị Hồng	Hạnh	26/11/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04849	D380107	1.25	1.00	5.00	7.25	7.50	
607	LPH.C04594	Trần Đại	Hiệp	06/08/96		Huyện Hoà An	01	1	06.28. 04845	D380101	2.25	2.25	2.50	7.00	7.00	
608	LPH.C04595	Nguyễn Ngọc	Huy	02/02/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04848	D380107	6.25	3.50	6.00	15.75	16.00	
609	LPH.C04596	Nông Thị	Huyền	23/06/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04836	D380101	8.00	4.00	6.50	18.50	18.50	
610	LPH.C04597	Đoàn Trọng	Hữu	06/01/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04840	D380101	4.50	2.50	5.50	12.50	12.50	
611	LPH.C04598	Lương Thị Hương	Ly	09/09/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04835	D380101	2.25	4.25	3.50	10.00	10.00	
612	LPH.C04599	Hoàng Thu	Phương	20/08/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04837	D380101	4.75	5.50	6.50	16.75	17.00	
613	LPH.C04600	Hoàng Hương	Quỳnh	11/02/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04838	D380101	1.50	1.50	3.00	6.00	6.00	
614	LPH.C04601	Lương Văn	Thuởng	05/08/96		Huyện Hoà An	01	1	06.28. 04842	D380101	0.75	1.50	2.00	4.25	4.50	
615	LPH.C04602	Nông Thế	Vinh	11/08/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04841	D380101	0.50	1.50	2.50	4.50	4.50	
616	LPH.C04603	Nông Thị Hạ	Vy	05/04/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 04834	D380101	4.50	3.25	6.00	13.75	14.00	
617	LPH.C04604	Hoàng Thị	Diễm	19/05/95	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 04853	D380101	5.00	1.00	5.50	11.50	11.50	
618	LPH.C04605	Nông Thị	Diệu	20/08/95	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 04854	D380101	1.75	2.00	4.00	7.75	8.00	
619	LPH.C04607	Hoàng Văn	Đông	22/06/93		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 04857	D380107	3.00	2.75	2.00	7.75	8.00	
620	LPH.C04608	Ma Thị	Hằng	28/08/95	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 04851	D380101	4.25	1.50	7.00	12.75	13.00	
621	LPH.C04609	Ma Thị	Nguyệt	24/06/95	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 04852	D380101	7.00	3.75	4.50	15.25	15.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
622	LPH.C04611	Trịnh Tố Uyên	28/07/95	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 04856	D380101	2.75	3.00	8.00	13.75	14.00	
623	LPH.C04613	Mã Thị Yến Chi	13/03/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04877	D380101	6.25	5.75	7.75	19.75	20.00	
624	LPH.C04614	Đàm Thúy Chinh	11/01/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.31. 04865	D380101	2.25	0.75	5.25	8.25	8.50	
625	LPH.C04615	Lục Huy Du	14/11/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04878	D380107	5.00	3.00	6.00	14.00	14.00	
626	LPH.C04616	Triệu Thị Duyên	17/02/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04874	D380101	6.25	3.00	5.00	14.25	14.50	
627	LPH.C04617	Nông Thị Đào	10/04/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04873	D380101	4.50	5.50	7.00	17.00	17.00	
628	LPH.C04618	Bế Ngọc Hân	29/02/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04860	D380101	6.25	2.00	3.00	11.25	11.50	
629	LPH.C04619	Nông Thị Hoa	19/06/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04871	D380101	4.75	1.25	5.50	11.50	11.50	
630	LPH.C04620	Mạc Thị Huyền	09/05/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04867	D380101	4.75	4.00	6.00	14.75	15.00	
631	LPH.C04621	Nông Thị Diễm Hương	22/01/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04872	D380101	5.50	5.75	7.00	18.25	18.50	
632	LPH.C04622	Lương Thị Lâm	12/08/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04866	D380101	3.25	2.75	6.00	12.00	12.00	
633	LPH.C04623	Nông Thị Lệ	05/01/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04863	D380101	2.50	2.75	4.50	9.75	10.00	
634	LPH.C04624	Lục Thị Liễu	12/12/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04870	D380101	6.25	3.00	6.50	15.75	16.00	
635	LPH.C04625	Tống Thị Loan	14/05/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04862	D380101	3.00	4.00	6.50	13.50	13.50	
636	LPH.C04626	Nông Đức Luân	24/10/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04861	D380101	2.25	2.00	2.50	6.75	7.00	
637	LPH.C04627	Lương Thị Phương	28/06/95	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.31. 04869	D380101	0.50	2.00	5.00	7.50	7.50	
638	LPH.C04628	Hoàng Thị Quỳnh	15/04/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04868	D380101	4.00	3.50	5.50	13.00	13.00	
639	LPH.C04630	Nông Thị Mai Trâm	22/09/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04879	D380107	8.00	4.75	4.00	16.75	17.00	
640	LPH.C04631	Mông Thị Vinh	19/11/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04859	D380101	7.25	7.00	5.50	19.75	20.00	
641	LPH.C04632	Nông Thị Vui	21/12/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.31. 04876	D380101	5.50	3.50	6.00	15.00	15.00	
642	LPH.C04633	Đàm Thị Xuân	06/01/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.31. 04864	D380101	0.50	2.00	5.00	7.50	7.50	
643	LPH.C04634	Vi Văn Dưởng	01/01/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04881	D380101	4.00	1.50	4.00	9.50	9.50	
644	LPH.C04635	La Thị Hiền	08/08/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04885	D380101	4.00	2.00	6.50	12.50	12.50	
645	LPH.C04636	Hoàng Thị Hòa	17/05/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04882	D380101	4.50	2.50	5.50	12.50	12.50	
646	LPH.C04637	Đàm Thị Kiều	01/03/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04886	D380101	2.00	3.75	5.50	11.25	11.50	
647	LPH.C04638	Lục Thị Nhớ	01/12/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04887	D380101	5.75	2.50	4.00	12.25	12.50	
648	LPH.C04639	Phạm Thị Phượng	16/06/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04884	D380101	1.00	0.75	0.50	2.25	2.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
649	LPH.C04640	Lục Thị	Tấm	07/10/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04888	D380101	6.25	2.75	5.00	14.00	14.00	
650	LPH.C04641	Vi Thị	Thạo	20/02/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04883	D380101	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	
651	LPH.C04642	Hà Thị	Uyên	26/06/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.32. 04880	D380101	7.50	5.00	7.00	19.50	19.50	
652	LPH.C04643	Trần Ngọc	ánh	24/02/95	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.34. 04889	D380101	1.50	1.00	4.50	7.00	7.00	
653	LPH.C04644	Nông Đức	Đoan	04/12/95		Huyện Thạch An	01	1	06.34. 04890	D380101	5.75	2.75	5.50	14.00	14.00	
654	LPH.C04645	Trần Phạm Đức	Duy	23/11/96		Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04899	D380101	5.50	4.25	4.00	13.75	14.00	
655	LPH.C04646	Đinh Thuỳ	Dương	25/09/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04905	D380107	2.00	1.00	6.25	9.25	9.50	
656	LPH.C04647	Nông Thị	Hiên	11/01/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04894	D380101	5.25	1.50	5.50	12.25	12.50	
657	LPH.C04648	Hoàng Thị	Hồng	03/10/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04901	D380107	5.00	1.50	3.50	10.00	10.00	
658	LPH.C04649	Nông Thị Thu	Huyền	30/04/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04897	D380101	6.25	1.25	4.75	12.25	12.50	
659	LPH.C04650	Trần Quốc	Khánh	19/04/96		Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04898	D380101	5.00	0.50	1.50	7.00	7.00	
660	LPH.C04652	Nông Thị	Kiều	20/01/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04902	D380107	4.25	0.50	6.50	11.25	11.50	
661	LPH.C04653	Ngạc Thoại	Miêu	23/08/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04903	D380107	1.75	1.00	4.25	7.00	7.00	
662	LPH.C04655	Hà Bảo	Ngọc	03/03/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04893	D380101	5.75	2.00	3.00	10.75	11.00	
663	LPH.C04656	Trần Thị Hoài	Thanh	26/05/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04900	D380101	1.50	2.00	4.00	7.50	7.50	
664	LPH.C04657	Lý Văn	Thượng	19/07/96		Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04891	D380101	1.50	0.50	2.25	4.25	4.50	
665	LPH.C04658	Lương Thị	Trang	29/02/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04904	D380107	4.50	1.50	5.50	11.50	11.50	
666	LPH.C04659	Lương Thị Hải	Yến	17/04/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 04896	D380101	6.25	2.25	6.00	14.50	14.50	
667	LPH.C04661	Lô Kiều	Ngân	14/06/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.36. 04910	D380101	3.75	3.25	5.75	12.75	13.00	
668	LPH.C04663	Nguyễn Thị	Thoan	08/01/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.36. 04906	D380101	1.50	1.00	6.25	8.75	9.00	
669	LPH.C04666	Bế Văn	Đạt	20/05/95		Huyện Hạ Lang	01	1	06.37. 04914	D380101	5.75	3.50	4.00	13.25	13.50	
670	LPH.C04668	Triệu Thu	Huyền	18/07/95	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.37. 04916	D380101	2.50	4.00	4.00	10.50	10.50	
671	LPH.C04670	Lục Minh	Quyên	01/03/95		Huyện Hạ Lang	01	1	06.37. 04912	D380101	1.75	1.25	6.00	9.00	9.00	
672	LPH.C04671	Chu Thị Kim	Dung	02/11/95	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.38. 04925	D380101	5.75	2.00	4.50	12.25	12.50	
673	LPH.C04672	Hà Văn	Duy	08/03/96		Huyện Hạ Lang	01	1	06.38. 04923	D380101	2.00	1.00	3.00	6.00	6.00	
674	LPH.C04674	Hoàng Thị	Huyền	13/10/96	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.38. 04924	D380101	3.75	1.75	5.25	10.75	11.00	
675	LPH.C04676	Triệu Thị	Linh	23/09/96	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.38. 04921	D380101	3.75	2.00	4.50	10.25	10.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
676	LPH.C04677	Lý Thị	Thảo	08/04/96	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.38. 04918	D380101	5.75	3.00	4.00	12.75	13.00	
677	LPH.C04678	Thắm Đức	Thi	29/08/96		Huyện Hạ Lang	01	1	06.38. 04920	D380101	1.00	1.25	2.50	4.75	5.00	
678	LPH.C04679	Triệu Công	Tư	19/04/96		Huyện Hạ Lang	01	1	06.38. 04919	D380101	3.00	2.00	6.00	11.00	11.00	
679	LPH.C04680	Mã Thị	Hạnh	16/08/96	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.39. 04927	D380101	5.00	2.75	3.50	11.25	11.50	
680	LPH.C04681	Nông Thị	Ngọc	06/08/96	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.39. 04926	D380101	5.25	1.00	3.00	9.25	9.50	
681	LPH.C04683	Lý Thị	Lan	19/12/95	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.40. 04928	D380101	3.75	2.50	6.00	12.25	12.50	
682	LPH.C04684	Dương Thị	Duyên	14/08/96	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.41. 04930	D380101	2.25	2.00	4.50	8.75	9.00	
683	LPH.C04685	Hoàng Thị	Hạnh	24/12/96	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.41. 04933	D380101	2.75	4.25	5.00	12.00	12.00	
684	LPH.C04686	Hoàng Văn	Lương	10/10/96		Huyện Bảo Lâm	01	1	06.41. 04937	D380101	1.75	2.00	3.75	7.50	7.50	
685	LPH.C04689	Phan Phương	Thảo	16/08/94	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.41. 04935	D380101	1.00	2.25	4.50	7.75	8.00	
686	LPH.C04690	Mã Thị	Thời	16/12/96	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.41. 04932	D380101	2.75	1.00	5.50	9.25	9.50	
687	LPH.C04691	Ma Thị	Yến	16/02/96	Nữ	Huyện Bảo Lâm	01	1	06.41. 04931	D380101	1.50	2.25	5.25	9.00	9.00	
688	LPH.C04692	Bế Thị	Hoài	11/05/95	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.42. 04939	D380101	6.75	4.50	6.50	17.75	18.00	
689	LPH.C04693	Long Quốc	Huấn	17/02/95		Huyện Phục Hoà	01	1	06.42. 04938	D380101	6.50	3.50	7.00	17.00	17.00	
690	LPH.C04694	Bùi Xuân	Thái	27/11/95		Huyện Phục Hoà	01	1	06.42. 04940	D380107	6.00	4.25	5.00	15.25	15.50	
691	LPH.C04696	Nông Thị	Hệ	17/02/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 04949	D380101	1.75	0.75	3.50	6.00	6.00	
692	LPH.C04698	Đinh Thị	Phương	13/08/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 04942	D380101	4.50	3.25	6.25	14.00	14.00	
693	LPH.C04700	Nông Thị	Sâm	10/10/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.43. 04948	D380101	3.00	1.00	4.50	8.50	8.50	
694	LPH.C04702	Đinh Thị	The	02/04/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 04950	D380101	2.00	2.25	4.50	8.75	9.00	
695	LPH.C04703	Ngạc Thị	Thơ	26/08/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.43. 04945	D380101	3.50	1.75	5.00	10.25	10.50	
696	LPH.C04705	Phạm Thị	Thủy	12/08/95	Nữ	Huyện Đan Phượng		1	06.43. 04951	D380101	0.25	1.00	3.00	4.25	4.50	
697	LPH.C04706	Nguyễn Thị	Hiền	20/03/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.44. 04952		4.25	1.50	6.00	11.75	12.00	
698	LPH.C04708	Nông Văn	Nam	22/03/95		Huyện Hoà An	01	1	06.44. 04954	D380101	1.75	1.50	2.75	6.00	6.00	
699	LPH.C04709	Thạch Minh	Quyên	21/11/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.44. 04953	D380101	2.50	1.50	6.00	10.00	10.00	
700	LPH.C04713	Hoàng Văn	Nhi	04/04/96		Huyện Hà Quảng	01	1	06.47. 04959	D380101	0.50	0.50	2.00	3.00	3.00	
701	LPH.C04714	Lý Thị	Len	19/05/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.49. 04960	D380101	3.00	1.25	2.75	7.00	7.00	
702	LPH.C04716	Hoàng Thị	Liêm	16/01/95	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.51. 04963	D380101	1.50	1.50	2.50	5.50	5.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
703	LPH.C04717	Nông Thị Hoài	Thương	02/12/95	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	06.51. 04961	D380101	0.50	1.00	1.50	3.00	3.00	
704	LPH.C04720	Hoàng Văn	Đông	09/03/96		Huyện Hà Quảng	01	1	06.54. 04966	D380101	1.00	1.50	3.00	5.50	5.50	
705	LPH.C04721	Lục Văn	Nhất	17/05/95		Huyện Hà Quảng	01	1	06.54. 04967	D380101	0.25	1.00	1.50	2.75	3.00	
706	LPH.C04722	Quan Văn	Tấn	24/01/95		Huyện Bảo Lạc	01	1	06.55. 04968	D380101	1.00	1.50	3.00	5.50	5.50	
707	LPH.C04723	Nông Văn	Cương	11/11/95		Huyện Bảo Lâm	01	1	06.57. 04969	D380101	0.50	1.00	2.00	3.50	3.50	
708	LPH.C04725	Trần Thị	Nhi	06/07/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng		1	06.A5. 04971	D380101	7.50	3.50	7.00	18.00	18.00	
709	LPH.C04726	Lê Minh	Tiến	30/04/96		Huyện Bạch Thông	01	1	06.A5. 04972	D380101	3.50	1.50	2.00	7.00	7.00	
710	LPH.C04727	Đoàn Thị Minh	Huyền	06/09/95	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.00. 01881	D380107	6.00	4.00	6.00	16.00	16.00	
711	LPH.C04728	Phạm Thị	Linh	06/11/95	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.00. 01879	D380101	2.50	2.00	5.50	10.00	10.00	
712	LPH.C04729	Đỗ Thị Mai	Loan	10/09/95	Nữ	Thành Phố Lai Châu		2NT	07.00. 01878	D380101	4.75	1.00	5.00	10.75	11.00	
713	LPH.C04730	Nguyễn Triệu Phương	Thảo	15/12/95	Nữ	Thành Phố Lai Châu	01	1	07.00. 01880	D380101	2.75	3.00	5.25	11.00	11.00	
714	LPH.C04731	Nguyễn Thị Lâm	Anh	12/04/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu	01	1	07.01. 01882	D380101	6.75	4.00	6.50	17.25	17.50	
715	LPH.C04732	Bùi Khánh	Linh	10/11/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu	01	1	07.01. 01883	D380101	4.50	2.50	5.00	12.00	12.00	
716	LPH.C04733	Chu Tố	Uyên	28/10/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu	01	1	07.01. 01884	D380101	6.75	6.25	7.00	20.00	20.00	
717	LPH.C04734	Đỗ Thị Thùy	Dương	26/03/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.02. 01885	D380101	1.75	1.00	5.00	7.75	8.00	
718	LPH.C04735	Vàng Thị	Hiệu	21/09/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu	01	1	07.02. 01886	D380101	2.00	1.00	5.00	8.00	8.00	
719	LPH.C04736	Trần Thị	Nhi	25/06/96	Nữ	Huyện Tam Đường	01	1	07.02. 01887	D380101	1.25	2.25	4.75	8.25	8.50	
720	LPH.C04738	Sùng A	Giáo	07/06/96		Huyện Phong Thổ	01	1	07.03. 01893	D380101	0.50	1.75	6.00	8.25	8.50	
721	LPH.C04740	Tẩn Khé	Quản	04/01/96	Nữ	Huyện Phong Thổ	01	1	07.03. 01894	D380101	2.25	2.00	3.50	7.75	8.00	
722	LPH.C04741	Giàng A	Sinh	19/02/96		Huyện Phong Thổ	01	1	07.03. 01891		5.00	2.25	5.00	12.25	12.50	
723	LPH.C04744	Lê Thị	Thu	15/08/96	Nữ	Thành Phố Lai Châu		1	07.03. 01895	D380101	2.50	1.25	6.00	9.75	10.00	
724	LPH.C04746	Lò Thị	Biển	08/05/96	Nữ	Huyện Sin Hồ	01	1	07.04. 01897	D380101	6.75	5.50	6.50	18.75	19.00	
725	LPH.C04747	Lành Thị	Cúc	15/02/96	Nữ	Huyện Phong Thổ	01	1	07.04. 01898	D380101	5.75	2.50	2.00	10.25	10.50	
726	LPH.C04748	Hà Thị	Hằng	01/01/96	Nữ	Huyện Than Uyên	01	1	07.04. 01900	D380101	5.50	3.75	6.00	15.25	15.50	
727	LPH.C04749	Lù Thị	Hữu	03/07/96	Nữ	Huyện Tam Đường	01	1	07.04. 01899	D380101	2.75	2.50	5.50	10.75	11.00	
728	LPH.C04750	Tòng Thị	Minh	07/12/96	Nữ	Huyện Than Uyên	01	1	07.04. 01903	D380101	3.25	3.75	7.50	14.50	14.50	
729	LPH.C04751	Hà Trọng	Nghiêm	07/08/96		Huyện Than Uyên	01	1	07.04. 01901	D380101	4.50	2.50	5.00	12.00	12.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
730	LPH.C04754	Nguyễn Thị	Hảo	25/08/96	Nữ	Huyện Tam Đường		1	07.07. 01905	D380101	1.50	2.00	5.25	8.75	9.00	
731	LPH.C04755	Lò Thị	Hằng	18/08/96	Nữ	Huyện Tam Đường	01	1	07.07. 01906	D380101	2.00	1.50	5.00	8.50	8.50	
732	LPH.C04756	Tần Chín	Hùng	23/08/93		Huyện Phong Thổ	01	1	07.10. 01907	D380101	2.25	2.00	3.25	7.50	7.50	
733	LPH.C04757	Đèo Văn	Mừng	29/11/96		Huyện Phong Thổ	01	1	07.11. 01908	D380101	1.50	0.00	2.50	4.00	4.00	
734	LPH.C04759	Tần Sun	Mấy	24/09/96	Nữ	Huyện Sìn Hồ	01	1	07.13. 01911	D380101	3.50	1.50	5.00	10.00	10.00	
735	LPH.C04761	Giàng A	Phái	05/06/96		Huyện Sìn Hồ	01	1	07.13. 01912	D380101	2.00	2.25	4.25	8.50	8.50	
736	LPH.C04763	Vàng Văn	Hào	25/05/96		Huyện Mường Tè	01	1	07.16. 01914	D380101	1.00	.	.	1.00	1.00	
737	LPH.C04765	Lý Sỳ	Po	19/08/96		Huyện Mường Tè	01	1	07.16. 01917	D380101	0.50	1.00	2.00	3.50	3.50	
738	LPH.C04768	Nguyễn Việt	Hà	27/06/96	Nữ	Huyện Than Uyên		1	07.19. 01923	D380101	7.50	3.50	7.00	18.00	18.00	
739	LPH.C04769	Hồ Thị Minh	Huyền	08/09/96	Nữ	Huyện Than Uyên		1	07.19. 01924	D380101	6.75	4.50	6.00	17.25	17.50	
740	LPH.C04770	Lường Duy	Khánh	08/03/96		Huyện Than Uyên	01	1	07.19. 01920	D380101	1.00	2.25	4.00	7.25	7.50	
741	LPH.C04771	Cầm Thị	Sâm	26/01/96	Nữ	Huyện Than Uyên	01	1	07.19. 01925	D380107	4.50	5.25	7.00	16.75	17.00	
742	LPH.C04772	Hoàng Thị	Thìn	02/06/96	Nữ	Huyện Than Uyên	01	1	07.19. 01922	D380101	4.25	2.00	5.00	11.25	11.50	
743	LPH.C04775	Hà Văn	Xuyến	16/07/95		Huyện Than Uyên	01	1	07.22. 01927	D380101	3.25	1.50	4.00	8.75	9.00	
744	LPH.C04776	Lò Thị	Hằng	02/09/96	Nữ	Huyện Tân Uyên	01	1	07.23. 01928	D380101	2.75	4.00	7.50	14.25	14.50	
745	LPH.C04777	Nguyễn Thị	Liều	12/06/96	Nữ	Huyện Tân Uyên		1	07.23. 01930	D380101	7.50	3.00	7.25	17.75	18.00	
746	LPH.C04778	Nguyễn Bảo	Ngọc	17/04/96	Nữ	Huyện Tân Uyên		1	07.23. 01929	D380101	5.75	2.50	6.00	14.25	14.50	
747	LPH.C04779	Phan Thị	Tâm	06/07/96	Nữ	Huyện Tân Uyên	01	1	07.23. 01932	D380101	6.00	3.25	6.50	15.75	16.00	
748	LPH.C04780	Trần Thị Thu	Thủy	07/07/96	Nữ	Huyện Tân Uyên		1	07.23. 01931	D380101	6.50	3.50	6.75	16.75	17.00	
749	LPH.C04781	Trịnh Hạ	Vy	15/05/96	Nữ	Huyện Tân Uyên		1	07.23. 01933	D380101	8.50	6.75	7.50	22.75	23.00	
750	LPH.C04785	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	13/02/95	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.06. 05631	D380101	3.00	3.25	5.75	12.00	12.00	
751	LPH.C04786	Hoàng Đức	Khánh	30/12/93		Huyện Mường Khương	01	1	08.09. 05633	D380101	3.00	2.75	5.00	10.75	11.00	
752	LPH.C04787	Nguyễn Duy	Tân	11/05/95		Huyện Mường Khương		1	08.09. 05632	D380101	4.50	4.75	5.50	14.75	15.00	
753	LPH.C04789	Lê Thị	Hiền	03/08/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05634	D380101	5.75	7.50	7.50	20.75	21.00	
754	LPH.C04791	Nguyễn Hoài	Thu	19/02/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05637	D380101	7.75	4.75	7.00	19.50	19.50	
755	LPH.C04792	Bùi Thị Thanh	Thúy	13/08/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05636	D380101	6.75	3.75	7.00	17.50	17.50	
756	LPH.C04793	Hoàng Thị	Thủy	17/06/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.10. 05640	D380107	8.50	8.25	8.00	24.75	25.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
757	LPH.C04797	Phạm Thị Ngọc	Bích	06/09/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.11. 05647	D380101	3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
758	LPH.C04800	Nguyễn Diệu	Hồng	19/08/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.11. 05646	D380101	5.75	2.75	5.50	14.00	14.00	
759	LPH.C04802	Nguyễn Thị Hải	Linh	18/05/96	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	08.11. 05644	D380101	4.75	4.00	7.00	15.75	16.00	
760	LPH.C04803	Vũ Thị	Nga	14/03/96	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	08.11. 05649	D380101	5.00	4.25	4.50	13.75	14.00	
761	LPH.C04805	Phạm Thu	Hằng	13/07/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.12. 05651	D380101	4.25	3.25	6.75	14.25	14.50	
762	LPH.C04806	Phạm Thị Mai	Hương	23/09/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.12. 05652	D380101	5.00	3.25	6.00	14.25	14.50	
763	LPH.C04807	Nguyễn Thị	Khánh	10/10/94	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.12. 05653	D380101	4.75	1.75	4.50	11.00	11.00	
764	LPH.C04808	Đào Hoàng Khánh	Huyền	13/10/96	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	08.13. 05655	D380101	7.00	2.25	6.00	15.25	15.50	
765	LPH.C04810	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/10/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.13. 05654	D380101	5.25	2.50	6.25	14.00	14.00	
766	LPH.C04811	Phan Thị	Dung	14/05/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.15. 05658	D380101	7.50	5.00	4.50	17.00	17.00	
767	LPH.C04812	Dương Thị	Đức	17/11/96	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.15. 05664	D380101	8.75	7.00	7.50	23.25	23.50	
768	LPH.C04813	Lý Thu	Hà	01/11/96	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.15. 05660	D380101	6.50	2.00	5.75	14.25	14.50	
769	LPH.C04814	Dương Thị	Nhài	26/08/96	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.15. 05659	D380101	8.00	4.25	6.75	19.00	19.00	
770	LPH.C04816	Lưu Thị	Páo	12/08/96	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.15. 05661	D380101	7.25	3.25	5.00	15.50	15.50	
771	LPH.C04818	Ly Thó	Sớ	15/06/96	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.15. 05662	D380101	8.00	2.00	5.75	15.75	16.00	
772	LPH.C04820	Hoàng Văn	Dũng	08/12/94		Thành phố Lào Cai		1	08.16. 05666	D380107	4.25	1.75	4.00	10.00	10.00	
773	LPH.C04821	Lù Văn	Hùng	08/02/96		Huyện Si Ma Cai	01	1	08.17. 05668	D380101	3.00	2.00	3.50	8.50	8.50	
774	LPH.C04822	Hà Thanh	Nguyệt	28/02/96	Nữ	Huyện Si Ma Cai		1	08.17. 05667	D380101	0.50	0.50	3.00	4.00	4.00	
775	LPH.C04824	Lý Văn	Dũng	01/02/95		Huyện Bát Xát	01	1	08.18. 05671	D380101	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
776	LPH.C04827	Đặng Thị	Thắm	15/03/96	Nữ	Huyện Bát Xát		1	08.18. 05672	D380101	1.50	1.00	4.75	7.25	7.50	
777	LPH.C04828	Lương Tuấn	Anh	17/07/96		Huyện Bảo Thắng		1	08.19. 05678	D380107	2.25	1.25	4.50	8.00	8.00	
778	LPH.C04829	Hoàng Cao	Khải	12/08/95		Huyện Bảo Thắng		1	08.19. 05675	D380101	1.50	2.00	5.25	8.75	9.00	
779	LPH.C04831	Lại Thị	Ngoan	01/02/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.19. 05677	D380107	5.50	3.25	5.00	13.75	14.00	
780	LPH.C04832	Vàng Thị	Thúy	25/03/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.19. 05676	D380101	2.00	1.75	4.50	8.25	8.50	
781	LPH.C04833	Phạm Thị Lệ	Giang	05/09/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.20. 05679	D380101	1.50	2.00	6.50	10.00	10.00	
782	LPH.C04834	Trần Khánh	Huyền	04/03/96	Nữ	Huyện Sa Pa		1	08.22. 05680	D380101	3.50	3.25	5.00	11.75	12.00	
783	LPH.C04835	Hà Tiến	Thiện	08/02/96		Huyện Sa Pa		1	08.22. 05681	D380101	6.50	4.50	6.00	17.00	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
784	LPH.C04837	Lê Phương	Anh	05/09/96	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	08.23. 05684	D380101	3.50	3.50	6.00	13.00	13.00	
785	LPH.C04838	Hồ Chí	Cường	12/09/96		Huyện Văn Bàn		1	08.23. 05686	D380101	0.50	1.00	2.00	3.50	3.50	
786	LPH.C04839	Chu Tùng	Dương	14/08/96		Huyện Văn Bàn	01	1	08.23. 05687	D380101	1.75	1.50	5.00	8.25	8.50	
787	LPH.C04840	Phạm Như	Hoa	03/09/96	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.23. 05685	D380101	2.50	2.00	6.00	10.50	10.50	
788	LPH.C04841	Hoàng Quang	Khải	24/06/96		Huyện Văn Bàn	01	1	08.23. 05688	D380101	5.50	3.25	5.00	13.75	14.00	
789	LPH.C04842	Hoàng Thị	Thúy	05/02/96	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.23. 05683	D380101	4.75	1.75	5.00	11.50	11.50	
790	LPH.C04844	Vũ Thị	Hằng	07/05/96	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	08.25. 05692	D380101	4.50	2.50	7.25	14.25	14.50	
791	LPH.C04845	Nguyễn Thùy	Linh	11/11/96	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	08.25. 05690	D380101	5.50	4.25	8.00	17.75	18.00	
792	LPH.C04846	Hoàng Thị Thảo	Thúy	24/06/96	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.25. 05689	D380101	1.75	1.25	3.00	6.00	6.00	
793	LPH.C04848	Tạ Thị	Thắm	01/12/96	Nữ	Huyện Bắc Hà		1	08.27. 05694	D380101	7.50	4.75	5.75	18.00	18.00	
794	LPH.C04849	Hầu Seo	Thắng	05/10/96		Huyện Bắc Hà	01	1	08.27. 05695	D380101	3.50	2.00	3.50	9.00	9.00	
795	LPH.C04850	Nguyễn Thị Minh	Thu	23/09/96	Nữ	Huyện Bắc Hà		1	08.27. 05697	D380101	7.25	5.00	7.25	19.50	19.50	
796	LPH.C04851	Giăng Seo	Tùa	05/07/96		Huyện Bắc Hà	01	1	08.27. 05696	D380101	6.50	3.50	4.00	14.00	14.00	
797	LPH.C04852	Sùng	Cường	01/01/96		Huyện Mường Khương	01	1	08.28. 05698	D380101	4.50	1.50	6.00	12.00	12.00	
798	LPH.C04853	Sùng	Sú	16/05/96	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.28. 05699	D380107	2.25	2.00	6.50	10.75	11.00	
799	LPH.C04855	Pờ Thị	Kiều	08/06/96	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.29. 05701	D380101	7.00	5.25	5.25	17.50	17.50	
800	LPH.C04856	Phản Thị	Liên	21/08/96	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.29. 05702	D380101	3.00	1.75	4.00	8.75	9.00	
801	LPH.C04857	Hoàng Thị Hải	Vân	26/09/96	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.29. 05703	D380101	3.75	4.00	5.50	13.25	13.50	
802	LPH.C04858	Sì Quốc	Minh	25/10/96		Huyện Bảo Thắng	01	1	08.31. 05705	D380101	5.75	2.50	5.00	13.25	13.50	
803	LPH.C04859	Phạm Thị Hoài	Thương	11/07/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.31. 05704	D380101	4.00	5.50	6.25	15.75	16.00	
804	LPH.C04862	Trần Thanh	Tùng	24/09/90		Huyện Bảo Thắng		1	08.32. 05706	D380101	2.00	1.50	5.00	8.50	8.50	
805	LPH.C04863	Nguyễn Ngọc	Duy	13/08/96		Huyện Bắc Hà		1	08.40. 05709	D380101	0.50	1.00	3.50	5.00	5.00	
806	LPH.C04866	Lô Seo	Chúng	14/07/96		Huyện Si Ma Cai	01	1	08.47. 05712	D380101	5.25	4.50	5.25	15.00	15.00	
807	LPH.C04867	Nguyễn Quang	Thái	18/07/96		Th. phố Tuyên Quang		1	09.00. 00718	D380101	0.00	0.75	3.50	4.25	4.50	
808	LPH.C04870	Đường Phương	Linh	04/06/95	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	01	1	09.01. 00088	D380101	4.75	2.75	4.50	12.00	12.00	
809	LPH.C04871	Lý Hương	Linh	02/06/95	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	01	1	09.01. 00082	D380101	6.50	4.75	6.50	17.75	18.00	
810	LPH.C04874	Phùng Thị Kim	Nhung	18/08/95	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.01. 00057	D380101	5.25	5.00	3.50	13.75	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
811	LPH.C04875	Nguyễn Thanh Sơn	07/06/94		Th. phố Tuyên Quang		1	09.01. 00079	D380101	5.75	5.00	4.75	15.50	15.50	
812	LPH.C04876	Trần Thu Trang	15/10/95	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	01	1	09.01. 00123	D380101	4.50	5.00	3.25	12.75	13.00	
813	LPH.C04877	Hoàng Thị Lan	22/10/95	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.03. 00003	D380101	6.25	5.00	6.00	17.25	17.50	
814	LPH.C04878	Nguyễn Hoàng Long	27/03/93		Huyện Na Hang	01	1	09.03. 00055	D380101	4.00	1.75	2.75	8.50	8.50	
815	LPH.C04879	Hoàng Minh Thơ	18/10/95	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.03. 00005	D380101	4.25	1.50	5.00	10.75	11.00	
816	LPH.C04880	Trịnh Thị Thương	10/09/95	Nữ	Huyện Na Hang		1	09.03. 00004	D380101	7.50	5.50	5.50	18.50	18.50	
817	LPH.C04881	Mạc Văn Tòng	28/01/95		Huyện Na Hang	01	1	09.03. 00006	D380101	2.00	1.25	3.50	6.75	7.00	
818	LPH.C04883	Ma Thị Dung	22/09/95	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.04. 00110	D380101	4.00	4.00	4.50	12.50	12.50	
819	LPH.C04891	Đoàn Ngọc Hôi	21/08/94		Huyện Yên Sơn		1	09.06. 00053	D380101	6.75	2.50	4.50	13.75	14.00	
820	LPH.C04892	Lý Thị Hảo	06/07/95	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.07. 00117	D380101	1.25	1.75	6.00	9.00	9.00	
821	LPH.C04893	Nguyễn Thu Hiền	07/09/95	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.07. 00113	D380101	6.75	4.50	7.00	18.25	18.50	
822	LPH.C04894	Nguyễn Xuân Tường	25/06/95		Huyện Sơn Dương	01	1	09.07. 00114	D380101	6.75	5.00	5.00	16.75	17.00	
823	LPH.C04895	Lâm Thị Kiều Diễm	04/04/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.08. 00105	D380101	3.75	4.75	7.25	15.75	16.00	
824	LPH.C04896	Đào Thị Hồng Hạnh	03/08/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.08. 00108	D380101	4.50	4.00	7.25	15.75	16.00	
825	LPH.C04897	Chu Thúy Hiền	19/10/96	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	09.08. 00122	D380101	5.00	4.50	6.00	15.50	15.50	
826	LPH.C04898	Hoàng Thị Hoa	17/08/96	Nữ	Huyện Lâm Bình	01	1	09.08. 00123	D380101	1.00	1.50	5.00	7.50	7.50	
827	LPH.C04899	Tạ Thị Thúy Hoa	19/05/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.08. 00120	D380101	2.25	2.00	7.00	11.25	11.50	
828	LPH.C04900	Phan Thị Huyền	26/03/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.08. 00107	D380101	6.75	4.50	7.00	18.25	18.50	
829	LPH.C04901	Phùng Thị Bích Huyền	01/10/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.08. 00104	D380101	8.00	6.25	7.75	22.00	22.00	
830	LPH.C04902	Phan Thùy Linh	25/01/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.08. 00118	D380101	6.00	5.75	8.50	20.25	20.50	
831	LPH.C04903	Trần Thị Luyến	02/11/96	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	09.08. 00110	D380101	3.75	2.00	5.75	11.50	11.50	
832	LPH.C04905	Hà Thị Hồng Ngọc	18/11/96	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	09.08. 00114	D380101	6.00	2.25	6.50	14.75	15.00	
833	LPH.C04906	Trần Văn Sử	01/05/96		Huyện Sơn Dương	01	1	09.08. 00117	D380101	4.25	7.00	6.50	17.75	18.00	
834	LPH.C04907	Phùng Văn Tùng	03/02/96		Huyện Lâm Bình	01	1	09.08. 00106	D380101	3.75	2.25	4.50	10.50	10.50	
835	LPH.C04908	Lý Văn ú	06/05/96		Huyện Lâm Bình	01	1	09.08. 00191	D380107	4.75	3.75	6.50	15.00	15.00	
836	LPH.C04909	Lộc Quang Vũ	19/05/96		Huyện Na Hang	01	1	09.08. 00115	D380101	6.50	4.00	6.50	17.00	17.00	
837	LPH.C04910	Đoàn Thị Mai Anh	26/05/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00092	D380101	6.50	6.00	3.75	16.25	16.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
838	LPH.C04911	Lê Hoàng	Anh	24/10/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	01	1	09.09. 00087	D380101	6.25	5.00	6.50	17.75	18.00	
839	LPH.C04912	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	17/08/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00103	D380101	7.50	6.75	8.00	22.25	22.50	
840	LPH.C04913	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	26/04/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.09. 00088	D380101	6.50	6.50	7.00	20.00	20.00	
841	LPH.C04915	Trần Thị Ngọc	ánh	01/11/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.09. 00104	D380101	7.00	6.75	7.00	20.75	21.00	
842	LPH.C04916	Lã Thị Ngọc	Bích	21/01/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00095	D380107	7.50	7.50	6.50	21.50	21.50	
843	LPH.C04918	Lê Phương	Hoa	07/02/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00107	D380101	8.25	8.25	7.00	23.50	23.50	
844	LPH.C04919	Giáp Khánh	Huyền	15/11/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.09. 00099	D380107	7.75	6.75	8.50	23.00	23.00	
845	LPH.C04920	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/12/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	06	1	09.09. 00094	D380101	7.25	7.75	7.50	22.50	22.50	
846	LPH.C04921	Ngô Thị Thu	Hương	03/06/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00086	D380101	5.50	6.00	5.75	17.25	17.50	
847	LPH.C04923	Lê Thị Mỹ	Linh	12/01/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00106	D380101	7.25	7.00	7.00	21.25	21.50	
848	LPH.C04924	Nguyễn Thùy	Linh	01/12/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.09. 00091	D380101	8.25	6.75	7.50	22.50	22.50	
849	LPH.C04925	Vũ Thủy	Linh	23/10/96	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.09. 00085	D380101	6.25	5.25	6.00	17.50	17.50	
850	LPH.C04926	Đặng Thị	Luyến	05/07/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	09.09. 00090	D380101	4.50	6.50	7.25	18.25	18.50	
851	LPH.C04927	Đỗ Thị Hồng	Nhung	14/01/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00109	D380101	7.00	4.50	6.50	18.00	18.00	
852	LPH.C04929	Hoàng Vũ Anh	Thư	25/09/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00102	D380107	7.25	8.50	7.00	22.75	23.00	
853	LPH.C04931	Tạ Thị Thu	Trà	30/09/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00101	D380107	7.75	7.50	8.00	23.25	23.50	
854	LPH.C04933	Vi Thị Hải	Yến	21/11/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang	01	1	09.09. 00084	D380107	5.50	5.25	7.00	17.75	18.00	
855	LPH.C04935	Hoàng Thu	Huyền	20/04/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.10. 00329	D380101	3.75	2.75	7.25	13.75	14.00	
856	LPH.C04936	Trần Khánh	Huyền	19/03/96	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.10. 00332	D380101	3.50	3.00	7.75	14.25	14.50	
857	LPH.C04937	Trần Thị Thuý	Lệ	17/05/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.10. 00333	D380101	1.75	1.50	3.00	6.25	6.50	
858	LPH.C04939	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11/08/96	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.10. 00328	D380101	5.75	6.00	7.00	18.75	19.00	
859	LPH.C04940	Phạm Thị	Thanh	12/05/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.10. 00331	D380101	4.00	1.75	4.25	10.00	10.00	
860	LPH.C04942	Hà Thị	Chinh	09/03/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.11. 00101	D380101	0.75	1.50	5.75	8.00	8.00	
861	LPH.C04943	Đặng Việt	Hà	28/11/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.11. 00102	D380101	6.75	5.75	5.00	17.50	17.50	
862	LPH.C04944	Phạm Thị Lê	Hương	18/09/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.11. 00105	D380101	6.50	2.50	7.50	16.50	16.50	
863	LPH.C04945	Đỗ Hoài	Nam	05/03/95		Th. phố Tuyên Quang		1	09.11. 00106	D380101	3.25	0.50	0.50	4.25	4.50	
864	LPH.C04946	Nguyễn Hồng	Sơn	26/12/96		Huyện Yên Sơn	01	1	09.11. 00104	D380101	9.00	6.25	7.00	22.25	22.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
865	LPH.C04947	Vũ Thị Phương	Thảo	17/05/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.11. 00107	D380101	5.25	2.25	5.00	12.50	12.50	
866	LPH.C04948	Trần Lệ	Trình	22/11/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.11. 00103	D380101	2.50	1.00	3.50	7.00	7.00	
867	LPH.C04950	Nguyễn Thị	Linh	20/12/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.12. 00204	D380101	5.25	3.25	5.75	14.25	14.50	
868	LPH.C04952	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	17/12/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.12. 00205	D380101	2.00	2.75	6.00	10.75	11.00	
869	LPH.C04954	Bàn Thị	Hương	10/05/96	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.16. 00062	D380101	5.25	5.00	6.25	16.50	16.50	
870	LPH.C04955	Duy Thị Thanh	Niềm	13/06/96	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.16. 00064	D380101	6.00	6.00	5.75	17.75	18.00	
871	LPH.C04956	Nguyễn Thị	Hiên	16/11/96	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.17. 00116	D380101	6.75	6.25	7.00	20.00	20.00	
872	LPH.C04957	Sầm Văn	Tồn	29/12/96		Huyện Na Hang	01	1	09.17. 00117	D380101	6.25	3.75	5.25	15.25	15.50	
873	LPH.C04958	Vi Thị	Trang	14/11/96	Nữ	Huyện Na Hang	01	1	09.17. 00118	D380101	7.00	4.50	6.00	17.50	17.50	
874	LPH.C04959	Triệu Thị	Diễn	18/12/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00099	D380107	6.50	6.50	7.75	20.75	21.00	
875	LPH.C04960	Nguyễn Thành	Đạt	07/01/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00104	D380101	6.00	1.50	5.00	12.50	12.50	
876	LPH.C04961	Triệu Văn	Giang	09/05/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00111	D380101	4.00	1.50	3.00	8.50	8.50	
877	LPH.C04962	Mã Thị Bích	Hậu	14/04/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00106	D380101	2.00	0.50	4.50	7.00	7.00	
878	LPH.C04963	Hà Thị	Hằng	27/09/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00101	D380107	2.25	3.75	5.50	11.50	11.50	
879	LPH.C04964	Ma Thị Diệu	Hồng	19/10/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00112	D380101	3.75	2.00	5.50	11.25	11.50	
880	LPH.C04965	Triệu Thị	Huyền	19/06/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00103	D380107	6.75	2.25	7.00	16.00	16.00	
881	LPH.C04966	Đỗ Đức Tùng	Lâm	02/09/96		Huyện Chiêm Hoá		1	09.18. 00098	D380107	7.75	5.75	5.50	19.00	19.00	
882	LPH.C04967	Hoàng Khánh	Lâm	11/12/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00100	D380107	6.25	4.00	6.50	16.75	17.00	
883	LPH.C04968	Ngô Thị Thảo	Liên	25/08/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00110	D380101	6.50	4.50	6.75	17.75	18.00	
884	LPH.C04970	Hà Duy	Lực	26/03/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00109	D380101	0.50	1.50	2.50	4.50	4.50	
885	LPH.C04971	Hoàng Minh	Phương	03/07/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá		1	09.18. 00102	D380107	6.50	5.00	7.50	19.00	19.00	
886	LPH.C04972	Triệu Huy	Thục	29/10/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00113	D380101	3.25	1.50	3.00	7.75	8.00	
887	LPH.C04973	Lê Thùy	Trang	23/09/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá		1	09.18. 00107	D380101	7.75	4.50	8.00	20.25	20.50	
888	LPH.C04974	Ma Thị	Yến	20/01/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00108	D380101	7.25	5.00	8.00	20.25	20.50	
889	LPH.C04976	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	09/07/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.19. 00009	D380101	7.00	6.00	6.25	19.25	19.50	
890	LPH.C04977	Ma Thị	Trang	28/02/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.19. 00062	D380101	3.50	2.50	7.00	13.00	13.00	
891	LPH.C04978	Trương Ngọc	Vũ	26/02/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.19. 00008	D380101	8.00	5.00	7.00	20.00	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
892	LPH.C04980	Hà Thị Kim	Yến	24/08/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.19. 00061	D380101	1.50	1.75	7.00	10.25	10.50	
893	LPH.C04981	Lý Tài	Hiếu	04/07/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.20. 00120	D380101	7.25	7.00	5.50	19.75	20.00	
894	LPH.C04982	Quan Thị	Hiên	28/06/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.21. 00106	D380107	3.75	3.00	6.50	13.25	13.50	
895	LPH.C04983	Hoàng Thị	Huế	02/03/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.21. 00104	D380107	5.00	3.25	7.50	15.75	16.00	
896	LPH.C04985	Hoàng Thị	Yến	28/08/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.21. 00105	D380107	6.50	8.00	7.50	22.00	22.00	
897	LPH.C04986	Ma Văn	Chính	29/11/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.22. 00077	D380107	5.50	4.50	7.25	17.25	17.50	
898	LPH.C04987	Hà Văn	Phú	24/07/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.22. 00076	D380107	2.50	2.00	4.50	9.00	9.00	
899	LPH.C04988	Ma Phúc	Việt	04/07/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.22. 00078	D380101	7.25	3.00	5.00	15.25	15.50	
900	LPH.C04989	Hà Đức	Cương	06/10/94		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.23. 00002	D380101	5.00	1.50	2.25	8.75	9.00	
901	LPH.C04991	Ma Đình	Hiệp	14/10/96		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.23. 00011	D380101	0.50	1.50	2.00	4.00	4.00	
902	LPH.C04992	Ma Thị	Mai	20/10/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.23. 00008	D380101	3.75	1.00	3.50	8.25	8.50	
903	LPH.C04994	Nguyễn Thị	Xuyên	10/07/96	Nữ	Huyện Chiêm Hoá		1	09.23. 00012	D380107	3.75	3.25	5.75	12.75	13.00	
904	LPH.C04996	Bàn Văn	Chuyên	07/03/95		Huyện Hàm Yên	01	1	09.24. 00022	D380107	6.50	5.50	4.50	16.50	16.50	
905	LPH.C04998	Nguyễn Văn	Hưng	07/12/96		Huyện Hàm Yên		1	09.24. 00028	D380107	1.50	3.75	5.00	10.25	10.50	
906	LPH.C04999	Trần Mai	Hương	25/11/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	09.24. 00021	D380101	7.75	3.75	6.50	18.00	18.00	
907	LPH.C05000	Vũ Phương	Thảo	26/02/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	09.24. 00024	D380101	4.25	2.00	7.25	13.50	13.50	
908	LPH.C05001	Nguyễn Đức	Thiện	06/12/96		Huyện Hàm Yên		1	09.24. 00020	D380101	1.75	1.50	3.00	6.25	6.50	
909	LPH.C05002	Vũ Việt Hà	Trình	25/07/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	09.24. 00023	D380101	4.50	5.50	5.50	15.50	15.50	
910	LPH.C05003	Bàn Thị	Yến	24/07/96	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	09.24. 00026	D380101	0.50	1.00	4.50	6.00	6.00	
911	LPH.C05005	Leo Văn	Hiếu	07/08/96		Huyện Hàm Yên	01	1	09.25. 00082	D380101	1.75	2.50	5.00	9.25	9.50	
912	LPH.C05006	Nông Thị Thu	Huyền	17/01/96	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	09.25. 00078	D380101	3.75	1.50	3.75	9.00	9.00	
913	LPH.C05007	Vũ Thu	Huyền	20/05/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	09.25. 00081	D380101	6.50	4.50	6.25	17.25	17.50	
914	LPH.C05008	Vi Văn	Ly	02/01/96		Huyện Hàm Yên	01	1	09.25. 00079	D380101	4.50	1.75	4.00	10.25	10.50	
915	LPH.C05009	Lã Văn	Nghĩa	01/11/95		Huyện Hàm Yên	01	1	09.25. 00085	D380107	1.25	1.00	2.00	4.25	4.50	
916	LPH.C05012	Phạm Minh	Nguyệt	04/05/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	09.26. 00154	D380101	2.75	3.50	6.50	12.75	13.00	
917	LPH.C05013	Đình Thị Hồng	Thu	11/07/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	09.26. 00151	D380107	1.75	1.75	5.00	8.50	8.50	
918	LPH.C05014	Trần Huyền	Trang	16/08/96	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	09.26. 00152	D380101	5.25	3.00	6.00	14.25	14.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
919	LPH.C05015	Lưu Thị	Trâm	26/01/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	09.26. 00153	D380101	7.25	4.50	7.00	18.75	19.00	
920	LPH.C05016	Vũ Thủy	Anh	30/11/96		Huyện Yên Sơn		1	09.27. 00100	D380107	4.00	2.75	5.00	11.75	12.00	
921	LPH.C05017	Nguyễn Thị Tiểu	Phuong	07/07/95	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.27. 00098	D380101	6.50	3.75	6.50	16.75	17.00	
922	LPH.C05018	Lâm Văn	Thọ	17/11/96		Huyện Yên Sơn	01	1	09.27. 00099	D380101	4.75	3.50	5.00	13.25	13.50	
923	LPH.C05020	Phạm Thị	Nga	20/05/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.30. 00064	D380101	5.50	3.50	6.00	15.00	15.00	
924	LPH.C05021	Vũ Thị	Ngọc	30/09/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.30. 00063	D380101	5.50	5.25	6.50	17.25	17.50	
925	LPH.C05023	Triệu Khánh	Huyền	26/02/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.31. 00206	D380107	7.50	2.25	6.00	15.75	16.00	
926	LPH.C05024	Trần Ngọc	Lệ	07/04/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00202	D380101	5.25	1.75	5.00	12.00	12.00	
927	LPH.C05025	Hà Khánh	Linh	30/10/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.31. 00205	D380101	1.50	1.00	1.50	4.00	4.00	
928	LPH.C05026	Nguyễn Thị Nhật	Linh	05/09/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.31. 00208	D380107	1.50	0.50	1.00	3.00	3.00	
929	LPH.C05027	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/06/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00204	D380101	0.75	1.50	5.50	7.75	8.00	
930	LPH.C05028	Đinh Thị	Thắm	10/12/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00209	D380107	3.75	1.00	5.50	10.25	10.50	
931	LPH.C05030	Lê Trung	Kiên	05/07/96		Huyện Sơn Dương		1	09.32. 00248	D380107	5.75	2.50	2.50	10.75	11.00	
932	LPH.C05031	Đỗ Trà	Mi	01/12/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.32. 00107	D380101	4.25	2.50	7.00	13.75	14.00	
933	LPH.C05032	Triệu Thị	Huyền	04/09/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.35. 00034	D380101	1.25	2.25	4.50	8.00	8.00	
934	LPH.C05033	Đinh Thị	Thu	15/08/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.35. 00036	D380101	6.75	4.00	7.00	17.75	18.00	
935	LPH.C05034	Lưu Tiến	Long	22/06/96		Huyện Sơn Dương		1	09.36. 00061	D380101	0.75	2.25	3.50	6.50	6.50	
936	LPH.C05035	Nguyễn Thị	Nhung	18/07/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.36. 00060	D380101	4.00	2.00	5.50	11.50	11.50	
937	LPH.C05036	Phùng Thị Tuyết	Xương	19/12/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	09.36. 00059	D380101	3.50	1.25	4.00	8.75	9.00	
938	LPH.C05037	Nguyễn Hoàng	Anh	04/06/93		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.00. 06323	D380101	4.75	1.00	1.50	7.25	7.50	
939	LPH.C05041	Mai Trung	Hải	11/12/93		Huyện Tràng Định	01	1	10.00. 06324	D380101	6.75	2.75	3.00	12.50	12.50	
940	LPH.C05042	Hà Thanh	Hằng	09/09/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.00. 06330	D380101	7.75	5.00	6.00	18.75	19.00	
941	LPH.C05044	Lý Thị Diệu	Hồng	18/06/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.00. 06320	D380101	5.50	4.50	5.75	15.75	16.00	
942	LPH.C05046	Nguyễn Trúc	Quỳnh	10/08/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.00. 06322	D380101	0.25	1.50	1.00	2.75	3.00	
943	LPH.C05047	Hà Bích	Thảo	13/08/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.00. 06327	D380101	3.25	4.00	4.75	12.00	12.00	
944	LPH.C05048	Nông Bích	Thùy	11/11/95	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.00. 06329	D380101	1.50	1.00	2.50	5.00	5.00	
945	LPH.C05049	Lương Huyền	Trang	12/05/95	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.00. 06325	D380101	5.75	3.00	3.00	11.75	12.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
946	LPH.C05050	Hồ Ngọc	Anh	09/12/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06367	D380107	4.50	1.50	2.00	8.00	8.00	
947	LPH.C05053	Nguyễn Thị Kim	Chi	02/05/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06342	D380101	1.00	1.75	7.75	10.50	10.50	
948	LPH.C05054	Nguyễn Văn	Công	14/01/95		Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06350	D380101	2.00	0.25	3.50	5.75	6.00	
949	LPH.C05059	Hoàng Thị Nhật	Hoan	07/10/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.01. 06345	D380101	6.00	1.50	6.50	14.00	14.00	
950	LPH.C05060	Lương Việt	Hoàng	19/06/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06372	D380107	0.75	2.75	5.00	8.50	8.50	
951	LPH.C05061	Vi Thị	Hồng	26/12/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06347	D380101	6.00	6.50	6.00	18.50	18.50	
952	LPH.C05063	Nguyễn Quốc	Huy	27/03/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06365	D380101	0.75	0.75	3.00	4.50	4.50	
953	LPH.C05064	Đình Thanh	Huyền	03/04/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06334	D380101	3.25	1.50	6.00	10.75	11.00	
954	LPH.C05065	Nguyễn Thị	Huyền	13/06/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06354	D380101	0.75	2.00	4.25	7.00	7.00	
955	LPH.C05066	Phan Thuỳ	Linh	19/06/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.01. 06343	D380101	6.00	1.50	5.50	13.00	13.00	
956	LPH.C05067	Vũ Thị Khánh	Linh	08/08/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06346	D380101	2.25	1.50	4.00	7.75	8.00	
957	LPH.C05068	Vy Thùy	Linh	13/12/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06360	D380101	3.25	1.00	5.00	9.25	9.50	
958	LPH.C05069	Hoàng Kiều	Loan	10/07/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.01. 06369	D380107	2.50	1.00	3.50	7.00	7.00	
959	LPH.C05070	Lộc Thị Bích	Ly	30/12/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06340	D380101	7.50	3.50	6.00	17.00	17.00	
960	LPH.C05071	Hoàng Thị Thanh	Mai	31/05/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.01. 06366	D380101	5.50	5.50	7.00	18.00	18.00	
961	LPH.C05074	Chu Minh	Nguyệt	20/09/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06355	D380101	5.50	2.25	6.50	14.25	14.50	
962	LPH.C05075	Phạm Thu	Phương	23/06/96	Nữ	Huyện Kim Động		1	10.01. 06364	D380101	6.25	4.75	2.00	13.00	13.00	
963	LPH.C05076	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	25/06/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06374	D380107	3.50	2.00	6.25	11.75	12.00	
964	LPH.C05077	Vũ Ngọc	Tám	17/06/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06351	D380101	0.00	.	.	0.00	0.00	
965	LPH.C05078	Vi Phương	Thanh	10/07/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06362	D380101	1.00	1.75	3.75	6.50	6.50	
966	LPH.C05079	Đỗ Thị Trung	Thảo	10/02/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06353	D380101	0.75	1.50	3.50	5.75	6.00	
967	LPH.C05080	Lương Thị	Thùy	22/05/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06361	D380101	5.00	3.00	4.25	12.25	12.50	
968	LPH.C05081	Hoàng Thị Anh	Thư	23/08/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.01. 06341	D380101	1.50	0.50	4.50	6.50	6.50	
969	LPH.C05082	Lê Quỳnh	Trang	25/01/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06338	D380101	2.75	0.50	3.50	6.75	7.00	
970	LPH.C05083	Vương Thị	Trang	10/08/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.01. 06359	D380101	2.25	3.75	4.00	10.00	10.00	
971	LPH.C05085	Phạm Duy	Tùng	14/01/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06352	D380101	4.50	1.75	3.50	9.75	10.00	
972	LPH.C05086	Trần Mạnh	Tường	05/05/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06339	D380101	2.50	1.25	5.50	9.25	9.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
973	LPH.C05087	Hà Thị Hồng	Vân	27/04/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06336	D380101	6.75	4.50	5.00	16.25	16.50	
974	LPH.C05088	Lương Y	Vân	05/03/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06335	D380101	4.25	3.50	5.00	12.75	13.00	
975	LPH.C05089	Trần Tường	Vy	15/01/96	Nữ	Huyện Đình Lập		1	10.01. 06337	D380101	6.25	3.00	6.50	15.75	16.00	
976	LPH.C05090	Đàm Thị	Yến	09/06/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06348	D380101	7.25	2.75	7.25	17.25	17.50	
977	LPH.C05091	Lục Minh	Yến	18/12/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06358	D380101	2.75	3.75	5.25	11.75	12.00	
978	LPH.C05092	Vi Bạch	Chinh	21/02/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06378	D380101	7.50	5.75	7.50	20.75	21.00	
979	LPH.C05093	Nguyễn Thị Thu	Hà	19/07/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06379	D380101	7.25	3.50	7.75	18.50	18.50	
980	LPH.C05094	Vi Nhật	Hà	09/05/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.02. 06377	D380101	5.50	5.00	7.00	17.50	17.50	
981	LPH.C05095	Bùi Thị Khánh	Ly	01/09/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06376	D380101	7.25	6.25	7.00	20.50	20.50	
982	LPH.C05097	Lý Hoàng	Quý	01/11/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06383	D380107	7.00	6.00	6.75	19.75	20.00	
983	LPH.C05098	Nguyễn Thu	Quỳnh	23/10/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06384	D380107	7.50	5.00	6.50	19.00	19.00	
984	LPH.C05099	Nguyễn Phương	Thảo	24/12/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06381	D380101	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
985	LPH.C05100	Đỗ Thị	Trang	11/11/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06380	D380101	8.25	4.75	6.00	19.00	19.00	
986	LPH.C05101	Trần Linh	Trang	06/10/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06382	D380101	8.75	5.00	7.25	21.00	21.00	
987	LPH.C05102	Triệu Thị	Cao	24/12/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.03. 06391	D380101	1.25	1.75	4.50	7.50	7.50	
988	LPH.C05103	Nông Minh	Chiến	08/12/96		Huyện Tràng Định	01	1	10.03. 06402	D380107	5.50	6.00	6.00	17.50	17.50	
989	LPH.C05104	Lô Thị	Đào	09/09/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.03. 06397	D380107	4.00	3.75	7.50	15.25	15.50	
990	LPH.C05105	Hoàng Thị	Hằng	22/08/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.03. 06387	D380101	6.25	4.00	6.00	16.25	16.50	
991	LPH.C05106	Hoàng Thị	Hòa	02/02/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.03. 06392	D380101	3.50	3.00	6.00	12.50	12.50	
992	LPH.C05107	Hoàng Thị Minh	Huệ	06/03/96	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.03. 06386	D380101	6.25	2.75	5.00	14.00	14.00	
993	LPH.C05108	Mạc Thị	Huyền	25/06/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.03. 06389	D380101	3.25	4.50	4.00	11.75	12.00	
994	LPH.C05109	Trần Thị	Huyền	12/11/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.03. 06403	D380107	4.50	3.00	5.00	12.50	12.50	
995	LPH.C05110	Lương Thị	Hương	15/12/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.03. 06388	D380101	7.00	1.75	5.50	14.25	14.50	
996	LPH.C05111	Lộc Thị	Lên	22/12/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.03. 06401	D380107	6.25	6.00	7.00	19.25	19.50	
997	LPH.C05112	Hoàng Kim	Lực	01/10/96		Huyện Bắc Sơn	01	1	10.03. 06394	D380101	2.75	5.25	5.00	13.00	13.00	
998	LPH.C05113	Hứa Thị Kim	Oanh	10/05/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.03. 06390	D380101	7.25	4.75	7.00	19.00	19.00	
999	LPH.C05114	Chu Thị	Phong	02/11/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.03. 06400	D380107	7.00	6.50	6.00	19.50	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1000	LPH.C05115	Hoàng Thị	Phượng	24/08/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.03. 06385	D380101	8.00	5.00	6.75	19.75	20.00	
1001	LPH.C05116	Lê Thị	Phượng	23/03/95	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.03. 06395	D380101	4.50	3.75	6.50	14.75	15.00	
1002	LPH.C05117	Nông Thị	Quyên	08/11/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.03. 06393	D380101	5.00	4.50	6.00	15.50	15.50	
1003	LPH.C05118	Hoàng Thị	Tần	25/01/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.03. 06398	D380107	3.75	3.75	6.00	13.50	13.50	
1004	LPH.C05120	Hoàng Thị	Xuyến	30/03/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.03. 06399	D380107	7.50	4.25	6.00	17.75	18.00	
1005	LPH.C05122	Hoàng Thị Hồng	Nhung	01/08/92	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.06. 06405	D380101	7.00	3.00	6.50	16.50	16.50	
1006	LPH.C05123	Đường Thục	Trình	28/01/95	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.08. 06406	D380101	4.25	2.75	6.00	13.00	13.00	
1007	LPH.C05124	Nông Thị ái	Vân	13/04/95	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.08. 06407	D380101	3.75	5.75	7.00	16.50	16.50	
1008	LPH.C05125	Lục Thuý	An	09/09/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06408	D380101	1.00	1.00	6.00	8.00	8.00	
1009	LPH.C05127	Mã Tiến	Dũng	21/11/94		Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06416	D380101	1.00	1.25	4.00	6.25	6.50	
1010	LPH.C05128	Bùi Minh	Giang	12/12/95		Huyện Tràng Định		1	10.09. 06420	D380101	2.25	1.50	3.00	6.75	7.00	
1011	LPH.C05129	Đường Hồng	Hạnh	24/01/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06414	D380101	3.25	1.00	4.50	8.75	9.00	
1012	LPH.C05130	Hoàng Thu	Hoài	11/03/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06417	D380101	1.75	1.00	5.75	8.50	8.50	
1013	LPH.C05131	La Văn	Hường	04/05/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06413	D380101	0.75	1.50	4.50	6.75	7.00	
1014	LPH.C05132	Bế Quốc	Kỳ	20/07/96		Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06419	D380101	1.25	1.25	3.00	5.50	5.50	
1015	LPH.C05133	Nông Thị	La	04/05/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06415	D380101	5.25	4.00	3.50	12.75	13.00	
1016	LPH.C05134	Chu Văn	Quang	12/08/96		Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06410	D380101	2.75	1.00	2.50	6.25	6.50	
1017	LPH.C05135	Bế Thị	Thảo	01/02/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06418	D380101	2.50	3.00	6.50	12.00	12.00	
1018	LPH.C05136	Lương Hồng	Thắm	06/04/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06412	D380101	4.50	2.50	5.50	12.50	12.50	
1019	LPH.C05137	Bàn Hải	Yến	14/02/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06411	D380101	4.50	2.00	5.75	12.25	12.50	
1020	LPH.C05139	Nông Minh	Hiếu	27/05/96		Huyện Tràng Định	01	1	10.10. 06421	D380101	0.75	0.50	2.00	3.25	3.50	
1021	LPH.C05141	Nông Văn	Quỳnh	04/08/96		Huyện Tràng Định	01	1	10.10. 06422	D380101	1.75	2.50	5.50	9.75	10.00	
1022	LPH.C05142	Nông Văn	Hành	07/06/96		Huyện Tràng Định	01	1	10.11. 06425	D380101	5.50	3.25	7.00	15.75	16.00	
1023	LPH.C05143	Hứa Thị	Khuyên	12/10/95	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.12. 06427	D380101	0.75	0.50	2.00	3.25	3.50	
1024	LPH.C05144	Lãng Thị	Nga	19/09/95	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.12. 06429	D380101	5.00	4.25	5.00	14.25	14.50	
1025	LPH.C05145	Hoàng Quý	Nhơn	01/04/93		Huyện Bình Gia	01	1	10.12. 06430	D380101	3.25	3.50	7.00	13.75	14.00	
1026	LPH.C05146	Triệu Văn	Tài	02/07/95		Huyện Bình Gia	03	1	10.12. 06426	D380101	0.50	1.75	3.75	6.00	6.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1027	LPH.C05147	Hoàng Thị	Thiên	27/01/95	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.12. 06428	D380101	5.50	2.50	5.50	13.50	13.50	
1028	LPH.C05148	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	17/12/95	Nữ	Huyện Bình Gia		1	10.13. 06434	D380101	1.25	2.50	6.75	10.50	10.50	
1029	LPH.C05150	Hoàng Thị	Hiên	10/11/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06435	D380101	2.75	4.75	6.50	14.00	14.00	
1030	LPH.C05152	Lê Văn	Hùng	30/11/94		Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06436	D380101	1.50	1.75	3.00	6.25	6.50	
1031	LPH.C05154	Mỗ Quang	Hữu	03/10/96		Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06433	D380101	1.75	2.00	3.00	6.75	7.00	
1032	LPH.C05155	Nông Thị Mai	Linh	05/10/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06438	D380101	5.75	3.50	6.75	16.00	16.00	
1033	LPH.C05157	Hoàng Thị	Nhung	28/02/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06431	D380101	1.75	1.00	5.00	7.75	8.00	
1034	LPH.C05159	Hoàng Thị	Danh	22/11/94	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.14. 06446	D380101	3.75	1.50	5.50	10.75	11.00	
1035	LPH.C05160	Trương Mạnh	Hưởng	15/08/96		Huyện Bình Gia	01	1	10.14. 06443		1.25	2.25	2.50	6.00	6.00	
1036	LPH.C05163	Hoàng Văn	Sơn	16/01/96		Huyện Bình Gia	01	1	10.14. 06442		1.25	1.25	2.50	5.00	5.00	
1037	LPH.C05166	Hoàng Ngọc	Khoa	27/02/96		Huyện Bình Gia	01	1	10.15. 06449	D380101	6.00	6.50	6.75	19.25	19.50	
1038	LPH.C05167	Hứa Thị	Nhị	10/02/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.15. 06447		4.75	4.50	4.00	13.25	13.50	
1039	LPH.C05170	Nông Việt	Hương	28/05/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06456	D380107	8.00	4.00	6.50	18.50	18.50	
1040	LPH.C05171	Lộc Thị	Lê	05/08/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06453	D380101	3.00	2.25	3.50	8.75	9.00	
1041	LPH.C05173	Đàm Thị	Phượng	12/07/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06452	D380101	2.25	3.00	5.00	10.25	10.50	
1042	LPH.C05175	Hoàng Thái	Hà	15/09/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.19. 06457	D380101	3.50	1.75	6.00	11.25	11.50	
1043	LPH.C05176	Hoàng Thị	Hoàn	06/08/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.19. 06459	D380101	5.25	4.75	7.00	17.00	17.00	
1044	LPH.C05177	Hoàng Thị	Hồng	14/01/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.19. 06463	D380107	5.25	2.25	7.00	14.50	14.50	
1045	LPH.C05178	Hoàng Thị	Oanh	08/08/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.19. 06460	D380101	5.50	3.50	5.00	14.00	14.00	
1046	LPH.C05179	Dương Thị Thúy	Quyên	11/07/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.19. 06462	D380107	7.50	5.25	7.50	20.25	20.50	
1047	LPH.C05180	Dương Thị	Thắm	11/08/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.19. 06458	D380101	8.25	4.50	5.50	18.25	18.50	
1048	LPH.C05181	Hoàng Thị	Cánh	23/04/96	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06465	D380101	2.00	1.50	5.00	8.50	8.50	
1049	LPH.C05182	Hoàng Hồng	Hà	30/06/96		Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06469	D380101	1.50	1.50	2.50	5.50	5.50	
1050	LPH.C05183	Lương Thị Thanh	Hiếu	15/06/96	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06467	D380101	3.25	3.50	3.50	10.25	10.50	
1051	LPH.C05184	Nguyễn Thị	Oanh	02/02/96	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06468	D380101	1.75	1.25	5.00	8.00	8.00	
1052	LPH.C05185	Dương Thị	Thêu	06/09/96	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06466	D380101	2.50	2.75	6.50	11.75	12.00	
1053	LPH.C05186	Hoàng Anh	Tiến	02/11/96		Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06471	D380101	2.75	1.75	4.50	9.00	9.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1054	LPH.C05187	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	17/10/96	Nữ	Huyện Bắc Sơn		1	10.20. 06464	D380101	4.25	1.50	5.75	11.50	11.50	
1055	LPH.C05188	Chu Văn	Vượng	13/12/96		Huyện Bắc Sơn	01	1	10.20. 06470	D380101	2.25	1.00	4.00	7.25	7.50	
1056	LPH.C05189	Dương Thị Quỳnh	Nga	11/11/96	Nữ	Huyện Bắc Sơn	01	1	10.21. 06472	D380101	3.25	2.50	6.50	12.25	12.50	
1057	LPH.C05192	Hoàng Thị	Huế	17/10/95	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.23. 06474	D380101	7.50	4.25	5.00	16.75	17.00	
1058	LPH.C05193	Mã Thị	Liễu	16/01/95	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.23. 06479	D380107	6.00	2.50	4.25	12.75	13.00	
1059	LPH.C05196	Hà Thị Bích	Ngọc	05/11/95	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.23. 06480	D380107	5.00	2.00	4.75	11.75	12.00	
1060	LPH.C05198	Hoàng Thị Linh	Chi	06/04/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06485	D380101	6.00	2.25	7.25	15.50	15.50	
1061	LPH.C05199	Đỗ Thị	Diệp	17/07/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06496	D380101	1.50	1.00	3.50	6.00	6.00	
1062	LPH.C05201	Vi Thị	Hằng	07/08/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06499	D380107	7.00	6.25	6.75	20.00	20.00	
1063	LPH.C05202	Nông Thị	Hương	06/12/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06488	D380101	6.75	4.75	6.50	18.00	18.00	
1064	LPH.C05203	Nông Lan	Hương	25/07/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06486	D380101	4.50	3.50	7.50	15.50	15.50	
1065	LPH.C05204	Vy Trung	Kiên	30/11/96		Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06498	D380107	3.25	1.50	5.00	9.75	10.00	
1066	LPH.C05205	Hoàng Thị	Liên	21/09/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06495	D380101	1.25	3.50	5.25	10.00	10.00	
1067	LPH.C05206	Hoàng Thúy	Lộc	27/08/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06491	D380101	4.25	1.50	4.25	10.00	10.00	
1068	LPH.C05208	Vi Thị	Mai	03/09/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06481	D380101	5.50	3.00	5.50	14.00	14.00	
1069	LPH.C05209	Triệu Thị	Ngoan	10/04/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06492	D380101	5.50	1.50	4.00	11.00	11.00	
1070	LPH.C05210	Triệu Thị Minh	Nguyệt	09/02/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06494	D380101	4.50	1.00	5.50	11.00	11.00	
1071	LPH.C05212	Nguyễn Tuấn	Thành	15/06/96		Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06483	D380101	5.25	4.50	4.50	14.25	14.50	
1072	LPH.C05213	Hoàng Thị	Thảo	25/11/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06489	D380101	5.75	4.25	7.50	17.50	17.50	
1073	LPH.C05215	Hoàng Văn	Vui	06/07/96		Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06497	D380101	2.50	1.50	4.00	8.00	8.00	
1074	LPH.C05216	Hoàng Thị Hải	Yến	08/07/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.24. 06487	D380101	5.25	2.50	5.75	13.50	13.50	
1075	LPH.C05218	Hoàng Thị	Châm	24/08/95	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.25. 06503	D380101	6.00	3.75	7.00	16.75	17.00	
1076	LPH.C05219	Nông Thị	Hậu	08/11/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.25. 06501	D380101	3.00	1.75	5.50	10.25	10.50	
1077	LPH.C05220	Hà Thị	Mến	02/01/95	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.25. 06504	D380101	6.25	4.50	6.75	17.50	17.50	
1078	LPH.C05221	Hoàng Thị	Thùy	20/02/96	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	10.25. 06502	D380101	6.25	2.75	5.00	14.00	14.00	
1079	LPH.C05223	Chu Thị	Tôn	03/10/95	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.27. 06506	D380107	3.50	1.75	2.50	7.75	8.00	
1080	LPH.C05224	Hoàng Thu	Huệ	11/10/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.28. 06508	D380101	3.75	2.50	5.00	11.25	11.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1081	LPH.C05225	Đông Thị	Thoa	04/04/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.28. 06507	D380101	4.00	0.50	3.00	7.50	7.50	
1082	LPH.C05226	Vi Thị	Cúc	06/12/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06521	D380107	2.50	1.75	4.50	8.75	9.00	
1083	LPH.C05229	Lương Quốc	Đạt	11/03/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.29. 06520	D380107	4.00	1.00	1.50	6.50	6.50	
1084	LPH.C05230	Lương Thị Mỹ	Huyền	15/06/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06518	D380101	7.25	4.50	7.00	18.75	19.00	
1085	LPH.C05232	Luân Thị	Khuyên	23/09/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06510	D380101	3.50	2.00	5.50	11.00	11.00	
1086	LPH.C05233	Triệu Thị	Liên	01/05/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.29. 06522	D380107	1.25	1.00	1.50	3.75	4.00	
1087	LPH.C05234	Lăng Thanh	Lưu	23/03/95		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.29. 06514	D380101	2.00	0.50	3.50	6.00	6.00	
1088	LPH.C05235	Vi Thị Diệu	Ly	15/06/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.29. 06512	D380101	3.75	1.00	4.50	9.25	9.50	
1089	LPH.C05236	Tô Văn	Mạnh	20/08/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06515	D380101	4.00	3.75	5.50	13.25	13.50	
1090	LPH.C05239	Lành Văn	Vui	13/07/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06516	D380101	2.50	1.50	4.50	8.50	8.50	
1091	LPH.C05240	Hoàng Hữu	Chuyên	20/05/95		Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06530	D380101	7.00	4.75	4.00	15.75	16.00	
1092	LPH.C05241	Lê Thị	Hạnh	15/01/95	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06526	D380101	2.25	2.00	5.00	9.25	9.50	
1093	LPH.C05242	Lành Thị	Huệ	05/09/95	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06531	D380101	6.25	2.75	6.50	15.50	15.50	
1094	LPH.C05243	Vi Thị	Huệ	23/11/93	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06532	D380101	3.75	2.25	3.50	9.50	9.50	
1095	LPH.C05244	Chu Lan	Hương	26/07/95	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06525	D380101	5.75	3.50	2.25	11.50	11.50	
1096	LPH.C05245	Hoàng Thị	Nhung	16/06/95	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06529	D380101	6.00	4.00	3.50	13.50	13.50	
1097	LPH.C05246	Hoàng Văn	Tài	08/02/92		Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06528	D380101	1.00	0.50	.	1.50	1.50	
1098	LPH.C05247	Đinh Thị	Thịnh	29/11/95	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06524	D380101	4.75	2.00	5.00	11.75	12.00	
1099	LPH.C05248	Phan Văn	Tuấn	23/03/95		Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06523	D380101	5.25	6.25	7.75	19.25	19.50	
1100	LPH.C05249	Hoàng Văn	Việt	13/08/95		Huyện Lộc Bình	01	1	10.31. 06527	D380101	6.25	2.25	4.50	13.00	13.00	
1101	LPH.C05250	Hoàng Thị Vân	Anh	28/01/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06538	D380107	2.50	4.00	6.75	13.25	13.50	
1102	LPH.C05251	Lâm Thị Vân	Anh	01/01/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06534	D380101	2.50	1.50	6.50	10.50	10.50	
1103	LPH.C05253	Lành Văn	Hưng	02/01/96		Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06540	D380107	6.50	4.50	5.00	16.00	16.00	
1104	LPH.C05254	Lý Mỹ	Lệ	28/12/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06536	D380101	3.25	1.50	5.00	9.75	10.00	
1105	LPH.C05255	Nông Thị Trúc	Linh	22/03/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06539	D380107	4.25	3.50	6.25	14.00	14.00	
1106	LPH.C05256	Vi Mai	Oanh	16/01/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06535	D380101	7.00	1.50	6.00	14.50	14.50	
1107	LPH.C05257	Hà Thị	Thảo	29/06/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06537	D380107	7.00	3.25	6.50	16.75	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1108	LPH.C05259	Lộc Thị	Thành	04/08/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06542	D380101	3.25	2.75	5.50	11.50	11.50	
1109	LPH.C05260	Lường Thị	Thêm	15/05/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06544	D380107	3.50	4.00	5.50	13.00	13.00	
1110	LPH.C05261	Hoàng Thị	Vượng	26/10/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.33. 06543	D380101	3.25	3.25	6.25	12.75	13.00	
1111	LPH.C05262	Chu Văn	Lụng	04/08/96		Huyện Lộc Bình	01	1	10.34. 06545	D380101	3.00	3.50	5.50	12.00	12.00	
1112	LPH.C05263	Hoàng Văn	Minh	29/09/95		Huyện Lộc Bình	01	1	10.34. 06546	D380101	2.50	1.00	1.50	5.00	5.00	
1113	LPH.C05265	Nông Ngọc	Diệp	02/09/95	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.35. 06553	D380101	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
1114	LPH.C05266	Cáp Thị Thùy	Duyên	10/05/95	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.35. 06556	D380101	4.50	4.00	5.00	13.50	13.50	
1115	LPH.C05268	Nguyễn Mỹ	Linh	15/05/95	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.35. 06551	D380101	7.25	3.00	7.00	17.25	17.50	
1116	LPH.C05269	Trần Thị Thảo	Nguyên	29/04/95	Nữ	Huyện Chi Lăng		1	10.35. 06548	D380101	3.25	2.50	7.00	12.75	13.00	
1117	LPH.C05271	Nông Thị Xuân	Thu	13/02/95	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.35. 06549	D380101	9.00	6.00	7.00	22.00	22.00	
1118	LPH.C05274	Vy Thị Kiều	Diễm	09/03/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06561	D380101	6.75	4.50	7.75	19.00	19.00	
1119	LPH.C05275	Nông Bích	Diệp	17/08/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06563	D380101	5.25	3.50	7.25	16.00	16.00	
1120	LPH.C05276	Vi Thị Tâm	Huyền	26/06/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06564	D380101	6.00	3.25	7.00	16.25	16.50	
1121	LPH.C05277	Nguyễn Ngọc	Hường	26/02/96	Nữ	Huyện Chi Lăng		1	10.36. 06557	D380101	2.00	2.50	6.00	10.50	10.50	
1122	LPH.C05278	Trịnh Thị	Liễu	20/01/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06565	D380101	3.25	1.50	6.00	10.75	11.00	
1123	LPH.C05279	Ngọc Quỳnh	Mai	23/10/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06562	D380101	3.00	2.00	6.00	11.00	11.00	
1124	LPH.C05280	Lý Thị	Nguyệt	23/03/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06560	D380101	2.25	0.75	3.00	6.00	6.00	
1125	LPH.C05281	Chu Thị Bích	Phượng	23/02/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06567	D380101	2.00	2.00	5.00	9.00	9.00	
1126	LPH.C05282	Cao Huyền	Tâm	16/11/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06558	D380101	2.75	2.75	5.00	10.50	10.50	
1127	LPH.C05283	Mã Thị	Thanh	12/05/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06559	D380101	6.00	2.50	4.75	13.25	13.50	
1128	LPH.C05286	Hà Thị	Lê	14/04/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.37. 06569	D380101	1.75	2.25	6.50	10.50	10.50	
1129	LPH.C05287	Lý Thị Nhật	Lệ	21/01/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.37. 06572	D380101	1.50	1.25	5.00	7.75	8.00	
1130	LPH.C05288	Vi Thế	Lợi	12/04/96		Huyện Chi Lăng	01	1	10.37. 06570	D380101	4.25	2.50	3.75	10.50	10.50	
1131	LPH.C05289	Hoàng Thị	Thảo	04/11/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	10.37. 06571	D380101	1.25	1.25	4.00	6.50	6.50	
1132	LPH.C05290	Hoàng Văn	Đồng	19/08/89		Huyện Chi Lăng	01	1	10.38. 06573	D380101	5.25	3.00	4.25	12.50	12.50	
1133	LPH.C05295	Bế Thị	Định	16/01/95	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06577	D380101	4.50	4.00	7.25	15.75	16.00	
1134	LPH.C05296	Nguyễn Thị	Định	18/10/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06580	D380101	4.50	4.50	6.50	15.50	15.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1135	LPH.C05297	Hoàng Thị	Hằng	11/05/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06581	D380101	2.00	1.25	5.00	8.25	8.50	
1136	LPH.C05298	Hoàng Thu	Hoài	06/02/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06586	D380101	8.00	4.50	6.50	19.00	19.00	
1137	LPH.C05299	Nguyễn Thị Thanh	Hương	15/08/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06582	D380101	5.50	3.25	6.00	14.75	15.00	
1138	LPH.C05300	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	02/07/96	Nữ	Huyện Đình Lập		1	10.40. 06579	D380101	2.25	2.50	5.50	10.25	10.50	
1139	LPH.C05301	Hoàng Thị	Phượng	07/01/97	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06578	D380101	2.00	1.00	5.50	8.50	8.50	
1140	LPH.C05303	Vương Lê	Xuân	05/09/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06587	D380101	7.00	3.50	4.50	15.00	15.00	
1141	LPH.C05304	Triệu Thị Hải	Yến	28/08/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06585	D380101	1.50	1.00	5.00	7.50	7.50	
1142	LPH.C05305	Lý Đình	Diệp	21/03/92		Huyện Đình Lập	01	1	10.41. 06588	D380107	0.25	0.25	0.50	1.00	1.00	
1143	LPH.C05308	Nghiêm Huy	Hải	02/03/96		Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06597	D380101	2.75	2.50	5.50	10.75	11.00	
1144	LPH.C05312	Phạm Thị Tường	Loan	13/12/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06614	D380107	7.25	3.00	4.00	14.25	14.50	
1145	LPH.C05313	Hoàng Thị	Lụa	29/04/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06610	D380101	1.75	2.25	4.50	8.50	8.50	
1146	LPH.C05314	Nông Thị Huyền	Ngọc	29/08/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06598	D380101	7.00	4.25	6.75	18.00	18.00	
1147	LPH.C05315	Lý Thanh	Nhã	07/08/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06605	D380101	1.50	1.00	2.25	4.75	5.00	
1148	LPH.C05316	Nông Thị	Nhung	27/10/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06606	D380101	7.00	3.50	6.00	16.50	16.50	
1149	LPH.C05318	Nguyễn Duy	Quang	08/04/96		Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06601	D380101	3.25	3.50	2.50	9.25	9.50	
1150	LPH.C05319	Hoàng Thị	Quỳnh	05/09/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06594	D380101	1.75	4.00	4.00	9.75	10.00	
1151	LPH.C05320	Mê Thị	Quỳnh	10/03/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06613	D380107	3.25	2.00	3.50	8.75	9.00	
1152	LPH.C05321	Nguyễn Thị Mai	Sao	10/08/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06612	D380107	0.75	1.00	5.50	7.25	7.50	
1153	LPH.C05322	Đàm Thanh	Tâm	22/03/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06600	D380101	1.75	2.75	5.00	9.50	9.50	
1154	LPH.C05323	Dương Thị	Thoa	26/04/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06609	D380101	6.75	5.75	6.50	19.00	19.00	
1155	LPH.C05324	Nghiêm Thị	Thu	08/09/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06611	D380101	3.25	2.50	5.00	10.75	11.00	
1156	LPH.C05327	Trần Thu	Trang	03/09/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06603	D380101	1.00	1.00	3.00	5.00	5.00	
1157	LPH.C05329	La Quang	Vũ	21/04/96		Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06593	D380101	4.00	4.25	5.00	13.25	13.50	
1158	LPH.C05330	Nguyễn Thị	Vy	19/02/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06595	D380101	7.50	5.50	8.00	21.00	21.00	
1159	LPH.C05331	Ngô Thị Hoàng	Yến	18/10/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06596	D380101	1.75	2.50	6.50	10.75	11.00	
1160	LPH.C05332	Nguyễn Bảo	Anh	26/12/93		Huyện Hữu Lũng	01	1	10.44. 06617	D380101	1.50	3.25	1.50	6.25	6.50	
1161	LPH.C05334	Hoàng Thị Thu	Hương	06/08/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.44. 06618	D380101	2.25	3.75	7.00	13.00	13.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1162	LPH.C05335	Dương Thị Lệ	28/11/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.44. 06619	D380101	0.50	3.00	5.00	8.50	8.50	
1163	LPH.C05336	Hứa Thu Trang	09/12/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.44. 06616	D380101	3.75	5.00	6.00	14.75	15.00	
1164	LPH.C05337	Vi Thị Hạnh	19/07/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.46. 06620	D380101	1.75	0.75	4.00	6.50	6.50	
1165	LPH.C05339	Lành Thị Điềm	08/02/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.47. 06621	D380101	8.00	6.00	6.50	20.50	20.50	
1166	LPH.C05340	Chu Lệ Giang	23/08/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.47. 06622	D380101	5.75	4.00	6.00	15.75	16.00	
1167	LPH.C05341	Hoàng Văn Khiêm	10/10/95		Huyện Lộc Bình	01	1	10.47. 06624	D380107	6.00	3.00	5.00	14.00	14.00	
1168	LPH.C05342	Lương Văn Quan	15/09/95		Huyện Lộc Bình	01	1	10.47. 06626	D380107	4.25	1.00	5.50	10.75	11.00	
1169	LPH.C05343	Lành Văn Thanh	04/04/96		Huyện Lộc Bình	01	1	10.47. 06625	D380107	2.25	2.25	7.00	11.50	11.50	
1170	LPH.C05344	Lành Ngọc Biển	24/03/96		Huyện Chi Lăng	01	1	10.48. 06627	D380101	0.75	0.75	3.00	4.50	4.50	
1171	LPH.C05347	Hứa Hoàng Vinh	02/06/96		Huyện Chi Lăng	01	1	10.48. 06629	D380101	3.25	2.00	6.00	11.25	11.50	
1172	LPH.C05348	Hoàng Thị Huế	25/12/94	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.01. 02967	D380101	7.50	3.75	7.00	18.25	18.50	
1173	LPH.C05349	Lâm Bảo Ngọc	13/02/94		Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.01. 02968	D380101	7.50	2.50	4.50	14.50	14.50	
1174	LPH.C05350	Triệu Thị ánh	18/01/95	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02977	D380107	4.25	2.50	7.25	14.00	14.00	
1175	LPH.C05351	Nguyễn Thu Hiền	01/04/95	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02969	D380101	2.50	0.50	5.50	8.50	8.50	
1176	LPH.C05352	Vy Thị Huê	30/01/95	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02970	D380101	6.00	3.25	5.50	14.75	15.00	
1177	LPH.C05353	Triệu Thị Huyền	24/05/94	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02978	D380107	8.75	6.25	7.50	22.50	22.50	
1178	LPH.C05355	Nông Thị Lý	04/04/94	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02973	D380101	4.75	3.00	5.00	12.75	13.00	
1179	LPH.C05356	Triệu Đức Phúc	23/09/94		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02971	D380101	2.00	1.50	3.00	6.50	6.50	
1180	LPH.C05359	Lường Thị Kim Tuyết	10/04/95	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.02. 02976	D380101	4.75	1.50	5.50	11.75	12.00	
1181	LPH.C05360	Nguyễn Dịu Hà	25/03/95	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.03. 02983	D380107	8.00	5.25	7.50	20.75	21.00	
1182	LPH.C05361	Nông Thị Hà	15/10/95	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.03. 02979	D380101	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
1183	LPH.C05363	Vương Trịnh Huấn	30/10/95		Huyện Bạch Thông	01	1	11.03. 02980	D380101	6.25	5.00	5.50	16.75	17.00	
1184	LPH.C05364	Nguyễn Huyền Thương	20/12/95	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.03. 02981	D380101	2.50	4.50	5.00	12.00	12.00	
1185	LPH.C05366	Nguyễn Việt Nam	03/06/92		Huyện Na Rì	01	1	11.04. 02985	D380101	5.00	4.25	5.00	14.25	14.50	
1186	LPH.C05368	Lưu Văn Giang	03/11/94		Huyện Ngân Sơn	01	1	11.05. 02988	D380101	2.00	1.25	4.50	7.75	8.00	
1187	LPH.C05369	Đào Thị My	10/10/94	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.05. 02987	D380101	6.25	4.00	6.25	16.50	16.50	
1188	LPH.C05370	Nguyễn Lan Như	07/09/94	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.05. 02990	D380101	4.75	1.50	4.50	10.75	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1189	LPH.C05371	Nông Ái	Quốc	05/11/95		Huyện Ngân Sơn	01	1	11.05. 02989	D380101	7.50	4.25	7.00	18.75	19.00	
1190	LPH.C05372	Đào Văn	Nghị	05/01/94		Huyện Ba Bể	01	1	11.06. 02995	D380101	2.75	3.00	5.50	11.25	11.50	
1191	LPH.C05373	Nguyễn Thị	Tâm	02/08/95	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.06. 02992	D380101	4.00	2.75	5.50	12.25	12.50	
1192	LPH.C05374	Hoàng Văn	Thuận	06/12/94		Huyện Ba Bể	01	1	11.06. 02991	D380101	6.00	2.00	5.50	13.50	13.50	
1193	LPH.C05375	Trương Thị Thanh	Trà	10/09/95	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.06. 02994	D380101	3.00	3.50	5.50	12.00	12.00	
1194	LPH.C05376	Phùng Văn	U	19/08/95		Huyện Ba Bể	01	1	11.06. 02993	D380101	0.25	2.00	4.50	6.75	7.00	
1195	LPH.C05379	Nguyễn Thị Việt	Anh	22/02/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.09. 03000	D380101	1.75	1.25	6.00	9.00	9.00	
1196	LPH.C05380	Trần Ngọc	Anh	30/07/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.09. 03005	D380101	3.50	6.25	6.00	15.75	16.00	
1197	LPH.C05381	Nguyễn Thị Hà	Diễm	05/12/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 03002	D380101	2.25	5.75	4.00	12.00	12.00	
1198	LPH.C05382	Lường Thùy	Dung	15/03/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 03004	D380101	3.75	3.25	6.25	13.25	13.50	
1199	LPH.C05383	Xương Thị Thanh	Dung	16/04/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 03008	D380101	4.50	6.50	6.50	17.50	17.50	
1200	LPH.C05384	Khổng Đình	Duy	01/04/96		Thị xã Bắc Kạn		1	11.09. 03003	D380101	1.50	2.00	3.50	7.00	7.00	
1201	LPH.C05385	Nguyễn Xuân	Hà	09/04/95		Huyện Bạch Thông	01	1	11.09. 03001	D380101	1.50	1.50	2.50	5.50	5.50	
1202	LPH.C05386	Lưu Nhật	Lệ	26/06/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 02998	D380101	5.00	8.00	7.00	20.00	20.00	
1203	LPH.C05387	Nguyễn Thị	Linh	23/05/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.09. 03007	D380101	2.50	5.00	5.75	13.25	13.50	
1204	LPH.C05388	Nguyễn Thị	Mỹ	05/07/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 02999	D380101	0.75	2.75	5.50	9.00	9.00	
1205	LPH.C05389	Đinh Thị	Thư	08/11/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 03006	D380101	5.00	7.25	7.50	19.75	20.00	
1206	LPH.C05390	Hoàng Văn	Hoan	26/06/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03017	D380101	4.00	2.50	4.00	10.50	10.50	
1207	LPH.C05391	Hoàng Văn	Hữu	18/05/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03015	D380101	2.75	2.75	5.50	11.00	11.00	
1208	LPH.C05392	Khương Thị Thùy	Linh	11/01/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03016	D380101	2.50	0.50	4.50	7.50	7.50	
1209	LPH.C05393	Mạch Thị	Luyến	12/02/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03012	D380101	5.00	3.50	6.00	14.50	14.50	
1210	LPH.C05395	Tô Thị	Ngân	10/09/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03009	D380101	2.25	1.50	5.00	8.75	9.00	
1211	LPH.C05396	Hoàng Thị Hồng	Tâm	02/09/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03011	D380101	5.50	1.75	5.50	12.75	13.00	
1212	LPH.C05397	Nông Thị Hoài	Trang	22/06/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03010	D380101	3.00	1.25	1.50	5.75	6.00	
1213	LPH.C05398	Hoàng Quang	Trung	27/11/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03014	D380101	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	
1214	LPH.C05399	Lường Thị	My	16/01/96	Nữ	Huyện Chợ Mới	01	1	11.11. 03018	D380101	5.25	3.50	7.75	16.50	16.50	
1215	LPH.C05400	Đinh Thị Thùy	Trang	24/02/96	Nữ	Huyện Chợ Mới	01	1	11.11. 03019	D380101	3.25	2.50	5.75	11.50	11.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1216	LPH.C05401	Phan Thị	Lan	16/05/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 03022	D380101	1.75	3.00	6.00	10.75	11.00	
1217	LPH.C05402	Tô Hiền	Thương	30/12/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 03023	D380101	1.75	1.50	4.00	7.25	7.50	
1218	LPH.C05403	Hoàng Thị Huyền	Trang	15/08/95	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 03024	D380101	0.75	0.75	3.00	4.50	4.50	
1219	LPH.C05404	Hoàng Thị	Uyên	21/06/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 03021	D380101	5.25	6.25	5.75	17.25	17.50	
1220	LPH.C05405	Cao Thị	Vân	27/12/96	Nữ	Huyện Na Rì		1	11.12. 03020	D380101	0.75	2.00	3.50	6.25	6.50	
1221	LPH.C05406	Lương Thị	Lan	13/04/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.13. 03026	D380101	5.75	6.50	8.00	20.25	20.50	
1222	LPH.C05407	Lường Thị	Mai	17/11/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.13. 03027	D380101	2.50	2.50	5.50	10.50	10.50	
1223	LPH.C05408	Doanh Hồng	Na	03/01/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.13. 03025	D380101	5.50	4.00	6.50	16.00	16.00	
1224	LPH.C05410	Phan Thị	Dung	25/04/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.14. 03031	D380101	5.00	3.50	5.00	13.50	13.50	
1225	LPH.C05411	Nông Thị Hồng	Duyên	03/09/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.14. 03035	D380107	6.00	5.00	7.00	18.00	18.00	
1226	LPH.C05412	Hoàng Thị	Hiên	26/02/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	11.14. 03030	D380101	4.50	3.00	7.50	15.00	15.00	
1227	LPH.C05413	Triệu Thị	Hồng	18/05/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.14. 03029	D380101	1.00	3.00	6.00	10.00	10.00	
1228	LPH.C05414	Đàm Triệu	Huyền	16/10/96		Huyện Na Rì	01	1	11.14. 03032	D380101	5.00	0.75	2.50	8.25	8.50	
1229	LPH.C05415	Mã Thị	Ngọc	27/11/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	11.14. 03036	D380107	7.00	5.75	7.00	19.75	20.00	
1230	LPH.C05416	Hoàng Thị	Thảo	27/04/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.14. 03037	D380107	5.00	3.00	5.00	13.00	13.00	
1231	LPH.C05417	Lôi Thị	Trâm	11/04/96	Nữ	Huyện Chợ Mới	01	1	11.14. 03034	D380101	1.25	1.75	2.50	5.50	5.50	
1232	LPH.C05419	Lưu Văn	Công	02/06/94		Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03049	D380101	0.75	1.50	4.50	6.75	7.00	
1233	LPH.C05420	Nông Thị	Huế	06/04/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03046	D380101	3.50	2.25	5.50	11.25	11.50	
1234	LPH.C05421	Lý Thị	Huyền	26/05/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03044	D380101	3.25	3.50	6.00	12.75	13.00	
1235	LPH.C05422	Lý Trung	Kiên	17/02/96		Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03042	D380101	3.75	4.25	5.00	13.00	13.00	
1236	LPH.C05423	Tạ Thị	Nga	01/01/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03038	D380101	5.00	4.50	7.00	16.50	16.50	
1237	LPH.C05424	Hoàng Trọng	Nghĩa	23/09/91		Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03045	D380101	3.75	2.25	3.00	9.00	9.00	
1238	LPH.C05425	Chu Thị Phương	Nhã	26/02/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03040	D380101	8.50	6.50	7.50	22.50	22.50	
1239	LPH.C05426	Lê Bình	Nhi	08/06/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03047	D380101	3.00	0.50	4.25	7.75	8.00	
1240	LPH.C05427	Long Thị	Nhung	13/01/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03051	D380101	4.75	1.50	4.00	10.25	10.50	
1241	LPH.C05428	Bàn Thị Hoài	Phương	02/11/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03050	D380101	1.00	2.00	5.00	8.00	8.00	
1242	LPH.C05431	Ngô Thị	Thương	28/06/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn		1	11.15. 03041	D380101	2.25	3.00	5.50	10.75	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1243	LPH.C05432	Nông Đức	Tôn	09/07/96		Huyện Ngân Sơn	01	1	11.15. 03048	D380101	1.50	3.00	5.00	9.50	9.50	
1244	LPH.C05433	Nông Thanh	Chấn	03/06/96		Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03061	D380101	2.25	2.25	5.50	10.00	10.00	
1245	LPH.C05434	La Thị	Diễm	04/09/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03053	D380101	3.50	5.50	6.75	15.75	16.00	
1246	LPH.C05435	Ma Thị	Kiều	24/05/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03054	D380101	5.25	3.00	6.50	14.75	15.00	
1247	LPH.C05437	Lãnh Thị Mỹ	Linh	01/11/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03056	D380101	1.75	1.50	3.50	6.75	7.00	
1248	LPH.C05438	Triệu Văn	Nhậm	05/12/96		Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03057	D380101	4.75	1.00	2.00	7.75	8.00	
1249	LPH.C05439	Diệp Phi	Sơn	24/08/96		Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03060	D380101	0.25	1.75	3.00	5.00	5.00	
1250	LPH.C05440	Lý Ban	Trình	24/11/95		Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03059	D380101	2.75	1.50	4.50	8.75	9.00	
1251	LPH.C05441	Hoàng Thị Minh	Tú	05/11/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03052	D380101	2.00	1.75	2.75	6.50	6.50	
1252	LPH.C05442	Dương Trần	Vũ	05/09/95		Huyện Pác Nặm	01	1	11.16. 03055	D380101	0.75	0.50	1.50	2.75	3.00	
1253	LPH.C05443	Mạc Thị	Duyên	09/03/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.17. 03066	D380101	6.75	2.50	6.25	15.50	15.50	
1254	LPH.C05444	Đàm Văn	Lục	27/02/96		Huyện Bạch Thông	01	1	11.17. 03063	D380101	2.00	2.25	3.50	7.75	8.00	
1255	LPH.C05446	Phạm Minh	Tiếp	20/05/96		Huyện Bạch Thông		1	11.17. 03062	D380101	2.00	2.25	5.00	9.25	9.50	
1256	LPH.C05447	Hoàng Thị	Trà	13/02/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.17. 03064	D380101	0.50	2.25	4.50	7.25	7.50	
1257	LPH.C05448	Hứa Bảo	Trung	09/01/96		Huyện Bạch Thông	01	1	11.17. 03065	D380101	6.00	3.50	5.00	14.50	14.50	
1258	LPH.C05449	Phùng Kiềm	Chiêu	26/02/93		Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 03069	D380101	1.50	2.25	5.75	9.50	9.50	
1259	LPH.C05450	Hoàng Thị	Chuyên	16/07/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	11.18. 03072	D380101	7.75	6.00	7.00	20.75	21.00	
1260	LPH.C05451	Nguyễn Thị	Diễn	14/02/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 03070	D380101	2.50	1.50	4.75	8.75	9.00	
1261	LPH.C05454	Cống Thị	Nghiệm	02/07/96	Nữ	Huyện Pác Nặm	01	1	11.18. 03076	D380101	2.50	2.75	5.00	10.25	10.50	
1262	LPH.C05455	Triệu Thị	Nguyệt	07/09/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 03074	D380101	5.25	3.50	3.50	12.25	12.50	
1263	LPH.C05456	La Thị Bầy	Nhung	27/03/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 03075	D380101	7.00	5.75	7.00	19.75	20.00	
1264	LPH.C05457	Thắm Minh	Thông	16/10/95		Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 03071	D380101	3.00	4.00	3.50	10.50	10.50	
1265	LPH.C05458	Luân Thị	Thùy	22/01/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 03078	D380101	6.00	4.50	5.50	16.00	16.00	
1266	LPH.C05459	Dương Văn	Trực	18/06/96		Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 03077	D380101	0.50	1.00	2.00	3.50	3.50	
1267	LPH.C05461	Hà Thị	Diễm	25/12/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.19. 03092	D380107	6.75	7.75	7.00	21.50	21.50	
1268	LPH.C05462	Tống Thị	Duyên	07/02/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.19. 03085	D380101	6.00	4.50	7.00	17.50	17.50	
1269	LPH.C05463	Hoàng Thị Thu	Hà	10/04/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.19. 03091	D380107	8.00	7.75	7.50	23.25	23.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1270	LPH.C05464	Triệu Thị	Hạo	11/09/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.19. 03080	D380101	7.25	5.50	7.00	19.75	20.00	
1271	LPH.C05465	Nguyễn Diệu	Hiên	18/10/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.19. 03086	D380101	6.75	5.00	7.00	18.75	19.00	
1272	LPH.C05466	Trần Thị	Huế	06/11/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.19. 03084	D380101	6.25	3.50	5.50	15.25	15.50	
1273	LPH.C05467	Chu Thúy	Hường	23/11/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.19. 03081	D380101	6.25	7.50	5.75	19.50	19.50	
1274	LPH.C05468	An Kiều	Loan	07/05/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.19. 03087	D380107	7.50	4.75	7.00	19.25	19.50	
1275	LPH.C05469	Hà Thị Như	Lý	13/03/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.19. 03090	D380107	7.75	7.00	7.75	22.50	22.50	
1276	LPH.C05470	Nguyễn Minh	Nguyệt	04/01/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.19. 03079	D380101	7.75	6.00	5.75	19.50	19.50	
1277	LPH.C05472	Hoàng Thị	Thu	28/09/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.19. 03083	D380101	7.25	4.25	7.25	18.75	19.00	
1278	LPH.C05473	Khương Văn	Trang	25/08/96		Huyện Chợ Đồn		1	11.19. 03089	D380107	6.75	7.00	6.75	20.50	20.50	
1279	LPH.C05476	Bàn Thị	Nhuận	17/08/95	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.22. 03093	D380101	0.50	0.50	3.50	4.50	4.50	
1280	LPH.C05478	Nông Thị	Diệu	05/01/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.24. 03099	D380101	1.75	1.50	2.50	5.75	6.00	
1281	LPH.C05479	Hoàng Thị	Duyên	29/03/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.24. 03101	D380101	3.25	1.75	3.50	8.50	8.50	
1282	LPH.C05480	Triệu ứng	Đạo	06/07/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.24. 03102	D380107	4.50	3.25	5.00	12.75	13.00	
1283	LPH.C05481	Triệu Thu	Hương	03/11/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.24. 03098	D380101	4.00	4.25	6.00	14.25	14.50	
1284	LPH.C05482	Mai Diễm	Linh	22/01/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.24. 03097	D380101	6.75	7.75	6.00	20.50	20.50	
1285	LPH.C05483	Bàn Thị	Nhung	10/07/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.24. 03100	D380101	3.50	0.75	5.00	9.25	9.50	
1286	LPH.C05484	Mai Văn	Dực	13/02/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.30. 03103	D380101	0.25	1.75	2.50	4.50	4.50	
1287	LPH.C05485	Mê Thị	Đẹp	20/02/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.30. 03104	D380107	0.25	1.25	2.00	3.50	3.50	
1288	LPH.C05486	Nông Ngọc	Trường	01/04/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.30. 03105	D380107	1.00	1.25	2.00	4.25	4.50	
1289	LPH.C05487	Nguyễn Ngọc	ánh	13/06/95	Nữ	Huyện Định Hóa	01	2	12.00. 00187	D380101	1.50	1.75	4.50	7.75	8.00	
1290	LPH.C05489	Nông Văn	Cương	19/05/95		Huyện Võ Nhai		1	12.00. 00184	D380101	7.00	5.75	7.00	19.75	20.00	
1291	LPH.C05492	Nguyễn Văn	Đậm	19/09/89		Huyện Đại Từ		1	12.00. 00190	D380107	7.50	6.50	3.50	17.50	17.50	
1292	LPH.C05493	Vũ Lê Mỹ	Hạnh	03/05/95	Nữ	Thành phố Thái		2	12.00. 00192	D380101	4.50	2.50	7.00	14.00	14.00	
1293	LPH.C05495	Lý Quỳnh	Hoa	20/08/95	Nữ	Huyện Đông Hỷ	01	2	12.00. 00172	D380101	5.25	6.50	7.00	18.75	19.00	
1294	LPH.C05497	Đặng Thu	Huyền	17/11/95	Nữ	Thành phố Thái		2	12.00. 00186	D380101	2.75	3.50	5.00	11.25	11.50	
1295	LPH.C05499	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	24/12/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	12.00. 00193	D380101	7.75	6.25	8.25	22.25	22.50	
1296	LPH.C05500	Hoàng Thị	Lam	20/09/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2	12.00. 00170	D380101	4.50	1.00	4.50	10.00	10.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1297	LPH.C05501	Ma Ngọc	Lan	28/04/95	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.00. 00171	D380101	1.75	3.25	7.00	12.00	12.00	
1298	LPH.C05502	Nguyễn Thị	Lan	06/09/95	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.00. 00168	D380101	5.75	6.50	6.50	18.75	19.00	
1299	LPH.C05503	Hoàng Thị Tú	Lệ	29/11/95	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.00. 00159	D380101	4.50	3.25	6.50	14.25	14.50	
1300	LPH.C05504	Nguyễn Thế	Liêm	06/07/96		Huyện Phú Lương		1	12.00. 00883	D380101	0.75	1.00	2.50	4.25	4.50	
1301	LPH.C05506	Bùi Bích	Phương	02/01/95	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.00. 00179	D380107	5.75	3.25	7.00	16.00	16.00	
1302	LPH.C05507	Trần Thị	Phương	13/03/95	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.00. 00182	D380101	4.50	1.75	6.50	12.75	13.00	
1303	LPH.C05508	Nguyễn Hương	Quỳnh	15/07/95	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.00. 00166	D380107	6.25	5.25	4.00	15.50	15.50	
1304	LPH.C05514	Phạm Huy	Tuấn	08/10/94		Huyện Đại Từ		1	12.00. 00185	D380101	7.75	6.50	5.25	19.50	19.50	
1305	LPH.C05516	Ma Thị	Yến	30/03/95	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.00. 00181	D380101	5.75	4.00	5.50	15.25	15.50	
1306	LPH.C05519	Nguyễn Trung	Cương	29/07/96		Thành phố Thái		2	12.10. 00439	D380101	5.75	5.50	6.00	17.25	17.50	
1307	LPH.C05520	Nguyễn Hương	Giang	11/11/96	Nữ	Thị xã Sông Công		2	12.10. 00440	D380101	5.75	2.75	6.75	15.25	15.50	
1308	LPH.C05522	Lê Mai	Hoa	21/11/96	Nữ	Huyện Đồng Hỷ		2	12.10. 00441	D380101	7.50	5.50	7.25	20.25	20.50	
1309	LPH.C05524	Đỗ Quỳnh	Mai	20/11/96	Nữ	Huyện Đại Từ		2	12.10. 00436	D380101	5.75	5.25	6.00	17.00	17.00	
1310	LPH.C05525	Nguyễn Ngọc	Phú	30/04/96		Huyện Phú Lương		2	12.10. 00437	D380101	6.25	4.00	7.00	17.25	17.50	
1311	LPH.C05526	Ngô Kiều	Trang	01/03/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00444	D380101	7.50	5.75	6.25	19.50	19.50	
1312	LPH.C05528	Nguyễn Thị	Yến	28/09/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00438	D380101	5.75	3.50	7.00	16.25	16.50	
1313	LPH.C05529	Giáp Thị Thảo	Anh	24/09/96	Nữ	Huyện Đồng Hỷ	01	2	12.11. 01161	D380107	8.25	6.50	8.00	22.75	23.00	
1314	LPH.C05531	Đào Hồng	Thanh	04/05/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.11. 01158	D380101	6.00	7.75	7.50	21.25	21.50	
1315	LPH.C05532	Đinh Minh	Thu	24/10/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.11. 01159	D380101	7.75	5.50	7.50	20.75	21.00	
1316	LPH.C05533	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	28/09/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.13. 00703	D380101	6.75	5.25	7.75	19.75	20.00	
1317	LPH.C05536	Tống Thị	Thảo	24/03/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.13. 00706	D380101	8.00	7.00	7.50	22.50	22.50	
1318	LPH.C05539	Vũ Đặng Đan	Quỳnh	26/07/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.14. 00762	D380101	7.50	7.50	7.00	22.00	22.00	
1319	LPH.C05540	Nguyễn Hoàng Quế	Anh	14/05/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.15. 00261	D380101	4.75	3.50	7.00	15.25	15.50	
1320	LPH.C05541	Vũ Minh	Thúy	04/10/96	Nữ	Huyện Phú Lương	01	1	12.16. 00464	D380101	3.50	3.25	6.50	13.25	13.50	
1321	LPH.C05542	Ma Lưu	Lai	04/04/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.17. 00016	D380101	5.25	1.50	6.50	13.25	13.50	
1322	LPH.C05543	Nguyễn Thị	Liên	23/06/96	Nữ	Huyện Phú Lương	01	1	12.17. 00093	D380101	5.00	4.50	7.75	17.25	17.50	
1323	LPH.C05544	Trương Thuỳ	Ngân	21/05/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.18. 00424	D380101	2.00	2.50	7.50	12.00	12.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1324	LPH.C05545	Mai Hoàng	Tiến	11/09/95		Thành phố Thái		2	12.18. 00423	D380101	3.00	4.75	4.50	12.25	12.50	
1325	LPH.C05546	Nông Thị Minh	Anh	02/04/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00517	D380101	5.75	3.50	7.00	16.25	16.50	
1326	LPH.C05547	Mai Tất	Đức	24/11/96		Huyện Định Hoá		1	12.21. 00518	D380101	7.25	7.50	7.25	22.00	22.00	
1327	LPH.C05548	Ma Thị	Hạnh	14/05/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00521	D380101	4.25	2.75	7.00	14.00	14.00	
1328	LPH.C05549	Chu Văn	Hoà	06/08/96		Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00524	D380101	5.25	2.75	3.50	11.50	11.50	
1329	LPH.C05550	Nguyễn Quang	Hưng	31/10/96		Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00526	D380101	3.75	2.00	5.75	11.50	11.50	
1330	LPH.C05551	Lưu Tú	Linh	30/11/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00525	D380101	2.25	3.00	7.00	12.25	12.50	
1331	LPH.C05552	Lý Diệu	Linh	13/09/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00519	D380101	1.25	2.50	6.50	10.25	10.50	
1332	LPH.C05553	Ma Văn	Long	13/08/96		Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00523	D380101	3.75	1.75	3.50	9.00	9.00	
1333	LPH.C05554	Nguyễn Thành	Nam	27/07/96		Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00522	D380101	2.50	3.00	3.50	9.00	9.00	
1334	LPH.C05555	Lý Thị	Thương	19/01/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00520	D380101	5.25	4.00	6.75	16.00	16.00	
1335	LPH.C05556	Ma Thị Ngọc	Chúc	01/01/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.22. 00259	D380101	3.75	2.00	6.75	12.50	12.50	
1336	LPH.C05557	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	04/06/96	Nữ	Huyện Phú Lương		1	12.23. 00709	D380101	6.75	4.00	7.00	17.75	18.00	
1337	LPH.C05558	Nguyễn Thị Thanh	Hải	20/02/95	Nữ	Huyện Phú Lương	01	1	12.23. 00714	D380101	5.00	1.00	5.75	11.75	12.00	
1338	LPH.C05559	Phạm Thị Thu	Hiền	16/10/96	Nữ	Huyện Phú Lương		1	12.23. 00710	D380101	7.00	7.25	7.50	21.75	22.00	
1339	LPH.C05561	Vũ Thị	Mây	19/02/96	Nữ	Huyện Phú Lương		1	12.23. 00711	D380101	5.00	4.75	3.75	13.50	13.50	
1340	LPH.C05562	Đoàn Xuân	Toàn	05/10/96		Huyện Phú Lương	01	1	12.23. 00712	D380101	1.50	1.75	4.25	7.50	7.50	
1341	LPH.C05563	Hà Huệ	Anh	28/08/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00345	D380101	5.25	3.25	6.00	14.50	14.50	
1342	LPH.C05564	Lục Mỹ	Diệp	18/01/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00344	D380101	3.00	2.75	5.75	11.50	11.50	
1343	LPH.C05565	Bùi Thị Thái	Hà	07/02/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00342	D380101	2.25	4.25	7.75	14.25	14.50	
1344	LPH.C05566	Lương Thị Hương	Nhài	07/10/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00343	D380101	6.00	3.25	6.50	15.75	16.00	
1345	LPH.C05567	Dương Tự	Phúc	07/07/96		Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00346	D380107	7.50	3.25	5.50	16.25	16.50	
1346	LPH.C05568	Trần Ngọc	Anh	08/05/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.25. 00759	D380101	4.00	0.50	3.50	8.00	8.00	
1347	LPH.C05569	Nông Mai	Hương	06/09/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.25. 00757	D380101	6.75	6.25	8.00	21.00	21.00	
1348	LPH.C05570	Trần Thị	Thìn	15/06/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.25. 00760	D380101	8.25	5.00	7.00	20.25	20.50	
1349	LPH.C05571	Nguyễn Minh	Vương	08/10/95		Huyện Đại Từ	01	1	12.25. 00758	D380101	1.25	4.75	6.00	12.00	12.00	
1350	LPH.C05572	Dương Thị Vân	Anh	01/01/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.28. 00533	D380101	3.25	3.50	6.75	13.50	13.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1351	LPH.C05573	Trần Văn Duy	23/03/96		Huyện Phú Bình	01	2NT	12.28. 00537	D380107	2.50	1.75	4.25	8.50	8.50	
1352	LPH.C05574	Nguyễn Thị Hà	10/05/96	Nữ	Huyện Phú Bình	01	1	12.28. 00525	D380101	6.75	5.50	7.00	19.25	19.50	
1353	LPH.C05575	Tạ Văn Hiệp	25/07/96		Huyện Phú Bình		2NT	12.28. 00528	D380101	1.00	1.00	5.00	7.00	7.00	
1354	LPH.C05576	Dương Thị Hương	21/01/97	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.28. 00526	D380101	7.00	2.50	4.00	13.50	13.50	
1355	LPH.C05577	Vũ Khắc Lãm	18/09/96		Huyện Phú Bình		1	12.28. 00538	D380107	4.50	2.50	6.00	13.00	13.00	
1356	LPH.C05578	Nguyễn Thị Trà My	27/10/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.28. 00530	D380101	5.00	4.00	5.00	14.00	14.00	
1357	LPH.C05579	Tạ Văn Phúc	25/02/96		Huyện Phú Bình		1	12.28. 00540	D380107	5.75	2.00	6.50	14.25	14.50	
1358	LPH.C05580	Nguyễn Thị Thu Phương	28/08/96	Nữ	Huyện Phú Bình		1	12.28. 00527	D380101	5.50	3.25	6.00	14.75	15.00	
1359	LPH.C05585	Bế Thị Hải Yến	21/02/96	Nữ	Huyện Phú Bình	06	2NT	12.28. 00532	D380101	5.75	3.75	6.75	16.25	16.50	
1360	LPH.C05586	Nguyễn Quốc Hiếu	24/07/96		Huyện Phổ Yên		2NT	12.29. 00966	D380101	2.00	1.75	4.50	8.25	8.50	
1361	LPH.C05587	Phạm Ngọc Trung Thuận	28/08/96		Huyện Phổ Yên		2NT	12.29. 00965	D380101	6.25	4.00	3.75	14.00	14.00	
1362	LPH.C05588	Trương Mỹ Duyên	21/07/96	Nữ	Huyện Phổ Yên	01	1	12.30. 00359	D380101	5.75	6.00	7.50	19.25	19.50	
1363	LPH.C05589	Vũ Thị Dương	06/10/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		1	12.30. 00357	D380101	5.75	4.75	6.50	17.00	17.00	
1364	LPH.C05591	Đặng Thị Tinh	30/01/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.30. 00361	D380107	6.25	6.00	6.00	18.25	18.50	
1365	LPH.C05592	Nguyễn Thị Như Trang	02/08/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		1	12.30. 00358	D380101	6.00	5.00	6.75	17.75	18.00	
1366	LPH.C05593	Đặng Thị Hồng ánh	22/07/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	12.33. 00924	D380101	4.00	2.50	7.00	13.50	13.50	
1367	LPH.C05596	Lương Hoàng Thảo Chi	02/07/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	12.33. 00923	D380101	6.50	3.50	4.50	14.50	14.50	
1368	LPH.C05597	Mai Thị Linh Chi	22/09/95	Nữ	Huyện Định Hóa	01	1	12.33. 00946	D380101	4.75	3.00	7.75	15.50	15.50	
1369	LPH.C05598	Nguyễn Thị Kim Chi	21/09/96	Nữ	Huyện Chợ Mới	01	1	12.33. 00900	D380101	2.50	1.00	5.75	9.25	9.50	
1370	LPH.C05603	Hà Thị Giang	01/07/95	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	12.33. 00940	D380101	7.25	4.50	6.75	18.50	18.50	
1371	LPH.C05605	Triệu Văn Giang	01/12/95		Huyện Thạch An	01	1	12.33. 00915	D380101	1.75	1.00	2.00	4.75	5.00	
1372	LPH.C05606	Đinh Thị Nhật Hà	07/11/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	12.33. 00925	D380101	7.75	4.25	8.50	20.50	20.50	
1373	LPH.C05607	Nguyễn Thu Hà	26/09/96	Nữ	Huyện Quán Bạ	01	1	12.33. 00926	D380101	5.00	2.75	7.00	14.75	15.00	
1374	LPH.C05609	Hầu Thị Hoa	24/04/96	Nữ	Huyện Đông Văn	01	1	12.33. 00911	D380101	6.25	4.50	7.00	17.75	18.00	
1375	LPH.C05610	Lương Thị Hạnh Hoa	29/08/96	Nữ	Huyện Bình Liêu	01	1	12.33. 00958	D380107	5.75	4.00	7.00	16.75	17.00	
1376	LPH.C05611	Bùi Minh Hoà	01/08/95	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	12.33. 00953	D380101	7.50	2.50	6.00	16.00	16.00	
1377	LPH.C05613	Nông Thị Thu Hường	06/07/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	12.33. 00912	D380101	1.75	4.00	4.50	10.25	10.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1378	LPH.C05615	Lữ Thị	Lan	17/06/96	Nữ	Huyện Tương Dương	01	1	12.33. 00927	D380101	7.25	8.00	7.50	22.75	23.00	
1379	LPH.C05616	Phạm Hoàng	Linh	30/07/96		Huyện Quảng Uyên	01	1	12.33. 00916	D380101	2.25	1.75	4.25	8.25	8.50	
1380	LPH.C05617	Nguyễn Hồng	Ly	01/05/96	Nữ	Huyện Chi Lăng	01	1	12.33. 00928	D380101	3.00	2.75	7.25	13.00	13.00	
1381	LPH.C05618	Lục Thị Diệu	Mai	24/02/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	12.33. 00920	D380101	3.50	3.00	7.50	14.00	14.00	
1382	LPH.C05619	Giàng Thị	Minh	20/10/96	Nữ	Huyện Quán Bạ	01	1	12.33. 00929	D380101	6.75	5.50	7.25	19.50	19.50	
1383	LPH.C05620	Nguyễn Việt	Mỹ	11/04/96	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	12.33. 00901	D380101	1.00	0.75	5.50	7.25	7.50	
1384	LPH.C05623	Diệp Thị	Nguyệt	12/04/96	Nữ	Huyện Phổ Yên	01	1	12.33. 00930	D380101	3.00	3.00	6.00	12.00	12.00	
1385	LPH.C05624	Hoàng Thị Hồng	Nhung	18/08/96	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	12.33. 00907	D380101	3.00	3.00	6.50	12.50	12.50	
1386	LPH.C05626	Dương Thị	Oanh	04/09/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	12.33. 00932	D380101	3.50	1.75	4.75	10.00	10.00	
1387	LPH.C05627	Vi Thị Hoàng	Phúc	20/04/96	Nữ	Huyện Phú Lương	01	1	12.33. 00921	D380101	7.50	3.50	7.00	18.00	18.00	
1388	LPH.C05628	Thắm Thị Thu	Phương	01/10/95	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	12.33. 00944	D380101	2.75	4.00	7.25	14.00	14.00	
1389	LPH.C05629	Ma Thị	Phượng	29/09/95	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	12.33. 00938	D380101	7.00	3.50	7.00	17.50	17.50	
1390	LPH.C05630	Ma Thế	Quang	23/01/96		Huyện Ba Bể	01	1	12.33. 00902	D380101	0.00	0.50	1.50	2.00	2.00	
1391	LPH.C05631	Giàng Thị	Sua	13/09/96	Nữ	Huyện Sông Mã	01	1	12.33. 00913	D380101	3.25	4.75	6.25	14.25	14.50	
1392	LPH.C05633	Bế Nguyễn Phương	Thảo	05/05/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	12.33. 00908	D380101	1.00	1.75	5.50	8.25	8.50	
1393	LPH.C05636	Phan Thị	Thảo	11/09/95	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	12.33. 00942	D380101	3.75	5.00	7.50	16.25	16.50	
1394	LPH.C05637	Triệu Thị	Thảo	12/03/96	Nữ	Huyện Ba Chẽ	01	1	12.33. 00922	D380101	1.50	3.50	6.75	11.75	12.00	
1395	LPH.C05639	Lãnh Đức	Thiện	25/05/96		Huyện Bảo Lạc	01	1	12.33. 00933	D380101	3.25	3.00	5.50	11.75	12.00	
1396	LPH.C05642	Ma Hoài	Thương	01/03/96	Nữ	Huyện Phú Lương	01	1	12.33. 00959	D380107	4.50	4.00	7.50	16.00	16.00	
1397	LPH.C05643	Thào Thuỷ	Tiên	13/06/96	Nữ	Huyện Mèo Vạc	01	1	12.33. 00910	D380101	6.75	4.00	6.25	17.00	17.00	
1398	LPH.C05644	Hoàng Thị Huyền	Trang	13/07/95	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	12.33. 00960	D380107	7.25	5.50	7.00	19.75	20.00	
1399	LPH.C05645	Hoàng Ngọc	Trang	26/04/95	Nữ	Huyện Mèo Vạc	01	1	12.33. 00948	D380101	5.00	3.00	7.00	15.00	15.00	
1400	LPH.C05646	Lục Thị Huyền	Trang	04/10/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	12.33. 00934	D380101	4.50	3.75	6.75	15.00	15.00	
1401	LPH.C05647	Lương Thị	Trang	06/12/95	Nữ	Huyện Bắc Yên	01	1	12.33. 00961	D380107	5.00	1.50	5.00	11.50	11.50	
1402	LPH.C05648	Trần Thị Thu	Trang	28/12/95	Nữ	Huyện Tiên Yên	01	1	12.33. 00952	D380101	3.00	2.50	5.00	10.50	10.50	
1403	LPH.C05649	Nông Thị	Trung	20/07/95	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	12.33. 00955	D380101	3.50	5.75	6.50	15.75	16.00	
1404	LPH.C05652	Đỗ Thu	Vân	16/02/96	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	12.33. 00914	D380101	1.00	2.00	5.00	8.00	8.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1405	LPH.C05653	Nông Thị Thuý	Vân	17/06/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	12.33. 00906	D380101	7.00	5.50	7.00	19.50	19.50	
1406	LPH.C05654	Nông Thị Thanh	Xoan	23/11/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	12.33. 00935	D380101	4.50	1.75	6.75	13.00	13.00	
1407	LPH.C05655	Ma Thị Hải	Yến	09/06/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	12.33. 00903	D380101	3.75	2.75	7.00	13.50	13.50	
1408	LPH.C05656	Lương Văn	Chiến	16/06/96		Huyện Đại Từ	01	1	12.35. 00248	D380107	2.25	1.00	1.75	5.00	5.00	
1409	LPH.C05658	Trịnh Thùy	Dung	18/04/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.35. 00244	D380101	6.00	6.00	7.50	19.50	19.50	
1410	LPH.C05659	Lê Thị	Duyên	13/09/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.35. 00239	D380101	3.50	2.75	5.50	11.75	12.00	
1411	LPH.C05660	Nguyễn Anh	Dũng	25/10/96		Huyện Đại Từ	01	1	12.35. 00240	D380101	4.25	1.75	7.00	13.00	13.00	
1412	LPH.C05661	Đàm Thị	Linh	03/09/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.35. 00247	D380107	4.50	2.75	5.00	12.25	12.50	
1413	LPH.C05662	Trần Văn	Luận	15/08/96		Huyện Đại Từ	01	1	12.35. 00238	D380101	3.25	2.50	6.25	12.00	12.00	
1414	LPH.C05663	Nguyễn Thị	Mai	22/09/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.35. 00245	D380101	4.00	3.75	6.50	14.25	14.50	
1415	LPH.C05664	Âu Diệu	Thái	02/09/95	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.35. 00237	D380101	5.75	4.25	5.00	15.00	15.00	
1416	LPH.C05666	Nông Thị	Tuyết	21/08/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.35. 00246	D380101	2.50	3.75	6.00	12.25	12.50	
1417	LPH.C05668	Nguyễn Thị	Lệ	27/04/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.36. 00450	D380101	7.50	7.00	7.25	21.75	22.00	
1418	LPH.C05669	Nguyễn Thị	Thảo	03/12/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.36. 00451	D380101	9.00	7.25	7.25	23.50	23.50	
1419	LPH.C05670	Ngô Thị Thanh	Thủy	23/04/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.36. 00449	D380101	6.50	4.25	6.25	17.00	17.00	
1420	LPH.C05671	Dương Thị	Tuyết	21/12/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.36. 00452	D380107	7.50	6.50	7.00	21.00	21.00	
1421	LPH.C05673	Ngô Việt	Cường	21/09/96		Huyện Phổ Yên		2NT	12.37. 00472	D380101	6.25	2.75	6.75	15.75	16.00	
1422	LPH.C05674	Trần Thị	Huấn	18/09/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		2NT	12.37. 00470	D380101	2.50	3.00	5.00	10.50	10.50	
1423	LPH.C05675	Nguyễn Thị Lan	Hương	01/06/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		2NT	12.37. 00473	D380101	4.25	4.00	6.25	14.50	14.50	
1424	LPH.C05677	Triệu Văn	Ninh	14/08/96		Huyện Võ Nhai	01	1	12.53. 00079	D380101	4.00	0.50	3.50	8.00	8.00	
1425	LPH.C05678	Hoàng Thuý	Trang	07/05/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.53. 00081	D380101	2.00	2.00	3.50	7.50	7.50	
1426	LPH.C05679	Nguyễn Thị	Anh	07/04/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.54. 00352	D380101	4.75	2.00	5.00	11.75	12.00	
1427	LPH.C05680	Lê Thị	Hậu	09/05/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.54. 00351	D380101	7.00	6.00	7.25	20.25	20.50	
1428	LPH.C05681	Hà Hoàng	Thanh	07/08/95		Huyện Đại Từ		1	12.54. 00354	D380101	2.25	2.75	4.50	9.50	9.50	
1429	LPH.C05683	Ngô Thị	Trà	14/05/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.54. 00353	D380101	4.75	3.25	7.00	15.00	15.00	
1430	LPH.C05684	Nguyễn Thị	Trang	25/09/96	Nữ	Huyện Võ Nhai		1	12.55. 00109	D380101	1.25	1.50	5.25	8.00	8.00	
1431	LPH.C05686	Dương Tuấn	Anh	24/01/96		Huyện Phú Bình		2NT	12.58. 00338	D380107	5.75	2.00	4.50	12.25	12.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1432	LPH.C05687	Đặng Văn	Quân	08/01/95		Huyện Phú Bình		2NT	12.58. 00339	D380101	6.75	4.75	7.00	18.50	18.50	
1433	LPH.C05688	Đồng Xuân	Cầm	27/03/95		Huyện Ngân Sơn	01	1	12.B2. 00161	D380101	3.00	1.00	1.50	5.50	5.50	
1434	LPH.C05689	Đinh Thị	Chà	27/07/95	Nữ	Huyện Ngân Sơn	01	1	12.B2. 00160	D380101	5.50	4.25	6.00	15.75	16.00	
1435	LPH.C05690	Bùi Thị	Huyền	10/04/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	12.B2. 00183	D380101	5.00	3.25	6.75	15.00	15.00	
1436	LPH.C05691	Lê Thị Lan	Hương	05/09/95	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	12.B2. 00169	D380101	6.00	5.00	6.50	17.50	17.50	
1437	LPH.C05692	Nguyễn Thị	Hương	30/03/95	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	12.B2. 00158	D380101	7.00	5.00	7.00	19.00	19.00	
1438	LPH.C05693	Đinh Thiện	Tùng	05/09/95		Huyện Ngân Sơn	01	1	12.B2. 00202	D380107	1.00	3.00	4.50	8.50	8.50	
1439	LPH.C05694	Hà Thị Kiều	Loan	06/09/95	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.00. 00001	D380101	3.25	1.25	6.00	10.50	10.50	
1440	LPH.C05697	Hà Thị	Thủy	06/11/95	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.01. 00004	D380101	3.00	2.75	7.25	13.00	13.00	
1441	LPH.C05698	Nguyễn Thị	Lê	04/05/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.02. 00005	D380101	3.50	3.75	6.50	13.75	14.00	
1442	LPH.C05699	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/12/95	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.02. 00006	D380101	4.50	5.25	7.00	16.75	17.00	
1443	LPH.C05701	Hoàng Thị Phương	Anh	15/12/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.03. 00008	D380101	6.75	6.00	5.00	17.75	18.00	
1444	LPH.C05702	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	10/08/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00015	D380101	6.00	6.75	7.50	20.25	20.50	
1445	LPH.C05703	Trần Ngọc	Điệp	15/09/96		Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00011	D380101	5.50	2.25	7.25	15.00	15.00	
1446	LPH.C05704	Hoàng Thu	Hà	26/02/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00014	D380101	7.00	7.50	7.50	22.00	22.00	
1447	LPH.C05706	Nguyễn Tiến	Huy	05/09/96		Huyện Trấn Yên	06	1	13.03. 00013	D380101	5.50	2.00	7.00	14.50	14.50	
1448	LPH.C05708	Nguyễn Thị Kim	Oanh	13/04/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00009	D380101	6.75	3.75	6.00	16.50	16.50	
1449	LPH.C05709	Nguyễn Thu	Uyên	10/08/96	Nữ	Thành phố Yên Bái	01	1	13.03. 00010	D380101	4.50	4.00	6.00	14.50	14.50	
1450	LPH.C05710	Nguyễn Mạnh	Chí	23/01/96		Thành phố Yên Bái		1	13.04. 00018	D380101	0.00	1.50	1.50	3.00	3.00	
1451	LPH.C05711	Trần Hoài	Nam	21/06/96		Thành phố Yên Bái		1	13.04. 00019	D380101	5.75	3.75	5.00	14.50	14.50	
1452	LPH.C05714	Nông Huyền	Chang	06/09/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.05. 00026	D380107	7.00	5.75	7.00	19.75	20.00	
1453	LPH.C05715	Trịnh Thị	Châm	09/06/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.05. 00024	D380101	3.75	3.50	5.00	12.25	12.50	
1454	LPH.C05716	Hà Việt	Hằng	20/11/96	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	13.05. 00021	D380101	7.00	5.75	7.75	20.50	20.50	
1455	LPH.C05717	Sa Hương	Ly	14/04/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.05. 00025	D380101	3.75	3.00	7.00	13.75	14.00	
1456	LPH.C05718	Nông Văn	Thắng	12/10/96		Huyện Văn Yên	01	1	13.05. 00022	D380101	3.00	3.75	3.00	9.75	10.00	
1457	LPH.C05719	Mã Thị	Tiên	11/05/96	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	13.05. 00023	D380101	2.50	0.75	4.00	7.25	7.50	
1458	LPH.C05720	Nguyễn Khánh	Dư	29/05/96		Thị xã Nghĩa Lộ		1	13.09. 00027	D380101	4.00	2.50	5.00	11.50	11.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1459	LPH.C05721	Đình Thị Thiện	20/02/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.09. 00028	D380101	4.75	2.50	5.00	12.25	12.50	
1460	LPH.C05722	Tạ Đình Chinh	07/03/96		Huyện Văn Chấn		1	13.10. 00029	D380101	2.50	1.75	4.25	8.50	8.50	
1461	LPH.C05724	Nguyễn Thị Tám	18/01/94	Nữ	Huyện Văn Yên		1	13.11. 00032	D380101	5.00	5.00	5.50	15.50	15.50	
1462	LPH.C05725	Trương Văn Thành	04/08/91		Huyện Văn Yên	01	1	13.11. 00030	D380101	7.25	5.75	5.75	18.75	19.00	
1463	LPH.C05726	Nông Thị Linh	18/07/96	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	13.12. 00033	D380101	5.75	3.50	6.00	15.25	15.50	
1464	LPH.C05727	Hoàng Thị Chi	26/09/95	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.14. 00036	D380101	2.50	4.00	7.00	13.50	13.50	
1465	LPH.C05728	Đỗ Văn Thuận	06/02/93		Huyện Yên Bình		1	13.14. 00034	D380107	3.50	.	.	3.50	3.50	VPQC
1466	LPH.C05729	Nguyễn Ngọc Thùy	16/08/94		Huyện Yên Bình	01	1	13.14. 00037	D380101	1.00	1.50	.	2.50	2.50	
1467	LPH.C05730	Nguyễn Thanh Tùng	02/01/91		Huyện Yên Bình	01	1	13.14. 00038	D380101	5.25	3.50	3.00	11.75	12.00	
1468	LPH.C05734	Hoàng Thị Tuyết	03/10/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.15. 00045	D380101	3.00	2.50	7.00	12.50	12.50	
1469	LPH.C05735	Hoàng Ngọc Quỳnh	21/03/96	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	13.15. 00041	D380101	7.00	5.00	7.00	19.00	19.00	
1470	LPH.C05736	Đỗ Thị Thuận	21/02/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.15. 00044	D380101	8.25	6.00	6.00	20.25	20.50	
1471	LPH.C05737	Nguyễn Thị Tiên	14/05/96	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	13.15. 00039	D380101	4.75	1.00	5.00	10.75	11.00	
1472	LPH.C05738	Trần Thị Huyền	07/04/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.15. 00043	D380101	6.00	5.00	7.00	18.00	18.00	
1473	LPH.C05739	Lưu Ngọc Tuyết	15/11/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.15. 00040	D380101	5.25	6.50	7.00	18.75	19.00	
1474	LPH.C05742	Vi Quốc Cường	16/10/96		Huyện Yên Bình	01	1	13.17. 00052	D380101	2.00	1.00	4.25	7.25	7.50	
1475	LPH.C05743	Trần Thị Thuý	27/08/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.17. 00049	D380101	6.50	6.00	7.00	19.50	19.50	
1476	LPH.C05745	Đỗ Thị Thơm	13/03/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.17. 00050	D380101	7.25	3.25	7.50	18.00	18.00	
1477	LPH.C05748	Trương Thị Hồng	18/09/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.18. 00053	D380101	1.50	1.50	5.00	8.00	8.00	
1478	LPH.C05749	Nông Hoàng Sơn	08/08/96		Huyện Yên Bình	01	1	13.18. 00054	D380101	2.75	5.00	5.50	13.25	13.50	
1479	LPH.C05750	Hoàng Thị Vân	20/11/96	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	13.18. 00057	D380101	4.00	2.00	7.00	13.00	13.00	
1480	LPH.C05752	Trịnh Hoài Phương	15/09/95	Nữ	Huyện Mù Cang Chải	01	1	13.19. 00059	D380101	8.00	6.75	7.50	22.25	22.50	
1481	LPH.C05754	Trần Văn Dũng	10/03/94		Huyện Văn Chấn		1	13.21. 00063	D380101	6.75	5.50	7.00	19.25	19.50	
1482	LPH.C05758	Mai Thị Dương	11/05/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.22. 00067	D380107	5.25	3.50	6.50	15.25	15.50	
1483	LPH.C05759	Hoàng Thị Huê	10/05/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.22. 00071	D380101	4.00	3.75	5.00	12.75	13.00	
1484	LPH.C05760	Hoàng Thị Huế	11/06/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.22. 00072	D380107	4.50	2.25	4.25	11.00	11.00	
1485	LPH.C05761	Hà Quang Huy	02/10/96		Huyện Văn Chấn	01	1	13.22. 00073	D380101	4.25	2.75	4.25	11.25	11.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1486	LPH.C05762	Khung Thị	Hương	19/06/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.22. 00070	D380107	6.25	4.50	7.00	17.75	18.00	
1487	LPH.C05763	Hoàng Thu	Phương	20/02/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.22. 00069	D380107	5.75	6.75	6.00	18.50	18.50	
1488	LPH.C05764	Nguyễn Danh	Quý	23/11/96		Huyện Văn Chấn		1	13.22. 00068	D380101	2.50	0.00	0.25	2.75	3.00	
1489	LPH.C05765	Hà Thị Phương	Thảo	15/11/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.22. 00065	D380101	2.00	2.50	5.00	9.50	9.50	
1490	LPH.C05766	Hà Thị	Thu	18/11/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.22. 00066	D380101	5.50	5.75	6.50	17.75	18.00	
1491	LPH.C05767	Nguyễn Thị Kiều	Trang	09/11/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.22. 00074	D380101	4.50	5.50	6.50	16.50	16.50	
1492	LPH.C05768	Đặng Thị	Mai	14/09/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.23. 00075	D380101	3.75	1.50	4.50	9.75	10.00	
1493	LPH.C05769	Sa Phương	Thảo	07/11/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.23. 00076	D380101	4.25	2.75	6.25	13.25	13.50	
1494	LPH.C05772	Lương Thị	Luyên	03/08/95	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	13.24. 00077	D380101	3.00	1.00	2.00	6.00	6.00	
1495	LPH.C05773	Nguyễn Văn	Phi	02/08/95		Huyện Trấn Yên		1	13.24. 00079	D380101	2.50	2.50	4.50	9.50	9.50	
1496	LPH.C05776	Dương Thị	Tuyến	24/05/94	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	13.24. 00083	D380101	2.25	5.25	8.00	15.50	15.50	
1497	LPH.C05778	Nguyễn Thị Thu	Hiền	15/05/96	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.25. 00088	D380101	5.50	3.25	6.75	15.50	15.50	
1498	LPH.C05780	Đinh Thị Hoa	Mai	06/03/96	Nữ	Huyện Trấn Yên	06	1	13.25. 00087	D380101	4.75	2.50	5.50	12.75	13.00	
1499	LPH.C05781	La Thị Thu	Thảo	01/04/96	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	13.25. 00090	D380101	3.50	3.75	6.25	13.50	13.50	
1500	LPH.C05782	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/06/96	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	13.25. 00091	D380101	1.00	0.50	4.00	5.50	5.50	
1501	LPH.C05784	Hà Thị	Thùy	03/03/96	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.25. 00085	D380101	5.25	1.00	5.00	11.25	11.50	
1502	LPH.C05785	Nguyễn Hữu	Tuấn	16/12/96		Huyện Trấn Yên		1	13.25. 00092	D380107	1.50	1.75	4.00	7.25	7.50	
1503	LPH.C05786	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/02/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.26. 00093	D380101	5.00	1.00	5.00	11.00	11.00	
1504	LPH.C05787	Đào Đức	Hải	26/10/96		Huyện Trấn Yên		1	13.27. 00097	D380101	3.50	2.50	3.00	9.00	9.00	
1505	LPH.C05789	Lương Thị	Hường	30/10/96	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.27. 00099	D380101	0.75	2.25	4.50	7.50	7.50	
1506	LPH.C05791	Hoàng Thị Nhật	Lệ	24/05/96	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	13.27. 00096	D380101	4.75	2.75	6.00	13.50	13.50	
1507	LPH.C05792	Vũ Trọng	Nghĩa	02/07/96		Huyện Trấn Yên	01	1	13.27. 00098	D380101	1.00	1.00	2.00	4.00	4.00	
1508	LPH.C05793	Phạm Thị	Phương	17/11/96	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	13.27. 00095	D380101	1.75	1.50	6.00	9.25	9.50	
1509	LPH.C05794	Phùng Khánh	Tân	17/09/96		Huyện Trấn Yên		1	13.27. 00100	D380101	1.50	1.75	4.50	7.75	8.00	
1510	LPH.C05795	Hà Anh	Thạch	21/01/96		Huyện Trấn Yên	01	1	13.27. 00094	D380101	5.75	5.00	5.50	16.25	16.50	
1511	LPH.C05799	Thào A	Sà	07/03/96		Huyện Trạm Tấu	01	1	13.29. 00106	D380101	3.50	2.50	4.50	10.50	10.50	
1512	LPH.C05800	Giăng A	Thành	26/04/96		Huyện Trạm Tấu	01	1	13.29. 00105	D380101	2.00	1.50	4.00	7.50	7.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1513	LPH.C05801	Âu Văn	Bình	15/12/93		Huyện Lục Yên	01	1	13.30. 00112	D380101	2.50	1.50	4.00	8.00	8.00	
1514	LPH.C05802	Lương Xuân	Cường	19/10/89		Huyện Lục Yên	01	1	13.30. 00109	D380101	5.50	4.75	4.00	14.25	14.50	
1515	LPH.C05803	Hoàng Thị Khánh	Hoàn	08/06/95	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.30. 00113	D380101	6.25	4.50	6.50	17.25	17.50	
1516	LPH.C05804	Hứa Văn	Huy	14/08/94		Huyện Lục Yên	01	1	13.30. 00108	D380101	6.50	3.00	3.50	13.00	13.00	
1517	LPH.C05805	Sầm Thanh	Nghĩa	18/03/95		Huyện Lục Yên	01	1	13.30. 00111	D380101	1.25	1.00	2.50	4.75	5.00	
1518	LPH.C05806	Hoàng Thu	Phương	06/08/95	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.30. 00110	D380101	5.00	3.25	5.25	13.50	13.50	
1519	LPH.C05808	Lê Thu	Trang	17/01/95	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.30. 00114	D380101	4.50	2.25	6.75	13.50	13.50	
1520	LPH.C05809	Lương Thị	Chín	12/09/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.31. 00116	D380101	1.25	2.50	5.50	9.25	9.50	
1521	LPH.C05811	Hoàng Thị	Đến	16/05/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.31. 00120	D380101	4.25	2.25	5.75	12.25	12.50	
1522	LPH.C05812	Đoàn Văn	Hải	09/06/96		Huyện Lục Yên		1	13.31. 00117	D380101	3.75	3.50	5.50	12.75	13.00	
1523	LPH.C05815	Triệu Thị	Thao	22/03/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.31. 00122	D380101	1.00	1.50	5.00	7.50	7.50	
1524	LPH.C05816	Lương Văn	Thieu	20/10/96		Huyện Lục Yên	01	1	13.31. 00124	D380101	5.00	2.75	4.00	11.75	12.00	
1525	LPH.C05817	Âu Quang	Trung	26/07/96		Huyện Lục Yên	01	1	13.31. 00119	D380101	0.75	1.00	1.25	3.00	3.00	
1526	LPH.C05819	Vi Quốc	Bình	29/05/96		Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00141	D380101	2.75	0.50	5.50	8.75	9.00	
1527	LPH.C05820	Nguyễn Thị Kim	Cúc	18/01/96	Nữ	Huyện Lục Yên		1	13.32. 00137	D380101	5.75	2.50	5.75	14.00	14.00	
1528	LPH.C05821	Hoàng Văn	Hoan	28/10/96		Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00142	D380101	2.75	1.25	6.00	10.00	10.00	
1529	LPH.C05823	Đỗ Thị	Huyền	27/01/96	Nữ	Huyện Lục Yên		1	13.32. 00129	D380107	1.75	2.00	5.00	8.75	9.00	
1530	LPH.C05824	Lý Thị Phương	Lan	16/08/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00134	D380101	5.00	2.25	5.50	12.75	13.00	
1531	LPH.C05825	Nguyễn Duy	Linh	16/09/96		Huyện Lục Yên		1	13.32. 00127		1.00	.	.	1.00	1.00	
1532	LPH.C05826	Nông Thị	Lượt	24/02/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00140	D380101	2.00	4.00	7.50	13.50	13.50	
1533	LPH.C05827	Hoàng Đức	Mạnh	04/01/96		Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00135	D380101	3.75	1.50	4.50	9.75	10.00	
1534	LPH.C05829	Hà Thị	Như	29/01/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00139	D380101	4.00	1.50	3.00	8.50	8.50	
1535	LPH.C05830	Nông Văn	Phong	19/09/96		Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00131	D380101	3.00	2.75	4.00	9.75	10.00	
1536	LPH.C05832	Hoàng Duy	Thái	07/12/96		Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00130	D380107	2.75	2.00	2.00	6.75	7.00	
1537	LPH.C05833	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/09/96	Nữ	Huyện Lục Yên		1	13.32. 00128	D380101	6.25	3.50	7.50	17.25	17.50	
1538	LPH.C05834	Hoàng Thị Thúy	Vân	03/07/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00136	D380101	1.75	3.50	6.50	11.75	12.00	
1539	LPH.C05835	Lương Hoàng	Yến	17/08/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00126	D380101	6.00	4.50	7.00	17.50	17.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1540	LPH.C05836	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/02/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.33. 00143	D380101	4.00	1.25	5.00	10.25	10.50	
1541	LPH.C05837	Trần Văn	Duẩn	28/07/95		Huyện Lục Yên	01	1	13.42. 00145	D380101	3.00	2.00	1.50	6.50	6.50	
1542	LPH.C05840	Sùng A	Bàng	10/10/95		Huyện Trạm Tấu	01	1	13.43. 00151	D380101	5.50	4.50	6.00	16.00	16.00	
1543	LPH.C05841	Hồ A	Già	27/09/96		Huyện Mù Cang Chải	01	1	13.43. 00152	D380101	3.75	2.75	4.00	10.50	10.50	
1544	LPH.C05842	Lâu Thị Phong	Lan	07/11/96	Nữ	Huyện Trạm Tấu	01	1	13.43. 00147	D380101	5.75	6.75	6.00	18.50	18.50	
1545	LPH.C05843	Lìm Thị	Luyến	19/06/96	Nữ	Huyện Mù Cang Chải	01	1	13.43. 00153	D380101	5.50	5.25	5.75	16.50	16.50	
1546	LPH.C05844	Thào A	Mềnh	07/12/96		Huyện Mù Cang Chải	01	1	13.43. 00148	D380101	6.25	4.00	4.50	14.75	15.00	
1547	LPH.C05845	Thào A	Mông	04/11/96		Huyện Trạm Tấu	01	1	13.43. 00149	D380101	3.75	2.00	3.25	9.00	9.00	
1548	LPH.C05846	Giàng Pẻ	Sinh	13/12/96		Huyện Trạm Tấu	01	1	13.43. 00150	D380101	2.25	2.75	4.25	9.25	9.50	
1549	LPH.C05849	Tạ Thị	Ly	05/07/96	Nữ	Huyện Mường La		1	14.27. 00229	D380101	4.75	1.50	3.50	9.75	10.00	
1550	LPH.C05851	Nguyễn Thị	Hoa	23/04/95	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.00. 00099	D380101	5.50	5.25	6.00	16.75	17.00	
1551	LPH.C05852	Lại Đức	Huy	01/12/92		Thành phố Sơn La		2	14.00. 00102	D380101	2.00	1.50	1.00	4.50	4.50	
1552	LPH.C05855	Lò Văn	Kim	07/07/95		Huyện Quỳnh Nhai	01	1	14.02. 00001	D380101	4.25	3.00	4.00	11.25	11.50	
1553	LPH.C05857	Quảng Văn	Nhin	24/09/94		Huyện Quỳnh Nhai	01	1	14.02. 00001	D380101	3.25	1.00	5.00	9.25	9.50	
1554	LPH.C05859	Đoàn Lan	Hương	24/03/95	Nữ	Huyện Thuận Châu		1	14.04. 00034	D380101	6.75	6.75	8.25	21.75	22.00	
1555	LPH.C05860	Lò Duy	Khánh	27/07/95		Huyện Thuận Châu	06	1	14.04. 00037	D380101	0.75	0.50	1.00	2.25	2.50	
1556	LPH.C05865	Cầm Văn	Lâm	24/05/95		Huyện Phù Yên	01	1	14.06. 00178	D380101	2.00	1.75	3.50	7.25	7.50	
1557	LPH.C05866	Hà Thanh	Tùng	01/11/94		Huyện Phù Yên	01	1	14.06. 00176	D380101	6.50	3.50	4.00	14.00	14.00	
1558	LPH.C05867	Lò Văn	Cường	26/01/94		Huyện Mai Sơn	01	1	14.07. 00068	D380101	4.00	4.75	6.00	14.75	15.00	
1559	LPH.C05868	Hoàng Văn	Thắng	11/06/95		Huyện Mai Sơn	01	1	14.07. 00067	D380101	6.00	4.50	5.75	16.25	16.50	
1560	LPH.C05869	Hà Thị	Việt	18/02/94	Nữ	Huyện Yên Châu	01	1	14.08. 00041	D380101	0.25	0.50	2.75	3.50	3.50	
1561	LPH.C05870	Hồ A	Sự	18/05/91		Huyện Sông Mã	01	1	14.09. 00002	D380101	1.25	1.00	3.00	5.25	5.50	
1562	LPH.C05872	Nguyễn Ngọc Thanh	Duyên	11/08/95	Nữ	Huyện Mộc Châu	01	1	14.10. 00070	D380101	2.00	3.00	4.00	9.00	9.00	
1563	LPH.C05873	Nguyễn Thuỳ	Linh	14/08/95	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.10. 00078	D380101	6.75	6.25	8.00	21.00	21.00	
1564	LPH.C05874	Trần Hồng	Nhung	17/03/95	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.10. 00001	D380101	4.50	3.00	7.25	14.75	15.00	
1565	LPH.C05875	Đặng Văn	Cô	08/08/96		Huyện Mộc Châu	01	1	14.11. 00374	D380101	2.00	1.25	4.50	7.75	8.00	
1566	LPH.C05877	Giàng A	Hồng	15/07/96		Huyện Vân Hồ	01	1	14.11. 00373	D380101	0.75	0.50	3.00	4.25	4.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1567	LPH.C05878	Phan Thị	Hường	16/07/96	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.11. 00375	D380101	2.25	4.50	5.00	11.75	12.00	
1568	LPH.C05879	Phan Thị	Nhung	23/09/96	Nữ			1	14.11. 00372	D380101	1.00	1.00	4.00	6.00	6.00	
1569	LPH.C05880	Trần Thị	Thảo	23/04/96	Nữ	Huyện Mộc Châu	06	1	14.11. 00376	D380101	0.50	0.50	4.00	5.00	5.00	
1570	LPH.C05882	Hoàng Hải	Hường	02/08/96	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.12. 00106	D380101	6.75	3.50	5.50	15.75	16.00	
1571	LPH.C05883	Trần Duy	Khánh	16/11/96		Huyện Mộc Châu		1	14.12. 00303	D380101	1.75	1.00	1.00	3.75	4.00	
1572	LPH.C05884	Phạm Thị	Thảo	03/08/96	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.12. 00008	D380101	3.00	2.75	4.75	10.50	10.50	
1573	LPH.C05886	Hoàng Anh	Tuấn	09/09/94		Huyện Mộc Châu		1	14.12. 00268	D380107	0.75	0.50	2.25	3.50	3.50	
1574	LPH.C05888	Nguyễn Tiến	Tùng	27/04/96		Huyện Mộc Châu		1	14.12. 00258	D380101	2.75	1.50	5.00	9.25	9.50	
1575	LPH.C05889	Lê Hải	Anh	25/02/96		Thành phố Sơn La		1	14.14. 00301	D380101	2.75	1.25	2.00	6.00	6.00	
1576	LPH.C05891	Nguyễn Đức	Cường	30/06/96		Thành phố Sơn La		1	14.14. 00283	D380101	1.25	2.25	3.00	6.50	6.50	
1577	LPH.C05892	Hà Bảo	Đức	04/10/96		Thành phố Sơn La	01	1	14.14. 00064	D380101	5.75	3.75	2.00	11.50	11.50	
1578	LPH.C05894	Trần Trung	Hiếu	23/05/96		Thành phố Sơn La		1	14.14. 00149	D380101	1.75	1.00	2.00	4.75	5.00	
1579	LPH.C05896	Lê Thị	Hồng	16/07/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.14. 00169	D380101	0.75	1.00	2.00	3.75	4.00	
1580	LPH.C05897	Lù Thảo	Nguyễn	20/09/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.14. 00083	D380101	6.00	2.25	6.25	14.50	14.50	
1581	LPH.C05898	Lường Thị Ngọc	Quỳnh	24/04/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.14. 00199	D380101	4.75	1.25	6.00	12.00	12.00	
1582	LPH.C05899	Nguyễn Thị Thuý	Quỳnh	06/09/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.14. 00229	D380101	5.50	3.25	6.50	15.25	15.50	
1583	LPH.C05900	Quàng Thị	Thu	19/11/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.14. 00289	D380101	5.50	2.50	5.00	13.00	13.00	
1584	LPH.C05901	Trần Thị Phương	Anh	20/09/96	Nữ	Huyện Phù Yên		1	14.16. 00188	D380101	7.75	6.00	6.50	20.25	20.50	
1585	LPH.C05903	Lò Đức	Giang	29/03/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00189	D380101	5.50	4.00	6.50	16.00	16.00	
1586	LPH.C05904	Sa Bích	Hạnh	19/06/96	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00197	D380101	3.00	1.00	4.50	8.50	8.50	
1587	LPH.C05905	Hà Đoan	Khang	22/06/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00190	D380101	4.00	3.25	4.75	12.00	12.00	
1588	LPH.C05906	Đinh Thị	Mai	28/04/96	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00194	D380101	2.75	2.25	5.00	10.00	10.00	
1589	LPH.C05907	Bạc Thị	Minh	06/02/96	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00193	D380101	6.75	7.00	7.50	21.25	21.50	
1590	LPH.C05908	Vì Thị	Thanh	05/10/96	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00191	D380101	3.50	5.25	5.00	13.75	14.00	
1591	LPH.C05909	Chu Thị	Thu	11/03/96	Nữ	Huyện Phù Yên		1	14.16. 00199	D380101	5.00	2.25	4.50	11.75	12.00	
1592	LPH.C05910	Hoàng Thị	Thủy	13/04/96	Nữ	Huyện Phù Yên		1	14.16. 00195	D380101	6.25	2.75	4.00	13.00	13.00	
1593	LPH.C05911	Hoàng Văn	Tuấn	08/02/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00196	D380101	0.75	1.00	1.50	3.25	3.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1594	LPH.C05912	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	04/09/96	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	14.16. 00192	D380101	5.50	5.25	6.50	17.25	17.50	
1595	LPH.C05913	Lò Thị	Cương	18/01/96	Nữ	Huyện Mai Sơn	01	1	14.17. 00407	D380101	3.00	1.75	5.50	10.25	10.50	
1596	LPH.C05914	Nguyễn Quang	Đạo	05/02/96		Huyện Mai Sơn		1	14.17. 00165	D380101	8.00	3.25	5.00	16.25	16.50	
1597	LPH.C05915	Ngô Diệu	Hồng	15/06/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.17. 00258	D380101	7.75	4.50	5.00	17.25	17.50	
1598	LPH.C05916	Lê Thị Hồng	Khuyên	23/12/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.17. 00253	D380101	5.75	5.75	6.00	17.50	17.50	
1599	LPH.C05917	Đào Văn	Sáng	23/06/96		Huyện Mai Sơn		1	14.17. 00250	D380101	6.25	2.00	5.25	13.50	13.50	
1600	LPH.C05922	Quảng Huy	Hoàng	20/04/96		Huyện Yên Châu	01	1	14.18. 00232	D380101	0.25	2.50	3.00	5.75	6.00	
1601	LPH.C05923	Hà Thị	Hường	01/12/96	Nữ	Huyện Yên Châu	01	1	14.18. 00122	D380101	4.00	2.50	3.50	10.00	10.00	
1602	LPH.C05925	Hà Diệu	Linh	06/03/96	Nữ	Huyện Yên Châu	01	1	14.18. 00121	D380101	7.50	5.25	7.00	19.75	20.00	
1603	LPH.C05926	Lữ Văn	Quyên	10/08/96		Huyện Yên Châu	01	1	14.18. 00077	D380101	0.25	1.00	.	1.25	1.50	
1604	LPH.C05927	Lò Thị	Thương	23/04/96	Nữ	Huyện Yên Châu	01	1	14.18. 00163	D380101	2.75	2.50	5.75	11.00	11.00	
1605	LPH.C05928	Nguyễn Thị	Dung	21/12/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		1	14.19. 00014	D380101	6.00	2.00	5.00	13.00	13.00	
1606	LPH.C05929	Lường Thị	Điệp	23/05/96	Nữ	Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00421	D380101	2.50	2.00	4.50	9.00	9.00	
1607	LPH.C05930	Nguyễn Thị	Khúc	01/04/95	Nữ	Huyện Sông Mã		1	14.19. 00415	D380107	5.75	6.25	7.00	19.00	19.00	
1608	LPH.C05931	Lò Thị	Lan	20/12/96	Nữ	Huyện Thuận Châu	01	1	14.19. 00420	D380101	3.25	3.50	6.25	13.00	13.00	
1609	LPH.C05932	Tòng Thị	Linh	16/03/96	Nữ	Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00419	D380101	3.25	1.00	4.50	8.75	9.00	
1610	LPH.C05933	Giàng A	Nếnh	05/10/95		Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00418	D380101	2.00	1.00	2.50	5.50	5.50	
1611	LPH.C05934	Đèo Văn	Phú	12/04/96		Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00290	D380101	5.50	2.00	6.00	13.50	13.50	
1612	LPH.C05935	Giàng A	Sai	15/09/96		Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00416	D380101	1.50	1.00	4.50	7.00	7.00	
1613	LPH.C05936	Hồ Thái	Sơn	15/04/96		Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00422	D380101	2.50	4.00	6.00	12.50	12.50	
1614	LPH.C05937	Thào A	Tê	04/08/95		Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00413	D380101	7.00	2.25	5.50	14.75	15.00	
1615	LPH.C05939	Trần Thị Kim	Thư	03/04/96	Nữ	Huyện Sông Mã		1	14.19. 00417	D380101	3.00	0.50	3.00	6.50	6.50	
1616	LPH.C05940	Mùa A	Trì	17/06/94		Huyện Thuận Châu	01	1	14.19. 00296	D380101	2.50	3.75	5.00	11.25	11.50	
1617	LPH.C05942	Hoàng Quốc	Việt	19/03/96		Huyện Sông Mã	01	1	14.19. 00252	D380101	0.75	1.00	3.00	4.75	5.00	
1618	LPH.C05944	Vũ Thị Thúy	Hằng	29/11/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.20. 00178	D380101	4.75	0.50	6.00	11.25	11.50	
1619	LPH.C05945	Nguyễn Hoàng	Hiệp	14/11/96		Thành phố Sơn La	01	1	14.20. 00179	D380101	4.00	2.00	6.00	12.00	12.00	
1620	LPH.C05946	Đỗ Xuân	Trường	16/09/96		Thành phố Sơn La		1	14.20. 00177	D380107	0.75	1.00	2.50	4.25	4.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1621	LPH.C05947	Nguyễn Thanh	Bình	24/07/96	Nữ	Huyện Yên Châu		1	14.21. 00416	D380107	6.00	3.00	7.25	16.25	16.50	
1622	LPH.C05949	Lò Minh	Dũng	04/10/96		Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00411	D380101	7.75	6.25	5.00	19.00	19.00	
1623	LPH.C05951	Nguyễn Thị Mai	Hà	19/06/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00415	D380101	4.25	1.50	4.00	9.75	10.00	
1624	LPH.C05952	Đỗ Vũ Thu	Hoài	13/07/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.21. 00408	D380101	5.00	4.00	5.50	14.50	14.50	
1625	LPH.C05953	Trần Thị Minh	Hương	08/11/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00404	D380101	3.75	1.00	3.50	8.25	8.50	
1626	LPH.C05954	Vương Thiên	Hương	10/01/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.21. 00407	D380101	6.25	3.00	5.50	14.75	15.00	
1627	LPH.C05955	Bùi Nhật	Lệ	19/02/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00417	D380107	5.50	3.25	5.75	14.50	14.50	
1628	LPH.C05956	Đỗ Thị Thùy	Linh	07/05/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00406	D380101	5.00	3.00	7.50	15.50	15.50	
1629	LPH.C05957	Cà Lâm	Oanh	05/10/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00414	D380101	7.50	5.75	6.50	19.75	20.00	
1630	LPH.C05958	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	07/07/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00405	D380101	6.00	2.75	6.25	15.00	15.00	
1631	LPH.C05959	Đặng Vũ	Tuấn	01/12/96		Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00412	D380101	4.75	2.50	3.50	10.75	11.00	
1632	LPH.C05961	Sông Thị	Ca	04/04/96	Nữ	Huyện Yên Châu	01	1	14.22. 00014	D380101	7.00	4.25	7.75	19.00	19.00	
1633	LPH.C05962	Lò Mai	Hoa	10/12/96	Nữ	Huyện Sông Mã	01	1	14.22. 00013	D380101	2.25	4.00	6.00	12.25	12.50	
1634	LPH.C05963	Bàn Thị Trà	Mi	02/09/96	Nữ	Huyện Mộc Châu	01	1	14.22. 00012	D380101	3.50	2.00	5.50	11.00	11.00	
1635	LPH.C05964	Vàng A	Cho	12/04/96		huyện Sốp Cộp	01	1	14.24. 00001	D380101	1.00	1.25	4.25	6.50	6.50	
1636	LPH.C05966	Li A	Khai	07/07/96		huyện Sốp Cộp	01	1	14.24. 00056	D380101	0.75	1.00	2.00	3.75	4.00	
1637	LPH.C05968	Tông Thị	Oanh	19/04/96	Nữ	huyện Sốp Cộp	01	1	14.24. 00066	D380101	3.25	1.50	4.50	9.25	9.50	
1638	LPH.C05969	Lò Thị	Quyển	09/09/96	Nữ	huyện Sốp Cộp	01	1	14.24. 00136	D380101	1.00	0.75	4.00	5.75	6.00	
1639	LPH.C05970	Lò Thị	Thành	26/08/96	Nữ	huyện Sốp Cộp	01	1	14.24. 00021	D380101	3.00	2.00	5.50	10.50	10.50	
1640	LPH.C05972	Quàng Văn	Vuông	17/11/95		huyện Sốp Cộp	01	1	14.24. 00084	D380101	4.25	4.00	5.00	13.25	13.50	
1641	LPH.C05975	Phạm Khánh	Huyền	03/07/96	Nữ	Huyện Quỳnh Nhai	01	1	14.26. 00131	D380101	7.00	6.50	6.50	20.00	20.00	
1642	LPH.C05977	Mê Thị Kim	Oanh	01/09/96	Nữ	Huyện Quỳnh Nhai	01	1	14.26. 00134	D380101	3.25	3.00	6.00	12.25	12.50	
1643	LPH.C05978	Tông Việt	Khánh	23/09/96		Huyện Mường La	01	1	14.27. 00235	D380101	0.00	1.50	1.50	3.00	3.00	
1644	LPH.C05979	Nguyễn Thị Mai	Lan	04/06/96	Nữ	Huyện Mường La		1	14.27. 00161	D380101	2.75	3.50	6.50	12.75	13.00	
1645	LPH.C05980	Đặng Tùng	Sơn	16/08/96		Huyện Mường La		1	14.27. 00208	D380101	1.25	1.00	3.00	5.25	5.50	
1646	LPH.C05981	Đinh Thị Hải	Anh	18/08/96	Nữ	Huyện Bắc Yên	01	1	14.28. 00350	D380101	4.25	4.00	3.50	11.75	12.00	
1647	LPH.C05983	Vũ Thị Hồng	Nhung	22/08/96	Nữ	Huyện Bắc Yên	01	1	14.28. 00348	D380101	2.00	1.75	5.50	9.25	9.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1648	LPH.C05985	Bạc Thị	Mai	28/10/96	Nữ	Huyện Quỳnh Nhai	01	1	14.29. 00002	D380107	6.00	4.75	6.50	17.25	17.50	
1649	LPH.C05986	Lường Thị	Thanh	09/11/96	Nữ	Huyện Quỳnh Nhai	01	1	14.29. 00003	D380101	2.50	3.00	5.50	11.00	11.00	
1650	LPH.C05988	Hoàng Thị Thu	Hà	29/07/96	Nữ	Huyện Mai Sơn	01	1	14.30. 00072	D380107	5.00	4.00	6.50	15.50	15.50	
1651	LPH.C05989	Lò Thị	Lan	20/11/96	Nữ	Huyện Mai Sơn	01	1	14.30. 00071	D380107	5.25	3.50	5.50	14.25	14.50	
1652	LPH.C05990	Vì Thị	Thi	16/03/95	Nữ	Huyện Mai Sơn	01	1	14.30. 00069	D380101	1.50	3.00	5.00	9.50	9.50	
1653	LPH.C05993	Ngân Thu	Huyền	29/08/96	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	14.31. 00034	D380101	6.00	3.75	7.00	16.75	17.00	
1654	LPH.C05994	Đinh Thị	Hưởng	18/09/96	Nữ	Huyện Phù Yên	06	1	14.31. 00033	D380101	4.00	2.50	6.50	13.00	13.00	
1655	LPH.C05995	Đinh Thị	Liều	21/07/96	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	14.31. 00037	D380107	5.25	4.00	4.50	13.75	14.00	
1656	LPH.C05996	Đinh Xuân	Thành	22/08/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.31. 00039	D380101	1.00	2.00	2.00	5.00	5.00	
1657	LPH.C05997	Mùi Văn	Tôn	17/11/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.31. 00105	D380101	1.00	0.75	2.50	4.25	4.50	
1658	LPH.C05998	Thào A	Trống	20/05/96		Huyện Phù Yên	01	1	14.31. 00038	D380101	4.50	1.50	5.50	11.50	11.50	
1659	LPH.C06001	Lò Thị	Loan	23/10/96	Nữ	Huyện Sông Mã	01	1	14.33. 00073	D380101	3.00	5.00	5.00	13.00	13.00	
1660	LPH.C06002	Cà Thị	Mai	14/05/96	Nữ	Huyện Sông Mã	01	1	14.33. 00072	D380101	1.50	1.00	5.00	7.50	7.50	
1661	LPH.C06003	Nguyễn Thị	Phượng	21/06/93	Nữ	Huyện Sông Mã		1	14.33. 00114	D380101	3.25	2.50	5.50	11.25	11.50	
1662	LPH.C06004	Vũ Lan	Anh	03/02/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.34. 00001	D380107	3.25	1.50	5.25	10.00	10.00	
1663	LPH.C06005	Nguyễn Tài	Nam	30/10/96		Huyện Mai Sơn		1	14.34. 00144	D380101	0.50	0.50	1.50	2.50	2.50	
1664	LPH.C06006	Nguyễn Nhật	Oanh	02/11/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.34. 00066	D380107	0.50	0.75	3.50	4.75	5.00	
1665	LPH.C06007	Trần Thùy	Linh	19/09/96	Nữ	Huyện Thuận Châu		1	14.37. 00003	D380101	2.25	1.00	3.00	6.25	6.50	
1666	LPH.C06008	Hạng A	Chua	06/01/96		Huyện Bắc Yên	01	1	14.41. 00004	D380101	2.00	1.75	5.00	8.75	9.00	
1667	LPH.C06014	Sộng A	Vạ	06/10/96		huyện Sốp Cộp	01	1	14.46. 00027	D380101	0.25	0.50	3.50	4.25	4.50	
1668	LPH.C06015	Hầu A	Tùa	01/10/93		Huyện Mộc Châu	01	1	14.47. 00001	D380101	1.50	1.00	3.00	5.50	5.50	
1669	LPH.C06016	Lò Thị Thùy	Dương	29/06/96	Nữ	Huyện Mường La	01	1	14.49. 00004	D380101	5.50	2.50	6.50	14.50	14.50	
1670	LPH.C06018	Lường Văn	Thức	27/03/96		Huyện Sông Mã	01	1	14.50. 00205	D380101	6.50	5.25	6.00	17.75	18.00	
1671	LPH.C06020	Đặng Văn	Hùng	24/04/96		Huyện Phù Yên		1	14.51. 00000	D380101	5.75	3.50	5.00	14.25	14.50	
1672	LPH.C06023	Lương Thị	Chi	11/08/95	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	15.00. 08075	D380101	4.00	3.25	6.50	13.75	14.00	
1673	LPH.C06027	Trần Nhân	Đức	02/01/95		Thành phố Việt Trì		2	15.00. 08077	D380101	8.00	7.00	5.75	20.75	21.00	
1674	LPH.C06028	Lê Thị Mai	Hằng	25/10/95	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.00. 08078	D380101	5.25	2.00	6.75	14.00	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1675	LPH.C06029	Hoàng Thị Mỹ	Hoa	15/08/95	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	15.00. 08087	D380107	5.25	4.50	7.75	17.50	17.50	
1676	LPH.C06030	Ma Seo	Kí	06/04/94		Huyện Bắc Hà	01	1	15.00. 08083	D380107	7.50	4.25	5.75	17.50	17.50	
1677	LPH.C06032	Tráng A	Páo	14/03/95		Huyện Vân Hồ	01	1	15.00. 08074	D380101	2.25	2.50	5.00	9.75	10.00	
1678	LPH.C06034	Nguyễn Công	Thành	26/06/95		Thành phố Việt Trì		2	15.00. 08082	D380101	4.25	3.50	3.00	10.75	11.00	
1679	LPH.C06037	Hoàng	Anh	03/09/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08104	D380101	9.50	6.50	7.75	23.75	24.00	
1680	LPH.C06039	Hoàng Hồng	Diệp	07/07/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08099	D380101	8.50	6.00	6.50	21.00	21.00	
1681	LPH.C06040	Trần Hồng Ngọc	Diệp	17/02/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.01. 08115	D380101	7.50	6.00	7.25	20.75	21.00	
1682	LPH.C06043	Tạ Hoàng	Đặng	23/09/96		Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08095	D380101	8.75	8.50	7.00	24.25	24.50	
1683	LPH.C06045	Phạm Thị Trà	Giang	09/11/96	Nữ	Huyện Tam Nông		2	15.01. 08106	D380101	8.75	5.75	7.25	21.75	22.00	
1684	LPH.C06048	Nguyễn Thuý	Hằng	23/08/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08091	D380101	7.75	7.25	7.00	22.00	22.00	
1685	LPH.C06051	Nguyễn Thu	Hương	19/08/96	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.01. 08120	D380107	9.25	6.50	7.00	22.75	23.00	
1686	LPH.C06052	Trần Mai	Hương	12/08/96	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2	15.01. 08105	D380101	8.25	6.50	6.50	21.25	21.50	
1687	LPH.C06054	Nguyễn Ngọc	Khánh	12/09/96		Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08102	D380101	8.00	5.00	7.00	20.00	20.00	
1688	LPH.C06056	Lê Mỹ	Linh	26/05/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08113	D380101	5.25	3.25	7.50	16.00	16.00	
1689	LPH.C06059	Tô Đỗ Thảo	My	20/01/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08092	D380101	7.50	6.00	7.00	20.50	20.50	
1690	LPH.C06061	Khuất Hồng	Nhung	10/06/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.01. 08094	D380101	9.00	6.50	8.00	23.50	23.50	
1691	LPH.C06062	Hoàng Thị	Oanh	04/10/96	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	15.01. 08098	D380101	9.00	5.50	7.50	22.00	22.00	
1692	LPH.C06063	Lê Thị Thanh	Phương	24/02/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08119	D380107	9.25	6.25	7.50	23.00	23.00	
1693	LPH.C06064	Nguyễn Thị Phương	Thanh	05/02/96	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2	15.01. 08107	D380101	8.00	6.25	7.00	21.25	21.50	
1694	LPH.C06072	Phùng Thị	Hương	18/10/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2	15.02. 08129	D380101	5.25	2.25	6.00	13.50	13.50	
1695	LPH.C06076	Lương Thị	Sen	01/02/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08123	D380101	9.00	8.25	8.00	25.25	25.50	
1696	LPH.C06077	Bùi Thị Phương	Thảo	28/10/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08126	D380101	7.00	5.00	7.00	19.00	19.00	
1697	LPH.C06078	Ngô Phương	Thảo	21/02/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08127	D380101	5.25	6.50	6.75	18.50	18.50	
1698	LPH.C06081	Nguyễn Thị Thúy	Hoa	07/09/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.05. 08134	D380101	3.50	1.50	4.00	9.00	9.00	
1699	LPH.C06082	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22/10/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.05. 08137	D380101	4.00	3.25	3.50	10.75	11.00	
1700	LPH.C06083	Nguyễn Thu	Thủy	19/11/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.05. 08135	D380101	4.25	1.00	5.00	10.25	10.50	
1701	LPH.C06084	Đỗ Thanh	Tuyền	22/03/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.05. 08136	D380101	3.25	0.25	3.50	7.00	7.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1702	LPH.C06085	Phùng Thế	Dương	26/10/96		Thành phố Việt Trì		2	15.06. 08139	D380101	0.00	.	.	0.00	0.00	
1703	LPH.C06087	Ngô Quỳnh	Anh	25/12/96	Nữ	Huyện Tam Nông		2	15.10. 08144	D380101	8.25	6.25	8.00	22.50	22.50	
1704	LPH.C06088	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/08/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.10. 08143	D380101	7.50	6.75	3.50	17.75	18.00	
1705	LPH.C06089	Trần Thị	Nga	05/05/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.10. 08142	D380101	5.75	4.75	7.00	17.50	17.50	
1706	LPH.C06093	Nguyễn Bảo	Anh	05/05/96		Thị xã Phú Thọ		2	15.12. 08146	D380101	6.50	2.50	5.50	14.50	14.50	
1707	LPH.C06094	Đào Duy	Hải	07/05/96		Thị xã Phú Thọ		2	15.13. 08147	D380101	5.25	2.75	3.50	11.50	11.50	
1708	LPH.C06095	Lê Anh	Tuấn	29/02/96		Huyện Đoan Hùng		1	15.15. 08149	D380101	3.75	1.25	5.00	10.00	10.00	
1709	LPH.C06097	Phạm Tuấn	Anh	10/07/96		Huyện Đoan Hùng		1	15.17. 08150	D380101	6.25	2.50	5.75	14.50	14.50	
1710	LPH.C06098	Tạ Văn	Hoàn	23/11/96		Huyện Đoan Hùng		1	15.17. 08151	D380101	7.00	4.00	6.50	17.50	17.50	
1711	LPH.C06099	Lê Minh	Huy	01/11/96		Huyện Đoan Hùng		1	15.17. 08152	D380101	5.50	0.50	2.00	8.00	8.00	
1712	LPH.C06100	Nguyễn Thị	Thảo	04/01/95	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.18. 08153	D380101	8.50	6.75	7.00	22.25	22.50	
1713	LPH.C06101	Mai Trung	Hiếu	14/03/96		Huyện Thanh Ba		1	15.19. 08157	D380101	8.25	4.50	5.00	17.75	18.00	
1714	LPH.C06102	Dương Tùng	Lâm	23/07/96		Huyện Thanh Ba		1	15.19. 08156	D380101	6.25	5.00	6.00	17.25	17.50	
1715	LPH.C06104	Nguyễn Thị	Thanh	09/03/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.19. 08154	D380101	5.50	4.25	5.50	15.25	15.50	
1716	LPH.C06105	Hoàng Thị	Trang	01/03/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.19. 08155	D380101	7.50	3.75	6.25	17.50	17.50	
1717	LPH.C06106	Tống Minh	Trang	24/12/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.19. 08158	D380101	2.50	1.00	5.50	9.00	9.00	
1718	LPH.C06107	Vũ Thị	Nguyên	17/01/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.22. 08160	D380101	8.00	4.50	6.00	18.50	18.50	
1719	LPH.C06108	Lê Thị Thùy	Chi	29/11/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.23. 08161	D380101	6.25	2.00	5.50	13.75	14.00	
1720	LPH.C06109	Vương Thúy	Hà	20/04/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.23. 08165	D380107	8.00	6.25	7.00	21.25	21.50	
1721	LPH.C06110	Phùng Thị	Hường	28/09/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.23. 08162	D380101	3.25	5.00	5.25	13.50	13.50	
1722	LPH.C06111	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	01/04/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.23. 08167	D380107	8.25	7.25	7.00	22.50	22.50	
1723	LPH.C06112	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	02/11/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.23. 08163	D380101	8.00	2.25	5.50	15.75	16.00	
1724	LPH.C06113	Nguyễn Thu	Trang	07/07/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.23. 08166	D380107	8.50	7.50	6.00	22.00	22.00	
1725	LPH.C06114	Nguyễn Đàm Anh	Tú	01/02/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.23. 08164	D380101	6.00	2.75	6.00	14.75	15.00	
1726	LPH.C06115	Nguyễn Thị Bích	Phương	01/09/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.24. 08168	D380101	1.25	2.25	7.50	11.00	11.00	
1727	LPH.C06117	Ngô Thị Lan	Anh	10/08/96	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.27. 08174	D380101	7.50	5.75	7.25	20.50	20.50	
1728	LPH.C06119	Hoàng Anh	Tuấn	01/10/96		Huyện Cẩm Khê		1	15.27. 08170	D380101	7.50	4.75	4.50	16.75	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1729	LPH.C06120	Nguyễn Xuân	Tùng	25/07/96		Huyện Cẩm Khê		1	15.27. 08171	D380101	3.75	3.25	3.00	10.00	10.00	
1730	LPH.C06122	Trần Thị	Lộc	11/06/96	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.28. 08176	D380101	6.75	2.50	6.00	15.25	15.50	
1731	LPH.C06126	Nguyễn Thị Thu	Hà	06/01/95	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.30. 08179	D380101	8.00	2.25	7.00	17.25	17.50	
1732	LPH.C06132	Đinh Thị Thu	Huyền	20/10/96	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.32. 08185	D380101	8.25	6.75	6.50	21.50	21.50	
1733	LPH.C06133	Bùi Văn	Đức	18/10/96		Huyện Yên Lập	01	1	15.33. 08186	D380107	5.00	4.00	3.50	12.50	12.50	
1734	LPH.C06134	Mai Huy	Hoàng	22/03/93		Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 08187	D380101	6.25	3.25	5.50	15.00	15.00	
1735	LPH.C06135	Lê Yêu	Thương	04/04/95	Nữ	Huyện Yên Lập		1	15.34. 08188	D380101	6.00	3.00	5.50	14.50	14.50	
1736	LPH.C06137	Nguyễn Thị Thu	Hà	27/09/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.35. 08190	D380101	3.50	1.25	7.50	12.25	12.50	
1737	LPH.C06139	Đặng Thị Mỹ	Linh	05/12/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.35. 08189	D380101	3.25	1.75	6.00	11.00	11.00	
1738	LPH.C06140	Chu Thị Bích	Ngọc	15/10/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.35. 08192	D380101	3.25	6.50	5.50	15.25	15.50	
1739	LPH.C06143	Đinh Thị Mĩ	Duyên	22/06/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.37. 08197	D380101	4.00	1.25	6.50	11.75	12.00	
1740	LPH.C06144	Nguyễn Thị Hồng	Phiến	22/09/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.37. 08196	D380101	4.50	3.00	5.00	12.50	12.50	
1741	LPH.C06145	Lê Thị Kim	Dung	09/10/95	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.38. 08199	D380101	3.25	4.00	6.00	13.25	13.50	
1742	LPH.C06146	Trần Thuý	Linh	22/09/95	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.38. 08200	D380107	8.00	4.75	6.00	18.75	19.00	
1743	LPH.C06147	Đặng Thị	Nhung	14/11/95	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.38. 08198	D380101	4.00	4.25	6.25	14.50	14.50	
1744	LPH.C06148	Hoàng Mỹ	Linh	04/08/95	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.39. 08202	D380101	4.50	5.50	8.00	18.00	18.00	
1745	LPH.C06149	Nguyễn Thị Phương	Thảo	25/10/96	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.39. 08203	D380107	6.75	4.50	7.25	18.50	18.50	
1746	LPH.C06152	Lê Mạnh	Tuấn	18/12/96		Huyện Phù Ninh		2NT	15.40. 08205	D380101	6.00	3.00	5.00	14.00	14.00	
1747	LPH.C06154	Tạ Thị Thu	Thủy	20/09/96	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.41. 08207	D380107	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
1748	LPH.C06156	Bùi Phú	Hưng	13/03/95		Thành phố Việt Trì		2NT	15.44. 08210	D380107	7.00	5.00	8.25	20.25	20.50	
1749	LPH.C06157	Nguyễn Hà	Ly	05/04/96	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.44. 08208	D380101	5.50	2.75	8.00	16.25	16.50	
1750	LPH.C06158	Nguyễn Đức	Anh	10/09/96		Huyện Lâm Thao		2NT	15.46. 08211	D380101	6.00	1.75	4.50	12.25	12.50	
1751	LPH.C06159	Đào Anh	Dũng	04/03/96		Huyện Tam Nông		1	15.49. 08212	D380101	7.25	5.25	5.00	17.50	17.50	
1752	LPH.C06160	Bùi Thị Bích	Huệ	10/09/96	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.49. 08213	D380101	6.00	1.25	5.75	13.00	13.00	
1753	LPH.C06161	Nguyễn Thị Thu	Nhàn	06/01/96	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.49. 08214	D380107	6.75	6.00	7.50	20.25	20.50	
1754	LPH.C06162	Nguyễn Đức	Hưng	04/05/96		Huyện Tam Nông		1	15.50. 08215	D380101	7.25	4.00	8.00	19.25	19.50	
1755	LPH.C06165	Lê Thị	Hằng	21/11/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08218	D380101	6.75	5.75	6.50	19.00	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1756	LPH.C06166	Lê Thị Thanh	Hoa	26/09/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08222	D380107	8.75	7.25	7.50	23.50	23.50	
1757	LPH.C06167	Nguyễn Thị	Hòa	05/01/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08224	D380107	8.75	7.50	7.00	23.25	23.50	
1758	LPH.C06168	Thiều Thị	Hường	20/02/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08221	D380107	8.50	7.50	5.50	21.50	21.50	
1759	LPH.C06169	Bùi Thị	Lan	22/09/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08225	D380107	8.50	6.75	6.75	22.00	22.00	
1760	LPH.C06170	Đào Thị	Nguyên	30/09/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08220	D380107	7.75	7.50	7.25	22.50	22.50	
1761	LPH.C06172	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/09/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08223	D380107	7.75	8.00	8.00	23.75	24.00	
1762	LPH.C06173	Dương Thu	Thảo	15/12/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08226	D380107	5.75	4.00	7.00	16.75	17.00	
1763	LPH.C06174	Hà Hồng	Hạnh	22/11/96	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	15.57. 08227	D380101	3.75	3.75	7.00	14.50	14.50	
1764	LPH.C06176	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	11/10/96	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	15.58. 08228	D380101	7.25	5.25	6.50	19.00	19.00	
1765	LPH.C06177	Hoàng Quốc	Trường	24/04/96		Huyện Tân Sơn	01	1	15.58. 08229	D380101	3.25	4.25	4.75	12.25	12.50	
1766	LPH.C06178	Hà Văn	ích	16/09/94		Huyện Tân Sơn	01	1	15.59. 08231	D380101	5.50	4.50	7.00	17.00	17.00	
1767	LPH.C06181	Lê Hoàng	Anh	14/01/95		Thành phố Vinh Yên		2	16.01. 00303	D380107	6.25	6.00	6.00	18.25	18.50	
1768	LPH.C06182	Lê Thị	Dung	20/08/94	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.01. 00308	D380101	6.25	4.25	7.00	17.50	17.50	
1769	LPH.C06183	Nguyễn Khắc	Duy	12/08/96		Quận Thanh Xuân		2	16.01. 00313	D380107	4.25	2.00	5.50	11.75	12.00	
1770	LPH.C06184	Nguyễn Trọng	Đại	17/10/93		Huyện Lập Thạch		1	16.01. 00310	D380101	6.00	6.25	5.00	17.25	17.50	
1771	LPH.C06186	Dương Thị ánh	Hồng	05/10/94	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	16.01. 00311	D380107	8.25	8.75	8.00	25.00	25.00	
1772	LPH.C06188	Nguyễn Văn	Linh	24/07/92		Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.01. 00312	D380107	3.75	6.50	7.00	17.25	17.50	
1773	LPH.C06189	Nguyễn Thùy	Linh	27/11/95	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	16.01. 00304	D380101	8.25	6.00	7.00	21.25	21.50	
1774	LPH.C06191	Phí Văn	Mỵ	16/04/95		Huyện Lập Thạch		1	16.01. 00306	D380101	0.75	2.00	5.50	8.25	8.50	
1775	LPH.C06198	Trần Ngọc	Bích	07/11/96	Nữ	Thành phố Vinh Yên	06	2	16.11. 00663		6.25	2.00	7.00	15.25	15.50	
1776	LPH.C06199	Vũ Thị	Hà	10/09/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.11. 00666	D380101	8.50	5.50	7.25	21.25	21.50	
1777	LPH.C06206	Phạm Hồng	Anh	05/06/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2	16.12. 00369	D380101	9.00	7.00	8.50	24.50	24.50	
1778	LPH.C06207	Phạm Thị	ánh	13/12/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2	16.12. 00374	D380101	8.75	6.00	8.50	23.25	23.50	
1779	LPH.C06210	Lê Thị	Cúc	17/11/96	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	16.12. 00355	D380101	8.50	7.25	9.50	25.25	25.50	
1780	LPH.C06215	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	19/09/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2	16.12. 00376	D380107	9.00	7.25	8.50	24.75	25.00	
1781	LPH.C06217	Phạm Thị	Nga	12/08/96	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	16.12. 00364	D380101	8.50	6.75	7.75	23.00	23.00	
1782	LPH.C06218	Lê Thị	Ngân	01/01/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2	16.12. 00357	D380101	9.50	7.25	7.50	24.25	24.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1783	LPH.C06220	Nguyễn Thị Hương	Ninh	11/03/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.12. 00366	D380101	8.75	8.00	8.50	25.25	25.50	
1784	LPH.C06221	Phùng Thị Kiều	Oanh	30/03/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.12. 00359	D380101	9.00	7.25	8.50	24.75	25.00	
1785	LPH.C06223	Phùng Thị Như	Quỳnh	26/06/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.12. 00360	D380101	8.75	8.00	8.50	25.25	25.50	
1786	LPH.C06225	Đào Thị	Thúy	22/03/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.12. 00372	D380101	7.50	7.00	6.75	21.25	21.50	
1787	LPH.C06232	Phùng Thị	Hạnh	20/09/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.14. 00221	D380101	8.25	6.50	7.50	22.25	22.50	
1788	LPH.C06234	Phùng Thị	Thoa	15/09/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.14. 00223	D380101	7.25	6.50	9.00	22.75	23.00	
1789	LPH.C06235	Trần Thị	Thu	15/10/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.14. 00224	D380101	8.00	7.75	7.50	23.25	23.50	
1790	LPH.C06236	Phạm Thị Kim	Anh	12/04/96	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	16.15. 00113	D380107	5.25	3.50	7.00	15.75	16.00	
1791	LPH.C06237	Trần Thị Kim	Dung	20/03/96	Nữ	Huyện Lập Thạch	01	1	16.15. 00161	D380107	5.00	3.00	7.75	15.75	16.00	
1792	LPH.C06238	Trương Mỹ	Hạnh	08/01/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên	01	1	16.15. 00049	D380101	8.25	5.50	7.50	21.25	21.50	
1793	LPH.C06239	Phó Thị Phương	Nga	25/02/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên	01	1	16.15. 00059	D380101	5.50	4.25	6.00	15.75	16.00	
1794	LPH.C06240	Lục Thị	Sáu	18/11/95	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	16.15. 00148	D380107	2.00	2.75	6.50	11.25	11.50	
1795	LPH.C06241	Diệp Văn	Trung	20/09/96		Huyện Tam Đảo	01	1	16.15. 00180	D380101	2.25	1.00	4.75	8.00	8.00	
1796	LPH.C06243	Nguyễn Thị	Hậu	23/04/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.16. 00171	D380107	8.00	4.50	6.00	18.50	18.50	
1797	LPH.C06245	Đỗ Như	Hảo	09/09/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00479	D380101	7.50	6.50	7.75	21.75	22.00	
1798	LPH.C06247	Nguyễn Thị	Hương	10/11/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00480	D380101	7.00	5.00	7.25	19.25	19.50	
1799	LPH.C06249	Trương Thị Huyền	Trang	14/12/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.21. 00474	D380101	5.50	6.50	7.00	19.00	19.00	
1800	LPH.C06252	Đặng Thùy	Anh	26/10/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00326	D380101	8.25	5.25	7.00	20.50	20.50	
1801	LPH.C06253	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	12/04/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00325	D380101	9.25	6.00	6.50	21.75	22.00	
1802	LPH.C06257	Lê Thị Bích	Thúy	15/08/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.32. 00287	D380107	8.00	6.50	7.50	22.00	22.00	
1803	LPH.C06258	Lưu Thị Thu	Hằng	26/06/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.34. 00154	D380101	6.50	3.00	6.75	16.25	16.50	
1804	LPH.C06260	Nguyễn Thị	Thủy	26/03/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00246	D380101	8.50	5.50	7.00	21.00	21.00	
1805	LPH.C06261	Lê Thị	Hà	25/02/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00369	D380101	8.25	6.00	7.00	21.25	21.50	
1806	LPH.C06262	Lê Thị	Hải	28/07/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00368	D380101	7.00	6.25	6.00	19.25	19.50	
1807	LPH.C06263	Lê Thị	Hồng	18/10/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00371	D380101	7.75	4.75	6.50	19.00	19.00	
1808	LPH.C06265	Lê Thị Mai	Hương	23/08/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.45. 00232	D380107	8.75	6.25	7.00	22.00	22.00	
1809	LPH.C06266	Lê Thị Ngọc	Lan	23/08/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.45. 00234	D380107	8.75	5.50	8.50	22.75	23.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1810	LPH.C06267	Nguyễn Đức	Tài	22/06/96		Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.45. 00233	D380101	5.75	4.00	5.00	14.75	15.00	
1811	LPH.C06268	Lê Thị	Hiền	28/05/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 00796	D380101	8.25	9.00	7.00	24.25	24.50	
1812	LPH.C06270	Nguyễn Duy	Khánh	06/07/96		Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 00799	D380101	7.75	8.00	7.00	22.75	23.00	
1813	LPH.C06276	Nguyễn Thị Hằng	Hà	13/06/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.52. 00057	D380101	3.25	6.00	7.00	16.25	16.50	
1814	LPH.C06277	Ngô Thị Thu	Huyền	31/03/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.52. 00044	D380101	6.50	6.50	7.50	20.50	20.50	
1815	LPH.C06279	Nguyễn Mạnh	Linh	11/05/96		Huyện Yên Lạc		2NT	16.52. 00054	D380101	6.50	7.00	5.50	19.00	19.00	
1816	LPH.C06280	Nguyễn Thị Vân	Oanh	19/03/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.61. 00320	D380107	8.75	6.50	7.50	22.75	23.00	
1817	LPH.C06281	Bùi Thị	Phương	25/09/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT	16.61. 00322	D380101	8.75	6.50	8.00	23.25	23.50	
1818	LPH.C06282	Lê Thị	Yến	12/07/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.61. 00321	D380101	7.50	6.00	7.25	20.75	21.00	
1819	LPH.C06283	Vũ Thị	Thảo	27/05/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		1	16.62. 00027	D380101	7.75	4.75	4.50	17.00	17.00	
1820	LPH.C06284	Nguyễn Thị	Thư	28/11/96	Nữ	Huyện Tam Đảo		2NT	16.62. 00026	D380101	6.50	4.50	7.50	18.50	18.50	
1821	LPH.C06285	Nguyễn Hồng	Nhung	16/09/96	Nữ	Huyện Sông Lô		2NT	16.71. 00228	D380101	5.50	3.75	6.50	15.75	16.00	
1822	LPH.C06286	Nguyễn Thị	Cành	15/02/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	16.81. 00283	D380101	5.75	3.50	7.00	16.25	16.50	
1823	LPH.C06287	Dương Khánh	Linh	25/05/96	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.91. 00168	D380107	6.75	6.00	8.00	20.75	21.00	
1824	LPH.C06289	Bạch Thị Hương	Hoa	12/08/96	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00071	D380101	6.00	2.25	6.50	14.75	15.00	
1825	LPH.C06290	Phan Thị	Hoa	22/03/96	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00072	D380107	6.75	6.50	6.50	19.75	20.00	
1826	LPH.C06294	Trần Hồng	Xuân	22/08/95	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.00. 00001	D380101	0.25	2.00	2.00	4.25	4.50	
1827	LPH.C06295	Hoàng Thị Quỳnh	Anh	19/10/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00001	D380101	7.50	6.00	6.50	20.00	20.00	
1828	LPH.C06299	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	18/05/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00005	D380101	8.25	8.50	7.00	23.75	24.00	
1829	LPH.C06301	Nguyễn Thu	Hương	30/09/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00007	D380101	9.25	7.75	8.00	25.00	25.00	
1830	LPH.C06303	Mạc Thị Hà	Linh	11/07/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00013	D380107	8.25	7.00	8.00	23.25	23.50	
1831	LPH.C06304	Nguyễn Mỹ	Linh	15/09/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00014	D380107	8.75	7.75	7.50	24.00	24.00	
1832	LPH.C06305	Đỗ Gia	Long	20/02/96		Huyện Hải Hà		2	17.01. 00008	D380101	9.25	7.50	7.00	23.75	24.00	
1833	LPH.C06306	Hoàng Ngọc	Minh	22/11/96	Nữ	Thành phố Móng Cái		2	17.01. 00009	D380101	8.50	6.25	6.50	21.25	21.50	
1834	LPH.C06307	Vương Đức	Minh	31/01/96		Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00010	D380101	5.50	6.75	3.00	15.25	15.50	
1835	LPH.C06309	Vũ Văn	Tuấn	08/03/96		Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00011	D380101	8.50	7.25	6.00	21.75	22.00	
1836	LPH.C06310	Đặng Xuân	Hùng	27/10/96		Huyện Hoành Bồ	01	1	17.03. 00004	D380101	0.50	0.75	5.00	6.25	6.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1837	LPH.C06311	Tạ Thị	Nga	28/02/96	Nữ	Huyện Vân Đồn	01	1	17.03. 00002	D380101	6.00	2.75	6.00	14.75	15.00	
1838	LPH.C06313	Bàn Thị	Thảo	23/05/96	Nữ	Huyện Hoành Bồ	01	1	17.03. 00003	D380101	5.75	3.00	5.75	14.50	14.50	
1839	LPH.C06314	Vi Thị	Vân	12/09/95	Nữ	Thành phố Cẩm Phả	01	1	17.03. 00001	D380101	5.00	4.75	6.00	15.75	16.00	
1840	LPH.C06316	Phạm Thu	Hằng	26/08/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00002	D380101	7.00	3.50	7.50	18.00	18.00	
1841	LPH.C06319	Nguyễn Thế	Vinh	24/03/96		Huyện Ba Chẽ		1	17.05. 00002	D380101	6.50	4.50	6.50	17.50	17.50	
1842	LPH.C06320	Lại Minh	Trọng	06/10/95		Thành phố Hạ Long		1	17.06. 00002	D380101	2.25	1.00	5.25	8.50	8.50	
1843	LPH.C06321	Đỗ Quỳnh	Anh	03/12/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.07. 00002	D380101	3.00	2.75	5.50	11.25	11.50	
1844	LPH.C06322	Đinh Phương	Nga	10/06/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.07. 00003	D380101	0.50	0.50	1.00	2.00	2.00	
1845	LPH.C06323	Nguyễn Duy	Tuấn	04/12/96		Thành phố Hạ Long		2	17.07. 00001	D380101	8.25	5.75	6.00	20.00	20.00	
1846	LPH.C06324	Lê Thị	Hằng	29/08/95	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.11. 00002	D380101	7.75	6.25	5.00	19.00	19.00	
1847	LPH.C06325	Vũ Thị Thu	Hương	05/05/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	17.11. 00001	D380101	8.00	4.50	7.00	19.50	19.50	
1848	LPH.C06326	Nguyễn Nguyệt	Nga	27/02/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.11. 00003	D380101	7.00	6.75	5.00	18.75	19.00	
1849	LPH.C06327	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/01/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.11. 00004	D380101	7.00	4.75	8.00	19.75	20.00	
1850	LPH.C06328	Vũ Thị Kim	Khánh	24/08/96	Nữ			2	17.14. 00001	D380101	7.75	5.75	5.75	19.25	19.50	
1851	LPH.C06330	Phạm Hồng	Nhung	12/05/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00003	D380101	7.50	6.00	6.25	19.75	20.00	
1852	LPH.C06331	Phạm Thị Như	Quỳnh	15/10/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00004	D380101	6.75	5.75	5.00	17.50	17.50	
1853	LPH.C06332	Đỗ Thị	Thu	15/09/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00005	D380101	8.25	6.75	8.00	23.00	23.00	
1854	LPH.C06334	Khổng Thị	Yến	01/04/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.15. 00001	D380101	5.75	4.00	7.00	16.75	17.00	
1855	LPH.C06335	Nguyễn Ngọc	Huyền	18/06/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.16. 00001	D380101	7.50	2.25	5.25	15.00	15.00	
1856	LPH.C06339	Lê Đức	Thắng	21/11/96		Thành phố Cẩm Phả		1	17.17. 00003	D380101	8.50	5.25	6.00	19.75	20.00	
1857	LPH.C06340	Nguyễn Phú	Sơn	13/03/95		Thành phố Cẩm Phả		1	17.18. 00001	D380101	5.00	3.00	5.00	13.00	13.00	
1858	LPH.C06341	Đinh Hồng	Anh	23/03/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.19. 00001	D380101	6.00	2.75	6.25	15.00	15.00	
1859	LPH.C06342	Nguyễn Sĩ	Hiếu	23/08/96		Thành phố Cẩm Phả		2	17.19. 00002	D380101	4.50	2.00	5.50	12.00	12.00	
1860	LPH.C06343	Phạm Minh	Hội	12/01/96		Thành phố Cẩm Phả		2	17.19. 00003	D380101	4.00	2.00	4.00	10.00	10.00	
1861	LPH.C06345	Lưu Thị Thuỳ	Dung	04/02/95	Nữ	Thành phố Uông Bí		1	17.24. 00004	D380101	5.50	3.25	7.25	16.00	16.00	
1862	LPH.C06347	Phạm Thuỳ	Ninh	30/05/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		2	17.24. 00001	D380101	8.50	6.50	7.25	22.25	22.50	
1863	LPH.C06348	Nguyễn Thị Ngọc	Giang	06/04/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		1	17.25. 00003	D380101	7.50	5.50	7.50	20.50	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1864	LPH.C06349	Nguyễn Thị	Hạ	04/06/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		1	17.25. 00004	D380101	4.00	2.75	6.25	13.00	13.00	
1865	LPH.C06350	Đinh Thị Thu	Huyền	18/09/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		1	17.25. 00002	D380101	4.25	2.25	3.75	10.25	10.50	
1866	LPH.C06351	Nguyễn Hoàng	Tùng	10/01/96		Thành phố Uông Bí		1	17.25. 00001	D380101	7.75	7.00	6.75	21.50	21.50	
1867	LPH.C06353	Nguyễn Đức	Quý	27/06/95		Thành phố Uông Bí		2	17.27. 00001	D380101	2.75	3.25	4.50	10.50	10.50	
1868	LPH.C06358	Bùi Quang	Thức	13/09/95		Thành phố Móng Cái		2	17.31. 00003	D380101	4.75	0.75	4.50	10.00	10.00	
1869	LPH.C06359	Nguyễn Nhật	Lệ	22/11/96	Nữ	Thành phố Móng Cái		1	17.32. 00001	D380101	5.50	4.00	6.00	15.50	15.50	
1870	LPH.C06362	Lô Thị	Thu	22/08/96	Nữ	Huyện Bình Liêu	01	1	17.37. 00002	D380101	3.50	2.00	6.00	11.50	11.50	
1871	LPH.C06363	La Tiến	Trưởng	29/12/94		Huyện Bình Liêu	01	1	17.37. 00003	D380101	4.50	3.00	5.00	12.50	12.50	
1872	LPH.C06364	Hoàng Thị Lan	Vi	16/10/96	Nữ	Huyện Bình Liêu	01	1	17.37. 00001	D380101	1.25	1.50	4.25	7.00	7.00	
1873	LPH.C06366	Đinh Tùng	Dương	19/09/96		Huyện Hải Hà		2NT	17.44. 00004	D380101	3.25	2.25	5.00	10.50	10.50	
1874	LPH.C06367	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/10/96	Nữ	Huyện Hải Hà		2NT	17.44. 00002	D380101	7.25	4.50	7.00	18.75	19.00	
1875	LPH.C06368	Lâm Nhật	Minh	09/11/96	Nữ	Huyện Hải Hà		1	17.44. 00003	D380101	5.50	4.50	5.50	15.50	15.50	
1876	LPH.C06369	Nguyễn Thị	Xuân	10/08/96	Nữ	Huyện Hải Hà		1	17.44. 00003	D380101	3.25	5.00	6.00	14.25	14.50	
1877	LPH.C06370	Đinh ái	Mến	02/05/96	Nữ	Huyện Tiên Yên		2NT	17.48. 00001	D380101	8.00	3.75	6.25	18.00	18.00	
1878	LPH.C06371	Hoàng Thị	Phượng	07/05/96	Nữ	Huyện Ba Chẽ		1	17.53. 00002	D380101	2.50	2.75	6.00	11.25	11.50	
1879	LPH.C06372	Nịnh Văn	Thành	01/06/96		Huyện Ba Chẽ	01	1	17.53. 00003	D380107	4.25	2.25	5.00	11.50	11.50	
1880	LPH.C06373	Tạ Thị Thuỳ	Trang	19/10/96	Nữ	Huyện Ba Chẽ		1	17.53. 00001	D380101	2.25	3.25	3.00	8.50	8.50	
1881	LPH.C06374	Phạm Hồng	Ngọc	27/06/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.56. 00523	D380101	6.00	5.75	6.50	18.25	18.50	
1882	LPH.C06375	Nguyễn Gia	Huy	01/06/95		Huyện Đông Triều		1	17.57. 00001	D380107	5.50	5.25	6.00	16.75	17.00	
1883	LPH.C06376	Thân Thị Ngọc	Huyền	17/09/96	Nữ	Huyện Đông Triều	06	1	17.57. 00002	D380107	5.00	4.00	4.75	13.75	14.00	
1884	LPH.C06378	Lê Thị	Lan	07/11/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.58. 00003	D380101	4.75	5.75	6.50	17.00	17.00	
1885	LPH.C06379	Đỗ Văn	Nam	22/06/96		Huyện Đông Triều		1	17.58. 00004	D380101	2.50	4.00	4.50	11.00	11.00	
1886	LPH.C06380	Nguyễn Thị Thanh	Thứ	05/10/95	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.58. 00002	D380107	4.00	6.25	5.75	16.00	16.00	
1887	LPH.C06382	Dương Hồng	Hạnh	27/06/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.59. 00001	D380107	8.50	6.00	7.50	22.00	22.00	
1888	LPH.C06383	Quách Hồng	Sơn	25/07/96		Huyện Đông Triều		1	17.60. 00001	D380107	6.50	2.50	7.00	16.00	16.00	
1889	LPH.C06385	Đinh Thị Mai	Anh	25/09/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00002	D380101	8.00	6.00	7.00	21.00	21.00	
1890	LPH.C06386	Đinh Thị Thu	Huyền	30/09/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00001	D380101	4.25	4.50	7.00	15.75	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1891	LPH.C06388	Lê Thị Thanh	Phuong	30/08/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00005	D380107	7.25	6.50	7.00	20.75	21.00	
1892	LPH.C06389	Bùi Ngọc	Thao	13/08/96		Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00003	D380101	3.50	1.25	2.25	7.00	7.00	
1893	LPH.C06391	Lê Thị	Hoa	27/09/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00001	D380101	3.00	2.25	5.00	10.25	10.50	
1894	LPH.C06392	Hà Thị Thanh	Huế	10/01/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00008	D380107	3.75	1.75	4.00	9.50	9.50	
1895	LPH.C06393	Lưu Thúy	Hường	10/05/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00007	D380101	7.75	5.00	7.50	20.25	20.50	
1896	LPH.C06394	Nguyễn Nhật	Hữu	24/09/96		Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00004	D380101	3.50	1.50	5.50	10.50	10.50	
1897	LPH.C06395	Vũ Thị	Thảo	10/08/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00006	D380101	5.00	2.00	4.75	11.75	12.00	
1898	LPH.C06396	Nguyễn Thị	Trang	18/01/95	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00002	D380101	4.50	1.00	3.50	9.00	9.00	
1899	LPH.C06397	Dương Thị Thu	Yến	01/12/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00005	D380101	1.25	1.50	5.50	8.25	8.50	
1900	LPH.C06399	Bùi Huy	Dũng	20/10/95		Thị xã Quảng Yên		2NT	17.69. 00002	D380101	4.75	1.75	1.50	8.00	8.00	
1901	LPH.C06400	Nguyễn Tiến	Đạt	20/07/96		Thị xã Quảng Yên	06	2NT	17.69. 00003	D380107	0.75	1.50	4.50	6.75	7.00	
1902	LPH.C06402	Đoàn Ngọc	Bính	26/07/96		Thị xã Quảng Yên		2NT	17.72. 00001	D380101	1.00	2.00	2.50	5.50	5.50	
1903	LPH.C06404	Hoàng Thanh	Sơn	08/08/96		Huyện Hoàn Bô	01	1	17.75. 00001	D380101	5.25	1.75	3.50	10.50	10.50	
1904	LPH.C06405	Nguyễn Ngọc	Toàn	27/11/96		Huyện Hoàn Bô		2NT	17.75. 00002	D380101	3.75	3.25	4.00	11.00	11.00	
1905	LPH.C06406	Đặng Thị	Hằng	13/06/96	Nữ	Huyện Hoàn Bô	01	1	17.76. 00001	D380101	5.50	1.00	4.75	11.25	11.50	
1906	LPH.C06408	Chu Thị	Hương	20/12/96	Nữ	Huyện Văn Đồn		2NT	17.80. 00001	D380101	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	
1907	LPH.C06410	Vũ Thị	Anh	26/11/96	Nữ	Huyện Văn Đồn	01	1	17.83. 00001	D380101	1.50	1.00	6.00	8.50	8.50	
1908	LPH.C06413	Vy Thạch	Anh	20/08/95		Huyện Tân Yên		1	18.00. 00118	D380101	7.75	4.50	6.50	18.75	19.00	
1909	LPH.C06414	Nguyễn Trung	Đông	05/10/95		Huyện Hiệp Hoà		1	18.00. 00122	D380101	5.00	2.75	5.50	13.25	13.50	
1910	LPH.C06416	Cao Thị Khánh	Ly	05/06/95	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.00. 00121	D380101	3.75	3.00	5.50	12.25	12.50	
1911	LPH.C06417	Nguyễn Thị	Thanh	05/04/95	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.00. 00120	D380101	5.50	3.00	6.00	14.50	14.50	
1912	LPH.C06419	Hà Văn	Phong	10/06/94		Thành phố Bắc Giang		2	18.01. 00128	D380101	4.25	1.50	3.50	9.25	9.50	
1913	LPH.C06420	Hoàng Thị	Yến	12/09/96	Nữ	Huyện Sơn Động	01	1	18.01. 00129	D380101	4.75	2.00	6.50	13.25	13.50	
1914	LPH.C06421	Đỗ Thị Thu	Hương	10/04/95	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.02. 00138	D380101	2.25	3.00	7.25	12.50	12.50	
1915	LPH.C06423	Hứa Văn	Quỳnh	03/02/95		Huyện Yên Thế	01	1	18.02. 00136	D380101	2.00	1.25	4.00	7.25	7.50	
1916	LPH.C06424	Lê Thị	Chi	05/06/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.03. 00152	D380101	1.25	1.00	6.00	8.25	8.50	
1917	LPH.C06426	Linh Thị	Chinh	19/09/96	Nữ	Huyện Hoàn Bô	01	1	18.04. 00157	D380101	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1918	LPH.C06427	Hoàng Thị	Liên	23/09/95	Nữ	Huyện Sơn Động	01	1	18.04. 00264	D380107	5.25	6.00	7.25	18.50	18.50	
1919	LPH.C06428	Vi Thị Hồng	Liên	25/06/96	Nữ	Huyện Sơn Động	01	1	18.04. 00159	D380101	6.50	4.00	6.75	17.25	17.50	
1920	LPH.C06430	Nguyễn Thị	Nhân	18/08/96	Nữ	Huyện Sơn Động		1	18.04. 00156	D380101	6.25	1.50	4.00	11.75	12.00	
1921	LPH.C06431	Bế Thị	Sơn	28/03/96	Nữ	Huyện Sơn Động	01	1	18.04. 00158	D380101	5.25	3.50	5.50	14.25	14.50	
1922	LPH.C06434	Hoàng Minh	Chiến	10/09/96		Huyện Lục Nam		1	18.05. 00172	D380101	2.50	1.50	4.00	8.00	8.00	
1923	LPH.C06435	Nguyễn Văn	Thuận	05/10/94		Huyện Lục Nam		1	18.05. 00171	D380101	1.75	0.50	1.50	3.75	4.00	
1924	LPH.C06436	Nguyễn Thị	Trang	18/02/95	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.06. 00182	D380101	6.75	7.00	7.50	21.25	21.50	
1925	LPH.C06438	Nguyễn Văn	Thắng	07/07/96		Huyện Hiệp Hoà		1	18.07. 00184	D380101	3.25	3.00	5.00	11.25	11.50	
1926	LPH.C06439	Nguyễn Thị	Trang	15/10/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	18.07. 00185	D380101	3.00	1.00	5.00	9.00	9.00	
1927	LPH.C06440	Trần Diệu	Linh	24/12/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.12. 00125	D380101	4.50	2.25	3.00	9.75	10.00	
1928	LPH.C06441	Trịnh Hải	Ngân	10/11/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.12. 00124	D380101	7.50	6.00	8.25	21.75	22.00	
1929	LPH.C06442	Lê Thị Thanh	Huyền	04/04/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.13. 00127	D380101	6.25	4.25	5.00	15.50	15.50	
1930	LPH.C06444	Nguyễn Thị Thuý	Hường	21/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.13. 00126	D380101	3.75	2.50	7.00	13.25	13.50	
1931	LPH.C06445	Đặng Phụng	Nhi	21/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.13. 00208	D380107	8.25	4.75	7.25	20.25	20.50	
1932	LPH.C06446	Thân Thị	Nhung	24/11/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		1	18.13. 00209	D380107	8.00	5.75	6.50	20.25	20.50	
1933	LPH.C06447	Nguyễn Thị	Thu	16/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		1	18.13. 00210	D380107	7.00	5.75	7.50	20.25	20.50	
1934	LPH.C06448	Bùi Thị Thu	Trang	29/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.13. 00211	D380107	7.50	3.75	6.25	17.50	17.50	
1935	LPH.C06449	Mã Thị	Hằng	20/01/96	Nữ	Huyện Yên Thế	01	1	18.14. 00135	D380101	1.25	1.75	5.00	8.00	8.00	
1936	LPH.C06450	Lý Thị	Huyền	12/03/96	Nữ	Huyện Yên Thế	01	1	18.14. 00134	D380101	8.00	8.00	8.00	24.00	24.00	
1937	LPH.C06451	Hoàng Thị	Khanh	16/09/96	Nữ	Huyện Yên Thế	01	1	18.14. 00131	D380101	7.25	7.00	6.50	20.75	21.00	
1938	LPH.C06452	Lê Thị Ngọc	Mai	09/12/96	Nữ	Huyện Yên Thế	01	1	18.14. 00132	D380101	5.50	1.00	6.00	12.50	12.50	
1939	LPH.C06453	Hà Thành	Ngọc	19/07/96		Huyện Tân Yên		1	18.14. 00133	D380101	6.75	4.50	6.75	18.00	18.00	
1940	LPH.C06454	Nguyễn Thị	Đoan	22/11/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00144	D380101	5.50	3.50	4.50	13.50	13.50	
1941	LPH.C06455	Chu Thị	Hạnh	18/08/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00212	D380107	7.25	2.50	7.50	17.25	17.50	
1942	LPH.C06456	Đinh Thị	Hằng	14/02/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00143	D380101	7.50	4.00	5.50	17.00	17.00	
1943	LPH.C06458	Đông Khánh	Khiêm	26/12/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00147	D380101	6.50	2.00	5.00	13.50	13.50	
1944	LPH.C06459	Nguyễn Thị	Ly	24/05/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00146	D380101	8.75	5.50	6.75	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1945	LPH.C06461	Trần Thu	Thủy	24/05/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.16. 00145	D380101	3.50	2.00	5.50	11.00	11.00	
1946	LPH.C06462	Trần Thị	Thủy	27/02/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn	01	1	18.16. 00151	D380101	4.50	1.50	7.00	13.00	13.00	
1947	LPH.C06465	Lưu Thị Việt	Mỹ	12/09/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.18. 00140	D380101	3.50	3.50	6.00	13.00	13.00	
1948	LPH.C06466	Thân Thị	Tấm	09/04/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	18.18. 00139	D380101	8.00	5.00	4.75	17.75	18.00	
1949	LPH.C06467	Từ Thị Tú	Vân	27/05/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn	01	1	18.18. 00141	D380101	6.00	2.75	5.75	14.50	14.50	
1950	LPH.C06468	Nguyễn Văn	Cơn	26/07/96		Huyện Lục Nam		1	18.20. 00214	D380107	6.00	4.50	7.00	17.50	17.50	
1951	LPH.C06469	Phạm Thị	Cúc	13/03/95	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.20. 00164	D380101	4.75	1.50	5.75	12.00	12.00	
1952	LPH.C06470	Nguyễn Văn	Hiệp	02/09/95		Huyện Lục Nam		1	18.20. 00163	D380101	3.25	3.00	6.00	12.25	12.50	
1953	LPH.C06471	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	22/12/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.20. 00167	D380101	6.00	3.00	7.00	16.00	16.00	
1954	LPH.C06472	Phạm Thị	Huệ	15/03/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.20. 00168	D380101	5.25	3.00	6.00	14.25	14.50	
1955	LPH.C06473	Nguyễn Thị	Lệ	04/06/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.20. 00165	D380101	6.25	4.00	5.00	15.25	15.50	
1956	LPH.C06474	Tống Thị	Phương	06/04/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.20. 00166	D380101	6.00	6.00	7.25	19.25	19.50	
1957	LPH.C06476	Đoàn Thị	Duyên	27/09/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.21. 00213	D380107	5.50	4.25	6.50	16.25	16.50	
1958	LPH.C06477	Hoàng Thị	Lương	20/07/95	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.21. 00170	D380101	5.00	2.75	6.50	14.25	14.50	
1959	LPH.C06479	Đường Ngọc	Thái	22/09/96	Nữ	Huyện Lục Nam	01	1	18.22. 00161	D380101	5.25	7.25	7.00	19.50	19.50	
1960	LPH.C06482	Trần Thanh	Hà	25/07/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.24. 00179	D380101	5.00	4.00	5.50	14.50	14.50	
1961	LPH.C06483	Phạm Thị	Hảo	21/08/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.24. 00177	D380101	5.00	1.00	5.00	11.00	11.00	
1962	LPH.C06484	Hà Thị	Thanh	04/10/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.24. 00174	D380101	3.50	2.25	3.50	9.25	9.50	
1963	LPH.C06485	Hoàng Thị	Thơm	06/12/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.24. 00176	D380101	6.00	3.75	5.25	15.00	15.00	
1964	LPH.C06488	Vi Thị Thuỳ	Dương	24/10/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.25. 00181	D380101	3.25	1.50	3.00	7.75	8.00	
1965	LPH.C06489	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	13/03/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.26. 00195	D380101	7.75	5.50	8.50	21.75	22.00	
1966	LPH.C06490	Chu Nam	Phương	07/05/95	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.26. 00216	D380107	3.75	2.50	6.75	13.00	13.00	
1967	LPH.C06492	Ngô Văn	Điệp	20/11/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.27. 00194	D380101	6.50	2.25	7.50	16.25	16.50	
1968	LPH.C06493	Đỗ Thị	Huê	07/05/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.27. 00215	D380107	6.75	5.50	7.50	19.75	20.00	
1969	LPH.C06494	Nguyễn Thị	Huệ	02/03/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.27. 00193	D380101	5.25	3.50	6.50	15.25	15.50	
1970	LPH.C06495	Nguyễn Thị Bích	Hằng	19/09/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	18.28. 00192	D380101	4.50	4.25	3.00	11.75	12.00	
1971	LPH.C06496	Trịnh Văn	Khánh	16/08/96		Huyện Hiệp Hoà		1	18.28. 00191	D380101	5.75	5.00	7.00	17.75	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1972	LPH.C06498	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/03/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	18.28. 00190	D380101	7.50	5.25	4.50	17.25	17.50	
1973	LPH.C06499	Tạ Thị	Tuyết	06/01/95	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	18.28. 00189	D380101	8.75	6.75	7.75	23.25	23.50	
1974	LPH.C06500	Nguyễn Văn	Nghiên	12/08/91		Huyện Lạng Giang		1	18.29. 00197	D380101	3.00	3.00	.	6.00	6.00	
1975	LPH.C06501	Nguyễn Hồng	Nhung	23/09/96	Nữ	Huyện Lạng Giang		1	18.29. 00199	D380101	3.50	3.50	4.50	11.50	11.50	
1976	LPH.C06502	Đồng Thị	Thảo	08/10/96	Nữ	Huyện Lạng Giang		1	18.29. 00198	D380101	7.75	3.75	5.50	17.00	17.00	
1977	LPH.C06503	Nguyễn Hương	Giang	10/03/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.31. 00201	D380101	6.50	1.75	6.50	14.75	15.00	
1978	LPH.C06504	Giáp Thị	Luyến	20/08/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.31. 00217	D380107	5.00	4.25	4.50	13.75	14.00	
1979	LPH.C06506	Trần Anh	Đức	25/12/96		Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00202	D380101	5.25	2.25	6.00	13.50	13.50	
1980	LPH.C06507	Thân Thị	Vân	13/08/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.32. 00203	D380101	1.50	3.50	7.50	12.50	12.50	
1981	LPH.C06508	Đào Thị	Thúy	27/05/95	Nữ	Thành phố Bắc Giang		1	18.35. 00205	D380101	4.75	4.00	6.75	15.50	15.50	
1982	LPH.C06511	Nguyễn Thị	Hương	17/12/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	18.38. 00186	D380101	7.25	4.25	7.00	18.50	18.50	
1983	LPH.C06513	Hoàng Lan	Hương	26/05/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2NT	18.39. 00130	D380101	7.25	4.00	4.00	15.25	15.50	
1984	LPH.C06515	Trần Thị	Hà	27/05/96	Nữ	Huyện Gia Bình		2	19.09. 00308	D380101	6.25	5.50	7.00	18.75	19.00	
1985	LPH.C06517	Trịnh Thị Kim	Tuyến	17/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.12. 00109	D380101	6.50	6.75	7.00	20.25	20.50	
1986	LPH.C06519	Nguyễn Hương	Lan	25/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh	06	2	19.13. 00621	D380107	8.50	6.00	8.50	23.00	23.00	
1987	LPH.C06520	Lê Thu	Thủy	19/12/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	19.14. 00761	D380107	6.75	4.00	7.50	18.25	18.50	
1988	LPH.C06522	Hà Bảo	Trần	15/04/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.16. 00799	D380101	4.25	5.00	6.50	15.75	16.00	
1989	LPH.C06523	Dương Xuân	Dũng	17/12/96		Thị xã Từ Sơn		2	19.17. 00589	D380107	6.00	5.00	7.00	18.00	18.00	
1990	LPH.C06526	Lê Thị	Thi	08/08/96	Nữ	Huyện Quế Võ		2NT	19.18. 00328	D380101	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00	
1991	LPH.C06527	Lê Thị	ánh	21/05/96	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	19.21. 01214	D380101	8.00	5.25	7.00	20.25	20.50	
1992	LPH.C06528	Đặng Việt	Hà	06/12/96		Huyện Thuận Thành		2NT	19.21. 01216	D380101	4.75	3.25	6.25	14.25	14.50	
1993	LPH.C06530	Nguyễn Thị	Hiển	02/10/96	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	19.22. 00477	D380101	6.00	5.50	7.50	19.00	19.00	
1994	LPH.C06532	Hoàng Thị	Xuân	13/04/96	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	19.22. 00475	D380101	7.25	5.50	4.50	17.25	17.50	
1995	LPH.C06533	Hoàng Thị	Yến	26/07/96	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	19.22. 00476	D380101	8.00	3.00	5.00	16.00	16.00	
1996	LPH.C06534	Phan Thị	Bằng	29/11/96	Nữ	Huyện Tiên Du		2NT	19.23. 00312	D380101	8.50	7.00	7.00	22.50	22.50	
1997	LPH.C06535	Nguyễn Thị	Trang	16/04/96	Nữ	Huyện Quế Võ		2NT	19.23. 00313	D380107	5.75	5.50	5.00	16.25	16.50	
1998	LPH.C06537	Phạm Huy	Thuyết	09/02/96		Thành phố Bắc Ninh		2	19.27. 00022	D380107	8.50	6.50	7.75	22.75	23.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1999	LPH.C06538	Nguyễn Tiến	Hướng	16/11/96		Thị xã Từ Sơn		2	19.36. 00067	D380101	1.25	2.50	1.50	5.25	5.50	
2000	LPH.C06539	Hoàng Thị	Phúc	09/12/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	19.49. 00266	D380107	7.75	4.50	7.50	19.75	20.00	
2001	LPH.C06542	Phạm Thị	Hường	18/12/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.00. 00004	D380101	9.25	5.25	7.00	21.50	21.50	
2002	LPH.C06545	Nguyễn Thị	Thảo	07/07/95	Nữ	Huyện Ninh Giang		2NT	21.00. 00005	D380101	8.00	5.50	6.75	20.25	20.50	
2003	LPH.C06546	Vũ Thị	Thu	17/08/95	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.00. 00003	D380101	7.75	3.50	5.00	16.25	16.50	
2004	LPH.C06549	Đỗ Ngọc	Diệp	19/09/95	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.01. 00001	D380101	5.50	6.25	8.50	20.25	20.50	
2005	LPH.C06550	Hà Ngọc	Giang	17/02/95	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.01. 00003	D380107	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00	
2006	LPH.C06552	Phan Thị	Duyên	13/06/95	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.03. 00001	D380101	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
2007	LPH.C06556	Nguyễn Thị	Thiện	27/02/95	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.10. 00002	D380107	5.75	3.00	7.00	15.75	16.00	
2008	LPH.C06558	Đỗ Thị Thu	Trang	17/08/95	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.11. 00001	D380101	2.00	5.25	6.50	13.75	14.00	
2009	LPH.C06560	Vũ Đức	Anh	18/05/96		Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00012	D380101	7.25	5.50	6.00	18.75	19.00	
2010	LPH.C06561	Nguyễn Ngọc	ánh	07/08/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00010	D380101	7.50	4.25	7.00	18.75	19.00	
2011	LPH.C06565	Chu Thị Thanh	Hiền	13/12/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00005	D380101	9.00	7.75	8.00	24.75	25.00	
2012	LPH.C06567	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15/05/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00017	D380107	8.75	6.75	7.50	23.00	23.00	
2013	LPH.C06568	Ninh Thị Thanh	Huyền	21/11/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00022	D380101	7.00	5.75	6.25	19.00	19.00	
2014	LPH.C06569	Đặng Thị Thanh	Hương	24/11/96	Nữ	Huyện Bình Giang		2	21.13. 00025	D380107	7.00	8.00	7.50	22.50	22.50	
2015	LPH.C06570	Phạm Thị	Hương	04/11/96	Nữ	Huyện Ninh Giang		2	21.13. 00013	D380101	6.25	7.25	6.50	20.00	20.00	
2016	LPH.C06572	Vũ Thanh	Hương	19/08/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00001	D380101	6.50	7.50	6.50	20.50	20.50	
2017	LPH.C06576	Lưu Quỳnh	Mai	21/10/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00003	D380101	7.75	7.75	7.50	23.00	23.00	
2018	LPH.C06578	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	14/12/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00011	D380101	8.25	5.00	6.50	19.75	20.00	
2019	LPH.C06579	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	09/02/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2	21.13. 00009	D380101	7.25	7.50	7.00	21.75	22.00	
2020	LPH.C06581	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00002	D380101	7.50	7.50	7.50	22.50	22.50	
2021	LPH.C06582	Vũ Thị	Thương	03/11/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2	21.13. 00026	D380107	8.00	7.25	6.00	21.25	21.50	
2022	LPH.C06583	Hoàng Thị Lệ	Xuân	06/09/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00020	D380107	6.25	5.75	8.00	20.00	20.00	
2023	LPH.C06588	Nguyễn Công	Đức	10/10/96		Thành phố Hải Dương		2	21.17. 00001	D380101	2.50	1.75	6.00	10.25	10.50	
2024	LPH.C06589	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	25/02/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.17. 00002	D380101	4.50	5.00	5.25	14.75	15.00	
2025	LPH.C06590	Dương Thị	Huệ	08/04/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00001	D380101	6.75	4.25	7.00	18.00	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2026	LPH.C06592	Hoàng Phương	Mai	12/04/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00005	D380101	7.50	5.00	7.00	19.50	19.50	
2027	LPH.C06593	Vũ Như	Quỳnh	24/12/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00006	D380101	8.50	6.25	7.50	22.25	22.50	
2028	LPH.C06595	Vũ Thị	Yến	02/06/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00002	D380101	6.50	5.00	8.00	19.50	19.50	
2029	LPH.C06596	Nguyễn Thị Thu	Uyên	12/03/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.19. 00001	D380101	8.75	7.50	7.25	23.50	23.50	
2030	LPH.C06598	Triệu Thị	Cảnh	15/11/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00004	D380101	5.50	7.25	7.00	19.75	20.00	
2031	LPH.C06600	Vương Thị Hồng	Hạnh	28/03/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00002	D380101	8.00	5.50	8.00	21.50	21.50	
2032	LPH.C06601	Lê Thị Mai	Hương	09/10/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00006	D380107	8.50	7.25	7.50	23.25	23.50	
2033	LPH.C06602	Nguyễn Thùy	Linh	30/08/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00003	D380101	1.00	1.50	6.50	9.00	9.00	
2034	LPH.C06603	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	09/06/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00008	D380107	7.00	5.50	7.50	20.00	20.00	
2035	LPH.C06604	Mạc Thị	Trang	03/01/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00007	D380107	5.25	4.25	6.00	15.50	15.50	
2036	LPH.C06607	Lê Thị Yến	Phượng	27/05/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.21. 00004	D380101	6.00	3.50	6.00	15.50	15.50	
2037	LPH.C06608	Đồng Thị	Trang	27/05/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.21. 00005	D380107	8.00	7.00	8.00	23.00	23.00	
2038	LPH.C06610	Lương Thị Hải	Yến	08/02/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.21. 00002	D380101	5.00	4.75	6.25	16.00	16.00	
2039	LPH.C06611	Phạm Thị	Dịu	28/05/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 00001	D380101	8.00	5.50	7.25	20.75	21.00	
2040	LPH.C06612	Mạc Thị	Nụ	01/12/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 00002	D380101	7.00	6.50	7.75	21.25	21.50	
2041	LPH.C06613	Tăng Thị	Hương	28/10/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.24. 00002	D380101	6.50	6.00	7.50	20.00	20.00	
2042	LPH.C06614	Nguyễn Thị	Loan	01/11/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.24. 00001	D380101	3.50	2.00	6.50	12.00	12.00	
2043	LPH.C06615	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/05/96	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.25. 00001	D380101	4.25	2.50	7.75	14.50	14.50	
2044	LPH.C06618	Đỗ Thị Ngọc	Chinh	29/09/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.29. 00002	D380107	7.50	6.50	8.25	22.25	22.50	
2045	LPH.C06620	Vũ Thị	Thúy	07/04/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.29. 00001	D380107	5.75	1.75	5.50	13.00	13.00	
2046	LPH.C06622	Nguyễn Thị Quỳnh	Châm	30/08/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.32. 00001	D380101	7.00	7.75	8.25	23.00	23.00	
2047	LPH.C06623	Đào Thị Quỳnh	Chi	23/12/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.32. 00003	D380101	6.50	6.25	5.75	18.50	18.50	
2048	LPH.C06624	Vũ Thị	Trang	21/02/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.32. 00002	D380101	6.25	5.75	5.50	17.50	17.50	
2049	LPH.C06626	Vũ Thị	Yến	29/01/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.32. 00004	D380101	6.50	3.50	6.50	16.50	16.50	
2050	LPH.C06630	Nguyễn Thị	Huế	04/11/96	Nữ	Huyện Ninh Giang		2NT	21.34. 00001	D380101	6.50	4.25	6.25	17.00	17.00	
2051	LPH.C06632	Lê Thị Hải	Yến	04/10/96	Nữ	Huyện Ninh Giang		2NT	21.34. 00003	D380101	6.75	6.50	6.50	19.75	20.00	
2052	LPH.C06634	Nguyễn Thị	Thường	16/05/96	Nữ	Huyện Thanh Miện	04	2NT	21.36. 00001	D380101	8.00	6.50	6.50	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2053	LPH.C06636	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	04/12/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.37. 00002	D380107	3.00	4.00	5.50	12.50	12.50	
2054	LPH.C06638	Đào Thị Ngọc	ánh	20/04/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.42. 00002	D380101	6.50	5.00	7.00	18.50	18.50	
2055	LPH.C06639	Nguyễn Thị	Như	14/04/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.42. 00001	D380101	5.50	6.75	6.00	18.25	18.50	
2056	LPH.C06640	Nguyễn Thị Lan	Hương	07/02/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.43. 00001	D380101	0.75	1.00	5.50	7.25	7.50	
2057	LPH.C06642	Đỗ Thị	Dung	15/11/96	Nữ	Huyện Ninh Giang		2NT	21.45. 00001	D380107	6.75	4.50	7.00	18.25	18.50	
2058	LPH.C06643	Mạc Đức	Cường	28/01/96		Huyện Nam Sách		2NT	21.46. 00001	D380107	5.75	6.25	6.50	18.50	18.50	
2059	LPH.C06647	Đoàn Thị	Yến	21/10/96		Huyện Gia Lộc		2NT	21.47. 00003	D380101	5.25	4.00	6.50	15.75	16.00	
2060	LPH.C06648	Trần Thị	Hạnh	21/04/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.48. 00001	D380101	7.25	2.25	6.50	16.00	16.00	
2061	LPH.C06649	Trịnh Văn	Quyết	09/11/96		Huyện Thanh Hà		2NT	21.48. 00004	D380101	1.00	1.00	3.00	5.00	5.00	
2062	LPH.C06650	Đào Thị	Thanh	14/11/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.48. 00003	D380101	2.50	6.50	6.50	15.50	15.50	
2063	LPH.C06651	Nguyễn Thị	Vân	26/03/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.48. 00002	D380101	4.50	3.50	6.00	14.00	14.00	
2064	LPH.C06652	Nguyễn Thị	Hiên	05/09/96	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.49. 00001	D380101	6.50	5.00	7.00	18.50	18.50	
2065	LPH.C06653	Huỳnh Thị Kim	Thanh	18/12/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.51. 00001	D380101	2.25	2.00	6.50	10.75	11.00	
2066	LPH.C06654	Vũ Thị	Huế	27/09/96	Nữ	Huyện Ninh Giang		2NT	21.52. 00001	D380101	4.50	1.00	4.00	9.50	9.50	
2067	LPH.C06655	Đỗ Thị	Chinh	04/03/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.53. 00002	D380107	0.50	0.50	5.50	6.50	6.50	
2068	LPH.C06657	Lương Thị	Thu	13/09/96	Nữ	Huyện Tứ Kỳ		2NT	21.72. 00001	D380101	7.00	5.00	6.50	18.50	18.50	
2069	LPH.C06658	Tạ Thị	Huyền	26/11/96	Nữ	Thị xã Chí Linh	01	2NT	21.74. 00001	D380107	7.50	4.50	6.00	18.00	18.00	
2070	LPH.C06661	Nguyễn Vũ Hồng	Mai	03/09/96	Nữ	Huyện Trần Yên	01	2	21.C1. 00002	D380101	5.75	2.75	2.25	10.75	11.00	
2071	LPH.C06663	Nguyễn Thị Phương	Thanh	23/04/96	Nữ	Huyện Đak Đoa		2NT	21.C1. 00001	D380101	5.25	4.75	6.00	16.00	16.00	
2072	LPH.C06664	Trần Tiến	Chúng	25/11/89		Thành phố Hưng Yên	05	2NT	22.00. 00005	D380101	1.50	4.00	6.50	12.00	12.00	
2073	LPH.C06665	Đỗ Văn	Dũng	11/01/94		Huyện Phù Cừ		2NT	22.00. 00003	D380101	1.25	1.50	4.00	6.75	7.00	
2074	LPH.C06666	Lương Thị Thu	Thủy	06/02/96	Nữ	Huyện Mai Sơn	01	2NT	22.00. 00004	D380107	6.00	4.50	5.00	15.50	15.50	
2075	LPH.C06667	Nguyễn Hoàng	Anh	17/04/96	Nữ	Huyện Kim Động		2	22.11. 00019	D380101	7.25	6.00	7.50	20.75	21.00	
2076	LPH.C06671	Vũ Quốc	Đại	25/07/96		Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00027	D380107	3.75	4.75	5.00	13.50	13.50	
2077	LPH.C06674	Nguyễn Thị	Hải	25/08/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2	22.11. 00028	D380107	7.75	7.25	7.00	22.00	22.00	
2078	LPH.C06676	Lê Thanh	Hoài	02/06/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00016	D380101	8.25	6.75	7.50	22.50	22.50	
2079	LPH.C06678	Lê Khánh	Huyền	22/02/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2	22.11. 00015	D380101	9.00	8.00	7.50	24.50	24.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2080	LPH.C06679	Trần Thị Thu	Hương	13/09/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00014	D380101	8.25	7.50	7.75	23.50	23.50	
2081	LPH.C06681	Lê Thị	Linh	04/10/96	Nữ	Huyện Kim Động		2	22.11. 00030	D380107	7.75	6.75	5.50	20.00	20.00	
2082	LPH.C06682	Trần Thị Diệu	Linh	19/04/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2	22.11. 00013	D380107	8.25	7.50	8.50	24.25	24.50	
2083	LPH.C06683	Dương Thị Trà	My	06/03/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00012	D380101	8.00	7.25	7.50	22.75	23.00	
2084	LPH.C06684	Phạm ái	Ninh	26/09/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2	22.11. 00011	D380101	7.50	5.75	7.50	20.75	21.00	
2085	LPH.C06686	Chu Thị	Thảo	31/07/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2	22.11. 00009	D380101	6.75	5.50	7.50	19.75	20.00	
2086	LPH.C06687	Nguyễn Hà Hiền	Thảo	29/10/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00008	D380101	8.25	6.00	7.00	21.25	21.50	
2087	LPH.C06689	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/04/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2	22.11. 00007	D380107	8.00	8.00	8.50	24.50	24.50	
2088	LPH.C06690	Nguyễn Thu	Trang	29/05/96	Nữ	Huyện Kim Động		2	22.11. 00029	D380107	8.25	6.00	6.00	20.25	20.50	
2089	LPH.C06691	Nguyễn Thị Việt	Trinh	26/03/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2	22.11. 00006	D380107	8.50	7.50	8.50	24.50	24.50	
2090	LPH.C06692	Trần Thị	Hiên	04/03/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.12. 00058	D380101	8.25	6.00	7.00	21.25	21.50	
2091	LPH.C06694	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	11/09/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.12. 00060	D380101	7.25	6.50	6.25	20.00	20.00	
2092	LPH.C06695	Nguyễn Thị Minh	Phụng	17/09/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.12. 00057	D380101	7.75	6.50	7.00	21.25	21.50	
2093	LPH.C06697	Hoàng Thu	Uyên	20/10/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.12. 00061	D380107	4.00	1.00	5.75	10.75	11.00	
2094	LPH.C06698	Nguyễn Thị	Chang	14/02/95	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.14. 00066	D380101	6.50	4.50	6.50	17.50	17.50	
2095	LPH.C06699	Bùi Bích	Phương	01/09/95	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2NT	22.14. 00065	D380101	4.75	4.50	8.25	17.50	17.50	
2096	LPH.C06702	Nguyễn Thị	Đào	19/09/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.16. 00075	D380101	8.50	8.00	8.00	24.50	24.50	
2097	LPH.C06703	Lê Thị Mỹ	Linh	19/05/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.16. 00078	D380101	2.75	3.75	6.50	13.00	13.00	
2098	LPH.C06705	Tạ Thị	Dung	08/09/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.17. 00082	D380107	8.00	7.00	7.75	22.75	23.00	
2099	LPH.C06707	Bùi Thị	Ly	15/09/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.17. 00084	D380101	7.75	7.00	7.50	22.25	22.50	
2100	LPH.C06708	Nguyễn Văn	Phương	09/12/96		Huyện Kim Động		2NT	22.17. 00085	D380101	4.75	1.50	4.00	10.25	10.50	
2101	LPH.C06709	Trương Thị Tuyết	Tuyết	17/11/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.20. 00087	D380101	3.75	7.00	8.00	18.75	19.00	
2102	LPH.C06710	Vũ Thị Lan	Anh	04/01/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.21. 00094	D380101	5.25	0.25	5.00	10.50	10.50	
2103	LPH.C06711	Nguyễn Thị	Huyền	14/05/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.21. 00098	D380107	7.75	4.50	7.00	19.25	19.50	
2104	LPH.C06712	Nguyễn Thị	Hường	02/05/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.21. 00095	D380101	4.50	3.50	7.00	15.00	15.00	
2105	LPH.C06714	Nguyễn Thị	Thương	12/12/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.21. 00099	D380107	6.75	5.50	7.50	19.75	20.00	
2106	LPH.C06715	Đoàn Thị Thu	Trang	05/01/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.21. 00097	D380101	6.50	5.25	7.50	19.25	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2107	LPH.C06718	Nguyễn Văn	Quang	11/05/96		Huyện Ân Thi		2NT	22.26. 00106	D380101	2.00	5.00	4.00	11.00	11.00	
2108	LPH.C06719	Nguyễn Thị	Yến	02/02/96	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.26. 00105	D380101	4.50	4.00	8.00	16.50	16.50	
2109	LPH.C06721	Nguyễn Thị	Vinh	25/02/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.27. 00120	D380101	8.75	7.00	7.50	23.25	23.50	
2110	LPH.C06722	Đỗ Thị	Yến	08/11/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.27. 00114	D380101	1.00	1.50	7.00	9.50	9.50	
2111	LPH.C06723	Hoàng Thị Như	ý	27/12/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.27. 00116	D380101	2.25	3.00	7.00	12.25	12.50	
2112	LPH.C06726	Đào Thị	Yến	26/07/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.28. 00129	D380101	5.75	6.00	7.25	19.00	19.00	
2113	LPH.C06728	Đàm Thị	Huyền	24/10/94	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.31. 00132	D380101	5.50	6.25	6.50	18.25	18.50	
2114	LPH.C06729	Vũ Thị	Huyền	30/10/95	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.31. 00131	D380107	5.00	4.25	5.00	14.25	14.50	
2115	LPH.C06730	Nguyễn Thị	Quỳnh	23/10/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.32. 00139	D380101	7.50	6.00	7.00	20.50	20.50	
2116	LPH.C06731	Nguyễn Thị	Thương	03/09/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.32. 00138	D380101	6.25	6.00	7.00	19.25	19.50	
2117	LPH.C06732	Trịnh Thị	Hiên	25/10/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.34. 00145	D380101	4.75	2.00	4.50	11.25	11.50	
2118	LPH.C06733	Nguyễn Thị Trà	My	22/05/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.34. 00146	D380107	7.00	5.50	7.00	19.50	19.50	
2119	LPH.C06734	Lê Văn	Cương	22/08/96		Huyện Yên Mỹ		2NT	22.35. 00154	D380101	5.50	4.00	7.50	17.00	17.00	
2120	LPH.C06735	Trần Thủy	Oanh	26/05/96	Nữ	Huyện Mùong La		2NT	22.38. 00158	D380101	0.75	2.00	5.50	8.25	8.50	
2121	LPH.C06737	Nguyễn Văn	Hùng	21/07/96		Thành phố Hưng Yên		2NT	22.39. 00169	D380101	6.25	7.50	4.00	17.75	18.00	
2122	LPH.C06738	Lương Thị	Nhinh	17/04/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.39. 00167	D380101	8.50	4.50	7.75	20.75	21.00	
2123	LPH.C06739	Lương Thị	Tinh	10/05/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.39. 00166	D380101	7.25	8.25	8.00	23.50	23.50	
2124	LPH.C06740	Nguyễn Thị Huyền	Trang	06/05/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.39. 00168	D380101	7.25	4.50	6.25	18.00	18.00	
2125	LPH.C06741	Bùi Thị Thu	Thảo	23/08/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.41. 00184	D380107	8.25	7.00	7.00	22.25	22.50	
2126	LPH.C06742	Hoàng Thu	Thảo	13/09/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.41. 00183	D380107	8.00	6.75	7.50	22.25	22.50	
2127	LPH.C06743	Trần Thị	Nhung	03/09/95	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.44. 00189	D380101	6.50	5.00	7.00	18.50	18.50	
2128	LPH.C06745	Bùi Anh	Thư	18/10/96	Nữ	Huyện Phù Cừ		2NT	22.45. 00196	D380101	8.50	7.25	7.00	22.75	23.00	
2129	LPH.C06746	Trần Văn	Tùng	24/08/96		Huyện Đăk Glei		1	22.46. 00197	D380101	6.50	3.50	5.50	15.50	15.50	
2130	LPH.C06748	Trần Vũ	Huy	07/12/96		Huyện Yên Mỹ		2NT	22.49. 00220	D380101	0.75	0.50	3.25	4.50	4.50	
2131	LPH.C06750	Trần Tuyết	Mai	09/09/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00212	D380101	4.50	5.25	7.00	16.75	17.00	
2132	LPH.C06752	Vũ Minh	Nghĩa	01/12/96		Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00214	D380101	1.00	1.00	5.50	7.50	7.50	
2133	LPH.C06753	Nguyễn Phương	Thảo	14/07/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00211	D380101	4.25	1.00	5.75	11.00	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2134	LPH.C06754	Phạm Thị Vân	Anh	31/08/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.50. 00225	D380107	7.50	5.00	8.00	20.50	20.50	
2135	LPH.C06759	Chu Thị Kim	Huệ	31/07/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.57. 00244	D380101	9.00	8.50	8.00	25.50	25.50	
2136	LPH.C06760	Chu Thị Hồng	Nhung	26/03/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.57. 00246	D380107	2.00	1.00	5.50	8.50	8.50	
2137	LPH.C06761	Cao Thị	Yến	29/08/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.57. 00245	D380101	2.50	2.00	6.50	11.00	11.00	
2138	LPH.C06762	Lưu Minh	Đức	28/10/95		Huyện Văn Giang		2NT	22.59. 00251	D380101	6.25	6.75	6.50	19.50	19.50	
2139	LPH.C06765	Lê Thị	Hiên	13/08/96	Nữ	Huyện Phù Cừ		2NT	22.75. 00266	D380101	6.75	2.75	6.00	15.50	15.50	
2140	LPH.C06766	Luyện Minh	Việt	07/07/96		Huyện Yên Mỹ		2NT	22.76. 00267	D380101	6.50	4.00	7.00	17.50	17.50	
2141	LPH.C06767	Nguyễn Hữu	Duy	26/01/96		Huyện Khoái Châu		2NT	22.79. 00269	D380101	1.75	1.75	3.50	7.00	7.00	
2142	LPH.C06768	Trần Thuý	Huệ	12/02/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.79. 00270	D380101	4.25	2.00	3.00	9.25	9.50	
2143	LPH.C06769	Đào Thanh	Luyến	21/12/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.79. 00271	D380101	5.75	5.50	6.25	17.50	17.50	
2144	LPH.C06770	Phan Thị	Thu	20/10/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.79. 00272	D380101	1.50	1.75	5.00	8.25	8.50	
2145	LPH.C06771	Vũ Thị Mai	Phương	23/11/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.00. 00218	D380101	7.50	4.25	7.50	19.25	19.50	
2146	LPH.C06772	Nguyễn Thị	Bình	22/12/95	Nữ	Thành phố Hoà Bình	01	1	23.01. 00003	D380101	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
2147	LPH.C06773	Nguyễn Trung	Hiếu	03/01/92	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.01. 00005	D380107	6.00	4.50	5.75	16.25	16.50	
2148	LPH.C06775	Trần Anh	Tuấn	10/08/95		Thành phố Hoà Bình		1	23.01. 00002	D380101	7.25	5.00	5.50	17.75	18.00	
2149	LPH.C06776	Vì Thị	Quỳnh	30/08/95	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	23.03. 00213	D380101	6.75	1.50	4.50	12.75	13.00	
2150	LPH.C06777	Đỗ Thị Thanh	Thủy	12/12/95	Nữ	Huyện Tân Lạc	01	1	23.04. 00008	D380101	4.75	2.25	6.00	13.00	13.00	
2151	LPH.C06778	Bùi Thị Nguyệt	Linh	26/08/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.05. 00011	D380101	4.00	1.00	3.50	8.50	8.50	
2152	LPH.C06780	Bùi Thị Hồng	Ngoan	23/10/95	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	23.08. 00012	D380101	3.25	2.50	2.50	8.25	8.50	
2153	LPH.C06781	Bùi Văn	Sính	15/03/95		Huyện Kim Bôi	01	1	23.08. 00013	D380101	3.75	1.50	2.75	8.00	8.00	
2154	LPH.C06784	Quách Văn	Chấn	09/09/90		Huyện Yên Thủy	01	1	23.10. 00017	D380107	6.50	2.50	6.50	15.50	15.50	
2155	LPH.C06785	Vũ Thị Thúy	Diệu	31/01/96	Nữ	Huyện Yên Thủy		2	23.10. 00018	D380107	2.00	1.00	4.00	7.00	7.00	
2156	LPH.C06788	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/03/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00044	D380101	7.75	6.75	7.00	21.50	21.50	
2157	LPH.C06791	Bùi Thị Bảo	Chi	06/09/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình	01	1	23.12. 00034	D380101	7.50	4.75	7.00	19.25	19.50	
2158	LPH.C06792	Phạm Thị Linh	Đan	28/07/96	Nữ	Huyện Mai Châu		1	23.12. 00032	D380101	7.25	6.75	6.00	20.00	20.00	
2159	LPH.C06796	Đặng Thị Lan	Hương	09/12/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00052	D380101	8.00	6.25	8.00	22.25	22.50	
2160	LPH.C06798	Trần Hương	Liên	26/09/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00031	D380101	8.25	4.50	6.75	19.50	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2161	LPH.C06801	Trần Thị Phương	Linh	31/12/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00058	D380107	9.00	4.75	7.50	21.25	21.50	
2162	LPH.C06802	Phạm Văn	Lực	09/02/96		Huyện Kỳ Sơn		1	23.12. 00060	D380107	7.25	4.75	4.50	16.50	16.50	
2163	LPH.C06804	Cần Thị Thúy	Nga	28/04/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00037	D380101	8.00	5.00	7.50	20.50	20.50	
2164	LPH.C06810	Ngô Duy Hồng	Quân	28/05/96		Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00046	D380101	6.75	3.50	6.50	16.75	17.00	
2165	LPH.C06814	Nguyễn Thanh	Thảo	07/02/96	Nữ	Huyện Đà Bắc		1	23.12. 00048	D380101	9.00	5.75	6.50	21.25	21.50	
2166	LPH.C06817	Đỗ Minh	Thu	08/10/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00056	D380101	8.25	8.00	7.75	24.00	24.00	
2167	LPH.C06819	Nguyễn Thị Việt	Hà	02/04/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.13. 00210	D380101	6.00	4.50	7.50	18.00	18.00	
2168	LPH.C06820	Lê Hồng	Phúc	15/07/96		Thành phố Hoà Bình		1	23.13. 00211	D380101	1.50	1.50	5.50	8.50	8.50	
2169	LPH.C06821	Nguyễn Ngọc	Linh	12/10/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.15. 00076	D380101	8.50	5.50	7.50	21.50	21.50	
2170	LPH.C06822	Lê Thị	Tâm	24/09/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.15. 00078	D380101	6.25	5.25	7.50	19.00	19.00	
2171	LPH.C06823	Đỗ Thị Thủy	Tiên	23/02/96	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	23.15. 00077	D380101	5.25	2.75	6.00	14.00	14.00	
2172	LPH.C06824	Bùi Thị	Điều	30/09/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.16. 00098	D380107	6.50	4.75	6.75	18.00	18.00	
2173	LPH.C06826	Thái Thị	Dung	01/04/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.16. 00094	D380107	7.75	6.50	7.50	21.75	22.00	
2174	LPH.C06828	Đinh Hồng	Hạnh	10/01/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình	01	1	23.16. 00100	D380107	7.75	4.00	6.75	18.50	18.50	
2175	LPH.C06830	Bùi Thị	Khoa	11/04/96	Nữ	Huyện Đà Bắc	01	1	23.16. 00097	D380107	8.00	6.00	7.50	21.50	21.50	
2176	LPH.C06831	Bùi Thị	Lê	18/04/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.16. 00095	D380107	6.00	3.25	7.50	16.75	17.00	
2177	LPH.C06832	Hoàng Thị Hoa	Lệ	19/05/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn		1	23.16. 00093	D380101	5.25	6.00	7.00	18.25	18.50	
2178	LPH.C06833	Bùi Khánh	Linh	14/08/96	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	23.16. 00090	D380101	4.00	2.75	3.50	10.25	10.50	
2179	LPH.C06834	Xa Diệu	Linh	17/06/96	Nữ	Huyện Đà Bắc	01	1	23.16. 00092	D380101	7.75	4.25	5.50	17.50	17.50	
2180	LPH.C06837	Nguyễn Thị Thanh	Phương	16/09/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn	01	1	23.16. 00096	D380107	8.75	5.50	6.00	20.25	20.50	
2181	LPH.C06840	Bùi Thị Lệ	Thủy	02/06/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.16. 00099	D380107	6.75	4.50	7.25	18.50	18.50	
2182	LPH.C06841	Nguyễn Thị	Thương	02/08/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn	01	1	23.16. 00089	D380101	6.25	4.00	6.00	16.25	16.50	
2183	LPH.C06843	Đinh Lệ	Hà	04/11/96	Nữ	Huyện Đà Bắc	01	1	23.18. 00108	D380101	6.00	2.75	5.00	13.75	14.00	
2184	LPH.C06845	Ngô Phương	Thảo	25/10/96	Nữ	Huyện Đà Bắc	01	1	23.18. 00110	D380101	7.25	2.50	5.50	15.25	15.50	
2185	LPH.C06846	Hoàng Thị Vân	Anh	24/10/95	Nữ	Huyện Mai Châu		1	23.20. 00112	D380101	5.50	2.75	6.50	14.75	15.00	
2186	LPH.C06848	Nguyễn Thị	Hương	30/09/96	Nữ	Huyện Mai Châu		1	23.20. 00113	D380101	1.75	3.50	5.50	10.75	11.00	
2187	LPH.C06849	Hoàng Nam	Phương	27/08/96		Huyện Mai Châu		1	23.20. 00116	D380101	1.75	2.75	6.50	11.00	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2188	LPH.C06850	Trần Bạch Minh	Thắng	09/03/96		Huyện Mai Châu		1	23.20. 00114	D380101	0.75	1.75	3.50	6.00	6.00	
2189	LPH.C06852	Bùi Thị	Nhớ	15/01/96	Nữ	Huyện Tân Lạc	01	1	23.24. 00123	D380101	5.50	3.00	4.75	13.25	13.50	
2190	LPH.C06853	Bùi Thị Hải	Đường	12/09/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.25. 00125	D380101	5.50	2.50	6.50	14.50	14.50	
2191	LPH.C06855	Bùi Thị	Lụa	01/02/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.25. 00126	D380101	3.25	2.75	7.00	13.00	13.00	
2192	LPH.C06856	Bùi Thị Hiền	Lương	26/03/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.25. 00131	D380107	7.00	5.50	7.25	19.75	20.00	
2193	LPH.C06857	Bùi Thị	Mai	11/05/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.25. 00129	D380101	5.25	5.75	5.50	16.50	16.50	
2194	LPH.C06859	Kim Thị Thu	Trang	19/04/96	Nữ	Huyện Lạc Sơn		1	23.25. 00130	D380107	5.75	4.50	6.00	16.25	16.50	
2195	LPH.C06860	Trần Trọng	Hùng	01/01/96		Huyện Kỳ Sơn		1	23.28. 00133	D380107	3.50	1.25	4.50	9.25	9.50	
2196	LPH.C06862	Phạm Thị Như	Quỳnh	05/05/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn		1	23.29. 00136	D380107	5.25	5.25	8.25	18.75	19.00	
2197	LPH.C06863	Đinh Quỳnh	Anh	24/08/96	Nữ	Huyện Lương Sơn		1	23.30. 00142	D380101	8.25	1.75	6.00	16.00	16.00	
2198	LPH.C06864	Trần Thanh	Nhàn	02/03/96	Nữ	Huyện Lương Sơn		1	23.30. 00141	D380101	5.75	1.00	5.00	11.75	12.00	
2199	LPH.C06865	Phạm Thanh	Thương	02/06/96	Nữ	Huyện Lương Sơn		1	23.30. 00143	D380101	1.25	1.75	2.50	5.50	5.50	
2200	LPH.C06866	Bùi Thị Kiều	Trang	20/08/96	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	23.31. 00147	D380101	4.50	2.25	5.75	12.50	12.50	
2201	LPH.C06867	Quách Thị	Chung	06/02/96	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	23.33. 00150	D380101	2.00	3.50	5.50	11.00	11.00	
2202	LPH.C06868	Bùi Thị	Hảo	08/09/96	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	23.33. 00152	D380101	0.50	2.25	6.00	8.75	9.00	
2203	LPH.C06870	Trần Thị	Nhung	10/05/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		1	23.33. 00149	D380101	0.50	1.75	4.50	6.75	7.00	
2204	LPH.C06872	Đào Thu	Hằng	02/08/96	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	23.34. 00165	D380107	7.75	8.00	8.50	24.25	24.50	
2205	LPH.C06875	Bùi Thị	Nhung	13/05/96	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	23.34. 00162	D380101	7.25	4.75	7.00	19.00	19.00	
2206	LPH.C06877	Quách Trọng	Sơn	16/11/96		Huyện Kim Bôi	01	1	23.34. 00161	D380101	3.75	2.00	4.50	10.25	10.50	
2207	LPH.C06880	Bùi Mạnh	Cường	04/06/96		Huyện Kim Bôi	01	1	23.35. 00189	D380101	2.50	1.50	4.50	8.50	8.50	
2208	LPH.C06881	Bùi Văn	Cường	21/10/96		Huyện Kim Bôi	01	1	23.35. 00190	D380107	4.00	4.50	6.50	15.00	15.00	
2209	LPH.C06882	Phạm Đàm Mỹ	Duyên	30/05/96	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	23.36. 00175	D380101	6.25	3.75	6.00	16.00	16.00	
2210	LPH.C06886	Đỗ Thị	Ngà	27/07/96	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	23.36. 00172	D380101	5.75	2.00	7.00	14.75	15.00	
2211	LPH.C06887	Vũ Thị Y	Lan	22/08/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	23.38. 00183	D380107	8.00	5.75	7.50	21.25	21.50	
2212	LPH.C06888	Bùi Vương ái	Linh	20/11/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	23.38. 00182	D380101	5.75	4.50	6.50	16.75	17.00	
2213	LPH.C06889	Nguyễn Thúy	Ngân	17/04/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy		1	23.38. 00181	D380101	4.25	2.50	7.00	13.75	14.00	
2214	LPH.C06890	Mẫn Thúy	Hoa	24/11/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy		1	23.39. 00186	D380101	1.00	1.25	5.50	7.75	8.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2215	LPH.C06892	Vũ Thị	Hà	09/03/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy		1	23.40. 00193	D380101	3.00	2.00	5.50	10.50	10.50	
2216	LPH.C06896	Bùi Phương	Nam	12/06/96		Huyện Yên Thủy	01	1	23.41. 00200	D380107	1.00	1.00	3.00	5.00	5.00	
2217	LPH.C06899	Bùi Dương Diệu	Trang	27/10/96	Nữ	Huyện Yên Thủy		1	23.41. 00199	D380101	5.50	3.00	6.00	14.50	14.50	
2218	LPH.C06900	Bùi Văn	Dũng	26/11/96		Huyện Yên Thủy	01	1	23.42. 00205	D380107	1.50	1.00	5.25	7.75	8.00	
2219	LPH.C06901	Bùi Thị	Hoan	15/01/96	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	23.42. 00203	D380101	0.25	0.50	1.50	2.25	2.50	
2220	LPH.C06903	Quách Thị	Tươi	16/05/96	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	23.42. 00204	D380101	1.75	1.75	4.00	7.50	7.50	
2221	LPH.C06904	Bùi Thị Thanh	Huệ	24/07/96	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	23.47. 00207	D380107	6.50	2.75	7.00	16.25	16.50	
2222	LPH.C06905	Bùi Thị	Lan	18/08/96	Nữ	Huyện Cao Phong	01	1	23.49. 00208	D380107	5.00	1.50	5.00	11.50	11.50	
2223	LPH.C06906	Đặng Thị	Yến	09/01/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23.51. 00209	D380101	3.75	1.50	5.25	10.50	10.50	
2224	LPH.C06908	Mai Đắc	Nghị	07/03/95				2NT	24.01. 14867	D380107	9.50	7.50	8.75	25.75	26.00	
2225	LPH.C06911	Nguyễn Thị	Hoa	24/10/95	Nữ			2NT	24.03. 09790	D380101	5.75	4.00	6.25	16.00	16.00	
2226	LPH.C06913	Trần Thị	Hòa	14/12/95	Nữ			2NT	24.03. 09789	D380101	4.00	3.50	5.50	13.00	13.00	
2227	LPH.C06914	Nguyễn Văn	Dũng	06/11/96				2NT	24.04. 07440	D380101	1.00	1.75	5.50	8.25	8.50	
2228	LPH.C06915	Trần Trung	Kiên	30/09/96				2NT	24.04. 07437	D380101	2.00	2.00	3.00	7.00	7.00	
2229	LPH.C06916	Nguyễn Thành	Long	10/11/96				2NT	24.04. 07435	D380101	1.25	2.00	5.00	8.25	8.50	
2230	LPH.C06917	Trần Thị Thanh	Nhàn	20/10/95	Nữ			2NT	24.04. 07436	D380101	6.00	2.50	5.50	14.00	14.00	
2231	LPH.C06920	Nguyễn Văn	Nam	05/03/95				2NT	24.05. 04633	D380101	8.00	4.50	6.50	19.00	19.00	
2232	LPH.C06921	Nguyễn Thị	Yến	13/08/95	Nữ			1	24.05. 04632	D380101	4.00	1.50	3.50	9.00	9.00	
2233	LPH.C06922	Trần Thị	Huế	07/06/95	Nữ			2NT	24.06. 02443	D380101	2.25	2.50	4.75	9.50	9.50	
2234	LPH.C06924	Trần Thị Bích	An	29/09/96	Nữ			2	24.11. 14086	D380107	8.75	6.25	7.25	22.25	22.50	
2235	LPH.C06925	Phạm Thuý	Hà	12/08/95	Nữ			2	24.11. 14085	D380107	8.75	7.75	7.50	24.00	24.00	
2236	LPH.C06927	Đỗ Thị	Hiền	08/11/96	Nữ			2	24.11. 14084	D380107	9.50	8.00	8.00	25.50	25.50	
2237	LPH.C06929	Ngô Khánh	Hoà	14/03/96	Nữ			2	24.11. 14092	D380107	8.25	7.25	6.75	22.25	22.50	
2238	LPH.C06930	Nguyễn Thị Trà	My	01/10/96	Nữ			2	24.11. 14091	D380101	7.00	6.00	8.25	21.25	21.50	
2239	LPH.C06931	Nguyễn Thị	Nhung	09/07/96	Nữ			2	24.11. 14083	D380107	8.25	7.50	7.00	22.75	23.00	
2240	LPH.C06933	Lê Thị	Thoa	22/01/96	Nữ			2	24.11. 14087	D380107	9.00	8.25	9.00	26.25	26.50	
2241	LPH.C06934	Lại Lệ	Thu	18/07/96	Nữ			2	24.11. 14088	D380101	7.50	8.00	8.00	23.50	23.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2242	LPH.C06936	Phạm Văn	Luân	10/08/95				2	24.13. 12554	D380101	1.50	2.00	4.00	7.50	7.50	
2243	LPH.C06937	Phạm Văn	Quý	04/03/96				2	24.13. 12553	D380101	2.00	2.00	5.50	9.50	9.50	
2244	LPH.C06938	Nguyễn Thị	Hiên	22/08/96	Nữ			2NT	24.17. 11966	D380101	1.50	2.75	5.75	10.00	10.00	
2245	LPH.C06940	Vũ Đình	Hiệu	28/10/96				2NT	24.21. 11275	D380101	8.50	4.50	7.00	20.00	20.00	
2246	LPH.C06942	Bùi Long	Vũ	08/02/96				2NT	24.22. 10565	D380101	1.00	2.25	4.00	7.25	7.50	
2247	LPH.C06943	Đinh Lữ Nguyệt	Anh	28/06/96	Nữ			1	24.32. 08873	D380107	4.25	1.50	4.50	10.25	10.50	
2248	LPH.C06944	Trần Thị Lan	Anh	23/05/96	Nữ			1	24.32. 08872	D380107	7.50	5.75	8.00	21.25	21.50	
2249	LPH.C06945	Phạm Thị	Tú	11/08/96	Nữ			2NT	24.33. 08368	D380101	0.75	1.00	3.25	5.00	5.00	
2250	LPH.C06947	Lê Minh	Đức	21/08/96				2NT	24.41. 06758	D380101	1.50	1.50	4.50	7.50	7.50	
2251	LPH.C06948	Đặng Thị	Huyền	17/04/96	Nữ			2NT	24.42. 06042	D380101	6.50	3.25	5.00	14.75	15.00	
2252	LPH.C06950	Trần Thị Mỹ	Linh	30/06/96	Nữ			2NT	24.42. 06040	D380101	6.25	3.75	5.75	15.75	16.00	
2253	LPH.C06951	Trần Thị Hà	Phương	10/03/96	Nữ			2NT	24.42. 06044	D380107	7.00	4.25	7.00	18.25	18.50	
2254	LPH.C06952	Trần Đức	Thanh	17/11/96				2NT	24.42. 06039	D380101	5.50	2.00	6.50	14.00	14.00	
2255	LPH.C06953	Phạm Thị	Thuý	28/08/96	Nữ			2NT	24.42. 06043	D380107	8.50	6.75	7.00	22.25	22.50	
2256	LPH.C06955	Trương Thị Thu	Hường	07/01/96	Nữ			2NT	24.43. 05372	D380107	6.50	3.50	6.25	16.25	16.50	
2257	LPH.C06956	Trần Thị	Mỹ	28/07/96	Nữ			2NT	24.43. 05371	D380101	4.50	5.50	6.00	16.00	16.00	
2258	LPH.C06957	Đỗ Văn	Ngọc	02/11/95				2NT	24.43. 05370	D380101	1.25	1.50	2.00	4.75	5.00	
2259	LPH.C06958	Quách Thùy	Giang	20/06/96	Nữ			2NT	24.45. 04951	D380101	4.50	4.00	6.50	15.00	15.00	
2260	LPH.C06960	Nguyễn Đức	Hạnh	02/07/96				2NT	24.51. 04244	D380101	2.00	1.00	5.00	8.00	8.00	
2261	LPH.C06961	Trịnh Thị	Mơ	11/01/96	Nữ			2NT	24.51. 04245	D380107	3.75	1.50	4.00	9.25	9.50	
2262	LPH.C06962	Nguyễn Văn	Đăng	02/05/96				2NT	24.52. 03577	D380107	4.50	3.00	6.00	13.50	13.50	
2263	LPH.C06964	Phạm Thị	Nhung	17/08/96	Nữ			2NT	24.52. 03576	D380107	3.00	2.75	6.50	12.25	12.50	
2264	LPH.C06965	Nguyễn Hồng	Phong	02/07/96				2NT	24.52. 03578	D380107	3.25	1.50	5.75	10.50	10.50	
2265	LPH.C06966	Vũ Thị	Chinh	07/10/96	Nữ			1	24.55. 03033	D380101	0.75	1.50	3.00	5.25	5.50	
2266	LPH.C06967	Phạm Mạnh	Hùng	11/12/95				1	24.55. 03035	D380107	3.00	2.25	2.00	7.25	7.50	
2267	LPH.C06969	Nguyễn Thị	Xuân	10/09/96	Nữ			1	24.55. 03034	D380101	5.00	2.00	6.25	13.25	13.50	
2268	LPH.C06970	Hoàng Thị	Trang	05/07/96	Nữ			2NT	24.56. 02733	D380107	5.50	3.50	7.00	16.00	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2269	LPH.C06971	Trần Thị	Huệ	26/07/96	Nữ			2NT	24.61. 01938	D380101	7.00	7.50	8.50	23.00	23.00	
2270	LPH.C06973	Trần Thị ánh	Tuyết	14/11/96	Nữ			2NT	24.62. 01193	D380107	6.00	5.50	7.50	19.00	19.00	
2271	LPH.C06974	Nguyễn Thị Thanh	Hà	03/11/96	Nữ			2NT	24.66. 00167	D380101	5.50	2.25	6.50	14.25	14.50	
2272	LPH.C06975	Đào Thúy	Liều	21/06/96	Nữ			2NT	24.66. 00165	D380101	2.00	1.00	4.50	7.50	7.50	
2273	LPH.C06976	Trần Đức	Long	13/06/96				2NT	24.66. 00166	D380101	5.00	4.00	7.00	16.00	16.00	
2274	LPH.C06977	Hàn Đức	Trung	22/01/96			06	2NT	24.66. 00168	D380101	5.75	7.75	7.50	21.00	21.00	
2275	LPH.C06978	Vũ Thị Hải	Yến	03/08/96	Nữ			2NT	24.66. 00164	D380101	4.75	1.75	6.00	12.50	12.50	
2276	LPH.C06979	Lê Văn	Dầu	13/05/87		Huyện Nam Trực		2NT	25.00. 00137	D380107	8.00	5.25	7.50	20.75	21.00	
2277	LPH.C06981	Phạm Thị Cẩm	Vân	11/08/95	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.01. 00266	D380101	6.75	4.00	7.50	18.25	18.50	
2278	LPH.C06983	Vũ Thị Hồng	Hạnh	26/09/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	25.02. 02328	D380107	8.00	6.50	7.00	21.50	21.50	
2279	LPH.C06984	Phạm Nguyệt	Hằng	17/06/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02329	D380107	7.25	7.00	7.00	21.25	21.50	
2280	LPH.C06986	Nguyễn Mỹ	Linh	18/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02337	D380101	7.75	6.25	7.00	21.00	21.00	
2281	LPH.C06987	Trần Thị Ngọc	Linh	22/03/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	25.02. 02331	D380107	8.75	8.25	6.25	23.25	23.50	
2282	LPH.C06988	Hoàng Đức	Phong	05/06/96		Thành phố Nam Định		2	25.02. 02338	D380101	8.75	5.00	7.50	21.25	21.50	
2283	LPH.C06990	Vũ Thị Minh	Thu	22/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định	04	2	25.02. 02334	D380107	8.00	6.00	7.75	21.75	22.00	
2284	LPH.C06991	Trần Phương	Thúy	01/02/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02333	D380107	9.00	7.50	7.25	23.75	24.00	
2285	LPH.C06992	Vũ Thị Thùy	Trang	21/05/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	25.02. 02336	D380107	9.00	8.00	7.50	24.50	24.50	
2286	LPH.C06993	Vũ Thị	Trang	22/03/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2	25.02. 02335	D380107	8.50	8.00	6.00	22.50	22.50	
2287	LPH.C07000	Phạm Mai	Phương	16/08/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.05. 00445	D380107	6.25	3.00	7.00	16.25	16.50	
2288	LPH.C07001	Đặng Minh	Thuận	22/05/96		Thành phố Nam Định		2	25.05. 00444	D380101	3.50	1.75	6.00	11.25	11.50	
2289	LPH.C07005	Trần Nhật	Hưng	30/04/96		Thành phố Nam Định		2NT	25.16. 00487	D380101	7.00	5.25	4.50	16.75	17.00	
2290	LPH.C07006	Vũ Thị Hoài	Linh	12/09/96	Nữ	Huyện Mỹ Lộc		2NT	25.17. 00488	D380101	5.25	4.25	6.00	15.50	15.50	
2291	LPH.C07007	Lưu Thị Minh	Trang	12/03/95	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.19. 01469	D380101	7.50	6.00	8.00	21.50	21.50	
2292	LPH.C07008	Ngô Văn	Tường	28/09/95		Huyện Xuân Trường		2NT	25.19. 01468	D380101	1.75	.	.	1.75	2.00	
2293	LPH.C07011	Trần Thị	Phương	24/09/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.24. 00201	D380101	6.25	1.50	6.00	13.75	14.00	
2294	LPH.C07013	Hoàng Thị	Luyến	24/10/95	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.26. 01944	D380101	6.50	4.50	7.00	18.00	18.00	
2295	LPH.C07015	Doãn Thị Thúy	Lan	27/02/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01948	D380101	8.25	6.25	5.50	20.00	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2296	LPH.C07018	Phạm Ngọc	Chiến	03/04/96		Huyện Giao Thủy		2NT	25.28. 01950	D380101	5.00	3.25	6.75	15.00	15.00	
2297	LPH.C07019	Nguyễn Thị	Uyên	09/01/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.28. 01951	D380101	6.50	3.75	5.50	15.75	16.00	
2298	LPH.C07020	Nguyễn Thị	Nhài	23/08/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.29. 01953	D380107	6.00	3.75	5.00	14.75	15.00	
2299	LPH.C07021	Phạm Thị	Quyên	10/02/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.29. 01952	D380101	8.50	5.75	6.00	20.25	20.50	
2300	LPH.C07027	Dương Thị	Hoà	04/09/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.38. 02261	D380101	7.50	4.50	7.25	19.25	19.50	
2301	LPH.C07028	Trần Văn	Hùng	29/02/96		Huyện ý Yên		2NT	25.38. 02262	D380101	1.50	2.75	5.50	9.75	10.00	
2302	LPH.C07029	Đoàn Xuân	Chỉnh	28/10/95		Huyện ý Yên		2NT	25.40. 02263	D380101	1.00	1.50	2.00	4.50	4.50	
2303	LPH.C07030	Vũ Thị	Lan	22/08/94	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.42. 01032	D380101	5.50	4.25	6.50	16.25	16.50	
2304	LPH.C07031	Đồng Văn	Mạnh	08/09/95		Huyện Vụ Bản		2NT	25.42. 01033	D380101	3.50	1.75	4.50	9.75	10.00	
2305	LPH.C07033	Nguyễn Thị	Cúc	20/10/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.43. 01036		4.50	1.50	4.50	10.50	10.50	
2306	LPH.C07034	Trần Minh	Hoà	06/09/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.43. 01034	D380101	7.75	5.25	5.00	18.00	18.00	
2307	LPH.C07036	Bùi Văn	Đạt	09/11/96		Huyện Mỹ Lộc		2NT	25.45. 01041	D380101	8.25	8.00	8.00	24.25	24.50	
2308	LPH.C07037	Lương Thị Thu	Hà	10/07/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.45. 01039	D380101	6.75	4.50	7.00	18.25	18.50	
2309	LPH.C07038	Trần Thị	Hằng	27/04/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.45. 01043	D380101	5.50	3.00	6.50	15.00	15.00	
2310	LPH.C07039	Trần Xuân	Hưng	06/10/96		Huyện Vụ Bản		2NT	25.45. 01040	D380101	4.25	5.00	6.00	15.25	15.50	
2311	LPH.C07040	Phạm Văn	Thông	20/06/96		Huyện Vụ Bản		2NT	25.45. 01038	D380101	6.75	4.50	6.00	17.25	17.50	
2312	LPH.C07041	Nguyễn Thị Hương	Xim	03/07/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.45. 01042	D380101	7.25	3.00	6.50	16.75	17.00	
2313	LPH.C07042	Trần Thế	Anh	17/01/96		Huyện Vụ Bản		2NT	25.46. 01045	D380101	4.25	2.25	4.50	11.00	11.00	
2314	LPH.C07043	Vương Thị	Huyền	11/08/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.46. 01044	D380101	6.00	3.00	5.00	14.00	14.00	
2315	LPH.C07044	Bùi Hoàng	Anh	04/09/96		Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 01838	D380107	5.75	1.00	6.00	12.75	13.00	
2316	LPH.C07046	Nguyễn Thị Thu	Thủy	22/08/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 00449	D380107	6.25	5.75	5.00	17.00	17.00	
2317	LPH.C07047	Vũ Thị	Huyền	17/03/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.52. 01185	D380101	5.50	3.00	5.50	14.00	14.00	
2318	LPH.C07048	Tạ Thị Minh	Ngọc	07/05/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.52. 01186	D380101	1.75	3.75	6.50	12.00	12.00	
2319	LPH.C07049	Phạm Trung	Anh	14/12/96		Huyện Nam Trực		2NT	25.53. 03176	D380101	0.75	2.25	5.00	8.00	8.00	
2320	LPH.C07050	Nông Thị	Liên	01/03/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.54. 02446	D380101	7.25	5.50	7.00	19.75	20.00	
2321	LPH.C07051	Cao Xuân	Quyết	29/10/95		Huyện Nam Trực		2NT	25.54. 02447	D380101	2.50	1.50	3.00	7.00	7.00	
2322	LPH.C07052	Trần Thị Bích	Phương	20/10/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.59. 00575	D380101	9.00	6.00	7.00	22.00	22.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2323	LPH.C07053	Đinh Thị	Quỳnh	25/07/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.59. 00576	D380101	4.00	1.75	5.00	10.75	11.00	
2324	LPH.C07054	Mai Thị	Anh	27/03/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.60. 02942	D380101	4.00	2.25	5.00	11.25	11.50	
2325	LPH.C07055	Phạm Thị	Hương	14/06/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.60. 02943	D380101	1.00	2.00	6.50	9.50	9.50	
2326	LPH.C07056	Ngô Đình	Nhật	02/01/96		Huyện Trực Ninh		2NT	25.61. 01391	D380101	0.00	0.50	1.50	2.00	2.00	
2327	LPH.C07057	Lê Ước	Thế	11/03/96		Huyện Trực Ninh		2NT	25.62. 02093	D380101	4.00	3.75	6.00	13.75	14.00	
2328	LPH.C07059	Vũ Thị	Vân	02/08/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00446	D380107	6.00	4.75	7.00	17.75	18.00	
2329	LPH.C07061	Nguyễn Văn	Minh	28/04/95		Huyện Hải Hậu		2NT	25.74. 00171	D380101	5.00	5.00	6.00	16.00	16.00	
2330	LPH.C07062	Nguyễn Mạnh	Đạt	05/09/96		Huyện Hải Hậu		2NT	25.76. 04881	D380107	6.75	4.50	5.75	17.00	17.00	
2331	LPH.C07063	Nguyễn Văn	Thực	21/05/96		Huyện Hải Hậu		2NT	25.76. 04882	D380101	4.25	1.50	5.50	11.25	11.50	
2332	LPH.C07065	Nguyễn Quang	Huấn	12/10/96		Huyện Hải Hậu		2NT	25.78. 00581	D380101	3.00	2.25	4.50	9.75	10.00	
2333	LPH.C07066	Nguyễn Thị	Huyền	31/10/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.78. 00582	D380101	7.00	4.00	7.00	18.00	18.00	
2334	LPH.C07070	Khương Thị	Liên	09/12/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.85. 00175	D380107	5.75	5.00	7.50	18.25	18.50	
2335	LPH.C07071	Bùi Thị Lan	Hương	29/07/96	Nữ			2	25.C5. 00084	D380107	7.75	7.25	7.25	22.25	22.50	
2336	LPH.C07073	Phạm Thị Quỳnh	Anh	13/10/95	Nữ	Huyện Vũ Thư		2	26.00. 00009	D380107	7.25	6.75	7.75	21.75	22.00	
2337	LPH.C07074	Trần Văn	Công	04/04/95		Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00008	D380101	7.50	8.00	7.75	23.25	23.50	
2338	LPH.C07075	Phạm Đình	Đông	20/04/95		Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00010	D380107	4.50	1.50	5.25	11.25	11.50	
2339	LPH.C07076	Lê Minh	Đức	01/06/95		Huyện Đông Hưng		2NT	26.00. 00026	D380107	1.75	0.75	2.00	4.50	4.50	
2340	LPH.C07077	Phạm Đình	Hà	09/10/95		Huyện Đông Hưng		2NT	26.00. 00007	D380101	5.00	3.50	5.00	13.50	13.50	
2341	LPH.C07080	Lê Thanh	Long	12/08/95		Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00024	D380101	5.00	4.50	4.50	14.00	14.00	
2342	LPH.C07081	Đặng Văn	Thành	02/02/94		Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00023	D380101	7.50	6.25	6.00	19.75	20.00	
2343	LPH.C07083	Nguyễn Minh	Tuấn	01/06/95		Thành phố Thái Bình		2	26.01. 00037	D380101	6.50	6.75	6.00	19.25	19.50	
2344	LPH.C07085	Phạm Thị Lâm	Anh	11/08/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00081	D380107	8.25	6.25	8.00	22.50	22.50	
2345	LPH.C07086	Vũ Thế	Đức	07/05/96		Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00072	D380101	3.25	0.50	1.00	4.75	5.00	
2346	LPH.C07088	Phạm Thị Minh	Huệ	27/07/96	Nữ	Huyện Tiền Hải		2	26.02. 00064	D380101	8.25	7.00	7.75	23.00	23.00	
2347	LPH.C07090	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/08/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2	26.02. 00071	D380101	6.50	5.25	7.50	19.25	19.50	
2348	LPH.C07091	Nguyễn Thu	Huyền	16/08/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00070	D380101	7.50	5.50	7.50	20.50	20.50	
2349	LPH.C07092	Lưu Khánh	Linh	19/07/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00069	D380101	8.50	5.00	7.50	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2350	LPH.C07093	Nguyễn Thị	Loan	22/02/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2	26.02. 00078	D380101	8.50	7.75	8.00	24.25	24.50	
2351	LPH.C07095	Bùi Thị Ngọc	Oanh	13/03/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00068	D380101	4.75	4.50	6.50	15.75	16.00	
2352	LPH.C07096	Phạm Minh	Phuong	17/09/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00067	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
2353	LPH.C07101	Nguyễn Thị	Yến	16/03/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2	26.02. 00074	D380101	7.50	7.25	7.00	21.75	22.00	
2354	LPH.C07102	Nguyễn Thị	Huệ	01/07/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.03. 00113	D380101	6.00	3.50	5.50	15.00	15.00	
2355	LPH.C07103	Bùi Nhật	Tuấn	27/07/96		Thành phố Thái Bình		2	26.03. 00112	D380101	0.75	1.50	4.00	6.25	6.50	
2356	LPH.C07104	Đặng Trương Đức	Anh	21/11/96		Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00130	D380101	0.00	.	.	0.00	0.00	
2357	LPH.C07106	Đặng Ngọc	Phuong	02/11/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.05. 00140	D380101	4.50	3.50	7.50	15.50	15.50	
2358	LPH.C07107	Nguyễn Văn	Thế	16/12/93		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.08. 00143	D380107	7.25	6.25	5.50	19.00	19.00	
2359	LPH.C07108	Trần Thị Thuỳ	Dung	22/07/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00159	D380107	4.25	3.50	6.00	13.75	14.00	
2360	LPH.C07109	Nguyễn Quý	Đô	10/07/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00156	D380101	3.75	3.00	5.50	12.25	12.50	
2361	LPH.C07110	Trần Thị Ngọc	Huyền	13/10/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00160	D380107	7.00	5.75	7.00	19.75	20.00	
2362	LPH.C07111	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	25/12/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ	06	2NT	26.09. 00157	D380101	3.50	2.50	6.50	12.50	12.50	
2363	LPH.C07112	Phạm Thị	Oanh	04/10/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00158	D380107	4.75	2.75	5.50	13.00	13.00	
2364	LPH.C07113	Nguyễn Thị Anh	Phuong	03/02/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00154	D380101	6.50	4.75	7.00	18.25	18.50	
2365	LPH.C07114	Hoàng Thị	Thuý	20/09/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00155	D380101	5.75	3.75	5.25	14.75	15.00	
2366	LPH.C07117	Phạm Văn	Mạnh	06/09/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.10. 00168	D380101	3.25	2.50	4.00	9.75	10.00	
2367	LPH.C07118	Lê Duy	Chiến	04/10/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00180	D380101	6.00	4.50	5.50	16.00	16.00	
2368	LPH.C07119	Phạm Xuân	Đức	04/03/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00179	D380101	5.50	6.00	5.50	17.00	17.00	
2369	LPH.C07120	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/12/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00182	D380101	3.75	2.00	4.00	9.75	10.00	
2370	LPH.C07121	Nguyễn Thị	Thúy	27/10/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00183	D380107	4.25	3.00	7.00	14.25	14.50	
2371	LPH.C07122	Nguyễn Thị Tường	Vân	11/08/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00181	D380101	5.50	5.00	5.50	16.00	16.00	
2372	LPH.C07125	Nguyễn Thị	Xinh	13/10/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.15. 00189	D380101	1.00	0.50	3.50	5.00	5.00	
2373	LPH.C07126	Nguyễn Thị	Thảo	02/01/95	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.16. 00191	D380107	1.75	4.50	6.75	13.00	13.00	
2374	LPH.C07128	Lê Thị	Liên	20/05/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.17. 00201	D380107	6.50	2.00	7.00	15.50	15.50	
2375	LPH.C07130	Hoàng Thị Thu	Trang	05/08/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.17. 00197	D380101	5.50	5.25	7.25	18.00	18.00	
2376	LPH.C07131	Khúc Thị	Vân	01/02/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.17. 00199	D380101	5.25	1.25	7.00	13.50	13.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2377	LPH.C07132	Trần Lưu Phương	Thảo	29/07/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.18. 00208	D380101	6.00	5.25	8.50	19.75	20.00	
2378	LPH.C07134	Hà Ngọc	Anh	12/05/96		Huyện Hưng Hà		2NT	26.20. 00232	D380107	3.50	1.00	4.50	9.00	9.00	
2379	LPH.C07135	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/11/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.20. 00231	D380101	2.50	5.50	5.00	13.00	13.00	
2380	LPH.C07136	Nguyễn Thị	Ngoan	28/05/95	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.20. 00230	D380107	6.50	4.75	4.75	16.00	16.00	
2381	LPH.C07137	Vũ Đình	Trưởng	29/11/96		Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.20. 00233	D380101	8.25	5.75	4.00	18.00	18.00	
2382	LPH.C07139	Đỗ Thị	Huệ	02/09/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.22. 00235	D380101	1.00	1.00	4.50	6.50	6.50	
2383	LPH.C07140	Nguyễn Thị	Nhung	06/06/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.24. 00243	D380101	5.25	4.00	6.00	15.25	15.50	
2384	LPH.C07141	Phạm Thị Hồng	Tú	20/03/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.24. 00244	D380101	3.50	2.75	6.00	12.25	12.50	
2385	LPH.C07142	Nhâm Thị	Liên	05/08/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00256	D380101	6.25	6.00	5.50	17.75	18.00	
2386	LPH.C07143	Nguyễn Thị	Miền	16/10/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00255	D380101	5.25	1.50	6.25	13.00	13.00	
2387	LPH.C07144	Hoàng Thị	Sâm	12/09/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00257	D380101	6.50	1.25	7.00	14.75	15.00	
2388	LPH.C07145	Phạm Công	Nam	13/11/96		Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00271		1.25	2.50	5.25	9.00	9.00	
2389	LPH.C07146	Vũ Thị Bích	Ngọc	05/07/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00273	D380101	5.50	3.50	5.50	14.50	14.50	
2390	LPH.C07147	Khổng Văn	Sơn	18/08/93		Thành phố Thái Bình		2NT	26.26. 00272	D380101	3.75	2.50	3.50	9.75	10.00	
2391	LPH.C07149	Bùi Công	Duy	10/12/96		Huyện Đông Hưng		2NT	26.28. 00282	D380101	1.50	1.50	2.00	5.00	5.00	
2392	LPH.C07152	Ngô Thị	Chuyên	10/01/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00302	D380101	6.75	3.25	7.00	17.00	17.00	
2393	LPH.C07153	Hạ Thị	Hà	15/09/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00303	D380101	7.75	5.00	8.00	20.75	21.00	
2394	LPH.C07155	Nguyễn Thị	Sim	02/10/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00305	D380107	6.00	4.50	7.50	18.00	18.00	
2395	LPH.C07156	Phùng Thị	Thoan	07/03/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00304	D380101	7.25	7.00	8.00	22.25	22.50	
2396	LPH.C07157	Lê Anh	Tuấn	29/01/96		Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00298	D380101	2.00	1.75	5.00	8.75	9.00	
2397	LPH.C07158	Lại Phương	Uyên	26/12/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00301	D380101	6.75	7.50	7.00	21.25	21.50	
2398	LPH.C07159	Vũ Thị Ngọc	Hân	05/02/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.33. 00319	D380101	4.00	1.25	6.00	11.25	11.50	
2399	LPH.C07161	Hồ Thị	Oanh	03/10/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.33. 00322	D380107	6.50	4.75	7.00	18.25	18.50	
2400	LPH.C07162	Phạm Thị	Phượng	08/01/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.33. 00320	D380101	6.00	2.25	7.25	15.50	15.50	
2401	LPH.C07163	Vũ Thị Hồng	Hạnh	20/07/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.34. 00331	D380101	4.00	1.00	5.50	10.50	10.50	
2402	LPH.C07164	Nguyễn Thị Thu	Hiên	16/05/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.34. 00330	D380101	2.50	2.00	6.50	11.00	11.00	
2403	LPH.C07166	Phạm Bá	Lin	26/02/96		Huyện Vũ Thư		2NT	26.35. 00332	D380101	2.00	3.00	4.50	9.50	9.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2404	LPH.C07168	Đỗ Thị Thanh	Huyền	19/01/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	26.39. 00341	D380101	6.25	5.00	8.00	19.25	19.50	
2405	LPH.C07170	Vũ Thị	Tươi	25/04/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2NT	26.39. 00342	D380101	5.50	3.00	6.50	15.00	15.00	
2406	LPH.C07172	Bùi Tuấn	Anh	27/02/96		Huyện Kiến Xương		2NT	26.41. 00357	D380101	5.25	3.00	3.00	11.25	11.50	
2407	LPH.C07174	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	09/11/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2NT	26.41. 00355	D380101	4.25	2.00	6.00	12.25	12.50	
2408	LPH.C07176	Lê Việt	Linh	26/12/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2NT	26.43. 00358	D380101	0.25	1.00	3.00	4.25	4.50	
2409	LPH.C07177	Nguyễn Mạnh	Trường	14/05/96		Huyện Kiến Xương		2NT	26.43. 00359	D380101	0.75	1.50	2.75	5.00	5.00	
2410	LPH.C07179	Đào Thị Hải	Yến	24/03/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.47. 00371	D380107	6.75	4.25	7.00	18.00	18.00	
2411	LPH.C07180	Nguyễn Thị	Duyên	15/11/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.49. 00374	D380101	1.50	3.75	4.50	9.75	10.00	
2412	LPH.C07181	Vũ Thị	Hằng	04/10/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.52. 00384	D380101	7.50	5.00	5.50	18.00	18.00	
2413	LPH.C07182	Trịnh Hoàng	Phương	22/09/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00397	D380107	4.25	3.25	6.00	13.50	13.50	
2414	LPH.C07183	Phạm Thị	Thơ	07/11/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00398	D380101	4.50	2.50	6.00	13.00	13.00	
2415	LPH.C07184	Uông Thị Hải	Anh	02/10/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.54. 00405	D380101	3.75	3.50	5.25	12.50	12.50	
2416	LPH.C07185	Phạm Văn	Định	04/02/96		Huyện Thái Thụy		2NT	26.54. 00406	D380107	5.75	2.75	4.50	13.00	13.00	
2417	LPH.C07186	Dương Thị	Ngọc	02/08/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.54. 00404	D380101	4.25	2.00	5.00	11.25	11.50	
2418	LPH.C07187	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/05/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.55. 00408	D380101	4.75	3.00	5.50	13.25	13.50	
2419	LPH.C07188	Trương Nguyệt	Hà	05/10/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.55. 00411	D380101	2.50	4.00	6.00	12.50	12.50	
2420	LPH.C07189	Bùi Thị	Liên	22/09/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.55. 00409	D380101	5.50	3.50	7.00	16.00	16.00	
2421	LPH.C07190	Phạm Thị	Trang	29/02/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.55. 00410	D380101	1.25	2.50	5.00	8.75	9.00	
2422	LPH.C07195	Bùi Thị Diệu	Hương	19/10/95	Nữ	Huyện Nho Quan	01	1	27.03. 00016	D380101	4.25	6.00	6.00	16.25	16.50	
2423	LPH.C07196	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14/01/95	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.03. 00012	D380101	6.25	2.50	6.75	15.50	15.50	
2424	LPH.C07197	Phạm Long	Nhật	16/09/95		Huyện Nho Quan		1	27.03. 00011	D380101	6.00	3.50	5.50	15.00	15.00	
2425	LPH.C07198	Đinh Thị Vân	Oanh	20/08/95	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.03. 00015	D380101	8.25	4.00	6.00	18.25	18.50	
2426	LPH.C07199	Hoàng Thị	Thanh	20/09/95	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.03. 00014	D380101	8.00	4.25	5.50	17.75	18.00	
2427	LPH.C07201	Phạm Thị ánh	Tuyết	25/01/95	Nữ	Huyện Gia Viễn		2NT	27.04. 00019	D380101	5.00	6.00	6.00	17.00	17.00	
2428	LPH.C07202	Hoàng Thị	Lan	15/02/95	Nữ	Huyện Hoa Lư		2	27.05. 00021	D380107	7.75	5.50	6.25	19.50	19.50	
2429	LPH.C07204	Vũ Thị Thuỳ	Linh	07/02/95	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.06. 00028	D380101	6.25	2.75	6.75	15.75	16.00	
2430	LPH.C07207	Phạm Thanh	Huyền	12/08/95	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.08. 00038	D380101	5.75	4.00	5.00	14.75	15.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2431	LPH.C07209	Giang Thuỳ	Dung	16/02/96	Nữ	Huyện Hoa Lư		2	27.11. 00058	D380101	8.25	6.50	7.50	22.25	22.50	
2432	LPH.C07212	Nguyễn Ngọc	Hoa	15/02/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00068	D380101	4.75	5.25	7.50	17.50	17.50	
2433	LPH.C07213	Bùi Thị Bích	Huyền	01/04/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00067	D380101	7.50	3.00	5.50	16.00	16.00	
2434	LPH.C07216	Bùi Thị Thùy	Linh	24/08/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2	27.11. 00074	D380107	8.00	7.50	6.75	22.25	22.50	
2435	LPH.C07218	Trần Mai	Linh	08/02/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00065	D380101	7.00	6.25	6.50	19.75	20.00	
2436	LPH.C07220	Nguyễn Như	Quỳnh	31/07/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00066	D380101	7.25	2.50	6.00	15.75	16.00	
2437	LPH.C07221	Trần Thị Phương	Thảo	18/07/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00060	D380101	8.50	6.50	7.75	22.75	23.00	
2438	LPH.C07223	Phạm Diệu	Thuý	08/06/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00064	D380101	6.75	2.75	6.00	15.50	15.50	
2439	LPH.C07225	Bùi Thị Thanh	Thủy	05/03/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00077	D380107	4.00	4.50	4.75	13.25	13.50	
2440	LPH.C07227	Bùi Thị Hải	Yến	26/10/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00059	D380101	8.25	6.25	7.00	21.50	21.50	
2441	LPH.C07228	Nguyễn Thị Thu	Hương	23/09/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00111	D380101	2.00	4.75	6.00	12.75	13.00	
2442	LPH.C07229	Phạm Lương	Đức	22/01/96		Thành phố Ninh Bình		2	27.13. 00124	D380101	2.75	0.50	3.75	7.00	7.00	
2443	LPH.C07231	Nguyễn Huy	Hợp	26/09/96		Huyện Hoa Lư		2	27.14. 00135	D380101	0.50	1.50	3.00	5.00	5.00	
2444	LPH.C07232	Phạm Đức	Tài	13/08/95		Thành phố Ninh Bình		2	27.14. 00133	D380101	6.50	6.00	6.50	19.00	19.00	
2445	LPH.C07234	Lê Thị	Quỳnh	17/12/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.22. 00152	D380101	7.50	1.50	6.75	15.75	16.00	
2446	LPH.C07235	Lương Thị	Hoa	03/11/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.31. 00156	D380101	5.00	3.25	4.50	12.75	13.00	
2447	LPH.C07236	Vũ Thị	Liên	10/10/96	Nữ	Huyện Nho Quan	01	1	27.31. 00154	D380101	6.25	1.00	5.50	12.75	13.00	
2448	LPH.C07237	Nguyễn Thị Minh	Phương	22/02/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.31. 00155	D380101	6.75	6.75	7.00	20.50	20.50	
2449	LPH.C07238	Đồng Tuấn	Anh	14/12/96		Huyện Nho Quan		1	27.32. 00160	D380101	2.75	1.00	3.00	6.75	7.00	
2450	LPH.C07241	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	05/05/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.32. 00162	D380101	7.00	5.50	7.50	20.00	20.00	
2451	LPH.C07242	Bùi Xuân	Cảnh	09/02/94		Huyện Nho Quan		1	27.34. 00169	D380101	4.25	1.00	4.00	9.25	9.50	
2452	LPH.C07244	Nguyễn Thị	Nhung	17/03/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.35. 00170	D380101	7.75	4.00	7.25	19.00	19.00	
2453	LPH.C07245	Đinh Thị Thu	Trang	30/11/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.35. 00171	D380101	6.50	5.00	6.50	18.00	18.00	
2454	LPH.C07246	Phạm Hoàng	Anh	10/11/96		Huyện Gia Viễn		1	27.41. 00176	D380101	3.00	2.50	5.50	11.00	11.00	
2455	LPH.C07247	Nguyễn Xuân	Cường	18/04/96		Huyện Gia Viễn		2NT	27.42. 00179	D380101	3.75	6.50	7.50	17.75	18.00	
2456	LPH.C07250	Vũ Thị Mỹ	Huyền	14/03/96	Nữ	Huyện Hoa Lư		1	27.51. 00189	D380101	9.00	7.50	7.00	23.50	23.50	
2457	LPH.C07253	An Thị Kim	Anh	04/03/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00200		6.25	2.25	6.00	14.50	14.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2458	LPH.C07254	Tổng Văn Đức	21/08/96		Huyện Yên Mô		1	27.61. 00203	D380101	6.50	6.50	5.00	18.00	18.00	
2459	LPH.C07255	Phạm Thị Hạnh	07/12/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00202	D380101	7.75	3.75	5.00	16.50	16.50	
2460	LPH.C07256	Nguyễn Thị Hồng	11/11/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00201	D380101	8.00	5.50	7.00	20.50	20.50	
2461	LPH.C07257	Đỗ Thị Diễm	29/01/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.62. 00213	D380107	6.75	6.00	7.50	20.25	20.50	
2462	LPH.C07258	Phạm Đông Hồ	11/11/96		Huyện Yên Mô		1	27.62. 00211	D380101	5.50	3.50	5.50	14.50	14.50	
2463	LPH.C07259	Trần Thị Kiều	11/11/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.62. 00212	D380107	7.25	4.25	7.00	18.50	18.50	
2464	LPH.C07261	Nguyễn Văn Hoàn	24/09/96		Huyện Kim Sơn		2NT	27.71. 00223	D380107	7.50	5.50	7.00	20.00	20.00	
2465	LPH.C07262	Mai Thị Thu Hương	27/06/95	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.71. 00222	D380107	3.50	3.00	6.50	13.00	13.00	
2466	LPH.C07263	Đặng Văn Anh	24/01/96		Huyện Kim Sơn		2NT	27.72. 00229	D380107	2.75	1.25	5.00	9.00	9.00	
2467	LPH.C07264	Nguyễn Đức Duy	30/12/96		Huyện Kim Sơn		2NT	27.72. 00230	D380107	6.25	3.75	4.00	14.00	14.00	
2468	LPH.C07266	Phạm Thị Hải My	22/12/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.72. 00227	D380101	6.00	4.25	5.75	16.00	16.00	
2469	LPH.C07268	Nguyễn Thị Xuân	02/02/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		1	27.73. 00235	D380101	6.75	4.25	3.50	14.50	14.50	
2470	LPH.C07269	Phạm Bích Liên	14/02/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.75. 00237	D380101	4.00	2.00	6.50	12.50	12.50	
2471	LPH.C07270	Trần Thị Mỹ	10/11/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.75. 00239	D380101	8.00	5.25	6.00	19.25	19.50	
2472	LPH.C07271	Nguyễn Thị Thủy	04/04/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	27.75. 00238	D380101	7.50	4.50	5.75	17.75	18.00	
2473	LPH.C07272	Nguyễn Thị Quyên	01/11/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.81. 00249	D380101	6.50	2.25	7.00	15.75	16.00	
2474	LPH.C07273	Hoàng Thị Thanh Thảo	23/08/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.81. 00250	D380101	9.25	7.00	7.75	24.00	24.00	
2475	LPH.C07274	Hoàng Thị Thu Huyền	06/12/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.82. 00255	D380101	3.75	2.00	7.00	12.75	13.00	
2476	LPH.C07275	Tạ Ngọc Tuấn	29/04/96		Huyện Yên Khánh		2NT	27.82. 00254	D380101	3.25	1.00	2.75	7.00	7.00	
2477	LPH.C07277	Hoàng Việt Tùng	15/10/96		Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.00. 00001	D380101	0.25	0.50	2.25	3.00	3.00	
2478	LPH.C07278	Lê Thị Mai Linh	13/08/95	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.01. 00007	D380101	8.00	7.00	8.00	23.00	23.00	
2479	LPH.C07284	Hoàng Kỳ Anh	04/06/96		Thành phố Ninh Bình		2	28.03. 00024	D380101	4.75	1.50	5.50	11.75	12.00	
2480	LPH.C07285	Nguyễn Thị Đào	15/08/96	Nữ	Thị xã Sầm Sơn		2	28.03. 00025	D380101	6.00	3.25	5.50	14.75	15.00	
2481	LPH.C07286	Cao Thị Thuận	03/08/96	Nữ	Thị xã Sầm Sơn		2	28.03. 00026	D380101	3.75	2.25	6.50	12.50	12.50	
2482	LPH.C07287	Cao Văn Tú	16/05/93		Thị xã Sầm Sơn		2	28.03. 00027	D380107	7.75	6.50	7.50	21.75	22.00	
2483	LPH.C07288	Nguyễn Thùy Dương	03/10/96	Nữ	Huyện Quan Hoá		1	28.04. 00035	D380101	7.50	5.00	7.75	20.25	20.50	
2484	LPH.C07289	Nguyễn Thị Dương	19/10/96	Nữ	Huyện Quan Hoá		1	28.04. 00030	D380107	9.25	4.75	7.25	21.25	21.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2485	LPH.C07290	Phạm Bá	Đạt	05/08/96		Huyện Quan Hoá	01	1	28.04. 00032	D380107	7.25	2.00	6.75	16.00	16.00	
2486	LPH.C07292	Lò Thị	Nụ	04/07/95	Nữ	Huyện Quan Hoá	01	1	28.04. 00039	D380107	6.00	4.75	7.50	18.25	18.50	
2487	LPH.C07293	Lương Minh	Phúc	20/07/96		Huyện Quan Hoá	01	1	28.04. 00037	D380101	2.00	1.00	4.50	7.50	7.50	
2488	LPH.C07294	Lương Văn	Tám	03/02/96		Huyện Quan Hoá	01	1	28.04. 00033	D380107	5.00	5.75	7.00	17.75	18.00	
2489	LPH.C07295	Hà Linh	Trang	20/12/96	Nữ	Huyện Quan Hoá	01	1	28.04. 00031	D380107	6.50	2.00	7.50	16.00	16.00	
2490	LPH.C07297	Lương Thị	Lâm	03/07/93	Nữ	Huyện Quan Sơn	01	1	28.05. 00040	D380101	6.25	3.00	5.50	14.75	15.00	
2491	LPH.C07302	Ngân Văn	Cường	17/10/96		Huyện Thường Xuân	01	1	28.08. 00051	D380107	7.50	5.25	7.00	19.75	20.00	
2492	LPH.C07303	Lê Thị	Lân	10/11/94	Nữ	Huyện Thường Xuân		1	28.08. 00048	D380101	7.00	7.50	8.25	22.75	23.00	
2493	LPH.C07306	Nguyễn Tuấn	Anh	22/06/96		Huyện Như Xuân		1	28.09. 00056	D380101	1.75	1.00	3.00	5.75	6.00	
2494	LPH.C07307	Hoàng Xuân	Cảnh	17/12/96		Huyện Như Xuân		1	28.09. 00067	D380101	2.50	2.50	6.00	11.00	11.00	
2495	LPH.C07309	Lê Thị	Hạnh	06/03/96	Nữ	Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00064	D380101	2.00	2.75	5.50	10.25	10.50	
2496	LPH.C07310	Nguyễn Thị	Hằng	14/03/96	Nữ	Huyện Như Xuân		1	28.09. 00063	D380107	2.00	1.00	6.00	9.00	9.00	
2497	LPH.C07311	Bùi Thị	Huê	16/07/96	Nữ	Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00070	D380107	2.75	2.25	4.50	9.50	9.50	
2498	LPH.C07313	Phạm Thị Việt	Hương	04/07/96	Nữ	Huyện Như Xuân		1	28.09. 00066	D380107	8.50	7.75	8.00	24.25	24.50	
2499	LPH.C07314	Lê Thị	Lan	06/06/96	Nữ	Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00071	D380101	8.50	5.75	7.50	21.75	22.00	
2500	LPH.C07315	Bùi Huyền	Linh	15/02/96	Nữ	Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00057	D380101	3.75	0.50	4.00	8.25	8.50	
2501	LPH.C07316	Lê Thị	Minh	02/08/96	Nữ	Huyện Như Xuân		1	28.09. 00061	D380101	3.75	3.50	5.50	12.75	13.00	
2502	LPH.C07317	Lê Thị	Minh	07/10/96	Nữ	Huyện Như Xuân		1	28.09. 00072	D380101	8.00	3.75	6.00	17.75	18.00	
2503	LPH.C07318	Lê Trung	Nghĩa	26/10/96		Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00073	D380101	1.25	0.75	2.00	4.00	4.00	
2504	LPH.C07320	Lê Thị	Quỳnh	15/01/96	Nữ	Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00058	D380107	6.75	5.25	6.50	18.50	18.50	
2505	LPH.C07322	Bùi Thị	Thanh	16/06/96	Nữ	Huyện Như Xuân		1	28.09. 00062	D380107	6.50	2.50	7.00	16.00	16.00	
2506	LPH.C07323	Hà Văn	Tĩnh	16/03/96		Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00074	D380101	2.50	1.25	4.00	7.75	8.00	
2507	LPH.C07325	Lê Công	Văn	08/09/96		Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00053	D380101	6.75	3.25	5.50	15.50	15.50	
2508	LPH.C07330	Hoàng Thị	Trang	05/02/96	Nữ	Huyện Như Thanh		1	28.10. 00079	D380101	8.25	5.75	7.00	21.00	21.00	
2509	LPH.C07331	Lê Bá	Trí	26/03/95		Huyện Như Thanh		1	28.10. 00081	D380101	5.00	4.00	7.50	16.50	16.50	
2510	LPH.C07332	Nguyễn Thị	Hà	11/08/95	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.12. 00084	D380101	2.00	1.00	5.00	8.00	8.00	
2511	LPH.C07337	Lê Thị	Trang	25/12/95	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.12. 00089	D380107	1.00	1.50	1.50	4.00	4.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2512	LPH.C07338	Bùi Thị	Tuyết	23/03/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.12. 00088	D380101	1.75	3.50	6.25	11.50	11.50	
2513	LPH.C07339	Nguyễn Đình	Cầu	06/08/95		Huyện Thạch Thành	01	1	28.13. 00102	D380107	4.00	1.75	3.25	9.00	9.00	
2514	LPH.C07340	Tào Văn	Duyên	13/03/94		Huyện Thạch Thành		1	28.13. 00105	D380101	3.00	3.50	5.00	11.50	11.50	
2515	LPH.C07341	Nguyễn Thị	Hà	22/08/95	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28.13. 00098	D380101	6.50	3.00	7.50	17.00	17.00	
2516	LPH.C07343	Bùi Văn	Hân	03/02/96		Huyện Thạch Thành	01	1	28.13. 00103	D380101	5.00	3.25	7.00	15.25	15.50	
2517	LPH.C07344	Quách Thị	Hiên	14/09/95	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28.13. 00096	D380101	8.75	5.25	6.50	20.50	20.50	
2518	LPH.C07346	Bùi Thị	Hương	04/04/96	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28.13. 00095	D380101	3.25	3.00	8.00	14.25	14.50	
2519	LPH.C07347	Lê Duy	Khánh	08/02/96		Huyện Thạch Thành		1	28.13. 00097	D380101	2.25	2.50	3.50	8.25	8.50	
2520	LPH.C07350	Quách Thị	Thảo	06/06/96	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28.13. 00099	D380101	6.75	3.75	7.00	17.50	17.50	
2521	LPH.C07351	Bùi Minh	Thiên	04/04/93		Huyện Thạch Thành	01	1	28.13. 00100	D380107	3.75	3.50	4.00	11.25	11.50	
2522	LPH.C07354	Trịnh Thanh	Loan	21/02/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.14. 00112	D380101	1.00	4.50	7.00	12.50	12.50	
2523	LPH.C07358	Đỗ Thị Kim	Giang	19/07/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.15. 00120	D380107	6.25	5.25	6.50	18.00	18.00	
2524	LPH.C07359	An Thị	Quỳnh	16/04/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.15. 00122	D380107	3.25	2.25	5.00	10.50	10.50	
2525	LPH.C07360	Nguyễn Ngọc	Trang	18/10/93	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.15. 00123	D380107	5.50	4.75	5.00	15.25	15.50	
2526	LPH.C07361	Nguyễn Thị Thu	Trà	13/07/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.15. 00117	D380101	6.25	3.25	5.50	15.00	15.00	
2527	LPH.C07364	Lê Thị	Hường	20/10/95	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.17. 00128	D380101	8.75	5.75	7.75	22.25	22.50	
2528	LPH.C07366	Nguyễn Thúc	Anh	15/11/94	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00143	D380101	4.75	3.50	7.00	15.25	15.50	
2529	LPH.C07367	Nguyễn Thị	Châu	08/05/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00138	D380101	7.50	7.00	8.00	22.50	22.50	
2530	LPH.C07368	Mai Thị	Dung	20/01/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00148	D380107	1.75	2.50	6.25	10.50	10.50	
2531	LPH.C07370	Đào Thị	Hương	18/11/94	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00147	D380101	7.00	7.25	7.50	21.75	22.00	
2532	LPH.C07371	Nguyễn Văn	Khương	01/05/96		Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00132	D380101	5.50	5.50	6.50	17.50	17.50	
2533	LPH.C07372	Lê Thị	Lan	23/01/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00137	D380101	7.50	6.50	7.00	21.00	21.00	
2534	LPH.C07373	Nguyễn Thị	Loan	05/05/95	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00145	D380101	6.00	4.00	6.75	16.75	17.00	
2535	LPH.C07375	Lê Công	Quý	25/10/95		Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00142	D380107	1.00	1.25	4.00	6.25	6.50	
2536	LPH.C07377	Lê Sỹ	Thanh	15/02/95		Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00133	D380107	1.25	0.75	2.50	4.50	4.50	
2537	LPH.C07379	Vũ Thị	Thủy	02/03/95	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00150	D380107	8.00	4.75	7.25	20.00	20.00	
2538	LPH.C07381	Dương Thị	Tú	07/07/94	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.19. 00151	D380107	3.75	3.50	5.75	13.00	13.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2539	LPH.C07384	Nguyễn Xuân	Phương	13/03/94		Huyện Hà Trung		2NT	28.21. 00162	D380107	2.50	2.75	5.00	10.25	10.50	
2540	LPH.C07385	Vũ Xuân	Sang	01/10/90		Huyện Hà Trung		2NT	28.21. 00161	D380107	3.00	1.75	5.00	9.75	10.00	
2541	LPH.C07386	Nguyễn Xuân	Tiến	18/01/96		Huyện Hậu Lộc		2NT	28.21. 00160	D380101	4.75	2.25	4.50	11.50	11.50	
2542	LPH.C07388	Trần Thị Thuỳ	Dương	10/05/95	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.22. 00170	D380101	6.50	6.25	6.00	18.75	19.00	
2543	LPH.C07389	Lê Thị	Hội	03/03/95	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.22. 00171		4.00	5.00	8.00	17.00	17.00	
2544	LPH.C07390	Nguyễn Thị	Huyền	05/05/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.22. 00165	D380101	1.50	3.50	5.75	10.75	11.00	
2545	LPH.C07392	Chu Hoài	Thương	22/03/95	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.22. 00172	D380101	8.00	7.00	8.00	23.00	23.00	
2546	LPH.C07393	Trần Hữu	Tiến	03/08/96		Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.22. 00174	D380101	0.75	1.25	3.00	5.00	5.00	
2547	LPH.C07394	Dương Thị Vân	Anh	10/08/95	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.23. 00175	D380101	6.00	3.50	7.50	17.00	17.00	
2548	LPH.C07395	Trần Văn	Duy	21/06/96		Huyện Nga Sơn		2NT	28.23. 00181	D380107	1.75	1.50	4.50	7.75	8.00	
2549	LPH.C07396	Nguyễn Văn	Hiếu	12/06/95		Huyện Nga Sơn		2NT	28.23. 00178	D380101	2.50	3.00	4.50	10.00	10.00	
2550	LPH.C07397	Mai Thị	Trang	10/12/95	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.23. 00176	D380101	6.75	6.75	8.00	21.50	21.50	
2551	LPH.C07398	Đỗ Thị	Bình	03/02/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00190	D380101	4.50	2.50	4.50	11.50	11.50	
2552	LPH.C07400	Trần Thị	Hương	24/05/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00197	D380107	1.00	2.00	6.00	9.00	9.00	
2553	LPH.C07401	Trần Nhật	Lệ	15/01/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00194	D380101	2.50	1.50	5.50	9.50	9.50	
2554	LPH.C07402	Nguyễn Thị	Liên	23/03/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00191	D380101	6.75	5.00	5.50	17.25	17.50	
2555	LPH.C07403	Đỗ Thị	Lụa	07/04/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00192	D380101	6.25	4.00	7.25	17.50	17.50	
2556	LPH.C07404	Nguyễn Thị	Phương	25/05/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00195	D380101	7.00	5.25	7.00	19.25	19.50	
2557	LPH.C07405	Ngô Thị	Thùy	21/09/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00196	D380101	1.00	3.25	7.50	11.75	12.00	
2558	LPH.C07406	Nguyễn Thị	Xuân	25/06/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00193	D380101	7.00	6.50	7.75	21.25	21.50	
2559	LPH.C07407	Phạm Thị	Diện	16/08/95	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.25. 00211	D380107	4.25	4.00	5.00	13.25	13.50	
2560	LPH.C07408	Trần Trọng	Đức	20/06/94		Huyện Quảng Xương		2NT	28.25. 00213	D380101	5.00	4.50	3.50	13.00	13.00	
2561	LPH.C07411	Lê Thị	Chiến	27/09/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00222	D380101	0.75	2.00	5.50	8.25	8.50	
2562	LPH.C07412	Hoàng Anh	Dũng	27/12/93		Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00221	D380101	6.75	4.50	6.50	17.75	18.00	
2563	LPH.C07413	Lê Nhật	Giang	02/06/94		Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00223	D380101	2.75	1.75	5.50	10.00	10.00	
2564	LPH.C07414	Quách Thị	Dung	04/01/95	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	06	2NT	28.27. 00236	D380107	1.25	2.50	4.00	7.75	8.00	
2565	LPH.C07415	Nguyễn Thị	Huyền	07/08/95	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.27. 00229	D380101	7.50	5.50	7.50	20.50	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2566	LPH.C07416	Nguyễn Thị	Lâm	09/02/95	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.27. 00235	D380107	4.25	5.25	7.50	17.00	17.00	
2567	LPH.C07417	Nguyễn Thị	Nường	25/04/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.27. 00232	D380101	1.25	1.25	3.50	6.00	6.00	
2568	LPH.C07419	Hoàng Thị	Quỳnh	12/12/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		2NT	28.27. 00230	D380101	2.75	6.25	7.00	16.00	16.00	
2569	LPH.C07420	Đoàn Thị	Thúy	22/03/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		2NT	28.27. 00233	D380101	9.25	6.50	8.00	23.75	24.00	
2570	LPH.C07422	Trương Diệu	Liên	18/07/96	Nữ	Huyện Như Thanh	01	1	28.28. 00242	D380101	6.75	5.75	7.00	19.50	19.50	
2571	LPH.C07424	Trương Phương	Thảo	02/07/96	Nữ	Huyện Bá Thước	01	1	28.28. 00243	D380101	6.25	4.25	6.75	17.25	17.50	
2572	LPH.C07425	Hà Thị Tuyết	Trình	13/10/96	Nữ	Huyện Quan Sơn	01	1	28.28. 00244	D380101	6.75	5.00	6.50	18.25	18.50	
2573	LPH.C07426	Lò Thị	Tuyết	29/03/96	Nữ	Huyện Lang Chánh	01	1	28.28. 00246	D380101	7.75	6.50	7.75	22.00	22.00	
2574	LPH.C07436	Vũ Khánh	Ly	11/01/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00268	D380101	6.25	3.50	6.50	16.25	16.50	
2575	LPH.C07437	Đỗ Kiều	Nga	03/07/95	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2	28.29. 00272	D380107	5.75	7.25	7.00	20.00	20.00	
2576	LPH.C07438	Phạm Thu	Ngân	04/01/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00263	D380101	6.50	.	.	6.50	6.50	VPQC
2577	LPH.C07443	Đỗ Thị Mai	Chi	13/12/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00322	D380101	7.25	5.75	7.00	20.00	20.00	
2578	LPH.C07445	Trương Thị	Chuyên	16/02/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá	06	2	28.31. 00368	D380101	7.00	4.50	7.00	18.50	18.50	
2579	LPH.C07446	Ngô Duy	Hùng	19/06/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00350	D380101	8.75	6.50	8.00	23.25	23.50	
2580	LPH.C07447	Lê Huyền	Trang	14/09/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00366	D380101	6.75	5.50	7.00	19.25	19.50	
2581	LPH.C07449	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/06/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.32. 00371	D380101	1.25	2.75	7.50	11.50	11.50	
2582	LPH.C07450	Nguyễn Thị	Phương	22/09/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.33. 00373	D380101	4.25	3.00	7.00	14.25	14.50	
2583	LPH.C07451	Trịnh Thị Thu	Phương	15/02/95	Nữ	Thị xã Bỉm Sơn		2	28.35. 00388	D380107	8.50	5.75	7.00	21.25	21.50	
2584	LPH.C07452	Trương Hà	Nam	05/11/96		Huyện Bá Thước	01	1	28.36. 00389	D380101	5.00	1.75	4.50	11.25	11.50	
2585	LPH.C07453	Bùi Thuỷ	Tuyên	18/11/96	Nữ	Huyện Bá Thước	01	1	28.36. 00390	D380107	3.25	1.50	4.50	9.25	9.50	
2586	LPH.C07454	Bùi Thị	Xuân	05/02/96	Nữ	Huyện Bá Thước	01	1	28.36. 00391	D380101	4.50	3.00	5.50	13.00	13.00	
2587	LPH.C07455	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/10/96	Nữ	Huyện Bá Thước	01	1	28.37. 00398	D380107	0.75	2.50	5.00	8.25	8.50	
2588	LPH.C07456	Nguyễn Thị	Hương	06/03/96	Nữ	Huyện Bá Thước	01	1	28.37. 00396	D380101	0.25	1.50	3.50	5.25	5.50	
2589	LPH.C07457	Phạm Thị	Nga	07/12/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.37. 00393	D380101	3.50	4.50	6.00	14.00	14.00	
2590	LPH.C07459	Bùi Thị	Thanh	06/11/96	Nữ	Huyện Bá Thước	01	1	28.37. 00394	D380101	1.25	1.50	5.00	7.75	8.00	
2591	LPH.C07460	Bùi Thị	Tuyến	08/10/95	Nữ	Huyện Bá Thước	01	1	28.37. 00397	D380101	7.25	6.25	6.00	19.50	19.50	
2592	LPH.C07461	Lê Thị	Dung	06/06/95	Nữ	Huyện Thường Xuân		1	28.38. 00399	D380101	2.00	2.75	7.00	11.75	12.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2593	LPH.C07462	Nguyễn Văn	Đức	20/07/96		Huyện Thường Xuân		1	28.38. 00406	D380101	1.75	2.75	6.00	10.50	10.50	
2594	LPH.C07463	Cầm Thị	Hạnh	04/03/96	Nữ	Huyện Thường Xuân	01	1	28.38. 00401	D380101	2.00	1.00	5.00	8.00	8.00	
2595	LPH.C07465	Lê Thị	Quyên	20/01/96	Nữ	Huyện Thường Xuân		1	28.38. 00404	D380101	6.50	3.25	6.00	15.75	16.00	
2596	LPH.C07466	Lê Thị	Thanh	15/03/96	Nữ	Huyện Thường Xuân		1	28.38. 00400	D380101	6.25	4.50	5.50	16.25	16.50	
2597	LPH.C07469	Bùi Thị	Hoài	02/06/96	Nữ	Huyện Như Thanh	01	1	28.40. 00410	D380107	5.50	5.75	7.00	18.25	18.50	
2598	LPH.C07470	Lê Thị	Sen	05/08/96	Nữ	Huyện Như Thanh		1	28.40. 00415	D380107	7.00	4.00	7.00	18.00	18.00	
2599	LPH.C07471	Nguyễn Thị	Thảo	09/12/96	Nữ	Huyện Như Thanh		1	28.40. 00413	D380107	4.00	3.50	6.75	14.25	14.50	
2600	LPH.C07473	Hà Thị	Trang	20/12/96	Nữ	Huyện Như Thanh	01	1	28.40. 00412	D380107	4.75	2.00	6.50	13.25	13.50	
2601	LPH.C07474	Đoàn Thị	Tuyết	14/02/96	Nữ	Huyện Như Thanh		1	28.40. 00414	D380107	4.00	3.50	6.00	13.50	13.50	
2602	LPH.C07478	Phạm Văn	Chiểu	09/09/96		Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.42. 00439	D380101	0.50	0.50	1.00	2.00	2.00	
2603	LPH.C07481	Phạm Văn	Hoàn	06/10/96		Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00427	D380101	1.00	2.50	3.50	7.00	7.00	
2604	LPH.C07482	Hà Thị	Hường	13/09/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.42. 00436	D380107	6.00	5.75	5.00	16.75	17.00	
2605	LPH.C07483	Dương Thị	Ngân	17/08/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00432	D380107	5.00	3.00	7.25	15.25	15.50	
2606	LPH.C07484	Lê Văn	Oanh	18/02/93		Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00421	D380101	2.00	2.50	4.00	8.50	8.50	
2607	LPH.C07488	Ngô Thị Hà	Thu	08/10/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00426	D380101	3.25	2.25	4.50	10.00	10.00	
2608	LPH.C07490	Lê Sỹ	Tùng	07/07/96		Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00428	D380101	5.50	3.00	4.00	12.50	12.50	
2609	LPH.C07491	Mai Thị Hà	Vi	06/09/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00434	D380101	4.75	3.00	5.50	13.25	13.50	
2610	LPH.C07492	Hà Thị	Xinh	11/05/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.42. 00438	D380107	2.00	1.25	4.50	7.75	8.00	
2611	LPH.C07493	Nguyễn Hải	Yến	25/08/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		1	28.42. 00429	D380107	4.50	2.50	5.50	12.50	12.50	
2612	LPH.C07494	Lê Thị	Duyên	23/11/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.43. 00446	D380101	5.75	6.75	7.00	19.50	19.50	
2613	LPH.C07495	Bùi Thị	Học	10/11/95	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.43. 00443	D380101	7.50	7.25	7.00	21.75	22.00	
2614	LPH.C07496	Phạm Thị	Ly	03/09/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.43. 00445	D380101	7.25	4.00	7.00	18.25	18.50	
2615	LPH.C07497	Đỗ Như	Quỳnh	05/01/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		1	28.43. 00444	D380101	1.75	4.00	5.50	11.25	11.50	
2616	LPH.C07498	Bùi Văn	Bính	03/01/96		Huyện Thạch Thành	01	1	28.44. 00452	D380101	6.00	2.50	4.50	13.00	13.00	
2617	LPH.C07499	Bùi Thị Mỹ	Duyên	02/08/96	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28.44. 00453	D380101	7.25	2.75	6.25	16.25	16.50	
2618	LPH.C07501	Nguyễn Thị	Hằng	10/06/96	Nữ	Huyện Thạch Thành		1	28.44. 00451	D380101	7.00	4.00	7.25	18.25	18.50	
2619	LPH.C07502	Đinh Thị	Hồng	15/11/96	Nữ	Huyện Thạch Thành		1	28.44. 00456	D380107	7.00	2.25	7.25	16.50	16.50	

Đã ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2620	LPH.C07504	Bùi Thị	Lương	20/02/96	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	1	28.44. 00461	D380107	7.25	4.50	6.25	18.00	18.00	
2621	LPH.C07505	Hoàng Thị	Sen	06/03/96	Nữ	Huyện Thạch Thành		1	28.44. 00460	D380107	7.25	5.25	5.75	18.25	18.50	
2622	LPH.C07508	Trương Mỹ	Hạnh	19/05/96	Nữ	Huyện Thạch Thành		1	28.45. 00463	D380101	2.50	1.50	5.00	9.00	9.00	
2623	LPH.C07509	Lê Thị	Trang	08/11/96	Nữ	Huyện Thạch Thành		1	28.45. 00466	D380101	5.25	3.75	5.00	14.00	14.00	
2624	LPH.C07511	Nguyễn Thị Kiều	Anh	06/09/95	Nữ	Huyện Cẩm Thủy		1	28.46. 00475	D380101	4.50	4.00	7.50	16.00	16.00	
2625	LPH.C07512	Lê Thị Lam	Chiều	10/05/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.46. 00472	D380101	5.25	2.00	5.50	12.75	13.00	
2626	LPH.C07513	Quách Thị	Dung	28/07/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.46. 00474	D380101	6.25	6.00	7.25	19.50	19.50	
2627	LPH.C07514	Phạm Thị	Hoan	19/02/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.46. 00473	D380101	3.25	3.50	7.50	14.25	14.50	
2628	LPH.C07516	Đồng Thị Hà	My	05/05/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy		1	28.46. 00476	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
2629	LPH.C07519	Trương Thị	Phương	18/08/95	Nữ	Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.47. 00479	D380101	2.00	1.75	5.75	9.50	9.50	
2630	LPH.C07520	Nguyễn Thị Huyền	Trang	30/05/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy	01	1	28.47. 00481	D380101	4.50	2.50	5.00	12.00	12.00	
2631	LPH.C07521	Lê Thị Phương	Thảo	07/04/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.48. 00487	D380101	5.50	4.25	7.50	17.25	17.50	
2632	LPH.C07523	Trịnh Thị Ngọc	Anh	09/03/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.49. 00494	D380101	5.50	5.50	4.75	15.75	16.00	
2633	LPH.C07525	Lưu Xuân	Ngọc	09/12/96		Huyện Thọ Xuân		2NT	28.49. 00496	D380107	4.25	2.25	7.00	13.50	13.50	
2634	LPH.C07528	Phan Thảo	Linh	20/04/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.50. 00500	D380107	6.00	6.50	7.75	20.25	20.50	
2635	LPH.C07531	Lê Thị Bích	Đào	03/08/96	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc		2NT	28.52. 00507	D380107	6.00	3.75	7.50	17.25	17.50	
2636	LPH.C07533	Lê Thị	Thắng	21/04/96	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc		2NT	28.52. 00508	D380107	7.00	4.25	7.50	18.75	19.00	
2637	LPH.C07535	Nguyễn Thị	Hương	18/02/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.55. 00514	D380101	7.75	4.75	3.25	15.75	16.00	
2638	LPH.C07536	Phùng Thu	Thủy	07/07/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.55. 00515	D380101	8.00	7.25	7.75	23.00	23.00	
2639	LPH.C07537	Nguyễn Thị	Oanh	16/09/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.56. 00522	D380101	2.00	1.50	6.00	9.50	9.50	
2640	LPH.C07538	Bùi Thị	Hạnh	11/08/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.57. 00526	D380101	7.00	1.50	5.00	13.50	13.50	
2641	LPH.C07539	Tống Thị	Hằng	15/06/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.57. 00529	D380101	7.75	3.25	7.50	18.50	18.50	
2642	LPH.C07540	Lê Thị	Hương	10/06/96	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.57. 00525	D380101	6.75	5.50	8.75	21.00	21.00	
2643	LPH.C07542	Lê Thị	Oanh	08/10/95	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.57. 00530	D380107	8.50	5.50	8.50	22.50	22.50	
2644	LPH.C07543	Lê Thị	Trang	28/04/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.57. 00527	D380101	9.25	7.50	8.50	25.25	25.50	
2645	LPH.C07545	Lê Văn	Hưng	08/05/96		Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.58. 00534	D380101	4.75	3.25	6.00	14.00	14.00	
2646	LPH.C07546	Nguyễn Thị	Yến	02/10/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.58. 00536	D380107	2.50	4.00	7.00	13.50	13.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2647	LPH.C07548	Lê Thị	Hảo	25/04/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.59. 00540	D380101	3.00	2.00	5.25	10.25	10.50	
2648	LPH.C07552	Trịnh Thị	Lài	21/08/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.61. 00546	D380101	9.25	6.50	8.50	24.25	24.50	
2649	LPH.C07553	Lê Thị	Vân	19/08/96	Nữ	Huyện Như Thanh		2NT	28.61. 00547	D380101	8.00	7.50	7.75	23.25	23.50	
2650	LPH.C07554	Hà Thị Linh	Chi	08/05/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn	06	2NT	28.62. 00555	D380101	7.50	4.25	7.00	18.75	19.00	
2651	LPH.C07555	Nguyễn Thị	Dung	24/08/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.62. 00552	D380101	6.50	6.75	6.25	19.50	19.50	
2652	LPH.C07556	Trần Thị Thanh	Ngân	20/12/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.62. 00549	D380101	7.25	4.00	7.00	18.25	18.50	
2653	LPH.C07557	Lê Thị Thu	Phượng	17/08/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.62. 00554	D380107	7.25	4.50	7.00	18.75	19.00	
2654	LPH.C07559	Ngô Thị	Huệ	19/05/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.63. 00562	D380101	8.25	6.00	7.00	21.25	21.50	
2655	LPH.C07560	Đỗ Thị	Nhài	22/02/96	Nữ	Huyện Nông Cống	06	2NT	28.63. 00564	D380107	5.75	3.50	7.00	16.25	16.50	
2656	LPH.C07561	Lê Thị Quỳnh	Như	02/11/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.63. 00563	D380101	5.50	7.00	8.00	20.50	20.50	
2657	LPH.C07562	Nguyễn Thị	Trang	12/10/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.64. 00568	D380101	4.25	1.25	5.00	10.50	10.50	
2658	LPH.C07563	Nguyễn Văn	Bình	03/05/96		Huyện Nông Cống		2NT	28.65. 00571	D380101	6.50	4.25	6.50	17.25	17.50	
2659	LPH.C07564	Lê Thị	Hà	08/12/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.65. 00572	D380101	7.25	6.00	7.50	20.75	21.00	
2660	LPH.C07565	Trần Thị	Phượng	23/03/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.66. 00573	D380101	7.75	6.00	6.50	20.25	20.50	
2661	LPH.C07570	Lê Thị	Trang	18/09/96	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.68. 00581	D380101	4.25	2.25	6.50	13.00	13.00	
2662	LPH.C07573	Trần Thùy	Giang	12/05/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.69. 00595	D380101	5.50	5.50	7.50	18.50	18.50	
2663	LPH.C07574	Lê Thị	Hiền	08/04/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.69. 00593	D380107	3.25	1.00	5.00	9.25	9.50	
2664	LPH.C07575	Phạm Thị	Hường	18/02/96	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.69. 00594	D380101	3.75	5.00	7.50	16.25	16.50	
2665	LPH.C07576	Lê Thị	Thủy	08/06/95	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.69. 00592	D380101	4.75	2.50	6.50	13.75	14.00	
2666	LPH.C07577	Tạ Thị Thu	Hiền	06/02/96	Nữ	Huyện Hà Trung		1	28.70. 00600	D380101	2.25	3.25	6.50	12.00	12.00	
2667	LPH.C07579	Hà Vi	Loan	20/09/96	Nữ	Huyện Hà Trung		2NT	28.70. 00596	D380101	8.00	4.50	7.50	20.00	20.00	
2668	LPH.C07583	Tô Văn	Tư	18/09/96		Huyện Hà Trung		2NT	28.72. 00607	D380101	5.50	3.25	3.25	12.00	12.00	
2669	LPH.C07587	Lê Thị	Dung	16/03/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.75. 00629	D380101	0.75	1.00	3.50	5.25	5.50	
2670	LPH.C07589	Trần Phú	Tuấn	20/06/96		Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.75. 00630	D380107	3.00	1.00	4.00	8.00	8.00	
2671	LPH.C07590	Lê Thị	Hằng	05/05/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.76. 00642	D380107	6.25	5.00	7.50	18.75	19.00	
2672	LPH.C07591	Nguyễn Thị	Hằng	15/01/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.76. 00643	D380107	6.25	3.50	6.75	16.50	16.50	
2673	LPH.C07592	Nguyễn Thị	Tĩnh	10/02/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.76. 00645	D380101	4.00	1.25	6.00	11.25	11.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2674	LPH.C07594	Mai Thị	Nam	26/03/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.78. 00656	D380101	1.75	3.00	6.50	11.25	11.50	
2675	LPH.C07595	Trần Thị Thu	Giang	08/04/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.81. 00674	D380101	7.25	3.75	8.00	19.00	19.00	
2676	LPH.C07598	Lê Thị	Nhung	25/10/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.81. 00677	D380107	7.25	5.50	7.25	20.00	20.00	
2677	LPH.C07599	Đinh Thị Vân	Quỳnh	10/12/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.81. 00673	D380101	7.50	5.75	7.75	21.00	21.00	
2678	LPH.C07600	Mai Thị	Thư	18/08/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.81. 00675	D380101	6.00	7.00	7.50	20.50	20.50	
2679	LPH.C07603	Phạm Thị	Tuyến	23/08/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.81. 00676	D380107	7.50	4.50	6.50	18.50	18.50	
2680	LPH.C07604	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	03/10/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.82. 00688	D380101	7.50	5.00	4.00	16.50	16.50	
2681	LPH.C07605	Trương Mỹ	Hạnh	10/05/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.82. 00689	D380101	7.00	1.00	4.50	12.50	12.50	
2682	LPH.C07606	Mai Thị	Nam	30/12/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.82. 00692	D380101	7.25	6.25	7.00	20.50	20.50	
2683	LPH.C07609	Trương Thanh	Quỳnh	23/10/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.82. 00687	D380107	7.00	4.50	7.00	18.50	18.50	
2684	LPH.C07611	Trương Thị ánh	Tuyết	21/04/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc	04	2NT	28.82. 00691	D380101	5.00	4.00	6.00	15.00	15.00	
2685	LPH.C07612	Hoàng Thị	Linh	20/08/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.83. 00697	D380101	7.25	4.00	6.00	17.25	17.50	
2686	LPH.C07613	Phạm Diệu	Linh	25/05/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.84. 00708	D380107	5.75	5.75	6.50	18.00	18.00	
2687	LPH.C07614	Phạm Thị	Vân	24/05/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.84. 00707	D380107	6.75	4.00	6.50	17.25	17.50	
2688	LPH.C07616	Lê Văn	Dương	18/02/96		Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.86. 00719	D380101	0.75	2.00	4.50	7.25	7.50	
2689	LPH.C07617	Lê Thị	Hương	20/06/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.86. 00722	D380101	3.25	3.00	7.00	13.25	13.50	
2690	LPH.C07618	Đào Thị	Linh	05/10/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.86. 00721	D380101	1.50	2.75	5.50	9.75	10.00	
2691	LPH.C07619	Nguyễn Thị	Thảo	09/10/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2NT	28.86. 00723	D380107	8.25	7.25	7.75	23.25	23.50	
2692	LPH.C07620	Lê Quỳnh	Trang	18/07/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.86. 00720	D380101	1.00	1.75	6.00	8.75	9.00	
2693	LPH.C07621	Lê Văn	Đức	20/12/96		Huyện Quảng Xương		2NT	28.88. 00727	D380101	5.75	5.00	7.75	18.50	18.50	
2694	LPH.C07622	Nguyễn Thị	Hà	28/02/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.88. 00729	D380101	5.00	3.25	7.50	15.75	16.00	
2695	LPH.C07623	Trần Thị	Hoá	10/05/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.88. 00728	D380101	6.75	4.75	8.00	19.50	19.50	
2696	LPH.C07624	Đậu Thị	Diệu	29/08/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.90. 00734	D380101	4.25	3.00	7.50	14.75	15.00	
2697	LPH.C07626	Lê Thị	Quyên	01/05/95	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		1	28.90. 00733	D380101	4.75	1.75	7.00	13.50	13.50	
2698	LPH.C07627	Phạm Thị	Quỳnh	20/01/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.90. 00736	D380107	6.00	6.50	5.50	18.00	18.00	
2699	LPH.C07628	Hoàng Thị	Thúy	17/12/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.90. 00735	D380107	5.50	2.50	7.50	15.50	15.50	
2700	LPH.C07629	Nguyễn Văn	Anh	05/12/95		Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.91. 00744	D380101	5.50	3.00	7.00	15.50	15.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2701	LPH.C07631	Hoàng Thị	Hồng	20/07/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.91. 00745	D380101	7.00	3.50	6.00	16.50	16.50	
2702	LPH.C07632	Lê Thị	Hương	30/12/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.91. 00747	D380101	5.50	3.50	5.50	14.50	14.50	
2703	LPH.C07633	Lê Thị	Nhung	23/08/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.91. 00749	D380101	6.25	5.50	6.00	17.75	18.00	
2704	LPH.C07634	Hoàng Thị	Phương	11/08/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.91. 00743	D380101	3.50	3.50	7.00	14.00	14.00	
2705	LPH.C07635	Lê Thị	Thảo	30/07/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.91. 00742	D380101	1.25	1.75	5.00	8.00	8.00	
2706	LPH.C07636	Trần Thị Kim	Xuyến	08/02/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.91. 00748	D380101	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00	
2707	LPH.C07637	Nguyễn Thành	Đạt	07/09/96		Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.92. 00751	D380101	3.00	4.00	6.50	13.50	13.50	
2708	LPH.C07638	Lê Thị	Huế	19/05/95	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.92. 00752	D380107	6.00	3.50	6.00	15.50	15.50	
2709	LPH.C07639	Lê Thị	Ngân	20/06/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.93. 00754	D380101	4.50	3.75	4.50	12.75	13.00	
2710	LPH.C07640	Nguyễn Thị	Thi	14/02/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.93. 00755	D380101	3.25	1.50	6.00	10.75	11.00	
2711	LPH.C07643	Nguyễn Thị	Dương	23/08/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00761	D380101	7.50	5.00	7.50	20.00	20.00	
2712	LPH.C07645	Trương Thị Bích	Hồng	27/01/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00765	D380107	7.75	5.50	7.00	20.25	20.50	
2713	LPH.C07646	Lê Thị	Thùy	05/05/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00764	D380107	8.50	8.00	8.00	24.50	24.50	
2714	LPH.C07647	Lê Thị Thu	Hà	05/05/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.95. 00773	D380101	8.50	4.00	7.75	20.25	20.50	
2715	LPH.C07648	Lê Huy	Chung	24/02/96		Huyện Yên Định		2NT	28.97. 00779	D380101	1.00	1.25	2.50	4.75	5.00	
2716	LPH.C07649	Lê Thị	Dung	08/10/95	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.97. 00778	D380101	2.25	1.50	5.50	9.25	9.50	
2717	LPH.C07651	Nguyễn Khắc	Hải	31/05/96		Huyện Yên Định		2NT	28.97. 00782	D380101	1.25	2.00	5.00	8.25	8.50	
2718	LPH.C07655	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	04/06/95	Nữ	Huyện Nghi Lộc		2NT	29.01. 00238	D380107	8.75	5.50	7.00	21.25	21.50	
2719	LPH.C07662	Nguyễn Thị Hoài	Thu	04/07/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00843	D380101	4.25	3.00	5.50	12.75	13.00	
2720	LPH.C07663	Lê Thị Thùy	Dung	15/07/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.03. 00006	D380101	9.00	6.00	7.00	22.00	22.00	
2721	LPH.C07664	Nguyễn Duy	Hùng	05/03/96		Thành phố Vinh		2	29.03. 00005	D380101	3.50	2.50	5.00	11.00	11.00	
2722	LPH.C07665	Nguyễn Thị Khánh	Ly	16/12/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.03. 00008	D380107	8.00	6.00	8.00	22.00	22.00	
2723	LPH.C07666	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	08/01/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.03. 00007	D380107	6.00	4.00	7.50	17.50	17.50	
2724	LPH.C07669	Hồ Thị Lê	Dung	27/12/96	Nữ	Thành phố Vinh	06	2	29.06. 00507	D380107	6.75	8.50	7.00	22.25	22.50	
2725	LPH.C07670	Chu Thị Khánh	Huyền	08/11/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.06. 00514	D380101	8.00	6.00	7.00	21.00	21.00	
2726	LPH.C07675	Hoàng Thị	Thịnh	11/03/96	Nữ	Thành phố Vinh	06	2	29.06. 00509	D380101	7.50	7.50	7.25	22.25	22.50	
2727	LPH.C07677	Nguyễn Mạnh	Tú	19/08/95		Thành phố Vinh		2	29.09. 00106	D380107	0.50	1.00	2.50	4.00	4.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2728	LPH.C07678	Phạm Thuỳ	Linh	05/10/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.11. 00157	D380101	5.00	6.00	4.50	15.50	15.50	
2729	LPH.C07679	Nguyễn Cao	Huy	09/02/95		Thị xã Cửa Lò		2	29.13. 00001	D380101	6.00	4.50	6.00	16.50	16.50	
2730	LPH.C07680	Phùng Thị	Giang	25/06/96	Nữ	Thị xã Cửa Lò		2	29.14. 00235	D380101	5.00	6.25	5.00	16.25	16.50	
2731	LPH.C07681	Nguyễn Phú	Mỹ	20/12/96		Thị xã Cửa Lò		2	29.14. 00236	D380101	2.75	2.50	5.50	10.75	11.00	
2732	LPH.C07682	Nguyễn Thị	Quỳnh	16/06/96	Nữ	Thị xã Cửa Lò		2	29.14. 00237	D380107	3.50	2.00	5.00	10.50	10.50	
2733	LPH.C07683	Đặng Văn	Mùng	20/01/96		Huyện Quỳnh Châu		1	29.16. 00003	D380101	4.25	4.25	4.00	12.50	12.50	
2734	LPH.C07685	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	29/06/96	Nữ	Huyện Quỳnh Châu		1	29.16. 00001	D380101	6.75	4.75	6.25	17.75	18.00	
2735	LPH.C07687	Nguyễn Thị	Nghĩa	25/09/96	Nữ	Huyện Quỳnh Hợp		1	29.17. 00195	D380101	4.00	3.00	4.50	11.50	11.50	
2736	LPH.C07688	Vi Văn	Hiệp	25/12/96		Huyện Quỳnh Hợp	01	1	29.18. 00016	D380107	5.00	2.00	5.00	12.00	12.00	
2737	LPH.C07689	Cao Văn	Trung	21/03/96		Huyện Quỳnh Hợp	01	1	29.18. 00018	D380101	3.75	2.50	4.50	10.75	11.00	
2738	LPH.C07690	Hà Văn	Cảnh	15/02/95		Huyện Quỳnh Hợp	01	1	29.19. 00231	D380101	4.25	1.25	5.00	10.50	10.50	
2739	LPH.C07692	Cao Thị	Thương	10/01/96	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		1	29.21. 00215	D380101	6.75	6.50	7.75	21.00	21.00	
2740	LPH.C07694	Lê Thị	Xuân	24/01/95	Nữ	Huyện Nghĩa Đàn	01	1	29.22. 00073	D380101	6.00	4.00	6.50	16.50	16.50	
2741	LPH.C07695	Võ Thị Hồng	Nhung	21/10/95	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		1	29.23. 00104	D380101	4.00	3.75	7.00	14.75	15.00	
2742	LPH.C07696	Hồ Thị	Nhung	25/06/96	Nữ	Huyện Nghĩa Đàn		1	29.24. 00223	D380101	3.75	4.25	5.50	13.50	13.50	
2743	LPH.C07698	Nguyễn Sỹ Quang	Trung	10/04/96		Huyện Nghĩa Đàn		1	29.24. 00178	D380101	5.50	2.00	5.00	12.50	12.50	
2744	LPH.C07700	Vũ Thị Hồng	Gấm	25/12/95	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.28. 00468	D380101	9.00	6.25	8.50	23.75	24.00	
2745	LPH.C07701	Đậu Thị	Hoa	17/03/95	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.28. 00165	D380101	6.50	4.50	6.00	17.00	17.00	
2746	LPH.C07702	Phạm Thị	Thắm	20/03/95	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.28. 00465	D380101	4.75	5.00	4.50	14.25	14.50	
2747	LPH.C07703	Hồ Hữu	Thắng	02/09/95		Thị Xã Hoàng Mai		2NT	29.28. 00845	D380107	5.75	3.00	5.00	13.75	14.00	
2748	LPH.C07704	Trần Thị	Hồng	06/02/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu	06	2NT	29.29. 00309	D380107	7.75	6.75	6.75	21.25	21.50	
2749	LPH.C07705	Nguyễn Thị Thùy	Linh	18/01/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00308	D380107	5.50	3.75	5.75	15.00	15.00	
2750	LPH.C07706	Hồ Thị	Huệ	27/09/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.31. 00513	D380107	4.50	4.50	4.75	13.75	14.00	
2751	LPH.C07707	Hồ Thị	Ngân	06/05/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.31. 00612	D380101	8.25	6.25	7.25	21.75	22.00	
2752	LPH.C07709	Nguyễn Thị	Mến	28/02/96	Nữ	Thị Xã Hoàng Mai		2NT	29.34. 00262	D380107	1.75	6.00	5.50	13.25	13.50	
2753	LPH.C07710	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	09/08/96	Nữ	Thị Xã Hoàng Mai		2NT	29.34. 00263	D380107	8.25	6.00	6.50	20.75	21.00	
2754	LPH.C07711	Bùi Duy	Bắc	18/04/95		Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.35. 00064	D380107	3.50	3.50	4.00	11.00	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2755	LPH.C07712	Nguyễn Thị Mai	Uyên	27/06/93	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.35. 00015	D380107	2.25	4.00	7.00	13.25	13.50	
2756	LPH.C07714	Tống Khánh	Linh	13/03/96	Nữ	Huyện Con Cuông		1	29.42. 00331	D380101	8.00	5.50	7.00	20.50	20.50	
2757	LPH.C07716	Nguyễn Thị Hoài	Thương	04/08/96	Nữ	Huyện Con Cuông		1	29.42. 00332	D380101	6.75	8.00	6.50	21.25	21.50	
2758	LPH.C07717	Trương Thị	Uyên	15/02/96	Nữ	Huyện Con Cuông		1	29.42. 00337	D380101	8.50	5.50	7.25	21.25	21.50	
2759	LPH.C07719	Nguyễn Thị	Công	15/09/96	Nữ	Huyện Tân Kỳ		1	29.44. 00283	D380107	8.00	7.50	7.50	23.00	23.00	
2760	LPH.C07720	Nguyễn Thị	Thảo	30/09/96	Nữ	Huyện Tân Kỳ	06	1	29.44. 00284	D380101	7.50	7.50	6.50	21.50	21.50	
2761	LPH.C07721	Trần Thị	Oanh	06/12/96	Nữ	Huyện Tân Kỳ		1	29.45. 00241	D380101	4.75	5.00	8.00	17.75	18.00	
2762	LPH.C07722	Phan Thị Hà	Phương	26/12/96	Nữ	Huyện Tân Kỳ		1	29.45. 00522	D380101	1.75	2.50	7.50	11.75	12.00	
2763	LPH.C07723	Hà Văn	Đạt	16/07/95		Huyện Tân Kỳ		1	29.46. 00149	D380101	7.50	5.75	5.00	18.25	18.50	
2764	LPH.C07725	Nguyễn Thị	Mơ	15/10/95	Nữ	Huyện Tân Kỳ	04	1	29.46. 00151	D380101	7.00	4.50	7.00	18.50	18.50	
2765	LPH.C07727	Nguyễn Thị	Thanh	18/06/96	Nữ	Huyện Tân Kỳ		1	29.47. 00118	D380101	8.00	4.75	5.00	17.75	18.00	
2766	LPH.C07728	Nguyễn Thị	Thảo	18/06/96	Nữ	Huyện Tân Kỳ		1	29.47. 00145	D380101	8.75	4.00	5.00	17.75	18.00	
2767	LPH.C07730	Doãn Thanh Thùy	Duyên	15/10/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.48. 00447	D380101	8.75	6.25	8.00	23.00	23.00	
2768	LPH.C07732	Nguyễn Thị	Hòa	08/03/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.48. 00457	D380107	7.25	5.00	7.75	20.00	20.00	
2769	LPH.C07734	Nguyễn Thị	Nhung	05/03/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.48. 00156	D380101	8.25	5.00	8.50	21.75	22.00	
2770	LPH.C07735	Đặng Thị	Quý	30/06/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.48. 00406	D380107	7.50	5.25	7.50	20.25	20.50	
2771	LPH.C07738	Nguyễn Thị	Nhâm	09/08/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.49. 00587	D380107	4.25	1.00	6.00	11.25	11.50	
2772	LPH.C07739	Nguyễn Thị	Tâm	22/05/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.49. 00369	D380101	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	
2773	LPH.C07740	Cù Minh	Lưu	20/04/95		Huyện Yên Thành		2NT	29.51. 00260	D380101	5.75	2.50	5.00	13.25	13.50	
2774	LPH.C07741	Trần Thị	Lương	13/10/96	Nữ	Huyện Yên Thành		1	29.52. 00166	D380107	8.75	4.75	5.50	19.00	19.00	
2775	LPH.C07742	Nguyễn Thị	Thương	30/11/96	Nữ	Huyện Yên Thành		1	29.52. 00165	D380107	7.00	5.50	7.00	19.50	19.50	
2776	LPH.C07743	Phạm Thanh	Huyền	25/04/95	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.53. 00386	D380101	3.75	2.25	6.50	12.50	12.50	
2777	LPH.C07744	Đặng Thị	Lộc	09/08/95	Nữ	Huyện Yên Thành		1	29.53. 00388	D380101	7.75	4.50	7.00	19.25	19.50	
2778	LPH.C07745	Trần Văn	Trường	07/08/94		Huyện Yên Thành		1	29.53. 00387	D380101	3.75	2.50	4.50	10.75	11.00	
2779	LPH.C07749	Nguyễn Thị Diệu	Linh	16/02/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.55. 00004	D380101	5.50	5.00	7.00	17.50	17.50	
2780	LPH.C07750	Đậu Phương	Nam	06/11/96		Huyện Diễn Châu		2NT	29.55. 00072	D380101	4.00	1.00	4.50	9.50	9.50	
2781	LPH.C07751	Nguyễn Công	Giang	21/05/96		Huyện Diễn Châu		2NT	29.56. 00269	D380107	5.75	6.50	8.00	20.25	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2782	LPH.C07753	Đặng Minh	Vương	27/10/95		Huyện Diễn Châu		2NT	29.59. 00074	D380101	5.75	5.00	6.50	17.25	17.50	
2783	LPH.C07754	Lê Thị	Đông	04/05/95	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.60. 00062	D380101	2.00	2.00	6.50	10.50	10.50	
2784	LPH.C07755	Nguyễn Lê Phương	Thảo	21/04/94	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.60. 00776	D380101	7.50	5.50	6.50	19.50	19.50	
2785	LPH.C07757	Đinh Thị Thục	Hiên	03/07/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.61. 00426	D380101	7.75	6.50	7.00	21.25	21.50	
2786	LPH.C07758	Trần Thị Hà	Sương	27/11/96	Nữ	Huyện Anh Sơn		1	29.64. 00563	D380101	4.75	4.25	6.25	15.25	15.50	
2787	LPH.C07759	Nguyễn Thị	Thảo	02/03/93	Nữ	Huyện Anh Sơn		1	29.66. 00289	D380107	8.50	7.75	7.25	23.50	23.50	
2788	LPH.C07760	Nguyễn Thuỳ	Dương	22/07/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.67. 00268	D380101	6.50	5.25	7.50	19.25	19.50	
2789	LPH.C07761	Nguyễn Thị	Lý	02/03/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.67. 00267	D380101	7.25	2.50	7.00	16.75	17.00	
2790	LPH.C07764	Nguyễn Thị	Dung	08/01/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.68. 00561	D380101	8.25	7.25	6.00	21.50	21.50	
2791	LPH.C07765	Nguyễn Thị	Đào	18/03/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.68. 00558	D380101	6.50	7.25	7.50	21.25	21.50	
2792	LPH.C07767	Võ Thị	Nga	12/01/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.68. 00559	D380101	4.00	4.75	5.75	14.50	14.50	
2793	LPH.C07768	Hoàng Tú	Quyên	25/10/96	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.68. 00555	D380101	3.00	2.75	7.50	13.25	13.50	
2794	LPH.C07770	Đặng Thị	Hải	20/04/95	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.70. 00278	D380107	6.25	5.75	7.25	19.25	19.50	
2795	LPH.C07771	Nguyễn Thị	Hàng	15/09/95	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.70. 00276	D380101	6.00	6.25	8.25	20.50	20.50	
2796	LPH.C07772	Trương Văn	Hiếu	01/10/95		Huyện Đô Lương		1	29.70. 00277	D380101	5.00	2.75	6.00	13.75	14.00	
2797	LPH.C07774	Lương Hà	Trang	08/09/95	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	29.70. 00279	D380107	6.75	6.25	7.50	20.50	20.50	
2798	LPH.C07775	Lương Hành	Dây	15/12/95		Huyện Thanh Chương	01	1	29.73. 00079	D380101	7.75	6.25	6.50	20.50	20.50	
2799	LPH.C07778	Hà Thị	Linh	16/12/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		1	29.73. 10142	D380101	5.00	4.50	7.00	16.50	16.50	
2800	LPH.C07779	Nguyễn Thị	Thủy	15/08/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		1	29.73. 10627	D380101	7.50	5.50	6.50	19.50	19.50	
2801	LPH.C07782	Nguyễn Thị	Thủy	09/09/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		1	29.74. 00479	D380101	5.00	3.75	6.75	15.50	15.50	
2802	LPH.C07783	Bạch Thị Huyền	Trang	25/11/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		1	29.74. 00413	D380101	6.00	6.75	7.25	20.00	20.00	
2803	LPH.C07785	Bùi Diệu	Linh	19/07/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		1	29.75. 00323	D380107	9.00	6.25	6.50	21.75	22.00	
2804	LPH.C07786	Phan Thị Huệ	Quỳnh	12/06/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		1	29.75. 00324	D380107	8.25	5.50	7.00	20.75	21.00	
2805	LPH.C07787	Nguyễn Thị Hằng	Nga	20/11/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		2NT	29.76. 00111	D380101	1.75	1.50	5.00	8.25	8.50	
2806	LPH.C07788	Lê Văn	Cường	17/11/95		Huyện Thanh Chương		2NT	29.77. 00109	D380101	7.75	6.50	6.25	20.50	20.50	
2807	LPH.C07791	Phan Sỹ	Trình	27/08/93		Huyện Thanh Chương		2NT	29.77. 00107	D380101	3.75	3.75	2.25	9.75	10.00	
2808	LPH.C07794	Trần Thị	Thanh	11/10/96	Nữ	Huyện Thanh Chương		2NT	29.78. 00627	D380101	5.25	4.00	4.75	14.00	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2809	LPH.C07795	Hà Thị Như	Yến	16/09/95	Nữ	Huyện Thanh Chương		2NT	29.79. 00496	D380107	7.50	3.75	7.00	18.25	18.50	
2810	LPH.C07797	Hoàng Thị	Thủy	20/11/96	Nữ	Huyện Nghi Lộc		2NT	29.80. 00163	D380101	4.25	3.00	7.50	14.75	15.00	
2811	LPH.C07798	Võ Minh	Hải	24/10/96		Huyện Nghi Lộc		2NT	29.81. 00635	D380101	1.50	3.50	7.00	12.00	12.00	
2812	LPH.C07799	Ngô Thị	Nhung	14/04/95	Nữ	Huyện Nghi Lộc		2NT	29.83. 00280	D380101	6.50	2.50	7.00	16.00	16.00	
2813	LPH.C07801	Phạm Thị	Chi	02/08/95	Nữ	Huyện Nghi Lộc		2NT	29.84. 00002	D380101	3.00	1.25	5.00	9.25	9.50	
2814	LPH.C07802	Nguyễn Minh	Hiếu	10/08/96		Huyện Nghi Lộc		2NT	29.84. 00083	D380101	5.75	1.75	5.00	12.50	12.50	
2815	LPH.C07805	Võ Thị Trà	My	22/05/95	Nữ	Huyện Nam Đàn		2	29.86. 00388	D380107	7.00	6.50	6.75	20.25	20.50	
2816	LPH.C07807	Đinh Xuân Lâm	Anh	09/03/96		Huyện Nam Đàn		2NT	29.87. 00252	D380101	6.75	4.25	6.75	17.75	18.00	
2817	LPH.C07808	Nguyễn Hữu	Đông	17/01/96		Huyện Nam Đàn		2NT	29.90. 00166	D380101	1.75	3.00	3.00	7.75	8.00	
2818	LPH.C07809	Cao Minh	Đức	21/08/96		Huyện Hưng Nguyên		2NT	29.92. 00056	D380107	9.00	4.50	6.50	20.00	20.00	
2819	LPH.C07811	Hồ Nguyên	Hồng	07/01/96		Huyện Hưng Nguyên		2NT	29.94. 00318	D380101	7.25	5.50	7.50	20.25	20.50	
2820	LPH.C07812	Đoàn Thị	Nga	24/02/96	Nữ	Huyện Hưng Nguyên		2NT	29.94. 00317	D380101	7.00	5.00	7.25	19.25	19.50	
2821	LPH.C07819	Trần Thị Phương	Thảo	16/11/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.03. 00078	D380101	6.25	4.25	7.00	17.50	17.50	
2822	LPH.C07820	Hoàng Thị	Trình	10/09/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.03. 00079	D380101	5.75	7.00	6.50	19.25	19.50	
2823	LPH.C07821	Trần Thị	Vân	17/12/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.03. 00080	D380101	7.00	7.00	6.00	20.00	20.00	
2824	LPH.C07822	Trần Thị	Sáng	19/03/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.04. 00046	D380101	4.75	4.75	5.50	15.00	15.00	
2825	LPH.C07823	Trương Thị	Quỳnh	12/01/95	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên		2NT	30.05. 00086	D380101	8.00	6.00	6.25	20.25	20.50	
2826	LPH.C07825	Đặng Thị	Thịnh	01/10/96	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên		2NT	30.06. 00201	D380107	9.00	6.00	8.50	23.50	23.50	
2827	LPH.C07826	Nguyễn Thị	Duyên	24/02/96	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên		2NT	30.07. 00090	D380101	7.75	5.25	6.00	19.00	19.00	
2828	LPH.C07827	Lê Nguyễn Khánh	Diệp	15/10/96	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên	06	1	30.08. 00110	D380101	5.25	4.00	6.50	15.75	16.00	
2829	LPH.C07828	Lê Thị	Giang	26/12/96	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên		1	30.08. 00111	D380101	7.25	4.75	7.50	19.50	19.50	
2830	LPH.C07829	Nguyễn Thị	Hoa	25/07/95	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.09. 00068	D380101	6.50	7.00	7.00	20.50	20.50	
2831	LPH.C07831	Lê Thị Kiều	Hoa	25/02/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.10. 00471	D380101	7.75	5.00	7.50	20.25	20.50	
2832	LPH.C07835	Nguyễn Thị Thu	Thảo	09/02/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.10. 00470	D380101	2.75	1.25	4.00	8.00	8.00	
2833	LPH.C07836	Bùi Thị	Dương	01/11/95	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.12. 00123	D380101	7.25	6.75	7.00	21.00	21.00	
2834	LPH.C07837	Lê Thị	Huyền	20/09/95	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.12. 00122	D380101	8.00	6.50	6.75	21.25	21.50	
2835	LPH.C07839	Trần Thị Hạnh	Ngân	29/10/95	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.12. 00124	D380107	5.00	6.50	8.50	20.00	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2836	LPH.C07840	Lê Thị Quỳnh	Như	03/11/95	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.12. 00120	D380101	4.00	4.75	5.50	14.25	14.50	
2837	LPH.C07842	Trần Thị	Linh	18/03/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.13. 00194	D380101	7.00	5.50	6.50	19.00	19.00	
2838	LPH.C07843	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	10/10/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.13. 00197	D380107	7.50	4.50	6.00	18.00	18.00	
2839	LPH.C07844	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20/01/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.13. 00196	D380101	7.00	5.75	7.50	20.25	20.50	
2840	LPH.C07845	Đậu Thị	Bé	26/11/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		1	30.14. 00087	D380101	4.50	2.00	6.00	12.50	12.50	
2841	LPH.C07846	Nguyễn Thị	Lam	05/08/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		1	30.14. 00086	D380101	5.75	2.50	3.50	11.75	12.00	
2842	LPH.C07847	Hồ Thị	Phượng	05/08/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		1	30.14. 00088	D380107	7.50	6.25	7.00	20.75	21.00	
2843	LPH.C07850	Nguyễn Thị	Oanh	28/04/95	Nữ	Huyện Can Lộc	06	2NT	30.15. 00113	D380107	8.75	5.25	7.75	21.75	22.00	
2844	LPH.C07851	Đặng Thị Phương	Anh	18/03/96	Nữ	Huyện Can Lộc		1	30.17. 00112	D380107	7.00	5.75	7.00	19.75	20.00	
2845	LPH.C07852	Nguyễn Hữu	Kích	08/10/96		Huyện Can Lộc		1	30.17. 00108	D380101	8.00	5.50	6.50	20.00	20.00	
2846	LPH.C07853	Lê Thị	Luyến	25/05/96	Nữ	Huyện Can Lộc		1	30.17. 00110	D380101	5.75	4.00	6.75	16.50	16.50	
2847	LPH.C07854	Đặng Thị	Tâm	06/10/96	Nữ	Huyện Can Lộc		1	30.17. 00109	D380101	6.75	5.75	5.50	18.00	18.00	
2848	LPH.C07856	Nguyễn Thị	Thảo	06/06/96	Nữ	Huyện Can Lộc		1	30.17. 00111	D380101	5.25	2.75	5.50	13.50	13.50	
2849	LPH.C07860	Nguyễn Thị Hoàng	Lâm	22/06/96	Nữ	Huyện Can Lộc		2NT	30.18. 00120	D380107	7.25	6.50	6.00	19.75	20.00	
2850	LPH.C07861	Lê Thị Quỳnh	Trang	01/10/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		2NT	30.19. 00131	D380101	6.75	3.00	5.75	15.50	15.50	
2851	LPH.C07862	Lê Thị	Linh	20/02/94	Nữ	Huyện Hương Khê		1	30.20. 00061	D380101	2.25	2.00	6.25	10.50	10.50	
2852	LPH.C07864	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	22/11/96	Nữ	Huyện Hương Khê		1	30.21. 00122	D380107	5.00	4.75	6.25	16.00	16.00	
2853	LPH.C07865	Hoàng Thị Khánh	Huyền	11/02/96	Nữ	Huyện Hương Khê		1	30.21. 00121	D380101	6.75	5.00	8.00	19.75	20.00	
2854	LPH.C07868	Nguyễn Thị Thùy	Dung	13/01/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00167	D380107	6.50	8.00	6.00	20.50	20.50	
2855	LPH.C07869	Nguyễn Thị	Duyên	15/04/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00160	D380101	7.25	3.50	6.50	17.25	17.50	
2856	LPH.C07870	Nguyễn Thị	Giang	05/08/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00161	D380101	3.50	1.75	7.00	12.25	12.50	
2857	LPH.C07871	Phan Nguyên	Mừng	15/01/96		Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00162	D380101	4.50	3.00	5.25	12.75	13.00	
2858	LPH.C07872	Lê Thị	Oanh	06/12/95	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00168	D380107	7.50	5.00	6.50	19.00	19.00	
2859	LPH.C07875	Lê Thị Phương	Thảo	10/04/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00165	D380101	4.75	4.25	7.00	16.00	16.00	
2860	LPH.C07876	Trần Thị Phương	Thùy	19/04/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00166	D380101	7.25	5.50	5.75	18.50	18.50	
2861	LPH.C07880	Trần Thị Tuyết	Nương	13/09/96	Nữ	Huyện Đức Thọ		2NT	30.32. 00230	D380101	7.25	6.00	7.75	21.00	21.00	
2862	LPH.C07881	Phan Thị	Yến	15/09/96	Nữ	Huyện Đức Thọ		2NT	30.32. 00231	D380101	8.25	7.50	5.25	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2863	LPH.C07882	Hoàng Thị Thùy	Trang	02/01/96	Nữ	Huyện Đức Thọ		2NT	30.33. 00241	D380101	6.50	5.00	7.00	18.50	18.50	
2864	LPH.C07883	Phạm Thị	Yến	12/10/96	Nữ	Huyện Đức Thọ		2NT	30.33. 00240	D380101	7.00	6.00	7.00	20.00	20.00	
2865	LPH.C07885	Lê Thị Hồng	Nhung	06/12/94	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		2	30.35. 00036	D380107	5.25	5.75	4.50	15.50	15.50	
2866	LPH.C07886	Trần Thị Thu	Hà	02/10/96	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh	06	2	30.36. 00320	D380101	3.00	6.25	7.50	16.75	17.00	
2867	LPH.C07888	Kiều Thị	Mơ	16/04/96	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		2	30.36. 00321	D380101	7.25	5.25	7.50	20.00	20.00	
2868	LPH.C07889	Nguyễn Thị	Ngân	09/06/96	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		2	30.36. 00323	D380107	5.00	3.25	5.75	14.00	14.00	
2869	LPH.C07892	Phan Thị Thu	Huệ	12/10/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		1	30.38. 00148	D380107	8.00	6.25	7.75	22.00	22.00	
2870	LPH.C07893	Trần Quốc	Hưng	03/10/96		Huyện Nghi Xuân		2NT	30.38. 00146	D380101	9.50	6.25	7.50	23.25	23.50	
2871	LPH.C07894	Hoàng Trà	Ly	12/08/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		2NT	30.38. 00145	D380101	5.50	3.00	6.00	14.50	14.50	
2872	LPH.C07896	Đặng Thị	Thắm	22/02/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		2NT	30.39. 00057	D380101	5.50	6.25	6.75	18.50	18.50	
2873	LPH.C07897	Dương Nguyễn Hà	Anh	04/05/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00297	D380107	7.75	6.75	8.00	22.50	22.50	
2874	LPH.C07899	Nguyễn Thị Vân	Anh	01/05/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2	30.40. 00301	D380107	8.75	7.75	7.75	24.25	24.50	
2875	LPH.C07901	Phan Thị Bảo	Anh	20/11/96	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		2	30.40. 00299	D380107	8.50	7.75	8.00	24.25	24.50	
2876	LPH.C07902	Lê Thị	Hằng	16/10/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00290	D380107	7.50	7.00	8.00	22.50	22.50	
2877	LPH.C07905	Phan Thị	Huyền	16/04/96	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên		2	30.40. 00300	D380107	8.50	5.75	8.00	22.25	22.50	
2878	LPH.C07908	Lê Thị Hà	My	24/07/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00296	D380107	8.25	6.75	8.00	23.00	23.00	
2879	LPH.C07909	Trần Tuyết	Như	31/12/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00284	D380101	7.75	7.50	8.00	23.25	23.50	
2880	LPH.C07910	Phạm Thị	Phương	08/02/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		2	30.40. 00292	D380107	8.25	6.25	7.50	22.00	22.00	
2881	LPH.C07911	Hồ Thị Hồng	Quý	18/03/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00293	D380107	9.00	7.25	7.75	24.00	24.00	
2882	LPH.C07913	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	03/09/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00298	D380107	8.00	6.50	7.50	22.00	22.00	
2883	LPH.C07914	Trần Lê Phương	Uyên	12/05/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00285	D380101	7.50	3.50	7.00	18.00	18.00	
2884	LPH.C07915	Văn Thị Tố	Uyên	05/03/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00294	D380107	9.00	7.50	8.50	25.00	25.00	
2885	LPH.C07916	Nguyễn Văn	Toán	07/11/96		Huyện Thạch Hà		2NT	30.41. 00090	D380101	4.25	2.50	5.00	11.75	12.00	
2886	LPH.C07917	Nguyễn Thị	Cúc	12/06/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		1	30.45. 00081	D380101	6.25	4.50	6.50	17.25	17.50	
2887	LPH.C07918	Nguyễn Quốc	Cường	13/10/96		Huyện Lộc Hà		2NT	30.45. 00083	D380107	8.00	5.25	6.75	20.00	20.00	
2888	LPH.C07919	Đào Thị	Diện	01/03/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		1	30.45. 00084	D380107	8.00	6.25	8.75	23.00	23.00	
2889	LPH.C07920	Lê Thị Kiều	Loan	20/08/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		1	30.45. 00086	D380107	7.25	6.75	8.00	22.00	22.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2890	LPH.C07921	Nguyễn Thị	Loan	19/10/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		1	30.45. 00085	D380107	5.25	7.50	7.00	19.75	20.00	
2891	LPH.C07922	Phạm Thị	Thúy	10/07/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		2NT	30.45. 00082	D380101	8.00	4.50	7.00	19.50	19.50	
2892	LPH.C07925	Nguyễn Thị	Thu	22/09/96	Nữ	Huyện Can Lộc		2NT	30.48. 00021	D380107	2.75	2.25	7.50	12.50	12.50	
2893	LPH.C07927	Nguyễn Thị	Hiên	05/04/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		1	30.50. 00030	D380101	7.50	4.00	7.00	18.50	18.50	
2894	LPH.C07928	Trần Thị	Tâm	03/05/95	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh	06	2	30.52. 00092	D380107	8.00	6.50	7.25	21.75	22.00	
2895	LPH.C07931	Hoàng Thị	Hội	09/05/96	Nữ	Huyện Kỳ Anh		1	30.54. 00037	D380107	7.00	6.75	7.50	21.25	21.50	
2896	LPH.C07934	Trần Thị Minh	Thủy	11/10/93	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	31.01. 00318	D380101	8.25	7.00	5.75	21.00	21.00	
2897	LPH.C07938	Phan Diệu	Linh	26/06/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2	31.04. 00434	D380101	7.00	6.25	7.00	20.25	20.50	
2898	LPH.C07940	Trần Thị Tuyết	Mai	09/02/96	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	31.04. 00430	D380101	6.00	5.00	7.50	18.50	18.50	
2899	LPH.C07943	Phạm Thị Ngọc	Trâm	17/12/96	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	31.04. 00432	D380101	7.75	4.75	8.00	20.50	20.50	
2900	LPH.C07945	Nguyễn Thị	Lan	20/02/95	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	31.08. 00243	D380101	8.25	6.50	7.50	22.25	22.50	
2901	LPH.C07946	Lê Thị Thanh	Phú	07/12/96	Nữ	Huyện Tuyên Hoá		1	31.10. 00427	D380107	2.50	1.75	5.25	9.50	9.50	
2902	LPH.C07947	Trương Thị	Đông	22/02/96	Nữ	Huyện Minh Hoá		1	31.15. 00207	D380101	1.50	4.00	6.50	12.00	12.00	
2903	LPH.C07949	Đinh Công	Tuấn	02/07/96		Huyện Quảng Trạch		2NT	31.20. 00535	D380101	3.00	5.00	5.50	13.50	13.50	
2904	LPH.C07953	Đỗ Thị Quỳnh	Như	22/09/96	Nữ	Thành phố Đồng Hà		2	32.27. 00077	D380101	1.75	0.50	1.50	3.75	4.00	
2905	LPH.C07954	Nguyễn Thị Xuân	Hương	22/02/95	Nữ	Thành phố Tam Kỳ		2	34.00. 00001	D380101	5.00	1.75	5.25	12.00	12.00	
2906	LPH.C07955	Đỗ Thị Minh	Châu	24/04/96	Nữ	Huyện Bình Sơn		2	35.50. 00002	D380101	7.50	4.00	4.75	16.25	16.50	
2907	LPH.C07956	Trần Vũ Khanh	Tuyền	16/11/96	Nữ	Thành phố Quảng Ngãi		2	35.50. 00003	D380107	6.00	5.00	5.50	16.50	16.50	
2908	LPH.C07961	Lê Đình	Sơn	22/08/96		Huyện Mang Yang		1	38.16. 00305	D380101	3.25	1.00	3.00	7.25	7.50	
2909	LPH.C07962	Nguyễn Văn	Cường	11/09/96		Huyện Chư Prông		1	38.32. 00137	D380101	5.50	3.75	2.50	11.75	12.00	
2910	LPH.C07963	Nguyễn Thị	Luận	03/09/96	Nữ	Huyện Chư Prông		1	38.32. 00349	D380101	5.00	2.50	5.50	13.00	13.00	
2911	LPH.C07964	Trịnh Thị Thuý	Nga	04/04/96	Nữ	Huyện Chư Prông		1	38.32. 00136	D380101	6.50	3.00	5.50	15.00	15.00	
2912	LPH.C07965	Rơ Ô H'	Yút	20/12/96	Nữ	Huyện Krông Pa	01	1	38.42. 00415	D380101	1.50	2.00	3.50	7.00	7.00	
2913	LPH.C07966	Châu Hoàng Quyên	Quyên	18/08/96	Nữ	Huyện Tây Hòa		2	39.05. 00001	D380101	8.25	5.50	7.00	20.75	21.00	
2914	LPH.C07968	Trần Thị	Nhung	10/10/93	Nữ	Huyện Krông Pắc		2	40.08. 00221	D380101	4.75	5.00	6.00	15.75	16.00	
2915	LPH.C07969	Nguyễn Thị	Tâm	23/03/96	Nữ	Huyện Cư Mgar		1	40.11. 00657	D380101	4.50	4.50	3.50	12.50	12.50	
2916	LPH.C07974	Vũ Thị Thu	Hường	14/04/96	Nữ	Thành phố Bảo Lộc		1	42.26. 00003	D380101	6.50	5.25	6.50	18.25	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2917	LPH.C07980	Vũ Thị	Hà	02/03/95	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.00. 03965	D380101	5.50	2.50	.	8.00	8.00	
2918	LPH.C07981	Nguyễn Thị	Hương	04/10/95	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.00. 03962	D380101	6.50	5.25	6.00	17.75	18.00	
2919	LPH.C07982	Hà Minh	Tâm	22/10/95	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.00. 03960	D380101	5.75	2.50	7.50	15.75	16.00	
2920	LPH.C07984	Phạm Tân	Trang	16/05/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.00. 03970	D380101	6.75	6.50	5.50	18.75	19.00	
2921	LPH.C07986	Phạm Anh	Tuấn	09/05/95		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.00. 03963	D380101	5.50	4.25	4.00	13.75	14.00	
2922	LPH.C07987	Bùi Thế	Anh	02/08/96		Th. phố Điện Biên Phủ	01	1	62.01. 03972	D380101	5.00	3.50	5.50	14.00	14.00	
2923	LPH.C07988	Phạm Thị Ngọc	Anh	29/11/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03971	D380101	5.25	3.50	7.50	16.25	16.50	
2924	LPH.C07989	Hoàng Tùng	Dương	01/10/96		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03973	D380101	1.75	2.50	3.00	7.25	7.50	
2925	LPH.C07990	Hoàng Thị	Hương	18/09/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03974	D380101	4.75	1.50	6.50	12.75	13.00	
2926	LPH.C07991	Lò Ngọc	Mai	12/10/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.01. 03980	D380101	4.00	0.50	5.00	9.50	9.50	
2927	LPH.C07992	Lò Văn	Nam	11/09/96		Huyện Điện Biên	01	1	62.01. 03976	D380101	5.00	4.00	5.50	14.50	14.50	
2928	LPH.C07994	Trịnh Thị Việt	Ngân	08/01/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03975	D380101	4.75	2.50	6.25	13.50	13.50	
2929	LPH.C07995	Lê Thị	Nhung	06/07/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03978	D380101	6.75	3.50	6.50	16.75	17.00	
2930	LPH.C07996	Lò Thị	Oanh	25/06/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ	01	1	62.01. 03979	D380101	6.50	2.75	6.50	15.75	16.00	
2931	LPH.C07998	Đinh Hương	Thảo	01/04/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ	01	1	62.01. 03981	D380101	5.50	5.75	7.50	18.75	19.00	
2932	LPH.C08001	Nguyễn Hương	Trang	30/09/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 03982	D380101	5.75	4.00	5.75	15.50	15.50	
2933	LPH.C08002	Phạm Thị Thanh	Hằng	30/01/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.02. 03997	D380107	6.50	7.00	7.00	20.50	20.50	
2934	LPH.C08004	Đào Văn	Hung	20/10/96		Huyện Điện Biên	06	1	62.02. 03986	D380101	7.50	4.00	5.50	17.00	17.00	
2935	LPH.C08005	Trần Hoàng Mỹ	Linh	04/02/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03994	D380101	7.25	7.50	7.50	22.25	22.50	
2936	LPH.C08007	Trần Thị Lệ	Mỹ	15/10/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.02. 03989	D380101	7.00	4.50	7.50	19.00	19.00	
2937	LPH.C08008	Bùi Tuyết	Ngọc	11/12/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03995	D380101	8.50	5.25	6.75	20.50	20.50	
2938	LPH.C08009	Nguyễn Như	Phương	25/03/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.02. 03992	D380101	3.00	2.00	4.50	9.50	9.50	VPQC
2939	LPH.C08011	Nguyễn Hoài	Thương	20/01/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 03988	D380101	7.25	4.25	6.50	18.00	18.00	
2940	LPH.C08013	Trần Thị Quỳnh	Trang	05/12/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.02. 03990	D380101	7.75	6.00	7.00	20.75	21.00	
2941	LPH.C08014	Sùng A	Dơ	07/10/96		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.03. 04005	D380101	5.00	2.00	5.00	12.00	12.00	
2942	LPH.C08017	Nguyễn Duy	Hưng	25/07/96		Huyện Hà Trung		1	62.03. 04000	D380101	3.75	2.00	5.50	11.25	11.50	
2943	LPH.C08019	Giăng A	Phịa	09/01/96		Huyện Điện Biên	01	1	62.03. 04002	D380101	3.50	1.00	1.00	5.50	5.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2944	LPH.C08024	Lò Xuân	Hảo	01/02/96		Huyện Điện Biên	01	1	62.04. 04022	D380101	3.75	1.25	4.50	9.50	9.50	
2945	LPH.C08027	Hạng A	Lữ	04/02/94		Huyện Tủa Chùa	01	1	62.04. 04017	D380101	4.75	3.25	6.50	14.50	14.50	
2946	LPH.C08028	Giàng A	Nù	16/07/95		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.04. 04009	D380101	6.75	1.50	5.50	13.75	14.00	
2947	LPH.C08029	Giàng A	Páo	20/01/95		Huyện Tủa Chùa	01	1	62.04. 04013	D380101	0.50	1.25	3.50	5.25	5.50	
2948	LPH.C08030	Ma Thị	Pàng	02/01/96	Nữ	Huyện Nậm Pồ	01	1	62.04. 04021	D380107	8.25	3.00	6.50	17.75	18.00	
2949	LPH.C08031	Lò Thị	Quý	17/07/95	Nữ	Huyện Tuần Giáo	01	1	62.04. 04007	D380101	9.25	5.00	7.50	21.75	22.00	
2950	LPH.C08033	Lường Văn	Thái	10/12/96		Huyện Điện Biên	01	1	62.04. 04011	D380101	8.25	4.25	5.00	17.50	17.50	
2951	LPH.C08034	Lò Thị	Tiến	25/09/95	Nữ	Huyện Tuần Giáo	01	1	62.04. 04008	D380101	4.00	1.50	5.00	10.50	10.50	
2952	LPH.C08035	Sùng A	Tú	06/09/95		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.04. 04020	D380101	5.50	1.50	3.50	10.50	10.50	
2953	LPH.C08036	Thào Thị	Tùng	20/04/96	Nữ	Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.04. 04018	D380101	4.25	4.75	6.50	15.50	15.50	
2954	LPH.C08039	Đieu Thị	Hạnh	12/11/96	Nữ	Thị xã Mường Lay	01	1	62.07. 04023	D380101	5.25	2.00	6.50	13.75	14.00	
2955	LPH.C08040	Lò Thị	Ngân	15/06/96	Nữ	Thị xã Mường Lay	01	1	62.07. 04024	D380101	7.75	4.50	6.25	18.50	18.50	
2956	LPH.C08041	Quàng Văn	Minh	04/08/95		Huyện Điện Biên	01	1	62.09. 04025	D380101	1.75	3.25	4.75	9.75	10.00	
2957	LPH.C08042	Nguyễn Thị Hằng	Phương	19/02/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.09. 04027	D380101	1.75	1.50	6.00	9.25	9.50	
2958	LPH.C08043	Lò Thị	Thủy	13/11/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.09. 04028	D380101	4.75	1.75	4.50	11.00	11.00	
2959	LPH.C08044	Lò Thị	Tĩnh	31/01/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.09. 04026	D380101	2.25	2.00	4.50	8.75	9.00	
2960	LPH.C08045	Nguyễn Thị	Nhung	16/12/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.10. 04029	D380101	5.50	6.00	5.50	17.00	17.00	
2961	LPH.C08046	Trịnh Thị Hồng	Nhung	21/09/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.10. 04030	D380101	4.25	4.50	8.00	16.75	17.00	
2962	LPH.C08047	Lò Thị	Hằng	28/06/95	Nữ	Huyện Tuần Giáo	01	1	62.12. 04031	D380101	3.00	1.75	7.00	11.75	12.00	
2963	LPH.C08048	Bạc Thị	Huế	10/02/96	Nữ	Huyện Tuần Giáo	01	1	62.12. 04032	D380101	6.00	4.50	6.50	17.00	17.00	
2964	LPH.C08049	Nguyễn Văn	Chung	23/08/96		Huyện Mường Chà		1	62.15. 04033	D380101	3.50	1.50	1.00	6.00	6.00	
2965	LPH.C08050	Khoảng Thị	Huệ	10/04/96	Nữ	Huyện Mường Chà	01	1	62.15. 04034	D380101	3.50	5.00	4.25	12.75	13.00	
2966	LPH.C08051	Xa Thị	Huyền	30/12/96	Nữ	Huyện Mường Chà	01	1	62.15. 04035	D380101	5.75	3.00	4.00	12.75	13.00	
2967	LPH.C08052	Mạch Văn	Luật	10/04/96		Huyện Nậm Pồ		1	62.15. 04038	D380101	3.00	2.00	2.00	7.00	7.00	
2968	LPH.C08053	Hạng A	Minh	19/05/96		Huyện Mường Chà	01	1	62.15. 04036	D380101	0.75	1.50	3.50	5.75	6.00	
2969	LPH.C08054	Vàng A	Mú	23/04/96		Huyện Mường Chà	01	1	62.15. 04037	D380101	5.75	5.50	5.50	16.75	17.00	
2970	LPH.C08055	Chảo A	Sú	10/10/96		Huyện Nậm Pồ	01	1	62.15. 04039	D380101	2.50	2.75	5.25	10.50	10.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2971	LPH.C08059	Thào A	Dính	07/09/95		Huyện Tủa Chùa	01	1	62.17. 04043	D380101	3.75	1.50	3.00	8.25	8.50	
2972	LPH.C08060	Sùng A	Chính	04/10/96		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.19. 04045	D380101	1.00	3.25	4.25	8.50	8.50	
2973	LPH.C08063	Đặng Xuân	Nam	20/07/96		Huyện Điện Biên Đông		1	62.19. 04044	D380101	6.50	4.75	5.25	16.50	16.50	
2974	LPH.C08065	Phan Đắc	Song	13/12/95		Huyện Điện Biên Đông		1	62.19. 04049	D380101	0.50	2.25	3.50	6.25	6.50	
2975	LPH.C08066	Ly A	Sú	31/05/96		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.19. 04050	D380107	2.00	0.75	4.25	7.00	7.00	
2976	LPH.C08067	Sùng A	Thò	07/08/96		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.19. 04047	D380107	2.00	3.75	5.00	10.75	11.00	
2977	LPH.C08071	Lò Văn	Ngân	27/06/95		Huyện Mường ăng	01	1	62.25. 04055	D380101	4.75	2.00	5.00	11.75	12.00	
2978	LPH.C08072	Vừ A	Chua	30/12/96		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.26. 04056	D380101	0.50	1.25	3.50	5.25	5.50	
2979	LPH.C08073	Quảng Văn	Hướng	27/08/93		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.26. 04057	D380101	1.50	2.00	4.00	7.50	7.50	
2980	LPH.C08074	Lò Văn	Chính	21/04/93		Huyện Điện Biên	01	1	62.27. 04058	D380101	2.00	1.25	5.50	8.75	9.00	
2981	LPH.C08075	Vừ Thị	Mái	23/11/96	Nữ	Huyện Tuần Giáo	01	1	62.30. 04061	D380101	2.25	2.75	4.00	9.00	9.00	
2982	LPH.C08079	Vừ A	Nénh	08/12/95		Huyện Tuần Giáo	01	1	62.33. 04062	D380101	0.25	1.25	3.00	4.50	4.50	
2983	LPH.C08081	Giàng A	Hạnh	12/06/95		Huyện Nậm Pồ	01	1	62.35. 04066	D380101	0.25	0.75	2.50	3.50	3.50	
2984	LPH.C08082	Lèng Thị	Thanh	30/11/96	Nữ	Huyện Nậm Pồ	01	1	62.35. 04065	D380101	3.50	1.75	6.00	11.25	11.50	
2985	LPH.C08083	Giàng A	Thê	02/11/96		Huyện Nậm Pồ	01	1	62.35. 04064	D380101	4.75	6.00	4.50	15.25	15.50	
2986	LPH.C08084	Chá A	Đồng	27/06/95		Huyện Điện Biên	01	1	62.39. 04067	D380101	6.25	3.75	6.25	16.25	16.50	
2987	LPH.C08087	Lường Thị	Tĩnh	10/01/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.39. 04070	D380101	4.50	4.50	6.25	15.25	15.50	
2988	LPH.C08088	Lò Thị	Mai	22/11/96	Nữ	Huyện Tuần Giáo	01	1	62.40. 04071	D380101	5.50	4.50	7.00	17.00	17.00	
2989	LPH.C08089	Tòng Thị	Thảo	06/03/96	Nữ	Huyện Tuần Giáo	01	1	62.40. 04074	D380101	6.00	4.25	7.50	17.75	18.00	
2990	LPH.C08091	Lò Văn	Thịnh	10/06/96		Huyện Tuần Giáo	01	1	62.40. 04072	D380101	1.25	1.75	6.00	9.00	9.00	
2991	LPH.C08092	Cà Văn	Chung	15/11/96		Huyện Mường ăng	01	1	62.42. 04075	D380101	5.00	3.50	4.00	12.50	12.50	
2992	LPH.C08093	Lường Thị	Hồng	02/10/96	Nữ	Huyện Mường ăng	01	1	62.42. 04076	D380101	5.00	3.25	7.00	15.25	15.50	
2993	LPH.C08097	Vừ A	Dia	30/10/96		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.44. 04081	D380101	5.75	4.25	6.00	16.00	16.00	
2994	LPH.C08098	Vàng A	Thịnh	15/07/96		Huyện Điện Biên Đông	01	1	62.44. 04080	D380101	1.50	2.50	6.75	10.75	11.00	
2995	LPH.C08099	Vàng Thị	Dếnh	10/05/96	Nữ	Huyện Nậm Pồ	01	1	62.45. 04086	D380101	2.00	4.25	7.00	13.25	13.50	
2996	LPH.C08100	Giàng Thị	Giang	03/06/96	Nữ	Huyện Nậm Pồ	01	1	62.45. 04084	D380101	4.75	1.50	4.50	10.75	11.00	
2997	LPH.C08102	Thàng Seo	Khoáng	09/03/94		Huyện Nậm Pồ	01	1	62.45. 04087	D380101	1.50	1.50	4.50	7.50	7.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
2998	LPH.C08104	Hồ A	Lù	18/08/96		Huyện Mường Chà	01	1	62.45. 04083	D380101	3.50	2.50	4.50	10.50	10.50	
2999	LPH.C08105	Vừ A	Nếnh	20/04/95		Huyện Mường Chà	01	1	62.45. 04085	D380101	2.75	2.50	5.00	10.25	10.50	
3000	LPH.C08107	Kháng A	Tỷ	18/01/96		Huyện Mường Chà	01	1	62.45. 04082	D380101	1.75	4.50	4.50	10.75	11.00	
3001	LPH.C08108	Lường Thị	Hà	30/11/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.46. 04092	D380107	4.75	1.00	6.00	11.75	12.00	
3002	LPH.C08109	Lò Thị	Loan	07/08/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.46. 04093	D380107	5.00	3.00	6.50	14.50	14.50	
3003	LPH.C08110	Lò Thị	Mai	25/01/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.46. 04091	D380107	5.00	2.75	4.00	11.75	12.00	
3004	LPH.C08112	Lường Thị	Tú	14/01/96	Nữ	Huyện Điện Biên	01	1	62.46. 04094	D380107	3.75	1.00	6.50	11.25	11.50	
3005	LPH.C08113	Lò Thị	Hoàn	30/04/94	Nữ	Huyện Nậm Pồ	01	1	62.47. 04096	D380101	3.75	0.50	3.50	7.75	8.00	
3006	LPH.C08114	Triệu Mùi	Sao	08/10/96	Nữ	Huyện Krông Nô	01	1	63.09. 03544	D380107	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	
3007	LPH.C08115	Nguyễn Thị	Oanh	06/06/94	Nữ	Huyện Đăk Mil		1	63.15. 03545	D380101	7.50	5.75	7.00	20.25	20.50	
3008	LPH.C08121	Đinh Thị Ngọc	Anh	10/03/95	Nữ	Thị xã Quảng Yên		1	99.99. 00138	D380101	7.50	5.25	7.00	19.75	20.00	
3009	LPH.C08122	Đinh Quỳnh	Anh	20/07/95	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	99.99. 00080	D380101	7.50	6.75	7.25	21.50	21.50	
3010	LPH.C08123	Khuất Thị Quỳnh	Anh	16/12/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	99.99. 00333	D380101	7.00	3.50	6.50	17.00	17.00	
3011	LPH.C08124	Lê Thị Ngọc	Anh	15/08/93	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	99.99. 00254	D380101	7.00	2.00	6.00	15.00	15.00	
3012	LPH.C08125	Lê Tuấn	Anh	14/11/92		Huyện Yên Định		2NT	99.99. 00340	D380101	2.25	1.50	4.50	8.25	8.50	
3013	LPH.C08128	Nguyễn Khắc Hoàng	Anh	14/10/95		Thành phố Cẩm Phả		1	99.99. 00260	D380107	3.50	2.00	2.50	8.00	8.00	
3014	LPH.C08129	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/03/95	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	99.99. 00068	D380101	6.00	3.00	6.50	15.50	15.50	
3015	LPH.C08132	Nguyễn Thị	Anh	30/01/95	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	99.99. 00084	D380107	7.25	1.75	5.00	14.00	14.00	
3016	LPH.C08133	Nguyễn Thế	Anh	30/06/95		Thành phố Lạng Sơn		1	99.99. 00036	D380101	3.25	1.50	4.00	8.75	9.00	
3017	LPH.C08134	Thân Thị Ngọc	Anh	14/09/95	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	99.99. 00072	D380107	4.50	2.50	4.75	11.75	12.00	
3018	LPH.C08135	Trần Vũ Phương	Anh	05/04/95	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	99.99. 00308	D380101	7.00	5.25	5.50	17.75	18.00	
3019	LPH.C08137	Nguyễn Hải	An	30/07/94		Quận Kiến An		3	99.99. 00299	D380101	3.50	4.25	7.00	14.75	15.00	
3020	LPH.C08140	Đặng Văn	Bách	07/01/95				2NT	99.99. 00195	D380101	5.75	4.25	5.75	15.75	16.00	
3021	LPH.C08141	Nguyễn Thị	Bích	03/01/95	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	99.99. 00338	D380101	1.75	3.75	7.00	12.50	12.50	
3022	LPH.C08146	Nguyễn Thị Lan	Chi	04/08/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	99.99. 00115	D380107	0.50	0.50	2.50	3.50	3.50	
3023	LPH.C08147	Nguyễn Thị	Chi	20/08/95	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	99.99. 00172	D380101	7.00	6.00	7.75	20.75	21.00	
3024	LPH.C08150	Ma Thị	Chuyên	16/02/94	Nữ	Huyện Lâm Bình	01	1	99.99. 00160	D380101	5.00	5.75	7.50	18.25	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
3025	LPH.C08151	Bàn Văn	Chúc	09/07/93		Huyện Lục Yên	01	1	99.99. 00345	D380101	1.50	1.50	5.25	8.25	8.50	
3026	LPH.C08152	Nguyễn Bá	Chức	25/02/94				2NT	99.99. 00102	D380107	3.50	3.50	6.50	13.50	13.50	
3027	LPH.C08153	Nguyễn Văn	Công	16/12/93		Huyện Hậu Lộc		2NT	99.99. 00342	D380101	5.50	5.75	6.00	17.25	17.50	
3028	LPH.C08155	Hoàng Thị	Cư	02/10/94	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	99.99. 00177	D380101	4.25	4.50	5.50	14.25	14.50	
3029	LPH.C08156	Dương Mạnh	Cương	13/10/95		Huyện Đông Triều		1	99.99. 00213	D380101	4.00	1.25	3.00	8.25	8.50	
3030	LPH.C08159	Nguyễn Hữu	Cường	23/07/95		Huyện Quốc Oai		2	99.99. 00055	D380101	3.50	3.75	5.00	12.25	12.50	
3031	LPH.C08160	Nguyễn Viết	Cường	27/12/91		Huyện Mê Linh		2	99.99. 00304	D380107	0.75	1.25	4.50	6.50	6.50	
3032	LPH.C08162	Đỗ Ngọc	Diệp	26/05/95		Huyện Phù Cừ		2NT	99.99. 00099	D380101	2.25	2.25	6.00	10.50	10.50	
3033	LPH.C08163	Nguyễn Văn	Duân	23/09/95				2NT	99.99. 00343	D380107	5.75	2.25	3.25	11.25	11.50	
3034	LPH.C08164	Đỗ Phương	Dung	11/02/95	Nữ	Huyện Mê Linh		2	99.99. 00110	D380101	7.25	6.25	7.50	21.00	21.00	
3035	LPH.C08165	Nguyễn Thị Kim	Dung	25/03/95	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	99.99. 00233	D380101	7.75	6.25	5.50	19.50	19.50	
3036	LPH.C08166	Nguyễn Thị	Dung	30/11/90	Nữ	Huyện Mê Linh		2	99.99. 00093	D380101	2.75	3.25	5.00	11.00	11.00	
3037	LPH.C08168	Nguyễn Thị	Duyên	02/03/95	Nữ			2NT	99.99. 00152	D380107	7.25	6.00	7.75	21.00	21.00	
3038	LPH.C08169	Nguyễn Thị	Duyên	10/03/95	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	99.99. 00137	D380101	2.50	4.75	5.00	12.25	12.50	
3039	LPH.C08170	Nguyễn Quang	Duy	06/02/96		Huyện Lục Yên		1	99.99. 00125		5.75	1.00	3.00	9.75	10.00	
3040	LPH.C08172	Nguyễn Chí	Dũng	20/01/94		Huyện Mỹ Đức		1	99.99. 00318	D380107	8.50	6.00	6.50	21.00	21.00	
3041	LPH.C08173	Tạ Văn	Dũng	25/12/92		Huyện Phú Bình		2NT	99.99. 00212	D380107	4.50	4.00	7.00	15.50	15.50	
3042	LPH.C08174	An Văn	Dương	09/10/94		Huyện Thọ Xuân		2NT	99.99. 00109	D380101	7.25	5.00	6.00	18.25	18.50	
3043	LPH.C08175	Đinh Đắc	Dương	19/11/95		Huyện Gia Viễn		2NT	99.99. 00088	D380101	6.50	6.75	6.50	19.75	20.00	
3044	LPH.C08180	Hoàng Hữu	Đạo	15/05/95		Huyện Việt Yên		2NT	99.99. 00219	D380107	2.75	1.75	4.50	9.00	9.00	
3045	LPH.C08183	Đặng Xuân	Đoàn	18/12/87		Huyện Khoái Châu		2NT	99.99. 00306	D380101	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
3046	LPH.C08184	Nghiêm Văn	Đông	21/05/94		Quận Thanh Xuân	03	2	99.99. 00053	D380107	5.25	2.75	4.50	12.50	12.50	
3047	LPH.C08185	Nguyễn Danh	Đức	29/07/94		Huyện Quảng Xương		2NT	99.99. 00009	D380101	6.25	2.50	6.00	14.75	15.00	
3048	LPH.C08186	Phạm Trung	Đức	09/04/94		Quận Đống Đa		2	99.99. 00320	D380101	1.50	3.50	2.50	7.50	7.50	
3049	LPH.C08187	Phạm Quang	Đức	17/03/95		Huyện Thanh Trì		2	99.99. 00048	D380101	8.50	4.50	6.00	19.00	19.00	
3050	LPH.C08189	Đào Thị Thu	Giang	30/09/95	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	99.99. 00243	D380107	6.00	4.00	7.50	17.50	17.50	
3051	LPH.C08190	Đinh Lệ	Giang	26/05/94		Huyện Chương Mỹ		2	99.99. 00188	D380101	4.75	3.00	6.00	13.75	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
3052	LPH.C08191	Ma Văn	Giang	16/07/93		Huyện Định Hoá	01	1	99.99. 00100	D380101	3.50	2.50	7.25	13.25	13.50	
3053	LPH.C08192	Ngô Hương	Giang	30/08/94	Nữ	Huyện Khoái Châu		2	99.99. 00183	D380101	7.75	4.50	6.00	18.25	18.50	
3054	LPH.C08195	Đinh Thị Thuý	Hà	11/10/95	Nữ	Huyện Mê Linh		2	99.99. 00004	D380101	7.75	4.25	6.00	18.00	18.00	
3055	LPH.C08197	Lục Thu	Hà	23/02/95	Nữ	Huyện Văn Quan	01	1	99.99. 00076	D380107	3.25	3.00	6.50	12.75	13.00	
3056	LPH.C08198	Trần Thị Thu	Hà	03/06/95	Nữ	Quận Long Biên		3	99.99. 00240	D380107	8.75	3.50	5.00	17.25	17.50	
3057	LPH.C08201	Lô Thị	Hải	07/05/95	Nữ	Huyện Quế Phong	01	1	99.99. 00078	D380101	3.75	2.00	5.50	11.25	11.50	
3058	LPH.C08204	Phạm Thượng	Hải	23/11/93		Huyện Chi Lăng	01	1	99.99. 00253	D380101	6.00	4.00	6.00	16.00	16.00	
3059	LPH.C08205	Lê Thị Hồng	Hạnh	20/12/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	99.99. 00276	D380101	3.25	1.75	4.50	9.50	9.50	
3060	LPH.C08207	Nguyễn Đức	Hạnh	22/03/95		Huyện Bình Giang		2NT	99.99. 00154	D380101	7.00	2.25	3.00	12.25	12.50	
3061	LPH.C08208	Thắm Thị	Hạnh	24/08/95	Nữ	Huyện Hạ Lang	01	1	99.99. 00230	D380101	1.50	2.25	6.00	9.75	10.00	
3062	LPH.C08210	Lê Thu	Hàng	10/05/94	Nữ	Huyện Nho Quan		1	99.99. 00196	D380107	5.00	1.75	6.25	13.00	13.00	
3063	LPH.C08213	Phạm Thu	Hàng	03/08/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	99.99. 00120	D380101	6.25	2.50	6.00	14.75	15.00	
3064	LPH.C08214	Nguyễn Quang	Hiếu	31/12/93		Quận Hoàng Mai		3	99.99. 00280	D380101	5.50	3.50	5.50	14.50	14.50	
3065	LPH.C08215	Vũ Quốc	Hiển	12/04/95		Thành phố Cẩm Phả		1	99.99. 00259	D380107	6.50	5.25	6.50	18.25	18.50	
3066	LPH.C08216	Hoàng Thị	Hiên	01/06/95	Nữ	Huyện Phong Thổ	01	1	99.99. 00205	D380101	6.00	3.00	5.75	14.75	15.00	
3067	LPH.C08217	Hồ Duy	Hiên	10/04/95		Huyện Quỳnh Lưu		2NT	99.99. 00181	D380101	6.50	5.00	7.00	18.50	18.50	
3068	LPH.C08219	Mai Thị	Hiên	06/07/95	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc		2NT	99.99. 00050	D380101	5.25	4.50	7.75	17.50	17.50	
3069	LPH.C08221	Nguyễn Thị	Hiên	13/08/95	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	99.99. 00107	D380101	3.25	6.00	6.00	15.25	15.50	
3070	LPH.C08222	Trần Thị Mai	Hiên	13/04/95	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	99.99. 00005	D380101	5.25	4.00	6.00	15.25	15.50	
3071	LPH.C08224	Hoàng Thị	Hoa	14/12/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	99.99. 00307	D380107	8.25	3.75	4.50	16.50	16.50	
3072	LPH.C08226	Nguyễn Thị	Hoài	26/06/93	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	99.99. 00131	D380107	3.75	3.25	5.50	12.50	12.50	
3073	LPH.C08227	Nguyễn Tiến	Hoàng	17/08/94		Thị xã Mường Lay		1	99.99. 00066	D380101	1.25	4.00	7.00	12.25	12.50	
3074	LPH.C08228	Phạm Huy	Hoàng	13/12/95		Quận Hai Bà Trưng		3	99.99. 00295	D380101	6.50	4.75	5.75	17.00	17.00	
3075	LPH.C08229	Phạm Đức	Hoàng	20/10/93			06	2NT	99.99. 00023	D380101	7.75	4.50	7.00	19.25	19.50	
3076	LPH.C08230	Nguyễn Thị Thuý	Hoà	18/07/93	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	99.99. 00252	D380101	3.75	3.50	7.50	14.75	15.00	
3077	LPH.C08231	Nguyễn Văn	Hoà	17/10/95		Huyện Yên Lập	01	1	99.99. 00150	D380101	7.50	4.25	6.00	17.75	18.00	
3078	LPH.C08233	Vương Xuân	Hoà	08/12/95		Huyện Ngân Sơn	01	1	99.99. 00271	D380101	0.50	2.00	.	2.50	2.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
3079	LPH.C08234	Đặng Thị	Hồng	30/08/95	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	99.99. 00242	D380101	5.00	3.75	3.50	12.25	12.50	
3080	LPH.C08235	Hà Thị Hai	Huế	05/05/94	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	99.99. 00026	D380107	8.00	6.00	5.75	19.75	20.00	
3081	LPH.C08236	Nguyễn Thị	Huế	18/10/94	Nữ	Huyện Văn Yên		1	99.99. 00042	D380101	6.00	3.75	5.50	15.25	15.50	
3082	LPH.C08237	Hoàng Thị	Huế	18/11/95	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	99.99. 00129	D380101	1.25	1.50	5.00	7.75	8.00	
3083	LPH.C08239	Đào Thị Ngọc	Huyện	10/10/95	Nữ	Huyện Nghi Xuân		1	99.99. 00204	D380101	4.25	1.50	6.75	12.50	12.50	
3084	LPH.C08241	Nguyễn Thị Khánh	Huyện	24/11/96	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	99.99. 00291	D380101	1.00	2.75	5.50	9.25	9.50	
3085	LPH.C08244	Nguyễn Thị	Huyện	31/07/95	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	99.99. 00008	D380101	5.00	6.00	6.50	17.50	17.50	
3086	LPH.C08245	Phạm Thị Thu	Huyện	26/09/95	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	99.99. 00106	D380101	7.25	5.50	6.50	19.25	19.50	
3087	LPH.C08246	Phùng Thảo	Huyện	21/02/95	Nữ	Quận Lê Chân		3	99.99. 00035	D380107	7.75	6.75	7.50	22.00	22.00	
3088	LPH.C08247	Trần Thị	Huyện	28/07/93	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	99.99. 00265	D380101	2.50	2.75	3.25	8.50	8.50	
3089	LPH.C08248	Vũ Thị	Huyện	24/09/94	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2NT	99.99. 00047	D380101	2.75	3.75	6.25	12.75	13.00	
3090	LPH.C08249	Đào Văn	Hùng	12/10/96		Huyện Vĩnh Tường		2NT	99.99. 00096	D380101	6.75	3.25	6.00	16.00	16.00	
3091	LPH.C08251	Phạm Thế	Hùng	24/04/92		Thị xã Nghĩa Lộ		1	99.99. 00336	D380101	2.75	2.50	5.50	10.75	11.00	
3092	LPH.C08252	Lưu Tiến	Hưng	17/08/91		Thành phố Thái	01	2	99.99. 00011	D380101	7.50	6.25	6.50	20.25	20.50	
3093	LPH.C08253	Nguyễn Tiến	Hưng	18/10/94		Huyện Thạch Thất		2	99.99. 00289	D380101	1.75	1.00	3.50	6.25	6.50	
3094	LPH.C08254	Lê Thị	Hương	07/05/94	Nữ	Huyện Đông Hỷ	01	1	99.99. 00156	D380101	2.75	3.50	7.00	13.25	13.50	
3095	LPH.C08256	Nguyễn Thị	Hương	29/10/95	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc		2NT	99.99. 00060	D380101	3.75	4.50	6.50	14.75	15.00	
3096	LPH.C08258	Phạm Thiên	Hương	15/05/95	Nữ	Thành phố Hạ Long		1	99.99. 00040	D380101	7.50	5.00	6.50	19.00	19.00	
3097	LPH.C08260	Bùi Thị Thu	Hường	09/07/94	Nữ	Huyện An Lão		2	99.99. 00249	D380107	2.25	2.50	5.00	9.75	10.00	
3098	LPH.C08261	Đinh Thị	Hường	05/02/94	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	99.99. 00082	D380107	6.50	2.00	4.50	13.00	13.00	
3099	LPH.C08262	La Thu	Hường	15/09/95	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	99.99. 00157	D380101	6.25	2.25	3.50	12.00	12.00	
3100	LPH.C08263	Nguyễn Thị	Hường	02/05/95	Nữ	Huyện Lập Thạch	01	1	99.99. 00145	D380101	5.25	4.50	7.50	17.25	17.50	
3101	LPH.C08264	Nguyễn Thị	Hường	27/09/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	99.99. 00168	D380107	3.75	1.00	3.50	8.25	8.50	
3102	LPH.C08267	Bành Bảo	Khanh	28/07/95	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	99.99. 00312	D380107	4.00	1.25	1.50	6.75	7.00	
3103	LPH.C08269	Bùi Minh	Khánh	18/05/96		Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00328	D380107	2.00	1.25	4.00	7.25	7.50	
3104	LPH.C08270	Phan Thị Vân	Khánh	25/04/95	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	99.99. 00158	D380107	6.50	5.00	5.75	17.25	17.50	
3105	LPH.C08271	Nguyễn Duy	Khuông	07/12/95		Huyện Phú Xuyên		1	99.99. 00113	D380101	2.00	2.25	6.50	10.75	11.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
3106	LPH.C08272	Trần Anh	Khương	19/05/95		Huyện Mỹ Đức		2	99.99. 00037	D380101	6.25	4.25	6.75	17.25	17.50	
3107	LPH.C08273	Lò Trung	Kiên	29/11/90		Thành phố Sơn La	01	1	99.99. 00038	D380101	4.00	4.75	6.50	15.25	15.50	
3108	LPH.C08274	Trần Ngọc	Kiên	15/11/94		Huyện Đông Anh		2	99.99. 00045	D380101	6.00	6.75	5.50	18.25	18.50	
3109	LPH.C08276	Nguyễn Thị	Kiều	30/12/96	Nữ	Huyện Đức Thọ		2NT	99.99. 00202	D380101	4.50	6.50	6.50	17.50	17.50	
3110	LPH.C08277	Đặng Thị	Lan	25/12/94	Nữ	Huyện Tam Dương		2	99.99. 00278	D380107	8.00	8.00	7.50	23.50	23.50	
3111	LPH.C08278	Nguyễn Thị	Lan	23/04/95	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	99.99. 00142	D380101	4.75	6.50	7.25	18.50	18.50	
3112	LPH.C08279	Bùi Tùng	Lâm	20/01/95		Quận Long Biên		3	99.99. 00284	D380107	2.50	3.00	6.00	11.50	11.50	
3113	LPH.C08280	Đỗ Công	Lâm	30/04/94				2NT	99.99. 00331	D380101	6.25	5.25	4.50	16.00	16.00	
3114	LPH.C08281	Nguyễn Huy	Lâm	22/07/93		Huyện Yên Châu		1	99.99. 00223	D380107	7.00	5.00	5.00	17.00	17.00	
3115	LPH.C08282	Loan Xuân	Lâu	04/07/90		Huyện Hải Hà	01	2NT	99.99. 00079	D380101	4.75	5.00	3.50	13.25	13.50	
3116	LPH.C08283	Phạm Đình	Lập	28/01/95		Huyện An Dương		2	99.99. 00019	D380101	9.00	6.50	7.00	22.50	22.50	
3117	LPH.C08285	Mai Thị Bích	Liên	01/09/96	Nữ	Huyện Yên Bình		1	99.99. 00210	D380101	5.25	5.50	6.50	17.25	17.50	
3118	LPH.C08286	Bùi Diệu	Linh	02/07/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	99.99. 00238	D380107	5.50	6.00	7.00	18.50	18.50	
3119	LPH.C08287	Cần Thị Mỹ	Linh	29/09/95	Nữ	Huyện Thạch Thất	06	2	99.99. 00170	D380101	3.75	3.50	6.00	13.25	13.50	
3120	LPH.C08292	Nguyễn Phương	Linh	09/05/95	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	99.99. 00166	D380101	4.50	3.50	5.50	13.50	13.50	
3121	LPH.C08295	Vũ Văn	Linh	12/02/92		Huyện Phúc Thọ		2	99.99. 00231	D380107	4.75	4.75	7.00	16.50	16.50	
3122	LPH.C08296	Bùi Văn	Long	26/06/93				2NT	99.99. 00062	D380101	7.75	7.00	3.50	18.25	18.50	
3123	LPH.C08298	Trần Xuân	Lương	01/10/91		Huyện Mê Linh		2	99.99. 00303		2.00	2.00	4.50	8.50	8.50	
3124	LPH.C08299	Vàng Ngọc	Lương	14/11/96		Huyện Mù Cang Chải	01	1	99.99. 00269	D380101	1.50	2.00	5.00	8.50	8.50	
3125	LPH.C08301	Nguyễn Thị	Lựu	04/04/95	Nữ	Huyện Than Uyên		1	99.99. 00024	D380101	5.75	4.00	7.00	16.75	17.00	
3126	LPH.C08302	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/03/95	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	99.99. 00074	D380101	3.25	2.50	5.75	11.50	11.50	
3127	LPH.C08303	Nguyễn Hương	Ly	26/01/94	Nữ	Huyện Văn Yên		1	99.99. 00022	D380101	2.50	2.75	7.00	12.25	12.50	
3128	LPH.C08305	Lê Thị Quỳnh	Mai	05/03/95	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	99.99. 00105	D380101	4.50	3.00	5.00	12.50	12.50	
3129	LPH.C08308	Nguyễn Đức	Mạnh	02/11/96		Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00174	D380101	0.50	1.25	2.50	4.25	4.50	
3130	LPH.C08310	Nguyễn Thị Tố	Minh	09/08/95	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	99.99. 00051	D380101	6.25	5.50	4.00	15.75	16.00	
3131	LPH.C08311	Đặng Thị Hải	My	02/09/95	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	99.99. 00039	D380101	5.25	1.50	5.50	12.25	12.50	
3132	LPH.C08312	Đỗ Hà	My	20/06/94	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	99.99. 00199	D380107	2.25	2.00	0.00	4.25	4.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
3133	LPH.C08314	Trần Hà	My	17/10/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	99.99. 00250	D380107	4.75	2.50	6.00	13.25	13.50	
3134	LPH.C08318	Bùi Thị Thanh	Nga	19/06/95	Nữ	Huyện Tứ Kỳ	06	2NT	99.99. 00046	D380107	6.25	4.50	7.25	18.00	18.00	
3135	LPH.C08319	Đinh Thị	Nga	02/11/95	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	99.99. 00033	D380101	6.25	4.25	7.25	17.75	18.00	
3136	LPH.C08321	Nguyễn Thanh	Nga	06/09/95	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	99.99. 00132	D380101	6.00	2.50	6.75	15.25	15.50	
3137	LPH.C08322	Nguyễn Thị	Nga	20/07/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	99.99. 00017	D380107	6.00	6.50	7.50	20.00	20.00	
3138	LPH.C08323	Nguyễn Thị Ngọc	Ngà	20/02/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn		1	99.99. 00279	D380101	4.75	2.50	7.00	14.25	14.50	
3139	LPH.C08324	Lăng Thanh	Ngân	18/10/95	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	99.99. 00297	D380101	3.00	2.50	6.50	12.00	12.00	
3140	LPH.C08326	Mạc Thị Kim	Ngân	18/11/95	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2	99.99. 00270	D380107	1.00	.	.	1.00	1.00	VPQC
3141	LPH.C08329	Nguyễn Thế	Nghĩa	12/11/89				2	99.99. 00348	D380107	0.50	.	.	0.50	0.50	
3142	LPH.C08330	Lâm Thị	Ngọc	18/02/95	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	99.99. 00162	D380101	5.25	3.25	6.00	14.50	14.50	
3143	LPH.C08331	Nguyễn ánh	Ngọc	03/06/95	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	99.99. 00025	D380101	7.25	4.00	7.00	18.25	18.50	
3144	LPH.C08332	Phạm Thị Bích	Ngọc	03/10/94	Nữ		06	2NT	99.99. 00065	D380101	5.25	3.25	5.50	14.00	14.00	
3145	LPH.C08333	Trần Thị	Ngọc	25/05/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	99.99. 00116	D380101	6.25	4.75	7.50	18.50	18.50	
3146	LPH.C08334	Trần Minh	Ngọc	26/05/95	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	99.99. 00135	D380107	6.50	3.75	8.00	18.25	18.50	
3147	LPH.C08341	Trương Thị	Nhung	15/01/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	99.99. 00006	D380101	5.25	4.50	6.50	16.25	16.50	
3148	LPH.C08345	Phạm Kiều	Oanh	11/05/95	Nữ			2NT	99.99. 00241	D380101	6.75	2.75	6.00	15.50	15.50	
3149	LPH.C08346	Đặng Đại	Oánh	11/10/94		Huyện Tam Nông		1	99.99. 00211	D380101	7.25	4.50	7.00	18.75	19.00	
3150	LPH.C08347	Đặng Thị Hồng	Ồn	05/09/94	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	99.99. 00325	D380101	7.50	4.50	5.50	17.50	17.50	
3151	LPH.C08348	Lê Quang	Phi	01/07/95		Thành phố Vĩnh Yên		2	99.99. 00290	D380101	3.50	1.50	4.00	9.00	9.00	
3152	LPH.C08350	Hoàng Hữu	Phúc	01/07/95		Huyện Thanh Trì		2	99.99. 00245	D380101	6.25	4.50	3.00	13.75	14.00	
3153	LPH.C08352	Đỗ Thị Bích	Phương	25/09/95	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	99.99. 00302	D380107	6.00	5.50	6.00	17.50	17.50	
3154	LPH.C08353	Hoàng Thị Hồng	Phương	16/03/95	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	99.99. 00161	D380107	1.75	4.00	5.00	10.75	11.00	
3155	LPH.C08354	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/10/95	Nữ	Thành phố Hoà Bình	01	1	99.99. 00028	D380101	4.00	2.25	5.50	11.75	12.00	VPQC
3156	LPH.C08355	Nguyễn Văn	Phương	25/12/95		Huyện Lục Nam		1	99.99. 00057	D380107	8.50	6.25	6.50	21.25	21.50	
3157	LPH.C08358	Vũ Thị	Phương	08/02/95	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	99.99. 00119	D380101	6.50	3.00	6.00	15.50	15.50	
3158	LPH.C08361	Trần Minh	Quang	08/03/95		Huyện Bắc Quang		1	99.99. 00061		1.50	3.25	6.75	11.50	11.50	
3159	LPH.C08362	Lã Tuấn Anh	Quân	25/10/95		Huyện Thanh Oai	04	2	99.99. 00010	D380107	6.50	3.50	6.00	16.00	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
3160	LPH.C08364	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	06/10/95	Nữ	Thành phố Nam Định		2	99.99. 00031	D380107	5.75	2.00	5.50	13.25	13.50	
3161	LPH.C08367	Bùi Thị Hương	Quỳnh	02/06/95	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	99.99. 00149	D380101	6.50	1.75	5.50	13.75	14.00	
3162	LPH.C08368	Đỗ Như	Quỳnh	22/03/95	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	99.99. 00029	D380101	7.00	5.25	6.50	18.75	19.00	
3163	LPH.C08369	Hoàng Thị Như	Quỳnh	15/06/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	99.99. 00191	D380101	7.75	5.00	7.00	19.75	20.00	
3164	LPH.C08371	Tòng Văn	Quỳnh	03/01/92		Huyện Than Uyên	01	1	99.99. 00258	D380101	1.50	1.25	3.00	5.75	6.00	
3165	LPH.C08372	Vũ Thị Như	Quỳnh	20/09/95	Nữ	Huyện Tam Nông		1	99.99. 00021	D380101	5.75	4.25	5.00	15.00	15.00	
3166	LPH.C08375	Trần Thị út	Sáu	15/02/94	Nữ	Huyện Văn Yên		1	99.99. 00222	D380101	1.50	1.50	6.00	9.00	9.00	
3167	LPH.C08376	Nông Chí	Sinh	27/07/94		Huyện Hàm Yên	01	1	99.99. 00101	D380101	0.25	0.50	1.50	2.25	2.50	
3168	LPH.C08377	Hứa Thị	Son	01/09/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	99.99. 00189	D380107	1.25	2.25	7.50	11.00	11.00	
3169	LPH.C08378	Đặng Vũ Thái	Sơn	01/03/94		Quận Đống Đa		3	99.99. 00067	D380101	2.75	5.00	4.75	12.50	12.50	
3170	LPH.C08379	Lê Ninh	Sơn	30/10/95		Huyện Văn Lâm		2NT	99.99. 00020	D380107	6.50	5.00	6.00	17.50	17.50	
3171	LPH.C08380	Nguyễn Xuân	Sơn	21/08/96		Thị xã Từ Sơn		2	99.99. 00018	D380101	1.00	.	.	1.00	1.00	VPQC
3172	LPH.C08381	Nông Văn	Sơn	20/04/94		Huyện Chợ Đồn	01	1	99.99. 00317	D380101	5.75	2.75	5.50	14.00	14.00	
3173	LPH.C08382	Sùng A	Súa	16/08/93		Huyện Tủa Chùa	01	1	99.99. 00300	D380101	4.50	3.00	5.50	13.00	13.00	
3174	LPH.C08383	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	12/08/94	Nữ	Huyện Mường La		2	99.99. 00192	D380101	9.00	5.25	7.00	21.25	21.50	
3175	LPH.C08384	Nguyễn Quyết	Tâm	21/03/95		Huyện Xuân Trường		2NT	99.99. 00159	D380101	6.00	3.50	5.00	14.50	14.50	
3176	LPH.C08386	Đoàn Thị	Thanh	03/03/96	Nữ	Huyện Tam Nông		2NT	99.99. 00090	D380101	1.75	0.50	3.50	5.75	6.00	
3177	LPH.C08387	Hà Thị	Thanh	26/11/90	Nữ	Huyện Thường Tín		2	99.99. 00014	D380101	3.25	4.75	6.25	14.25	14.50	
3178	LPH.C08389	Đặng Bảo	Thái	08/06/95		Quận Hà Đông		3	99.99. 00185	D380101	1.25	2.75	5.00	9.00	9.00	
3179	LPH.C08390	Ngô Văn	Thành	08/06/91		Huyện Cẩm Giàng		2NT	99.99. 00056	D380101	2.50	4.00	4.50	11.00	11.00	
3180	LPH.C08391	Dương Thu	Thảo	28/01/95	Nữ	Quận Long Biên		3	99.99. 00190	D380101	6.75	5.25	7.50	19.50	19.50	
3181	LPH.C08393	Đào Thị	Thảo	10/11/95	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	99.99. 00184	D380101	8.00	6.00	7.25	21.25	21.50	
3182	LPH.C08394	Hoàng Thị Thu	Thảo	05/12/95	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	99.99. 00197	D380107	3.00	1.25	.	4.25	4.50	
3183	LPH.C08396	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/03/95	Nữ	Huyện ứng Hoà		2NT	99.99. 00215	D380101	6.25	4.75	5.50	16.50	16.50	
3184	LPH.C08397	Nguyễn Thị	Thảo	12/07/95	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	99.99. 00292	D380101	1.25	2.25	4.50	8.00	8.00	
3185	LPH.C08399	Trần Thị	Thảo	14/02/95	Nữ	Huyện Trục Ninh		2NT	99.99. 00092	D380101	2.00	2.25	5.00	9.25	9.50	
3186	LPH.C08400	Nguyễn Công	Thạch	24/08/91				2NT	99.99. 00064	D380101	2.00	1.50	.	3.50	3.50	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
3187	LPH.C08401	Hà Văn	Thân	22/03/94		Huyện Phù Yên	01	1	99.99. 00103	D380101	7.25	4.75	5.00	17.00	17.00	
3188	LPH.C08402	Nguyễn Duy	Thắng	20/10/91		Huyện Trấn Yên		1	99.99. 00285	D380101	8.00	5.50	7.00	20.50	20.50	
3189	LPH.C08403	Hoàng Việt	Thắng	06/09/95		Thành phố Việt Trì		2	99.99. 00128	D380101	8.50	5.75	6.75	21.00	21.00	
3190	LPH.C08404	Nguyễn Hồng	Thịnh	09/03/90		Huyện Hạ Hoà	03	1	99.99. 00208	D380101	3.00	3.00	1.00	7.00	7.00	
3191	LPH.C08407	Bùi Thị	Thu	24/08/94	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	99.99. 00002	D380101	4.50	3.50	7.50	15.50	15.50	
3192	LPH.C08408	Mê Thị	Thu	09/12/94	Nữ	Huyện Yên Châu	01	2	99.99. 00070	D380101	1.75	2.75	6.00	10.50	10.50	
3193	LPH.C08410	Phạm Thị	Thu	20/06/94	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	99.99. 00275	D380107	7.25	7.25	7.50	22.00	22.00	
3194	LPH.C08411	Đặng Thị	Thúy	16/03/95	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	99.99. 00095	D380101	7.75	6.50	7.00	21.25	21.50	
3195	LPH.C08412	Nguyễn Thị	Thùy	27/05/95	Nữ	Huyện Yên Dũng		2	99.99. 00273	D380101	4.25	2.75	5.50	12.50	12.50	
3196	LPH.C08414	Nguyễn Thị Thu	Thủy	02/07/94	Nữ			2NT	99.99. 00165	D380101	4.75	4.50	6.00	15.25	15.50	
3197	LPH.C08415	Nguyễn Văn	Thủy	29/04/91		Huyện Chương Mỹ		2	99.99. 00298	D380101	3.75	6.00	5.75	15.50	15.50	
3198	LPH.C08416	Chu Thị	Thư	20/06/95	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	99.99. 00203	D380107	7.75	4.00	7.00	18.75	19.00	
3199	LPH.C08419	Hoàng Văn	Tiếp	16/05/95		Huyện Chợ Đồn	01	1	99.99. 00071	D380101	6.75	4.00	6.00	16.75	17.00	
3200	LPH.C08420	Lê Văn	Tiền	23/03/95				2NT	99.99. 00272	D380101	6.25	3.50	5.50	15.25	15.50	
3201	LPH.C08421	Lành Thế	Toàn	30/03/95		Huyện Lộc Bình	01	1	99.99. 00227	D380101	6.00	3.00	3.50	12.50	12.50	
3202	LPH.C08422	Phạm Khánh	Toàn	23/03/95		Thành phố Uông Bí		2	99.99. 00094	D380101	6.75	4.75	6.00	17.50	17.50	
3203	LPH.C08424	Nguyễn Thị Minh	Trang	23/10/95	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	99.99. 00032	D380101	5.25	4.00	7.50	16.75	17.00	
3204	LPH.C08425	Nguyễn Thị Mai	Trang	22/07/92	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	99.99. 00123	D380107	6.00	5.25	5.50	16.75	17.00	
3205	LPH.C08426	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	08/12/95	Nữ			2	99.99. 00251	D380101	0.75	2.75	5.00	8.50	8.50	
3206	LPH.C08427	Nguyễn Thảo	Trang	03/09/95	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	99.99. 00013	D380101	5.50	6.50	6.25	18.25	18.50	
3207	LPH.C08429	Nguyễn Thị	Trang	28/02/95	Nữ	Huyện Ba Vì		2	99.99. 00034	D380101	5.75	3.50	7.00	16.25	16.50	
3208	LPH.C08430	Nguyễn Thu	Trang	27/05/95	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	99.99. 00282	D380101	7.75	2.75	5.00	15.50	15.50	
3209	LPH.C08431	Phùng Thị Huyền	Trang	14/09/95	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	99.99. 00085	D380101	4.75	3.75	7.25	15.75	16.00	
3210	LPH.C08432	Vũ Thị	Trang	30/09/95	Nữ	Huyện Trục Ninh		2NT	99.99. 00001	D380101	7.25	6.00	6.00	19.25	19.50	
3211	LPH.C08436	Nguyễn Tiến	Trung	14/02/91		Huyện ứng Hoà	03	2	99.99. 00098	D380107	3.50	4.25	7.00	14.75	15.00	
3212	LPH.C08438	Nông Mạnh	Trường	19/08/95		Huyện Văn Lãng	01	1	99.99. 00256	D380101	0.75	3.75	6.50	11.00	11.00	
3213	LPH.C08439	Hoàng Quốc	Tuấn	11/10/96		Huyện Tiên Yên	01	2NT	99.99. 00287	D380101	6.75	1.75	5.50	14.00	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH C Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
3214	LPH.C08441	Nguyễn Anh	Tuấn	08/05/96		Huyện Chợ Đồn	06	2	99.99. 00351	D380107	7.00	5.25	6.75	19.00	19.00	
3215	LPH.C08442	Quách Minh	Tuấn	14/08/95		Huyện Như Thanh	01	1	99.99. 00344	D380107	4.50	3.50	6.50	14.50	14.50	
3216	LPH.C08443	Trần Văn	Tuấn	28/03/95		Huyện Trục Ninh		2NT	99.99. 00237	D380101	6.00	2.50	6.00	14.50	14.50	
3217	LPH.C08444	Vũ Ngọc	Tuấn	04/06/92		Thành phố Hải Dương		2	99.99. 00179	D380101	5.75	3.00	5.25	14.00	14.00	
3218	LPH.C08445	Lê Thị Minh	Tuyến	05/09/95	Nữ	Huyện Điện Biên		1	99.99. 00075	D380101	3.00	2.00	3.00	8.00	8.00	
3219	LPH.C08446	Sa Thị ánh	Tuyết	28/04/95	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	99.99. 00220	D380101	1.50	2.00	6.00	9.50	9.50	
3220	LPH.C08448	Nguyễn Ly	Tuyền	01/05/92		Huyện Văn Lãng		1	99.99. 00089	D380101	6.00	4.75	5.75	16.50	16.50	
3221	LPH.C08449	Nguyễn Văn	Tú	19/09/95		Huyện Phú Lương		1	99.99. 00122	D380107	3.00	1.25	5.50	9.75	10.00	
3222	LPH.C08452	Nguyễn Phúc	Tùng	21/04/95		Huyện Kiến Thụy		2NT	99.99. 00281	D380101	2.50	3.50	3.25	9.25	9.50	
3223	LPH.C08454	Nguyễn Thị Hồng	Uyen	23/10/95	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	99.99. 00073	D380107	7.75	4.00	5.50	17.25	17.50	
3224	LPH.C08455	Tráng A	Vảng	14/07/95		Huyện Văn Yên	01	1	99.99. 00193	D380101	6.00	5.00	5.00	16.00	16.00	
3225	LPH.C08456	Hoàng Thị Cẩm	Vân	03/06/94	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	99.99. 00187	D380101	4.50	2.25	7.25	14.00	14.00	
3226	LPH.C08458	Dương Kim	Vinh	05/09/94		Huyện Văn Chấn	01	1	99.99. 00309	D380101	1.00	.	.	1.00	1.00	
3227	LPH.C08460	Nguyễn Quang	Vũ	18/04/95		Huyện Hạ Hoà		1	99.99. 00151	D380101	4.75	5.25	6.75	16.75	17.00	
3228	LPH.C08461	Nguyễn Tuấn	Vũ	25/04/93		Huyện Mộc Châu		1	99.99. 00130	D380101	4.75	5.25	5.00	15.00	15.00	
3229	LPH.C08462	Phùng Thị	Xuyến	11/08/96	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	99.99. 00155	D380101	3.00	4.00	4.75	11.75	12.00	
3230	LPH.C08463	Lỗ Thị	Yên	12/08/95	Nữ	Huyện Mê Linh		2	99.99. 00255	D380101	1.50	.	.	1.50	1.50	
3231	LPH.C08467	Nguyễn Hải	Yến	01/11/95	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	99.99. 00209	D380101	1.75	3.50	4.50	9.75	10.00	
3232	LPH.C08468	Phan Như	ý	19/08/95	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	99.99. 00324	D380101	6.50	1.50	5.50	13.50	13.50	
3233	LPH.C30002	Nguyễn Văn	Thành	20/10/94		Huyện Chương Mỹ		2	1B.37. 00183	D380107	6.00	6.75	6.00	18.75	19.00	

CỘNG TRƯỜNG LPHC : 3233 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1	LPH.D1 08469	Chu Minh	Anh	11/06/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.00. 01264	D110101	5.25	6.75	6.00	18.00	18.00	
2	LPH.D1 08470	Lê Minh	Anh	18/07/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.00. 01267	D110101	5.75	6.00	7.50	19.25	19.50	
3	LPH.D1 08473	Phan Thị Mỹ	Anh	29/10/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01277	D110101	7.00	6.50	7.25	20.75	21.00	
4	LPH.D1 08474	Phạm Tuấn	Anh	22/01/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.00. 01266	D110101	5.50	7.75	5.75	19.00	19.00	
5	LPH.D1 08478	Nguyễn Thu	Hà	29/11/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.00. 01265	D110101	5.75	6.00	7.00	18.75	19.00	
6	LPH.D1 08479	Chu Thị Ngọc	Hạnh	30/07/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.00. 01285	D380101	6.50	5.00	6.00	17.50	17.50	
7	LPH.D1 08480	Đặng Mỹ	Hạnh	24/04/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01271	D110101	6.75	7.50	6.50	20.75	21.00	
8	LPH.D1 08482	Nguyễn Thế	Hiển	13/03/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 01276	D110101	7.25	8.50	7.00	22.75	23.00	
9	LPH.D1 08486	Nguyễn Xuân	Khánh	30/11/96		Quận Đống Đa		3	1A.00. 01293	D380107	6.75	6.25	2.50	15.50	15.50	
10	LPH.D1 08487	Bùi Công Duy	Linh	27/03/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 01273	D110101	6.25	9.50	8.25	24.00	24.00	
11	LPH.D1 08488	Bùi Kiều	Linh	13/10/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01281	D110101	6.75	8.50	6.50	21.75	22.00	
12	LPH.D1 08490	Văn Hoàng	Minh	29/10/96		Quận Tây Hồ		3	1A.00. 01287	D380101	4.75	4.75	5.50	15.00	15.00	
13	LPH.D1 08491	Nguyễn Hoàng	Nam	27/12/96		Quận Ba Đình		3	1A.00. 01286	D380101	5.75	8.75	7.00	21.50	21.50	
14	LPH.D1 08492	Hoàng Bảo	Ngọc	05/05/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01291	D380107	5.75	8.00	7.50	21.25	21.50	
15	LPH.D1 08495	Lê Vũ Phương	Thảo	06/07/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.00. 01279	D110101	5.25	3.75	7.00	16.00	16.00	
16	LPH.D1 08496	Nguyễn Quỳnh Anh	Thơ	14/12/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01288	D380101	3.25	8.50	8.25	20.00	20.00	
17	LPH.D1 08497	Lê Thanh	Thủy	19/03/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01269	D110101	7.75	8.25	7.50	23.50	23.50	
18	LPH.D1 08498	Nguyễn Anh	Thư	25/08/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.00. 01329		6.25	8.00	6.00	20.25	20.50	
19	LPH.D1 08501	Đỗ Minh	Trang	17/07/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.00. 01292	D380107	7.00	7.00	7.50	21.50	21.50	
20	LPH.D1 08503	Hồ Sỹ	Dũng	18/11/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.01. 00919	D380101	6.25	8.00	2.00	16.25	16.50	
21	LPH.D1 08512	Đào Hoàng Việt	Đức	23/04/96		Quận Ba Đình		3	1A.02. 00119	D110101	4.50	5.75	6.00	16.25	16.50	
22	LPH.D1 08513	Nguyễn Minh	Hà	01/09/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		3	1A.02. 00124	D380101	6.75	7.00	6.50	20.25	20.50	
23	LPH.D1 08514	Tạ Minh	Hòa	22/01/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.02. 00123	D380101	6.25	6.00	6.50	18.75	19.00	
24	LPH.D1 08515	Phạm Trang	Linh	19/04/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.02. 00117	D110101	6.50	6.75	5.50	18.75	19.00	
25	LPH.D1 08517	Văn Kim	Ngân	01/09/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.02. 00129		6.50	7.00	6.50	20.00	20.00	
26	LPH.D1 08518	Nguyễn Hải	Ninh	16/10/96		Quận Ba Đình		3	1A.02. 00126	D380107	7.25	8.25	4.75	20.25	20.50	
27	LPH.D1 08519	Lê Hoàng	Phương	11/04/96		Quận Ba Đình		3	1A.02. 00125	D380101	6.25	5.50	3.50	15.25	15.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
28	LPH.D1 08521	Phạm Hương	Thảo	24/10/96	Nữ	Quận Ba Đình	06	3	1A.02. 00120	D380101	6.50	6.50	7.00	20.00	20.00	
29	LPH.D1 08523	Trần Thanh	Tùng	28/10/96		Quận Đống Đa		3	1A.03. 00204	D380107	5.50	4.00	5.00	14.50	14.50	
30	LPH.D1 08524	Nguyễn Đức Tuấn	Anh	05/12/94		Quận Ba Đình		3	1A.06. 00062	D380101	6.75	3.25	4.50	14.50	14.50	
31	LPH.D1 08526	Nguyễn Phương	Thảo	08/08/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.06. 00061	D380101	6.75	6.00	6.00	18.75	19.00	
32	LPH.D1 08528	Nguyễn Diên	Anh	06/12/96		Quận Đống Đa		3	1A.07. 00877	D380101	6.75	5.25	8.50	20.50	20.50	
33	LPH.D1 08529	Nguyễn Quốc	Anh	29/02/96		Quận Ba Đình		3	1A.07. 00870	D380101	5.75	7.50	3.50	16.75	17.00	
34	LPH.D1 08532	Ngô Thị Ngân	Hà	25/02/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.07. 00867	D380101	6.75	4.50	8.00	19.25	19.50	
35	LPH.D1 08534	Bùi Minh	Hiếu	16/01/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.07. 00878	D380101	6.50	4.25	5.00	15.75	16.00	
36	LPH.D1 08539	Đặng Kiều	My	27/06/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.07. 00866	D380101	4.50	5.50	3.00	13.00	13.00	
37	LPH.D1 08540	Nguyễn ánh	Ngọc	30/04/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.07. 00865	D380101	6.50	7.25	7.00	20.75	21.00	
38	LPH.D1 08543	Nguyễn Anh	Quân	23/12/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.07. 00869	D380101	3.50	6.00	4.00	13.50	13.50	
39	LPH.D1 08546	Hà Văn	Anh	22/05/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.08. 01466	D380101	5.75	5.50	7.25	18.50	18.50	
40	LPH.D1 08547	Lê Quỳnh	Anh	20/01/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.08. 01453	D110101	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
41	LPH.D1 08548	Lê Xuân	Anh	21/01/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.08. 01484	D380101	6.75	8.25	6.00	21.00	21.00	
42	LPH.D1 08552	Nghiêm Hoàng Yến	Chi	12/10/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.08. 01461	D380107	6.75	8.50	8.00	23.25	23.50	
43	LPH.D1 08559	Nguyễn Lê Minh	Hà	18/01/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.08. 01454	D110101	6.00	7.00	5.75	18.75	19.00	
44	LPH.D1 08560	Bùi Nguyễn Minh	Hàng	12/03/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01476	D380101	6.50	8.25	8.50	23.25	23.50	
45	LPH.D1 08561	Trần Thị Minh	Hàng	07/12/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.08. 01480	D380101	6.25	6.25	6.75	19.25	19.50	
46	LPH.D1 08562	Nguyễn Trung	Hung	17/01/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.08. 01479	D380101	5.50	7.25	7.00	19.75	20.00	
47	LPH.D1 08565	Nguyễn Hương	Ly	01/08/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01470	D380101	6.75	6.75	7.00	20.50	20.50	
48	LPH.D1 08566	Nguyễn Tô	Minh	07/12/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01483	D380101	6.50	7.00	2.50	16.00	16.00	
49	LPH.D1 08568	Trần Hoàng	My	21/12/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.08. 01475	D380101	6.75	6.50	7.50	20.75	21.00	
50	LPH.D1 08569	Lê Thị Hương	Nhi	23/09/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01471	D380101	7.25	8.00	7.50	22.75	23.00	
51	LPH.D1 08570	Trương Yến	Nhi	27/03/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.08. 01474	D380101	7.25	8.25	7.00	22.50	22.50	
52	LPH.D1 08572	Nguyễn Viêt Hoàng	Sơn	22/06/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01482	D380101	6.75	7.50	5.50	19.75	20.00	
53	LPH.D1 08573	Lê Nghĩa	Tâm	20/07/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 02214	D380101	6.00	5.75	7.75	19.50	19.50	
54	LPH.D1 08575	Chu Thuỳ	Trang	21/10/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01478	D380101	6.25	3.00	6.50	15.75	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
55	LPH.D1 08577	Nguyễn Chí	Trung	05/05/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.08. 01463	D380107	7.25	8.50	7.75	23.50	23.50	
56	LPH.D1 08581	Đỗ Thị Vân	Anh	10/09/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.09. 00941	D380101	2.00	2.75	4.00	8.75	9.00	
57	LPH.D1 08583	Nguyễn Thị Hải	Anh	18/12/96	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	1A.09. 00936	D380101	4.25	3.25	3.50	11.00	11.00	
58	LPH.D1 08585	Phạm Huy	Hoàng	23/10/96		Quận Đống Đa		3	1A.09. 01161		5.00	3.50	4.00	12.50	12.50	
59	LPH.D1 08588	Đỗ Minh	Nghĩa	19/04/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.09. 00940	D380107	5.50	4.75	4.50	14.75	15.00	
60	LPH.D1 08589	Lê Hải	Sơn	06/05/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.09. 00937	D380101	2.00	2.50	5.00	9.50	9.50	
61	LPH.D1 08591	Dương Thị	Thu	02/09/96	Nữ	Huyện Việt Yên		3	1A.09. 00938	D380101	3.00	3.00	4.50	10.50	10.50	
62	LPH.D1 08593	Nguyễn Hồng	Loan	06/09/95	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.10. 00182	D380101	6.75	4.00	6.25	17.00	17.00	
63	LPH.D1 08595	Nguyễn Khắc	Lam	16/07/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.11. 00864	D110101	3.25	4.75	6.75	14.75	15.00	
64	LPH.D1 08597	Nguyễn Xuân Trà	My	25/05/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.11. 00868	D380101	3.00	5.50	0.00	8.50	8.50	
65	LPH.D1 08601	Lỗ Thanh	Tú	05/09/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.11. 00863	D110101	4.50	5.50	6.50	16.50	16.50	
66	LPH.D1 08603	Hà Kiều	Anh	24/08/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.12. 00224	D380101	4.50	7.50	6.00	18.00	18.00	
67	LPH.D1 08604	Nguyễn Hoàng Ngọc	Diệp	11/07/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.12. 00219	D110101	6.25	7.75	7.50	21.50	21.50	
68	LPH.D1 08607	Nguyễn Diệu	Thùy	16/10/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.12. 00228	D380107	6.50	7.25	6.00	19.75	20.00	
69	LPH.D1 08608	Vương Thiên	Trang	12/10/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.12. 00220	D110101	6.75	5.00	5.50	17.25	17.50	
70	LPH.D1 08609	Trần Nguyên	Tuệ	07/03/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.12. 00221	D110101	4.25	6.25	5.50	16.00	16.00	
71	LPH.D1 08610	Ngô Thu	Uyên	06/02/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.12. 00226	D380107	6.75	7.25	7.50	21.50	21.50	
72	LPH.D1 08612	Hoàng Nam	Anh	27/11/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01189	D380101	7.75	5.50	6.50	19.75	20.00	
73	LPH.D1 08613	Phạm Thị Quỳnh	Anh	28/05/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01174	D110101	7.00	8.75	8.00	23.75	24.00	
74	LPH.D1 08615	Nguyễn Hồng	Châm	04/10/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.13. 01181	D380101	6.25	6.00	7.50	19.75	20.00	
75	LPH.D1 08617	Lê Đăng	Huy	10/03/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01180	D380101	4.50	4.75	6.25	15.50	15.50	
76	LPH.D1 08621	Nguyễn Thanh	Hương	17/11/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.13. 01194	D380107	6.25	8.50	7.00	21.75	22.00	
77	LPH.D1 08623	Hoàng Mỹ	Linh	30/11/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01185	D380101	6.75	7.25	7.75	21.75	22.00	
78	LPH.D1 08624	Nguyễn Mỹ	Linh	17/09/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.13. 01176	D110101	5.25	5.75	7.25	18.25	18.50	
79	LPH.D1 08628	Đặng Hồng	Nhung	04/08/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01177	D110101	6.75	8.00	7.00	21.75	22.00	
80	LPH.D1 08631	Trần Thị Thúy	Quỳnh	25/05/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.13. 01171	D110101	1.75	4.00	8.50	14.25	14.50	
81	LPH.D1 08632	Trần Quốc	Thái	17/01/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01187	D380101	6.75	5.25	6.50	18.50	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
82	LPH.D1 08633	Mai Thị Phương	Thảo	20/09/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.13. 01186	D380101	4.75	3.00	5.00	12.75	13.00	
83	LPH.D1 08634	Nguyễn Phương	Thảo	20/11/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.13. 01172	D110101	6.75	7.25	8.50	22.50	22.50	
84	LPH.D1 08638	Phạm Ngọc	Khuê	25/06/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.16. 00408	D380101	0.75	3.25	2.75	6.75	7.00	
85	LPH.D1 08640	Trịnh Duy	Anh	25/02/96		Quận Đống Đa		3	1A.17. 00909	D380101	6.25	4.75	7.00	18.00	18.00	
86	LPH.D1 08641	Đặng Văn	Dũng	27/12/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.17. 00911	D380101	7.00	8.00	7.75	22.75	23.00	
87	LPH.D1 08642	Nguyễn Trí	Đức	15/10/96		Quận Đống Đa		3	1A.17. 00914	D380101	6.75	6.25	3.50	16.50	16.50	
88	LPH.D1 08644	Dương Tùng	Lâm	26/11/96		Quận Đống Đa		3	1A.17. 00913	D380101	7.50	8.00	5.00	20.50	20.50	
89	LPH.D1 08646	Lương Kiều	Oanh	02/07/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.17. 00907	D110101	4.00	3.00	5.50	12.50	12.50	
90	LPH.D1 08650	Nguyễn Hoàng	Anh	01/06/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.18. 01305	D380107	6.50	8.25	8.00	22.75	23.00	
91	LPH.D1 08652	Nguyễn Đức	Anh	30/01/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01273	D110101	6.75	6.50	7.00	20.25	20.50	
92	LPH.D1 08656	Trần Linh	Chi	01/01/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01287	D380101	6.75	6.75	6.00	19.50	19.50	
93	LPH.D1 08658	Ngô Thị Ngân	Giang	21/06/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01299	D380107	6.75	7.00	6.50	20.25	20.50	
94	LPH.D1 08659	Nguyễn Thị Hương	Giang	04/08/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01296	D380107	6.75	8.50	8.50	23.75	24.00	
95	LPH.D1 08660	Nguyễn Bằng	Giang	22/07/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01300	D380107	5.25	6.50	5.00	16.75	17.00	
96	LPH.D1 08661	Trần Hương	Giang	16/08/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01302	D380107	6.75	7.50	6.00	20.25	20.50	
97	LPH.D1 08662	Phạm Hồng	Hạnh	14/05/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01279	D380101	6.50	6.25	7.50	20.25	20.50	
98	LPH.D1 08663	Vũ Minh	Hằng	07/10/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.18. 01286	D380101	5.75	5.75	7.00	18.50	18.50	
99	LPH.D1 08664	Dương Minh	Hiếu	02/02/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.18. 01307	D380107	6.75	4.00	3.25	14.00	14.00	
100	LPH.D1 08666	Nguyễn Huy	Khánh	12/10/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.18. 01301	D380107	7.50	8.75	8.00	24.25	24.50	
101	LPH.D1 08667	Phạm Minh	Khuê	15/12/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01264	D110101	7.75	8.75	5.00	21.50	21.50	
102	LPH.D1 08669	Lê Bảo	Linh	09/02/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01282	D380101	7.50	7.50	8.00	23.00	23.00	
103	LPH.D1 08670	Nguyễn Khánh	Linh	15/06/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01269	D110101	6.25	5.00	7.25	18.50	18.50	
104	LPH.D1 08673	Nguyễn Đỗ Cẩm	Nhung	09/03/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01271	D110101	6.00	8.75	7.00	21.75	22.00	
105	LPH.D1 08674	Đặng Bích	Phương	09/10/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01267	D110101	7.25	8.25	7.50	23.00	23.00	
106	LPH.D1 08675	Nguyễn Minh	Phương	24/06/96	Nữ	Quận Đống Đa	06	3	1A.18. 01290	D380101	6.50	5.75	8.50	20.75	21.00	
107	LPH.D1 08676	Nguyễn Hà	Phương	07/11/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01293	D380101	6.75	6.00	3.50	16.25	16.50	
108	LPH.D1 08677	Nguyễn Gia	Quân	05/03/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01278	D380101	5.75	6.25	0.50	12.50	12.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
109	LPH.D1 08680	Đỗ Trần	Thành	30/10/96		Quận Đống Đa		3	1A.18. 01297	D380107	6.75	8.75	7.00	22.50	22.50	
110	LPH.D1 08682	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/10/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01285	D380101	7.25	9.50	8.00	24.75	25.00	
111	LPH.D1 08683	Đỗ Đức	Thiện	15/06/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.18. 01280	D380101	7.25	3.25	1.50	12.00	12.00	
112	LPH.D1 08684	Hà Phương	Thu	25/06/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.18. 01303	D380107	8.50	5.75	7.50	21.75	22.00	
113	LPH.D1 08688	Nguyễn Minh	Trang	25/12/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.18. 01270	D110101	6.25	6.75	8.00	21.00	21.00	
114	LPH.D1 08691	Nguyễn Thị Hồng	Việt	07/03/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.18. 01276	D380101	6.75	8.50	7.25	22.50	22.50	
115	LPH.D1 08693	Đỗ Thị Trung	Anh	26/08/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01218	D380101	6.75	8.00	5.50	20.25	20.50	
116	LPH.D1 08695	Nguyễn Linh	Chi	13/10/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01222	D380101	6.75	7.25	6.00	20.00	20.00	
117	LPH.D1 08696	Lê Tuấn	Dũng	29/09/96		Quận Hoàn Kiếm		3	1A.19. 01219	D380101	6.75	8.00	5.75	20.50	20.50	
118	LPH.D1 08697	Ngô Thanh	Giang	12/08/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.19. 01229	D380107	6.75	7.50	7.00	21.25	21.50	
119	LPH.D1 08699	Trần Hương	Giang	03/07/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01211	D110101	7.25	7.75	7.00	22.00	22.00	
120	LPH.D1 08703	Trần Trung	Kiên	02/11/96		Quận Đống Đa		3	1A.19. 01217	D380101	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	
121	LPH.D1 08704	Doãn Hồng	Linh	03/02/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01214	D110101	6.75	7.75	8.00	22.50	22.50	
122	LPH.D1 08705	Ngô Thảo	Linh	07/09/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.19. 01212	D110101	8.00	8.75	6.00	22.75	23.00	
123	LPH.D1 08710	Vũ Bảo	Trâm	23/08/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01223	D380101	6.75	7.75	8.00	22.50	22.50	
124	LPH.D1 08713	Nguyễn Thu	Uyên	01/10/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.19. 01216	D380101	7.25	8.25	8.00	23.50	23.50	
125	LPH.D1 08716	Nguyễn Đăng	Khoa	21/10/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.20. 01029	D380101	7.25	8.75	7.50	23.50	23.50	
126	LPH.D1 08717	Võ Ngọc Phương	Linh	06/01/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.20. 01030	D380101	5.75	8.00	7.75	21.50	21.50	
127	LPH.D1 08719	Hoàng Hương	Ly	31/12/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.20. 01025	D110101	6.75	8.25	6.75	21.75	22.00	
128	LPH.D1 08721	Lương Đăng	Phúc	26/02/96		Quận Đống Đa		3	1A.20. 01034	D380107	6.50	7.00	5.00	18.50	18.50	
129	LPH.D1 08722	Bùi Thị Như	Quỳnh	12/01/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.20. 01031	D380101	7.00	6.00	7.00	20.00	20.00	
130	LPH.D1 08725	Nguyễn Đức	Thiện	24/09/96		Quận Đống Đa		3	1A.21. 00570	D380107	2.00	2.50	7.00	11.50	11.50	
131	LPH.D1 08726	Bùi Minh	Đức	21/10/96		Quận Đống Đa		3	1A.22. 00808	D380101	4.25	6.00	6.00	16.25	16.50	
132	LPH.D1 08727	Vũ Huy	Hoàng	05/12/96		Quận Đống Đa		3	1A.22. 00809	D380101	6.75	7.25	7.25	21.25	21.50	
133	LPH.D1 08729	Đoàn Hải	Tuyên	27/02/96		Th. phố Tuyên Quang		3	1A.22. 00810	D380101	4.00	6.25	6.50	16.75	17.00	
134	LPH.D1 08730	Trần Thành	Đạt	21/09/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.23. 00499	D380101	1.50	2.75	4.75	9.00	9.00	
135	LPH.D1 08732	Nguyễn Hà	Quang	01/11/95		Quận Đống Đa		3	1A.23. 00500	D380101	6.25	5.25	4.50	16.00	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
136	LPH.D1 08740	Công Ngọc	Chi	02/06/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.24. 00904	D380101	6.75	4.25	6.50	17.50	17.50	
137	LPH.D1 08741	Đỗ Thái	Dương	18/11/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.24. 00919	D380107	6.75	5.00	5.50	17.25	17.50	
138	LPH.D1 08743	Nguyễn Thùy	Dương	25/05/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.24. 00923	D380107	6.25	7.75	8.00	22.00	22.00	
139	LPH.D1 08748	Trần Nhật	Hạ	03/05/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.24. 00926	D380107	7.75	9.00	8.50	25.25	25.50	
140	LPH.D1 08749	Vương Trung	Hiếu	17/02/96		Quận Ba Đình		3	1A.24. 00893	D110101	7.25	7.00	3.00	17.25	17.50	
141	LPH.D1 08754	Nguyễn Phương	Mai	26/08/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.24. 00910	D380101	6.75	7.75	8.50	23.00	23.00	
142	LPH.D1 08758	Vũ Hà	My	16/06/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.24. 00920	D380107	7.25	9.00	7.50	23.75	24.00	
143	LPH.D1 08759	Trần Thành	Nam	14/10/96		Quận Ba Đình		3	1A.24. 00917	D380107	7.75	8.50	5.50	21.75	22.00	
144	LPH.D1 08760	Hoàng Linh	Phương	02/11/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.24. 00913	D380101	7.25	9.00	7.50	23.75	24.00	
145	LPH.D1 08761	Trương Anh	Quân	09/12/96		Quận Ba Đình		3	1A.24. 00894	D110101	7.25	7.75	6.00	21.00	21.00	
146	LPH.D1 08762	Hoàng Thu	Trang	05/06/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.24. 00924	D380107	6.75	8.75	7.50	23.00	23.00	
147	LPH.D1 08763	Lương Thị Kiều	Trang	23/01/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.24. 00912	D380101	7.25	7.25	7.50	22.00	22.00	
148	LPH.D1 08765	Phạm Quỳnh	Trang	30/04/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.24. 00911	D380101	7.00	8.50	7.75	23.25	23.50	
149	LPH.D1 08766	Chu Quốc	Việt	15/02/96		Quận Tây Hồ		3	1A.24. 00909	D380101	6.50	3.75	7.00	17.25	17.50	
150	LPH.D1 08767	Chu Thế	Vinh	29/03/96		Quận Ba Đình		3	1A.24. 00914	D380101	5.75	7.00	5.00	17.75	18.00	
151	LPH.D1 08768	Vũ Thục	Anh	17/04/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.25. 00750	D380107	5.75	5.25	6.25	17.25	17.50	
152	LPH.D1 08769	Tạ Thu	Hoài	12/08/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.25. 00749	D380107	5.75	6.25	5.50	17.50	17.50	
153	LPH.D1 08770	Phạm Minh	Tâm	19/05/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.25. 00747	D110101	4.00	4.25	5.00	13.25	13.50	
154	LPH.D1 08771	Trần Minh	Trang	28/07/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.25. 00748	D110101	6.75	6.75	8.00	21.50	21.50	
155	LPH.D1 08773	Nguyễn Sơn Việt	Anh	22/01/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.28. 00665	D380107	6.75	8.25	7.25	22.25	22.50	
156	LPH.D1 08776	Lê Minh	Đức	07/03/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.28. 00666	D380107	7.25	8.75	4.50	20.50	20.50	
157	LPH.D1 08777	Nguyễn Thu	Giang	19/01/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.28. 00653	D380101	7.50	9.00	6.75	23.25	23.50	
158	LPH.D1 08779	Phùng Huy	Hiệu	01/12/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.28. 00655	D380101	7.25	7.75	6.50	21.50	21.50	
159	LPH.D1 08784	Dương Ngọc	Khánh	09/01/96		Quận Đống Đa		3	1A.28. 00661	D380107	8.00	6.00	4.50	18.50	18.50	
160	LPH.D1 08785	Phạm	Khôi	15/02/96		Quận Đống Đa		3	1A.28. 00657	D380101	7.25	8.25	6.00	21.50	21.50	
161	LPH.D1 08787	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	27/01/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.28. 00651	D380101	6.50	8.75	8.50	23.75	24.00	
162	LPH.D1 08788	Nguyễn Thị Diệu	Linh	06/04/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.28. 00646	D110101	6.75	8.50	6.75	22.00	22.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
163	LPH.D1 08794	Đỗ Nữ Hà	Phuong	16/06/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1A.28. 00660	D380107	6.75	7.75	8.75	23.25	23.50	
164	LPH.D1 08795	Ngô Hữu	Quân	08/01/96		Quận Đống Đa		3	1A.28. 00650	D380101	1.25	8.25	6.50	16.00	16.00	
165	LPH.D1 08798	Đinh Thu	Thủy	25/08/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.28. 00642	D110101	7.00	8.75	8.00	23.75	24.00	
166	LPH.D1 08801	Nguyễn Đài	Trang	19/08/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.28. 00649	D380101	7.25	8.00	8.00	23.25	23.50	
167	LPH.D1 08802	Nguyễn Anh	Tú	06/11/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.28. 00654	D380101	6.50	4.50	5.00	16.00	16.00	
168	LPH.D1 08803	Ngô Chu	Anh	04/01/95	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00952	D380101	6.75	8.75	8.00	23.50	23.50	
169	LPH.D1 08804	Nguyễn Mai	Anh	25/02/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00956	D380101	4.00	6.00	6.50	16.50	16.50	
170	LPH.D1 08808	Trương Khánh	Đạt	13/11/96		Huyện Từ Liêm		3	1A.29. 00949	D380101	5.00	6.50	6.50	18.00	18.00	
171	LPH.D1 08811	Phạm Thanh	Hương	08/11/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.29. 00963	D110101	6.00	7.50	7.00	20.50	20.50	
172	LPH.D1 08812	Đỗ Phương	Khánh	09/12/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00948	D380101	6.00	7.25	6.00	19.25	19.50	
173	LPH.D1 08814	Mai Thùy	Linh	03/08/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00947	D380101	7.25	7.75	7.50	22.50	22.50	
174	LPH.D1 08815	Nguyễn Phạm Mỹ	Linh	05/07/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.29. 00964	D110101	6.50	8.50	7.50	22.50	22.50	
175	LPH.D1 08816	Đỗ Thị Thanh	Mai	02/07/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.29. 00950	D380101	6.75	7.50	7.75	22.00	22.00	
176	LPH.D1 08820	Đoàn Thanh	Nga	03/01/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.29. 00953	D380101	8.75	8.50	6.25	23.50	23.50	
177	LPH.D1 08821	Mai Kim	Ngân	10/08/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.29. 00958	D380107	6.75	8.00	7.75	22.50	22.50	
178	LPH.D1 08823	Lê Mai	Phuong	28/12/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00965	D110101	7.25	7.50	7.00	21.75	22.00	
179	LPH.D1 08824	Đặng Võ Anh	Quang	14/02/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00946	D380101	7.00	7.50	4.50	19.00	19.00	
180	LPH.D1 08825	Nguyễn Phương	Thảo	20/01/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00954	D380101	5.75	7.50	7.50	20.75	21.00	
181	LPH.D1 08826	Nguyễn Huy	Thắng	06/07/96		Quận Đống Đa		3	1A.29. 00943	D380101	7.25	3.00	3.75	14.00	14.00	
182	LPH.D1 08827	Nguyễn Anh	Thư	26/12/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.29. 00944	D380101	5.25	4.00	6.25	15.50	15.50	
183	LPH.D1 08830	Lê Quỳnh	Anh	24/06/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.30. 01269	D380101	7.25	8.75	6.50	22.50	22.50	
184	LPH.D1 08835	Phan Thu	Hà	02/10/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.30. 01261	D380101	7.75	8.25	8.50	24.50	24.50	
185	LPH.D1 08840	Vũ Thị Thảo	Khuê	07/02/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.30. 01271	D380101	8.00	4.25	8.75	21.00	21.00	
186	LPH.D1 08844	Nguyễn Văn	Long	14/09/96		Quận Đống Đa		3	1A.30. 01262	D380101	7.25	8.50	8.00	23.75	24.00	
187	LPH.D1 08845	Đỗ Trà	My	31/07/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.30. 01255	D380101	7.25	8.50	7.00	22.75	23.00	
188	LPH.D1 08847	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	23/07/96	Nữ	Thành phố Móng Cái		3	1A.30. 01266	D380101	6.75	4.50	5.50	16.75	17.00	
189	LPH.D1 08849	Lại Nhật	Quang	13/03/96		Quận Đống Đa		3	1A.30. 01272	D380107	6.50	7.25	6.00	19.75	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
190	LPH.D1 08850	Nguyễn Minh	Quân	06/01/96		Huyện Từ Liêm		3	1A.30. 01253	D380101	7.25	9.25	7.00	23.50	23.50	
191	LPH.D1 08854	Nguyễn Đức	Thuận	05/01/96		Quận Tây Hồ		3	1A.30. 01274	D380107	7.25	8.75	8.00	24.00	24.00	
192	LPH.D1 08855	Lại Thị Diệu	Thùy	18/03/96	Nữ	Huyện Thuận Châu		3	1A.30. 01260	D380101	8.50	7.25	7.00	22.75	23.00	
193	LPH.D1 08857	Khuất Linh	Trang	15/02/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		3	1A.30. 01276	D380107	6.25	7.75	8.25	22.25	22.50	
194	LPH.D1 08858	Phạm Minh	Tuấn	08/05/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.30. 01278	D380107	6.00	7.25	5.50	18.75	19.00	
195	LPH.D1 08860	Nguyễn Thu	Vân	18/07/96	Nữ	Huyện Đông Anh		3	1A.30. 01264	D380101	5.75	6.25	7.50	19.50	19.50	
196	LPH.D1 08862	Chung Khánh	Linh	19/03/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	3	1A.31. 00810	D380101	4.50	5.00	5.00	14.50	14.50	
197	LPH.D1 08863	Hoàng Triều	Nam	07/10/96		Quận Ba Đình		3	1A.31. 00811		8.00	7.50	8.50	24.00	24.00	
198	LPH.D1 08864	Trịnh Thị	Quyên	12/02/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		3	1A.31. 01177	D380101	5.75	2.50	7.00	15.25	15.50	
199	LPH.D1 08866	Ngô Dương Huệ	Anh	19/08/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.32. 00654	D380107	7.50	5.50	7.50	20.50	20.50	
200	LPH.D1 08868	Nguyễn Lan	Chi	27/11/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.32. 00651	D380101	7.00	9.50	7.00	23.50	23.50	
201	LPH.D1 08869	Trần Anh	Duy	17/11/96		Quận Hồng Bàng		3	1A.32. 00653	D380107	8.00	8.75	2.00	18.75	19.00	
202	LPH.D1 08875	Vũ Nhật	Hoàng	18/06/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.32. 00639	D110101	6.75	7.00	1.50	15.25	15.50	
203	LPH.D1 08879	Nguyễn Ngọc	Mai	17/01/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.32. 00656	D380107	8.25	7.00	7.50	22.75	23.00	
204	LPH.D1 08881	Lê Bích	Ngà	02/12/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.32. 00646	D380101	6.75	8.25	8.00	23.00	23.00	
205	LPH.D1 08884	Trần Thị Mỹ	Nhân	17/12/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.32. 00657	D380107	6.75	7.75	8.00	22.50	22.50	
206	LPH.D1 08885	Phạm Hoàng ý	Nhi	20/07/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.32. 00661	D380107	7.25	8.50	8.00	23.75	24.00	
207	LPH.D1 08888	Nguyễn Mai	Phương	08/12/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên		3	1A.32. 00648	D380101	6.75	8.25	8.75	23.75	24.00	
208	LPH.D1 08889	Bùi Minh	Thảo	29/09/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.32. 00655	D380107	7.25	9.50	8.00	24.75	25.00	
209	LPH.D1 08893	Đặng Linh	Chi	05/04/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.33. 00467	D380101	7.25	8.50	7.75	23.50	23.50	
210	LPH.D1 08894	Nguyễn Quỳnh	Chi	16/05/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.33. 00468	D380101	8.00	9.00	7.25	24.25	24.50	
211	LPH.D1 08896	Nguyễn Thuỳ	Dung	21/06/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.33. 00463	D380101	6.50	8.50	7.00	22.00	22.00	
212	LPH.D1 08899	Nguyễn Minh	Hằng	12/08/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.33. 00454	D110101	7.25	9.00	7.50	23.75	24.00	
213	LPH.D1 08903	Nguyễn Linh	Hương	21/12/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.33. 00475	D380107	7.75	9.00	4.00	20.75	21.00	
214	LPH.D1 08908	Nguyễn Diệu	Linh	31/07/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.33. 00462	D380101	6.75	8.25	7.75	22.75	23.00	
215	LPH.D1 08910	Lê Tuấn	Minh	21/10/96		Quận Đống Đa		3	1A.33. 00461	D380101	6.00	8.75	7.75	22.50	22.50	
216	LPH.D1 08911	Trần Đức	Nam	10/05/96		Quận Đống Đa		3	1A.33. 00457	D110101	8.00	9.25	5.75	23.00	23.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
217	LPH.D1 08913	Phạm Hồng	Phát	24/10/96		Quận Hoàng Mai	06	3	1A.33. 00470	D380107	6.50	9.00	8.00	23.50	23.50	
218	LPH.D1 08915	Đoàn Quỳnh	Thơ	17/10/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.33. 00458	D110101	7.25	8.75	7.25	23.25	23.50	
219	LPH.D1 08916	Nguyễn Cẩm	Tú	03/12/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.33. 00477	D380107	6.75	9.50	6.50	22.75	23.00	
220	LPH.D1 08917	Đỗ Ngọc Trâm	Anh	31/12/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.34. 00817	D380101	6.75	5.50	7.25	19.50	19.50	
221	LPH.D1 08918	Hồ Trần	Chính	04/11/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.34. 00809	D110101	7.25	8.25	3.25	18.75	19.00	
222	LPH.D1 08920	Tô Hồng	Minh	20/04/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.34. 00805	D380101	5.75	6.50	6.50	18.75	19.00	
223	LPH.D1 08922	Nguyễn Thanh	Thảo	08/06/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	1A.34. 00807	D380101	5.50	2.75	5.00	13.25	13.50	
224	LPH.D1 08923	Hoàng Thành	Trung	29/04/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.34. 00803	D380101	4.00	8.50	6.50	19.00	19.00	
225	LPH.D1 08925	Nguyễn Hà	Dương	15/07/94		Quận Cầu Giấy		3	1A.35. 00716	D380101	4.00	3.00	3.00	10.00	10.00	
226	LPH.D1 08926	Lê Thị Phương	Hoa	22/12/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		3	1A.35. 00711	D110101	7.25	5.25	5.00	17.50	17.50	
227	LPH.D1 08927	Nguyễn Đình	Hoàng	16/07/96		Quận Ba Đình		3	1A.35. 00717	D380101	4.75	7.25	7.75	19.75	20.00	
228	LPH.D1 08929	Nguyễn Thùy	Linh	23/01/95	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.35. 00709	D110101	6.25	6.75	7.00	20.00	20.00	
229	LPH.D1 08930	Nguyễn Thị Thanh	Phương	20/10/95	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.35. 00712	D110101	4.75	6.75	7.75	19.25	19.50	
230	LPH.D1 08931	Trần Phương	Thảo	08/03/91	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.35. 00715	D380101	5.50	5.00	5.00	15.50	15.50	
231	LPH.D1 08932	Đinh Thu	Thùy	17/07/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.35. 00714	D380101	6.75	7.25	7.00	21.00	21.00	
232	LPH.D1 08933	Hoàng Thanh	Vân	24/01/96	Nữ	Quận Ba Đình	06	3	1A.35. 00718	D380107	4.25	5.00	7.00	16.25	16.50	
233	LPH.D1 08934	Nguyễn Thùy	Dương	27/02/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.36. 00724	D380101	4.75	3.00	4.50	12.25	12.50	
234	LPH.D1 08937	Nguyễn Hữu Quang	Anh	15/12/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.37. 00778	D380101	7.00	9.00	6.75	22.75	23.00	
235	LPH.D1 08939	Phạm Hoàng Phương	Anh	23/07/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.37. 00779	D380101	7.25	6.75	7.50	21.50	21.50	
236	LPH.D1 08940	Trần Phương	Anh	26/05/96	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	1A.37. 00782	D380101	7.25	8.75	7.50	23.50	23.50	
237	LPH.D1 08942	Nguyễn Tạ Bình	Dương	11/05/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.37. 00784	D380101	6.50	6.75	8.50	21.75	22.00	
238	LPH.D1 08943	Lê Thị Thuý	Hằng	02/12/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.37. 00776	D380101	6.50	8.25	4.75	19.50	19.50	
239	LPH.D1 08946	Hồ Thị Thu	Hương	28/09/96	Nữ	Quận Hoàng Mai	01	3	1A.37. 00786	D380101	6.50	4.50	5.00	16.00	16.00	
240	LPH.D1 08948	Nguyễn Ngọc	Long	20/03/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.37. 00783	D380101	5.50	4.75	4.50	14.75	15.00	
241	LPH.D1 08949	Lê Tuyết	Mai	05/05/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.37. 00781	D380101	5.25	4.75	5.00	15.00	15.00	
242	LPH.D1 08952	Nguyễn Khánh	Phương	31/05/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.37. 00788	D380107	6.50	7.00	7.00	20.50	20.50	
243	LPH.D1 08953	Trần Lan	Quỳnh	05/09/96	Nữ	Quận Thanh Xuân	06	3	1A.37. 00787	D380107	7.50	5.75	6.00	19.25	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
244	LPH.D1 08960	Hoàng Xuân	Bách	05/04/96		Quận Đống Đa		3	1A.39. 01172	D380107	7.25	9.00	3.00	19.25	19.50	
245	LPH.D1 08961	Phạm Ngọc Minh	Châu	10/09/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.39. 01161	D380101	5.50	8.25	6.00	19.75	20.00	
246	LPH.D1 08965	Phạm Ngân	Hạnh	20/06/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.39. 01138	D110101	7.25	8.75	7.00	23.00	23.00	
247	LPH.D1 08967	Nguyễn Vinh	Hiển	25/10/96		Quận Thanh Xuân		3	1A.39. 01151	D380101	5.75	3.50	3.50	12.75	13.00	
248	LPH.D1 08968	Trần Thanh	Hiên	02/04/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.39. 01167	D380107	7.25	9.00	7.50	23.75	24.00	
249	LPH.D1 08969	Nguyễn Thu	Huyền	28/02/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.39. 01140	D110101	7.25	6.00	7.75	21.00	21.00	
250	LPH.D1 08970	Bùi Duy	Hưng	26/12/96		Quận Tây Hồ		3	1A.39. 01143	D110101	9.00	9.25	6.00	24.25	24.50	
251	LPH.D1 08971	Nguyễn Quỳnh	Hương	08/10/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.39. 01163	D380101	5.75	8.25	5.00	19.00	19.00	
252	LPH.D1 08973	Nguyễn Bảo Mỹ	Linh	22/03/96	Nữ	Quận Tây Hồ		3	1A.39. 01160	D380101	5.25	5.75	8.00	19.00	19.00	
253	LPH.D1 08975	Nguyễn Tuấn	Linh	12/05/96		Quận Hoàng Mai		3	1A.39. 01166	D380107	7.75	5.50	5.50	18.75	19.00	
254	LPH.D1 08976	Lưu Thanh	Ly	15/03/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.39. 01150	D380101	6.75	5.50	6.50	18.75	19.00	
255	LPH.D1 08981	Lê Hoài	Nam	08/02/96		Quận Đống Đa		3	1A.39. 01149	D380101	7.25	5.75	1.50	14.50	14.50	
256	LPH.D1 08982	Đinh Trần Đại	Nghĩa	08/10/96		Quận Đống Đa		3	1A.39. 01146	D110101	7.25	9.50	7.00	23.75	24.00	
257	LPH.D1 08984	Nguyễn Lan	Nhi	01/11/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.39. 01168	D380107	6.50	8.25	6.50	21.25	21.50	
258	LPH.D1 08985	Hoàng Hồng	Nhung	15/10/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.39. 01136	D110101	6.50	6.75	7.00	20.25	20.50	
259	LPH.D1 08986	Đỗ Thanh	Phương	21/08/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.39. 01171	D380107	6.75	6.50	8.00	21.25	21.50	
260	LPH.D1 08987	Lại Đình	Quang	04/11/96		Quận Cầu Giấy		3	1A.39. 01144	D110101	6.00	7.75	6.50	20.25	20.50	
261	LPH.D1 08990	Trần Thị Hương	Quỳnh	13/11/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		3	1A.39. 01153	D380101	7.25	8.25	7.00	22.50	22.50	
262	LPH.D1 08993	Dương Minh	Trang	01/07/96	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	1A.39. 01169	D380107	7.75	9.00	6.50	23.25	23.50	
263	LPH.D1 08994	Hoàng Ngọc	Trâm	05/04/96	Nữ	Quận Đống Đa		3	1A.39. 01173	D380107	6.75	6.75	4.50	18.00	18.00	
264	LPH.D1 08998	Nguyễn Như Tấn	Anh	05/02/96		Quận Đống Đa		3	1A.40. 00460	D380101	7.25	7.00	8.00	22.25	22.50	
265	LPH.D1 09003	Trần Lê Hương	Ly	12/07/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		3	1A.41. 00855	D380101	7.25	4.75	7.00	19.00	19.00	
266	LPH.D1 09004	Nguyễn Thị Như	Mai	03/12/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	1A.41. 00853	D110101	7.75	8.25	5.25	21.25	21.50	
267	LPH.D1 09007	Nguyễn Ngọc Vũ	Duy	05/12/96		Quận Hai Bà Trưng		3	1A.43. 00964	D380101	4.00	3.00	5.50	12.50	12.50	
268	LPH.D1 09009	Nguyễn Lộng	Hải	03/01/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.44. 00783	D380101	5.75	4.50	5.25	15.50	15.50	
269	LPH.D1 09010	Vũ Minh	Nguyệt	16/12/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.44. 00787	D380107	5.75	5.25	7.50	18.50	18.50	
270	LPH.D1 09012	Nguyễn Tả	Sơn	13/03/96		Huyện Thanh Trì		3	1A.44. 00784	D380101	7.25	7.50	6.25	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
271	LPH.D1 09013	Nguyễn Lê Thanh	Thanh	01/07/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1A.44. 00788	D380107	6.25	4.50	6.50	17.25	17.50	
272	LPH.D1 09014	Phạm Hồng	Vân	16/09/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1A.44. 00786	D380101	3.00	3.75	7.00	13.75	14.00	
273	LPH.D1 09017	Lê Thu	Hằng	19/08/95	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.45. 00884	D380101	2.25	4.00	4.00	10.25	10.50	
274	LPH.D1 09018	Bùi Hoài	Thu	21/10/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	1A.45. 00886	D380101	3.75	4.75	5.00	13.50	13.50	
275	LPH.D1 09019	Bùi Thanh	Hương	25/12/95	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	1A.47. 00187	D380101	8.00	5.00	7.00	20.00	20.00	
276	LPH.D1 09021	Hồ Gia	Bảo	14/10/96		Quận Long Biên		3	1A.48. 01146	D380107	7.25	8.25	6.00	21.50	21.50	
277	LPH.D1 09022	Lê Mạnh	Cường	07/10/96		Quận Long Biên		3	1A.48. 01136	D380101	5.75	5.75	2.00	13.50	13.50	
278	LPH.D1 09024	Bùi Mai	Hương	21/07/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01137	D380101	7.50	9.25	0.00	16.75	17.00	VPQC
279	LPH.D1 09025	Đinh Thị Thu	Hương	12/10/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01134	D380101	8.25	6.75	7.00	22.00	22.00	
280	LPH.D1 09026	Phan Thị Hương	Linh	31/03/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01144	D380101	6.75	5.50	7.00	19.25	19.50	
281	LPH.D1 09027	Đoàn Thị Ngọc	Mai	27/07/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01141	D380101	7.00	3.75	7.00	17.75	18.00	
282	LPH.D1 09028	Lê Nguyễn Ngọc	Mai	11/04/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01148	D380107	4.25	4.25	7.50	16.00	16.00	
283	LPH.D1 09031	Âu Thị Minh	Nguyệt	03/06/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01147	D380107	7.00	6.00	6.75	19.75	20.00	
284	LPH.D1 09032	Nguyễn Minh	Phương	19/12/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01140	D380101	8.50	8.25	8.00	24.75	25.00	
285	LPH.D1 09037	Phạm Thùy	Trang	02/05/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.48. 01133	D110101	5.50	7.25	7.25	20.00	20.00	
286	LPH.D1 09039	Nguyễn Văn	Anh	13/10/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.49. 00666	D380101	4.50	3.50	7.00	15.00	15.00	
287	LPH.D1 09040	Đinh Phương	Linh	05/11/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.49. 00668	D110101	5.75	6.50	7.00	19.25	19.50	
288	LPH.D1 09041	Nguyễn Mạnh	Linh	09/07/96		Quận Long Biên		3	1A.49. 00667	D380101	0.00	8.50	3.50	12.00	12.00	
289	LPH.D1 09042	Nguyễn Thị Hồng	Tâm	02/09/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.49. 00665	D380101	5.75	3.50	7.50	16.75	17.00	
290	LPH.D1 09043	Nguyễn Thanh	Hoa	13/10/95	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.51. 00269	D380107	6.25	4.50	4.00	14.75	15.00	
291	LPH.D1 09044	Nguyễn Thiên	Kiều	02/12/96	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.51. 00097	D380107	0.00	3.50	5.00	8.50	8.50	
292	LPH.D1 09045	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	06/08/95	Nữ	Quận Long Biên		3	1A.51. 00338	D380101	7.25	6.50	6.50	20.25	20.50	
293	LPH.D1 09046	Phạm Vũ Thu	Bình	10/01/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.52. 00856	D380101	7.25	8.00	7.00	22.25	22.50	
294	LPH.D1 09048	Dương Thùy	Linh	14/08/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.52. 00859	D380101	6.75	6.75	7.00	20.50	20.50	
295	LPH.D1 09049	Phạm Ngọc	Linh	13/11/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.52. 00861	D380101	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
296	LPH.D1 09050	Lê Công	Thắng	24/11/96		Quận Tây Hồ		2	1A.52. 00860	D380101	6.50	2.75	5.00	14.25	14.50	
297	LPH.D1 09051	Phan Thu	Trang	06/05/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.52. 00862	D380101	4.50	8.00	7.25	19.75	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
298	LPH.D1 09052	Lê Xuân	Trung	10/03/96		Quận Cầu Giấy		2	1A.52. 00858	D380101	6.75	7.00	5.50	19.25	19.50	
299	LPH.D1 09053	Nguyễn Thị Phương	Anh	23/04/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01367	D380107	7.75	8.75	7.00	23.50	23.50	
300	LPH.D1 09054	Nghiêm Thị Thu	Hoa	09/02/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01365	D380101	6.75	3.25	7.75	17.75	18.00	
301	LPH.D1 09055	Dương Việt	Hung	02/11/96		Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01363	D110101	8.25	6.50	3.50	18.25	18.50	
302	LPH.D1 09056	Nguyễn Thu	Hường	04/04/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01360	D110101	6.75	6.00	7.00	19.75	20.00	
303	LPH.D1 09057	Trịnh Huyền	Trang	25/09/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01364	D380101	7.75	4.00	6.00	17.75	18.00	
304	LPH.D1 09058	Nguyễn Minh	Tuấn	07/07/96		Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01361	D110101	6.50	3.50	5.50	15.50	15.50	
305	LPH.D1 09060	Nguyễn Hồng	Vân	03/08/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.53. 01362	D110101	6.75	5.75	7.00	19.50	19.50	
306	LPH.D1 09061	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/10/95	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.54. 00559	D380101	4.50	3.00	5.50	13.00	13.00	
307	LPH.D1 09062	Đỗ Thu	Trà	10/03/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.54. 00395	D380101	4.50	3.25	6.00	13.75	14.00	
308	LPH.D1 09066	Phạm Thanh	Phuong	03/09/96	Nữ	Quận Đống Đa		2	1A.56. 00633	D110101	2.75	5.50	5.50	13.75	14.00	
309	LPH.D1 09067	Đoàn Vũ Nhật	Quỳnh	02/12/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.56. 00338	D380101	5.25	3.75	6.00	15.00	15.00	
310	LPH.D1 09069	Nguyễn Thu	Trang	26/08/95	Nữ	Quận Hoàng Mai		2	1A.57. 00111	D380101	2.75	4.25	6.50	13.50	13.50	
311	LPH.D1 09070	Phùng Thị Quỳnh	Trang	07/08/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		2	1A.57. 00112	D380101	3.50	3.25	6.00	12.75	13.00	
312	LPH.D1 09071	Nguyễn Phi	Anh	23/11/96		Quận Ba Đình		2	1A.60. 00344	D380107	4.25	7.00	7.00	18.25	18.50	
313	LPH.D1 09072	Trần Đình Quang	Đặng	29/06/96		Huyện Từ Liêm		2	1A.60. 00346	D380107	3.75	3.50	4.50	11.75	12.00	
314	LPH.D1 09074	Lê Phương	Thảo	14/05/96	Nữ	Quận Cầu Giấy	06	2	1A.60. 00343	D380101	7.75	5.75	5.00	18.50	18.50	
315	LPH.D1 09075	Phạm Thu	Thảo	06/04/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		2	1A.60. 00344	D380107	6.25	6.00	6.50	18.75	19.00	
316	LPH.D1 09076	Đàm Thị Kim	Dung	02/11/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	06	2	1A.62. 00421	D380101	4.75	5.50	6.00	16.25	16.50	
317	LPH.D1 09077	Vũ Thị Thảo	Linh	02/03/96	Nữ	Huyện Cát Hải		2	1A.62. 00422	D380101	5.75	6.75	6.50	19.00	19.00	
318	LPH.D1 09078	Đàm Thị Phương	Ly	17/05/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	06	2	1A.62. 00423	D380101	4.75	4.25	7.75	16.75	17.00	
319	LPH.D1 09080	Đỗ Thảo	My	18/02/96	Nữ	Huyện Cát Hải		2	1A.62. 00424	D380101	6.50	6.25	8.50	21.25	21.50	
320	LPH.D1 09084	Trần Lam	Giang	10/09/96	Nữ	Quận Hoàng Mai		2	1A.64. 00707	D110101	6.75	7.25	7.75	21.75	22.00	
321	LPH.D1 09088	Trần Hương	Thảo	31/08/96	Nữ	Huyện Từ Liêm		2	1A.64. 00852	D380101	1.25	2.25	1.50	5.00	5.00	
322	LPH.D1 09089	Ngô Xuân	Thịnh	22/09/96		Quận Ba Đình		2	1A.64. 00708	D110101	6.00	8.25	5.00	19.25	19.50	
323	LPH.D1 09090	Trương Minh	Phượng	02/11/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00275	D380101	6.75	5.25	4.00	16.00	16.00	
324	LPH.D1 09091	Trần Thị Hải	Yến	01/07/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		2	1A.65. 00274	D380101	4.75	6.50	7.00	18.25	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
325	LPH.D1 09092	Nguyễn Quang	Huy	07/09/96		Quận Hoàng Mai		2	1A.66. 00618	D380101	4.00	3.25	5.50	12.75	13.00	
326	LPH.D1 09094	Nguyễn Việt	Vinh	26/12/95		Huyện Thanh Trì		3	1A.67. 00271	D110101	6.50	8.00	6.50	21.00	21.00	
327	LPH.D1 09098	Nguyễn Thị Thanh	Trà	22/07/96	Nữ	Quận Long Biên		2	1A.68. 00947	D380107	6.75	5.75	6.00	18.50	18.50	
328	LPH.D1 09099	Nguyễn Thị	Vân	22/06/96	Nữ	Quận Long Biên		2	1A.68. 00945	D380101	6.25	5.50	5.00	16.75	17.00	
329	LPH.D1 09100	Nguyễn Phương	Anh	17/04/96	Nữ	Huyện Gia Lâm	06	2	1A.69. 00314	D380101	6.50	4.75	6.75	18.00	18.00	
330	LPH.D1 09102	Phùng Thị Khánh	Linh	25/11/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00316	D380101	6.75	7.00	8.00	21.75	22.00	
331	LPH.D1 09103	Vũ Hà	My	17/07/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00315	D380101	6.25	7.50	7.50	21.25	21.50	
332	LPH.D1 09105	Nguyễn Hoàng Thanh	Vân	25/01/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.69. 00317	D380101	6.50	6.50	8.25	21.25	21.50	
333	LPH.D1 09107	Hoàng Thị Thùy	Linh	17/09/96	Nữ	Quận Long Biên		2	1A.70. 00542	D380101	4.00	2.75	6.50	13.25	13.50	
334	LPH.D1 09109	Vũ Văn	Cường	22/07/96		Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00066	D380101	6.25	4.00	4.75	15.00	15.00	
335	LPH.D1 09110	Nguyễn Đức	Điệp	06/11/96		Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00067	D380101	7.00	7.00	2.50	16.50	16.50	
336	LPH.D1 09112	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/04/96	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.71. 00068	D380101	7.25	7.50	7.50	22.25	22.50	
337	LPH.D1 09113	Nguyễn Thị Mai	Hiên	02/07/93	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.75. 00282	D380101	5.25	3.50	5.00	13.75	14.00	
338	LPH.D1 09114	Đào Thị Kim	Tuyến	28/07/95	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	1A.75. 00283	D380107	4.75	6.50	7.25	18.50	18.50	
339	LPH.D1 09119	Nguyễn Thanh	Huyền	06/12/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01099	D110101	6.25	8.50	7.00	21.75	22.00	
340	LPH.D1 09120	Khuất Mỹ	Linh	17/07/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01100	D380101	6.50	4.25	7.50	18.25	18.50	
341	LPH.D1 09121	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/03/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01104	D380101	6.75	2.25	4.25	13.25	13.50	
342	LPH.D1 09122	Đồng Lệ	Thu	29/02/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01103	D380101	6.25	4.00	5.00	15.25	15.50	
343	LPH.D1 09123	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/04/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01098	D110101	6.75	7.00	6.25	20.00	20.00	
344	LPH.D1 09124	Dương Hải	Yến	22/07/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.77. 01102	D380101	5.50	4.00	6.50	16.00	16.00	
345	LPH.D1 09125	Nguyễn Minh	Cường	23/05/96		Huyện Đông Anh		2	1A.78. 00783	D380101	6.50	4.75	6.50	17.75	18.00	
346	LPH.D1 09126	Trần Thị Thu	Phương	07/06/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.78. 00781	D110101	8.00	7.25	6.75	22.00	22.00	
347	LPH.D1 09127	Dư Thanh	Tú	10/06/95	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.78. 00782	D380101	7.25	8.25	8.50	24.00	24.00	
348	LPH.D1 09128	Lê Thị Thu	Huyền	15/03/95	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.84. 00333	D380101	5.75	6.00	7.25	19.00	19.00	
349	LPH.D1 09129	Nguyễn Trung	Anh	10/01/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00728	D110101	6.50	8.25	6.00	20.75	21.00	
350	LPH.D1 09130	Trần Thanh	Hương	10/06/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00729	D110101	6.75	7.25	7.25	21.25	21.50	
351	LPH.D1 09134	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/07/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.85. 00732	D380101	7.25	5.75	5.75	18.75	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
352	LPH.D1 09135	Trần Thị Ngọc	ánh	14/10/96	Nữ	Huyện Đông Anh		2	1A.86. 00810	D380107	7.75	6.25	7.00	21.00	21.00
353	LPH.D1 09136	Đặng Thúy	Hằng	28/09/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.86. 00813	D380107	6.75	7.50	8.00	22.25	22.50
354	LPH.D1 09137	Nguyễn Thị	Hường	30/03/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.86. 00809	D380101	5.75	6.50	8.00	20.25	20.50
355	LPH.D1 09138	Nguyễn Hồng	Nhung	01/08/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.86. 00811	D380107	7.75	5.25	5.50	18.50	18.50
356	LPH.D1 09139	Nguyễn Thị	Phượng	24/05/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.86. 00814	D380107	6.50	6.75	8.00	21.25	21.50
357	LPH.D1 09142	Nguyễn Thị	Trang	03/02/96	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	1A.88. 00618	D380101	7.75	5.25	6.25	19.25	19.50
358	LPH.D1 09143	Đỗ Thanh	Tú	30/04/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	1A.94. 00112		0.00	2.75	0.50	3.25	3.50
359	LPH.D1 09145	Đào Ngọc	Anh	25/01/96		Thành phố Cẩm Phả		3	1B.01. 00491	D110101	5.25	2.75	5.50	13.50	13.50
360	LPH.D1 09146	Nguyễn Thuỳ	Linh	16/09/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.01. 00492	D380101	2.25	2.25	4.50	9.00	9.00
361	LPH.D1 09149	Đỗ Duy	Hưng	20/09/96		Quận Hà Đông		3	1B.02. 01022	D110101	8.25	9.00	6.50	23.75	24.00
362	LPH.D1 09150	Nguyễn Hoàng	Hương	20/05/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1B.02. 01028	D380107	7.25	8.25	7.50	23.00	23.00
363	LPH.D1 09151	Nguyễn Khánh	Linh	07/10/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01023	D110101	7.25	8.25	8.00	23.50	23.50
364	LPH.D1 09154	Đỗ Phương	Mai	21/10/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01029	D380107	7.50	6.25	7.50	21.25	21.50
365	LPH.D1 09157	Lê Hồng	Ngọc	18/02/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		3	1B.02. 01021	D380101	7.25	6.25	5.50	19.00	19.00
366	LPH.D1 09159	Trần Phương	Thảo	11/02/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01025	D380101	6.25	9.00	7.50	22.75	23.00
367	LPH.D1 09160	Vũ Thu	Thủy	18/08/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.02. 01031	D380107	7.25	8.50	6.50	22.25	22.50
368	LPH.D1 09163	Ngô Thị Lan	Anh	12/02/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1B.03. 01331	D110101	6.50	5.25	8.00	19.75	20.00
369	LPH.D1 09164	Ngô Diệu	Anh	10/08/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01340	D380101	7.00	7.00	7.50	21.50	21.50
370	LPH.D1 09167	Nguyễn Thị Nhật	Anh	17/11/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01330	D110101	7.25	5.75	6.25	19.25	19.50
371	LPH.D1 09170	Nguyễn Hưng	Đạo	08/06/96		Quận Hà Đông		3	1B.03. 01334	D380101	6.75	6.75	6.50	20.00	20.00
372	LPH.D1 09171	Nguyễn Anh	Đức	13/12/96		Quận Hà Đông		3	1B.03. 01333	D380101	6.25	6.50	4.00	16.75	17.00
373	LPH.D1 09172	Nguyễn Thu	Giang	08/02/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01328	D110101	6.75	8.50	7.75	23.00	23.00
374	LPH.D1 09173	Nguyễn Hương	Giang	25/03/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		3	1B.03. 01343	D380101	6.50	7.00	8.25	21.75	22.00
375	LPH.D1 09176	Lê Khánh	Huyền	02/08/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01339	D380101	5.50	4.00	5.75	15.25	15.50
376	LPH.D1 09178	Lưu Hà Thu	Hương	20/12/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01350	D380107	6.75	7.50	7.50	21.75	22.00
377	LPH.D1 09180	Nguyễn Diệu	Linh	19/12/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.03. 01342	D380101	7.25	8.50	8.00	23.75	24.00
378	LPH.D1 09181	Đỗ Thanh	Mai	31/01/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		3	1B.03. 01346	D380101	5.75	6.75	8.00	20.50	20.50

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
379	LPH.D1 09187	Nguyễn Thị Hương	Ly	02/04/96	Nữ	Huyện Thanh Trì		3	1B.04. 00935	D380101	3.25	5.50	5.75	14.50	14.50	
380	LPH.D1 09188	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	12/04/95	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.07. 00240	D110101	4.50	5.00	5.00	14.50	14.50	
381	LPH.D1 09189	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	11/09/96	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.07. 00243	D380101	4.50	3.00	4.50	12.00	12.00	
382	LPH.D1 09190	Đỗ Văn	Sơn	01/06/95		Quận Hà Đông		3	1B.07. 00242	D380101	6.25	5.25	7.00	18.50	18.50	
383	LPH.D1 09192	Lê Thị Anh	Thu	17/01/92	Nữ	Quận Hà Đông		3	1B.07. 00241	D110101	3.50	8.25	5.50	17.25	17.50	
384	LPH.D1 09194	Kiều Thị Mai	Anh	16/10/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.08. 00262	D380101	2.50	3.75	7.50	13.75	14.00	
385	LPH.D1 09195	Phương Lan	Anh	29/12/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 01643	D380101	0.00	3.00	1.25	4.25	4.50	
386	LPH.D1 09197	Nguyễn Thị Thu	Hằng	04/09/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.08. 01082	D380107	6.25	6.75	7.00	20.00	20.00	
387	LPH.D1 09200	Đinh Thị Thùy	Linh	30/07/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 01026	D110101	6.75	5.50	7.50	19.75	20.00	
388	LPH.D1 09201	Lã Hà	Linh	04/10/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.08. 00333	D380107	6.75	9.00	7.00	22.75	23.00	
389	LPH.D1 09203	Nguyễn Thảo	Ly	28/02/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 00389	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
390	LPH.D1 09206	Phùng Phương	Như	08/12/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 00458	D380101	5.75	6.25	7.50	19.50	19.50	
391	LPH.D1 09207	Vũ Lan	Phương	22/11/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 01339	D380107	6.75	8.25	8.00	23.00	23.00	
392	LPH.D1 09208	Đỗ Thị Phương	Thảo	26/02/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.08. 01294	D380107	6.50	8.25	8.00	22.75	23.00	
393	LPH.D1 09211	Nguyễn Như	Vân	25/06/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.08. 01086	D110101	4.50	6.75	7.50	18.75	19.00	
394	LPH.D1 09212	Nguyễn Khánh	Linh	25/09/96	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.10. 00192	D380101	3.50	2.00	4.00	9.50	9.50	
395	LPH.D1 09213	Nguyễn Hương	Giang	19/10/95	Nữ	Thị xã Sơn Tây		2	1B.11. 00446	D380101	2.00	2.50	7.00	11.50	11.50	
396	LPH.D1 09215	Đỗ Thị Như	Quỳnh	29/10/96	Nữ	Huyện Ba Vì	06	1	1B.12. 00233	D380101	1.25	2.25	7.00	10.50	10.50	
397	LPH.D1 09216	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30/11/96	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.12. 00235	D380107	6.25	4.00	6.00	16.25	16.50	
398	LPH.D1 09218	Lê Thị Khánh	Huyền	18/10/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00703	D380101	7.25	5.00	8.00	20.25	20.50	
399	LPH.D1 09219	Đỗ Thị	Hương	17/11/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.13. 00705	D380101	6.50	7.00	6.50	20.00	20.00	
400	LPH.D1 09221	Lê Hoàng	Phương	12/04/96	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.15. 01059	D380101	3.50	5.25	7.00	15.75	16.00	
401	LPH.D1 09223	Phùng Thị	Chinh	18/08/94	Nữ	Huyện Ba Vì		2	1B.17. 00284	D380101	1.00	2.50	3.00	6.50	6.50	
402	LPH.D1 09224	Lương Ngọc	Huyền	27/12/96	Nữ	Huyện Ba Vì	01	1	1B.17. 00287	D380107	6.75	7.00	6.50	20.25	20.50	
403	LPH.D1 09225	Trương Thị	Quý	23/11/95	Nữ	Huyện Ba Vì		1	1B.17. 00285	D380101	3.75	5.25	5.50	14.50	14.50	
404	LPH.D1 09226	Bạch Ngọc	Trâm	08/03/96	Nữ	Huyện Ba Vì	01	1	1B.17. 00286	D380101	6.75	5.25	5.50	17.50	17.50	
405	LPH.D1 09227	Bùi Thị Vân	Anh	24/03/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.18. 00643	D380101	6.75	6.50	8.00	21.25	21.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
406	LPH.D1 09228	Doãn Hoàng	Hiệp	02/10/96		Huyện Phúc Thọ		2	1B.19. 00416	D380107	5.25	6.75	4.00	16.00	16.00	
407	LPH.D1 09229	Tạ Thị	Bình	13/08/96	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.20. 01029	D380101	7.75	7.50	7.50	22.75	23.00	
408	LPH.D1 09230	Nông Thị	Miên	03/03/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	1B.21. 00469	D380101	6.00	3.25	8.00	17.25	17.50	
409	LPH.D1 09231	Nguyễn Vũ Văn	Anh	07/03/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00790	D380101	6.75	7.00	8.00	21.75	22.00	
410	LPH.D1 09232	Nguyễn Thị Thu	Hương	27/01/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00791	D380101	4.25	7.25	6.50	18.00	18.00	
411	LPH.D1 09234	Lê ánh	Tuyết	28/06/96	Nữ	Huyện Thạch Thất		2	1B.22. 00789	D110101	6.75	8.50	8.25	23.50	23.50	
412	LPH.D1 09240	Nguyễn Thị	Hà	21/11/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.30. 00534		3.25	3.50	7.00	13.75	14.00	
413	LPH.D1 09242	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/01/94	Nữ	Huyện Quốc Oai		2	1B.31. 00431	D110101	0.50	3.25	3.50	7.25	7.50	
414	LPH.D1 09243	Nguyễn Tuấn	Sơn	24/02/96		Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 00786	D220201	5.75	6.00	4.00	15.75	16.00	
415	LPH.D1 09244	Nguyễn Hạnh	Trình	27/10/96	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2	1B.32. 00787	D380101	7.25	4.75	8.00	20.00	20.00	
416	LPH.D1 09246	Nguyễn Đình	Quang	05/12/95		Huyện Chương Mỹ		2	1B.35. 00590	D380107	4.00	3.00	5.50	12.50	12.50	
417	LPH.D1 09247	Đỗ Văn	Cao	16/07/95		Huyện Chương Mỹ		2	1B.37. 00195	D380101	1.75	2.75	.	4.50	4.50	
418	LPH.D1 09249	Hoàng Hải	Anh	14/07/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.38. 00775	D220201	1.50	4.75	5.25	11.50	11.50	
419	LPH.D1 09250	Hoàng Văn	Hoà	23/10/96		Huyện Đan Phượng		2	1B.38. 00777	D380101	5.75	4.25	5.50	15.50	15.50	
420	LPH.D1 09253	Hoàng Đức	Tuấn	23/06/96		Huyện Đan Phượng		2	1B.38. 00779	D380101	0.75	4.75	4.00	9.50	9.50	
421	LPH.D1 09254	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/02/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.39. 00610	D380107	6.25	4.50	7.50	18.25	18.50	
422	LPH.D1 09255	Vũ Thị	Hoa	30/09/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.40. 00778	D380101	5.75	3.75	4.50	14.00	14.00	
423	LPH.D1 09256	Vũ Thị Ngọc	Huyền	16/04/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.40. 00777	D220201	5.25	7.50	7.00	19.75	20.00	
424	LPH.D1 09257	Nguyễn Duy	Khánh	15/10/96		Huyện Đan Phượng		2	1B.40. 00779	D380107	1.00	2.75	2.00	5.75	6.00	
425	LPH.D1 09258	Trần Văn	Ba	21/03/95		Huyện Đan Phượng		2	1B.41. 00494	D380101	5.00	7.75	7.25	20.00	20.00	
426	LPH.D1 09259	Hoàng Mỹ	Hạnh	22/04/94	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	1B.41. 00495	D380101	4.75	2.75	5.50	13.00	13.00	
427	LPH.D1 09261	Nguyễn Thị	Minh	22/05/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.42. 00996	D380107	1.75	6.75	6.50	15.00	15.00	
428	LPH.D1 09263	Hồ Hà	Nhi	13/09/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.42. 00995	D380107	6.00	8.25	8.00	22.25	22.50	
429	LPH.D1 09265	Nguyễn Xuân	Khánh	05/09/96		Huyện Hoài Đức		2	1B.43. 00979	D380101	2.75	3.00	4.00	9.75	10.00	
430	LPH.D1 09266	Lê Thị	Linh	02/02/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.43. 00982	D380107	3.50	2.75	5.50	11.75	12.00	
431	LPH.D1 09267	Nguyễn Thị Hương	Ly	28/12/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.43. 00980	D380101	6.25	7.00	7.00	20.25	20.50	
432	LPH.D1 09268	Nguyễn Thị	An	01/02/96	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	1B.44. 00064	D380101	5.00	4.00	6.75	15.75	16.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
433	LPH.D1 09271	Lê Thị Minh	Nguyệt	24/10/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.47. 00617	D380101	4.75	2.75	5.25	12.75	13.00	
434	LPH.D1 09273	Đoàn Thị	Ninh	24/11/96	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	1B.48. 00739	D380101	5.00	5.50	4.50	15.00	15.00	
435	LPH.D1 09275	Phùng Nhị	Hà	05/05/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.51. 00822	D380101	6.75	6.25	5.50	18.50	18.50	
436	LPH.D1 09277	Nguyễn Thị	Lan	29/09/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.51. 00824	D380101	2.00	4.75	7.75	14.50	14.50	
437	LPH.D1 09279	Nguyễn Như	Quỳnh	06/04/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.51. 00823	D380101	6.25	3.25	6.50	16.00	16.00	
438	LPH.D1 09280	Hồ Thị Hải	Yến	02/04/96	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	1B.51. 00826	D380107	7.00	8.25	6.00	21.25	21.50	
439	LPH.D1 09282	Nguyễn Thùy	Linh	22/11/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 00667	D380107	3.50	2.75	3.00	9.25	9.50	
440	LPH.D1 09283	Trần Thị Ngà	Ngọc	27/10/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 00665	D380101	3.25	3.50	3.50	10.25	10.50	
441	LPH.D1 09284	Nguyễn Thị	Nhàn	04/06/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.52. 00664		0.00	2.25	1.50	3.75	4.00	
442	LPH.D1 09285	Phạm Xuân	Ly	21/01/96	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.53. 00372		2.00	3.00	5.00	10.00	10.00	
443	LPH.D1 09286	Trịnh Thị Phương	Thảo	16/05/95	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	1B.55. 00177	D380101	4.75	3.25	6.75	14.75	15.00	
444	LPH.D1 09287	Bùi Thiên	Chi	03/11/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01030	D380101	6.75	6.50	8.50	21.75	22.00	
445	LPH.D1 09288	Lương Thị Hoa	Hồng	15/08/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01041	D380107	5.75	6.00	6.00	17.75	18.00	
446	LPH.D1 09291	Đỗ Thị Lan	Hương	19/11/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01035	D380101	7.25	7.75	7.50	22.50	22.50	
447	LPH.D1 09293	Trần Tuyết	Nhi	20/08/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01031	D380101	7.25	8.25	8.75	24.25	24.50	
448	LPH.D1 09294	Hoàng Huệ	Phương	07/08/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.62. 01036	D380101	6.25	4.00	7.50	17.75	18.00	
449	LPH.D1 09297	Dương Thị Thanh	Bình	30/10/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.63. 00450		1.00	3.00	5.50	9.50	9.50	
450	LPH.D1 09298	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/08/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.63. 00448	D380101	2.25	2.50	4.50	9.25	9.50	
451	LPH.D1 09299	Bùi Thị	Vân	07/06/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.63. 00449	D380107	3.25	3.25	6.50	13.00	13.00	
452	LPH.D1 09303	Nguyễn Thị	Hoa	16/05/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.66. 00188	D380107	6.25	6.00	7.50	19.75	20.00	
453	LPH.D1 09304	Trịnh Vân	Anh	05/11/95	Nữ	Huyện Thường Tín		2	1B.67. 00306	D380101	7.50	6.00	7.50	21.00	21.00	
454	LPH.D1 09305	Lương Thị Phương	Anh	14/05/96	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	1B.71. 00625	D380101	6.25	5.25	7.00	18.50	18.50	
455	LPH.D1 09306	Nguyễn Thị	Trang	11/11/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	1B.74. 00311	D380101	2.00	3.50	1.50	7.00	7.00	
456	LPH.D1 09311	Trần Quỳnh	Mai	31/01/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.01. 00362	D380101	4.75	6.00	6.00	16.75	17.00	
457	LPH.D1 09315	Phạm Thị Mai	Hương	11/10/95	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.06. 00063	D380101	7.25	3.25	2.00	12.50	12.50	
458	LPH.D1 09316	Đỗ Hồng	Nhung	11/03/95	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.06. 00062	D380101	7.25	6.75	6.25	20.25	20.50	
459	LPH.D1 09318	Trịnh Thị Vân	Anh	17/01/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00824	D110101	8.00	8.75	8.00	24.75	25.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
460	LPH.D1 09319	Phạm Ngọc	ánh	15/09/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00841	D380107	7.25	7.00	7.50	21.75	22.00	
461	LPH.D1 09322	Nguyễn Tiến	Đạt	31/10/96		Quận Lê Chân		3	03.07. 00837	D380107	7.50	7.75	7.25	22.50	22.50	
462	LPH.D1 09324	Vũ Đình Thanh	Hương	08/05/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.07. 00832	D380101	5.75	6.50	6.00	18.25	18.50	
463	LPH.D1 09325	Trần Thị Thanh	Lan	23/04/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.07. 00827	D220201	4.50	6.00	6.50	17.00	17.00	
464	LPH.D1 09327	Trần Đắc Hoàng	Long	27/12/95		Quận Ngô Quyền		3	03.07. 00839	D380107	5.75	5.25	4.50	15.50	15.50	
465	LPH.D1 09329	Phạm Thị Minh	Ngọc	16/06/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00823	D110101	6.50	7.50	7.50	21.50	21.50	
466	LPH.D1 09330	Văn Thị Hảo	Nhi	22/03/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00828	D380101	6.50	6.25	8.00	20.75	21.00	
467	LPH.D1 09331	Tô Lan	Phương	04/09/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.07. 00825	D110101	5.50	8.75	7.75	22.00	22.00	
468	LPH.D1 09332	Nguyễn Quốc	Thắng	27/02/96		Quận Lê Chân		3	03.07. 00835	D380101	6.75	5.25	4.00	16.00	16.00	
469	LPH.D1 09334	Nguyễn Kim	Thúy	11/04/96	Nữ	Quận Hải An		3	03.07. 00831	D380101	6.75	6.75	8.75	22.25	22.50	
470	LPH.D1 09335	Nguyễn Trần Hạnh	Uyên	15/12/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.07. 00830	D380101	6.50	7.00	7.50	21.00	21.00	
471	LPH.D1 09336	Phạm Hoàng	Giang	28/08/96	Nữ	Quận Hồng Bàng		3	03.08. 00646	D380101	6.75	5.50	8.00	20.25	20.50	
472	LPH.D1 09337	Phạm Thị Thanh	Vân	27/04/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.08. 00645	D380101	5.25	5.75	4.50	15.50	15.50	
473	LPH.D1 09338	Phạm Quang	Huy	30/06/94		Quận Lê Chân		3	03.12. 00100	D380101	7.25	5.25	5.50	18.00	18.00	
474	LPH.D1 09339	Phạm Mai	Linh	02/03/94	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.12. 00101	D380107	5.75	3.00	5.50	14.25	14.50	
475	LPH.D1 09344	Nguyễn Trọng	Khôi	22/05/96		Quận Ngô Quyền		3	03.13. 00686	D380101	6.75	8.50	7.00	22.25	22.50	
476	LPH.D1 09353	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	08/12/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.13. 00684	D220201	4.75	6.25	6.50	17.50	17.50	
477	LPH.D1 09355	Bành ý	Linh	27/02/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.14. 00966	D380107	7.75	7.50	7.25	22.50	22.50	
478	LPH.D1 09356	Nguyễn Bình	Minh	25/04/96		Quận Ngô Quyền		3	03.14. 00965	D380101	7.50	5.50	6.00	19.00	19.00	
479	LPH.D1 09357	Đặng Phương	Nam	18/09/96		Quận Ngô Quyền		3	03.14. 00963	D380101	7.75	7.50	2.50	17.75	18.00	
480	LPH.D1 09358	Đào Minh	Ngọc	09/01/96	Nữ	Quận Hải An		3	03.14. 00960	D110101	7.50	5.50	8.00	21.00	21.00	
481	LPH.D1 09362	Nguyễn Thị Tố	Uyên	03/11/95	Nữ	Quận Kiến An		3	03.14. 00961	D110101	6.25	8.25	7.75	22.25	22.50	
482	LPH.D1 09364	Trần Ngọc Bảo	Uyên	05/09/96	Nữ	Quận Lê Chân		3	03.18. 00139	D380101	1.25	2.00	5.75	9.00	9.00	
483	LPH.D1 09366	Ngô Thị Mai	Thủy	06/08/95	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.22. 00075	D380101	5.00	7.00	7.50	19.50	19.50	
484	LPH.D1 09367	Trần Hải	Yến	13/04/95	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.22. 00074	D380101	6.25	4.25	5.50	16.00	16.00	
485	LPH.D1 09368	Trần Thị	Giang	08/09/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		3	03.23. 00443	D110101	4.25	6.25	8.00	18.50	18.50	
486	LPH.D1 09369	Tạ Thị Thái	Hà	07/11/96	Nữ	Quận Kiến An		3	03.23. 00447	D380101	6.50	5.50	7.25	19.25	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
487	LPH.D1 09370	Đặng Thị Kim	Huyền	09/12/96	Nữ	Quận Kiến An		3	03.23. 00446	D110101	5.50	5.50	6.00	17.00	17.00	
488	LPH.D1 09371	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	31/05/96	Nữ	Quận Kiến An		3	03.23. 00444	D110101	2.75	6.25	4.00	13.00	13.00	
489	LPH.D1 09373	Nguyễn Mỹ	Linh	10/02/96	Nữ	Quận Kiến An		3	03.23. 00448	D380101	5.25	5.50	6.00	16.75	17.00	
490	LPH.D1 09375	Nguyễn Thanh	Loan	28/12/96	Nữ	Quận Kiến An		3	03.23. 00450	D380101	2.00	4.00	5.75	11.75	12.00	
491	LPH.D1 09376	Phạm Thị Bảo	Ngọc	29/11/96	Nữ	Huyện An Lão		3	03.23. 00449	D380101	7.00	6.00	7.00	20.00	20.00	
492	LPH.D1 09378	Vũ Thu	Thảo	30/06/96	Nữ	Quận Kiến An		3	03.23. 00451	D380101	6.25	5.50	5.00	16.75	17.00	
493	LPH.D1 09380	Vũ Ngọc Thanh	Hoa	07/11/95	Nữ	Quận Kiến An		3	03.27. 00078	D380107	6.50	8.25	6.50	21.25	21.50	
494	LPH.D1 09381	Phan Khánh	Linh	19/08/95	Nữ	Quận Kiến An		3	03.27. 00077	D380101	4.50	5.25	6.00	15.75	16.00	
495	LPH.D1 09382	Phạm Thị Ngọc	ánh	08/10/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.28. 00782	D380107	6.75	8.75	7.00	22.50	22.50	
496	LPH.D1 09383	Phạm Thu	Thảo	01/11/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.28. 00780	D380101	1.25	4.50	2.00	7.75	8.00	
497	LPH.D1 09384	Trần Thị Thu	Thảo	09/03/96	Nữ	Quận Ngô Quyền		3	03.28. 00781	D380101	6.25	3.25	3.50	13.00	13.00	
498	LPH.D1 09385	Nguyễn Diệu	Linh	30/01/96	Nữ	Huyện An Lão		2	03.36. 00317	D110101	6.75	8.00	6.00	20.75	21.00	
499	LPH.D1 09386	Trần Thị	Thoa	15/07/96	Nữ	Huyện An Lão		2	03.37. 00167	D380101	7.25	5.00	8.00	20.25	20.50	
500	LPH.D1 09387	Chử Hà	Phương	23/05/96	Nữ	Huyện Kiến Thụy		2	03.42. 00325	D380101	5.25	7.50	7.00	19.75	20.00	
501	LPH.D1 09388	Phạm Thị	Trang	24/10/96	Nữ	Quận Dương Kinh		2	03.42. 00324	D380101	6.00	4.25	6.75	17.00	17.00	
502	LPH.D1 09389	Vũ Thùy	Dương	06/06/96	Nữ	Quận Dương Kinh		3	03.44. 00331	D380101	7.25	7.00	7.50	21.75	22.00	
503	LPH.D1 09390	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/10/95	Nữ	Huyện Kiến Thụy		2	03.47. 00059	D380101	4.25	6.00	8.25	18.50	18.50	
504	LPH.D1 09391	Trịnh Thị Hải	Thanh	02/10/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		2	03.48. 00271	D380107	3.25	5.25	6.50	15.00	15.00	
505	LPH.D1 09392	Nguyễn Văn	Quang	13/11/96		Huyện Thủy Nguyên		1	03.49. 00263	D110101	7.50	9.25	7.50	24.25	24.50	
506	LPH.D1 09393	Nguyễn Thị Yến	Vân	07/11/96	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		1	03.49. 00264	D380101	5.00	2.75	1.50	9.25	9.50	
507	LPH.D1 09394	Vũ Thu	Huyền	10/01/93	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		1	03.57. 00133	D380101	2.75	2.75	3.50	9.00	9.00	
508	LPH.D1 09395	Cao Đức Bảo	Tâm	02/11/95		Huyện Thủy Nguyên		1	03.57. 00134	D380101	5.75	2.25	6.75	14.75	15.00	
509	LPH.D1 09396	Nguyễn Thị Lệ	Thu	04/05/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.64. 00308	D380101	5.25	7.50	6.00	18.75	19.00	
510	LPH.D1 09398	Trần Thị Minh	Anh	14/12/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.66. 00110	D380101	6.00	7.25	7.75	21.00	21.00	
511	LPH.D1 09399	Ngô Thị	Linh	23/09/96	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.67. 00032	D380101	3.75	3.75	3.50	11.00	11.00	
512	LPH.D1 09400	Bùi Thị	Nhâm	17/10/95	Nữ	Huyện Tiên Lãng		2	03.69. 00095	D110101	7.25	2.75	6.00	16.00	16.00	
513	LPH.D1 09401	Đỗ Thị Thu	An	30/10/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.70. 00319	D110101	6.75	6.75	5.75	19.25	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
514	LPH.D1 09402	Bùi Diễm	Hà	28/04/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.70. 00323	D380107	7.50	6.00	6.75	20.25	20.50	
515	LPH.D1 09403	Phạm Thị	Hậu	28/08/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.70. 00321	D380101	6.50	5.75	6.50	18.75	19.00	
516	LPH.D1 09404	Hoàng Thị	Quỳnh	05/10/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.70. 00322	D380101	5.50	5.00	5.50	16.00	16.00	
517	LPH.D1 09405	Nguyễn Thị	Thìn	05/08/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.70. 00320	D380101	6.75	4.75	6.25	17.75	18.00	
518	LPH.D1 09408	Nguyễn Minh	Duyên	02/02/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00405	D110101	6.50	4.50	6.00	17.00	17.00	
519	LPH.D1 09409	Nguyễn Văn	Hãnh	30/10/96		Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00408	D380101	6.50	5.75	5.50	17.75	18.00	
520	LPH.D1 09410	Nguyễn Thị	Hoài	02/09/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo	06	2	03.72. 00410	D380101	6.25	4.00	7.75	18.00	18.00	
521	LPH.D1 09411	Đào Thị	Liên	01/07/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00407	D380101	7.25	6.50	6.50	20.25	20.50	
522	LPH.D1 09412	Bùi Thị Thảo	My	14/10/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00411	D380101	6.00	6.00	8.00	20.00	20.00	
523	LPH.D1 09413	Vũ Minh	Phượng	26/03/96	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.72. 00406	D380101	7.25	6.25	5.50	19.00	19.00	
524	LPH.D1 09414	Phạm Thị	Giang	28/03/95	Nữ	Huyện Vĩnh Bảo		2	03.76. 00106	D110101	6.25	4.25	7.00	17.50	17.50	
525	LPH.D1 09415	Nguyễn Tuấn	Minh	04/10/95		Huyện Cát Hải		1	03.80. 00009		3.50	3.50	4.50	11.50	11.50	
526	LPH.D1 09416	Nguyễn Gia	Bách	28/02/96		Huyện Kinh Môn		3	03.A2. 00005	D380101	7.50	8.75	3.00	19.25	19.50	
527	LPH.D1 09417	Lê Quỳnh	Trang	19/05/96	Nữ	Quận Hải Châu		3	04.02. 00002	D110101	6.75	8.50	8.00	23.25	23.50	
528	LPH.D1 09419	Đông Mạnh	Trường	17/04/96		Quận Thanh Khê	06	3	04.02. 00001	D110101	6.75	8.25	6.50	21.50	21.50	
529	LPH.D1 09421	Nguyễn Thị Thu	Huyền	01/06/95	Nữ	Thành phố Hà Giang	01	1	05.00. 00715	D380101	5.75	3.00	7.00	15.75	16.00	
530	LPH.D1 09423	Nguyễn Thúy	Vy	05/02/95	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.00. 00718	D380107	3.50	4.75	8.25	16.50	16.50	
531	LPH.D1 09424	Nông Mai	Diễm	21/11/95	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.10. 00864	D380101	2.00	2.25	5.00	9.25	9.50	
532	LPH.D1 09428	Vũ Minh	Anh	22/11/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00737	D110101	6.25	4.75	7.00	18.00	18.00	
533	LPH.D1 09430	Nguyễn Mai	Huyền	21/12/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.12. 00742	D380107	4.50	6.75	7.50	18.75	19.00	
534	LPH.D1 09432	Phạm Lan	Hương	12/03/96	Nữ	Thành phố Hà Giang		1	05.13. 00832	D380101	1.00	3.00	2.25	6.25	6.50	
535	LPH.D1 09433	Nguyễn Quỳnh	Trang	13/11/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.16. 00945	D380107	6.25	6.75	7.50	20.50	20.50	
536	LPH.D1 09434	Phan Thị	Yến	18/05/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.16. 00944	D380107	5.25	3.50	5.00	13.75	14.00	
537	LPH.D1 09435	Hoàng Thu	Hằng	11/07/96	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	05.20. 00804	D380101	1.50	2.25	3.50	7.25	7.50	
538	LPH.D1 09436	Đình Xuân	Kiên	30/07/96		Huyện Bắc Quang		1	05.25. 00792	D380101	1.50	2.25	5.00	8.75	9.00	
539	LPH.D1 09437	Nguyễn Thị Kim	Oanh	27/07/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.25. 00793	D380101	4.00	3.50	2.50	10.00	10.00	
540	LPH.D1 09438	Phùng Thị Thanh	Nga	02/12/96	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.30. 00851		1.00	3.25	3.50	7.75	8.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
541	LPH.D1 09439	La Thị	Nhuận	16/12/96	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.52. 00905	D380101	2.25	2.75	7.50	12.50	12.50	
542	LPH.D1 09440	Hoàng Vũ	Lê	18/07/95	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.00. 04973	D380107	5.25	7.75	5.50	18.50	18.50	
543	LPH.D1 09441	Đoàn Mạnh	Cường	25/01/94		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.01. 04976	D380101	1.00	.	.	1.00	1.00	
544	LPH.D1 09445	Hoàng Thị Khánh	Linh	20/09/96	Nữ	Huyện Trà Lĩnh	01	1	06.02. 04978	D380101	5.00	2.25	4.50	11.75	12.00	
545	LPH.D1 09446	Nguyễn Thị Hoài	Anh	30/10/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04982	D380107	2.75	6.00	5.50	14.25	14.50	
546	LPH.D1 09447	Vương Ngọc	ánh	08/03/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04981	D380101	2.00	3.00	5.00	10.00	10.00	
547	LPH.D1 09448	Nông Thị Lan	Nhi	21/12/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04980	D380101	2.00	6.25	4.75	13.00	13.00	
548	LPH.D1 09449	Lê Hồng	Tâm	17/07/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.03. 04979	D380101	1.00	5.25	5.50	11.75	12.00	
549	LPH.D1 09450	Lãnh Đức	Dương	25/11/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04989	D380107	7.75	8.75	3.00	19.50	19.50	
550	LPH.D1 09451	Nông Thị Hương	Giang	29/10/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.04. 04985	D380101	4.75	6.75	6.00	17.50	17.50	
551	LPH.D1 09452	Nguyễn Hoàng Ngọc	Huế	11/11/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04990	D380107	5.75	6.75	7.75	20.25	20.50	
552	LPH.D1 09453	Trương Thanh	Huyền	15/11/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04988	D380107	6.25	6.75	6.00	19.00	19.00	
553	LPH.D1 09454	Bế Thùy	Linh	31/10/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.04. 04986	D380101	6.00	5.25	5.50	16.75	17.00	
554	LPH.D1 09455	Lưu Thu	Nga	20/09/96	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.04. 04983	D380101	6.00	4.00	5.50	15.50	15.50	
555	LPH.D1 09457	Vương Thị Kiều	Trang	12/08/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	06.04. 04987	D380101	6.25	5.00	4.50	15.75	16.00	
556	LPH.D1 09458	Nguyễn Trí	Thiện	11/09/95		Huyện Thông Nông	01	1	06.09. 04991	D380101	4.00	6.75	5.50	16.25	16.50	
557	LPH.D1 09459	Nông Thị	Hài	23/01/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04992	D380101	3.00	2.25	7.00	12.25	12.50	
558	LPH.D1 09460	Hoàng Thị	Huyền	08/06/96	Nữ	Huyện Trùng Khánh	01	1	06.18. 04993	D380101	2.50	3.75	5.50	11.75	12.00	
559	LPH.D1 09461	Hà Thị	Huế	12/12/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04994	D380101	4.75	3.50	3.75	12.00	12.00	
560	LPH.D1 09462	Hà Thu	Hường	07/08/96	Nữ	Huyện Nguyên Bình	01	1	06.23. 04995	D380107	6.25	5.25	6.75	18.25	18.50	
561	LPH.D1 09464	Từ Việt	Cường	26/02/96		Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04999	D380107	7.25	6.50	5.50	19.25	19.50	
562	LPH.D1 09465	Lương Thị Hồng	Nga	16/03/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04998	D380101	1.25	1.75	3.00	6.00	6.00	
563	LPH.D1 09466	Sầm Thị Hồng	Ngọc	12/10/96	Nữ	Huyện Hoà An	01	1	06.27. 04997	D380101	4.75	4.25	6.50	15.50	15.50	
564	LPH.D1 09467	Nông Khánh	Son	27/08/96		Thành phố Cao Bằng	01	1	06.28. 05000	D380101	2.75	4.25	3.00	10.00	10.00	
565	LPH.D1 09469	Phan Thị Linh	Ly	11/02/95	Nữ	Huyện Quảng Uyên	01	1	06.30. 05001	D380101	4.75	3.25	6.75	14.75	15.00	
566	LPH.D1 09470	Mông Thanh	Hà	24/11/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	06.35. 05003	D380101	3.50	2.00	2.50	8.00	8.00	
567	LPH.D1 09471	Nông Thanh	Huyền	04/09/96	Nữ	Huyện Phục Hoà	01	1	06.43. 05004	D380101	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
568	LPH.D1 09472	Tạ Thị Mỹ	Duyên	09/11/96	Nữ	Huyện Tam Đường		1	07.02. 01936	D380101	6.75	5.00	4.50	16.25	16.50	
569	LPH.D1 09473	Nguyễn Tiến	Khánh	24/11/96		Thành Phố Lai Châu		1	07.03. 01937	D380101	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
570	LPH.D1 09474	Sùng Bá	Thành	10/08/96		Huyện Phong Thổ	01	1	07.10. 01938	D380101	4.25	3.50	3.00	10.75	11.00	
571	LPH.D1 09475	Vũ Nữ Lâm	Hồng	25/08/96	Nữ	Huyện Than Uyên		1	07.19. 01939	D380101	3.75	3.00	5.00	11.75	12.00	
572	LPH.D1 09477	Khuất Nhật	Linh	21/10/95	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	08.00. 05715	D380107	4.75	2.75	3.50	11.00	11.00	
573	LPH.D1 09478	Ngô Thị Thùy	Linh	20/05/93	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	08.00. 05714	D380101	6.75	4.75	4.00	15.50	15.50	
574	LPH.D1 09480	Lý Ngọc	Sơn	08/07/95		Huyện Văn Bàn	01	2NT	08.06. 05717	D380101	6.75	4.50	5.00	16.25	16.50	
575	LPH.D1 09481	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	19/03/95	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.07. 05718	D380101	5.25	5.00	7.75	18.00	18.00	
576	LPH.D1 09484	Lương Thị Ngọc	ánh	05/11/96	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	08.10. 05730	D380101	6.75	5.00	8.00	19.75	20.00	
577	LPH.D1 09485	Mạc Thuỳ	Dương	13/10/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05731	D380107	7.25	8.00	8.00	23.25	23.50	
578	LPH.D1 09488	Phạm Thị Tuyết	Lan	03/07/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05721	D110101	6.75	6.75	8.00	21.50	21.50	
579	LPH.D1 09489	Đào Thị Thuỳ	Linh	04/07/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05720	D110101	6.75	6.25	8.50	21.50	21.50	
580	LPH.D1 09494	Đỗ Phương	Thuý	16/06/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.10. 05729	D380101	6.75	7.25	7.50	21.50	21.50	
581	LPH.D1 09496	Nguyễn Kiều	Trang	24/07/96	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	08.10. 05732	D380107	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
582	LPH.D1 09497	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/09/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.11. 05735	D380101	3.50	7.00	4.50	15.00	15.00	
583	LPH.D1 09499	Trà Nhật	Linh	04/08/96	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.11. 05736	D380107	6.75	7.25	7.00	21.00	21.00	
584	LPH.D1 09501	Đặng Mai	Trâm	23/07/96	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.19. 05738	D380101	7.25	4.50	4.50	16.25	16.50	
585	LPH.D1 09502	Hứa Thị	Khánh	29/11/96	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.23. 05740	D380107	6.75	7.00	5.50	19.25	19.50	
586	LPH.D1 09504	Hoàng Diệu	Hương	10/01/96	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.25. 05742	D380101	3.25	4.50	7.50	15.25	15.50	
587	LPH.D1 09505	Nguyễn Bích	Ngọc	16/08/96	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	08.25. 05741	D380101	6.25	6.00	7.50	19.75	20.00	
588	LPH.D1 09506	Lê Việt	Hà	26/07/96		Huyện Bắc Hà		1	08.27. 05743	D380101	5.00	3.25	3.00	11.25	11.50	
589	LPH.D1 09509	Phan Thị Huyền	Trang	17/09/94	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.01. 00132	D380101	2.25	3.25	5.50	11.00	11.00	
590	LPH.D1 09510	Trịnh Thùy	Dương	08/08/95	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.07. 00124	D380107	2.50	3.00	5.50	11.00	11.00	
591	LPH.D1 09511	Vũ Ngọc	ánh	13/09/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00080	D380101	5.75	4.75	7.50	18.00	18.00	
592	LPH.D1 09514	Đặng Trần Long	Hải	17/06/96		Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00062	D110101	6.75	6.00	7.00	19.75	20.00	
593	LPH.D1 09515	Phạm Thị	Hạnh	25/04/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.09. 00064	D380101	7.50	7.75	7.50	22.75	23.00	
594	LPH.D1 09516	Nguyễn Quỳnh	Mai	04/05/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.09. 00061	D380107	6.75	6.25	7.25	20.25	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
595	LPH.D1 09519	Đoàn Thị	Thảo	17/12/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.10. 00335	D380107	6.75	4.25	4.00	15.00	15.00	
596	LPH.D1 09520	Bùi Phương	Thảo	16/01/96	Nữ	Th. phố Tuyên Quang		1	09.12. 00357	D380107	4.00	3.75	2.00	9.75	10.00	
597	LPH.D1 09522	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	29/10/96	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.30. 00066	D380101	6.25	4.00	6.75	17.00	17.00	
598	LPH.D1 09523	Hồ Quỳnh	Trang	13/10/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00210	D380107	7.50	4.00	7.50	19.00	19.00	
599	LPH.D1 09524	Phan Thị	Hương	01/12/96	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.35. 00035	D380101	3.50	3.25	5.00	11.75	12.00	
600	LPH.D1 09525	Nguyễn Linh	Chi	27/01/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.00. 06632	D380107	6.50	5.25	8.00	19.75	20.00	
601	LPH.D1 09526	Triệu Hải	Nam	28/07/94		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.00. 06633	D380107	5.00	3.00	7.50	15.50	15.50	
602	LPH.D1 09527	Nguyễn Thị Thu	Thủy	16/01/95	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.00. 06631	D380101	1.25	3.50	6.00	10.75	11.00	
603	LPH.D1 09528	Hoàng Tuấn	Anh	15/02/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06643	D380107	1.25	4.00	4.50	9.75	10.00	
604	LPH.D1 09530	Nguyễn Tuấn	Đạt	29/02/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06644	D380107	0.25	2.50	3.00	5.75	6.00	
605	LPH.D1 09531	Trần Văn	Đức	17/08/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06635	D380101	7.00	5.75	3.00	15.75	16.00	
606	LPH.D1 09533	Lê Thu	Hà	10/06/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06648	D380107	1.25	2.25	3.00	6.50	6.50	
607	LPH.D1 09534	Nguyễn Hồng	Hạnh	22/01/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06634	D380101	2.00	3.00	4.75	9.75	10.00	
608	LPH.D1 09535	Vũ Khánh	Huyền	30/06/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06640	D380101	2.25	3.75	6.50	12.50	12.50	
609	LPH.D1 09536	Chu Hoàng Khánh	Linh	08/08/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06638	D380101	1.75	5.00	4.25	11.00	11.00	
610	LPH.D1 09537	Nguyễn Nhật	Linh	13/12/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06639	D380101	1.00	2.75	6.00	9.75	10.00	
611	LPH.D1 09538	Nguyễn Hải	My	08/07/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06642	D380101	2.50	3.00	4.00	9.50	9.50	
612	LPH.D1 09539	Dương Thế	Phong	20/05/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06650	D380107	4.00	6.75	4.50	15.25	15.50	
613	LPH.D1 09540	Lương Quốc	Tài	29/10/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.01. 06651	D380107	0.00	1.50	2.50	4.00	4.00	
614	LPH.D1 09546	Nguyễn Hải	Yến	13/07/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.01. 06641	D380101	0.00	2.25	1.00	3.25	3.50	
615	LPH.D1 09547	Bế Thị Kiều	Anh	06/04/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06668	D380107	6.25	6.50	6.25	19.00	19.00	
616	LPH.D1 09548	Đặng Ngọc	Anh	15/05/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.02. 06664	D380107	3.75	7.75	5.50	17.00	17.00	
617	LPH.D1 09549	Hoàng Vy Quỳnh	Anh	18/03/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.02. 06674	D380107	6.75	6.50	4.50	17.75	18.00	
618	LPH.D1 09550	Ngô Thị Ngọc	Anh	08/08/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.02. 06662	D380101	5.75	5.25	7.00	18.00	18.00	
619	LPH.D1 09551	Vũ Hạnh Trâm	Anh	14/09/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06673	D380107	7.75	6.50	4.75	19.00	19.00	
620	LPH.D1 09552	Dương Minh	Châu	07/08/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06666	D380107	5.50	8.25	8.50	22.25	22.50	
621	LPH.D1 09553	Trần Minh	Hiệp	28/11/96		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06671	D380107	7.00	6.25	4.50	17.75	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
622	LPH.D1 09555	Hoàng Thị Mai	Hương	21/05/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06665	D380107	4.75	4.50	5.50	14.75	15.00	
623	LPH.D1 09557	Trần Trúc	Lâm	26/06/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06667	D380107	5.75	6.00	2.00	13.75	14.00	
624	LPH.D1 09558	Đổng Thị Huyền	Linh	01/07/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06658	D380101	5.75	8.00	7.00	20.75	21.00	
625	LPH.D1 09561	Dương Diệu Huyền	My	07/07/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.02. 06663	D380107	6.25	8.00	6.00	20.25	20.50	
626	LPH.D1 09562	Ngô Thị Thiện	Ngân	31/01/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06670	D380107	5.25	4.75	6.50	16.50	16.50	
627	LPH.D1 09563	Hoàng Thị	Ngọc	18/10/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06669	D380107	5.00	2.50	7.00	14.50	14.50	
628	LPH.D1 09565	Lê Hoàng Trung	Sơn	03/05/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06675	D380107	2.50	4.25	3.00	9.75	10.00	
629	LPH.D1 09566	Nguyễn Tiến	Thành	28/01/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06661	D380101	5.25	3.00	1.50	9.75	10.00	
630	LPH.D1 09568	Nguyễn Quang	Thắng	02/10/96		Thành phố Lạng Sơn		1	10.02. 06656	D380101	7.25	8.00	7.75	23.00	23.00	
631	LPH.D1 09570	Nông Thị	Ngân	10/05/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.03. 06676	D380101	4.75	3.00	7.00	14.75	15.00	
632	LPH.D1 09571	Linh Xuân	Thương	27/08/94		Thành phố Lạng Sơn	01	1	10.05. 06677	D380107	6.75	3.00	4.50	14.25	14.50	
633	LPH.D1 09572	Lê Mai	Sương	13/01/96	Nữ	Thành phố Lạng Sơn		1	10.06. 06678	D380107	5.75	6.00	3.50	15.25	15.50	
634	LPH.D1 09573	Nông Thị	Nga	24/08/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06679	D380101	1.00	2.00	3.50	6.50	6.50	
635	LPH.D1 09574	Trịnh Thị Ngọc	Thúy	08/04/96	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	10.09. 06680	D380107	6.25	5.00	4.50	15.75	16.00	
636	LPH.D1 09575	Hứa Thị	Trang	02/10/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06682	D380101	6.00	3.75	6.00	15.75	16.00	
637	LPH.D1 09576	Nông Thị Thùy	Trang	21/05/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	10.13. 06681	D380101	5.00	3.00	6.00	14.00	14.00	
638	LPH.D1 09577	Ngô Hải	Yến	10/06/96	Nữ	Huyện Bình Gia		1	10.13. 06683	D380101	1.75	2.00	5.00	8.75	9.00	
639	LPH.D1 09578	Linh Thu	Hường	25/02/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06685	D380101	3.25	2.50	4.00	9.75	10.00	
640	LPH.D1 09579	Lô Phương	Thảo	14/05/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06684	D380101	5.75	8.00	7.00	20.75	21.00	
641	LPH.D1 09580	Nông Thị	Thư	07/09/96	Nữ	Huyện Văn Lãng	01	1	10.17. 06686	D380101	1.00	2.00	3.25	6.25	6.50	
642	LPH.D1 09581	Nguyễn Thị	Hạnh	04/06/95	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.27. 06687	D380101	5.25	4.00	4.50	13.75	14.00	
643	LPH.D1 09583	Ngô Thị Bích	Sinh	12/05/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.28. 06688	D380101	4.50	3.75	3.50	11.75	12.00	
644	LPH.D1 09584	Nguyễn Huy	Sơn	03/08/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.28. 06690	D380101	2.25	5.25	2.00	9.50	9.50	
645	LPH.D1 09586	Hoàng Minh	ánh	26/06/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06694	D380101	6.00	2.25	3.00	11.25	11.50	
646	LPH.D1 09587	Vi Văn	Độ	21/01/96		Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06695	D380101	1.50	2.75	3.50	7.75	8.00	
647	LPH.D1 09588	Hoàng Thu	Quỳnh	23/03/96	Nữ	Huyện Cao Lộc	01	1	10.29. 06692	D380101	0.00	2.75	4.00	6.75	7.00	
648	LPH.D1 09589	Nguyễn Quỳnh	Thu	22/05/96	Nữ	Huyện Cao Lộc		1	10.29. 06693	D380101	0.25	2.50	2.00	4.75	5.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
649	LPH.D1 09592	Chu Hồng	Anh	02/12/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06701	D380101	3.25	3.25	5.00	11.50	11.50	
650	LPH.D1 09593	Hoàng Thùy	Linh	03/12/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06703	D380101	5.25	3.75	6.75	15.75	16.00	
651	LPH.D1 09594	Nông Thị	Loan	26/03/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06707	D380107	6.50	4.25	5.00	15.75	16.00	
652	LPH.D1 09595	Hứa Thị	Minh	20/02/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06698	D380101	2.50	2.50	5.00	10.00	10.00	
653	LPH.D1 09597	Nông Kim	Ngân	16/10/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06706	D380107	4.25	6.00	5.00	15.25	15.50	
654	LPH.D1 09598	Trịnh Văn	Phúc	03/12/96		Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06705	D380107	1.75	3.50	1.00	6.25	6.50	
655	LPH.D1 09599	Nông Thị	Sở	18/02/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06704	D380101	2.00	3.00	5.00	10.00	10.00	
656	LPH.D1 09600	Hoàng Đức	Thiện	04/04/96		Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06700	D380101	6.00	2.75	3.00	11.75	12.00	
657	LPH.D1 09601	Hà Thanh	Thúy	20/04/96	Nữ	Huyện Lộc Bình	01	1	10.32. 06702	D380101	5.25	3.25	4.50	13.00	13.00	
658	LPH.D1 09604	Hoàng Văn	Hiền	27/05/96		Huyện Chi Lăng	01	1	10.36. 06711	D380101	2.75	2.75	6.00	11.50	11.50	
659	LPH.D1 09605	Đoàn Hồng	Ngọc	03/12/96	Nữ	Huyện Chi Lăng		1	10.36. 06710	D380101	4.25	5.50	7.50	17.25	17.50	
660	LPH.D1 09606	Lộc Thúy	Hà	17/05/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06713	D380101	4.00	3.75	7.00	14.75	15.00	
661	LPH.D1 09607	Lý Nhật	Linh	05/02/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06712	D380101	5.75	2.50	3.50	11.75	12.00	
662	LPH.D1 09608	Vương Lệ	Thu	28/07/96	Nữ	Huyện Đình Lập	01	1	10.40. 06714	D380107	4.50	3.50	3.50	11.50	11.50	
663	LPH.D1 09609	Nguyễn Phương	Linh	23/04/95	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.42. 06715	D380107	6.00	3.50	7.25	16.75	17.00	
664	LPH.D1 09610	Trương Chí	Bảo	18/10/96		Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06720	D380101	5.50	5.75	6.00	17.25	17.50	
665	LPH.D1 09611	Thân Văn	Quỳnh	30/09/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06717	D380101	4.25	4.75	6.50	15.50	15.50	
666	LPH.D1 09612	Phùng Minh	Thúy	31/08/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06719	D380101	5.25	3.75	5.00	14.00	14.00	
667	LPH.D1 09613	Bùi Thị Hà	Trang	27/01/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng		1	10.43. 06716	D380101	1.25	2.50	5.00	8.75	9.00	
668	LPH.D1 09614	Lương Thu	Trang	06/01/96	Nữ	Huyện Hữu Lũng	01	1	10.43. 06718	D380101	5.25	6.75	6.00	18.00	18.00	
669	LPH.D1 09615	Nguyễn Đức	Việt	09/07/95		Huyện Chợ Đồn		1	11.02. 03106	D380101	6.00	4.00	3.00	13.00	13.00	
670	LPH.D1 09617	Hoàng Thị Lan	Anh	16/12/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.09. 03110	D380101	5.75	7.50	7.00	20.25	20.50	
671	LPH.D1 09619	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	11/09/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 03111	D380101	0.50	2.50	6.75	9.75	10.00	
672	LPH.D1 09620	Trần Thanh	Huyền	10/11/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 03109	D380101	5.50	4.75	5.50	15.75	16.00	
673	LPH.D1 09621	Chu Trương Thái	Phong	17/10/96		Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.09. 03108	D380101	3.25	4.00	3.00	10.25	10.50	
674	LPH.D1 09622	Lương Thị	Dung	05/06/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03115	D380101	2.25	3.25	6.50	12.00	12.00	
675	LPH.D1 09623	Lê Văn	Huế	23/09/96		Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03114	D380101	1.00	2.50	4.50	8.00	8.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
676	LPH.D1 09624	Nông Hoàng	Mây	01/12/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03113	D380101	0.50	3.00	7.00	10.50	10.50	
677	LPH.D1 09625	Nông Thị Phương	Thu	28/06/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.10. 03116	D380101	5.50	3.00	4.50	13.00	13.00	
678	LPH.D1 09626	Nông Thị	Thúy	21/10/96	Nữ	Huyện Chợ Mới	01	1	11.11. 03117	D380101	3.00	4.00	7.00	14.00	14.00	
679	LPH.D1 09627	Nông Thị	Ly	25/05/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 03118	D380101	6.00	2.75	2.00	10.75	11.00	
680	LPH.D1 09628	Hà Thị	Trang	15/01/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	11.12. 03119	D380101	5.00	4.00	4.25	13.25	13.50	
681	LPH.D1 09629	Triệu Thị	Lý	16/04/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.14. 03120	D380101	3.75	4.00	7.00	14.75	15.00	
682	LPH.D1 09630	Luân Hoài	Thương	05/12/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	11.17. 03121	D380101	3.50	3.00	3.00	9.50	9.50	
683	LPH.D1 09631	Cà Nguyễn	Hùng	22/05/96		Huyện Ba Bể	01	1	11.18. 03122	D380107	6.50	3.25	3.50	13.25	13.50	
684	LPH.D1 09632	Vũ Kim	ánh	11/03/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.19. 03123		7.00	4.75	6.00	17.75	18.00	
685	LPH.D1 09633	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/01/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	11.19. 03128	D380107	4.75	6.50	6.50	17.75	18.00	
686	LPH.D1 09634	Triệu Thị Khánh	Lam	12/09/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.19. 03125	D380101	6.25	8.00	3.50	17.75	18.00	
687	LPH.D1 09635	Hứa Thanh	Long	07/10/96		Thị xã Bắc Kạn	01	1	11.19. 03124	D380101	6.25	4.50	5.00	15.75	16.00	
688	LPH.D1 09636	Nguyễn Thị	Tuyết	25/01/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.19. 03127	D380101	6.75	3.75	7.00	17.50	17.50	
689	LPH.D1 09637	Vũ Tố	Uyen	26/05/96	Nữ	Thị xã Bắc Kạn		1	11.19. 03126	D380101	5.50	5.00	8.00	18.50	18.50	
690	LPH.D1 09639	Phạm Minh Quỳnh	Anh	25/07/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.00. 00201	D380101	6.25	8.75	6.00	21.00	21.00	
691	LPH.D1 09640	Vũ Kiều	Chinh	21/03/95	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.00. 00195	D380107	5.75	6.50	8.00	20.25	20.50	
692	LPH.D1 09641	Đoàn Hồng	Điệp	17/10/95	Nữ	Thành phố Thái		2	12.00. 00198	D380101	1.00	2.75	6.00	9.75	10.00	
693	LPH.D1 09642	Ngô Thị Thu	Hiên	02/09/95	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.00. 00199	D380101	6.00	3.00	5.00	14.00	14.00	
694	LPH.D1 09644	Nguyễn Huy	Quang	19/06/95		Huyện Đông Hỷ		1	12.00. 00200	D110101	4.75	7.25	5.75	17.75	18.00	
695	LPH.D1 09645	Ngô Hoài	Thanh	19/04/95	Nữ	Huyện Phố Yên		2NT	12.00. 00197	D380101	5.75	3.75	8.00	17.50	17.50	
696	LPH.D1 09646	Ngô Thị Nhật	ánh	10/01/96	Nữ	Huyện Đại Từ		2	12.10. 00450	D380101	7.25	7.00	7.00	21.25	21.50	
697	LPH.D1 09647	Vũ Hương	Giang	01/03/96	Nữ	Huyện Đông Hỷ		2	12.10. 00454	D380107	7.25	3.50	8.00	18.75	19.00	
698	LPH.D1 09648	Nông Hồng	Hạnh	08/06/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.10. 00455	D380107	4.25	4.00	6.50	14.75	15.00	
699	LPH.D1 09650	Nguyễn Thị Phương	Hoa	16/03/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.10. 00456	D380107	6.25	3.50	8.00	17.75	18.00	
700	LPH.D1 09652	Đào Thị Mai	Ly	28/09/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00451	D380101	5.25	3.75	7.50	16.50	16.50	
701	LPH.D1 09654	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	08/11/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00447	D110101	6.75	9.00	7.25	23.00	23.00	
702	LPH.D1 09656	Nguyễn Thị	Thương	28/12/96	Nữ	Huyện Đại Từ		2	12.10. 00448	D380101	7.00	8.25	7.00	22.25	22.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
703	LPH.D1 09657	Nguyễn Thị Kiều	Trang	02/09/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.10. 00449	D380101	5.50	6.50	7.50	19.50	19.50	
704	LPH.D1 09658	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/01/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.10. 00453	D380107	6.50	6.25	7.00	19.75	20.00	
705	LPH.D1 09659	Chu Thị Quỳnh	Anh	11/09/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.11. 01168	D380107	6.00	6.25	8.50	20.75	21.00	
706	LPH.D1 09660	Chu Thị Ngọc	Anh	11/09/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.11. 01169	D380107	6.00	7.50	7.50	21.00	21.00	
707	LPH.D1 09661	Phạm Thị Vân	Anh	03/11/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.11. 01164	D380101	5.00	3.25	7.50	15.75	16.00	
708	LPH.D1 09662	Bằng Thị Kim	Dung	26/08/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.11. 01170	D380107	2.50	4.50	4.50	11.50	11.50	
709	LPH.D1 09663	Vi Phương	Linh	21/10/96	Nữ	Thành phố Thái	06	2	12.11. 01162	D380101	5.75	5.50	7.00	18.25	18.50	
710	LPH.D1 09665	Vũ Thị	Phượng	11/07/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.11. 01163	D380101	7.25	6.50	6.50	20.25	20.50	
711	LPH.D1 09667	Lê Kim	Phượng	18/05/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.11. 01165	D380101	6.00	3.25	5.75	15.00	15.00	
712	LPH.D1 09668	Vũ Thị Quỳnh	Anh	28/02/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.14. 00766	D380101	5.50	6.00	7.50	19.00	19.00	
713	LPH.D1 09670	Phạm Thị	Hoà	03/01/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.17. 00044	D380101	6.50	5.25	7.50	19.25	19.50	
714	LPH.D1 09671	Đỗ Văn	Lương	28/02/96		Huyện Định Hoá	01	1	12.17. 00122	D110101	2.25	3.75	4.50	10.50	10.50	
715	LPH.D1 09672	Trần Thị Bích	Ngọc	08/06/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.17. 00098	D380101	4.75	6.75	7.50	19.00	19.00	
716	LPH.D1 09673	Ma Thị	Sao	03/11/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.17. 00112	D380101	4.00	5.00	7.00	16.00	16.00	
717	LPH.D1 09674	Ma Quang	Tiệm	14/06/96		Huyện Võ Nhai	01	1	12.17. 00180	D380101	5.00	3.75	6.00	14.75	15.00	
718	LPH.D1 09675	Đào Ngọc	Thu	02/02/96	Nữ	Huyện Định Hoá	01	1	12.21. 00527	D380101	7.25	8.25	6.50	22.00	22.00	
719	LPH.D1 09676	Nguyễn Thu	Trang	19/09/96	Nữ	Huyện Phú Lương		1	12.23. 00715	D380101	6.75	4.25	6.50	17.50	17.50	
720	LPH.D1 09677	Triệu Văn	Hải	01/10/96		Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00347	D380101	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
721	LPH.D1 09678	Nguyễn Mai	Ly	23/11/96	Nữ	Huyện Võ Nhai	01	1	12.24. 00348	D380107	7.25	7.00	5.50	19.75	20.00	
722	LPH.D1 09679	Nguyễn Thùy	Giang	26/12/96	Nữ	Huyện Đại Từ	01	1	12.25. 00761	D110101	6.25	6.75	8.00	21.00	21.00	
723	LPH.D1 09680	Ngô Phương	Linh	30/11/96	Nữ	Huyện Đông Hỷ		1	12.26. 00049	D380101	4.25	3.75	7.00	15.00	15.00	
724	LPH.D1 09681	Dương Mĩ	Linh	05/09/96	Nữ	Huyện Phú Bình		2NT	12.28. 00529	D380101	5.75	2.75	5.75	14.25	14.50	
725	LPH.D1 09682	Đỗ Thị	Thủy	21/08/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		2NT	12.29. 00967	D380101	5.75	4.75	7.50	18.00	18.00	
726	LPH.D1 09683	Hoàng Thị Thu	Trang	05/06/96	Nữ	Huyện Phổ Yên		2NT	12.29. 00968	D380107	5.00	6.25	8.00	19.25	19.50	
727	LPH.D1 09684	Vũ Minh	Châu	23/02/96	Nữ	Thành phố Cao Bằng	01	1	12.33. 00973	D380107	2.25	3.25	5.50	11.00	11.00	
728	LPH.D1 09685	Trần Thị Tuyết	Chinh	21/03/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	12.33. 00976	D380107	6.00	4.00	7.00	17.00	17.00	
729	LPH.D1 09686	Bế Ngọc	Dung	24/09/96	Nữ	Huyện Thông Nông	01	1	12.33. 00969	D380101	4.25	3.50	6.00	13.75	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
730	LPH.D1 09689	Hoàng Thị	Huyền	07/06/96	Nữ	Huyện Bình Gia	01	1	12.33. 00968	D380101	1.50	2.50	6.50	10.50	10.50	
731	LPH.D1 09690	Trần Hà	Ly	07/09/96	Nữ	Huyện Chợ Đồn	01	1	12.33. 00970	D380101	4.25	4.50	7.00	15.75	16.00	
732	LPH.D1 09691	Hà Nguyệt	Mai	20/11/96	Nữ	Huyện Bảo Lạc	01	1	12.33. 00974	D380107	5.00	4.25	7.00	16.25	16.50	
733	LPH.D1 09692	La Thị	Na	02/04/96	Nữ	Huyện Ba Bể	01	1	12.33. 00966	D380101	3.00	3.25	2.50	8.75	9.00	
734	LPH.D1 09693	Lý Quỳnh	Như	13/10/96	Nữ	Huyện Thạch An	01	1	12.33. 00965	D380101	6.50	4.25	7.50	18.25	18.50	
735	LPH.D1 09695	Tần Thị	Phương	01/06/96	Nữ	Huyện Quản Bạ	01	1	12.33. 00977	D380107	2.75	3.00	6.00	11.75	12.00	
736	LPH.D1 09696	Ma Thị	Trang	18/11/96	Nữ	Huyện Bạch Thông	01	1	12.33. 00971	D380101	7.00	4.00	7.00	18.00	18.00	
737	LPH.D1 09697	Hoàng Đình	Tứ	25/08/96		Huyện Na Rì	01	1	12.33. 00967	D380101	3.50	2.25	3.25	9.00	9.00	
738	LPH.D1 09698	Nông Thị Thuý	Vân	24/03/96	Nữ	Huyện Na Rì	01	1	12.33. 00964	D380101	3.75	4.00	7.00	14.75	15.00	
739	LPH.D1 09699	Ngô Thị Khánh	Ly	15/10/96	Nữ	Huyện Đại Từ		1	12.54. 00356	D380101	3.75	3.50	4.50	11.75	12.00	
740	LPH.D1 09700	Đỗ Thị Huệ	Linh	17/06/96	Nữ	Huyện Đông Hỷ	01	1	12.57. 00188	D380101	5.75	5.50	8.00	19.25	19.50	
741	LPH.D1 09701	Phạm Anh	Chung	08/01/96		Thành phố Thái		2	12.60. 00100	D380101	2.50	.	.	2.50	2.50	
742	LPH.D1 09702	Lương Huyền	Ngọc	01/04/96	Nữ	Thành phố Thái		2	12.60. 00099	D110101	3.00	3.25	6.75	13.00	13.00	
743	LPH.D1 09703	Trần Thị Thảo	Linh	24/04/95	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.01. 00002	D380101	4.75	3.75	2.50	11.00	11.00	
744	LPH.D1 09708	Vũ Thị Hương	Giang	20/10/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00021	D380107	7.00	6.75	7.00	20.75	21.00	
745	LPH.D1 09709	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	15/06/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00018	D380101	6.50	5.75	6.50	18.75	19.00	
746	LPH.D1 09712	Nguyễn Trọng	Hung	30/07/96		Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00023	D380101	5.00	4.75	6.50	16.25	16.50	
747	LPH.D1 09713	Trần Thanh	Hương	24/03/96	Nữ	Thành phố Yên Bái	01	1	13.02. 00017	D380101	6.25	8.25	7.00	21.50	21.50	
748	LPH.D1 09715	Nguyễn Khánh	Ly	04/08/96	Nữ	Thị xã Nghĩa Lộ		1	13.02. 00025	D380101	5.75	5.50	7.50	18.75	19.00	
749	LPH.D1 09716	Lương Lệ	Mai	12/06/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00004	D380101	5.25	7.50	8.00	20.75	21.00	
750	LPH.D1 09717	Lương Linh	Nhật	21/03/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00020	D380107	6.75	3.75	7.50	18.00	18.00	
751	LPH.D1 09719	Trần Hồng	Nhung	09/09/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00005	D380101	6.50	5.75	7.50	19.75	20.00	
752	LPH.D1 09721	Trần Thị Tú	Quỳnh	04/07/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00009	D380101	4.75	8.00	7.50	20.25	20.50	
753	LPH.D1 09722	Bùi Phương	Thảo	21/01/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00006	D380101	6.25	6.00	7.75	20.00	20.00	
754	LPH.D1 09724	Đỗ Thị Thu	Thủy	10/01/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00016	D380101	6.75	7.75	6.50	21.00	21.00	
755	LPH.D1 09725	Đinh Thị Kiều	Trang	15/06/96	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.02. 00007	D380101	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	
756	LPH.D1 09726	Lưu Thùy	Trang	19/04/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.02. 00008	D380101	5.25	7.50	7.50	20.25	20.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
757	LPH.D1 09727	Lê Thanh	Tùng	03/04/96		Thành phố Yên Bái		1	13.02. 00026	D380107	8.75	7.75	6.00	22.50	22.50	
758	LPH.D1 09729	Cao Huỳnh	Đức	22/12/96		Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00027	D380101	6.00	4.00	3.00	13.00	13.00	
759	LPH.D1 09731	Đào Thị Thu	Hà	25/01/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00031	D380107	5.25	4.25	7.50	17.00	17.00	
760	LPH.D1 09732	Đỗ Lan	Hương	31/01/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00028	D380101	5.50	4.50	3.00	13.00	13.00	
761	LPH.D1 09733	Bùi Việt	Mỹ	13/03/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00032	D380101	6.75	7.00	7.50	21.25	21.50	
762	LPH.D1 09734	Đặng Duy	Phú	14/10/96		Thành phố Yên Bái	01	1	13.03. 00036	D380101	4.75	3.00	1.50	9.25	9.50	
763	LPH.D1 09735	Nguyễn Minh	Phương	25/11/96	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00033	D380101	6.75	7.75	8.00	22.50	22.50	
764	LPH.D1 09736	Phạm Thị	Phương	01/06/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.03. 00030	D380107	5.75	2.75	7.00	15.50	15.50	
765	LPH.D1 09737	Hà Thị Kim	Tuyến	06/11/96	Nữ	Thành phố Yên Bái	01	1	13.03. 00034	D380101	5.75	4.75	8.00	18.50	18.50	
766	LPH.D1 09739	Nguyễn Thuỳ	Dương	07/06/96	Nữ	Thị xã Nghĩa Lộ		1	13.09. 00037	D380107	6.75	5.00	6.75	18.50	18.50	
767	LPH.D1 09740	Bùi Thị Vũ	Hoa	08/12/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.09. 00038	D380101	5.75	5.50	6.00	17.25	17.50	
768	LPH.D1 09741	Đinh Hà	Linh	23/02/96	Nữ	Thị xã Nghĩa Lộ	01	1	13.09. 00042	D380101	3.25	4.00	5.00	12.25	12.50	
769	LPH.D1 09742	Bùi Thị	Phương	29/11/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.09. 00039	D380101	2.00	4.25	5.00	11.25	11.50	
770	LPH.D1 09744	Nguyễn Thương	Thương	19/05/96	Nữ	Thị xã Nghĩa Lộ		1	13.09. 00041	D380101	6.00	4.50	7.50	18.00	18.00	
771	LPH.D1 09745	Đỗ Kiều	Oanh	10/11/96	Nữ	Huyện Văn Yên		1	13.12. 00043	D110101	7.00	5.25	5.50	17.75	18.00	
772	LPH.D1 09746	Hoàng Thị Bích	Nguyệt	12/06/96	Nữ	Huyện Văn Yên		1	13.13. 00044	D380101	0.75	2.75	4.00	7.50	7.50	
773	LPH.D1 09748	Trần Xuân	Long	14/02/96		Huyện Yên Bình		1	13.16. 00046	D380107	0.75	2.50	3.00	6.25	6.50	
774	LPH.D1 09750	Cao Mai	Hải	14/06/95	Nữ	Huyện Mù Cang Chải		1	13.19. 00048	D380101	6.00	6.25	5.50	17.75	18.00	
775	LPH.D1 09751	Hoàng Khánh	Linh	19/12/96	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.22. 00049	D380101	4.00	2.75	6.50	13.25	13.50	
776	LPH.D1 09752	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	21/01/96	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.25. 00050	D380101	1.00	3.00	5.50	9.50	9.50	
777	LPH.D1 09753	Dương Thị	Phượng	13/07/96	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	13.25. 00051	D380101	3.50	2.50	4.50	10.50	10.50	
778	LPH.D1 09754	Triệu Thị	Thu	14/10/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.31. 00052	D380101	4.75	3.75	7.00	15.50	15.50	
779	LPH.D1 09755	Hoàng Thị Thủy	Diêm	22/06/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00055	D380101	3.75	2.25	6.50	12.50	12.50	
780	LPH.D1 09756	Nguyễn Thị Phương	Linh	12/06/96	Nữ	Huyện Lục Yên		1	13.32. 00053	D380101	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
781	LPH.D1 09757	Hà Thị Hồng	Nhung	27/04/96	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00054	D380101	3.75	6.00	6.25	16.00	16.00	
782	LPH.D1 09758	Dương Thị Hoài	Thương	11/11/96	Nữ	Huyện Lục Yên		1	13.33. 00056	D380101	6.25	3.50	5.75	15.50	15.50	
783	LPH.D1 09759	Phạm Tiến	Tuấn	29/08/95		Thị xã Nghĩa Lộ		1	13.35. 00057	D380101	0.00	2.25	2.50	4.75	5.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
784	LPH.D1 09760	Phùng Duy	Hưng	25/09/95		Thành phố Sơn La		1	14.00. 00103	D380101	1.25	5.25	3.00	9.50	9.50	
785	LPH.D1 09762	Vũ Thu	Thảo	19/05/95	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.07. 00069	D380101	3.00	3.00	3.50	9.50	9.50	
786	LPH.D1 09763	Nguyễn Quốc	Chung	14/05/96		Huyện Mộc Châu		1	14.11. 00379	D380101	7.25	5.25	4.00	16.50	16.50	
787	LPH.D1 09764	Phạm Thị Phương	Trình	07/08/96	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.11. 00380	D380107	5.50	6.50	7.00	19.00	19.00	
788	LPH.D1 09765	Võ Thị	Ngọc	22/04/96	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.12. 00315		0.25	2.25	5.00	7.50	7.50	
789	LPH.D1 09766	Trương Thị	Thảo	10/12/96	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	14.12. 00316		0.50	2.75	2.00	5.25	5.50	
790	LPH.D1 09767	Đào Thị	Trà	08/02/95	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.14. 00065	D380101	7.25	6.75	6.00	20.00	20.00	
791	LPH.D1 09768	Lường Thị	Hà	19/11/96	Nữ	Huyện Thuận Châu	06	1	14.15. 00267	D380101	3.50	3.00	4.75	11.25	11.50	
792	LPH.D1 09769	Lò Phương	Anh	20/12/95	Nữ	Huyện Mai Sơn	01	1	14.17. 00254	D380101	2.75	3.00	3.50	9.25	9.50	
793	LPH.D1 09770	Lò Thị Quỳnh	Duyên	30/03/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.20. 00175	D380101	5.50	3.50	6.00	15.00	15.00	
794	LPH.D1 09771	Phan Thùy	Dương	03/11/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.20. 00176	D380101	4.25	3.50	6.50	14.25	14.50	
795	LPH.D1 09772	Cầm Hoàng	Anh	05/10/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00422	D380101	4.00	7.00	7.00	18.00	18.00	
796	LPH.D1 09773	Mai Anh	Dũng	17/09/96		Thành phố Sơn La		1	14.21. 00421	D380101	6.50	3.50	2.00	12.00	12.00	
797	LPH.D1 09774	Đào Thị Thùy	Dương	25/05/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00419	D380101	5.75	4.50	7.25	17.50	17.50	
798	LPH.D1 09775	Lê Tùng	Dương	22/03/96		Thành phố Sơn La		1	14.21. 00428	D380107	2.00	2.75	3.00	7.75	8.00	
799	LPH.D1 09776	Tòng Thu	Hà	03/07/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00423	D380101	6.25	6.75	5.50	18.50	18.50	
800	LPH.D1 09777	Tăng Thị Thanh	Hải	13/09/96	Nữ	Huyện Mường La		1	14.21. 00418	D380101	7.50	4.50	5.00	17.00	17.00	
801	LPH.D1 09778	Trần Hồ Thu	Hằng	02/08/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00426	D380101	3.00	4.00	6.00	13.00	13.00	
802	LPH.D1 09779	Trần Ngọc	Huyền	26/08/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00425	D380101	5.25	5.75	6.50	17.50	17.50	
803	LPH.D1 09780	Hoàng Thị Thu	Hương	26/04/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00420	D380101	5.75	4.00	4.00	13.75	14.00	
804	LPH.D1 09781	Đỗ Mai	Linh	28/08/96	Nữ	Huyện Mai Sơn		1	14.21. 00427	D380107	7.25	4.50	6.75	18.50	18.50	
805	LPH.D1 09782	Đinh Bích	Thảo	05/08/96	Nữ	Huyện Thuận Châu		1	14.21. 00429	D380107	6.25	7.25	7.50	21.00	21.00	
806	LPH.D1 09783	Lò Thu	Thảo	09/06/96	Nữ	Thành phố Sơn La	01	1	14.21. 00431	D380107	1.25	2.75	5.00	9.00	9.00	
807	LPH.D1 09784	Nguyễn Thu	Thủy	23/11/96	Nữ	Thành phố Sơn La		1	14.21. 00424	D380101	6.00	5.75	7.50	19.25	19.50	
808	LPH.D1 09785	Bạc Thùy	Trang	15/11/96	Nữ	Huyện Thuận Châu	01	1	14.21. 00430	D380107	3.00	5.00	5.50	13.50	13.50	
809	LPH.D1 09786	Đặng Văn	Hội	01/05/96		Huyện Mộc Châu	01	1	14.22. 00015	D380101	5.75	4.00	5.25	15.00	15.00	
810	LPH.D1 09788	Lê Thị Thu	Hằng	08/06/96	Nữ	Huyện Mường La		1	14.27. 00209	D380101	1.75	3.50	5.00	10.25	10.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
811	LPH.D1 09789	Lò Thị	Hiền	27/07/96	Nữ	Huyện Mường La	01	1	14.27. 00124	D380107	3.00	2.25	4.25	9.50	9.50	
812	LPH.D1 09790	Vũ Thị Như	Hoa	27/12/96	Nữ	Huyện Mường La		1	14.27. 00159	D380101	6.25	3.25	4.00	13.50	13.50	
813	LPH.D1 09795	Nguyễn Thùy	Trang	11/10/95	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	15.00. 08234	D110101	1.75	5.25	8.00	15.00	15.00	
814	LPH.D1 09796	Lưu Thị Bích	Việt	07/06/94	Nữ	Huyện Phú Lương	01	2	15.00. 08236	D380101	5.25	2.50	7.00	14.75	15.00	
815	LPH.D1 09797	Nguyễn Hải	Anh	20/12/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08240	D110101	7.50	7.00	5.00	19.50	19.50	
816	LPH.D1 09798	Đỗ Ngọc Minh	Châu	13/02/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08246	D380101	5.25	5.25	6.00	16.50	16.50	
817	LPH.D1 09800	Nguyễn Ngọc Vĩnh	Hà	11/10/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08241	D380101	7.50	6.00	6.00	19.50	19.50	
818	LPH.D1 09806	Lê Phương	Thảo	08/12/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08252	D380107	7.00	8.25	7.50	22.75	23.00	
819	LPH.D1 09807	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/01/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn		2	15.01. 08249	D380107	6.75	7.75	7.00	21.50	21.50	
820	LPH.D1 09808	Đào Thị Minh	Trang	02/03/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08253	D380107	5.75	7.75	6.75	20.25	20.50	
821	LPH.D1 09809	Nguyễn Quỳnh	Trang	17/11/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.01. 08243	D380101	6.75	6.00	6.00	18.75	19.00	
822	LPH.D1 09811	Đieu Quỳnh	Anh	01/08/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08260	D380101	6.75	7.50	7.25	21.50	21.50	
823	LPH.D1 09813	Nguyễn Tuấn	Anh	26/01/96		Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08257	D380101	6.75	8.00	7.50	22.25	22.50	
824	LPH.D1 09815	Vũ Diệu	Linh	13/11/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08261	D380101	5.50	8.25	8.00	21.75	22.00	
825	LPH.D1 09816	Trần Thị Hồng	Ly	10/12/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08256	D110101	6.25	6.50	8.25	21.00	21.00	
826	LPH.D1 09817	Phạm Thị Thanh	Tâm	14/09/96	Nữ	Thành phố Việt Trì	06	2	15.02. 08259	D380101	6.75	7.00	7.00	20.75	21.00	
827	LPH.D1 09819	Nguyễn Hà Thu	Trang	28/08/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn		2	15.02. 08262	D380101	5.75	6.50	6.00	18.25	18.50	
828	LPH.D1 09821	Đỗ Cẩm	Tú	26/04/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.02. 08263	D380101	6.50	8.75	7.75	23.00	23.00	
829	LPH.D1 09822	Phạm Khánh	Ly	24/01/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.03. 08265	D380101	7.00	7.25	8.50	22.75	23.00	
830	LPH.D1 09824	Dương Thị Quỳnh	Mai	09/11/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.05. 08267	D380101	1.00	3.50	5.75	10.25	10.50	
831	LPH.D1 09825	Phan	Anh	11/02/96	Nữ	Thành phố Việt Trì		2	15.06. 08269	D380101	2.25	2.75	5.00	10.00	10.00	
832	LPH.D1 09827	Hà Thị Thu	Hà	17/09/96	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.10. 08270	D380101	6.25	5.75	6.00	18.00	18.00	
833	LPH.D1 09829	Phan Châu Sao	Linh	11/10/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.22. 08274	D380107	6.25	7.75	7.75	21.75	22.00	
834	LPH.D1 09832	Nguyễn Thị Phương	Thúy	30/09/96	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.22. 08275	D380107	6.25	7.75	8.50	22.50	22.50	
835	LPH.D1 09837	Nguyễn Thị Khánh	Ly	08/09/96	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.31. 08280	D380107	4.75	4.50	8.00	17.25	17.50	
836	LPH.D1 09838	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/10/96	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.35. 08281	D380101	6.25	6.25	7.50	20.00	20.00	
837	LPH.D1 09840	Phạm Thị Thúy	Vui	19/11/96	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.39. 08283	D380107	6.25	4.00	6.00	16.25	16.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
838	LPH.D1 09841	Khổng Hoàng	Anh	20/11/96	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.44. 08284	D380101	5.25	5.25	3.00	13.50	13.50	
839	LPH.D1 09842	Chu Thị Kiều	Trang	28/10/96	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.45. 08285	D380101	6.25	5.50	7.00	18.75	19.00	
840	LPH.D1 09844	Lê Thị Mộng	Hằng	28/04/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08290	D380107	7.00	8.50	7.50	23.00	23.00	
841	LPH.D1 09845	Đỗ Thị Bích	Ngọc	19/03/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08289	D380107	6.75	8.50	7.50	22.75	23.00	
842	LPH.D1 09847	Lê Thu	Vượng	11/09/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.53. 08287	D380101	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
843	LPH.D1 09848	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	23/08/96	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.54. 08291	D380107	4.50	3.50	8.00	16.00	16.00	
844	LPH.D1 09849	Bùi Đức	Anh	26/03/96		Thành phố Vĩnh Yên		2	16.01. 00319	D380101	0.25	3.00	1.50	4.75	5.00	
845	LPH.D1 09850	Trần Thị	Hoa	27/04/95	Nữ	Huyện Sông Lô		1	16.01. 00321	D380101	5.00	2.75	5.00	12.75	13.00	
846	LPH.D1 09851	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/04/95	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.01. 00316	D380101	4.50	3.25	7.50	15.25	15.50	
847	LPH.D1 09852	Nguyễn Thị	Ngọc	19/05/95	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.01. 00320	D380101	5.75	7.00	6.00	18.75	19.00	
848	LPH.D1 09853	Lưu Hiền Phương	Thảo	16/01/95	Nữ	Huyện Tam Đảo		2	16.01. 00317	D380101	6.75	4.00	6.75	17.50	17.50	
849	LPH.D1 09855	Nguyễn Diệu	Thương	08/11/95	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.01. 00322	D380107	7.25	6.25	5.00	18.50	18.50	
850	LPH.D1 09856	Trần Ngọc Kim	Anh	15/07/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.11. 00675	D380101	5.50	7.75	8.00	21.25	21.50	
851	LPH.D1 09857	Lê Hoàng	Giang	04/07/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2	16.11. 00676	D380101	5.75	2.75	6.00	14.50	14.50	
852	LPH.D1 09861	Bùi Quyền	Linh	31/10/96		Thành phố Vĩnh Yên	07	2	16.11. 00678	D380101	6.50	5.50	7.00	19.00	19.00	
853	LPH.D1 09862	Nguyễn Thị	Tâm	16/10/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.11. 00680	D380107	7.25	7.75	8.00	23.00	23.00	
854	LPH.D1 09863	Lê Thị Thanh	Thảo	13/12/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.11. 00681	D380107	7.00	6.75	7.00	20.75	21.00	
855	LPH.D1 09866	Đỗ Thị	Đoàn	28/05/96	Nữ	Huyện Mê Linh		2	16.12. 00381	D380107	5.00	5.75	9.00	19.75	20.00	
856	LPH.D1 09869	Phùng Thị	Mai	09/11/96	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	16.14. 00292	D380101	8.00	7.75	7.25	23.00	23.00	
857	LPH.D1 09870	Hoàng Thị Cúc	Hoa	12/04/96	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	16.15. 00082	D380107	6.75	4.75	4.00	15.50	15.50	
858	LPH.D1 09871	Nguyễn Thuỳ	Linh	21/09/96	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00557	D380101	6.75	5.75	7.00	19.50	19.50	
859	LPH.D1 09873	Tạ Văn	Hưng	25/10/96		Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00329	D110101	4.75	4.50	7.50	16.75	17.00	
860	LPH.D1 09875	Nguyễn Hà	Trang	07/08/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00327	D380101	6.75	7.25	5.00	19.00	19.00	
861	LPH.D1 09876	Đầu Như	Nguyệt	20/10/96	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.32. 00091	D380101	6.75	5.75	8.00	20.50	20.50	
862	LPH.D1 09878	Hoàng Thị	Linh	12/09/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.41. 00848	D380101	8.00	6.25	8.00	22.25	22.50	
863	LPH.D1 09881	Vũ Thị	Hà	21/04/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00326	D380107	5.75	7.00	6.50	19.25	19.50	
864	LPH.D1 09882	Hà Thị Thùy	Dương	17/11/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00467	D380101	5.50	4.50	5.50	15.50	15.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
865	LPH.D1 09883	Trần Thị	Ngân	28/07/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00469	D380101	5.50	7.25	8.00	20.75	21.00	
866	LPH.D1 09884	Nguyễn Thị Thùy	Trang	14/02/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00468	D380101	7.25	5.00	8.00	20.25	20.50	
867	LPH.D1 09885	Nguyễn Thị	Tuyền	22/10/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00466	D380101	6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
868	LPH.D1 09886	Phan Thị Thùy	Giang	01/10/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 00805	D380107	5.00	6.50	6.75	18.25	18.50	
869	LPH.D1 09887	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	15/11/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.51. 00808	D110101	4.00	6.00	7.75	17.75	18.00	
870	LPH.D1 09888	Nguyễn Khánh	Ly	28/10/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 00807	D380101	6.00	6.75	7.50	20.25	20.50	
871	LPH.D1 09889	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/01/96	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 00806	D380107	6.75	9.00	7.50	23.25	23.50	
872	LPH.D1 09891	Nguyễn Hoàng Lê	Trình	06/04/96	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.61. 00435	D110101	6.50	8.25	8.00	22.75	23.00	
873	LPH.D1 09892	Nguyễn Thị Linh	Trang	02/02/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	16.81. 00284	D380101	6.25	5.00	7.75	19.00	19.00	
874	LPH.D1 09894	Nguyễn Thị Minh	ánh	07/11/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	16.83. 00314	D110101	7.25	5.25	7.50	20.00	20.00	
875	LPH.D1 09896	Nguyễn Lê Hương	Huyền	09/01/96	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	16.83. 00317	D380107	7.25	7.75	7.50	22.50	22.50	
876	LPH.D1 09899	Phạm Thanh	Hoa	13/04/95	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.00. 00006	D380107	3.00	3.50	5.50	12.00	12.00	
877	LPH.D1 09906	Nguyễn Thành	Công	15/03/96		Thành phố Cẩm Phả		2	17.01. 00006	D380101	6.75	6.25	4.00	17.00	17.00	
878	LPH.D1 09908	Trần Mỹ	Giang	15/09/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00026	D380107	7.25	7.00	6.50	20.75	21.00	
879	LPH.D1 09912	Dương Thị	Hạnh	30/10/96	Nữ	Huyện Hoành Bồ		2	17.01. 00027	D380107	6.75	5.75	8.00	20.50	20.50	
880	LPH.D1 09914	Nguyễn Hồng	Hạnh	09/09/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00011	D380101	6.75	7.75	8.75	23.25	23.50	
881	LPH.D1 09915	Nguyễn Thu	Hằng	24/03/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.01. 00012	D380101	1.75	6.25	7.00	15.00	15.00	
882	LPH.D1 09916	Phạm Thị Thúy	Hằng	25/12/96	Nữ	Thành phố Hạ Long	06	2	17.01. 00028	D380107	6.50	7.50	7.50	21.50	21.50	
883	LPH.D1 09919	Nguyễn Thị Thu	Hường	20/05/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00014	D380101	6.75	6.25	8.00	21.00	21.00	
884	LPH.D1 09920	Nguyễn Thị Khánh	Linh	26/10/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.01. 00015	D380101	6.50	9.00	7.50	23.00	23.00	
885	LPH.D1 09921	Vũ Thị Mỹ	Linh	20/01/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00029	D380107	7.25	8.25	8.00	23.50	23.50	
886	LPH.D1 09924	Nguyễn Khắc	Thu	26/09/96		Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00018	D380101	8.00	8.50	5.50	22.00	22.00	
887	LPH.D1 09925	Phạm Minh	Thúy	30/07/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.01. 00019	D380101	6.75	8.25	7.50	22.50	22.50	
888	LPH.D1 09926	Nguyễn Dương	Thùy	23/11/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2	17.01. 00020	D380101	8.75	6.50	7.00	22.25	22.50	
889	LPH.D1 09927	Nguyễn Thị Hoài	Thương	01/02/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.01. 00030	D380107	7.50	6.00	8.00	21.50	21.50	
890	LPH.D1 09928	Ngô Thị	Trang	14/11/96	Nữ	Huyện Hoành Bồ		2	17.01. 00031	D380107	6.75	4.00	7.00	17.75	18.00	
891	LPH.D1 09930	Trịnh Thị Huyền	Trang	14/06/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.01. 00023	D380101	6.50	6.75	6.50	19.75	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
892	LPH.D1 09932	Vũ Thu	Trang	07/01/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.01. 00025	D380101	7.25	9.00	8.00	24.25	24.50	
893	LPH.D1 09934	Hoàng Thị Ngọc	Anh	25/07/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00005	D380101	6.00	4.00	7.50	17.50	17.50	
894	LPH.D1 09937	Lại Thị Ngọc	Linh	09/07/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00006	D380101	6.75	4.75	5.50	17.00	17.00	
895	LPH.D1 09938	Nguyễn Tiến	Nam	28/05/96		Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00002	D380101	6.00	5.25	4.00	15.25	15.50	
896	LPH.D1 09940	Nguyễn Duy	Ninh	31/10/96		Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00004	D380101	5.75	5.00	7.00	17.75	18.00	
897	LPH.D1 09941	Nguyễn Thu	Quỳnh	20/03/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00003	D380101	5.50	5.25	8.50	19.25	19.50	
898	LPH.D1 09943	Nguyễn Thị Tố	Thanh	23/07/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.04. 00007	D380101	6.75	7.25	7.75	21.75	22.00	
899	LPH.D1 09944	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	28/05/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		1	17.05. 00002	D110101	5.75	3.75	6.50	16.00	16.00	
900	LPH.D1 09946	Trần Thanh	Thoa	10/06/96	Nữ	Huyện Ba Chẽ		1	17.05. 00003	D380101	6.75	7.50	4.50	18.75	19.00	
901	LPH.D1 09947	Nguyễn Minh	Trang	08/11/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.05. 00004	D110101	7.00	6.00	8.00	21.00	21.00	
902	LPH.D1 09952	Vũ Thị Ngọc	Mai	21/10/96	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	17.08. 00002	D380101	0.75	2.25	4.50	7.50	7.50	
903	LPH.D1 09954	Nguyễn Thị ánh	Hồng	10/03/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00003	D380101	4.50	3.50	4.00	12.00	12.00	
904	LPH.D1 09955	Phạm Thị	Huyền	03/11/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00004	D380101	6.75	6.25	8.00	21.00	21.00	
905	LPH.D1 09956	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/07/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00010	D380107	6.75	7.00	7.75	21.50	21.50	
906	LPH.D1 09957	Hoàng Thị Phương	Lan	06/07/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00005	D380101	6.75	8.00	7.00	21.75	22.00	
907	LPH.D1 09958	Phạm Thùy	Linh	24/10/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00006	D380101	6.75	5.50	7.75	20.00	20.00	
908	LPH.D1 09959	Nguyễn Thị Trà	My	03/02/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.14. 00011	D380107	1.50	2.75	6.00	10.25	10.50	
909	LPH.D1 09965	Nguyễn Mỹ	Duyên	10/09/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		1	17.17. 00001	D380101	1.75	3.00	7.25	12.00	12.00	
910	LPH.D1 09966	Vũ Thị Bích	Ngọc	27/10/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		1	17.17. 00002	D380107	5.50	4.25	3.00	12.75	13.00	
911	LPH.D1 09967	Ngô Thị	Phượng	02/10/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		1	17.17. 00003	D380101	7.00	5.50	7.25	19.75	20.00	
912	LPH.D1 09968	Hoàng Mỹ	Linh	18/12/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		1	17.18. 00001	D380101	6.75	4.25	7.50	18.50	18.50	
913	LPH.D1 09969	Phạm Thị	Hoài	10/09/96	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	17.19. 00001	D380101	2.25	4.00	5.50	11.75	12.00	
914	LPH.D1 09970	Nguyễn Thuỳ	Anh	09/11/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		2	17.24. 00004	D380107	4.00	4.75	6.00	14.75	15.00	
915	LPH.D1 09971	Lê Thị	Hường	12/03/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		2	17.24. 00003	D380101	5.75	7.25	6.50	19.50	19.50	
916	LPH.D1 09973	Phạm Thị Thanh	Nhàn	24/04/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		2	17.24. 00001	D380101	7.75	7.50	7.50	22.75	23.00	
917	LPH.D1 09974	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	10/03/96	Nữ	Thành phố Uông Bí		1	17.25. 00001	D380101	1.25	2.25	5.50	9.00	9.00	
918	LPH.D1 09975	Vy Mạnh	Hùng	16/02/96		Thành phố Móng Cái		2	17.31. 00002	D380101	5.00	7.00	0.50	12.50	12.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
919	LPH.D1 09976	Phạm Thị Kiều	Phuong	23/08/96	Nữ	Thành phố Móng Cái		1	17.31. 00001	D380101	2.00	3.50	7.50	13.00	13.00	
920	LPH.D1 09977	Lê Thị	Thu	14/04/96	Nữ	Thành phố Móng Cái		1	17.31. 00003	D380101	1.25	4.00	4.25	9.50	9.50	
921	LPH.D1 09979	Chu Lâm	Bình	16/05/96		Huyện Bình Liêu	01	1	17.38. 00001	D380101	5.25	4.25	4.50	14.00	14.00	
922	LPH.D1 09981	Vy Tiến	Đạt	02/08/96		Huyện Tiên Yên		1	17.48. 00001	D380101	6.75	5.50	1.00	13.25	13.50	
923	LPH.D1 09982	Nguyễn Thị Hà	My	01/12/96	Nữ	Huyện Đông Triều		2NT	17.56. 00524	D110101	7.25	6.75	3.50	17.50	17.50	
924	LPH.D1 09984	Phạm Thị Phương	Dung	05/12/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.57. 00005	D380101	7.00	8.00	6.00	21.00	21.00	
925	LPH.D1 09985	Vũ Thị Minh	Hà	01/12/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.57. 00006	D380101	6.50	3.75	6.50	16.75	17.00	
926	LPH.D1 09986	Trần Khánh	Linh	06/01/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.57. 00008	D380107	6.75	7.75	6.50	21.00	21.00	
927	LPH.D1 09987	Nguyễn Thị	Ngà	23/08/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.57. 00002	D380101	4.25	6.00	6.75	17.00	17.00	
928	LPH.D1 09988	Bùi Thị	Nhàn	24/01/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.57. 00004	D380101	5.00	5.50	6.00	16.50	16.50	
929	LPH.D1 09989	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/10/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.57. 00003	D380101	6.25	5.00	5.50	16.75	17.00	
930	LPH.D1 09990	Nguyễn Minh	Trang	02/05/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.57. 00007	D380107	6.25	7.50	8.00	21.75	22.00	
931	LPH.D1 09992	Nguyễn Thị	Huyền	25/09/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.58. 00002	D380101	6.75	5.50	7.50	19.75	20.00	
932	LPH.D1 09993	Hà Kiều	Oanh	03/02/96	Nữ	Huyện Đông Triều		1	17.58. 00003	D380101	6.75	4.25	2.00	13.00	13.00	
933	LPH.D1 09994	Nguyễn Danh	Thắng	05/02/95		Huyện Đông Triều		1	17.58. 00001	D110101	1.50	3.00	0.50	5.00	5.00	
934	LPH.D1 09995	Đào Thị Liên	Hoài	08/12/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.66. 00001	D380101	4.25	5.00	6.50	15.75	16.00	
935	LPH.D1 09997	Đặng Thị	Bình	24/10/95	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00002	D380101	5.25	3.75	7.00	16.00	16.00	
936	LPH.D1 09998	Lê Thị	Đính	29/02/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00003	D110101	5.75	6.25	3.00	15.00	15.00	
937	LPH.D1 09999	Vũ Thị	Thùy	08/12/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		2NT	17.67. 00001	D380101	5.50	3.50	6.50	15.50	15.50	
938	LPH.D1 10000	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	15/05/96	Nữ	Thị xã Quảng Yên		1	17.68. 00001	D110101	6.75	4.25	5.50	16.50	16.50	
939	LPH.D1 10004	Phạm Thị Thu	Hương	16/10/95	Nữ	Huyện Vân Đồn		2NT	17.80. 00001	D110101	5.25	4.25	4.25	13.75	14.00	
940	LPH.D1 10005	Thị Anh	Quân	16/08/96		Huyện Vân Đồn		1	17.80. 00003	D380101	3.25	3.25	2.00	8.50	8.50	
941	LPH.D1 10007	Nguyễn Thị Huyền	My	17/11/95	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.00. 00270	D220201	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
942	LPH.D1 10010	Trịnh Thị	Duyên	19/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		1	18.01. 00235	D380101	1.25	3.00	5.00	9.25	9.50	
943	LPH.D1 10012	Đỗ Thị	Tĩnh	18/06/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn	01	1	18.01. 00233	D380101	6.50	3.25	7.00	16.75	17.00	
944	LPH.D1 10013	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	02/08/96	Nữ	Huyện Yên Thế	01	1	18.02. 00238	D380101	5.50	3.25	5.00	13.75	14.00	
945	LPH.D1 10014	Chu Quỳnh	Hoa	23/05/96	Nữ	Huyện Sơn Động		1	18.04. 00242	D380101	6.25	4.50	4.00	14.75	15.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
946	LPH.D1 10015	Phan Văn	May	28/03/96		Huyện Sơn Động		1	18.04. 00241	D380101	4.50	2.75	5.75	13.00	13.00	
947	LPH.D1 10016	Hồ Quỳnh	Anh	28/11/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2	18.11. 00226	D380101	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00	
948	LPH.D1 10017	Nguyễn Hà	Anh	02/08/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang	06	2	18.11. 00225	D380101	6.75	7.00	7.25	21.00	21.00	
949	LPH.D1 10018	Phạm Thị	Giang	05/10/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.11. 00223	D380101	6.25	6.25	8.00	20.50	20.50	
950	LPH.D1 10020	Trương Thảo	Ly	08/04/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.11. 00224	D380101	6.25	4.75	7.00	18.00	18.00	
951	LPH.D1 10022	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/08/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang	06	2	18.11. 00259	D380107	6.25	6.25	7.50	20.00	20.00	
952	LPH.D1 10024	Hà Ngọc	Anh	17/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.12. 00231	D380101	6.75	7.25	8.00	22.00	22.00	
953	LPH.D1 10025	Nguyễn Thuỳ	Chi	26/10/96	Nữ	Huyện Lục Ngạn		2	18.12. 00228	D380101	6.25	6.50	8.00	20.75	21.00	
954	LPH.D1 10026	Lương Mỹ	Linh	19/12/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.12. 00263	D380107	7.25	9.50	8.00	24.75	25.00	
955	LPH.D1 10031	Ong Thị	Quyên	27/02/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		2	18.12. 00262	D380107	6.75	7.50	8.50	22.75	23.00	
956	LPH.D1 10033	Nguyễn Thuỳ	Dương	21/11/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2NT	18.13. 00273	D110101	4.75	5.50	6.50	16.75	17.00	
957	LPH.D1 10034	Hà Thị	Hân	03/05/96	Nữ	Huyện Lạng Giang		2	18.13. 00237	D380101	1.75	2.25	7.75	11.75	12.00	
958	LPH.D1 10035	Hà Thị	Nga	17/08/96	Nữ	Huyện Lạng Giang		2	18.13. 00272	D110101	4.50	3.25	6.50	14.25	14.50	
959	LPH.D1 10036	Đỗ Thị	Quỳnh	22/02/96	Nữ	Thành phố Bắc Giang		2	18.13. 00236	D380101	1.50	2.25	3.00	6.75	7.00	
960	LPH.D1 10039	Lưu Thị Bảo	Nhung	02/06/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.18. 00239	D380101	2.50	2.75	7.50	12.75	13.00	
961	LPH.D1 10041	Giáp Ngọc	Hiệp	16/08/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.20. 00243	D380101	5.00	3.25	5.50	13.75	14.00	
962	LPH.D1 10042	Dương Thị	Thịnh	11/08/96	Nữ	Huyện Lục Nam		1	18.20. 00244	D380101	4.25	3.25	6.50	14.00	14.00	
963	LPH.D1 10043	Nguyễn Thị Thuý	Hà	04/07/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00247	D380101	5.75	5.25	6.00	17.00	17.00	
964	LPH.D1 10044	Đặng Minh	Hoàng	21/12/96		Huyện Tân Yên		1	18.23. 00245	D380101	7.50	5.75	5.00	18.25	18.50	
965	LPH.D1 10045	Phùng Thị	Thắng	12/01/95	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00246	D380101	2.00	3.00	3.50	8.50	8.50	
966	LPH.D1 10046	Nguyễn Thị	Thư	21/11/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.23. 00266	D380107	7.25	6.00	7.25	20.50	20.50	
967	LPH.D1 10047	Nguyễn Thị Vĩ	Cầm	28/01/96	Nữ	Huyện Tân Yên		1	18.25. 00265	D380107	5.00	5.00	7.50	17.50	17.50	
968	LPH.D1 10048	Đỗ Phương	Hoa	02/01/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.26. 00249	D380101	5.25	5.00	7.00	17.25	17.50	
969	LPH.D1 10049	Dương Thảo	Nguyên	02/02/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.26. 00269	D380107	6.25	8.75	7.00	22.00	22.00	
970	LPH.D1 10050	Hà Thị Kim	Oanh	10/06/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		2NT	18.26. 00250	D380101	6.75	7.75	8.50	23.00	23.00	
971	LPH.D1 10052	Nguyễn Văn	Long	03/04/96		Huyện Hiệp Hoà		1	18.28. 00248	D380101	7.25	6.50	4.75	18.50	18.50	
972	LPH.D1 10053	Nguyễn Thị	Thảo	15/09/96	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	18.28. 00267	D380107	7.25	5.75	5.00	18.00	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
973	LPH.D1 10054	Hoàng Thị	Hạnh	05/07/95	Nữ	Huyện Lạng Giang		1	18.29. 00251	D380101	6.75	3.25	8.50	18.50	18.50	
974	LPH.D1 10056	Trịnh Phương	Thảo	07/05/96	Nữ	Huyện Lạng Giang		1	18.31. 00253	D380101	7.00	6.25	8.75	22.00	22.00	
975	LPH.D1 10058	Đoàn Thị	Thơm	08/09/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	18.33. 00255	D380101	4.25	2.50	7.00	13.75	14.00	
976	LPH.D1 10059	Hoàng Văn	Quang	20/12/96		Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00256	D380101	3.50	4.75	4.00	12.25	12.50	
977	LPH.D1 10060	Hoàng Thị	Quỳnh	31/03/96	Nữ	Huyện Yên Dũng		1	18.35. 00257	D380101	6.25	7.25	6.50	20.00	20.00	
978	LPH.D1 10061	Nguyễn Hoàng	Anh	25/11/95	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.01. 00112	D380101	6.50	5.50	7.50	19.50	19.50	
979	LPH.D1 10062	Nguyễn Thị	Huế	15/07/95	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.05. 00098	D380107	6.75	6.00	8.50	21.25	21.50	
980	LPH.D1 10064	Nguyễn Thị	Ba	02/05/95	Nữ	Huyện Thuận Thành		2NT	19.06. 00070	D380107	2.75	4.25	7.00	14.00	14.00	
981	LPH.D1 10066	Nguyễn Thị Vi	Bình	02/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.09. 00302	D380107	6.75	9.25	8.00	24.00	24.00	
982	LPH.D1 10068	Nguyễn Thị Phương	Hoa	05/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.09. 00288	D380101	8.50	5.75	8.00	22.25	22.50	
983	LPH.D1 10071	Tạ Thanh	Hương	16/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.09. 00292	D110101	6.25	9.25	8.50	24.00	24.00	
984	LPH.D1 10072	Nguyễn Thị Hoa	Linh	03/10/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.09. 00291	D380101	6.75	8.75	7.00	22.50	22.50	
985	LPH.D1 10073	Đặng Thị	Nụ	01/02/96	Nữ	Huyện Tiên Du		2	19.09. 00294	D380101	6.25	7.00	8.00	21.25	21.50	
986	LPH.D1 10076	Phạm Phương	Thảo	24/03/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.09. 00297	D380107	7.25	8.25	8.75	24.25	24.50	
987	LPH.D1 10080	Đặng Thuỷ	Trang	10/11/96	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	19.10. 00462	D380107	7.25	4.75	6.50	18.50	18.50	
988	LPH.D1 10081	Vũ Thị	Tươi	22/08/96	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	19.10. 00461	D380101	7.25	2.75	7.00	17.00	17.00	
989	LPH.D1 10082	Nguyễn Thị	Phượng	01/01/96	Nữ	Huyện Gia Bình		2NT	19.11. 00579	D380107	5.75	4.25	5.00	15.00	15.00	
990	LPH.D1 10083	Đỗ Nhật	ánh	05/09/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.13. 00623	D380101	7.75	8.50	7.00	23.25	23.50	
991	LPH.D1 10084	Vũ Thị	Chiến	15/06/96	Nữ	Huyện Quế Võ		2	19.13. 00622	D110101	6.75	6.75	8.00	21.50	21.50	
992	LPH.D1 10086	Nguyễn Thúy	Quỳnh	08/07/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.13. 00625	D380101	5.00	5.25	7.00	17.25	17.50	
993	LPH.D1 10087	Hà Thu	Thảo	03/02/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	19.13. 00626	D380101	6.75	8.00	7.50	22.25	22.50	
994	LPH.D1 10088	Đỗ Thị	Hà	06/02/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	19.14. 00763	D380107	4.00	2.75	4.00	10.75	11.00	
995	LPH.D1 10090	Ngô Thị	Trang	08/03/96	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	19.15. 00234	D380101	7.00	4.75	6.00	17.75	18.00	
996	LPH.D1 10091	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/12/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.16. 00802	D110101	8.00	6.75	8.00	22.75	23.00	
997	LPH.D1 10093	Vũ Thị Mai	Ly	08/10/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.16. 00801	D110101	6.50	6.00	7.50	20.00	20.00	
998	LPH.D1 10095	Ngô ánh	Lượng	10/04/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	19.17. 00291	D380107	6.25	4.75	7.00	18.00	18.00	
999	LPH.D1 10096	Nguyễn Lan	Hương	06/08/96	Nữ	Huyện Quế Võ		2NT	19.18. 00732	D380107	6.25	8.00	5.50	19.75	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1000	LPH.D1 10099	Vương Quốc	Anh	18/04/96		Huyện Tiên Du		2NT	19.24. 00433	D380107	7.00	5.75	5.75	18.50	18.50	
1001	LPH.D1 10100	Tạ Thị	Giang	02/12/96	Nữ	Huyện Tiên Du		2NT	19.24. 00434	D380101	6.50	6.00	7.50	20.00	20.00	
1002	LPH.D1 10102	Nguyễn Thị	Hà	17/07/96	Nữ	Huyện Yên Phong		2	19.27. 00021	D220201	4.75	3.75	6.00	14.50	14.50	
1003	LPH.D1 10103	Phan Văn	Tâm	05/12/96		Thành phố Lạng Sơn		2	19.28. 00021	D380101	5.50	4.75	2.00	12.25	12.50	
1004	LPH.D1 10104	Đặng Hoàng	Quân	30/05/96		Thành phố Bắc Ninh		2	19.31. 00118	D380101	1.00	3.25	5.50	9.75	10.00	
1005	LPH.D1 10105	Lương Thị	Doan	10/08/95	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.00. 00003	D380101	6.75	6.25	7.00	20.00	20.00	
1006	LPH.D1 10107	Đào Phạm Việt	Mỹ	25/05/96	Nữ	Huyện Bình Giang		2NT	21.00. 00006	D380107	6.75	7.00	8.00	21.75	22.00	
1007	LPH.D1 10109	Nguyễn Hồng	Phương	18/01/96		Thành phố Hải Dương		2	21.00. 00004	D380101	1.25	1.50	2.00	4.75	5.00	
1008	LPH.D1 10110	Nguyễn Tiến	Thành	03/08/95		Thành phố Hải Dương		2	21.00. 00002	D380101	5.25	7.25	5.00	17.50	17.50	
1009	LPH.D1 10111	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/12/95	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.04. 00001	D380101	6.50	3.25	7.00	16.75	17.00	
1010	LPH.D1 10112	Nguyễn Thị Mai	Hồng	30/10/95	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.05. 00001	D110101	5.25	4.75	8.00	18.00	18.00	
1011	LPH.D1 10115	Trịnh Ngọc	Hương	18/11/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00002	D110101	7.25	7.25	8.00	22.50	22.50	
1012	LPH.D1 10116	Đỗ Thị Bích	Lệ	03/10/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00005	D380101	6.75	7.00	7.00	20.75	21.00	
1013	LPH.D1 10117	Vũ Thị Tú	Minh	08/02/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.13. 00003	D380101	7.25	7.25	8.00	22.50	22.50	
1014	LPH.D1 10119	Nguyễn Khánh	Hà	07/08/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.14. 00004	D380101	6.50	6.50	8.00	21.00	21.00	
1015	LPH.D1 10120	Nguyễn Thị Hiền	Hảo	23/05/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2	21.14. 00011	D380107	6.75	6.75	2.75	16.25	16.50	
1016	LPH.D1 10122	Nguyễn Trần Thảo	Linh	06/01/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.14. 00006	D380101	6.00	7.00	7.75	20.75	21.00	
1017	LPH.D1 10123	Phan Thuỳ	Linh	07/08/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.14. 00009	D380107	6.75	5.25	8.00	20.00	20.00	
1018	LPH.D1 10125	Phạm Thị	Nga	02/09/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.14. 00005	D380101	6.75	6.75	7.50	21.00	21.00	
1019	LPH.D1 10127	Phạm Thị Hồng	Nhung	04/09/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.14. 00008	D380107	6.75	4.75	8.00	19.50	19.50	
1020	LPH.D1 10129	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/12/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	21.14. 00003	D110101	7.25	7.25	6.00	20.50	20.50	
1021	LPH.D1 10130	Trần Khánh	Linh	05/12/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.18. 00001	D110101	6.00	6.00	7.25	19.25	19.50	
1022	LPH.D1 10133	Trịnh Thị	Linh	28/10/96	Nữ	Thị xã Chí Linh		2NT	21.19. 00001	D380101	5.75	3.50	7.25	16.50	16.50	
1023	LPH.D1 10134	Nguyễn Thị	An	26/03/96	Nữ	Thành phố Hải Dương		2NT	21.20. 00003	D380107	7.25	6.50	8.00	21.75	22.00	
1024	LPH.D1 10136	Nguyễn Thị	Hằng	17/07/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00002	D380101	4.50	3.00	5.75	13.25	13.50	
1025	LPH.D1 10137	Phan Thị Thanh	Thảo	28/02/96	Nữ	Huyện Nam Sách		2NT	21.20. 00004	D380107	6.25	3.00	7.50	16.75	17.00	
1026	LPH.D1 10138	Hoàng Hoàng	Anh	15/10/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 00002	D380107	4.25	7.75	7.50	19.50	19.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1027	LPH.D1 10139	Lê Thị Lan	Anh	26/08/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 00003	D380107	7.00	5.00	7.50	19.50	19.50	
1028	LPH.D1 10140	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/12/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.22. 00001	D380107	8.00	7.25	7.25	22.50	22.50	
1029	LPH.D1 10141	Đặng Thùy	Nhi	11/11/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.23. 00001	D380107	4.00	5.75	6.00	15.75	16.00	
1030	LPH.D1 10142	Đoàn Thị Vân	Anh	15/11/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.24. 00002	D380101	7.50	6.00	6.50	20.00	20.00	
1031	LPH.D1 10144	Nguyễn Thị	Thuận	19/08/96	Nữ	Huyện Thanh Hà		2NT	21.24. 00004	D380101	3.25	3.00	4.50	10.75	11.00	
1032	LPH.D1 10147	Phạm Thị	Lương	21/05/96	Nữ	Huyện Kim Thành		2NT	21.25. 00001	D380101	6.00	6.00	7.25	19.25	19.50	
1033	LPH.D1 10150	Hoàng Minh	Trường	27/11/96		Huyện Kinh Môn		2NT	21.27. 00001	D380101	4.00	1.75	3.75	9.50	9.50	
1034	LPH.D1 10152	Nguyễn Thị	Quyên	20/10/96	Nữ	Huyện Kinh Môn		2NT	21.28. 00002	D380101	6.00	4.00	7.00	17.00	17.00	
1035	LPH.D1 10153	Vũ Thị Hương	Ly	20/09/96	Nữ	Huyện Gia Lộc		2NT	21.32. 00001	D380101	6.75	6.75	7.50	21.00	21.00	
1036	LPH.D1 10154	Phạm Tiến	Anh	14/10/96		Huyện Ninh Giang		2NT	21.35. 00001	D110101	7.25	5.25	7.00	19.50	19.50	
1037	LPH.D1 10156	Nguyễn Thị	Yến	03/01/96	Nữ	Huyện Ninh Giang		2NT	21.35. 00003	D380101	6.75	4.00	7.50	18.25	18.50	
1038	LPH.D1 10158	Nguyễn Thị	Loan	15/05/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.36. 00001	D380107	6.25	7.00	6.00	19.25	19.50	
1039	LPH.D1 10160	Dương Ngọc	Bích	25/10/96	Nữ			2NT	21.37. 00001	D380107	5.00	4.25	2.00	11.25	11.50	
1040	LPH.D1 10161	Vũ Thị Thùy	Linh	02/02/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.38. 00001	D110101	5.50	5.50	7.75	18.75	19.00	
1041	LPH.D1 10165	Lê Thị Hồng	Linh	07/03/96	Nữ	Huyện Bình Giang		2NT	21.39. 00001	D380101	3.50	2.50	5.50	11.50	11.50	
1042	LPH.D1 10166	Nguyễn Lê	Bình	26/09/96		Huyện Bình Giang		2NT	21.40. 00002	D380107	6.50	5.50	7.00	19.00	19.00	
1043	LPH.D1 10167	Nguyễn Thu	Hà	18/07/96	Nữ	Huyện Bình Giang		2NT	21.40. 00001	D380107	5.50	2.25	7.00	14.75	15.00	
1044	LPH.D1 10168	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	21/06/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.42. 00002	D380107	7.25	4.25	3.00	14.50	14.50	
1045	LPH.D1 10169	Nguyễn Thị Thu	Uyên	27/10/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.42. 00001	D110101	6.50	3.00	4.00	13.50	13.50	
1046	LPH.D1 10171	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/08/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.52. 00001	D380101	5.75	4.00	4.50	14.25	14.50	
1047	LPH.D1 10172	Nguyễn Thị Phương	Anh	04/10/96	Nữ	Huyện Thanh Miện		2NT	21.52. 00002	D380107	3.00	3.00	6.00	12.00	12.00	
1048	LPH.D1 10173	Đoàn Thị	Thêu	12/10/96	Nữ	Huyện Cẩm Giàng		2NT	21.53. 00001	D380101	0.25	3.00	1.50	4.75	5.00	
1049	LPH.D1 10174	Nguyễn Lưu Quỳnh	Liên	30/07/95	Nữ	Thành phố Kon Tum		1	21.C1. 00001	D380101	5.75	7.25	7.00	20.00	20.00	
1050	LPH.D1 10175	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	01/07/96	Nữ	Quận Hai Bà Trưng		2NT	22.00. 00002	D380107	6.00	3.25	4.50	13.75	14.00	
1051	LPH.D1 10176	Bá Thị Thùy	Lan	17/02/96	Nữ	Thành phố Móng Cái		2NT	22.00. 00001	D380107	7.00	8.25	5.50	20.75	21.00	
1052	LPH.D1 10177	Nguyễn Trần Hải	Anh	10/03/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00034	D380101	4.75	7.50	5.00	17.25	17.50	
1053	LPH.D1 10178	Nguyễn Ngọc	Anh	14/04/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00033	D380101	6.25	5.25	7.00	18.50	18.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1054	LPH.D1 10180	Hoàng Thị Thu	Huệ	01/12/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2	22.11. 00037	D380101	6.75	9.00	7.50	23.25	23.50	
1055	LPH.D1 10181	Bùi Thị	Lan	26/05/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00038	D110101	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	
1056	LPH.D1 10182	Trần Thuỳ	Linh	30/09/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2	22.11. 00043	D380107	9.00	5.25	8.00	22.25	22.50	
1057	LPH.D1 10183	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	17/05/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00035	D380101	8.50	7.25	8.00	23.75	24.00	
1058	LPH.D1 10184	Ngô Thu	Thảo	07/01/96	Nữ	Huyện Kim Động		2	22.11. 00042	D380107	5.25	3.50	5.00	13.75	14.00	
1059	LPH.D1 10185	Đặng Hải	Vân	28/11/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	22.11. 00036	D380101	8.00	8.00	7.50	23.50	23.50	
1060	LPH.D1 10186	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	28/02/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2NT	22.16. 00076	D380101	6.50	5.25	6.25	18.00	18.00	
1061	LPH.D1 10187	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	26/08/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.20. 00090	D380101	7.00	5.50	6.00	18.50	18.50	
1062	LPH.D1 10192	Nguyễn Khánh	Ninh	10/09/95	Nữ	Huyện Ân Thi		2NT	22.24. 00103	D380101	6.00	6.50	6.75	19.25	19.50	
1063	LPH.D1 10193	Phạm Minh	Thắng	10/03/95		Huyện Ân Thi		2NT	22.24. 00104	D380107	5.50	3.00	7.25	15.75	16.00	
1064	LPH.D1 10194	Nguyễn Văn	Hoà	03/10/96		Huyện Khoái Châu		2NT	22.27. 00117	D380101	7.00	5.25	5.00	17.25	17.50	
1065	LPH.D1 10195	Phan Diệu	Linh	16/01/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.27. 00119	D380107	7.75	8.00	5.00	20.75	21.00	
1066	LPH.D1 10197	Lê Thị Hồng	Hạnh	05/10/96	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	22.32. 00140	D110101	6.25	8.00	6.75	21.00	21.00	
1067	LPH.D1 10198	Phan Lê Hương	Lan	28/09/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.34. 00148	D110101	4.75	6.00	8.00	18.75	19.00	
1068	LPH.D1 10201	Lê Thị	Hải	15/07/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.35. 00155	D380107	6.75	4.25	7.00	18.00	18.00	
1069	LPH.D1 10204	Nguyễn Thị Vân	Anh	21/06/96	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.39. 00172	D380101	5.00	4.75	5.50	15.25	15.50	
1070	LPH.D1 10205	Lê Thị	Nguyệt	03/06/96	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2NT	22.39. 00173	D380101	4.00	4.75	8.50	17.25	17.50	
1071	LPH.D1 10209	Trần Thị Vân	Anh	10/10/95	Nữ	Huyện Tiên Lữ		2NT	22.41. 00185	D380101	6.25	3.25	5.00	14.50	14.50	
1072	LPH.D1 10211	Nguyễn Khắc	Hùng	05/02/96		Huyện Phù Cừ		2NT	22.45. 00194	D110101	2.25	3.25	4.50	10.00	10.00	
1073	LPH.D1 10212	Phạm Thu	Hương	26/08/96	Nữ	Huyện Phù Cừ		2NT	22.45. 00192	D380101	5.00	4.00	6.50	15.50	15.50	
1074	LPH.D1 10213	Hoàng Thị Thu	Hà	02/04/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00215	D380101	6.75	4.25	7.50	18.50	18.50	
1075	LPH.D1 10214	Phạm Thị Khánh	Minh	11/07/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	22.49. 00216	D110101	6.75	6.75	7.00	20.50	20.50	
1076	LPH.D1 10216	Lưu Thị Việt	Trình	05/04/96	Nữ	Huyện Yên Mỹ		2NT	22.49. 00218	D380107	7.25	4.50	7.00	18.75	19.00	
1077	LPH.D1 10219	Nguyễn Thu	Hà	03/10/95	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	22.56. 00242	D380101	6.75	6.50	7.25	20.50	20.50	
1078	LPH.D1 10220	Trương Nhật	Lệ	04/07/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.57. 00248	D380107	4.75	3.75	4.50	13.00	13.00	
1079	LPH.D1 10221	Nguyễn Hà	Thu	26/08/96	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	22.57. 00247	D380101	8.75	7.75	7.00	23.50	23.50	
1080	LPH.D1 10224	Phạm Thị	Thuý	08/07/96	Nữ	Huyện Kim Động		2NT	22.73. 00264	D380101	3.00	3.00	6.50	12.50	12.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1081	LPH.D1 10225	Hà Thị	Thảo	12/06/95	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	23.03. 00007	D380101	5.25	3.50	7.50	16.25	16.50	
1082	LPH.D1 10227	Mai Kim	Anh	12/02/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00063	D380101	7.25	4.75	8.00	20.00	20.00	
1083	LPH.D1 10228	Nguyễn Ngọc	ánh	27/02/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00062	D380101	6.75	7.00	8.00	21.75	22.00	
1084	LPH.D1 10233	Nguyễn Phương	Linh	28/05/96	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	23.12. 00066	D380101	5.75	7.25	7.50	20.50	20.50	
1085	LPH.D1 10235	Nguyễn Thị Phương	Nhung	17/11/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00072	D380107	6.75	7.50	7.00	21.25	21.50	
1086	LPH.D1 10236	Nguyễn Hà	Phương	21/10/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00065	D380101	7.50	3.75	4.50	15.75	16.00	
1087	LPH.D1 10237	Trần Phương	Thảo	25/01/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00067	D380101	7.00	8.25	7.50	22.75	23.00	
1088	LPH.D1 10239	Đinh Quỳnh	Trang	11/09/96	Nữ	Thành phố Hoà Bình	01	1	23.12. 00071	D380107	5.75	7.25	6.50	19.50	19.50	
1089	LPH.D1 10240	Nguyễn Tuấn	Linh	28/12/95		Thành phố Hoà Bình		1	23.15. 00080	D380107	0.50	2.75	0.75	4.00	4.00	
1090	LPH.D1 10242	Nguyễn Thị Hồng	Dinh	14/09/96	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	23.16. 00107	D380101	6.00	6.00	6.75	18.75	19.00	
1091	LPH.D1 10243	Bùi Thúy Hiền	Mây	02/05/96	Nữ	Huyện Tân Lạc	01	1	23.16. 00106	D380101	6.00	5.75	6.00	17.75	18.00	
1092	LPH.D1 10244	Phan Thị Thanh	Tâm	07/08/96	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	23.16. 00103	D380101	3.75	4.00	6.00	13.75	14.00	
1093	LPH.D1 10245	Nguyễn Minh	Thành	02/03/95		Huyện Lương Sơn	01	1	23.16. 00104	D380101	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
1094	LPH.D1 10246	Đinh Hồng	Thiên	12/10/96	Nữ	Huyện Tân Lạc	01	1	23.16. 00105	D380101	6.75	3.25	8.00	18.00	18.00	
1095	LPH.D1 10247	Nguyễn Thị	Thủy	27/12/96	Nữ	Huyện Mai Châu		1	23.20. 00117	D380107	1.00	2.75	5.25	9.00	9.00	
1096	LPH.D1 10248	Bùi Đức	Giang	21/12/96		Huyện Tân Lạc	01	1	23.22. 00122	D380107	2.00	7.25	1.50	10.75	11.00	
1097	LPH.D1 10249	Bùi Mỹ	Linh	02/01/96	Nữ	Huyện Tân Lạc	01	1	23.22. 00121	D380101	7.75	3.50	6.50	17.75	18.00	
1098	LPH.D1 10250	Nguyễn Thị	Điệp	05/01/96	Nữ	Huyện Kỳ Sơn	01	1	23.28. 00134	D380101	2.25	4.75	6.00	13.00	13.00	
1099	LPH.D1 10251	Nguyễn Trung	Kiên	22/03/95		Huyện Kỳ Sơn	01	1	23.28. 00135	D380107	0.50	2.75	3.00	6.25	6.50	
1100	LPH.D1 10253	Phạm Thị Hoàng	Mỹ	21/08/96	Nữ	Huyện Lương Sơn		1	23.30. 00145	D380107	2.00	3.75	5.00	10.75	11.00	
1101	LPH.D1 10254	Lưu Hải	Yến	01/12/96	Nữ	Huyện Lương Sơn		1	23.30. 00144	D380107	2.25	5.75	1.75	9.75	10.00	
1102	LPH.D1 10255	Bùi Thị Thảo	Ly	04/07/96	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23.34. 00169	D380107	6.75	8.50	8.00	23.25	23.50	
1103	LPH.D1 10257	Nguyễn Văn	Thuần	23/07/96		Huyện Kim Bôi		1	23.34. 00170	D380107	7.25	4.75	4.50	16.50	16.50	
1104	LPH.D1 10258	Bùi Thị Hải	Ngọc	07/07/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	23.39. 00188	D380101	5.25	4.00	5.50	14.75	15.00	
1105	LPH.D1 10259	Bùi Thảo	Oanh	10/10/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	23.39. 00191	D380101	1.00	3.25	5.50	9.75	10.00	
1106	LPH.D1 10260	Quách Thị	Kiều	10/04/96	Nữ	Huyện Lạc Thủy		1	23.40. 00194	D380101	4.50	2.25	4.00	10.75	11.00	
1107	LPH.D1 10261	Trần Thị	Hoa	23/01/96	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	23.41. 00202	D380107	6.50	5.00	6.50	18.00	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1108	LPH.D1 10262	Bùi Thị Thu	Trang	20/06/96	Nữ	Huyện Kim Bôi	01	1	23.51. 00212	D380101	1.00	2.75	4.00	7.75	8.00	
1109	LPH.D1 10264	Đinh Thị Thanh	Huyền	31/12/95	Nữ			1	24.05. 04634	D380101	5.50	5.00	6.50	17.00	17.00	
1110	LPH.D1 10265	Nguyễn Thị	Thoa	01/12/95	Nữ			2NT	24.05. 04635	D380107	5.00	4.00	7.00	16.00	16.00	
1111	LPH.D1 10267	Trần Thị	Chang	07/02/96	Nữ			2	24.11. 14099	D380107	6.25	6.25	8.00	20.50	20.50	
1112	LPH.D1 10269	Nguyễn Thị Phương	Hoa	24/09/96	Nữ			2	24.11. 14100	D380107	8.25	7.50	8.25	24.00	24.00	
1113	LPH.D1 10272	Nguyễn Khánh	Ngọc	02/09/96	Nữ			2	24.11. 14097	D380101	6.75	5.00	6.25	18.00	18.00	
1114	LPH.D1 10273	Lê Duy	Quang	19/01/96				2	24.11. 14094	D380101	7.25	4.75	7.50	19.50	19.50	
1115	LPH.D1 10274	Nguyễn Thị Hoa	Quỳnh	21/01/96	Nữ			2	24.11. 14096	D380107	6.25	3.00	8.25	17.50	17.50	
1116	LPH.D1 10278	Trịnh Thùy	Dương	08/03/96	Nữ			2	24.12. 13387	D380101	6.75	8.75	8.00	23.50	23.50	
1117	LPH.D1 10279	Nguyễn Thị	Thảo	15/03/96	Nữ			2	24.12. 13386	D380101	6.75	3.50	3.00	13.25	13.50	
1118	LPH.D1 10281	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/11/96	Nữ			2NT	24.21. 11278	D380101	6.50	4.00	6.50	17.00	17.00	
1119	LPH.D1 10283	Trịnh Thùy	Phương	24/12/96	Nữ			2NT	24.21. 11279	D380107	7.25	8.50	7.75	23.50	23.50	
1120	LPH.D1 10285	Nguyễn Thị	Hằng	16/01/96	Nữ			2NT	24.22. 10566	D380101	6.25	5.25	5.50	17.00	17.00	
1121	LPH.D1 10287	Phạm Thị	Hiên	13/07/96	Nữ			1	24.32. 08874	D380107	6.25	2.75	7.00	16.00	16.00	
1122	LPH.D1 10288	Lê Thị	Hoan	19/05/96	Nữ			2NT	24.33. 08369	D380107	5.75	4.00	7.50	17.25	17.50	
1123	LPH.D1 10290	Phạm Thị	Thủy	04/03/96	Nữ			2NT	24.41. 06759	D380101	1.00	2.00	5.00	8.00	8.00	
1124	LPH.D1 10291	Trần Thị Thuỳ	Dung	12/12/96	Nữ			2NT	24.42. 06045	D380101	7.25	4.00	6.25	17.50	17.50	
1125	LPH.D1 10292	Trần Thị	Linh	10/01/96	Nữ			2NT	24.42. 06046	D380107	3.75	5.00	6.50	15.25	15.50	
1126	LPH.D1 10293	Trần Thanh	Thủy	19/06/96	Nữ			2NT	24.43. 05373	D380107	6.75	7.50	7.25	21.50	21.50	
1127	LPH.D1 10294	Đỗ Hải	Thùy	19/04/96	Nữ			2NT	24.51. 04246	D380101	7.50	5.25	7.50	20.25	20.50	
1128	LPH.D1 10296	Đinh Thị Lan	Anh	07/06/96	Nữ			2NT	24.52. 03581	D380101	6.75	5.50	5.50	17.75	18.00	
1129	LPH.D1 10297	Lương Thị Minh	Ngọc	29/03/96	Nữ			2NT	24.52. 03582	D380107	6.75	4.75	8.00	19.50	19.50	
1130	LPH.D1 10299	Nguyễn Anh	Đức	12/02/96				2NT	24.56. 02734	D380101	7.75	8.25	5.00	21.00	21.00	
1131	LPH.D1 10300	Phạm Thu	Hoài	21/12/96	Nữ		06	2NT	24.61. 01940	D380101	7.25	6.00	7.50	20.75	21.00	
1132	LPH.D1 10301	Nguyễn Thị	Liêu	15/10/96	Nữ			2NT	24.62. 01194	D380101	5.50	4.00	5.50	15.00	15.00	
1133	LPH.D1 10302	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/12/95	Nữ			2NT	24.66. 00169		6.75	3.50	7.00	17.25	17.50	
1134	LPH.D1 10304	Nguyễn Thị Mai	Hương	18/10/94	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.01. 00167	D380101	5.75	4.50	7.50	17.75	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1135	LPH.D1 10305	Trần Sỹ	Minh	15/11/95		Thành phố Nam Định		2	25.01. 00187	D380101	4.25	3.00	3.00	10.25	10.50	
1136	LPH.D1 10307	Hoàng Thị Lan	Chi	16/01/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02356	D380107	7.25	6.75	6.50	20.50	20.50	
1137	LPH.D1 10309	Trần Thị	Hiên	22/08/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2	25.02. 02354	D380107	8.25	5.25	7.50	21.00	21.00	
1138	LPH.D1 10310	Trịnh Thu	Hiên	22/09/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02350	D380107	7.50	7.25	7.50	22.25	22.50	
1139	LPH.D1 10312	Nguyễn Thị	Huyền	19/08/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	25.02. 02347	D380101	6.50	8.25	7.75	22.50	22.50	
1140	LPH.D1 10314	Trịnh Thị	Hường	20/07/96	Nữ	Huyện ý Yên		2	25.02. 02349	D380107	7.25	7.00	7.50	21.75	22.00	
1141	LPH.D1 10320	Đỗ Tùng	Sơn	22/07/96		Thành phố Nam Định		2	25.02. 02339	D380101	6.25	5.50	7.00	18.75	19.00	
1142	LPH.D1 10321	Nguyễn Phương	Thảo	21/02/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.02. 02340	D110101	6.75	5.00	2.50	14.25	14.50	
1143	LPH.D1 10322	Vũ Thị Thanh	Thảo	08/03/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2	25.02. 02341	D110101	5.50	5.75	7.00	18.25	18.50	
1144	LPH.D1 10324	Đặng Hải	Anh	12/04/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03758	D380101	4.75	5.50	8.50	18.75	19.00	
1145	LPH.D1 10325	Lê Thị Vân	Anh	11/10/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03759	D380101	6.50	6.75	7.00	20.25	20.50	
1146	LPH.D1 10326	Nguyễn Hoàng	Anh	12/05/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03762	D380101	6.75	5.00	8.00	19.75	20.00	
1147	LPH.D1 10327	Phạm Thị Hồng	Anh	24/04/96	Nữ	Huyện Mỹ Lộc		2	25.03. 03763	D380101	6.75	6.00	7.25	20.00	20.00	
1148	LPH.D1 10328	Mai Văn	Hà	12/11/96	Nữ	Thành phố Nam Định	06	2	25.03. 03760	D380101	5.00	7.75	5.50	18.25	18.50	
1149	LPH.D1 10330	Trịnh Minh	Hòa	09/02/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03770	D380107	6.75	8.00	8.50	23.25	23.50	
1150	LPH.D1 10332	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	13/07/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	25.03. 03766	D380101	6.75	7.00	6.00	19.75	20.00	
1151	LPH.D1 10334	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03761	D380101	6.75	3.50	6.00	16.25	16.50	
1152	LPH.D1 10335	Phạm Thu	Thảo	09/10/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.03. 03764	D380101	6.50	7.25	7.00	20.75	21.00	
1153	LPH.D1 10338	Trần Thị Ngọc	Anh	01/03/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01264	D380101	5.50	3.25	5.00	13.75	14.00	
1154	LPH.D1 10339	Nguyễn Linh	Chi	01/09/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01270	D380101	6.25	5.75	8.00	20.00	20.00	
1155	LPH.D1 10340	Đoàn Xuân	Duy	24/02/96		Thành phố Nam Định		2	25.04. 01266	D380101	6.75	6.25	7.50	20.50	20.50	
1156	LPH.D1 10341	Trần Thị Thu	Hằng	05/10/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01274	D380107	6.00	5.25	7.00	18.25	18.50	
1157	LPH.D1 10344	Đình Khánh	Linh	02/05/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01272	D110101	6.25	5.25	7.25	18.75	19.00	
1158	LPH.D1 10345	Trần Lan	Linh	26/03/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01267	D380101	4.50	6.50	7.50	18.50	18.50	
1159	LPH.D1 10346	Trần Thị Yến	Ly	31/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01271	D380101	5.00	2.00	8.00	15.00	15.00	
1160	LPH.D1 10348	Trần Thị Ngọc	Trang	14/12/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01273	D110101	6.00	6.25	7.00	19.25	19.50	
1161	LPH.D1 10349	Cao Quang	Vinh	22/09/96		Thành phố Nam Định	06	2	25.04. 01275	D380107	6.50	5.75	4.00	16.25	16.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1162	LPH.D1 10350	Vũ Thị Hải	Yến	07/02/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.04. 01268	D380101	6.75	6.75	7.50	21.00	21.00	
1163	LPH.D1 10351	Lương Việt	Hùng	07/08/96		Thành phố Nam Định		2	25.06. 04996	D110101	4.25	3.50	5.00	12.75	13.00	
1164	LPH.D1 10352	Trần Minh	Trang	22/02/96	Nữ	Thành phố Nam Định		2	25.06. 04995	D380101	6.50	6.75	8.00	21.25	21.50	
1165	LPH.D1 10353	Trần Nam	Anh	14/11/96		Huyện Mỹ Lộc		2NT	25.16. 00489	D110101	6.25	4.25	5.75	16.25	16.50	
1166	LPH.D1 10354	Trần Văn	Phú	27/09/96		Huyện Mỹ Lộc		2NT	25.16. 00490	D380101	6.50	2.75	5.25	14.50	14.50	
1167	LPH.D1 10355	Nguyễn Thị Lan	Anh	29/10/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.20. 01472	D380107	5.50	4.25	5.25	15.00	15.00	
1168	LPH.D1 10357	Vũ Thị Hoài	Phương	01/06/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.21. 01475	D380101	6.50	6.25	7.50	20.25	20.50	
1169	LPH.D1 10358	Nguyễn Hồng	Quân	09/06/96		Huyện Xuân Trường		2NT	25.21. 01473	D110101	7.00	9.00	6.00	22.00	22.00	
1170	LPH.D1 10359	Mai Huyền	Trang	13/11/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.21. 01476	D380101	7.25	5.25	7.00	19.50	19.50	
1171	LPH.D1 10360	Lương Thị Hải	Yến	28/09/96	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	25.21. 01477	D380101	6.75	7.50	8.00	22.25	22.50	
1172	LPH.D1 10361	Nguyễn Thị Hải	Anh	22/09/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01956	D380101	6.75	5.50	6.75	19.00	19.00	
1173	LPH.D1 10363	Nguyễn Thị Hằng	Ngọc	01/03/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.27. 01955	D380101	7.00	4.75	6.00	17.75	18.00	
1174	LPH.D1 10365	Nguyễn Minh	Diệu	04/03/96	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	25.28. 01958	D380101	7.00	5.50	8.00	20.50	20.50	
1175	LPH.D1 10367	Nguyễn Thị	Tuyền	07/06/95	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.33. 02264	D380101	4.00	3.25	6.50	13.75	14.00	
1176	LPH.D1 10370	Ninh Thị	Linh	16/01/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.34. 02269	D380101	6.50	3.75	5.50	15.75	16.00	
1177	LPH.D1 10371	Dương Thị	Loan	22/01/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.34. 02270	D380101	3.75	5.25	5.75	14.75	15.00	
1178	LPH.D1 10372	Hoàng Lam	Thuỷ	24/05/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.34. 02266	D110101	7.25	5.25	8.50	21.00	21.00	
1179	LPH.D1 10374	Vũ Thị	Hường	19/05/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.35. 02272	D380101	4.00	5.00	8.00	17.00	17.00	
1180	LPH.D1 10375	Nguyễn Thị	Tươi	24/10/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.35. 02273	D380101	5.25	4.00	9.00	18.25	18.50	
1181	LPH.D1 10379	Hà Thị Tuyết	Mai	23/11/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.36. 02278	D380107	6.75	5.50	6.75	19.00	19.00	
1182	LPH.D1 10380	Hà Thu	Thảo	08/11/96	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	25.36. 02276	D380101	5.75	4.00	4.50	14.25	14.50	
1183	LPH.D1 10382	Vũ Quỳnh	Anh	09/10/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	25.42. 01885	D380107	8.50	5.75	6.00	20.25	20.50	
1184	LPH.D1 10383	Bùi Thị Hương	Hải	11/02/94	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.42. 01046	D380101	7.00	7.00	6.50	20.50	20.50	
1185	LPH.D1 10384	Đông Thị	Hiền	17/06/95	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.42. 01047	D380101	3.50	4.50	5.50	13.50	13.50	
1186	LPH.D1 10387	Trần Thị	Mai	13/09/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.44. 01051	D380101	7.25	5.75	8.00	21.00	21.00	
1187	LPH.D1 10388	Trần Đức	Nguyên	15/01/96		Huyện Vụ Bản		2NT	25.44. 01052	D380101	7.25	4.50	3.50	15.25	15.50	
1188	LPH.D1 10389	Lương Thị Minh	Thu	14/03/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.44. 01050	D380101	6.25	6.00	6.50	18.75	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1189	LPH.D1 10392	Phạm Thị	Phuong	26/09/96	Nữ	Huyện Vụ Bản		2NT	25.46. 01054	D380101	6.25	5.75	4.50	16.50	16.50	
1190	LPH.D1 10394	Vũ Thị Kim	Cúc	18/02/95	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.49. 03361	D380101	6.75	4.25	6.50	17.50	17.50	
1191	LPH.D1 10395	Vũ Thị	Thúy	18/02/95	Nữ	Huyện Nam Trực		2	25.49. 03363	D380101	6.75	6.50	7.50	20.75	21.00	
1192	LPH.D1 10396	Hoàng Thị Kim	Chi	11/05/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 01842	D380101	5.50	6.00	7.00	18.50	18.50	
1193	LPH.D1 10398	Trần Thị Trà	My	23/01/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 01843	D380101	5.50	7.25	6.50	19.25	19.50	
1194	LPH.D1 10399	Nguyễn Thị Thu	Phuong	25/09/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.50. 01844	D380101	6.50	7.00	4.50	18.00	18.00	
1195	LPH.D1 10400	Mai Mạnh	Cường	04/09/96		Huyện Nam Trực		2NT	25.51. 03540	D380101	3.25	2.00	4.50	9.75	10.00	
1196	LPH.D1 10401	Đỗ Thị Thanh	Tâm	20/06/96	Nữ	Huyện Nam Trực		2NT	25.54. 02448	D380107	2.75	3.75	5.25	11.75	12.00	
1197	LPH.D1 10402	Phạm Văn	Cảnh	30/03/96		Huyện Nam Trực		2NT	25.55. 02826	D380101	3.25	4.50	3.50	11.25	11.50	
1198	LPH.D1 10403	Lưu Thị	Thủy	10/08/96	Nữ	Huyện Nam Trực	06	2NT	25.55. 02827	D380101	4.00	3.25	7.75	15.00	15.00	
1199	LPH.D1 10404	Trần Thị Thu	Hường	26/02/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.59. 00578	D380107	6.75	7.75	7.50	22.00	22.00	
1200	LPH.D1 10406	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	14/02/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.60. 02944	D380101	6.00	6.00	7.50	19.50	19.50	
1201	LPH.D1 10407	Vũ Thị Hồng	Hạnh	02/08/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.60. 02945	D380101	6.00	3.75	7.00	16.75	17.00	
1202	LPH.D1 10408	Đặng Thị	Lý	14/09/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.61. 01392	D380101	4.25	4.00	7.00	15.25	15.50	
1203	LPH.D1 10409	Mai Thị Huyền	Trang	16/07/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.61. 01394	D380107	5.50	3.50	8.25	17.25	17.50	
1204	LPH.D1 10411	Phạm Thị Hà	Bắc	16/01/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.62. 02095	D380101	4.25	5.50	5.50	15.25	15.50	
1205	LPH.D1 10412	Hà Bảo	Châu	29/09/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.62. 02094	D110101	7.00	6.75	5.50	19.25	19.50	
1206	LPH.D1 10413	Lương Thị Kim	Ngân	19/07/96	Nữ	Huyện Trực Ninh		2NT	25.62. 02096	D380107	6.25	4.75	5.00	16.00	16.00	
1207	LPH.D1 10415	Phạm Kiều	Oanh	17/07/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.67. 00446	D110101	5.75	6.25	5.00	17.00	17.00	
1208	LPH.D1 10416	Dương Hồng	Phuong	27/05/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.67. 00956	D380101	7.00	7.25	6.00	20.25	20.50	
1209	LPH.D1 10417	Nguyễn Thị	Duyên	08/03/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00452	D380107	6.75	4.50	7.00	18.25	18.50	
1210	LPH.D1 10418	Trần Thị	Hà	01/11/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00447	D110101	6.75	7.25	6.50	20.50	20.50	
1211	LPH.D1 10419	Bùi Thị Hải	Lý	02/12/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00448	D380101	7.25	5.75	5.50	18.50	18.50	
1212	LPH.D1 10420	Hà Thị Uyên	Nhi	05/12/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00451	D380107	8.00	8.50	6.00	22.50	22.50	
1213	LPH.D1 10421	Lưu Thị Hương	Quỳnh	28/02/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00450	D380101	4.25	3.25	7.00	14.50	14.50	
1214	LPH.D1 10422	Bùi Thị Thương	Thương	25/03/96	Nữ	Huyện Nghĩa Hưng		2NT	25.68. 00449	D380101	5.25	5.25	5.75	16.25	16.50	
1215	LPH.D1 10425	Phạm Thị Huyền	Trang	04/06/95	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.74. 00116	D380101	5.25	4.00	7.00	16.25	16.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1216	LPH.D1 10426	Trần Lệ	Xuân	02/02/95	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.74. 00176	D380107	7.25	4.00	7.00	18.25	18.50	
1217	LPH.D1 10428	Phạm Như	Quỳnh	24/04/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02351	D380101	4.50	5.00	5.75	15.25	15.50	
1218	LPH.D1 10429	Vũ Đức	Thông	12/05/96		Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02352	D380101	6.75	5.00	3.00	14.75	15.00	
1219	LPH.D1 10430	Đỗ Thị	Thủy	16/04/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02349	D380107	7.00	6.00	6.00	19.00	19.00	
1220	LPH.D1 10431	Nguyễn Thị	Yến	27/02/96	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	25.75. 02348	D110101	4.75	3.50	3.50	11.75	12.00	
1221	LPH.D1 10433	Đinh Ngọc Thu	Hà	29/03/96	Nữ			2	25.C5. 00087	D380107	7.25	8.50	7.50	23.25	23.50	
1222	LPH.D1 10435	Dương Thùy	Linh	16/07/96	Nữ	Huyện Kim Sơn		2NT	25.C5. 00085	D380107	6.00	7.75	7.00	20.75	21.00	
1223	LPH.D1 10436	Nguyễn Quỳnh	Anh	28/08/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.00. 00029	D380101	4.50	5.25	6.50	16.25	16.50	
1224	LPH.D1 10437	Trần Lan	Anh	10/06/95	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.00. 00015	D380101	6.50	3.75	6.50	16.75	17.00	
1225	LPH.D1 10438	Lê Thị	Dung	20/11/95	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.00. 00012	D110101	6.00	4.50	6.50	17.00	17.00	
1226	LPH.D1 10439	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/95	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.00. 00032	D380101	6.25	4.75	6.50	17.50	17.50	
1227	LPH.D1 10441	Nguyễn Thanh	Huyền	07/06/95	Nữ	Huyện Tiền Hải		2NT	26.00. 00014	D380101	2.75	5.00	5.00	12.75	13.00	
1228	LPH.D1 10444	Nguyễn Thị Thanh	Nga	20/05/95	Nữ	Huyện Kiến Xương		2	26.00. 00013	D380101	6.25	5.50	8.00	19.75	20.00	
1229	LPH.D1 10446	Khiếu Ngọc	Sáng	02/02/93		Thành phố Thái Bình		2	26.00. 00030	D380101	6.75	5.75	7.00	19.50	19.50	
1230	LPH.D1 10448	Lưu Thị Kiều	Trang	08/03/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00035	D380107	5.50	3.50	5.75	14.75	15.00	
1231	LPH.D1 10449	Nguyễn Minh	Trí	08/07/92		Huyện Vũ Thư		2NT	26.00. 00027	D380101	3.50	5.25	7.00	15.75	16.00	
1232	LPH.D1 10450	Bùi Anh	Tuấn	15/02/94		Huyện Kiến Xương		2NT	26.00. 00034	D380101	5.50	2.75	5.00	13.25	13.50	
1233	LPH.D1 10451	Phí Thất	Tùng	06/12/96		Huyện Đông Hưng		2NT	26.00. 00028	D380101	6.75	2.75	1.50	11.00	11.00	
1234	LPH.D1 10455	Nguyễn Kim	Anh	28/08/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00086	D380101	6.75	7.75	7.00	21.50	21.50	
1235	LPH.D1 10457	Ngô Thị	Duyên	06/03/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2	26.02. 00087	D380101	7.00	7.50	8.00	22.50	22.50	
1236	LPH.D1 10460	Đào Ngân	Hà	15/06/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00102	D380107	7.25	7.75	7.50	22.50	22.50	
1237	LPH.D1 10462	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	06/03/97	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00105	D380107	8.00	8.25	7.00	23.25	23.50	
1238	LPH.D1 10464	Nguyễn Khánh	Huyền	22/11/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00088	D380101	7.25	6.25	7.00	20.50	20.50	
1239	LPH.D1 10466	Khổng Thị Hải	Linh	29/06/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00091	D380101	5.00	3.50	7.50	16.00	16.00	
1240	LPH.D1 10467	Phạm Thảo	Linh	24/06/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2	26.02. 00092	D380101	6.25	7.00	7.75	21.00	21.00	
1241	LPH.D1 10469	Vũ Thị Tuyết	Mai	05/07/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2	26.02. 00097	D380101	6.75	7.00	7.00	20.75	21.00	
1242	LPH.D1 10474	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	03/11/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00106	D380107	7.75	8.75	7.50	24.00	24.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1243	LPH.D1 10475	Trần Phương	Thảo	24/09/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.02. 00094	D380101	6.50	8.75	8.25	23.50	23.50	
1244	LPH.D1 10477	Nguyễn Thị	Huyền	12/08/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.03. 00115	D380101	2.50	3.00	5.50	11.00	11.00	
1245	LPH.D1 10479	Phan Thị Quỳnh	Trang	20/02/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.03. 00117	D380101	6.75	4.50	6.00	17.25	17.50	
1246	LPH.D1 10481	Nguyễn Mạnh	Tuyên	12/10/96		Thành phố Thái Bình		2	26.03. 00116	D380101	4.50	4.00	6.25	14.75	15.00	
1247	LPH.D1 10483	Đào Văn	Huy	21/06/96		Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00133	D380101	5.50	4.75	5.50	15.75	16.00	
1248	LPH.D1 10484	Phạm Công Khánh	Linh	02/05/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00135	D380101	6.25	8.25	7.75	22.25	22.50	
1249	LPH.D1 10486	Vũ Khánh	Linh	14/11/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.04. 00136	D380101	5.50	4.00	6.75	16.25	16.50	
1250	LPH.D1 10487	Trần Tuyết	Mai	24/07/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00137	D380101	6.75	6.00	7.00	19.75	20.00	
1251	LPH.D1 10488	Hoàng Thị Thanh	Trà	04/06/96	Nữ	Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00138	D380101	6.25	4.25	8.00	18.50	18.50	
1252	LPH.D1 10489	Mai Anh	Tuấn	23/12/96		Thành phố Thái Bình		2	26.04. 00139	D380107	7.00	4.75	4.50	16.25	16.50	
1253	LPH.D1 10491	Dương Thị Minh	Tân	07/09/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.09. 00162	D380107	6.75	6.25	7.25	20.25	20.50	
1254	LPH.D1 10493	Hoàng Thị	Huệ	25/02/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.10. 00169	D380101	4.00	4.75	4.50	13.25	13.50	
1255	LPH.D1 10496	Nguyễn Thị	Hương	26/11/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00184	D380101	6.75	6.50	6.00	19.25	19.50	
1256	LPH.D1 10497	Nguyễn Thị Hải	Linh	22/05/96	Nữ	Huyện Quỳnh Phụ		2NT	26.11. 00185	D380101	6.25	5.00	5.00	16.25	16.50	
1257	LPH.D1 10498	Trần Hữu	Tuấn	06/03/96		Huyện Hưng Hà		2NT	26.17. 00202	D380101	6.50	6.00	6.00	18.50	18.50	
1258	LPH.D1 10499	Nguyễn Thị	Giang	12/12/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.18. 00215	D110101	6.25	5.75	7.50	19.50	19.50	
1259	LPH.D1 10500	Nguyễn Thị	Hằng	04/11/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.18. 00216	D380107	6.25	3.75	7.75	17.75	18.00	
1260	LPH.D1 10501	Phạm Thị	Hiền	05/05/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.18. 00210	D380101	4.50	5.50	6.00	16.00	16.00	
1261	LPH.D1 10502	Nguyễn Thị Hồng	Huế	15/06/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.18. 00214	D380101	7.25	6.50	7.50	21.25	21.50	
1262	LPH.D1 10505	Phạm Thị Nhất Chi	Mai	17/04/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.18. 00209		5.00	5.75	6.50	17.25	17.50	
1263	LPH.D1 10506	Phạm Thị	Trang	12/10/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.18. 00213	D380101	6.25	5.75	7.50	19.50	19.50	
1264	LPH.D1 10507	Lê Thu	Hằng	14/01/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.19. 00225	D380101	3.50	3.50	4.00	11.00	11.00	
1265	LPH.D1 10508	Phạm Thị	Thủy	31/12/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.19. 00226	D380101	1.50	2.50	5.50	9.50	9.50	
1266	LPH.D1 10509	Nguyễn Thị Kiều	Trang	11/07/96	Nữ	Huyện Hưng Hà		2NT	26.19. 00227	D380101	2.00	2.25	5.50	9.75	10.00	
1267	LPH.D1 10510	Nguyễn Thị Thu	Hường	19/06/95	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.23. 00238	D380107	5.50	4.75	7.25	17.50	17.50	
1268	LPH.D1 10511	Mai Thị	Hạnh	19/07/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.24. 00247	D380101	4.75	7.00	5.75	17.50	17.50	
1269	LPH.D1 10512	Nguyễn Thị	Quyên	30/10/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.24. 00248	D380107	3.75	3.00	5.00	11.75	12.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1270	LPH.D1 10513	Bùi Thị Phương	Thúy	25/10/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.24. 00246	D380101	5.50	4.75	7.00	17.25	17.50	
1271	LPH.D1 10514	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/02/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.24. 00245	D110101	7.25	3.50	5.00	15.75	16.00	
1272	LPH.D1 10515	Nguyễn Thị	Lan	07/05/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00260	D380107	1.00	2.75	4.00	7.75	8.00	
1273	LPH.D1 10516	Nguyễn Thị	Nhung	02/08/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00258	D380101	4.50	6.25	5.75	16.50	16.50	
1274	LPH.D1 10517	Đào Thị	Thanh	23/09/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.25. 00261	D380107	6.75	5.75	6.00	18.50	18.50	
1275	LPH.D1 10519	Nguyễn Huyền	Trang	18/05/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.26. 00274	D380107	4.25	3.25	5.75	13.25	13.50	
1276	LPH.D1 10520	Nguyễn Thị	ánh	23/09/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.27. 00278	D380101	5.00	3.00	4.00	12.00	12.00	
1277	LPH.D1 10521	Nguyễn Thu	Thảo	19/02/96	Nữ	Huyện Đông Hưng		2NT	26.27. 00279	D380107	5.75	3.50	3.00	12.25	12.50	
1278	LPH.D1 10522	Phạm Thị Dung	Anh	15/02/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00307	D380101	6.75	4.75	5.75	17.25	17.50	
1279	LPH.D1 10523	Nguyễn Tiến	Đạt	27/07/96		Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00309	D380101	5.00	5.25	6.75	17.00	17.00	
1280	LPH.D1 10524	Phan Thị Thu	Hằng	18/08/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00306	D380101	6.00	6.00	7.75	19.75	20.00	
1281	LPH.D1 10526	Lưu Thị	Mến	23/12/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00310	D380107	5.75	3.50	6.50	15.75	16.00	
1282	LPH.D1 10527	Cao Thị Lan	Phương	03/03/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.32. 00312	D380107	7.25	7.50	7.00	21.75	22.00	
1283	LPH.D1 10531	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	08/07/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.33. 00324	D380101	4.50	2.75	4.00	11.25	11.50	
1284	LPH.D1 10532	Trần Thị	Huyền	03/11/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.33. 00326	D380107	7.50	8.00	5.50	21.00	21.00	
1285	LPH.D1 10534	Nguyễn Thị	Ngọc	17/12/96	Nữ	Huyện Vũ Thư		2NT	26.33. 00327	D380107	4.75	4.50	6.25	15.50	15.50	
1286	LPH.D1 10535	Vũ Thị	Lan	03/04/96	Nữ	Huyện Kiến Xương	06	2NT	26.39. 00344	D110101	5.00	3.25	7.00	15.25	15.50	
1287	LPH.D1 10536	Hoàng Xuân	Thao	07/09/96		Huyện Kiến Xương		2NT	26.39. 00345	D380101	1.75	3.00	3.50	8.25	8.50	
1288	LPH.D1 10537	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	10/11/96	Nữ	Huyện Kiến Xương		2NT	26.39. 00343	D110101	6.50	6.50	7.25	20.25	20.50	
1289	LPH.D1 10538	Lương Nhật	Nam	24/04/96		Huyện Kiến Xương		2NT	26.40. 00352	D380101	5.75	2.50	0.50	8.75	9.00	
1290	LPH.D1 10539	Phạm Thị	Trang	13/03/96	Nữ	Huyện Tiên Hải	06	2NT	26.46. 00367	D110101	6.00	5.25	3.50	14.75	15.00	
1291	LPH.D1 10540	Phạm Thị	Bình	04/04/96	Nữ	Huyện Tiên Hải		2NT	26.47. 00372	D380107	4.00	5.75	7.50	17.25	17.50	
1292	LPH.D1 10541	Nguyễn Hữu	Hiệp	05/09/96		Huyện Thái Thụy		2NT	26.52. 00387	D380101	2.25	2.00	3.50	7.75	8.00	
1293	LPH.D1 10543	Trần Thị	Loan	07/11/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.52. 00385	D110101	7.00	3.50	8.00	18.50	18.50	
1294	LPH.D1 10546	Đoàn Thị Hương	Giang	20/04/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00399		6.75	3.75	6.00	16.50	16.50	
1295	LPH.D1 10547	Trịnh Thị Hương	Liên	05/08/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.53. 00400	D110101	5.75	3.25	5.50	14.50	14.50	
1296	LPH.D1 10548	Bùi Phương	Thu	18/10/96	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.55. 00412	D380101	3.75	3.00	7.50	14.25	14.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1297	LPH.D1 10549	Nguyễn Thị	Thủy	20/05/95	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	26.55. 00413	D380101	6.75	3.00	2.50	12.25	12.50	
1298	LPH.D1 10550	Đỗ Việt	Anh	28/06/95		Thành phố Ninh Bình		2	27.01. 00006	D380101	2.25	3.00	3.50	8.75	9.00	
1299	LPH.D1 10551	Nguyễn Mạnh	Hùng	01/05/95		Thành phố Ninh Bình		2	27.01. 00007	D380101	6.50	5.75	5.00	17.25	17.50	
1300	LPH.D1 10552	Nguyễn Cẩm	Ly	25/06/95	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.01. 00009	D380107	3.75	5.50	5.75	15.00	15.00	
1301	LPH.D1 10556	Đinh Thị	Hiền	16/01/95	Nữ	Huyện Hoa Lư		2	27.05. 00022	D380101	3.25	2.25	0.50	6.00	6.00	
1302	LPH.D1 10558	Đinh Ngọc	Hào	01/01/95		Huyện Yên Khánh		2	27.08. 00039	D380101	7.50	5.25	8.00	20.75	21.00	
1303	LPH.D1 10562	Phạm Thị Vân	Anh	28/07/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00095	D380107	6.25	7.75	7.00	21.00	21.00	
1304	LPH.D1 10565	Đinh Thị Hương	Giang	13/02/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00101	D380107	6.25	5.75	7.00	19.00	19.00	
1305	LPH.D1 10566	Nguyễn Thị Thuý	Hà	22/08/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2	27.11. 00100	D380107	6.75	6.75	7.00	20.50	20.50	
1306	LPH.D1 10567	Bùi Thị Khánh	Hằng	28/10/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00089	D380101	8.00	5.50	8.75	22.25	22.50	
1307	LPH.D1 10568	Phạm Thị Thu	Hiền	04/03/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00096	D380107	7.25	9.50	7.50	24.25	24.50	
1308	LPH.D1 10570	Bùi Thị Lan	Hương	02/07/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00082	D380101	7.25	2.75	2.00	12.00	12.00	
1309	LPH.D1 10572	Đặng Diệu	Linh	19/12/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00085	D380101	7.25	8.75	6.50	22.50	22.50	
1310	LPH.D1 10575	Phạm Tú	Linh	01/02/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00091	D380101	5.00	5.75	5.00	15.75	16.00	
1311	LPH.D1 10576	Phạm Bích	Ngọc	07/09/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.11. 00093	D380107	6.25	8.25	6.00	20.50	20.50	
1312	LPH.D1 10578	Vũ Thị Kim	Oanh	20/11/96	Nữ	Huyện Hoa Lư		2	27.11. 00094	D380107	6.25	7.00	8.25	21.50	21.50	
1313	LPH.D1 10581	Nguyễn Thị Minh	Tâm	09/09/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		1	27.11. 00099	D380107	7.50	8.00	7.00	22.50	22.50	
1314	LPH.D1 10584	Ninh Ngọc	ánh	15/11/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00113	D380101	3.25	3.25	7.50	14.00	14.00	
1315	LPH.D1 10585	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/12/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00114	D380101	4.50	6.00	7.50	18.00	18.00	
1316	LPH.D1 10586	Vũ Thị Thùy	Linh	10/09/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00115	D380101	3.00	2.50	7.00	12.50	12.50	
1317	LPH.D1 10587	Nguyễn Thị Hằng	Nga	01/08/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00118	D380101	6.25	6.75	7.00	20.00	20.00	
1318	LPH.D1 10590	Trần Thu	Thùy	05/05/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00119	D380107	6.00	7.00	7.50	20.50	20.50	
1319	LPH.D1 10591	Nguyễn Huyền	Trang	06/11/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.12. 00117	D380101	4.50	4.50	7.00	16.00	16.00	
1320	LPH.D1 10592	Trần Thị Ngọc	ánh	12/01/96	Nữ	Huyện Hoa Lư	06	2	27.13. 00127	D380101	4.75	3.25	5.00	13.00	13.00	
1321	LPH.D1 10593	Nguyễn Thị	Hoa	21/06/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.13. 00131	D380101	4.75	4.25	4.50	13.50	13.50	
1322	LPH.D1 10594	Phạm Thị Ngọc	Lan	29/02/96	Nữ	Huyện Hoa Lư		2	27.13. 00129	D380101	6.75	3.25	6.25	16.25	16.50	
1323	LPH.D1 10596	Lê Thị	Phương	11/03/96	Nữ	Huyện Hoa Lư	06	2	27.13. 00128	D380101	3.50	2.50	5.25	11.25	11.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1324	LPH.D1 10597	Nguyễn Thị	Phuong	11/06/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2	27.13. 00126	D110101	4.50	2.25	5.50	12.25	12.50	
1325	LPH.D1 10599	Nguyễn Châm	Anh	20/06/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00143	D380101	6.25	5.25	4.75	16.25	16.50	
1326	LPH.D1 10601	Trần Mỹ	Hạnh	01/09/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00144	D380101	6.00	4.75	7.00	17.75	18.00	
1327	LPH.D1 10602	Trần Thị Mai	Hoa	23/04/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00140	D110101	7.00	4.50	7.50	19.00	19.00	
1328	LPH.D1 10603	Phạm Thị Phương	Mai	04/11/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00150	D380107	8.00	7.75	7.00	22.75	23.00	
1329	LPH.D1 10604	Nguyễn Thị Vân	Nga	09/11/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00148	D380107	6.75	7.00	7.00	20.75	21.00	
1330	LPH.D1 10605	Đinh Thị Minh	Ngọc	31/10/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00142	D380101	5.75	6.00	6.50	18.25	18.50	
1331	LPH.D1 10606	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	21/02/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00145	D380101	4.75	3.75	7.50	16.00	16.00	
1332	LPH.D1 10607	Trần Thị Hải	Ngọc	17/02/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00147	D380101	6.25	4.00	7.00	17.25	17.50	
1333	LPH.D1 10608	Nguyễn Thị Thu	Thủy	26/03/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00146	D380101	6.75	4.50	7.00	18.25	18.50	
1334	LPH.D1 10609	Nguyễn Huyền	Trang	27/02/96	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	27.21. 00149	D380107	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
1335	LPH.D1 10614	Bùi Thị	Thúy	01/02/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.32. 00164	D380101	7.25	6.25	6.75	20.25	20.50	
1336	LPH.D1 10615	Nguyễn Thùy	Dung	14/11/96	Nữ	Huyện Nho Quan		1	27.35. 00173	D380101	7.00	3.50	5.00	15.50	15.50	
1337	LPH.D1 10616	Vũ Thị	Nguyệt	05/12/96	Nữ	Huyện Gia Viễn		2NT	27.42. 00181	D380101	6.00	2.75	6.25	15.00	15.00	
1338	LPH.D1 10617	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	04/12/96	Nữ	Huyện Gia Viễn		2NT	27.42. 00182	D380101	6.00	6.75	6.50	19.25	19.50	
1339	LPH.D1 10618	Trần Thị Thu	Hằng	30/06/96	Nữ	Huyện Gia Viễn		1	27.43. 00184	D380107	5.25	3.75	7.00	16.00	16.00	
1340	LPH.D1 10620	Nguyễn Thị Chúc	Linh	17/10/96	Nữ	Huyện Hoa Lư		1	27.51. 00194	D380101	7.00	5.00	6.75	18.75	19.00	
1341	LPH.D1 10622	Đào Hồng	Tuyết	25/09/96	Nữ	Thành phố Ninh Bình		2NT	27.51. 00193	D380101	4.00	3.75	8.00	15.75	16.00	
1342	LPH.D1 10623	Đinh Lê Ngọc	Hà	09/07/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00205	D380101	7.00	6.75	6.50	20.25	20.50	
1343	LPH.D1 10624	Tống Thị Thùy	Linh	21/02/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00204	D380101	7.25	7.25	5.50	20.00	20.00	
1344	LPH.D1 10625	Vũ Thị Diệu	Linh	15/07/96	Nữ	Huyện Yên Mô	06	1	27.61. 00208	D380101	6.25	5.75	8.50	20.50	20.50	
1345	LPH.D1 10626	Dương Thị	Thảo	10/09/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00206	D380101	6.50	4.25	7.50	18.25	18.50	
1346	LPH.D1 10627	Bùi Minh	Thương	05/07/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00207	D380101	6.00	5.50	5.50	17.00	17.00	
1347	LPH.D1 10628	Trần Thị Ngọc	Trâm	03/03/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.61. 00209	D380101	5.50	4.25	7.00	16.75	17.00	
1348	LPH.D1 10629	Hoàng Thị Kim	Anh	08/10/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.62. 00214		6.00	5.00	6.50	17.50	17.50	
1349	LPH.D1 10630	Mai Thị	Yến	24/06/96	Nữ	Huyện Yên Mô		1	27.62. 00215	D380101	6.00	3.00	6.00	15.00	15.00	
1350	LPH.D1 10633	Trần Việt	Dũng	10/09/96		Huyện Kim Sơn		2NT	27.73. 00236	D380101	6.50	8.50	3.00	18.00	18.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1351	LPH.D1 10637	Tạ Thị	Vân	16/09/96	Nữ	Huyện Yên Khánh		2NT	27.83. 00259	D380101	5.75	4.50	5.50	15.75	16.00	
1352	LPH.D1 10640	Nguyễn Thị	Quyên	17/10/95	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.01. 00002	D380101	5.75	4.00	6.50	16.25	16.50	
1353	LPH.D1 10642	Cao Việt	Anh	02/07/96		Huyện Quan Sơn		1	28.05. 00042	D380101	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
1354	LPH.D1 10643	Nguyễn Thị	Gái	01/05/96	Nữ	Huyện Như Xuân		1	28.09. 00076	D380101	3.50	3.25	7.00	13.75	14.00	
1355	LPH.D1 10644	Lê Thị	Hằng	25/12/95	Nữ	Huyện Ngọc Lặc		1	28.12. 00090	D380101	5.50	2.75	7.00	15.25	15.50	
1356	LPH.D1 10645	Bùi Minh	Phương	25/07/94	Nữ	Huyện Thạch Thành	01	2	28.13. 00106	D380107	2.75	5.75	3.00	11.50	11.50	
1357	LPH.D1 10647	Lê Thị	Quyên	02/10/95	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.15. 00126	D380101	5.75	3.50	7.50	16.75	17.00	
1358	LPH.D1 10649	Đỗ Khắc	Hưng	18/07/94		Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.17. 00130	D380107	6.25	2.25	1.50	10.00	10.00	
1359	LPH.D1 10652	Nguyễn Thị Diệu	Thùy	17/11/95	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.18. 00144	D380101	6.25	2.25	4.25	12.75	13.00	
1360	LPH.D1 10653	Lê Thị Ngọc	Anh	20/11/95	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.19. 00154	D380107	6.25	5.25	4.50	16.00	16.00	
1361	LPH.D1 10655	Nguyễn Hữu	Tùng	15/10/95		Huyện Nga Sơn		2NT	28.23. 00179	D380101	1.00	3.25	4.00	8.25	8.50	
1362	LPH.D1 10656	Lê Thị	Huệ	05/10/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00199	D380101	6.75	4.75	7.00	18.50	18.50	
1363	LPH.D1 10657	Trịnh Thị	Hương	21/01/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00200	D380101	5.50	5.25	7.50	18.25	18.50	
1364	LPH.D1 10658	Nguyễn Thùy	Trang	08/03/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.24. 00201	D380107	6.00	2.75	7.00	15.75	16.00	
1365	LPH.D1 10659	Trần Thị Huyền	Trang	29/09/94	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2	28.24. 00202	D380107	5.75	5.75	7.00	18.50	18.50	
1366	LPH.D1 10660	Trần Hữu	Anh	01/09/94		Huyện Quảng Xương		2NT	28.25. 00204	D110101	7.00	4.50	3.00	14.50	14.50	
1367	LPH.D1 10661	Trần Thị	Thanh	24/04/95	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.25. 00207	D380107	5.25	4.00	4.75	14.00	14.00	
1368	LPH.D1 10665	Nguyễn Thị Quỳnh	Thu	11/04/95	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.26. 00226	D380101	7.75	4.00	6.50	18.25	18.50	
1369	LPH.D1 10666	Lê Phương	Oanh	26/06/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.27. 00237	D380107	5.50	6.00	8.00	19.50	19.50	
1370	LPH.D1 10667	Đào Phương	Thảo	11/09/96	Nữ	Huyện Lang Chánh	01	1	28.28. 00248	D380101	4.50	4.50	6.50	15.50	15.50	
1371	LPH.D1 10670	Mai Vũ Hoàng	Anh	27/06/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00285	D380101	6.75	5.75	8.75	21.25	21.50	
1372	LPH.D1 10672	Đặng Thùy	Dương	23/02/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00292	D380107	6.50	8.25	7.50	22.25	22.50	
1373	LPH.D1 10674	Ngô Nam	Giang	29/02/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00283	D380101	8.00	7.25	5.25	20.50	20.50	
1374	LPH.D1 10675	Phạm Thị	Hòa	10/04/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00284	D380101	6.75	7.00	8.25	22.00	22.00	
1375	LPH.D1 10677	Hứa Hải	Linh	28/01/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00282	D380101	7.25	8.00	7.50	22.75	23.00	
1376	LPH.D1 10678	Phùng Thị Mỹ	Loan	05/12/96	Nữ	Huyện Quan Sơn		2	28.29. 00291	D380107	7.00	6.50	8.50	22.00	22.00	
1377	LPH.D1 10680	Lương Lê	Minh	03/06/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00294	D380107	6.25	7.25	7.50	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1378	LPH.D1 10681	Trần Hoàng	Minh	30/08/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00281	D380101	7.25	8.00	8.50	23.75	24.00	
1379	LPH.D1 10686	Nguyễn Bích	Ngọc	31/07/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00301	D380107	6.75	7.75	8.50	23.00	23.00	
1380	LPH.D1 10687	Ngô Thảo	Quyên	03/09/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00287	D380101	7.25	6.50	8.25	22.00	22.00	
1381	LPH.D1 10688	Nguyễn Ngọc	Quý	21/12/96		Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00298	D380107	7.25	8.50	2.00	17.75	18.00	
1382	LPH.D1 10693	Nguyễn Thị Thu	Vân	06/05/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.29. 00276	D380101	8.25	8.25	3.75	20.25	20.50	
1383	LPH.D1 10698	Hoàng Thị Nhi	Phương	25/01/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00329	D110101	3.50	2.75	4.50	10.75	11.00	
1384	LPH.D1 10699	Phạm Thị Hoài	Phương	03/12/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.30. 00325	D380101	5.00	5.00	8.50	18.50	18.50	
1385	LPH.D1 10701	Lê Thị Quỳnh	Anh	10/03/96	Nữ	Huyện Đông Sơn		2	28.31. 00358	D380101	5.00	5.00	8.00	18.00	18.00	
1386	LPH.D1 10702	Nguyễn Trang	Anh	16/08/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00363	D380107	6.75	2.50	7.50	16.75	17.00	
1387	LPH.D1 10714	Nguyễn Thị Bảo	Yến	17/07/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.31. 00355	D380101	6.25	7.75	8.00	22.00	22.00	
1388	LPH.D1 10717	Trần Thị Hồng	Nhung	21/10/96	Nữ	Thành phố Thanh Hoá		2	28.33. 00375	D380107	3.75	4.00	6.50	14.25	14.50	
1389	LPH.D1 10718	Văn Ngọc	Chinh	30/10/96	Nữ	Thị xã Bỉm Sơn		2	28.34. 00385	D380107	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
1390	LPH.D1 10719	Ninh Nguyệt	Hà	12/08/96	Nữ	Thị xã Bỉm Sơn		2	28.34. 00383	D380101	6.50	3.75	8.00	18.25	18.50	
1391	LPH.D1 10720	Đỗ Thị Tùng	Lâm	03/03/96	Nữ	Thị xã Bỉm Sơn		2	28.34. 00384	D380101	6.00	4.00	8.00	18.00	18.00	
1392	LPH.D1 10722	Lê Thủy	Tiên	01/02/96	Nữ	Thị xã Bỉm Sơn	06	2	28.34. 00386	D380107	5.50	7.25	8.50	21.25	21.50	
1393	LPH.D1 10723	Lê Thị Thu	Trang	18/06/96	Nữ	Huyện Thường Xuân		1	28.38. 00405	D380101	6.75	4.75	6.50	18.00	18.00	
1394	LPH.D1 10725	Trịnh Phương	Linh	24/09/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.42. 00431	D380101	0.75	2.50	6.00	9.25	9.50	
1395	LPH.D1 10726	Lê Thị Lâm	Anh	25/05/96	Nữ	Huyện Ngọc Lặc	01	1	28.43. 00441	D380101	7.25	7.00	5.50	19.75	20.00	
1396	LPH.D1 10727	Nguyễn Thủy	Diệu	23/08/96	Nữ	Huyện Thạch Thành		1	28.44. 00455	D380107	5.25	4.50	4.00	13.75	14.00	
1397	LPH.D1 10729	Lê Duy	Hùng	22/06/96		Huyện Thọ Xuân		2NT	28.48. 00490	D380107	5.25	2.25	4.50	12.00	12.00	
1398	LPH.D1 10730	Lê Thị Ngọc	Anh	18/09/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.49. 00498	D380101	4.75	3.75	7.50	16.00	16.00	
1399	LPH.D1 10731	Trịnh Thị	Loan	02/09/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.49. 00497	D380101	1.00	2.50	5.50	9.00	9.00	
1400	LPH.D1 10732	Nguyễn Thị	Trang	04/08/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.50. 00502	D110101	6.25	4.00	7.50	17.75	18.00	
1401	LPH.D1 10733	Trần Thị Linh	Trang	18/08/96	Nữ	Huyện Thọ Xuân		2NT	28.50. 00503	D380107	5.75	3.00	6.50	15.25	15.50	
1402	LPH.D1 10734	Trần Hải	Yến	08/03/96	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc		2NT	28.52. 00509	D380107	2.50	5.25	7.75	15.50	15.50	
1403	LPH.D1 10736	Lê Thái	Bình	14/06/96		Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.55. 00516		7.25	6.75	3.50	17.50	17.50	
1404	LPH.D1 10737	Hoàng Thị	Chinh	28/09/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.55. 00518	D380101	6.25	4.00	7.00	17.25	17.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1405	LPH.D1 10738	Lê Thị Tuyết	Hằng	03/09/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá	06	2NT	28.55. 00520	D380107	5.25	4.50	6.00	15.75	16.00	
1406	LPH.D1 10739	Trịnh Thị	Thùy	09/10/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.55. 00517	D380101	6.25	4.00	6.00	16.25	16.50	
1407	LPH.D1 10741	Phạm Thị	Thêu	08/09/96	Nữ	Huyện Thiệu Hoá		2NT	28.58. 00537	D380101	2.25	4.50	5.00	11.75	12.00	
1408	LPH.D1 10742	Trịnh Nguyệt	Minh	17/05/96	Nữ	Huyện Triệu Sơn		2NT	28.61. 00548	D380107	6.75	7.25	8.50	22.50	22.50	
1409	LPH.D1 10743	Đổng Thị	Hương	26/05/96	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT	28.63. 00565	D110101	5.00	4.75	8.00	17.75	18.00	
1410	LPH.D1 10746	Lê Thùy	Linh	09/05/96	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.68. 00591	D380107	3.75	3.00	7.00	13.75	14.00	
1411	LPH.D1 10747	Tống Thị	Linh	09/09/96	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.68. 00588	D380101	7.50	7.25	8.50	23.25	23.50	
1412	LPH.D1 10748	Lê Thị Hà	Phương	18/01/96	Nữ	Huyện Đông Sơn		2NT	28.68. 00586	D380101	6.25	7.50	8.00	21.75	22.00	
1413	LPH.D1 10750	Nguyễn Diệu	Linh	19/08/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.73. 00614	D380101	2.00	2.00	6.00	10.00	10.00	
1414	LPH.D1 10752	Lường Hà	My	04/12/96	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	28.76. 00640	D380101	6.50	3.00	7.00	16.50	16.50	
1415	LPH.D1 10754	Phạm Thị	Hoàn	19/02/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.78. 00660	D380101	6.25	7.50	7.50	21.25	21.50	
1416	LPH.D1 10755	Lê Thị	Huế	12/10/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.78. 00658	D110101	6.75	3.75	8.00	18.50	18.50	
1417	LPH.D1 10756	Trần Ngọc	Mai	10/04/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.78. 00661	D380101	7.75	6.00	5.00	18.75	19.00	
1418	LPH.D1 10757	Mai Thị	Hà	04/07/96	Nữ	Huyện Nga Sơn		2NT	28.80. 00666	D380101	2.00	2.75	5.75	10.50	10.50	
1419	LPH.D1 10758	Mai Anh	Tuấn	24/08/96		Huyện Nga Sơn		2NT	28.80. 00665	D380101	4.25	2.00	4.50	10.75	11.00	
1420	LPH.D1 10759	Phạm Thị Ngọc	Anh	28/07/96	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	28.82. 00686	D380101	4.25	6.75	6.75	17.75	18.00	
1421	LPH.D1 10760	Lê Thị	Hòa	06/01/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.85. 00710	D380101	7.25	3.00	7.50	17.75	18.00	
1422	LPH.D1 10761	Phan Thị	Huệ	10/11/96	Nữ	Huyện Quảng Xương		2NT	28.86. 00724	D380101	6.50	5.25	8.00	19.75	20.00	
1423	LPH.D1 10762	Nguyễn Thị	Mai	08/04/96	Nữ	Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.90. 00739	D380101	5.75	4.00	7.75	17.50	17.50	
1424	LPH.D1 10763	Lê Văn	Thắng	01/02/96		Huyện Tĩnh Gia	06	2NT	28.90. 00737	D380107	7.00	4.25	4.00	15.25	15.50	
1425	LPH.D1 10765	Lê Trọng	Quang	25/07/96		Huyện Tĩnh Gia		2NT	28.92. 00753	D380101	1.00	2.25	5.00	8.25	8.50	
1426	LPH.D1 10766	Lê Huyền	Anh	28/01/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00767	D380101	6.75	5.50	7.50	19.75	20.00	
1427	LPH.D1 10767	Trịnh Thị	Hằng	18/02/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00766	D380101	6.50	7.00	7.50	21.00	21.00	
1428	LPH.D1 10768	Lê Thị	Ngân	12/12/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.94. 00768	D380101	6.75	8.25	7.00	22.00	22.00	
1429	LPH.D1 10771	Nguyễn Hoàng Linh	Dung	25/01/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.95. 00772	D380107	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	
1430	LPH.D1 10772	Nguyễn Thị	Thúy	03/01/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.95. 00775	D380101	4.75	7.25	8.25	20.25	20.50	
1431	LPH.D1 10773	Lê Như	Quỳnh	07/04/96	Nữ	Huyện Cẩm Thủy		2NT	28.96. 00777	D380101	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1432	LPH.D1 10774	Ngô Thị	Trình	13/10/96	Nữ	Huyện Yên Định		2NT	28.97. 00783	D380101	3.75	3.75	6.50	14.00	14.00	
1433	LPH.D1 10776	Thái Thị Kim	Ngân	07/08/95	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.01. 00240	D380101	6.75	5.50	7.00	19.25	19.50	
1434	LPH.D1 10778	Phạm Khánh	Phuong	26/05/95	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.01. 00235	D110101	6.75	6.50	8.00	21.25	21.50	
1435	LPH.D1 10782	Vương Thị Ngọc	Diệp	10/12/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00850	D380107	6.00	7.25	7.50	20.75	21.00	
1436	LPH.D1 10783	Đinh Thị Mỹ	Duyên	17/12/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00852	D380101	4.25	4.75	6.00	15.00	15.00	
1437	LPH.D1 10784	Nguyễn Thanh	Hiên	19/10/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00851	D380107	6.00	6.25	8.00	20.25	20.50	
1438	LPH.D1 10785	Trần Ngọc	Huyền	01/12/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00855	D380101	2.25	3.00	4.50	9.75	10.00	
1439	LPH.D1 10786	Phan Thị Cẩm	Hương	31/10/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00857	D110101	7.25	7.25	7.50	22.00	22.00	
1440	LPH.D1 10789	Lê Thị Bích	Phuong	15/07/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.02. 00856	D380107	5.00	5.00	7.00	17.00	17.00	
1441	LPH.D1 10794	Cao Thế	Vũ	06/08/96		Thành phố Vinh		2	29.02. 00860	D380107	6.75	9.50	1.50	17.75	18.00	
1442	LPH.D1 10795	Phạm Thị Hà	Giang	26/10/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.03. 00010	D380107	6.25	6.50	7.50	20.25	20.50	
1443	LPH.D1 10796	Lữ Thị Thảo	Ly	20/10/96	Nữ	Thành phố Vinh	01	2	29.03. 00009	D380101	5.25	5.00	7.00	17.25	17.50	
1444	LPH.D1 10801	Võ Phương	Đông	03/02/96		Thành phố Vinh	06	2	29.06. 00515	D380107	7.25	8.25	6.00	21.50	21.50	
1445	LPH.D1 10803	Đào Thị Thanh	Hải	14/08/96	Nữ	Huyện Nam Đàn		2	29.06. 00531	D380107	5.25	6.25	7.50	19.00	19.00	
1446	LPH.D1 10804	Hoàng Thị Phương	Hằng	13/12/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.06. 00530	D380107	5.75	7.75	8.00	21.50	21.50	
1447	LPH.D1 10806	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22/10/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2	29.06. 00521	D380107	6.75	7.00	7.50	21.25	21.50	
1448	LPH.D1 10809	Nguyễn Khánh	Linh	10/06/96	Nữ	Thành phố Vinh		2	29.06. 00534	D380107	7.00	7.50	8.25	22.75	23.00	
1449	LPH.D1 10815	Nguyễn Thị Mai	Phuong	21/01/96	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		2	29.06. 00517	D380101	6.75	6.50	4.00	17.25	17.50	
1450	LPH.D1 10819	Phạm Thị Huyền	Trang	03/09/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2	29.06. 00522	D110101	6.75	9.00	8.00	23.75	24.00	
1451	LPH.D1 10822	Lê Anh	Đức	11/12/95		Thành phố Vinh		2	29.07. 01116	D380107	7.25	8.75	7.50	23.50	23.50	
1452	LPH.D1 10824	Vương Thị Thanh	Hoà	16/08/96	Nữ	Thị xã Cửa Lò		2	29.07. 00889	D380107	5.75	4.00	6.50	16.25	16.50	
1453	LPH.D1 10828	Phan Thị Trà	Giang	08/01/96	Nữ	Huyện Quỳnh Hợp		1	29.17. 00197	D380101	5.00	2.75	4.00	11.75	12.00	
1454	LPH.D1 10829	Hoàng Cẩm	Tú	26/10/96	Nữ	Huyện Quỳnh Hợp		1	29.18. 00042	D380101	7.00	5.50	8.00	20.50	20.50	
1455	LPH.D1 10830	Hà Thị	Yến	27/07/96	Nữ	Huyện Quỳnh Hợp	01	1	29.18. 00427	D380101	2.00	3.25	2.00	7.25	7.50	
1456	LPH.D1 10831	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/10/95	Nữ	Huyện Nghĩa Đàn		1	29.22. 00188	D380101	7.25	4.25	5.50	17.00	17.00	
1457	LPH.D1 10834	Nguyễn Thị Thùy	Linh	22/10/96	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		2NT	29.23. 00625	D380107	6.75	7.00	8.00	21.75	22.00	
1458	LPH.D1 10835	Nguyễn Thị Ngọc	Thành	21/08/96	Nữ	Thị Xã Thái Hòa		2NT	29.23. 00626	D380107	6.75	7.00	8.50	22.25	22.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1459	LPH.D1 10836	Lê Thuỳ	Thương	21/12/96	Nữ	Huyện Nghĩa Đàn		1	29.24. 00433	D380101	5.75	6.75	7.25	19.75	20.00	
1460	LPH.D1 10837	Phan Văn	Trung	24/08/95		Thị Xã Hoàng Mai		2NT	29.28. 00929	D380101	5.75	5.50	5.00	16.25	16.50	
1461	LPH.D1 10838	Nguyễn Thanh	Hằng	19/05/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00311	D380101	6.50	6.50	7.00	20.00	20.00	
1462	LPH.D1 10839	Vũ Thị Hồng	Ngọc	23/05/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00312	D110101	6.75	5.25	8.00	20.00	20.00	
1463	LPH.D1 10840	Nguyễn Đức	Tài	12/07/96		Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.29. 00310	D380101	2.75	5.50	5.50	13.75	14.00	
1464	LPH.D1 10841	Hồ Thị	Minh	20/05/96	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu		2NT	29.31. 00609	D380101	5.75	4.25	6.50	16.50	16.50	
1465	LPH.D1 10842	Lê Thị Huyền	Trang	07/05/96	Nữ	Thị Xã Hoàng Mai		2NT	29.34. 00264	D110101	5.50	6.75	7.00	19.25	19.50	
1466	LPH.D1 10843	Lữ Đình Thu	Thủy	16/04/94	Nữ	Huyện Con Cuông	01	2	29.41. 00067	D380101	6.75	6.00	7.50	20.25	20.50	
1467	LPH.D1 10844	Trương Thị Kim	Oanh	05/03/96	Nữ	Huyện Tân Kỳ		1	29.44. 00453	D380107	6.75	5.50	7.00	19.25	19.50	
1468	LPH.D1 10846	Nguyễn Thị	Huế	11/09/96	Nữ	Huyện Tân Kỳ		1	29.47. 00215	D380101	5.50	6.75	7.75	20.00	20.00	
1469	LPH.D1 10847	Phạm Thị	ánh	20/12/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.54. 00496	D380101	6.50	5.00	7.50	19.00	19.00	
1470	LPH.D1 10848	Cao Thị	Hằng	16/01/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.54. 00495	D380101	6.25	6.50	7.50	20.25	20.50	
1471	LPH.D1 10849	Trần Thị	Huyền	14/01/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.54. 00497	D380101	6.75	6.50	7.25	20.50	20.50	
1472	LPH.D1 10850	Nguyễn Thị	Trang	26/06/96	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	29.54. 00494	D380101	7.25	4.75	6.50	18.50	18.50	
1473	LPH.D1 10852	Hồ Thị	Hằng	02/01/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.56. 00270	D380101	6.75	6.75	8.25	21.75	22.00	
1474	LPH.D1 10853	Trương Khánh	Linh	22/12/96	Nữ	Huyện Diễn Châu	06	2NT	29.56. 00272	D380107	7.00	7.00	6.75	20.75	21.00	
1475	LPH.D1 10855	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	21/08/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	29.56. 00271	D380101	6.25	6.25	3.50	16.00	16.00	
1476	LPH.D1 10857	Nguyễn Thị Hải	Trà	27/10/96	Nữ	Huyện Anh Sơn		1	29.64. 00670	D380107	5.50	5.25	6.50	17.25	17.50	
1477	LPH.D1 10861	Nguyễn Công	Tiến	26/02/96		Huyện Đô Lương		2NT	29.68. 00565	D380101	6.75	5.50	5.25	17.50	17.50	
1478	LPH.D1 10863	Đậu Thị	Thúy	18/01/94	Nữ	Huyện Thanh Chương		2NT	29.77. 00259	D380101	6.50	4.25	7.00	17.75	18.00	
1479	LPH.D1 10865	Nguyễn Thị	Hảo	22/05/96	Nữ	Huyện Nghi Lộc		2NT	29.81. 00638	D380107	7.25	7.00	7.50	21.75	22.00	
1480	LPH.D1 10866	Phạm Thị	Ny	17/12/94	Nữ	Huyện Hưng Nguyên		2NT	29.91. 00089	D380107	6.00	4.75	7.25	18.00	18.00	
1481	LPH.D1 10867	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	20/02/96	Nữ	Huyện Hưng Nguyên		2NT	29.92. 00058	D380101	5.00	3.00	5.50	13.50	13.50	
1482	LPH.D1 10869	Cao Mỹ	Linh	26/10/96	Nữ	Huyện Hưng Nguyên		2NT	29.93. 00288	D380101	4.25	4.00	5.50	13.75	14.00	
1483	LPH.D1 10872	Trần Hậu	Nhân	19/08/96		Huyện Kỳ Anh		1	30.03. 00081	D380107	6.75	7.00	4.00	17.75	18.00	
1484	LPH.D1 10875	Đình Thị Ngọc	Anh	01/01/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.10. 00485	D380107	7.25	7.75	7.75	22.75	23.00	
1485	LPH.D1 10877	Lê Thị Thuỳ	Dung	12/07/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.10. 00477	D380101	6.75	3.75	6.00	16.50	16.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1486	LPH.D1 10882	Trần Thị Thanh	Nga	15/05/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh	06	2	30.10. 00488	D380107	6.25	7.00	8.00	21.25	21.50	
1487	LPH.D1 10883	Cao Thị Hồng	Nhung	16/01/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		2	30.10. 00482	D380101	6.25	6.00	8.75	21.00	21.00	
1488	LPH.D1 10885	Phan Hà	Phuong	03/07/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.10. 00480	D380101	5.50	6.25	7.25	19.00	19.00	
1489	LPH.D1 10886	Bùi Thị	Thu	23/04/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2	30.10. 00487	D380107	7.00	8.00	8.00	23.00	23.00	
1490	LPH.D1 10889	Nguyễn Gia Phương	Anh	08/02/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.13. 00199	D380101	3.75	5.50	6.00	15.25	15.50	
1491	LPH.D1 10890	Nguyễn Quỳnh	Châu	20/04/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.13. 00200	D380107	7.25	8.50	7.25	23.00	23.00	
1492	LPH.D1 10891	Nguyễn Thị	Mỹ	10/11/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.13. 00201	D380107	7.75	8.50	7.00	23.25	23.50	
1493	LPH.D1 10892	Trần Thị	Phượng	18/08/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.14. 00090	D220201	6.75	5.75	5.25	17.75	18.00	
1494	LPH.D1 10894	Trần Thị Hải	Lê	31/12/96	Nữ	Huyện Can Lộc		2NT	30.18. 00123	D380107	5.25	8.25	7.50	21.00	21.00	
1495	LPH.D1 10896	Lê Thị Trà	Giang	06/05/96	Nữ	Huyện Hương Khê		1	30.21. 00123	D380101	8.75	3.25	6.00	18.00	18.00	
1496	LPH.D1 10897	Đặng Thị Phương	Lan	22/03/96	Nữ	Huyện Hương Khê		1	30.21. 00124	D380101	6.00	6.00	7.50	19.50	19.50	
1497	LPH.D1 10898	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/08/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.26. 00169	D380101	3.00	5.75	7.00	15.75	16.00	
1498	LPH.D1 10899	Nguyễn Thị Thu	Hoài	27/01/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.27. 00127	D380101	5.00	4.50	8.00	17.50	17.50	
1499	LPH.D1 10900	Lê Thị	Thi	18/10/96	Nữ	Huyện Hương Sơn		1	30.28. 00062	D110101	6.25	4.50	7.00	17.75	18.00	
1500	LPH.D1 10901	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	04/08/96	Nữ	Huyện Đức Thọ		2NT	30.32. 00232	D380101	7.75	6.50	8.00	22.25	22.50	
1501	LPH.D1 10902	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/01/96	Nữ	Huyện Đức Thọ		2NT	30.32. 00233	D380101	5.50	6.75	6.75	19.00	19.00	
1502	LPH.D1 10903	Nguyễn Thị Hoài	Thương	14/04/95	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		2	30.35. 00037	D380107	2.75	4.00	6.50	13.25	13.50	
1503	LPH.D1 10907	Nguyễn Thị	Phuong	10/01/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		2NT	30.39. 00058	D110101	3.50	4.50	6.50	14.50	14.50	
1504	LPH.D1 10908	Hồ Thị Thu	Uyên	28/01/96	Nữ	Huyện Nghi Xuân		2NT	30.39. 00059	D380101	6.75	6.50	8.00	21.25	21.50	
1505	LPH.D1 10909	Phan Linh	Chi	30/08/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00305	D380107	7.75	9.00	8.25	25.00	25.00	
1506	LPH.D1 10911	Lê Thanh	Nhật	27/11/96		Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00304	D110101	7.25	9.25	6.00	22.50	22.50	
1507	LPH.D1 10913	Dương Trúc	Quỳnh	30/07/96	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2	30.40. 00303	D110101	7.25	8.50	8.50	24.25	24.50	
1508	LPH.D1 10914	Nguyễn Thị	Linh	07/04/96	Nữ	Huyện Thạch Hà		2NT	30.41. 00091	D380101	1.75	1.75	5.25	8.75	9.00	
1509	LPH.D1 10915	Trần Thị	Hiên	17/07/96	Nữ	Huyện Lộc Hà		2NT	30.45. 00087	D380107	7.00	5.50	7.50	20.00	20.00	
1510	LPH.D1 10916	Đặng Thị Huyền	My	20/01/95	Nữ	Thành phố Hà Tĩnh		2NT	30.52. 00093	D380107	6.75	7.25	7.00	21.00	21.00	
1511	LPH.D1 10917	Nguyễn Thị Minh	Thảo	12/11/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	31.02. 00671	D380107	5.75	4.50	5.75	16.00	16.00	
1512	LPH.D1 10918	Lê Thanh	Hiên	15/05/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2	31.04. 00442	D380107	5.25	6.50	7.25	19.00	19.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1513	LPH.D1 10919	Lê Thùy	Linh	18/02/96	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	31.04. 00443	D380107	8.00	9.25	8.00	25.25	25.50	
1514	LPH.D1 10920	Trần Thị Lâm	Oanh	04/03/96	Nữ	Thành phố Đồng Hới		2	31.04. 00444	D380107	7.25	7.75	7.00	22.00	22.00	
1515	LPH.D1 10924	Trần Thị Thu	Giang	22/10/96	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	31.19. 00743	D380107	6.75	7.25	6.00	20.00	20.00	
1516	LPH.D1 10925	Mai Thị Hà	Giang	04/02/96	Nữ	Huyện Quảng Trạch		1	31.20. 00536	D380101	8.00	7.25	8.00	23.25	23.50	
1517	LPH.D1 10926	Nguyễn Thị	Hoa	20/04/96	Nữ	Huyện Quảng Trạch		2NT	31.20. 00537	D380107	3.75	3.00	4.50	11.25	11.50	
1518	LPH.D1 10927	Nguyễn Quốc	Huy	20/11/96		Huyện Bố Trạch	06	2NT	31.25. 00487	D110101	4.25	4.75	4.00	13.00	13.00	
1519	LPH.D1 10928	Trương Thị Trà	Giang	29/07/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2NT	31.27. 00270	D380101	3.00	3.75	5.00	11.75	12.00	
1520	LPH.D1 10929	Dương Thị Kiều	Anh	11/05/95	Nữ	Huyện Lệ Thủy		1	31.37. 00376	D110101	6.75	4.00	7.00	17.75	18.00	
1521	LPH.D1 10930	Đặng Tiểu	Ngọc	20/02/96	Nữ	Huyện Cam Lộ		2NT	32.31. 00078	D110101	6.75	7.25	6.50	20.50	20.50	
1522	LPH.D1 10932	Nguyễn Thị Tú	Linh	28/09/96	Nữ	Huyện Bố Trạch		2	33.10. 00002	D380101	5.25	4.75	7.25	17.25	17.50	
1523	LPH.D1 10933	Trần Phương	Mai	29/01/95	Nữ	Huyện Anh Sơn		1	33.D3. 00003	D380101	6.75	4.25	7.50	18.50	18.50	
1524	LPH.D1 10934	Võ Thanh	Vương	20/02/95		Huyện Bình Sơn		1	35.18. 00001	D380101	0.00	2.25	2.00	4.25	4.50	
1525	LPH.D1 10935	Huỳnh Phương	An	01/06/96	Nữ	Thành phố Quảng Ngãi		2	35.50. 00004	D110101	6.75	7.00	6.75	20.50	20.50	
1526	LPH.D1 10936	Nguyễn	Nguyễn	05/11/96		Thành phố Quảng Ngãi		2	35.50. 00005	D380101	7.00	9.00	1.50	17.50	17.50	
1527	LPH.D1 10937	Trịnh Thị Thu	Hằng	19/03/95	Nữ	Thành phố Kon Tum		1	36.00. 00003	D380101	4.75	6.25	5.50	16.50	16.50	
1528	LPH.D1 10938	Trần Hoàng Thanh	Xuân	02/02/95	Nữ	Huyện Phù Mỹ		2NT	37.31. 31259	D380107	6.25	4.75	7.00	18.00	18.00	
1529	LPH.D1 10940	Nguyễn Nhật	Lệ	26/06/96	Nữ	Thành phố Pleiku	06	1	38.02. 01057	D380101	2.00	3.50	5.25	10.75	11.00	
1530	LPH.D1 10942	Nguyễn Thị	Nam	03/09/94	Nữ	Huyện Chư Sê		1	38.34. 00232	D380101	3.75	3.00	6.75	13.50	13.50	
1531	LPH.D1 10943	Bùi Thị Khánh	Dương	06/07/96	Nữ	Thành phố Buôn Ma		1	40.02. 00017	D110101	8.00	8.25	4.00	20.25	20.50	
1532	LPH.D1 10946	Vũ Thị Hà	Chi	12/05/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.01. 04098	D380101	6.50	5.75	7.25	19.50	19.50	
1533	LPH.D1 10947	Quàng Thị	Hà	13/08/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ	01	1	62.01. 04100	D380101	6.25	6.25	6.50	19.00	19.00	
1534	LPH.D1 10949	Đoàn Thị Thu	Hương	14/09/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.01. 04099	D380101	5.00	3.75	5.75	14.50	14.50	
1535	LPH.D1 10950	Nguyễn Kiều Vân	Anh	11/04/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 04112	D380101	6.50	5.00	6.00	17.50	17.50	
1536	LPH.D1 10951	Phan Văn	Anh	26/08/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 04105	D380101	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	
1537	LPH.D1 10952	Tăng Thị Hải	Anh	28/08/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 04106	D380101	6.25	7.50	6.25	20.00	20.00	
1538	LPH.D1 10958	Vi Hoàng	Dương	12/04/96		Th. phố Điện Biên Phủ	01	1	62.02. 04115	D380101	6.50	4.00	3.00	13.50	13.50	
1539	LPH.D1 10959	Trịnh Thị Thu	Hà	25/03/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 04104	D110101	6.25	7.50	7.00	20.75	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1540	LPH.D1 10963	Nguyễn Phương	Thảo	29/02/96	Nữ	Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 04113	D380101	6.25	5.00	7.25	18.50	18.50	
1541	LPH.D1 10964	Hoàng Anh	Thông	23/09/96		Th. phố Điện Biên Phủ		1	62.02. 04117	D380107	7.00	9.00	4.00	20.00	20.00	
1542	LPH.D1 10965	Ngô Thị	Trang	24/09/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.02. 04108	D380101	6.25	6.25	7.00	19.50	19.50	
1543	LPH.D1 10966	Nguyễn Xuân	Bắc	13/01/96				1	62.03. 04118	D380101	6.00	4.00	6.00	16.00	16.00	
1544	LPH.D1 10969	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	31/10/96	Nữ	Huyện Điện Biên		1	62.09. 04120	D380101	1.50	4.00	5.00	10.50	10.50	
1545	LPH.D1 10970	Phạm Thị Hoàng	Anh	27/07/95	Nữ	Huyện Tuần Giáo		1	62.14. 04122	D380107	6.75	5.25	5.75	17.75	18.00	
1546	LPH.D1 10971	Thái Thị Hà	Giang	24/10/96	Nữ	Huyện Nghi Lộc		1	63.08. 03546	D380101	5.75	5.50	7.00	18.25	18.50	
1547	LPH.D1 10972	Hoàng	Anh	27/08/95		Quận Long Biên		2	96.96. 00003	D380101	3.75	6.00	3.50	13.25	13.50	
1548	LPH.D1 10973	Phan Bá	Đại	05/01/95		Huyện Diễn Châu	06	2NT	98.98. 00003	D110101	6.25	2.50	5.00	13.75	14.00	
1549	LPH.D1 10974	Trần Văn	Tráng	26/09/94		Huyện Từ Liêm		3	98.98. 00002	D380107	5.50	6.50	6.00	18.00	18.00	
1550	LPH.D1 10976	Cao Thị Châm	Anh	20/10/95	Nữ	Huyện Chư Sê		1	99.99. 00160	D380107	6.50	5.75	7.75	20.00	20.00	
1551	LPH.D1 10977	Dương Đức	Anh	30/06/95		Quận Hoàn Kiếm		3	99.99. 00017	D380101	5.50	6.00	7.00	18.50	18.50	
1552	LPH.D1 10982	Nguyễn Đỗ Ngọc	Anh	15/02/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00001	D380101	8.00	7.50	8.25	23.75	24.00	
1553	LPH.D1 10983	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	25/03/95	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	99.99. 00148	D380101	8.00	8.50	5.50	22.00	22.00	
1554	LPH.D1 10985	Nguyễn Việt	Anh	08/04/95				2	99.99. 00150	D380107	4.00	4.50	3.00	11.50	11.50	
1555	LPH.D1 10986	Nguyễn Hồng	Anh	17/06/95	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	99.99. 00107	D110101	6.25	5.75	7.75	19.75	20.00	
1556	LPH.D1 10987	Nguyễn Thế	Anh	25/02/94		Quận Hoàng Mai		3	99.99. 00069	D380101	2.75	2.75	2.00	7.50	7.50	
1557	LPH.D1 10988	Phan Ngán	Anh	04/06/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00108	D380101	6.50	9.25	6.50	22.25	22.50	
1558	LPH.D1 10989	Phan	Anh	06/11/95		Quận Ba Đình		3	99.99. 00175	D380101	6.50	7.75	3.50	17.75	18.00	
1559	LPH.D1 10990	Phạm Thị Phương	Anh	16/02/96	Nữ	Huyện Diễn Châu		2NT	99.99. 00236	D380101	7.25	5.00	5.00	17.25	17.50	
1560	LPH.D1 10998	Nguyễn Minh	Chiến	05/03/96		Quận Cầu Giấy		3	99.99. 00256	D380101	6.75	3.00	5.00	14.75	15.00	
1561	LPH.D1 11000	Trần Kiều	Chinh	01/03/94	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	99.99. 00112	D380101	6.25	4.75	7.00	18.00	18.00	
1562	LPH.D1 11001	Trần Hà	Chi	10/03/95	Nữ	Thị xã Hồng Lĩnh		2NT	99.99. 00122	D110101	4.00	4.75	4.00	12.75	13.00	
1563	LPH.D1 11002	Trần Khánh	Chi	15/10/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00143	D380101	6.25	4.50	7.00	17.75	18.00	
1564	LPH.D1 11003	Nguyễn Văn	Công	01/07/94		Huyện Kinh Môn		2NT	99.99. 00163	D110101	6.75	3.75	6.50	17.00	17.00	
1565	LPH.D1 11006	Phạm Anh	Cương	23/09/94		Huyện Chương Mỹ		3	99.99. 00086	D380107	5.25	4.50	6.50	16.25	16.50	
1566	LPH.D1 11007	Nguyễn Mạnh	Cường	07/06/94		Huyện Sóc Sơn		2	99.99. 00158	D380107	6.25	7.25	7.50	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1567	LPH.D1 11008	Phạm Quang	Dân	28/09/94		Huyện Lạng Giang		1	99.99. 00251	D380101	2.25	3.25	6.50	12.00	12.00	
1568	LPH.D1 11009	Vi Ngọc	Diệp	13/12/95	Nữ	Huyện Ba Chẽ	06	1	99.99. 00155	D380107	5.00	4.25	7.00	16.25	16.50	
1569	LPH.D1 11010	Vũ Thị	Dinh	07/03/88	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	99.99. 00016	D380101	6.75	8.50	5.00	20.25	20.50	
1570	LPH.D1 11011	Chèo Ngọc	Dung	07/10/96	Nữ	Huyện Sìn Hồ	01	1	99.99. 00244	D380101	4.00	3.75	2.00	9.75	10.00	
1571	LPH.D1 11012	Nguyễn Thị	Dung	14/07/95	Nữ	Huyện An Lão	06	2	99.99. 00165	D380107	6.00	4.00	7.50	17.50	17.50	
1572	LPH.D1 11014	Kim Anh	Dũng	23/10/95		Quận Cầu Giấy		3	99.99. 00261	D380101	6.75	8.50	3.75	19.00	19.00	
1573	LPH.D1 11015	Nguyễn Hiếu	Dũng	13/01/95		Quận Đống Đa		3	99.99. 00089	D110101	6.75	6.75	3.50	17.00	17.00	
1574	LPH.D1 11017	Âu Thùy	Dương	20/09/96	Nữ	Quận Long Biên		3	99.99. 00185	D380101	6.00	5.75	7.00	18.75	19.00	
1575	LPH.D1 11020	Nguyễn Thị Thùy	Dương	24/07/95	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2	99.99. 00028	D380101	4.75	3.00	7.00	14.75	15.00	
1576	LPH.D1 11021	Nguyễn Hoàng	Dương	05/08/95		Thành phố Hà Giang	01	2	99.99. 00011	D380107	2.75	2.50	4.00	9.25	9.50	
1577	LPH.D1 11022	Nguyễn Thùy	Dương	18/11/95	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	99.99. 00058	D380101	6.50	4.00	7.00	17.50	17.50	
1578	LPH.D1 11024	Nguyễn Văn	Dương	28/04/95		Huyện Kinh Môn		2NT	99.99. 00202	D380101	4.50	2.00	6.00	12.50	12.50	
1579	LPH.D1 11025	Kiều Quang Tiến	Đạt	14/02/95		Huyện Từ Liêm		3	99.99. 00260	D380107	7.00	6.00	7.00	20.00	20.00	
1580	LPH.D1 11026	Ngô Tiến	Đạt	27/09/95		Quận Đống Đa		3	99.99. 00140	D380101	0.50	4.75	5.50	10.75	11.00	
1581	LPH.D1 11028	Phạm Thị Hồng	Diệp	11/02/95	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00054	D380101	5.75	8.50	5.50	19.75	20.00	
1582	LPH.D1 11030	Nguyễn Mạnh	Đoàn	25/01/93				1	99.99. 00144	D380101	6.25	7.00	5.00	18.25	18.50	
1583	LPH.D1 11033	Nguyễn Thị	Giang	12/05/95	Nữ	Huyện Khoái Châu		2NT	99.99. 00173	D380107	6.75	4.75	8.50	20.00	20.00	
1584	LPH.D1 11035	Vũ Hương	Giang	28/01/95	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	99.99. 00061	D110101	7.75	7.75	8.00	23.50	23.50	
1585	LPH.D1 11036	Đỗ Thu	Hà	22/10/95	Nữ	Huyện Thanh Oai		2	99.99. 00149	D380107	5.25	3.75	6.00	15.00	15.00	
1586	LPH.D1 11037	Lê Thị	Hà	10/05/94	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	99.99. 00036	D380107	5.75	4.75	6.25	16.75	17.00	
1587	LPH.D1 11038	Mai Thị Ngân	Hà	10/06/94	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.99. 00035	D380107	6.50	8.25	5.00	19.75	20.00	
1588	LPH.D1 11039	Mai Thị	Hà	01/10/95	Nữ	Huyện Giao Thủy		2NT	99.99. 00115	D380101	6.00	4.00	6.00	16.00	16.00	
1589	LPH.D1 11040	Mai Thu	Hà	02/04/95	Nữ	Thị xã Bím Sơn		2	99.99. 00141	D380107	5.75	4.75	5.50	16.00	16.00	
1590	LPH.D1 11041	Nguyễn Thu	Hà	14/09/95	Nữ	Huyện Yên Thế		1	99.99. 00098	D380101	5.50	6.75	7.50	19.75	20.00	
1591	LPH.D1 11042	Nguyễn Thu	Hà	24/09/95	Nữ	Quận Long Biên		2	99.99. 00008	D380101	5.25	4.00	6.00	15.25	15.50	
1592	LPH.D1 11044	Tạ Phương	Hà	22/12/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00027	D380101	6.50	5.25	6.50	18.25	18.50	
1593	LPH.D1 11045	Nguyễn Thị	Hải	12/04/95	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	99.99. 00171	D380107	7.00	6.00	8.00	21.00	21.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1594	LPH.D1 11046	Trần Hồng	Hải	22/06/94	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	99.99. 00169	D380107	6.25	3.75	8.00	18.00	18.00	
1595	LPH.D1 11047	Hà Minh	Hảo	31/08/95		Huyện Thủy Nguyên		2	99.99. 00085	D110101	7.00	5.00	5.00	17.00	17.00	
1596	LPH.D1 11048	Nguyễn Thị Ngọc	Hảo	14/10/95	Nữ	Huyện Thường Tín		2	99.99. 00078	D380101	6.25	6.00	6.75	19.00	19.00	
1597	LPH.D1 11049	Nguyễn Thị Ngọc	Hảo	02/10/96	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	99.99. 00228	D380101	7.25	6.50	8.00	21.75	22.00	
1598	LPH.D1 11052	Nguyễn Ngân	Hạnh	08/10/95	Nữ			2	99.99. 00102	D380101	6.25	7.00	8.00	21.25	21.50	
1599	LPH.D1 11053	Vũ Thị Mỹ	Hạnh	12/08/95	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.99. 00146	D380101	7.25	5.50	5.00	17.75	18.00	
1600	LPH.D1 11055	Đỗ Thu	Hằng	27/08/94	Nữ	Thành phố Hải Dương		2	99.99. 00176	D380101	6.50	3.25	7.25	17.00	17.00	
1601	LPH.D1 11057	Lưu Thanh	Hằng	20/08/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00154	D380101	6.50	4.50	5.00	16.00	16.00	
1602	LPH.D1 11058	Phạm Thị	Hằng	25/06/95	Nữ			2NT	99.99. 00180	D110101	6.50	4.00	6.75	17.25	17.50	
1603	LPH.D1 11059	Trần Thị	Hằng	02/05/95	Nữ	Huyện ý Yên		2	99.99. 00070	D380101	5.50	7.75	7.50	20.75	21.00	
1604	LPH.D1 11061	Đinh Thúy	Hiền	27/11/93	Nữ	Huyện Tân Lạc	01	1	99.99. 00087	D380107	4.75	6.25	7.50	18.50	18.50	
1605	LPH.D1 11063	Nguyễn Thị Kim	Hoa	14/02/95	Nữ	Huyện ý Yên		3	99.99. 00100	D110101	5.25	3.25	1.50	10.00	10.00	
1606	LPH.D1 11064	Nguyễn Thị Phương	Hoa	28/07/96	Nữ	Huyện Đan Phượng		2	99.99. 00207	D380101	4.50	3.50	7.50	15.50	15.50	
1607	LPH.D1 11065	Nguyễn Thanh	Hoa	07/11/95	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	99.99. 00147	D380101	7.00	5.50	7.00	19.50	19.50	
1608	LPH.D1 11066	Nhạc Thị Thanh	Hoa	06/06/95	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	99.99. 00096	D380101	0.00	3.25	1.00	4.25	4.50	
1609	LPH.D1 11067	Phạm Thị	Hoa	02/01/94	Nữ			2NT	99.99. 00047	D380101	6.75	6.75	6.25	19.75	20.00	
1610	LPH.D1 11068	Vũ Phương	Hoa	13/02/95	Nữ	Quận Hoàng Mai		3	99.99. 00125	D380107	6.75	5.75	7.00	19.50	19.50	
1611	LPH.D1 11069	Vũ Thị	Hoài	02/07/96	Nữ			2NT	99.99. 00006	D110101	6.75	6.00	7.00	19.75	20.00	
1612	LPH.D1 11070	Nguyễn Minh	Hoàng	25/10/96		Quận Hoàn Kiếm		3	99.99. 00136	D380101	7.25	9.00	5.75	22.00	22.00	
1613	LPH.D1 11071	Vương Huy	Hoàng	04/06/96		Quận Hai Bà Trưng		3	99.99. 00212	D380101	6.00	6.00	3.25	15.25	15.50	
1614	LPH.D1 11072	Đoàn Thị ánh	Hồng	26/04/96	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	99.99. 00208	D380107	5.75	8.00	7.50	21.25	21.50	
1615	LPH.D1 11073	Nguyễn Thị	Huế	15/08/94	Nữ			2	99.99. 00237	D380101	0.00	4.00	3.50	7.50	7.50	
1616	LPH.D1 11074	Nguyễn Thị	Huế	18/06/93	Nữ	Huyện Phù Cừ		2NT	99.99. 00215	D380101	5.50	3.75	6.50	15.75	16.00	
1617	LPH.D1 11075	Trần Thị	Huê	16/09/95	Nữ	Huyện Yên Phong		2NT	99.99. 00135	D380107	5.00	5.25	3.00	13.25	13.50	
1618	LPH.D1 11077	Phạm Thu	Huyền	29/03/95	Nữ	Huyện ý Yên		2NT	99.99. 00084	D110101	3.50	2.00	6.50	12.00	12.00	
1619	LPH.D1 11078	Trần Thị Thanh	Huyền	15/11/95	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	99.99. 00193	D110101	6.25	7.00	7.00	20.25	20.50	
1620	LPH.D1 11079	Phạm Văn	Huy	01/06/93		Huyện Yên Mô		1	99.99. 00031	D380107	4.50	2.00	6.00	12.50	12.50	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1621	LPH.D1 11081	Phạm Tuấn	Hưng	19/12/95		Thành phố Nam Định		2	99.99. 00110	D380101	7.75	3.75	7.50	19.00	19.00	
1622	LPH.D1 11082	Đỗ Thanh	Hương	02/12/95	Nữ	Thành phố Cẩm Phả		2	99.99. 00020	D380107	3.75	3.50	7.00	14.25	14.50	
1623	LPH.D1 11084	Trần Thị	Hường	03/06/92	Nữ	Huyện Ân Thi	06	2NT	99.99. 00012	D380101	2.25	2.50	7.00	11.75	12.00	
1624	LPH.D1 11086	Lương Thị	Khoa	01/08/95	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	99.99. 00034	D110101	2.75	3.50	1.50	7.75	8.00	
1625	LPH.D1 11087	Phạm Bá	Khôi	17/05/95		Quận Đống Đa		3	99.99. 00174	D110101	7.00	8.75	4.75	20.50	20.50	
1626	LPH.D1 11088	Trần Thị Hải	Khuyên	20/04/95	Nữ	Thành phố Nam Định		2	99.99. 00095	D380101	4.75	3.00	6.75	14.50	14.50	
1627	LPH.D1 11089	Lê Huy	Khương	21/11/95		Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00153	D380101	5.75	6.75	6.50	19.00	19.00	
1628	LPH.D1 11090	Trịnh Phong	Lan	15/09/95	Nữ	Huyện Gia Lâm		2	99.99. 00194	D380107	6.75	5.25	7.00	19.00	19.00	
1629	LPH.D1 11091	Trần Tùng	Lâm	06/03/95		Huyện Văn Giang		2NT	99.99. 00218	D380101	1.50	2.75	1.50	5.75	6.00	
1630	LPH.D1 11093	Đặng Thị Ngọc	Linh	03/06/94	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00246	D380101	2.75	7.00	6.00	15.75	16.00	
1631	LPH.D1 11094	Đoàn Thị Nhật	Linh	07/11/95	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	99.99. 00198	D110101	2.25	2.75	.	5.00	5.00	
1632	LPH.D1 11095	Đỗ Trúc	Linh	30/04/95	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00249	D380101	2.25	3.75	4.00	10.00	10.00	
1633	LPH.D1 11096	Lưu Mỹ	Linh	06/01/95	Nữ	Huyện Từ Liêm		3	99.99. 00030	D380101	7.75	8.25	6.00	22.00	22.00	
1634	LPH.D1 11098	Nguyễn Mỹ	Linh	02/01/95	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.99. 00025	D110101	6.75	6.50	7.00	20.25	20.50	
1635	LPH.D1 11099	Nguyễn Mỹ	Linh	05/08/95	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	99.99. 00138	D380101	5.25	5.75	6.75	17.75	18.00	
1636	LPH.D1 11100	Nguyễn Ngọc	Linh	10/11/95	Nữ	Quận Cầu Giấy		3	99.99. 00041	D380101	6.25	6.50	5.00	17.75	18.00	
1637	LPH.D1 11102	Nguyễn Thùy	Linh	27/09/94	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	99.99. 00197	D380101	5.75	8.50	7.75	22.00	22.00	
1638	LPH.D1 11103	Nguyễn Thùy	Linh	28/04/95	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00178	D380107	2.00	2.50	6.00	10.50	10.50	
1639	LPH.D1 11104	Phạm Thị Diệu	Linh	19/10/95	Nữ	Huyện Tiên Du		2NT	99.99. 00039	D380101	7.25	4.25	6.75	18.25	18.50	
1640	LPH.D1 11106	Trần Thùy	Linh	14/10/95	Nữ	Huyện Thủy Nguyên		3	99.99. 00114	D380107	7.00	5.75	7.75	20.50	20.50	
1641	LPH.D1 11107	Trần Thùy	Linh	26/04/95	Nữ			2	99.99. 00113	D380101	7.00	4.00	5.75	16.75	17.00	
1642	LPH.D1 11108	Nguyễn Thị Như	Luyến	23/11/95	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2	99.99. 00134	D380101	5.50	3.75	6.50	15.75	16.00	
1643	LPH.D1 11109	Lê Thị Thảo	Ly	11/09/95	Nữ	Huyện Chương Mỹ		3	99.99. 00199	D380101	6.25	5.25	8.50	20.00	20.00	
1644	LPH.D1 11110	Nguyễn Thị	Ly	10/04/95	Nữ	Huyện Thường Tín		2	99.99. 00216	D380101	2.75	4.00	6.50	13.25	13.50	
1645	LPH.D1 11111	Chu Thị Phương	Mai	04/09/96	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	99.99. 00053	D380101	0.75	6.00	7.00	13.75	14.00	
1646	LPH.D1 11112	Đỗ Quỳnh	Mai	03/03/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00065	D380101	6.75	7.00	5.75	19.50	19.50	
1647	LPH.D1 11113	Đỗ Thị Hoa	Mai	13/05/95	Nữ	Huyện Đông Anh		2	99.99. 00052	D380101	5.25	4.00	7.50	16.75	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1648	LPH.D1 11115	Trần Thị Ngọc	Mai	20/10/95	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	99.99. 00081	D380107	6.25	4.00	8.00	18.25	18.50	
1649	LPH.D1 11117	Bùi Thị	Mến	15/05/95	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	99.99. 00104	D380107	6.25	5.25	7.50	19.00	19.00	
1650	LPH.D1 11118	Phạm Hồng	Minh	18/08/94		Quận Lê Chân		3	99.99. 00225	D380101	6.75	5.75	5.75	18.25	18.50	
1651	LPH.D1 11119	Trần Nhật	Minh	03/12/95		Quận Ba Đình		3	99.99. 00002	D380101	4.75	7.00	3.00	14.75	15.00	
1652	LPH.D1 11120	Đỗ Thị Trà	My	07/03/96	Nữ	Huyện Thường Tín		2	99.99. 00064		6.25	6.75	7.75	20.75	21.00	
1653	LPH.D1 11121	Hoàng Thị Hàn	My	19/11/94	Nữ	Huyện Xuân Trường		2NT	99.99. 00248	D380101	6.25	6.00	6.50	18.75	19.00	
1654	LPH.D1 11122	Nguyễn Trà	My	27/01/95	Nữ	Quận Lê Chân		3	99.99. 00057	D380101	6.75	4.75	7.75	19.25	19.50	
1655	LPH.D1 11123	Trần Thị Trà	My	31/12/95	Nữ			2NT	99.99. 00079	D380101	6.75	2.75	.	9.50	9.50	
1656	LPH.D1 11125	Lương Thị Phương	Nga	22/08/96	Nữ	Huyện Việt Yên		2NT	99.99. 00181	D380101	6.75	5.75	7.50	20.00	20.00	
1657	LPH.D1 11128	Nguyễn Thị	Nga	09/06/95	Nữ	Huyện Hậu Lộc		2NT	99.99. 00152	D380101	5.00	4.75	7.75	17.50	17.50	
1658	LPH.D1 11129	Nguyễn Thị	Nga	13/07/95	Nữ		06	2NT	99.99. 00172	D380107	4.25	3.75	5.50	13.50	13.50	
1659	LPH.D1 11130	Phạm Quỳnh	Nga	28/09/95	Nữ	Thị xã Tam Điệp		1	99.99. 00080	D380101	5.00	4.25	6.50	15.75	16.00	
1660	LPH.D1 11133	Nguyễn Thị	Ngân	25/09/95	Nữ	Huyện Lâm Hà		1	99.99. 00090	D220201	4.75	5.00	8.50	18.25	18.50	
1661	LPH.D1 11134	Nông Thị	Ngoan	22/10/95	Nữ	Huyện Tràng Định	01	1	99.99. 00046		1.50	3.25	7.75	12.50	12.50	
1662	LPH.D1 11135	Lương Hồng	Ngọc	18/07/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00133	D110101	1.25	1.75	6.00	9.00	9.00	
1663	LPH.D1 11136	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	21/06/95	Nữ	Huyện Yên Thành		2NT	99.99. 00139	D380101	5.75	3.50	5.50	14.75	15.00	
1664	LPH.D1 11137	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/09/95	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	99.99. 00259	D380101	1.25	3.00	5.50	9.75	10.00	
1665	LPH.D1 11138	Hoàng Thị	Nguyệt	17/01/95	Nữ	Huyện Văn Lâm		2NT	99.99. 00099	D110101	3.50	5.75	5.50	14.75	15.00	
1666	LPH.D1 11139	Nguyễn Quang	Nhật	02/08/94		Huyện Yên Mỹ		2NT	99.99. 00101	D380101	6.25	1.75	5.00	13.00	13.00	
1667	LPH.D1 11141	Hoàng Kiều	Nhung	04/09/94	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	99.99. 00167	D380101	2.25	3.25	5.75	11.25	11.50	
1668	LPH.D1 11142	Ngô Thị	Nhung	25/04/93	Nữ	Huyện Hải Hậu		2NT	99.99. 00211	D380107	5.25	3.25	3.75	12.25	12.50	
1669	LPH.D1 11143	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/12/95	Nữ			2NT	99.99. 00092	D380107	7.25	5.00	5.00	17.25	17.50	
1670	LPH.D1 11144	Nguyễn Phương	Nhung	02/02/95	Nữ	Thành phố Yên Bái		2	99.99. 00245	D380107	3.75	4.50	7.00	15.25	15.50	
1671	LPH.D1 11145	Nguyễn Hồng	Nhung	30/10/94	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.99. 00239	D380101	5.75	5.50	6.00	17.25	17.50	
1672	LPH.D1 11146	Lê Thị	Oanh	13/06/95	Nữ	Huyện Hoài Đức		2	99.99. 00075	D380107	6.75	7.25	6.00	20.00	20.00	
1673	LPH.D1 11148	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	11/02/95	Nữ	Thị Xã Hoàng Mai		2NT	99.99. 00106	D110101	5.75	6.75	5.00	17.50	17.50	
1674	LPH.D1 11149	Nguyễn Thị	Oanh	19/07/95	Nữ	Huyện Thường Tín		2	99.99. 00157	D380101	4.75	4.25	7.75	16.75	17.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1675	LPH.D1 11150	Nguyễn Thị	Phong	14/10/95	Nữ	Quận Hà Đông		3	99.99. 00067	D110101	6.00	4.25	6.25	16.50	16.50	
1676	LPH.D1 11153	Bùi Thị Lan	Phương	12/12/95	Nữ	Huyện Mộc Châu		1	99.99. 00022	D380101	6.25	4.25	6.00	16.50	16.50	
1677	LPH.D1 11154	Đinh Thị Minh	Phương	14/03/95	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	99.99. 00004	D380101	6.25	5.75	6.50	18.50	18.50	
1678	LPH.D1 11155	Đỗ Thị Hà	Phương	20/04/96	Nữ	Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00241	D380101	7.75	8.00	6.00	21.75	22.00	
1679	LPH.D1 11156	Hà Thu	Phương	20/08/95	Nữ	Huyện Bắc Sơn		1	99.99. 00010	D380101	0.50	2.00	5.00	7.50	7.50	
1680	LPH.D1 11157	Lê Hà	Phương	23/02/95	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	99.99. 00068	D380101	7.25	3.75	8.00	19.00	19.00	
1681	LPH.D1 11158	Nguyễn Hà	Phương	15/06/95	Nữ	Huyện Tam Nông		2	99.99. 00126	D380101	7.25	4.25	7.50	19.00	19.00	
1682	LPH.D1 11160	Phạm Thị Minh	Phương	15/03/96	Nữ	Huyện Tân Yên		2	99.99. 00222	D380107	7.25	5.00	8.50	20.75	21.00	
1683	LPH.D1 11163	Phạm Hoàng Minh	Quân	13/11/96		Quận Ba Đình		3	99.99. 00007	D380101	6.00	4.25	2.00	12.25	12.50	
1684	LPH.D1 11164	Vũ Thị	Quốc	22/07/95	Nữ	Huyện Yên Mô		1	99.99. 00071	D380107	6.50	5.00	7.50	19.00	19.00	
1685	LPH.D1 11165	Cao Thị	Quỳnh	13/12/94	Nữ			2NT	99.99. 00127	D110101	7.00	7.25	6.75	21.00	21.00	
1686	LPH.D1 11166	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	11/07/95	Nữ	Quận Hoàn Kiếm		3	99.99. 00044	D380101	3.75	5.00	7.00	15.75	16.00	
1687	LPH.D1 11167	Nguyễn Hoàng	Sâm	14/09/94		Huyện Lạng Giang		1	99.99. 00015	D380107	6.75	3.00	6.00	15.75	16.00	
1688	LPH.D1 11168	Nông Ngọc	Sơn	09/02/94		Huyện Chi Lăng	06	1	99.99. 00214	D380107	3.75	2.75	6.50	13.00	13.00	
1689	LPH.D1 11171	Nguyễn Ngọc	Thanh	24/11/95		Huyện Thạch Thất		2	99.99. 00024	D380107	2.25	6.75	3.00	12.00	12.00	
1690	LPH.D1 11172	Nguyễn Thành	Thái	25/03/91		Huyện Mê Linh		2	99.99. 00221		1.75	2.75	3.50	8.00	8.00	
1691	LPH.D1 11173	Phạm Kim	Thành	03/09/94		Quận Thanh Xuân		3	99.99. 00132	D380107	6.25	6.75	4.00	17.00	17.00	
1692	LPH.D1 11175	Nguyễn Phương	Thảo	15/08/95	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.99. 00162	D380101	6.50	3.75	7.00	17.25	17.50	
1693	LPH.D1 11178	Trần Lý Thạch	Thảo	25/12/95	Nữ	Quận Cầu Giấy	06	3	99.99. 00103	D380101	7.00	7.75	8.50	23.25	23.50	
1694	LPH.D1 11179	Trần Thị Minh	Thắm	31/12/94	Nữ	Huyện Thanh Chương		1	99.99. 00014	D380107	2.50	2.75	6.00	11.25	11.50	
1695	LPH.D1 11180	Vũ Thị Hồng	Thắm	07/11/95	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	99.99. 00026	D380101	6.25	3.75	7.00	17.00	17.00	
1696	LPH.D1 11181	Trần Đại	Thịnh	16/10/96		Thành phố Cao Bằng	06	1	99.99. 00262	D380101	5.50	7.00	7.00	19.50	19.50	
1697	LPH.D1 11182	Lý Thị Kim	Thoan	30/03/95	Nữ	Huyện Văn Giang		2NT	99.99. 00091	D380101	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	
1698	LPH.D1 11184	Lê Minh	Thu	07/07/95	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00142	D380101	6.25	7.50	6.50	20.25	20.50	
1699	LPH.D1 11186	Trần Thị	Thu	16/09/95	Nữ	Quận Hà Đông		2	99.99. 00005	D380107	2.50	4.25	4.00	10.75	11.00	
1700	LPH.D1 11187	Đặng Thị	Thúy	03/01/95	Nữ	Huyện Nam Trực		3	99.99. 00038	D380101	6.00	4.50	6.50	17.00	17.00	
1701	LPH.D1 11188	Lại Thị Phương	Thúy	29/01/95	Nữ	Thành phố Uông Bí		2	99.99. 00238	D380101	6.00	3.25	4.50	13.75	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1702	LPH.D1 11189	Lưu Bảo	Thúy	31/01/95	Nữ	Quận Long Biên		3	99.99. 00250	D380101	6.00	3.75	3.50	13.25	13.50	
1703	LPH.D1 11191	Vũ Minh	Thúy	10/09/95	Nữ	Huyện ứng Hoà		2	99.99. 00073	D380107	6.25	5.25	6.00	17.50	17.50	
1704	LPH.D1 11193	Hoàng Thị Thu	Thủy	27/08/95	Nữ	Huyện Đô Lương		2NT	99.99. 00076	D380101	2.25	3.25	.	5.50	5.50	
1705	LPH.D1 11196	Đình Thị	Thư	25/09/95	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	99.99. 00029	D380107	6.50	5.00	7.50	19.00	19.00	
1706	LPH.D1 11197	Ngô Thủy	Tiên	14/01/96	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	99.99. 00253	D380101	6.00	6.75	5.00	17.75	18.00	
1707	LPH.D1 11198	Nguyễn Quốc	Toàn	18/10/95		Huyện Thanh Trì		3	99.99. 00168	D110101	2.25	2.50	3.00	7.75	8.00	
1708	LPH.D1 11200	Bùi Thu	Trang	12/10/96	Nữ	Thành phố Bắc Ninh		2	99.99. 00019	D380101	0.00	2.25	.	2.25	2.50	
1709	LPH.D1 11201	Dương Thu	Trang	26/07/95	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.99. 00040	D380101	6.00	6.75	3.00	15.75	16.00	
1710	LPH.D1 11205	Nguyễn Thị	Trang	19/10/95	Nữ	Huyện Thường Tín		2	99.99. 00145	D380101	5.00	3.75	6.75	15.50	15.50	
1711	LPH.D1 11206	Trần Huyền	Trang	24/10/95	Nữ			2	99.99. 00121	D110101	5.75	4.50	7.50	17.75	18.00	
1712	LPH.D1 11207	Lê Hương	Trà	08/10/96	Nữ	Quận Ba Đình		3	99.99. 00063	D380107	7.25	6.25	7.50	21.00	21.00	
1713	LPH.D1 11209	Lê Thị Ngọc	Trâm	17/03/95	Nữ	Thành phố Kon Tum		1	99.99. 00013	D110101	5.50	5.75	6.75	18.00	18.00	
1714	LPH.D1 11210	Kiều Đức	Trung	23/10/95		Thành phố Việt Trì		2	99.99. 00196	D380101	6.00	8.00	8.75	22.75	23.00	
1715	LPH.D1 11211	Nguyễn Đức	Trung	08/04/95		Quận Long Biên		3	99.99. 00051	D220201	5.25	5.00	5.50	15.75	16.00	
1716	LPH.D1 11212	Vũ Đình	Truyền	12/04/80		Huyện Sông Lô	03	2	99.99. 00179	D380101	5.75	3.75	6.00	15.50	15.50	
1717	LPH.D1 11214	Phạm Kim	Tuyến	05/04/95	Nữ	Huyện Đông Anh		3	99.99. 00183	D380107	5.75	7.00	7.00	19.75	20.00	
1718	LPH.D1 11215	Trần Thị	Tuyến	12/03/95	Nữ	Huyện Lục Ngạn		1	99.99. 00164	D380101	2.75	2.50	6.00	11.25	11.50	
1719	LPH.D1 11216	Lưu Văn	Tú	29/01/96		Huyện Thanh Oai		2	99.99. 00083	D380101	1.75	4.50	5.50	11.75	12.00	
1720	LPH.D1 11217	Nguyễn Đình	Tú	05/11/95		Huyện Giao Thủy		2NT	99.99. 00048	D380101	6.50	3.25	6.50	16.25	16.50	
1721	LPH.D1 11218	Đặng Khoa	Tùng	26/10/95		Quận Đống Đa		3	99.99. 00097	D380101	6.50	6.25	4.75	17.50	17.50	
1722	LPH.D1 11219	Hoàng Thanh	Tùng	27/07/96		Quận Long Biên		2	99.99. 00209	D380101	4.75	4.00	7.00	15.75	16.00	
1723	LPH.D1 11222	Phạm Tiến	Tùng	18/10/95		Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00088	D380101	6.00	4.25	6.50	16.75	17.00	
1724	LPH.D1 11223	Chu Thị Thúy	Vân	14/06/95	Nữ	Thành phố Hưng Yên		2	99.99. 00190	D110101	6.75	6.50	7.50	20.75	21.00	
1725	LPH.D1 11226	Nguyễn Thị Hà	Vân	19/04/95	Nữ	Thành phố Hạ Long		2	99.99. 00129	D380101	4.50	4.25	8.00	16.75	17.00	
1726	LPH.D1 11227	Phạm Thanh	Vân	02/08/93	Nữ	Thị xã Từ Sơn		2	99.99. 00059	D380101	6.00	3.75	7.00	16.75	17.00	
1727	LPH.D1 11228	Trần Thị Hải	Vân	22/09/95	Nữ			2	99.99. 00184	D380107	6.25	4.75	7.25	18.25	18.50	
1728	LPH.D1 11229	Vũ Thị Thúy	Vân	08/08/95	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	99.99. 00254	D380101	3.75	3.75	6.25	13.75	14.00	

Đăng ký dự thi

LPH D1 Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	G. chú
1729	LPH.D1 11230	Vũ Quốc	Văn	23/06/96		Quận Đống Đa		3	99.99. 00109	D380101	1.25	2.50	5.50	9.25	9.50	
1730	LPH.D1 11231	Dương Thị Tường	Vi	11/10/95	Nữ	Huyện Mỹ Hào		2NT	99.99. 00170	D380101	6.00	6.50	7.50	20.00	20.00	
1731	LPH.D1 11233	Nguyễn Tống Quang	Vinh	18/09/95		Huyện Mỹ Lộc	06	3	99.99. 00213	D380107	2.25	3.75	4.00	10.00	10.00	
1732	LPH.D1 11234	Aida Adel	Yassin	17/03/95	Nữ	Quận Đống Đa		3	99.99. 00045	D110101	5.50	7.75	7.75	21.00	21.00	
1733	LPH.D1 11235	Bùi Thu	Yến	06/11/96	Nữ			2NT	99.99. 00226	D380107	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	

CỘNG TRƯỞNG LPHD1 : 1733 THÍ SINH

NGÀY THÁNG NĂM 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH